



VIỆN NGHIÊN CỨU PHẬT HỌC VIỆT NAM
TRUNG TÂM NGHIÊN CỨU PHẬT HỌC HÁN TRUYỀN

TỪNG THƯ NGHIÊN CỨU PHẬT HỌC

CỐT LỖI Kinh Tạp A-hàm

Soạn giả: THÍCH HẠNH BÌNH

NHÀ XUẤT BẢN PHƯƠNG ĐÔNG

NHỮNG VẤN ĐỀ CỐT LỖI
trong Kinh TẠp A-hàm

VIỆN NGHIÊN CỨU PHẬT HỌC VIỆT NAM
TRUNG TÂM NGHIÊN CỨU PHẬT HỌC HÁN TRUYỀN

TỪNG THƯ NGHIÊN CỨU PHẬT HỌC

NHỮNG VẤN ĐỀ CỐT LÕI trong Kinh Tạp A-hàm

Biên soạn: THÍCH HẠNH BÌNH

NHÀ XUẤT BẢN HỒNG ĐỨC

MỤC LỤC

LỜI TỰA.....	19
NỘI DUNG.....	23
1. Đức Phật.....	23
2. Mục đích Phật ra đời là cứu chúng sinh và phương pháp cứu độ.....	24
3. Đức Phật là bậc Đại y vương.....	29
4. Như Lai chỉ là người dẫn đường.....	30
5. Thế nào gọi là Phật.....	32
6. Mười hiệu.....	34
7. Thế Tôn bị bệnh.....	35
8. Thế Tôn bị mạ lỵ.....	36
9. Ba minh.....	37
10. Sự dị biệt giữa Phật và ngoại đạo về 3 minh.....	39
11. Tình cảm các Tỷ-kheo, cư sĩ đối với Phật.....	40

12. 4 thánh quả.....	42
13. Pháp hữu lậu và vô lậu.....	45
14. Thế nào là nhập lưu.....	48
15. A-la-hán.....	52
16. A-la-hán và vấn đề lậu hoặc.....	53
17. A-la-hán sau khi thân hoại mạng chung không còn gì.....	53
18. Sự dị biệt giữa A-la-hán và Như Lai.....	55
19. Kẻ sát nhân Ương Cù Lợi Ma La vẫn chứng A-la-hán.....	57
20. 1.000 vị A-la-hán.....	59
21. Thân bệnh khổ mà tâm không bệnh khổ.....	60
22. Thế nào gọi là Niết-bàn.....	61
23. Hiện tại Niết-bàn.....	62
24. Con đường hướng đến Niết-bàn.....	63
25. Các loại Niết-bàn.....	64
26. Đáo bỉ ngạn.....	65
27. Mục đích giáo dục của đức Phật là chấm dứt khổ đau.....	68
28. Con rùa mù với bọng cây.....	70

29. Lối Phật dạy là chân lý của thế gian.....	71
30. Nhân duyên là học thuyết của Đức Phật.....	73
31. Chư Phật 3 đời đều giác ngộ giáo lý duyên khởi.....	75
32. Pháp duyên sinh là chân lý của thế gian.....	76
33. Rống tiếng rống sư tử biểu thị Phật nói pháp duyên khởi.....	77
34. Giải thích 12 duyên sinh.....	77
35. Quán duyên sinh và duyên diệt.....	80
36. Sự khác biệt giữa pháp nhân duyên và duyên sinh.....	83
37. 37 phẩm trợ đạo.....	84
38. Tứ niệm xứ.....	84
39. Tứ chánh cần.....	87
40. Ngũ căn.....	88
41. Ngũ lực.....	88
42. Thập lực.....	89
43. Thất giác chi.....	92
44. Bát chánh đạo.....	92
45. Tam vô lậu học.....	95

46. Tứ nhiếp pháp.....	97
47. 4 thực.....	98
48. Tứ Đế.....	101
49. 12 xứ.....	108
50. 18 giới.....	110
51. Quá trình hình thành những nỗi khổ.....	111
52. Nuơng tựa chính mình.....	116
53. Nhân quả.....	118
54. Sanh tử luân hồi.....	120
55. Diệt tận định.....	120
56. Chánh quán.....	122
57. Tu tập chỉ và quán.....	125
58. Quán bất tịnh.....	126
59. Sự sai lầm việc tu tập quán bất tịnh.....	127
60. Chánh Tư duy.....	129
61. Tu tập pháp môn hơi thở ra vô.....	131
62. Vô Thường.....	132
63. Phi Ngã.....	136
64. Có sanh thì có tử.....	138

65. Lời Phật dạy cứu thiếu phụ khỏi chết.....	140
66. Mối quan hệ giữa danh, sắc và thức.....	143
67. Thức thường hay vô thường.....	145
68. Nếu vô ngã thì ai là người tạo nhân và thọ quả?.....	146
69. Ni Kiền Tử và đức Phật tranh luận về vấn đề vô ngã.....	147
70. Hữu ngã.....	148
71. Có và không (Trung đạo).....	149
72. Giới luật.....	150
73. Mục đích của sự chế giới.....	153
74. 8 điều bất chánh khi Tỷ-kheo bị cử tội.....	155
75. Nguyên tắc cử tội.....	157
76. Dấu vết pháp và luật của hiền thánh.....	165
77. Ngũ giới.....	166
78. Kết quả việc giữ 5 giới và không giữ 5 giới.....	168
79. Tại sao phải giữ 5 giới?.....	171
80. Lời đồn về các Tỷ-kheo cất chứa vàng bạc.....	172
81. Ngoại đạo muốn xuất gia phải trải qua 4 tháng tập sự.....	175

82. Luật nghi và phi luật nghi.....	176
83. Tự tứ.....	178
84. Tâm Tỷ-kheo khi vào nhà cư sĩ.....	181
85. Vấn đề giáo giới Tỷ-kheo-ni.....	183
86. Mối quan hệ giữa oai nghi và giải thoát.....	184
87. Phật chỉ tán thán Tỷ-kheo ở nơi thanh vắng.....	185
88. Không chấp trước hình tướng bên ngoài.....	188
89. Vấn đề phó chúc.....	189
90. Tôn giả Ca Diếp.....	192
91. Tôn giả Xá Lợi Phất.....	203
92. Tôn giả A Nan.....	212
93. Tu Bạt Đà La là người được Thế Tôn giáo hóa cuối cùng.....	215
94. Những biệt tài của các đại đệ tử Phật.....	217
95. Thế nào gọi là Đa văn?.....	219
96. Thế nào gọi là Pháp sư?.....	220
97. Thế nào gọi là Tỷ-kheo?.....	220
98. Tiêu chuẩn cho Tỷ-kheo khi hoằng pháp.....	222
99. 4 chúng.....	223

100. Sa môn.....	223
101. Mục đích của việc xuất gia.....	224
102. Cần phải từ bỏ pháp không phải của Tỷ-kheo.....	226
103. Xuất gia sống nơi vắng vẻ.....	227
104. Nguyên tắc sống cho người xuất gia.....	228
105. 8 Đức tánh tốt của Tỷ-kheo.....	229
106. Tỷ-kheo đối với người nữ.....	230
107. Tỷ-kheo bị bò húc chết.....	231
108. Tỷ-kheo Đề-xá không muốn tu tập trong Phật pháp.....	232
109. Tỷ-kheo ác tâm.....	232
110. Tỷ-kheo-ni.....	234
111. Tỷ-kheo-ni lửa thê gọi dục A Nan.....	235
112. Hương bay ngược gió.....	237
113. Bốn hạng người.....	238
114. 3 hạng người con.....	241
115. Trưởng giả Cấp-cô-độc.....	242
116. Vua Ba Tư Nặc.....	246

117. Nhà vua A Dục.....	247
118. Bảy báu của chuyển luân thánh vương.....	270
119. Ưu bà tắc gương mẫu.....	271
120. Cư sĩ chỉ chứng A-na-hàm.....	276
121. Đề Bà Đạt Đa.....	276
122. Tội ngũ nghịch.....	278
123. Thân thích với đức Phật.....	279
124. Sự kiện phá hoại Phật pháp sau khi Phật nhập diệt 1.000 năm.....	281
125. Thế nào gọi là vô minh?.....	284
126. Thế nào gọi là minh?.....	287
127. Vai trò của chánh kiến.....	289
128. Lấy trí tuệ phân biệt giữa người có tu và không tu tập.....	292
129. Sự nguy hiểm của chấp thủ, chấp trước.....	293
130. Sự khác biệt giữa người trí và kẻ ngu.....	297
131. 5 dục được ví như hầm lửa.....	298
132. Chính tham dục trói buộc con người, không phải vật chất.....	300
133. Thúc thân.....	302

134. Sự hòa hợp của 3 pháp.....	303
135. 3 cảm thọ.....	305
136. Kẻ trí và người ngu.....	310
137. Chánh và tà là.....	311
138. Pháp bất thiện.....	312
139. Pháp thiện.....	312
140. Sự khác biệt giữa pháp thiện và thiện căn; bất thiện và bất thiện căn.....	313
141. Thế nào là người thiện và bất thiện.....	314
142. Sự nguy hiểm của người làm ác.....	316
143. Thiện xảo về sắc.....	317
144. Lời Phật dạy ít như lá cây trong rừng.....	317
145. 14 vấn đề siêu hình.....	318
146. Ngoại đạo: Tại sao Thế Tôn không trả lời những vấn đề siêu hình?.....	320
147. Mục Kiên Liên và Ca Diếp giải thích lý do tại sao Phật không trả lời vấn đề siêu hình.....	320
148. Lý do tại sao đức Phật không giải thích những vấn đề siêu hình.....	326
149. Tỷ-kheo không nên bàn luận những việc không liên quan đến phạm hạnh.....	327

150. Pháp Phật có khuynh hướng giải thoát.....	330
151. Ngoại đạo: Duy vật luận Ajita.....	331
152. Ngoại đạo: Vô nhân vô duyên.....	332
153. Ngoại đạo: Pakudha-Kaccayana.....	332
154. Ngoại đạo: Purana (Phủ định đạo đức).....	333
155. Ngoại đạo: Gosala (Định Mệnh?).....	334
156. Ngoại đạo: Sanjaya (phái hoài nghi).....	335
157. Đức Phật phê phán hai cực đoan: hưởng lạc và khổ hạnh.....	336
158. Ma Ba Tuần tìm cách hại Phật.....	341
159. Thế Tôn không chủ trương đoạn diệt.....	342
160. Mục đích xuất gia của Ngoại đạo.....	342
161. Ngoại đạo trà trộn trong tăng đoàn.....	343
162. Quan điểm của đức Phật về việc xem tướng, thiên văn.....	346
163. Phê phán Tỷ-kheo sống bằng nghề xem tướng, tà mạng.....	348
164. Quan điểm của đức Phật về vấn đề tế lễ.....	349
165. Người đã chết có hưởng được vật cúng không?.....	353
166. Đức Phật không bàn chuyện chết.....	356

167. Tam bảo.....	356
168. Niệm Phật, pháp, tăng, giới, thí và thiên.....	357
169. 4 bất hoại tịnh.....	361
170. 5 điều lỗi lầm của niềm tin mù quáng.....	366
171. Tin ta mà không hiểu ta là hủy báng ta.....	368
172. Các cõi trời.....	368
173. Các cõi trời và A tu la.....	369
174. Chư Thiên.....	370
175. Sự khác biệt giữa tuổi thọ ở cõi trời và nhân gian.....	371
176. Thuyết Phạm Thiên.....	372
177. Phật chủ trương bình đẳng đối với 4 giai cấp.....	372
178. Đạo đức không dựa vào tuổi tác hay địa vị để đánh giá.....	377
179. Trí tuệ là cái quyết định giải thoát không phải giữ giới.....	379
180. Im lặng như chánh pháp.....	380
181. Nên nói và không nên nói.....	382
182. Tùy căn cơ nói pháp.....	382
183. Điều ngự hay 3 phương pháp giáo dục của Phật.....	384

184. Tỷ-kheo nào đáng cúng dường.....	386
185. Nhận vật bố thí và sự nguy hiểm của nó.....	389
186. Bố thí không phải là nguyên nhân đưa đến nghèo khổ.....	394
187. Cho mà người không nhận thì vật đó trở lại về mình.....	396
188. 4 nguyên nhân làm cho đời sống con người nghèo khổ.....	397
189. Tỷ-kheo cúng dường cho cha mẹ là đúng pháp...398	
190. 4 pháp làm cho người tại gia lợi ích và an lạc ngay ở hiện tại và đời sau.....	399
191. Tu là người lợi ngược dòng đời.....	402
192. Lợi ích của việc gần gũi người có tu tập.....	403
193. Việc sai làm đều có thể sửa đổi.....	404
194. Tu là sự biết phân biệt giữa sai và đúng.....	405
195. Tu tập như lên dây đàn.....	405
196. Hộ trì các căn.....	406
197. Cách chần trâu.....	409
198. Lấy không hận diệt hận thù.....	412
199. Không buông lung.....	413

200. Pháp Sám hối.....	413
201. Tu tập hay không tu tập được biểu thị khi Tỷ-kheo tiếp xúc với 6 trần có tham hay không?.....	414
202. Việc làm của người xuất gia và cư sĩ khác nhau.	415
203. Quan điểm về Tiền thân (Tục lễ Quán đảnh của vua).....	416
204. Phật giáo giải quyết những vấn đề xã hội.....	419
205. Phật nói pháp cho thương nhân.....	426
206. Thế nào gọi là chúng sanh.....	426
207. Đức Phật nói về chuyện thọ sanh.....	427
208. Mối quan hệ giữa Phú Lâu Na và Bồ tát Thường Bất Kinh.....	428
209. Có liên hệ đến “Kinh Tăng Nhất A-hàm”.....	430
210. Sự nguy hiểm của tợ pháp (giáo pháp giả mạo)..	431
211. Định nghĩa các danh từ Phật học.....	432
212. Thần thông.....	432
213. Thọ ký.....	440
214. Trụ vào chỗ thánh trụ.....	440
215. Tự lợi có nghĩa là lợi tha; Lợi tha cũng có nghĩa tự lợi.....	442

216. Vô vi.....	443
217. Phương pháp lý luận của đức Phật.....	443
218. Mẹ và con.....	447
219. Con ngựa tốt.....	448
220. Thế Tôn thăm và giảng dạy cho người bệnh....	450
221. Khất thực.....	452

LỜI TỰA

Nguồn tư liệu Hán dịch, Phật giáo Bắc truyền có 4 bộ A-hàm (Āgama) “Kinh Trường A-hàm” 《長阿含經》 “Kinh Trung A-hàm” 《中阿含經》 “Kinh Tập A-hàm” 《雜阿含經》 và “Kinh Tăng Nhất A-hàm” 《增一阿含經》, tương đương với Kinh điển Nam truyền là “Kinh Trường bộ” (Dīgha **Nikāya**), “Kinh Trung bộ” (Majjhima **Nikāya**), “Kinh Tương Ứng bộ” (Samyutta **Nikāya**), và “Kinh Tăng Chi bộ” (Anguttara **Nikāya**). Ngoài ra, Phật giáo Nam truyền còn có một bộ nữa là: “Kinh Tiểu Bộ” (Khuddaka nikāya), tương đương với nguồn tư liệu Hán dịch là “Kinh Bản Sanh” 《本生》 và “Bản Sự” 《本事》 với nội dung là những câu chuyện tiền thân của Phật Thích Ca Mâu Ni trong quá khứ. Thế nhưng, Phật giáo Bắc truyền không xếp hai kinh này vào bộ A-hàm, cho nên Phật giáo Bắc truyền chỉ có 4 bộ A-hàm, ngược lại Phật giáo Nam truyền có đến 5 bộ Nikāya (pannaca-nikāya). Lý do tại sao, đây là vấn đề khá thú vị cho người làm công việc nghiên cứu các bộ phái ở Ấn Độ.

Như chúng ta biết, bản Hán dịch “Kinh Tập A-hàm” là một trong 4 bộ A-hàm, do Ngài Cầu Na Bạt Đà La

(Guabhadra) dịch, chia làm 50 quyển, có tất cả là 1.362 kinh, được biên tập vào quyển thứ 2 của bộ “Đại Chính Tân Tu Đại Tạng Kinh”. Hòa Thượng Ấn Thuận (印順 1906~2005) căn cứ lời đề xuất của học giả Lữ Trung (呂澂) đã căn cứ tác phẩm “Du Già Sư Địa Luận” (《瑜伽師地論》) biên tập thành một bộ mới gọi là “Tập A-hàm Kinh Luận Hội biên” (《雜阿含經論會編》), 3 tập gồm 13.412 kinh. Ngoài bản dịch của Ngài Cầu Na Bạt Đà La còn một dịch bản khác nữa với tựa đề “Biệt dịch Tập A-hàm” 16 quyển, 364 kinh, không biết dịch giả ai.

Bản Hán dịch của Cầu Na Bạt Đà La, trước đây đã được Hòa thượng Thích Thiện Siêu và Hòa thượng Thích Thanh Từ dịch sang Việt văn, cũng đã được Viện Nghiên Cứu Phật Học Việt Nam ấn hành. Ngoài bản dịch Việt ngữ này còn có bản dịch của Thượng tọa Thích Đức Thắng với sự hiệu đính và chú thích của Thượng tọa Thích Tuệ Sỹ, hiện đã được Hội Văn hóa Giáo dục Linh Sơn Đài Bắc xuất bản, cũng được đăng tải trên trang Websites:www.quangduc.com. Có thể nói đây là bản dịch hoàn chỉnh, nhất là phần chú thích khá công phu của TT. Tuệ Sỹ, Ngài đã dày công so sánh và đối chiếu với bản Pāli, khiến người đọc rõ ràng hơn, đồng thời nó cũng giúp cho giới nghiên cứu, dễ dàng so đối chiếu giữa hai nguồn tư liệu khác nhau.

Tác phẩm “Những Vấn Đề Cốt Lõi Trong Kinh Tập A-hàm” mà độc giả đang cầm trên tay là những vấn đề then chốt được ghi lại trong kinh này, hay nói một cách

chính xác hơn là những sự kiện xảy ra từ khi đức Phật thành đạo cho đến khi kiết tập kinh này, thậm chí có những kinh với nội dung ghi lại những sự kiện xuất hiện rất muộn về sau, vào thời vua A Dục hoặc sau đó nhưng cũng được biên tập vào kinh này. Điều đó gợi ý cho chúng ta hiểu rằng, không phải bất cứ điều gì được ghi trong kinh, đều cho là Phật nói, Phật dạy.

Thật ra, tác phẩm này là bản ghi nhớ mang tính cá nhân, trong thời gian nghiên cứu các kinh điển A-hàm. Với mục đích vì để nắm rõ từng sự kiện lịch sử, nguồn gốc và sự phát sinh của nó như thế nào và nó có liên hệ gì trong quá trình diễn biến của lịch sử tư tưởng Phật giáo Ấn Độ. Theo tôi, bản ghi nhớ này đã giúp cho tôi khá nhiều trong lãnh vực tìm hiểu Phật giáo Ấn Độ, nó đã lý giải những hoài nghi của tôi trong suốt thời gian qua, đồng thời cũng chính nó là chìa khóa cho tôi khám phá một số vấn đề Phật học khá lý thú như tôi đã xuất bản cũng như chưa xuất bản.

Vì là bản ghi nhớ cho việc nghiên cứu của cá nhân, cho nên nội dung biên soạn của nó cũng mang tính cá nhân, do vậy không sao tránh khỏi sự khiếm khuyết, mong độc giả chỉ điểm, để lần tái bản hoàn chỉnh hơn. Ở đây, có một điều mà soạn giả muốn độc giả lưu ý, các chủ đề được in đậm trong tác phẩm này là những ý kiến riêng của soạn giả, phần còn lại tất cả là nội dung được trích dẫn từ “Kinh Tập A-hàm” do Thượng tọa Đức

Thăng dịch sang Việt ngữ, đăng tải trên trang Websites quangduc.com.

Tác phẩm này ra đời, vì mục đích giúp cho các Tăng, Ni sinh đang theo học các khoa Phật học, cũng như Phật tử có nhu cầu tìm hiểu Phật học khỏi mất thời gian tra cứu.

Đài Bắc, ngày 16/12/2006

Kính bút

Thích Hạnh Bình

NỘI DUNG

1. Đức Phật

(No. 53). Bấy giờ, chủ tụ lạc Bà-la-môn Đại Tánh nghe đồn rằng: “Sa-môn dòng họ Thích, ở nơi dòng họ lớn Thích-ca mà cạo bỏ râu tóc, mặc áo ca-sa, chánh tín xuất gia, học đạo, sống không gia đình, thành Bậc Vô Thượng Đẳng Chánh Giác, đang du hành trong nhân gian, đến ở trong rừng Thân-thứ, phía Bắc tụ lạc Tát-la thuộc nước Câu-tát-la này. Lại nữa, Sa-môn Cù-đàm này, tướng mạo danh xưng, công đức chân thật như vậy được cả trời và người ca tụng, tiếng đồn bay khắp tám phương; là Bậc Như Lai, Ứng Cúng, Đẳng Chánh Giác, Minh Hạnh Túc, Thiện Thệ, Thế Gian Giải, Vô Thượng Sĩ, Điều Ngự Trượng Phu, Thiên Nhân Sư, Phật, Thế Tôn. Ngài ở giữa các cõi, chư Thiên, Ma, Phạm, Sa-môn, Bà-la-môn, với trí tuệ rộng lớn có thể tự mình chứng biết rõ rằng: ‘Ta, sự sanh đã dứt, phạm hạnh đã lập, những điều cần làm đã làm xong, tự biết không còn tái sanh đời sau nữa’. Ngài vì đời nói pháp, khoảng đầu, khoảng giữa và khoảng cuối đều toàn thiện có nghĩa, có vị đều thiện, thuần nhất thanh tịnh, phạm hạnh thanh bạch, diễn nói

chánh pháp vi diệu. Lành thay, nên gặp! Lành thay nên đi đến! Lành thay, nên cung kính thừa sự!”¹

(No. 1087). Một thời Đức Phật ở trong vườn Trúc, khu Ca-lan-đà, tại nước Xá-vệ. Bấy giờ, vào ban đêm, Thế Tôn dậy đi kinh hành. Đến cuối đêm, rửa chân, vào phòng, nằm nghiêng bên phải, cột niệm vào tướng ánh sáng, chánh niệm, chánh trí, nghĩ tưởng đến thức².

2. Mục đích Phật ra đời là cứu chúng sinh và phương pháp cứu độ

(No. 346). “Có ba pháp mà thế gian không yêu thích, không nhớ nghĩ, không vừa ý. Những gì là ba? Đó là già, bệnh, chết. Thế gian nếu không có ba pháp không đáng yêu thích, không đáng nhớ nghĩ, không vừa ý này thì Như Lai, Ứng Cúng, Đẳng Chánh Giác không xuất hiện ở thế gian; thế gian cũng không biết có Chánh pháp luật được tri kiến và được tuyên thuyết bởi Như Lai, Ứng Cúng, Đẳng Chánh Giác. Vì thế gian có ba pháp già, bệnh, chết, không đáng yêu thích, không đáng nhớ nghĩ

1. Linh Sơn Pháp Bảo Đại Tạng Kinh Tập V, Bộ A Hàm V, Trung A Hàm Biệt Dịch & Kinh Tập A Hàm Số 1, Tập A Hàm Quyển 2 - Kinh 53: Phi Ngã, Hội Văn hóa Giáo dục Linh Sơn Đài Bắc - Taiwan, 2000, trang 587.

2. Linh Sơn Pháp Bảo Đại Tạng Kinh Tập VI, Bộ A Hàm VI, Kinh Tập A Hàm Số 2, Tập A Hàm Quyển 39, Kinh 1.087, Hội Văn hóa Giáo dục Linh Sơn Đài Bắc, Taiwan, 2000, trang 866.

và không vừa ý này, cho nên Như Lai, Ứng Cúng, Chánh Đẳng Chánh Giác mới xuất hiện ở thế gian; thế gian biết có Chánh pháp luật được tri kiến và được tuyên thuyết bởi Như Lai, Ứng Cúng, Đẳng Chánh Giác.

“Vì ba pháp chưa đoạn nên không thể thoát khỏi già, bệnh, chết. Ba pháp đó là tham, nhuê, si.

“Lại vì có ba pháp chưa đoạn nên không thể lìa tham, nhuê, si. Ba pháp đó là thân kiến, giới thủ, nghi.

“Lại vì có ba pháp chưa đoạn nên không thể lìa được thân kiến, giới thủ, nghi. Ba pháp đó là không chánh tư duy, thân cận tà đạo và tâm biếng nhác.

“Lại vì có ba pháp chưa đoạn nên không thể lìa được không chánh tư duy, thân cận tà đạo và tâm biếng nhác. Ba pháp đó là thất niệm, không chánh tri, loạn tâm.

“Lại vì có ba pháp chưa đoạn nên không thể lìa thất niệm, không chánh tri, loạn tâm. Ba pháp đó là dao động, không luật nghi, chẳng học giới.

“Lại vì có ba pháp chưa đoạn nên không thể lìa dao động, không luật nghi, chẳng học giới. Ba pháp đó là không tin, khó dạy, lười biếng.

“Lại vì có ba pháp chưa đoạn nên không thể lìa không tin, khó dạy, lười biếng. Ba pháp đó là không muốn thấy bậc Thánh, chẳng muốn nghe pháp, thường hay tìm điều dở của người.

“Lại vì có ba pháp chưa đoạn nên không thể xa lìa không muốn thấy bậc Thánh, không muốn nghe pháp, ưa tìm cầu điều dở của người. Ba pháp đó là không cung kính, nói năng ngang trái, quen theo bạn xấu.

“Lại vì có ba pháp chưa đoạn nên không thể lìa được không cung kính, nói năng ngang trái, quen theo bạn xấu. Ba pháp đó là không tầm, không quý, buông lung. Vì ba pháp này không đoạn trừ nên không thể lìa được không cung kính, nói năng ngang trái, quen bạn xấu. Vì sao? Vì do không tầm, không quý nên buông lung, vì buông lung nên không cung kính vì không cung kính nên quen theo bạn xấu, vì quen theo bạn xấu nên không muốn thấy bậc Thánh, không muốn nghe pháp, hay ưa tìm điều dở của người, vì ưa tìm điều dở của người nên không tin, khó dạy, nói năng ngang trái, lười biếng vì lười biếng nên dao động, không luật nghi, không học giới; vì không học giới nên thất niệm, không chánh tri, loạn tâm; vì loạn tâm nên không chánh tư duy, thân cận tà đạo, tâm biếng nhác; vì tâm biếng nhác nên thân kiến, giới thủ, nghi; vì nghi nên không lìa tham, nhuế, si; vì không lìa tham, nhuế, si nên không thể lìa được già, bệnh, chết.

“Nếu dứt được ba pháp này thì mới có thể lìa được già, bệnh, chết. Ba pháp đó là tham, nhuế, si. Ba pháp này dứt rồi mới có thể lìa già, bệnh, chết.

“Lại vì dứt ba pháp nên có thể lìa được tham, nhuế, si. Ba pháp đó là thân kiến, giới thủ, nghi. Vì dứt được ba pháp này nên có thể lìa được tham, sân, si.

“Lại vì dứt ba pháp nên có thể lìa thân kiến, giới thủ, nghi. Ba pháp đó là không chánh tư duy, thân cận tà đạo, khởi tâm biếng nhác. Vì dứt ba pháp này nên lìa thân kiến, giới thủ, nghi.

“Lại vì dứt ba pháp nên có lìa không chánh tư duy, thân cận tà đạo và tâm biếng nhác. Ba pháp đó là thất niệm, không chánh tri, loạn tâm. Vì dứt ba pháp này nên lìa được không chánh tư duy, thân cận tà đạo và tâm biếng nhác.

“Lại vì dứt được ba pháp này nên lìa được thất niệm, tâm không chánh tri, loạn tâm. Ba pháp đó là dao động, không luật nghi, phạm giới. Vì dứt ba pháp này nên lìa được thất niệm, tâm không chánh tri, loạn tâm.

“Lại vì dứt ba pháp nên lìa được dao động, chẳng luật nghi, phạm giới. Ba pháp đó là không tin, khó dạy, biếng nhác. Vì dứt được ba pháp này nên lìa được dao động, không luật nghi, phạm giới.

“Lại vì dứt được ba pháp nên lìa được chẳng tin, khó dạy, biếng nhác. Ba pháp đó là không muốn thấy bậc Thánh, không ưa nghe pháp, ưa tìm điều dở của người. Vì dứt ba pháp này nên có thể lìa được không tin, khó dạy, biếng nhác.

“Lại vì dứt ba pháp nên có thể lìa được tâm không muốn thấy bậc Thánh, không ưa nghe pháp, ưa tìm điều dở của người. Ba pháp đó là không cung kính, nói năng

ngang trái, quen theo bạn xấu. Vì dứt được ba pháp này nên lìa sự không muốn thấy bậc Thánh, không muốn nghe pháp, ưa tìm điều dở của người.

“Lại vì dứt ba pháp nên có thể lìa chẳng cung kính, nói năng ngang ngược, tập theo bạn xấu. Ba pháp đó là không tầm, không quý, buông lung. Vì sao? Vì do tầm quý nên không buông lung. Vì không buông lung nên tâm cung kính, nói năng hòa nhã, làm thiện tri thức. Vì là thiện tri thức nên ưa thấy Hiền thánh, ưa nghe Chánh pháp, chẳng tìm điều dở của người. Vì chẳng ưa tìm điều dở của người nên sanh lòng tin, nói năng hòa nhã và tinh tấn. Vì tinh tấn nên không dao động, an trú trong luật nghi, học giới. Nhờ học giới nên không thất niệm, an trú chánh tri, chẳng loạn tâm. Nhờ không loạn tâm nên chánh tư duy, gần gũi chánh đạo, tâm không biếng nhác. Nhờ tâm không biếng nhác nên không chấp trước thân kiến, không chấp trước giới thủ, vượt khỏi nghi hoặc. Nhờ chẳng nghi nên chẳng khởi tham, nhuế, si. Nhờ lìa tham, nhuế, si nên có thể dứt già, bệnh, chết”³. (giống kinh số 760)

3. Linh Sơn Pháp Bảo Đại Tạng Kinh Tập V, Bộ A Hàm V, Trung A Hàm Biệt Dịch & Kinh Tạp A Hàm Số 1, Tạp A Hàm Quyển 14 Kinh 346: Phù Di, Hội Văn hóa Giáo dục Linh Sơn Đài Bắc - Taiwan, 2000, trang 1011~1014.

3. Đức Phật là bậc Đại y vương

(No. 389). Một thời, Phật trú trong vườn Lộc dã, Tiên nhân trú xứ, nước Ba-la-nại. Bấy giờ Thế Tôn nói với các Tỳ-kheo:

“Có bốn pháp, nếu thành tựu thì được gọi là bậc Đại y vương, đầy đủ các chi phần cần phải có. Những gì là bốn? Một là khéo biết bệnh; hai là khéo biết nguyên nhân của bệnh; ba là khéo biết cách đối trị bệnh; bốn là khéo biết trị bệnh để về sau bệnh không còn tái phát nữa.

“Thế nào gọi là lương y khéo biết bệnh? Lương y biết rành các chủng loại bệnh như vậy, đó gọi là lương y khéo biết bệnh.

“Thế nào là lương y khéo biết căn nguyên của bệnh? Lương y biết rành bệnh này do gió gây nên, do đàm ẩm gây nên, nước nhớt nước dãi gây nên, khí lạnh gây nên, do các sự việc hiện tại gây nên, do thời tiết gây nên; đó gọi là lương y khéo biết căn nguyên của bệnh.

“Thế nào là lương y khéo biết cách đối trị bệnh? Lương y biết rành các loại bệnh, nên thoa thuốc, nên cho mưa, cho xổ, nên nhỏ mũi, nên xông, nên cho ra mồ hôi và những cách đối trị đại loại như vậy; đó gọi là lương y khéo biết cách đối trị.

“Thế nào là lương y khéo biết trị bệnh rồi về sau bệnh không còn tái phát nữa? Lương y khéo trị tất cả các chứng bệnh, khiến dứt trừ hoàn toàn, vĩnh viễn không tái

phát trở lại sau này nữa; đó gọi là lương y khéo biết trị bệnh không còn tái phát nữa.

“Nhu Lai, Ứng Cúng, Chánh Đẳng Giác là Đại Y vương đã thành tựu bốn đức, chữa lành bệnh chúng sanh cũng lại như vậy. Bốn đức là gì? là Nhu Lai biết như thật đây là Khổ Thánh đế; biết như thật đây là Khổ tập Thánh đế; đã biết như thật đây là Khổ diệt Thánh đế, biết như thật đây là Khổ diệt đạo tích Thánh đế.

“Này các Tỳ-kheo, các lương y thế gian không biết như thật cách đối trị đối với cội gốc sanh, không biết như thật cách đối trị đối với cội gốc lão, bệnh, tử, ưu, bi, khổ, não. Nhu Lai, Ứng Cúng, Đẳng Chánh Giác là vị Đại Y vương, biết như thật cách đối trị đối với cội gốc sanh, lão, tử, ưu, bi, khổ, não. Vì thế nên Nhu Lai, Ứng Cúng, Đẳng Chánh Giác được gọi là Đại Y vương”⁴.

4. Nhu Lai chỉ là người dẫn đường

(No. 256). Phật bảo Đê-xá: “Lành thay! Lành thay! Đê-xá, bây giờ Ta sẽ nói thí dụ, người trí sẽ nhờ thí dụ mà hiểu được. Như hai người bạn cùng đi trên một con đường, một người biết rành đường, một người không rành đường. Người không biết nói với người biết như

4. Linh Sơn Pháp Bảo Đại Tạng Kinh Tập V, Bộ A Hàm V, Trung A Hàm Biệt Dịch & Kinh Tập A Hàm Số 1, Tập A Hàm Quyển 15 Kinh 389: Thuyết Pháp, Hội Văn hóa Giáo dục Linh Sơn Đài Bắc - Taiwan, 2000, trang 1061~1062

vậy: ‘Tôi muốn đến thành phố kia, thôn ấp kia, làng xóm kia, hãy chỉ đường cho tôi đến đó’. Khi ấy, người rành đường liền chỉ đường cho người kia, nói rằng: ‘Anh đi theo con đường này và sẽ thấy hai con đường ở phía trước; bỏ bên trái đi theo lối phải tới trước, sẽ gặp hầm hố và dòng sông. Lại bỏ bên trái, theo lối phải, sẽ gặp một khu rừng. Lại bỏ bên trái, theo lối phải, cứ như vậy, từ từ tiến bước về phía trước thì sẽ đến thành kia’”.

Phật bảo Đê-xá: “Thí dụ này như vậy: Người không biết đường là ví cho kẻ phàm phu ngu si, còn người biết đường là ví cho Như Lai, Ứng Cúng, Chánh Đẳng Chánh Giác. Hai con đường trước là chỉ cho sự hồ nghi của chúng sanh. Con đường trái là chỉ cho ba pháp bất thiện: tham, nhuế và hại giác. Con đường bên phải là chỉ cho ba thiện giác: xuất yếu ly dục giác, bất sân giác, bất hại giác. Đi về đường bên trái là chỉ cho tà kiến, tà chí, tà ngữ, tà nghiệp, tà mạng, tà phương tiện, tà niệm, tà định. Đi về đường bên phải là chỉ cho chánh kiến, chánh chí, chánh ngữ, chánh nghiệp, chánh mạng, chánh phương tiện, chánh niệm, chánh định. Còn hầm hố và dòng nước là chỉ cho sân nhuế, buồn lo, che lấp. Rừng cây là chỉ cho năm công đức của dục. Thành kia là chỉ cho Niết-bàn”.

Phật bảo Đê-xá: “Phật là vị Đạo Sư, vì các hàng Thanh văn mà những gì cần làm đã làm xong. Như nay, vì lòng thương xót nên đưa đến sự lợi ích, an vui, phận sự Ta đã làm xong. Hôm nay người hãy làm những việc

phải làm. Hãy đến dưới bóng cây, hoặc chỗ đất trống, hoặc trong hang núi, trải cỏ làm chỗ ngồi, khéo tư duy chánh niệm, tu tập không buông lung, chớ để tâm hối hận về sau này. Nay Ta dạy người như vậy”⁵.

5. Thế nào gọi là Phật

(No.100). Bảy giờ có một Bà-la-môn đến chỗ Phật, cùng thăm hỏi sức khỏe rồi ngồi lui qua một bên, bạch Phật rằng: “Bạch Cù-đàm, gọi là Phật, vậy thế nào là Phật? Là tên do cha mẹ đặt, hay là do Bà-la-môn đặt?”

Bảy giờ, Đức Thế Tôn dùng kệ đáp rằng:

Phật thấy đời quá khứ,
Thấy vị lai cũng vậy,
Cũng thấy đời hiện tại,
Tất cả hành khởi diệt,
Trí sáng biết rõ ràng,
Điều cần tu đã tu,
Điều nên đoạn đã đoạn,
Cho nên gọi là Phật.
Nhiều kiếp tìm lựa chọn,
Thuần khổ không chút vui,

5. Linh Sơn Pháp Bảo Đại Tạng Kinh Tập V, Bộ A Hàm V, Trung A Hàm Biệt Dịch & Kinh Tập A Hàm Số 1, Tập A Hàm Quyển 10 - Kinh 256: Vô Minh (1), Hội Văn hóa Giáo dục Linh Sơn Đài Bắc - Taiwan, 2000, trang 893~ 894.

Có sanh ắt có diệt,
Xa lìa dứt bụi nhơ,
Nhỏ gốc gai kết sử,
Đẳng giác gọi là Phật.⁶

(88). “Nếu bảo rằng chẳng phải Trời, chẳng phải Rồng... cho đến chẳng phải Nhân, chẳng phải Phi nhân, vậy thì Ngài là ai?”

Bấy giờ, Đức Thế Tôn dùng kệ đáp rằng:

Trời, Rồng, Càn-thát-bà,
Khân-na-la, Dạ-xoa,
A-tu-la không lành,
Những La-hầu-la-già,
Nhân cùng chẳng phải Nhân,
Đều do phiền não sanh.
Lậu hoặc phiền não này,
Tất cả, Ta đã bỏ,
Đã phá, đã diệt sạch,
Như hoa Phân-đà-lợi,
Tuy sanh từ trong nước,
Nhưng chưa từng dính nước.
Ta tuy sanh thế gian,

6. Linh Sơn Pháp Bảo Đại Tạng Kinh Tập V, Bộ A Hàm V, Trung A Hàm Biệt Dịch & Kinh Tập A Hàm Số 1, Tập A Hàm Quyển 4 - Kinh 100: Hiếu Dưỡng, Hội Văn hóa Giáo dục Linh Sơn Đài Bắc - Taiwan, 2000, trang 663.

Chẳng bị nhiễm thế gian,
Nhiều kiếp thường lựa chọn,
Thuần khổ không chút vui.
Tất cả hành hữu vi,
Thấy đều bị sanh diệt,
Trừ nhơ, không lay động,
Đã nhỏ sạch gai góc,
Cùng tốt bờ sanh tử,
Cho nên gọi là Phật.⁷

6. Mười hiệu

(349). “Thiện lai Tỳ-kheo! Nếu khéo xuất gia, khéo được lợi mình, thì trong thời gian lâu dài lúc nào cũng được sanh ra chỗ có bậc Thánh, các căn đầy đủ, không ngu, không si, không cảm ngọng; nói hay, nói dỡ đều có khả năng hiểu nghĩa.

“Ta nay trong đời này là Phật, Như Lai, Ứng Cúng, Đẳng Giác, Minh Hạnh Túc, Thiện Thệ, Thế Gian Giải, Vô Thượng Sĩ, Điều Ngự Trượng Phu, Thiên Nhân Sư, Phật, Thế Tôn, nói pháp tịch diệt, Niết-bàn, chánh hướng đúng Bồ-đề, khéo đến Đẳng chánh giác. Tức là, ‘Cái này

7. Linh Sơn Pháp Bảo Đại Tạng Kinh Tập V, Bộ A Hàm V, Trung A Hàm Biệt Dịch & Kinh Tập A Hàm Số 1, Tập A Hàm Quyển 4 - Kinh 88: Hiếu Dưỡng, Hội Văn hóa Giáo dục Linh Sơn Đài Bắc - Taiwan, 2000, trang 665.

có nên cái kia có, cái này khởi nên cái kia khởi, nghĩa là duyên vô minh có hành, duyên hành có thức... cho đến tập khởi thành thuần một khối khổ lớn; vô minh diệt thì hành diệt... cho đến thuần một khối khổ lớn diệt”⁸.

7. Thế Tôn bị bệnh

(1181). Khi ấy Tôn giả Ưu-ba-ma làm thị giả. Bấy giờ Thế Tôn đang đau lưng, bảo Tôn giả Ưu-ba-ma: “Thầy cắt y bát xong, đến nhà Bà-la-môn Thiên Tác”. Lúc đó Bà-la-môn Thiên Tác đang ở trong nhà, sai người chải đầu và cạo râu, sửa tóc cho ông, thấy Tôn giả Ưu-ba-ma đang đứng ngoài cửa. Thấy rồi ông nói kệ:

Vì sao cạo râu tóc,
 Minh khoác Tăng-già-lê^[21];
 Đang đứng ngoài cửa đó,
 Muốn cầu xin thứ gì?
 Tôn giả Ưu-ba-ma nói kệ đáp:
 Đấng Thiện Thệ La-hán,
 Bị bệnh phong đau lưng;
 Có thứ nước an lạc^[22],
 Trị bệnh Mâu-ni chẳng?

8. Linh Sơn Pháp Bảo Đại Tạng Kinh Tập V, Bộ A Hàm V, Trung A Hàm Biệt Dịch & Kinh Tập A Hàm Số 1, Tập A Hàm Quyển 14 Kinh 349: Phù Di, Hội Văn hóa Giáo dục Linh Sơn Đài Bắc - Taiwan, 2000, trang 1023.

Lúc ấy, Bà-la-môn Thiên Tác lấy ra một bát đầy tô, một bình dầu, một bình đường phèn, rồi sai người bung đi, cùng bình nước nóng, theo Tôn giả Ưu-ba-ma đến chỗ Thế Tôn. Lấy dầu xoa lên thân, dùng nước nóng rửa đi, xong đem tô và đường phèn làm nước uống. Sau đó, bệnh đau lưng Thế Tôn liền được an ổn⁹.

8. Thế Tôn bị mạ ly

(No. 1151~1154)

(No. 1151). Khi ấy có một thiếu niên A-tu-la đến chỗ Phật, ở trước Phật dùng những lời bất thiện, thô ác, sân si, mạ ly, chỉ trích Phật.¹⁰

(1152). Bấy giờ, có một thiếu niên Bà-la-môn tên Tân-kỳ-ca, đến chỗ Phật, ở trước mặt Thế Tôn dùng những lời bất thiện, thô ác, sân si, mạ ly, chỉ trích Phật¹¹.

(1153). Tôn đến dưới bóng mát giảng đường, đi kinh hành giữa khoảng đất trống. Khi ấy có Bà-la-môn Kiện

9. Linh Sơn Pháp Bảo Đại Tạng Kinh Tập VI, Bộ A Hàm VI, Kinh Tập A Hàm Số 2, Tập A Hàm Quyển 44, Kinh 1.181, Hội Văn hóa Giáo dục Linh Sơn Đài Bắc, Taiwan, 2000, trang 1029~1030.

10. Linh Sơn Pháp Bảo Đại Tạng Kinh Tập VI, Bộ A Hàm VI, Kinh Tập A Hàm Số 2, Tập A Hàm Quyển 42, Kinh 1.151, Hội Văn hóa Giáo dục Linh Sơn Đài Bắc, Taiwan, 2000, trang 972.

11. Linh Sơn Pháp Bảo Đại Tạng Kinh Tập VI, Bộ A Hàm VI, Kinh Tập A Hàm Số 2, Tập A Hàm Quyển 42, Kinh 1.152, Hội Văn hóa Giáo dục Linh Sơn Đài Bắc, Taiwan, 2000, trang 972~973

Mạ Bà-la-đậu-bà-giá, đến chỗ Phật, trước mặt Phật thốt ra những lời thô ác, bất thiện, mạ ly, chỉ trích. Thế Tôn kinh hành¹².

(1154). Một thời Đức Phật ở trong giảng đường Lộc tử mẫu, phía Đông nước Xá-vệ. Bấy giờ sáng sớm Thế Tôn đắp y, ôm bát vào thành Xá-vệ khát thực. Khi ấy có Bà-la-môn Kiện Mạ Bà-la-đậu-bà-giá, vừa thấy Thế Tôn liền thốt ra những lời mắng nhiếc, sân si, thô ác, bất thiện; hốt bụi đất ném vào Phật. Khi ấy có gió ngược, thổi bụi bay trở lại, bụi này tự phản dính vào người ông¹³.

9. Ba minh

(No. 885). “Bậc Vô học có Ba minh. Những gì là ba? Túc mạng trí chứng thông của bậc Vô học, Sanh tử trí chứng thông của bậc Vô học, Lưu tận trí chứng thông của bậc Vô học.

“Thế nào là Túc mạng chứng trí thông của bậc Vô học? Thánh đệ tử biết tất cả sự từ những đời trước. Từ một đời đến trăm, ngàn, vạn, ức đời; cho đến số kiếp

12. Linh Sơn Pháp Bảo Đại Tạng Kinh Tập VI, Bộ A Hàm VI, Kinh Tập A Hàm Số 2, Tập A Hàm Quyển 42, Kinh 1.153, Hội Văn hóa Giáo dục Linh Sơn Đài Bắc, Taiwan, 2000, trang 974.

13. Linh Sơn Pháp Bảo Đại Tạng Kinh Tập VI, Bộ A Hàm VI, Kinh Tập A Hàm Số 2, Tập A Hàm Quyển 42, Kinh 1.154, Hội Văn hóa Giáo dục Linh Sơn Đài Bắc, Taiwan, 2000, trang 975.

thành hoại rằng: ‘Các đời sống trước của ta và chúng sanh, có những tên như vậy, sanh ra như vậy, dòng họ như vậy, ăn như vậy, chịu khổ vui như vậy, tuổi thọ dài như vậy, sống lâu như vậy, chịu giới hạn như vậy. Ta và chúng sanh chết ở chỗ này, sanh ra chỗ khác; chết chỗ khác sanh ra chỗ này, có hành như vậy, nhân như vậy, tín như vậy’. Tất cả các việc đã trải qua trong đời sống trước đều biết rõ ràng. Đó gọi là Trí túc mạng chứng minh.

“Thế nào là Sanh tử trí chứng minh? Thánh đệ tử, bằng thiên nhãn thanh tịnh vượt qua đối với mắt người, thấy các chúng sanh lúc chết, lúc sanh, đẹp, xấu, thương sắc, hạ sắc, theo nghiệp mà thọ sanh vào đường ác. Biết như thật rằng như chúng sanh này thành tựu thân ác hành, thành tựu miệng, ý ác hành, hủy báng Thánh nhân, tà kiến, nhận lãnh tà pháp; do nhân duyên này sau khi thân hoại mạng chung sanh vào trong đường ác địa ngục. Chúng sanh này do thành tựu thân thiện hành, thành tựu miệng, ý thiện hành, không hủy báng Thánh nhân, đã thành tựu chánh kiến, nên sau khi thân hoại mạng chung sanh vào trong đường Trời, Người. Đó gọi là Trí sanh tử chứng minh.

“Thế nào là Lưu tận trí chứng minh? Thánh đệ tử biết như thật, ‘Đây là Khổ’, ‘Đây là Khổ tập’, ‘Đây là Khổ diệt’, ‘Đây là Khổ diệt đạo’. Vị ấy biết như vậy, thấy như vậy, tâm giải thoát Dục hữu lậu, tâm giải thoát Hữu hữu lậu, tâm giải thoát Vô minh lậu, với giải thoát tri kiến, biết rằng, ‘Ta, sự sanh đã hết, phạm hạnh đã lập, những

việc cần làm đã làm xong, tự biết không còn tái sanh đời sau nữa'. Đó gọi là *Lậu tận chứng trí minh*"¹⁴.

10. Sự dị biệt giữa Phật và ngoại đạo về 3 minh

(No. 886). Bấy giờ có Bà-la-môn đi đến chỗ Phật gặp Thế Tôn, sau khi thăm hỏi nhau rồi, ngồi lui qua một bên và nói: “Đây là ba minh của Bà-la-môn. Đây là ba minh của Bà-la-môn!”

Bấy giờ, Thế Tôn bảo Bà-la-môn rằng: “Thế nào gọi là ba minh của Bà-la-môn?”

Bà-la-môn bạch Phật rằng: “Thưa Cù-đàm, cha mẹ Bà-la-môn đầy đủ các tướng, không có các tật vết; cha mẹ bầy đời truyền thừa mà không bị chê bai; đời đời kế thừa nhau, luôn làm sư trưởng, biện tài đầy đủ; đọc tụng các kinh điển, danh tự của loại vật, phẩm loại sai biệt của vạn vật; lịch sử cổ kim, năm thứ kỷ này, tất cả đều được thông suốt; dung sắc đoan chánh. Thưa Cù-đàm, đó gọi là ba minh của Bà-la-môn”.

Phật bảo Bà-la-môn: “Ta không lấy ngôn thuyết, danh tự làm ba minh. Pháp môn của Hiền thánh nói ba minh chân thật là tri kiến Hiền thánh, pháp luật Hiền thánh. Đó là ba minh chân thật”.

14. *Linh Sơn Pháp Bảo Đại Tạng Kinh Tập VI, Bộ A Hàm VI, Kinh Tập A Hàm Số 2, Tập A Hàm Quyển 31, Hội Văn hóa Giáo dục Linh Sơn Đài Bắc, Taiwan, 2000, trang 567~568*

Bà-la-môn bạch Phật: “Nhu thể nào, thưa Cù-đàm, nói tri kiến Hiền thánh, pháp luật Hiền thánh là ba minh?”

Phật bảo Bà-la-môn: “Có ba loại ba minh của bậc Vô học. Những gì là ba? Túc mạng chứng trí minh của bậc Vô học, sanh tử chứng trí minh của bậc Vô học, lậu tận chứng trí minh của bậc Vô học”.

Như đã nói đầy đủ ở kinh 885

11. Tình cảm các Tỷ-kheo, cư sĩ đối với Phật

(No. 860). “Bạch Thế Tôn, hôm nay toàn thân thể con rã rời, bốn phương đổi dời; tất cả mọi ức niệm, nay đều mờ mịt quên hết, không biết lúc nào sẽ được gặp lại Phật cùng các Tỷ-kheo tri thức? Hôm nay Thế Tôn ra đi đến Câu-tát-la; từ Câu-tát-la đến Ca-thi; từ Ca-thi đến Ma-la; từ Ma-la đến Ma-kiệt-đà; từ Ma-kiệt-đà đến Ương-già; từ Ương-già đến Tu-ma; từ Tu-ma đến Phân-đà-la; từ Phân-đà-la đến Ca-lăng-già. Cho nên hôm nay con vô cùng khổ não, không biết lúc nào được gặp lại Thế Tôn cùng các Tỷ-kheo tri thức”.

Phật bảo Lê-sur-đạt-đa cùng Phú-lan-na: “Các người dù có gặp Như Lai hay chẳng gặp Như Lai, dù có gặp các Tỷ-kheo tri thức hay chẳng gặp, thì các người cũng nên tùy thời mà tu tập sáu niệm. Những gì là sáu niệm? Các người hãy niệm Như Lai sự, nói đầy đủ... cho đến niệm Thiên. Nhưng này các gia chủ! Vì tại gia thì rối rắm, tại

gia thì đắm nhiễm. Còn xuất gia thì vô sự, nhàn nhã, nên khó cho người thế tục có thể sống không gia đình, một mực thanh khiết, hoàn toàn trong sạch, phạm hạnh thanh bạch”.

Gia chủ bạch Phật: “Kỳ diệu thay, bạch Thế Tôn, Ngài khéo nói pháp này. Vì tại gia thì rối rắm, tại gia thì đắm nhiễm. Còn xuất gia thì vô sự, nhàn nhã, nên khó cho người thế tục có thể sống không gia đình, một mực thanh khiết, hoàn toàn trong sạch, phạm hạnh thanh bạch. Con là đại thần của vua Ba-tư-nặc. Khi vua Ba-tư-nặc lúc muốn dạo viên quán, sai con cỡi voi lớn chở các cung nữ được sủng ái nhất của vua. Một ngồi trước con, một sau con, con ngồi ở giữa. Khi voi xuống đồi, người ở trước choàng vào cổ con, người sau ôm lưng con; khi voi lên đồi, người sau bám lấy gáy con, người trước vít lấy áo con”.

“Các thể nữ này vì muốn chiếm lòng vui thích của nhà vua nên mặc xiêm y lụa là sặc sỡ, trang điểm bằng anh lạc và các loại hương vi diệu. Lúc cùng dạo chơi con luôn luôn giữ ba điều: Một là điều khiển voi, sợ rằng lạc mất đường chính; hai tự giữ tâm mình, sợ rằng sẽ sanh ra đắm nhiễm; ba tự giữ gìn, sợ rằng sẽ bị rơi ngã. Bạch Thế Tôn, lúc bấy giờ, đối với các thể nữ của vua, con không giây phút nào là không chánh tư duy”¹⁵.

15. Linh Sơn Pháp Bảo Đại Tạng Kinh Tập VI, Bộ A Hàm VI, Kinh Tập A Hàm Số 2, Tập A Hàm Quyển 30, Hội Văn hóa Giáo dục Linh Sơn Đài Bắc, Taiwan, 2000, trang 541~542

12. 4 thánh quả

(No. 61). “Này các Tỳ-kheo, nếu đối với pháp này mà dùng trí tuệ tư duy, quán sát, phân biệt, nhẫn thọ, đó gọi là tùy tín hành, siêu thắng, ly sanh, vượt qua khỏi địa vị phàm phu. Nếu chưa đạt được quả Tu-đà-hoàn, mà nửa chừng không chết, thì chắc chắn sẽ đạt được quả Tu-đà-hoàn.

“Này các Tỳ-kheo, nếu đối với pháp này, mà bằng tăng thượng trí tuệ, tư duy quán sát, nhẫn thọ, thì đó gọi là tùy pháp hành, siêu thắng, ly sanh, vượt qua khỏi địa vị phàm phu. Nếu chưa đạt được quả Tu-đà-hoàn, mà nửa chừng không chết, thì chắc chắn sẽ đạt được quả Tu-đà-hoàn.

“Này Tỳ-kheo, đối với pháp này nếu bằng trí tuệ chân chánh mà quán sát như thật, ba kết được biết là hoàn toàn đoạn trừ; đó là, thân kiến, giới thủ, nghi. Tỳ-kheo, đó gọi là quả Tu-đà-hoàn, sẽ không rơi vào đường ác, quyết định thẳng đến Chánh giác, bảy lần sanh qua lại giữa trời, người, cuối cùng sẽ cứu cánh biên tế của khổ.

“Này Tỳ-kheo, nếu đối với pháp này nếu dùng trí tuệ chân chánh mà quán sát như thật, tâm sẽ không khởi lên lậu hoặc, thì gọi là A-la-hán. Khi các lậu đã sạch rồi, thì những gì cần làm đã làm xong, trút bỏ gánh nặng, đạt được mục đích của mình, các kết sử hữu dứt sạch, chánh trí, tâm đạt được giải thoát”¹⁶.

16. Linh Sơn Pháp Bảo Đại Tạng Kinh Tập V, Bộ A Hàm V, Trung A

(No. 796). “Có pháp Sa-môn và quả Sa-môn. Hãy lắng nghe và suy nghĩ cho kỹ, Ta sẽ vì các ông mà nói: “Những gì là pháp Sa-môn? Đó là tám Thánh đạo, từ chánh kiến... cho đến chánh định. Những gì là quả Sa-môn? Đó là quả Tu-đà-hoàn, quả Tu-đà-hàm, quả A-na-hàm và quả A-la-hán”¹⁷.

(No. 1040). Thế nào là pháp xả của Bà-la-môn?”

Bà-la-môn bạch Phật: “Thưa Cù-đàm, cứ vào ngày mười lăm, gội đầu, giữ gìn trai pháp, đeo tràng hoa dài, khoác áo lụa trắng, tay cầm cỏ tươi, tùy khả năng mà bố thí, làm phước. Thưa Cù-đàm, đó gọi là Bà-la-môn tu tập hạnh xả”.

Phật bảo Bà-la-môn: “Những thực hành về hạnh xả theo pháp luật của Hiền thánh thì khác ở đây”.

Bà-la-môn bạch Phật: “Thưa Cù-đàm, vậy sở hành về hạnh xả theo pháp luật của Hiền thánh như thế nào?”

Phật bảo Bà-la-môn: “Lìa sát sanh, không thích sát sanh. Nói đầy đủ như phần thanh tịnh ở trước. Y nơi sự không sát sanh, lìa bỏ sát sanh... *cho đến* nói đầy đủ như phần thanh tịnh ở trước. Lìa trộm cướp, không thích trộm

Hàm Biệt Dịch & Kinh Tập A Hàm Số 1, Tập A Hàm Quyển 3. Kinh 59: Sanh Diệt, Hội Văn hóa Giáo dục Linh Sơn Đài Bắc - Taiwan, 2000, trang 603~604

17. Linh Sơn Pháp Bảo Đại Tạng Kinh Tập VI, Bộ A Hàm VI, Kinh Tập A Hàm Số 2, Tập A Hàm Quyển 28, Hội Văn hóa Giáo dục Linh Sơn Đài Bắc, Taiwan, 2000, trang 477.

cướp, y nơi sự không trộm cướp, lìa bỏ sự lấy vật không cho. Lìa tà dâm, không thích tà dâm, y nơi sự không tà dâm, bỏ việc phi phạm hạnh. Lìa vọng ngữ, không thích vọng ngữ, y nơi sự không nói dối, xả bỏ lời nói không thật. Lìa hai lưỡi, không thích nói hai lưỡi, y nơi sự không nói hai lưỡi, xả bỏ hành ly gián. Lìa ác khẩu, không thích ác khẩu, y nơi sự không ác khẩu, bỏ lời thô ác. Lìa lời thêu dệt, không thích lời thêu dệt, y nơi sự không nói thêu dệt, bỏ lời vô nghĩa. Đoạn trừ tham dục, xa lìa khổ tham, y tâm không tham, xả bỏ ái trước. Đoạn trừ sân nhuế, không sanh phẫn hận, y không giận, xả bỏ sân hận. Tu tập chánh kiến, không khởi điên đảo, y chánh kiến, xả bỏ tà kiến¹⁸.

(No. 618). Đối với bốn Niệm xứ mà tu tập, tu tập nhiều, sẽ đạt được bốn quả Thánh và, bốn loại phước lợi, đó là: Quả Tu-đà-hoàn, quả Tư-đà-hàm, quả A-na-hàm, quả A-la-hán¹⁹.

(No. 1129). Có bốn quả Sa-môn. Những gì là bốn? Quả Tu-đà-hoàn, Tư-đà-hàm, A-na-hàm và A-la-hán. Thế nào là quả Tu-đà-hoàn? Đoạn trừ ba kết gọi là Tu-đà-hoàn. Thế nào là quả Tư-đà-hàm? Đoạn trừ ba kết,

18. Linh Sơn Pháp Bảo Đại Tạng Kinh Tập VI, Bộ A Hàm VI, Kinh Tập A Hàm Số 2, Tập A Hàm Quyển 37, Hội Văn hóa Giáo dục Linh Sơn Đài Bắc, Taiwan, 2000, trang 802.

19. Linh Sơn Pháp Bảo Đại Tạng Kinh Tập VI, Bộ A Hàm VI, Kinh Tập A Hàm Số 2, Tập A Hàm Quyển 24, Hội Văn hóa Giáo dục Linh Sơn Đài Bắc, Taiwan, 2000, trang 316.

tham, sân, si voi mỏng, gọi là Tư-đà-hàm. Thế nào là quả A-na-hàm? Đoạn dứt năm hạ phần kết sử, gọi là quả A-na-hàm. Thế nào là quả A-la-hán? Nếu người nào dứt sạch tham dục, sân nhuế, ngu si và tất cả phiền não gọi là A-la-hán”²⁰.

13. Pháp hữu lậu và vô lậu

(No. 56). Nay Ta sẽ nói về pháp hữu lậu và vô lậu. “Thế nào là pháp hữu lậu? Nếu sắc là pháp hữu lậu, bị chấp thủ; sắc sanh ra ái và nhuế. Cũng vậy, thọ, tưởng, hành, thức là pháp hữu lậu, bị chấp thủ; thức kia sanh ra ái và nhuế. Đó gọi là pháp hữu lậu.

“Thế nào là pháp vô lậu? Những gì sắc vô lậu, không bị chấp thủ; sắc kia hoặc quá khứ, hoặc hiện tại, hoặc vị lai, sắc kia không sanh ái, nhuế. Cũng vậy, thọ, tưởng, hành, thức là vô lậu, không chấp thủ; thức kia hoặc quá khứ, hoặc hiện tại, hoặc vị lai, không sanh ái, nhuế. Đó gọi là pháp vô lậu”²¹.

20. Linh Sơn Pháp Bảo Đại Tạng Kinh Tập VI, Bộ A Hàm VI, Kinh Tập A Hàm Số 2, Tập A Hàm Quyển 41, Hội Văn hóa Giáo dục Linh Sơn Đài Bắc, Taiwan, 2000, trang 933.

21. Linh Sơn Pháp Bảo Đại Tạng Kinh Tập V, Bộ A Hàm V, Trung A Hàm Biệt Dịch & Kinh Tập A Hàm Số 1, Tập A Hàm Quyển 2 - Kinh 33: Phi Ngã, Hội Văn hóa Giáo dục Linh Sơn Đài Bắc - Taiwan, 2000, trang 591.

(No. 229). “Nay Ta sẽ nói về pháp hữu lậu và pháp vô lậu. Vậy, thế nào là pháp hữu lậu? Sắc, nhãn thức và cảm thọ với khổ thọ, lạc thọ và phi khổ phi lạc thọ được cảm thọ bên trong phát sanh bởi nhân duyên nhãn xúc. Tai, mũi, lưỡi, thân, ý, pháp, ý thức, ý xúc và cảm thọ với khổ thọ, lạc thọ và phi khổ phi lạc thọ được cảm thọ bên trong phát sanh bởi nhân duyên ý xúc; thuộc thể tục, nên gọi là pháp hữu lậu.

“Thế nào là pháp vô lậu? Là vượt ra ngoài thể gian ý, hoặc pháp, ý thức, ý xúc và cảm thọ với khổ thọ, lạc thọ và phi khổ phi lạc thọ được cảm thọ bên trong phát sanh bởi nhân duyên ý xúc, thuộc xuất thể gian, nên gọi là pháp vô lậu”²².

(No. 1176). Bấy giờ, Đại Mục-kiền-liên nói với các Tỳ-kheo: “Pháp của Thế Tôn đã dạy, khoảng đầu, khoảng giữa, khoảng cuối đều thiện, nghĩa thiện, vị thiện, thuần nhất, mãn tịnh, thanh bạch, phạm hạnh. Hôm nay, tôi sẽ nói về pháp hữu lậu và vô lậu. Các ông hãy lắng nghe.

“Thế nào là pháp hữu lậu? Phàm phu ngu si vô học, khi mắt thấy sắc rồi, với sắc đáng nhớ khởi lên ưa đắm, với sắc không đáng nhớ khởi lên chán ghét, không trụ

22. Linh Sơn Pháp Bảo Đại Tạng Kinh Tập V, Bộ A Hàm V, Trung A Hàm Biệt Dịch & Kinh Tập A Hàm Số 1, Tập A Hàm Quyển 8 Kinh 188: Ly Hý Tham, Hội Văn hóa Giáo dục Linh Sơn Đài Bắc - Taiwan, 2000, trang 817.

vào thân niệm xứ, không có một phần trí đối với tâm giải thoát và tuệ giải thoát; đủ các thứ pháp ác bất thiện khởi lên, không được hoàn toàn diệt trừ, không vĩnh viễn hoàn toàn đoạn tận. Đối với tai, mũi, lưỡi, thân, ý lại cũng như vậy. Nay Tỳ-kheo, người như vậy Thiên ma Ba-tuần sẽ đến chỗ họ để dò xét những chỗ yếu kém tai hại, ở nơi mắt thấy sắc, mà nắm chỗ được sơ hở. Đối với tai nghe âm thanh, mũi ngửi mùi, lưỡi nếm vị, thân với xúc, ý với pháp cũng lại như vậy, liền nắm được chỗ sơ hở. Giống như đồng cỏ khô, nổi lửa bốn bên, bị cháy tiêu tức thì. Cũng vậy, Tỳ-kheo, ở nơi sắc được nhận thức bởi mắt của Tỳ-kheo, Thiên ma Ba-tuần liền nắm được chỗ sơ hở. Cũng vậy, Tỳ-kheo, không thắng ở nơi sắc. Tai đối với tiếng, mũi đối với mùi, lưỡi đối với vị, thân đối với xúc, ý đối với pháp, ... đối với bị pháp chế phục, không thắng được pháp. Không thắng sắc, không thắng âm thanh, mùi thơm, vị ngọt, xúc chạm và pháp. Cũng lại không thắng ý, cùng các pháp ác bất thiện phiền não, thiêu bức, khổ báo và sẽ bị sanh, già, bệnh, chết ở đời vị lai. Chư Tôn giả, Ta đã tự thân nhận lãnh các pháp hữu lậu này từ Đức Thế Tôn. Đó gọi là ‘kinh Pháp Hữu Lậu’.

“Thế nào là pháp vô lậu? Thánh đệ tử đa văn mắt thấy sắc, đối với sắc đáng nhớ không khởi ưa đắm, với sắc không đáng nhớ không khởi chán ghét, cột niệm an trụ, vô lượng tâm giải thoát, tuệ giải thoát, biết một cách như thật. Các pháp ác bất thiện đã khởi kia bị diệt tận không dư tàn. Tai, mũi, lưỡi, thân, ý lại cũng như vậy.

Tỳ-kheo như vậy, ác Ma Ba-tuần có đến dò xét tìm sờ đoán nơi sắc được thấy bởi mắt, cũng không thể tìm được sờ đoán. Tai đối với tiếng, mũi đối với mùi, lưỡi đối với vị, thân đối với xúc, ý đối với pháp, để tìm cầu chỗ yếu kém, cũng không tìm được chỗ yếu kém đó. Giống như lầu các, nếu tường vách kiên cố, cửa ngõ nhiều lớp đóng, lấp dày kín, dù đốt lửa bốn bên cũng không thể cháy được. Các Tỳ-kheo này cũng lại như vậy, dù Ma Ba-tuần đến chỗ dò xét để tìm tòi chỗ yếu cũng không thể tìm được. Tỳ-kheo như vậy, có thể thắng được sắc kia, không bị sắc chiết phục. Và thắng được tiếng, mùi, vị, xúc và pháp không bị những pháp ấy chiết phục. Nếu thắng được sắc, tiếng, mùi, vị, xúc, pháp rồi thì cũng thắng luôn đối với những pháp ác bất thiện, phiền não, khổ báo đầy đầy, cùng sanh, già, bệnh, chết đời vị lai. Tự thân tôi nhận được pháp này từ Đức Thế Tôn. Đó gọi là ‘kinh Pháp Vô Lậu’²³.

14. Thế nào là nhập lưu

(No. 843). Bấy giờ, Đức Thế Tôn bảo Tôn giả Xá-lợi-phất: “Bảo là dòng; thế nào là dòng?”

Xá-lợi-phất bạch Phật: “Bạch Thế Tôn, nói là dòng, đó là nói tám Thánh đạo”.

23. Linh Sơn Pháp Bảo Đại Tạng Kinh Tập VI, Bộ A Hàm VI, Kinh Tập A Hàm Số 2, Tập A Hàm Quyển 43, Hội Văn hóa Giáo dục Linh Sơn Đài Bắc, Taiwan, 2000, trang 1015~1016

Lại hỏi Xá-lợi-phất: “Gọi là Nhập lưu phần, vậy thế nào là Nhập lưu phần?”

Xá-lợi-phất bạch Phật: “Bạch Thế Tôn, có bốn thứ Nhập lưu phần. Những gì là bốn? Thân cận thiện nam tử, nghe Chánh pháp, bên trong tư duy chân chánh, hướng đến pháp và thứ pháp”.

Lại hỏi Xá-lợi-phất: “Người Nhập lưu phải thành tựu bao nhiêu pháp?”

Xá-lợi-phất bạch Phật rằng: “Có bốn phần để người Nhập lưu thành tựu. Những gì là bốn? Bất hoại tịnh đối với Phật, bất hoại tịnh đối với Pháp, bất hoại tịnh đối với Tăng, thành tựu Thánh giới”.

Phật bảo Xá-lợi-phất: “Nhu những gì ông đã nói, dòng tức là tám Thánh đạo. Nhập lưu phần có bốn pháp là thân cận thiện nam tử, nghe chánh pháp, bên trong tư duy chân chánh, hướng đến pháp và thứ pháp. Người Nhập lưu thành tựu bốn pháp, là bất hoại tịnh đối với Phật, bất hoại tịnh đối với Pháp, bất hoại tịnh đối với Tăng, thành tựu Thánh giới”²⁴.

(No. 844). Xá-lợi-phất hỏi Tôn giả A-nan: “Do đoạn được bao nhiêu pháp, mà với Như Lai, Ứng Cúng, Đẳng Chánh Giác, bậc Tri giả, Kiến giả, ký thuyết rằng người

24. Linh Sơn Pháp Bảo Đại Tạng Kinh Tập VI, Bộ A Hàm VI, Kinh Tập A Hàm Số 2, Tập A Hàm Quyển 30, Hội Văn hóa Giáo dục Linh Sơn Đài Bắc, Taiwan, 2000, trang 525.

kia đắc Tu-đà-hoàn, không đọa vào pháp đường ác, quyết định hướng đến Chánh giác, chỉ còn bảy lần qua lại Trời, Người, rốt ráo thoát khổ?”

Tôn giả A-nan thưa Tôn giả Xá-lợi-phất: “Do đoạn được bốn pháp và thành tựu được bốn pháp mà Như Lai, Ứng Cúng, Đẳng Chánh Giác ký thuyết cho người kia đắc Tu-đà-hoàn, không còn đọa vào pháp đường ác, quyết định hướng đến Chánh giác, chỉ còn bảy lần qua lại Trời, Người, mới rốt ráo hết khổ. Những gì là bốn? Thánh đệ tử trụ tâm bất tín đối với Phật đã được đoạn, đã biến tri, thành tựu bất hoại tịnh đối với Phật. Bất tín đối với Pháp, Tăng và ác giới đã đoạn, đã biến tri, thành tựu bất hoại tịnh đối với Pháp, Tăng và thành tựu được Thánh giới. Như vậy, do đoạn trừ bốn pháp và thành tựu bốn pháp mà Như Lai, Ứng Cúng, Đẳng Chánh Giác, bậc Tri giả, Kiến giả, ký thuyết cho người kia đắc Tu-đà-hoàn, không đọa vào pháp đường ác, quyết định hướng đến Chánh giác, chỉ còn bảy lần qua lại Trời, Người, mới rốt ráo thoát khổ”²⁵.

(No. 845). Đức Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

“Nếu Tỳ-kheo dập tắt được năm sợ hãi và oán thù, được ba pháp quyết định, chẳng sanh nghi hoặc, tri kiến như thật về chánh đạo của bậc Hiền thánh; vị Thánh đệ

25. Linh Sơn Pháp Bảo Đại Tạng Kinh Tập VI, Bộ A Hàm VI, Kinh Tập A Hàm Số 2, Tập A Hàm Quyển 30, Hội Văn hóa Giáo dục Linh Sơn Đài Bắc, Taiwan, 2000, trang 526.

tử này có thể tự ký thuyết rằng đã diệt tận các đường ác địa ngục, ngạ quỷ và súc sanh, đắc Tu-đà-hoàn, không còn bị rơi vào pháp đường ác, hướng thẳng đến Chánh giác, chỉ còn bảy lần qua lại Trời, Người, rồi ráo thoát khổ.

“Thế nào là dập tắt năm điều sợ hãi và oán thù? Nếu sợ hãi phát sanh do nhân duyên oán thù của tội sát sanh; người ấy tránh xa sự sát sanh, thì sợ hãi phát sanh do nhân duyên oán thù của tội sát sanh được dập tắt. Nếu sợ hãi phát sanh do nhân duyên oán thù của tội trộm cắp, tà dâm, nói dối, uống rượu; người ấy tránh xa trộm cắp, tà dâm, nói dối, uống rượu, thì sợ hãi phát sanh do nhân duyên oán thù của tội trộm cắp, tà dâm, nói dối, uống rượu được dập tắt. Đó gọi là sự chấm dứt năm điều sợ hãi phát sanh ra từ nhân duyên oán thù của các tội trên.

“Thế nào là ba pháp quyết định không sanh ra nghi hoặc? Là đối với Phật quyết định là nghi hoặc, đối với Pháp và Tăng quyết định là nghi hoặc. Đó gọi là ba pháp quyết định là nghi hoặc”²⁶.

26. Linh Sơn Pháp Bảo Đại Tạng Kinh Tập VI, Bộ A Hàm VI, Kinh Tập A Hàm Số 2, Tập A Hàm Quyển 30, Hội Văn hóa Giáo dục Linh Sơn Đài Bắc, Taiwan, 2000, trang 527.

15. A-la-hán

(No. 75). “Có năm thọ ảm. Đó là sắc ảm. Tỳ-kheo đối với sắc nhằm tởm, ly dục, tịch diệt, không làm sanh khởi, giải thoát. Đó gọi là Như Lai, Ứng Cúng, Đẳng Chánh Giác. Cũng vậy, thọ, tưởng, hành, thức; nhằm tởm, ly dục, tịch diệt, không làm sanh khởi, giải thoát. Đó gọi là Như Lai, Ứng Cúng, Đẳng Chánh Giác.

“Lại nữa, Tỳ-kheo, đối với sắc nhằm tởm, ly dục, tịch diệt, không làm sanh khởi, giải thoát. Đó gọi là A-la-hán tuệ giải thoát. Cũng vậy, thọ, tưởng, hành, thức; nhằm tởm, ly dục, tịch diệt, không làm sanh khởi, giải thoát. Đó gọi là A-la-hán tuệ giải thoát²⁷.

(No. 490). “Nói là A-la-hán. Thế nào là A-la-hán?”

Xá-lợi-phất đáp: “Khi tham dục, sân nhuế, ngu si đã vĩnh viễn diệt tận không còn sót, đó gọi là A-la-hán.”

Lại hỏi: “Có con đường nào, có sự thực hành nào mà tu tập, tu tập nhiều, thì chứng đắc A-la-hán không?”

Xá-lợi-phất đáp: “Có. Đó là tám Thánh đạo, từ chánh kiến cho đến chánh định”²⁸.

27. Linh Sơn Pháp Bảo Đại Tạng Kinh Tập V, Bộ A Hàm V, Trung A Hàm Biệt Dịch & Kinh Tập A Hàm Số 1, Tập A Hàm Quyển 3 - Kinh 59: Sanh Diệt, Hội Văn hóa Giáo dục Linh Sơn Đài Bắc - Taiwan, 2000, trang 621.

28. Linh Sơn Pháp Bảo Đại Tạng Kinh Tập VI, Bộ A Hàm VI, Kinh Tập A Hàm Số 2, Tập A Hàm Quyển 18, Hội Văn hóa Giáo dục Linh Sơn Đài Bắc, Taiwan, 2000, trang 89.

16. A-la-hán và vấn đề lậu hoặc

(No. 103). ...Tỳ-kheo Sai-ma nói với Tỳ-kheo Đà-sa rằng:

“Tôi có thể quán sát năm thọ ấm là không phải ngã, không phải ngã sở; nhưng chẳng phải là A-la-hán đã đoạn tận lậu hoặc.”

Tỳ-kheo Đà-sa trở lại chỗ các Thượng tọa, bạch với các Thượng tọa, Tỳ-kheo Sai-ma nói, ‘Tôi có thể quán sát năm thọ ấm là không phải ngã, không phải ngã sở; nhưng chẳng phải là A-la-hán đã đoạn tận lậu hoặc’”...²⁹.

17. A-la-hán sau khi thân hoại mạng chung không còn gì

(No. 104). Một thời, Phật ở tại vườn Cấp-cô-độc, rừng cây Kỳ-đà, nước Xá-vệ. Bấy giờ, có Tỳ-kheo tên là Diệm-ma-ca khởi tà kiến ác nói rằng: ‘Theo chỗ hiểu của tôi về những pháp mà Phật đã thuyết giảng, thì vị A-la-hán lậu tận, sau khi thân hoại mạng chung sẽ không còn gì nữa’...³⁰

29. Linh Sơn Pháp Bảo Đại Tạng Kinh Tập V, Bộ A Hàm V, Trung A Hàm Biệt Dịch & Kinh Tập A Hàm Số 1, Tập A Hàm Quyển 5 Kinh 103: Sai Ma, Hội Văn hóa Giáo dục Linh Sơn Đài Bắc - Taiwan, 2000, trang 673.

30. Linh Sơn Pháp Bảo Đại Tạng Kinh Tập V, Bộ A Hàm V, Trung A Hàm Biệt Dịch & Kinh Tập A Hàm Số 1, Tập A Hàm Quyển 5 Kinh 103:

(No. 103). Phật bảo Tiên-ni: “Các đệ tử của Ta nghe những gì Ta đã nói mà không hiểu nghĩa lý để khởi vô gián đặng đối với mạn. Vì phi vô gián đặng nên mạn không bị đoạn trừ. Vì không dứt trừ được mạn, nên khi bỏ ám này thì ám khác tiếp nối sinh. Do vậy, này Tiên-ni, Ta ký thuyết cho các đệ tử, sau khi thân hoại mạng chung sẽ sanh vào chỗ này hay chỗ kia. Vì sao? Vì mạn còn sót lại.

“Này Tiên-ni, các đệ tử của Ta đối với những gì Ta đã nói, có khả năng hiểu rõ, thì đối với các mạn mà đạt được vô gián đặng. Nhờ đạt được vô gián đặng nên các mạn dứt trừ; vì các mạn được dứt trừ nên sau khi thân hoại mạng chung sẽ không còn có tương tục. Này Tiên-ni, những người đệ tử này, Ta không bảo là khi bỏ ám này rồi, họ sẽ sinh vào chỗ này hay chỗ kia. Vì sao? Vì không có nhân duyên để có thể ký thuyết. Nếu muốn Ta ký thuyết, Ta sẽ ký thuyết rằng, họ đã đoạn trừ các ái dục, vĩnh viễn xa lìa kết sử hữu, chánh ý giải thoát, tận cùng mé khổ. Từ xưa tới nay và ngay trong hiện tại, Ta thường nói, mạn quá, mạn tập, mạn sanh, mạn khởi; nếu đối với mạn mà thường xuyên quán sát thì các khổ sẽ không sanh”.

Khi Phật nói pháp này, Tiên-ni Sa-môn ngoại đạo, xa lìa trần cấu, được mắt pháp trong sạch. Bấy giờ, Tiên-ni

thấy pháp, đắc pháp, đoạn trừ các nghi hoặc, không do người khác mà biết, không do người khác để được độ thoát. Ở trong Chánh pháp, tâm đạt được vô sở úy. Ông từ chỗ ngồi đứng dậy, chấp tay bạch Phật³¹.

18. Sự dị biệt giữa A-la-hán và Như Lai

(No. 59). “Này Tỳ-kheo, Như Lai, Ứng Cúng, Đẳng Chánh Giác và A-la-hán tuệ giải thoát có sự sai biệt nào?”

.... Phật bảo các Tỳ-kheo: “Hãy lắng nghe và suy nghĩ kỹ, Ta sẽ vì các ông mà nói. “Như Lai, Ứng Cúng, Đẳng Chánh Giác chưa từng nghe pháp nhưng có thể tự mình giác ngộ pháp, tự thông đạt Vô thượng Bồ-đề, rồi để giác ngộ cho hàng Thanh văn trong đời vị lai mà nói pháp, đó là, bốn Niệm xứ, bốn Chánh cần, bốn Như ý túc, năm Căn, năm Lực, bảy Giác chi, tám Thánh đạo. Này các Tỳ-kheo, đó gọi là Như Lai, Ứng Cúng, Đẳng Chánh Giác đạt được những gì chưa đạt, được những cái lợi chưa từng được lợi, biết đạo, phân biệt đạo, nói đạo, thông suốt đạo; lại có thể thành tựu cho các Thanh văn, truyền dạy, răn bảo; như vậy mà thuận theo thiện pháp,

31. Linh Sơn Pháp Bảo Đại Tạng Kinh Tập V, Bộ A Hàm V, Trung A Hàm Biệt Dịch & Kinh Tập A Hàm Số 1, Tập A Hàm Quyển 5 Kinh 103: Sai Ma, Hội Văn hóa Giáo dục Linh Sơn Đài Bắc - Taiwan, 2000, trang 684~685

hoan hỷ thiện pháp. Đó gọi là sự sai biệt giữa Như Lai và A-la-hán”³².

(No. 498). “Bạch Thế Tôn, con tin sâu xa về Thế Tôn rằng, trí tuệ của các Sa-môn, Bà-la-môn dù là quá khứ, vị lai hay hiện tại cũng không bằng sự giác ngộ của Thế Tôn, huống lại là hơn!”³³

(No. 684). “Nếu Tỳ-kheo, đối với sắc sanh tâm yếm ly, ly dục, diệt tận, không sanh khởi, giải thoát; đó gọi là A-la-ha Tam-miệu-tam Phật-đà. Đối với thọ, tưởng, hành, thức cũng nói như vậy. Lại, nếu Tỳ-kheo nào đối với sắc sanh tâm yếm ly, ly dục không sanh khởi, giải thoát, đó gọi là A-la-hán tuệ giải thoát. Đối với thọ, tưởng, hành, thức cũng nói như vậy.

“Này các Tỳ-kheo, giữa Như Lai, Ứng Cúng, Đẳng Chánh Giác và A-la-hán tuệ giải thoát có những gì sai khác?”

Các Tỳ-kheo bạch Phật: “Thế Tôn là gốc của pháp, là mắt của pháp, là nơi y cứ của pháp, xin vì chúng con mà

32. Linh Sơn Pháp Bảo Đại Tạng Kinh Tập V, Bộ A Hàm V, Trung A Hàm Biệt Dịch & Kinh Tập A Hàm Số 1, Tập A Hàm Quyển 3 - Kinh 59: Sanh Diệt, Hội Văn hóa Giáo dục Linh Sơn Đài Bắc - Taiwan, 2000, trang 622.

33. Linh Sơn Pháp Bảo Đại Tạng Kinh Tập VI, Bộ A Hàm VI, Kinh Tập A Hàm Số 2, Tập A Hàm Quyển 18, Hội Văn hóa Giáo dục Linh Sơn Đài Bắc, Taiwan, 2000, trang 112.

nói, các Tỳ-kheo sau khi nghe xong sẽ lãnh thọ, phụng hành”.

Phật bảo các Tỳ-kheo: “Hãy lắng nghe và suy nghĩ kỹ! Ta sẽ vì các ông mà nói. Như Lai, Ứng Cúng, Đẳng Chánh Giác đối với pháp trước kia chưa nghe, thì có thể tự giác tri, ngay trong đời hiện tại tự thân chứng ngộ, thành Chánh giác; đối với đời vị lai có thể giảng nói Chánh pháp, giác ngộ các Thanh văn; tức là, bốn Niệm xứ, bốn Chánh đạo, bốn Như ý túc, năm Căn, năm Lực, bảy Giác phần, tám Thánh đạo phần. Đó gọi là Như Lai, Ứng Cúng, Đẳng Chánh Giác đối với pháp chưa chứng đắc thì có thể sẽ chứng đắc, phạm hạnh chưa chế có thể chế, có thể khéo biết đạo, khéo nói đạo, vì chúng sanh mà dẫn đường. Sau đó, Thanh văn thành tựu tùy thuận pháp, tùy thuận đạo, vui thích vâng lời giáo giới, giáo thọ của Đại Sư, nên khéo thâm nhập Chánh pháp. Đó gọi là những sự sai khác giữa Như Lai, Ứng Cúng, Đẳng Chánh Giác và A-la-hán tuệ giải thoát”³⁴.

19. Kể sát nhân Ương Cù Lợi Ma La vẫn chứng A la hán

(No. 1077). Một thời Đức Phật trú tại nước Ương-cù-đa-la du hành nhân gian. Khi đi qua trong rừng Đà-bà-

34. Linh Sơn Pháp Bảo Đại Tạng Kinh Tập VI, Bộ A Hàm VI, Kinh Tập A Hàm Số 2, Tập A Hàm Quyển 26, Hội Văn hóa Giáo dục Linh Sơn Đài Bắc, Taiwan, 2000, trang 382~383

xà-lê-ca, Ngài gặp những người chặn bò, người chặn dê, người nhặt củi, cỏ và các người làm việc khác. Họ trông thấy Thế Tôn đang đi trên đường, đều vội vàng bạch Phật: “Bạch Thế Tôn, chớ đi theo con đường này. Phía trước có tên cướp Ương-cù-lợi-ma-la chuyên môn khủng bố người”.

Đức Phật nói với các người này: “Ta không sợ”.

Nói xong, Ngài cứ theo đường mà đi. Họ nói ba lần, Đức Phật vẫn cứ đi. Từ xa Phật trông thấy Ương-cù-lợi-ma-la, tay cầm dao chạy thẳng đến. Thế Tôn dùng thần lực hiện thân đi từ từ khiến cho Ương-cù-lợi-ma-la chạy như bay cũng không kịp. Chạy theo đến mệt đuối, Ương-cù-lợi-ma-la từ xa nói với Thế Tôn: “Đứng lại, đứng lại, chớ đi!”

Sa môn Thích Tịnh Hạnh, Đại Tập VI, Bộ A Hàm VI, Kinh Tạp A Hàm Số 2, Tạp A Hàm Quyển 26, Hội Văn hóa Giáo dục Linh Sơn Đài Bắc, Taiwan, 2000, trang 382.

Thế Tôn vừa đi vừa đáp: “Ta luôn dừng. Người không tự dừng đó thôi”.

Lúc ấy Ương-cù-lợi-ma-la nói kệ:

Sa-môn vẫn rảo nhanh,
Lại nói ‘Ta luôn dừng’.
Nay tôi mệt, dừng nghỉ.
Sao nói ‘Người chẳng dừng’?

Ương-cù-lợi-ma-la sau khi xuất gia, thường một mình ở chỗ vắng, chuyên tâm tư duy lý do khiến thiện gia nam tử cạo bỏ râu tóc, khoác áo ca-sa, chánh tín xuất gia, học đạo, sống không nhà, tinh tấn tu phạm hạnh, hiện tại tự biết tác chứng: ‘Ta, sự sanh đã dứt, phạm hạnh đã lập, những việc cần làm đã làm xong, tự biết không còn tái sanh đời sau nữa’. Lúc ấy Ương-cù-lợi-ma-la đắc quả A-la-hán, giác ngộ, giải thoát, hỷ lạc, Tôn giả liền nói kệ:...³⁵

20. 1.000 vị A-la-hán

(No. 1219). Một thời, Đức Phật ở trên sườn núi Na-già, thành Vương xá, cùng với một nghìn Tỳ-kheo đều là bậc A-la-hán, hết sạch các hữu lậu, việc cần làm đã làm xong, đã lìa các gánh nặng, đã được lợi mình, hết các hữu kết, chánh trí, tâm khéo giải thoát. Bấy giờ, Tôn giả Bà-kỳ-xá đang ở giữa nghĩa địa trong Hàn lâm, thành Vương xá, suy nghĩ rằng: “Nay Thế Tôn đang ở trên sườn núi Na-già, thành Vương xá cùng với một nghìn Tỳ-kheo đều là bậc A-la-hán, hết các hữu lậu, việc cần làm đã làm

35. Linh Sơn Pháp Bảo Đại Tạng Kinh Tập VI, Bộ A Hàm VI, Kinh Tập A Hàm Số 2, Tập A Hàm Quyển 38, Hội Văn hóa Giáo dục Linh Sơn Đài Bắc, Taiwan, 2000, trang 845~847

xong, đã lìa các gánh nặng, chóng được lợi mình, hết các hữu kết, chánh trí, tâm khéo giải thoát”³⁶.

21. Thân bệnh khổ mà tâm không bệnh khổ

(No. 103). Thế nào là thân bị bệnh khổ mà tâm không bị bệnh khổ? Đa văn Thánh đệ tử biết như thật về sự tập khởi của sắc, về sự diệt tận của sắc, về vị ngọt của sắc, về sự tai hại của sắc, về xuất ly của sắc. Khi đã biết như thật rồi thì không sanh ra ái lạc, thấy sắc là ngã, hay ngã sở. Sắc này nếu biến dịch hay đổi khác đi nữa, thì tâm cũng không thay đổi theo mà sanh ra khổ não. Khi tâm đã không biến chuyển theo mà sanh ra khổ não rồi, thì được sự không sợ hãi, chướng ngại, tiếc nuối, lo nghĩ, buồn khổ, tham luyến. Đối với thọ, tưởng, hành, thức lại cũng như vậy. Đó gọi là thân bị bệnh khổ mà tâm không bị bệnh khổ”³⁷.

36. Linh Sơn Pháp Bảo Đại Tạng Kinh Tập VII, Bộ A Hàm VII, Kinh Tập A Hàm Số 3, Số 99: Kinh Tập A Hàm (III) - Tập A Hàm Quyền 45, Hội Văn hóa Giáo dục Linh Sơn Đài Bắc, 2000, trang 35.

37. Linh Sơn Pháp Bảo Đại Tạng Kinh Tập V, Bộ A Hàm V, Trung A Hàm Biệt Dịch & Kinh Tập A Hàm Số 1, Tập A Hàm Quyền 5 Kinh 103: Sai Ma, Hội Văn hóa Giáo dục Linh Sơn Đài Bắc - Taiwan, 2000, trang 690.

22. Thế nào gọi là Niết-bàn

(No. 33). “Này Tỳ-kheo, đa văn Thánh đệ tử đối với năm thọ ẩm này, hãy quán sát như thật, thấy chẳng phải ngã, chẳng phải ngã sở. Quán sát như vậy, đối với thế gian đều không có gì để thủ. Vì không có gì để thủ, nên không có gì để đắm trước. Vì không có gì để đắm trước, cho nên tự giác ngộ Niết-bàn: ‘Ta, sự sanh đã dứt, phạm hạnh đã lập, những gì cần làm đã làm xong, tự biết không còn tái sanh đời sau nữa’”³⁸.

(No. 33). “Lành thay! Lành thay! Sắc là vô thường, là pháp biến dịch, yếm ly, ly dục, diệt tận, tịch tĩnh. Sắc như vậy từ xưa tới nay, tất cả đều là pháp vô thường, khổ, biến dịch. Khi đã biết như vậy rồi, thì tất cả các lậu, hại, xí nhiên, ưu não đã từng duyên vào sắc này mà sanh ra, thấy đều bị đoạn diệt. Khi đã đoạn diệt rồi, thì không còn gì để chấp trước. Khi đã không còn gì để chấp trước rồi, thì sống an lạc. Khi đã sống an lạc rồi, thì đạt được Bát-niết-bàn. Đối với thọ, tưởng, hành, thức lại cũng như vậy”³⁹.

38. Linh Sơn Pháp Bảo Đại Tạng Kinh Tập V, Bộ A Hàm V, Trung A Hàm Biệt Dịch & Kinh Tập A Hàm Số 1, Tập A Hàm Quyển 2 - Kinh 33: Phi Ngã, Hội Văn hóa Giáo dục Linh Sơn Đài Bắc - Taiwan, 2000, trang 561.

39. Linh Sơn Pháp Bảo Đại Tạng Kinh Tập V, Bộ A Hàm V, Trung A Hàm Biệt Dịch & Kinh Tập A Hàm Số 1, Tập A Hàm Quyển 2 - Kinh 33: Phi Ngã, Hội Văn hóa Giáo dục Linh Sơn Đài Bắc - Taiwan, 2000, trang 562.

(No. 61). “Thế nào là sắc thọ ấm? Những gì là sắc, tất cả chúng đều là bốn đại và sắc do bốn đại tạo. Đó gọi là sắc thọ ấm. Lại nữa, sắc kia là vô thường, khổ, là pháp biến dịch. Nếu sắc thọ ấm này vĩnh viễn bị đoạn trừ không dư tàn, rốt ráo xả ly, diệt tận, ly dục, tịch diệt, các sắc thọ ấm khác không tương tục, không xuất hiện, không khởi lên, thì đó gọi là vi diệu, cũng gọi là tịch tĩnh, cũng gọi là xả ly tất cả hữu dư, ái tận, vô dục, diệt tận, Niết-bàn.”⁴⁰

(No. 490). “Nói là Niết-bàn; thế nào là Niết-bàn?”

Tôn giả Xá-lợi-phất đáp: “Niết-bàn là sự đoạn tận vĩnh viễn của tham dục; sự đoạn tận vĩnh viễn sân nhuế, ngu si; sự đoạn tận vĩnh viễn của tất cả các phiền não. Đó gọi là Niết-bàn”⁴¹.

23. Hiện tại Niết-bàn

(No. 28). Bạch Thế Tôn, như Thế Tôn nói “Chứng đắc Niết-bàn ngay trong hiện tại. Vậy, thế nào là Tỳ-kheo chứng đắc Niết-bàn ngay trong hiện tại?”

40. Linh Sơn Pháp Bảo Đại Tạng Kinh Tập V, Bộ A Hàm V, Trung A Hàm Biệt Dịch & Kinh Tập A Hàm Số 1, Tập A Hàm Quyển 3 - Kinh 59: Sanh Diệt, Hội Văn hóa Giáo dục Linh Sơn Đài Bắc - Taiwan, 2000, trang 603.

41. Linh Sơn Pháp Bảo Đại Tạng Kinh Tập VI, Bộ A Hàm VI, Kinh Tập A Hàm Số 2, Tập A Hàm Quyển 18, Hội Văn hóa Giáo dục Linh Sơn Đài Bắc, Taiwan, 2000, trang 88.

“Đối với sắc mà sanh tâm yểm ly, ly dục, diệt tận, không khởi lên các lậu, tâm giải thoát chân chánh, thì đó gọi là Tỳ-kheo chứng đắc Niết-bàn ngay trong hiện tại. Cũng vậy, đối với thọ, tưởng, hành, thức mà sanh tâm yểm ly, ly dục, diệt tận, không khởi lên các lậu, tâm giải thoát chân chánh, thì đó gọi là Tỳ-kheo chứng đắc Niết-bàn ngay trong hiện tại”⁴².

(No. 33). “Có bảy xứ thiện với ba phương pháp quán nghĩa, hoàn toàn ở trong pháp này mà chứng đắc lậu tận, đắc vô lậu tâm giải thoát, tuệ giải thoát, ngay trong đời này mà tự tri, tự thân chứng ngộ cụ túc và an trụ, biết rằng: ‘Ta, sự sanh đã dứt, phạm hạnh đã lập, những gì cần làm đã làm xong, tự biết không còn tái sanh đời sau nữa’⁴³.

24. Con đường hướng đến Niết bàn

(No. 220). “Có con đường tương tự đưa đến Niết-bàn. Vậy, thế nào là con đường tương tự đưa đến Niết-bàn? Quán sát mắt chẳng phải ngã. Quán sát sắc, nhãn

42. Linh Sơn Pháp Bảo Đại Tạng Kinh Tập V, Bộ A Hàm V, Trung A Hàm Biệt Dịch & Kinh Tập A Hàm Số 1, Tập A Hàm Quyển 1 - Kinh 1: Vô Thường, Hội Văn hóa Giáo dục Linh Sơn Đài Bắc - Taiwan, 2000, trang 550.

43. Linh Sơn Pháp Bảo Đại Tạng Kinh Tập V, Bộ A Hàm V, Trung A Hàm Biệt Dịch & Kinh Tập A Hàm Số 1, Tập A Hàm Quyển 2 - Kinh 33: Phi Ngã, Hội Văn hóa Giáo dục Linh Sơn Đài Bắc - Taiwan, 2000, trang 576.

thức và cảm thọ với khổ thọ, lạc thọ và phi khổ phi lạc thọ được cảm thọ bên trong phát sanh bởi nhân duyên nhãn xúc, chúng cũng được quán sát là vô thường. Đối với tai, mũi, lưỡi, thân, ý cũng lại như vậy. Đó gọi là con đường tương tự đưa đến Niết-bàn”⁴⁴.

25. Các loại Niết-bàn

(No. 864 giống Kinh 866). “Nếu Tỳ-kheo, với hành, hoặc hình, hay tướng, ly dục, ly pháp ác bất thiện, có giác, có quán có hỷ lạc do viễn ly sanh, chứng và an trụ Sơ thiên; vị ấy không nhớ nghĩ hành như vậy, hình như vậy, tướng như vậy. Nhưng đối với sắc, thọ, tưởng, hành, thức, vị ấy tư duy như là bệnh, như ung nhọt, như gai nhọn, như sát hại, là vô thường, khổ, không, vô ngã. Đối với những pháp này mà sanh tâm nhàm chán, sợ hãi, phòng hộ. Do nhàm chán, xa lìa, phòng hộ, bằng cửa cam lộ mà tự làm lợi ích cho mình. Đây là tịch tĩnh, đây là thắng diệu, tức là xả ly tất cả hữu dư, ái tận, vô dục, diệt tận, Niết-bàn”.

“Nếu không được giải thoát, nhưng do pháp kia, dục pháp, niệm pháp, lạc pháp, nên thủ Trung Bát-niết-bàn; hoặc không như vậy, thì thủ Sanh Bát-niết-bàn; hoặc

44. Linh Sơn Pháp Bảo Đại Tạng Kinh Tập V, Bộ A Hàm V, Trung A Hàm Biệt Dịch & Kinh Tập A Hàm Số 1, Tập A Hàm Quyển 8 Kinh 188: Ly Hỷ Tham, Hội Văn hóa Giáo dục Linh Sơn Đài Bắc - Taiwan, 2000, trang 811-812.

không như vậy, thì thủ Hữu hành Bát-niết-bàn, hoặc không như vậy, thủ Vô hành Bát-niết-bàn, hoặc không như vậy, thì Thượng lưu Bát-niết-bàn. Hoặc không như vậy, do dục pháp, niệm pháp, lạc pháp, do công đức này mà sanh làm Đại Phạm thiên, hoặc sanh về cõi Phạm phụ thiên, hay sanh về cõi Phạm thân thiên”⁴⁵.

26. Đáo bỉ ngạn

(No. 1172). Một thời Đức Phật ở trong vườn Cù-su-la, tại nước Câu-diêm-di. Bảy giờ, Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo: “Thí như có bốn con rắn hổ hung ác, độc nghiệt, đứng trong một cái tráp. Bảy giờ có một người thông minh, không ngu si, có trí tuệ, tìm lạc, nhàm khổ, cầu sống chán chết”. Khi ấy, có một người kia nói với người này rằng: “Nay, anh giữ cái tráp đựng rắn độc này. Hãy lau chùi, tắm rửa cho chúng, gằn gụi, cho chúng ăn. Thịnh thoảng, cho chúng ra, vào. Nếu bốn con rắn này thoát ra, thì rất có hại, hoặc có thể cắn chết, hoặc gằn chết. Bạn hãy coi chừng”.

“Bảy giờ, người này sợ hãi bỏ chạy. Bỗng có năm kẻ oán thù cầm đao rượt theo muốn bắt giết: Nay bạn, hãy đề phòng. Trong lúc anh đang sợ bốn con rắn độc và năm kẻ oán thù hoa đao nên ruổi chạy, thì người kia lại nói:

45. Linh Sơn Pháp Bảo Đại Tạng Kinh Tập VI, Bộ A Hàm VI, Kinh Tập A Hàm Số 2, Tập A Hàm Quyển 31, Hội Văn hóa Giáo dục Linh Sơn Đài Bắc, Taiwan, 2000, trang 545~547

Này bạn, bên trong còn có sáu tên giặc đang đuổi theo rình rập anh. Nếu bắt được, chúng nó sẽ giết. Anh nên đề phòng”.

“Bấy giờ, người này vì sợ bốn con rắn độc, năm kẻ oán thù cầm dao, với sáu tên giặc ở bên trong, nên kinh hãi bỏ chạy, lại trở vào trong xóm vắng. Thấy một căn nhà trống mục nát nguy hoại kia, với những đồ vật xấu ác, dòn tan, dễ vỡ, không có gì chắc thật. Người kia lại nói: ‘Này bạn, thôn xóm vắng vẻ này sẽ có bọn giặc đến. Chúng sẽ hại anh’.

“Khi ấy, người này vì sợ bốn con rắn độc, năm tên giặc hoa đao, sáu tên giặc dữ bên trong và một đám giặc trong xóm vắng, nên anh tiếp tục chạy. Chợt gặp một con sông lớn chắn ngang đường, dòng nước sâu đang chảy siết, chỉ thấy bờ bên này có nhiều sự sợ hãi, còn thấy bờ bên kia an ổn khoái lạc, mát mẻ, không có sợ hãi. Nhưng không có cầu, thuyền để đưa qua được đến bờ kia. Anh ta tự nghĩ: ‘Ta hãy lấy cây cỏ kết thành một chiếc bè, dùng tay chân làm phương tiện vượt qua bên kia sông’. Nghĩ như vậy rồi, liền thâu thập cây cỏ, tại cạnh bờ sông kết lại thành chiếc bè, dùng tay chân làm phương tiện cắt dòng sang ngang. Như vậy, người này thoát khỏi bốn con rắn độc, năm kẻ oán thù hoa đao, sáu tên giặc ác bên trong và lại thoát được bọn giặc nơi xóm vắng; vượt qua khỏi dòng sâu, bỏ lại mọi sự sợ hãi ở bờ bên này, đến được bờ bên kia, an ổn, khoái lạc.

“Này các Tỳ-kheo, Ta nói thí dụ đó là để giải thích nghĩa này: “Cái tráp là dụ cho sắc thân gồm bốn đại thô và sở tạo của bốn đại phù này, thể tinh huyết, được nuôi lớn bằng các thức ăn tạp uế, tắm rửa, y phục. Đó là những pháp mong manh, biến hoại, vô thường.

“Bốn rắn độc là dụ cho bốn đại: đất, nước, gió, lửa. Nếu như địa đại cạnh tranh, có thể làm cho thân này chết, hoặc là gần chết. Đối với nước, lửa, gió cạnh tranh nhau cũng lại như vậy. Năm kẻ oán thù cầm đao là dụ cho năm thủ uân. Sáu tên giặc ác bên trong là dụ cho sáu ái hỷ. Xóm vắng là dụ cho sáu nội nhập. Này thiện nam tử, hãy quán sát mắt nhập xứ là vô thường, biến hoại. Sự chấp thủ mắt cũng là pháp vô thường hư ngụy. Tai, mũi, lưỡi, thân, ý nhập xứ cũng lại như vậy.

“Bọn giặc nơi xóm vắng là dụ cho sáu nhập xứ bên ngoài. Mắt bị sắc vừa ý, không vừa ý làm hại; tai đối tiếng, mũi đối mùi, lưỡi đối vị, thân đối xúc, ... ý đối pháp dù vừa ý hay không vừa ý cũng đều bị hại.

“Dòng nước xiết dụ cho bốn lưu: dục lưu, hữu lưu, kiến lưu và vô minh lưu.

“Con sông dụ cho ba ái: dục ái, sắc ái và vô sắc ái.

“Bờ bên này nhiều sợ hãi dụ cho hữu thân. Bờ bên kia mát mẻ, an lạc dụ cho Vô dư Niết-bàn. Chiếc bè dụ cho Bát chánh đạo. Dùng tay chân làm phương tiện cắt dòng sang sông dụ cho tinh tấn dũng mãnh đến bờ kia.

Trụ xứ của Bà-la-môn dụ cho Như Lai, Ứng Cúng, Đẳng Chánh Giác.

“Như vậy, các Tỳ-kheo, Đại Sư từ bi, an ủi đệ tử. Những gì cần làm Ta đã làm xong. Nay các ông cũng phải nên làm những gì cần làm. Hoặc dưới bóng cây vắng vẻ, hay nơi phòng xá thanh tịnh, trải cỏ làm tòa, hoặc chỗ đất trống hay gò mả, xa lìa tất cả, tinh cần thiền tư, cẩn thận chớ buông lung mà sau này hối hận. Đây là giáo giới của Ta”⁴⁶.

27. Mục đích giáo dục của đức Phật là chấm dứt khổ đau

(No. 108). “Họ sẽ lại hỏi: ‘Thấy có lợi ích gì trong việc dứt trừ dục tham, mà Đại sư nói ở nơi sắc phải điều phục dục tham, ở nơi thọ, tưởng, hành, thức điều phục dục tham?’”. Các ông nên trả lời: ‘Nếu ở nơi sắc mà đoạn trừ dục, đoạn trừ tham, đoạn trừ niệm, đoạn trừ ái, đoạn trừ khát, thì đối với sắc nếu có biến đổi, hoặc khác đi, vẫn không khởi lên ưu, bi, khổ, não, và đối với thọ, tưởng, hành, thức lại cũng như vậy. Thừa các ngài, nếu vì nguyên nhân nhận lãnh các pháp bất thiện mà khiến cho cuộc sống ngay trong hiện tại vẫn được an vui, không khổ, không chướng ngại, không phiền não, không nóng

46. Linh Sơn Pháp Bảo Đại Tạng Kinh Tập VI, Bộ A Hàm VI, Kinh Tập A Hàm Số 2, Tập A Hàm Quyển 43, Hội Văn hóa Giáo dục Linh Sơn Đài Bắc, Taiwan, 2000, trang 1003~1005

bức, thân hoại mạng chung được sanh vào nơi tốt lành, thì Đức Thế Tôn cuối cùng đã không dạy: Hãy đoạn trừ các pháp bất thiện. Và cũng không dạy người ở trong Phật pháp tu các phạm hạnh, để đạt được tận cùng của mé khổ. Vì nguyên nhân nhận lãnh các pháp bất thiện nên sẽ đưa đến một cuộc sống khổ đau ngay trong hiện tại và chướng ngại, nhiệt não, sau khi thân hoại mạng chung sẽ đọa vào trong đường ác. Cho nên Đức Thế Tôn dạy, hãy đoạn trừ pháp bất thiện và ở trong Phật pháp phải tu các phạm hạnh để đạt được rốt cùng mé khổ, bình đẳng giải thoát hết khổ. Nếu vì nguyên nhân nhận lãnh các pháp thiện, mà ngay trong cuộc sống hiện tại chịu khổ, chướng ngại, nhiệt não và sẽ đọa vào trong đường ác, thì Thế Tôn đã không dạy nên thọ trì pháp thiện, ở trong Phật pháp phải tu phạm hạnh để đạt được rốt cùng mé khổ, bình đẳng giải thoát hết khổ. Vì thọ trì pháp thiện nên ngay trong cuộc sống hiện tại được an vui, không khổ, không chướng ngại, không phiền não, không nhiệt bức, sau khi thân hoại mạng chung sẽ sanh vào nơi tốt lành. Cho nên Đức Thế Tôn khen ngợi việc dạy người lãnh thọ các pháp thiện, ở trong Phật pháp tu các phạm hạnh để đạt được rốt cùng của mé khổ, bình đẳng giải thoát hết khổ”⁴⁷.

47. Linh Sơn Pháp Bảo Đại Tạng Kinh Tập V, Bộ A Hàm V, Trung A Hàm Biệt Dịch & Kinh Tập A Hàm Số 1, Tập A Hàm Quyển 5 Kinh 103: Sai Ma, Hội Văn hóa Giáo dục Linh Sơn Đài Bắc - Taiwan, 2000, trang 692~693

28. Con rùa mù với bọt cây

(No. 406). Ví như đất liền đều biến thành biển lớn, có một con rùa mù, sống vô lượng kiếp, trăm năm mới trôi đầu lên một lần. Trong biển có một khúc gỗ nổi, chỉ có một lỗ hồng, lênh đênh trên sóng nước theo gió trôi nổi Đông Tây. Con rùa mù một trăm năm mới trôi đầu lên một lần kia, sẽ gặp được cái lỗ hồng này không?”

Tôn giả A-nan bạch Phật: “Bạch Thế Tôn, không thể được. Vì sao? Vì con rùa mù này, nếu đến biển phía Đông, thì khúc gỗ có thể theo gió, hoặc đến biển phía Tây, Nam, Bắc. Cũng vậy, bốn phía xung quanh không dễ gì gặp được”.

Phật bảo A-nan: “Con rùa mù và khúc gỗ nổi tuy trái chiều nhau, nhưng có thể gặp được. Phạm phu ngu si phiêu lưu trong năm đường, tạm thời được thân người còn khó hơn việc trên. Vì sao? Vì những chúng sanh này không thực hành nghĩa này, không thực hành pháp, không thực hành điều lành, không thực hành chân thật, lần lượt sát hại lẫn nhau, kẻ mạnh lấn áp người yếu, tạo ra vô lượng điều ác. Cho nên, các Tỳ-kheo, đối với bốn Thánh đế nếu chưa hiện quán, thì nên siêng năng tìm phương tiện, phát khởi ý muốn tăng thượng, tu học hiện quán”⁴⁸.

48. Linh Sơn Pháp Bảo Đại Tạng Kinh Tập V, Bộ A Hàm V, Trung A Hàm Biệt Dịch & Kinh Tập A Hàm Số 1, Tập A Hàm Quyền 15 Kinh

29. Lời Phật dạy là chân lý của thế gian

(No. 37). “Ta không tranh luận với thế gian. Thế gian tranh luận với Ta. Vì sao vậy? Tỳ-kheo, nếu người nào nói đúng pháp, thì người ấy không tranh luận với thế gian.

“Những gì người trí thế gian nói có, Ta cũng nói có. Thế nào là người trí thế gian nói có, Ta cũng nói có? Tỳ-kheo, sắc là vô thường, khổ, là pháp biến dịch; người trí thế gian nói có, Ta cũng nói có. Cũng vậy, thọ, tưởng, hành, thức là vô thường, khổ, là pháp biến dịch; người trí thế gian nói có, thì Ta cũng nói có.

“Những gì người trí thế gian nói không, Ta cũng nói không. Thế nào là người trí thế gian nói không, Ta cũng nói không? Tỳ-kheo, sắc thường hằng, không biến dịch, tồn tại mãi mãi, là điều người trí thế gian nói là không, thì Ta cũng nói là không. Cũng vậy, thọ, tưởng, hành, thức là thường hằng, không biến dịch, tồn tại mãi mãi, là điều người trí nói không, thì Ta cũng nói không. Đó gọi là người trí thế gian nói không, Ta cũng nói không.

“Tỳ-kheo, có những pháp thế gian, ở trong thế gian, Ta đã tự chứng tri, tự giác ngộ rồi vì mọi người mà phân biệt giảng nói, hiển thị, nhưng những kẻ mù không có

mắt trong thế gian đã không biết, không thấy đó không phải là lỗi của Ta.

“Tỳ-kheo, những gì là pháp thế gian ở trong thế gian mà Ta đã tự chứng tri, tự giác ngộ, rồi vì mọi người phân biệt, giảng nói, hiển hiện, nhưng những kẻ mù không mắt, không biết không thấy? Tỳ-kheo, đó là, sắc là pháp vô thường, khổ, biến dịch, nó là pháp thế gian ở trong thế gian. Cũng vậy, thọ, tưởng, hành, thức là vô thường, khổ, là pháp thế gian ở trong thế gian”⁴⁹.

(No. 38). “Người đời làm nghề thấp hèn, bằng đủ mọi cách mưu sinh tìm cầu của cải, mà được giàu sang điều đó người đời ai cũng biết. Như điều mà người đời biết, Ta cũng nói như vậy. Vì sao? Chớ nghĩ Ta khác người đời.

“Tỳ-kheo, giống như cùng một món đồ, có nơi người ta gọi là kiên-tỳ, có nơi gọi là bát, có nơi gọi là chủy-chủy-la, có nơi gọi là giá-lưu, có nơi gọi là tỳ-tát-đa, có nơi gọi là bà-xà-na, có nơi gọi là tát-lao, theo sự hiểu biết chỗ này hay chỗ kia. Ta cũng nói như vậy. Vì sao? Đừng nghĩ Ta khác người đời.

“Như vậy, này các Tỳ-kheo, có pháp thế gian mà Ta đã tự chứng tri, đã tự giác ngộ, rồi vì mọi người phân

49. Linh Sơn Pháp Bảo Đại Tạng Kinh Tập V, Bộ A Hàm V, Trung A Hàm Biệt Dịch & Kinh Tập A Hàm Số 1, Tập A Hàm Quyển 2 - Kinh 33: Phi Ngã, Hội Văn hóa Giáo dục Linh Sơn Đài Bắc - Taiwan, 2000, trang 564~565

biệt, giảng nói, hiển hiện, nhưng những kẻ mù không mắt, không biết, không thấy. Đối với những kẻ mù, không mắt, không biết, không thấy kia, Ta làm gì được”.

“Tỳ-kheo, những gì là pháp thế gian ở trong thế gian mà Ta đã tự chứng tri, tự giác ngộ rồi vì mọi người phân biệt, giảng nói, hiển hiện nhưng những kẻ mù không mắt, không biết, không thấy? Tỳ-kheo, đó là sắc là pháp vô thường, khổ, biến dịch, nó là pháp thế gian ở trong thế gian. Cũng vậy thọ, tưởng, hành, thức là vô thường, khổ, là pháp thế gian ở trong thế gian⁵⁰.”

30. Nhân duyên là học thuyết của Đức Phật

(No. 53). “Thưa Sa-môn Cù-đàm, Ngài luận về cái gì? Và thuyết về cái gì?”

Phật bảo Bà-la-môn: “Ta luận về nhân và thuyết về nhân”.

Lại bạch Phật rằng: “Thế nào là luận về nhân? Và thế nào là thuyết về nhân?”

Đức Phật bảo Bà-la-môn: “Có nhân, có duyên để thế gian tập khởi; có nhân, có duyên cho sự tập khởi của thế

50. Linh Sơn Pháp Bảo Đại Tạng Kinh Tập V, Bộ A Hàm V, Trung A Hàm Biệt Dịch & Kinh Tập A Hàm Số 1, Tập A Hàm Quyển 2 - Kinh 33: Phi Ngã, Hội Văn hóa Giáo dục Linh Sơn Đài Bắc - Taiwan, 2000, trang 565~566

gian. Có nhân, có duyên để thế gian diệt; có nhân, có duyên cho sự diệt tận của thế gian”.

Bà-la-môn bạch Phật rằng: “Bạch Thế Tôn, thế nào là có nhân, có duyên để thế gian tập khởi? Và có nhân, có duyên cho sự tập khởi của thế gian?”

Đức Phật bảo Bà-la-môn: “Phàm phu ngu si không học, nên không biết như thật về sự tập khởi của sắc, về sự diệt tận của sắc, về vị ngọt của sắc, về sự tai hại của sắc, về sự xuất ly sắc. Vì không biết như thật, nên ái lạc sắc, khen ngợi sắc, tâm nhiễm đắm mà trụ. Kia đối với sắc mà ái lạc nên sanh thủ; duyên thủ nên có hữu; duyên hữu nên có sanh; duyên sanh nên có lão, tử, ưu, bi, khổ, não. Đó chính là sự tập khởi của toàn bộ khối khổ lớn. Đối với thọ, tưởng, hành, thức, lại cũng như vậy. Nay Bà-la-môn, đó gọi là có nhân, có duyên để thế gian tập khởi; có nhân, có duyên cho sự tập khởi của thế gian”⁵¹.

(No. 894). “Ta, đối với thế gian và sự tập khởi của thế gian nếu không biết như thật thì trọn không thể ở giữa các chúng chư Thiên, Ma, Phạm, Sa-môn, Bà-la-môn cùng các thế gian được nói là Bạc Giải Thoát, là Bạc Xuất Ly lìa khỏi vọng tưởng điên đảo, cũng không gọi là Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác. Vì Ta biết như thật

51. Linh Sơn Pháp Bảo Đại Tạng Kinh Tập V, Bộ A Hàm V, Trung A Hàm Biệt Dịch & Kinh Tập A Hàm Số 1, Tập A Hàm Quyển 2 - Kinh 33: Phi Ngã, Hội Văn hóa Giáo dục Linh Sơn Đài Bắc - Taiwan, 2000, trang 587~588

đối với thế gian và sự tập khởi của thế gian, cho nên Ta ở giữa chư Thiên, Người đời, Ma, Phạm, Sa-môn, Bà-la-môn và các chúng sanh khác được nói là Bạc Giải Thoát, là Bạc Xuất Ly, tâm lìa điên đảo, an trụ đầy đủ, đạt được Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác”⁵².

31. Chư Phật 3 đời đều giác ngộ giáo lý duyên khởi

(No. 369). Thuở xưa Đức Phật Tỳ-bà-thi khi chưa thành Chánh giác, trụ chỗ Bồ-đề không bao lâu thì thành Phật. Rồi đến dưới cây Bồ-đề trải cỏ làm tòa ngồi kiết già, ngồi thẳng, chánh niệm. Ngồi suốt bảy ngày, đối với mười hai duyên khởi, quán sát thuận nghịch như vậy: ‘Do cái này có nên cái kia có, vì cái này khởi nên cái kia khởi; duyên vô minh nên có hành... cho đến, duyên sanh nên có già chết và tụ tập thuần một khối khổ lớn và thuần một khối khổ lớn diệt’⁵³.

52. Linh Sơn Pháp Bảo Đại Tạng Kinh Tập VI, Bộ A Hàm VI, Kinh Tập A Hàm Số 2, Tập A Hàm Quyền 31, Hội Văn hóa Giáo dục Linh Sơn Đài Bắc, Taiwan, 2000, trang 575.

53. Linh Sơn Pháp Bảo Đại Tạng Kinh Tập V, Bộ A Hàm V, Trung A Hàm Biệt Dịch & Kinh Tập A Hàm Số 1, Tập A Hàm Quyền 15 Kinh 365: Thuyết Pháp, Hội Văn hóa Giáo dục Linh Sơn Đài Bắc - Taiwan, 2000, trang 1041.

32. Pháp duyên sinh là chân lý của thế gian

(No. 296). “Dù Phật có xuất hiện hay chưa xuất hiện ở thế gian thì pháp này vẫn thường trụ, pháp trụ, pháp giới. Pháp này Như Lai đã tự giác tri, thành Đẳng chánh giác, vì người diễn nói, chỉ dạy, hiển bày rằng: Duyên sanh nên có già, bệnh, chết, ưu, bi, khổ, não⁵⁴.”

(No. 299). “Bạch Thế Tôn, pháp duyên khởi mà Ngài nói, là do Thế Tôn làm ra hay do người khác làm ra?”

Phật bảo Tỳ-kheo: “Pháp duyên khởi chẳng phải do Ta tạo ra, cũng chẳng phải do người khác tạo ra. Nhưng dù Như Lai có xuất hiện hay chưa xuất hiện ở thế gian thì pháp giới này vẫn thường trụ. Như Lai tự giác ngộ pháp này, thành Đẳng chánh giác, vì tất cả chúng sanh mà phân biệt, diễn nói, chỉ dạy hiển bày; đó là: Cái này có nên cái kia có, cái này khởi nên cái kia khởi. Tức là do duyên vô minh nên có hành, ... cho đến việc tụ tập thuận một khối khổ lớn. Do vô minh diệt nên hành cũng diệt,... cho đến việc thuận một khối khổ lớn tụ tập cũng bị diệt”⁵⁵.

54. Linh Sơn Pháp Bảo Đại Tạng Kinh Tập V, Bộ A Hàm V, Trung A Hàm Biệt Dịch & Kinh Tạp A Hàm Số 1, Tạp A Hàm Quyển 12 Kinh 283: Chúng Thọ, Hội Văn hóa Giáo dục Linh Sơn Đài Bắc - Taiwan, 2000, trang 953.

55. Linh Sơn Pháp Bảo Đại Tạng Kinh Tập V, Bộ A Hàm V, Trung A Hàm Biệt Dịch & Kinh Tạp A Hàm Số 1, Tạp A Hàm Quyển 12 Kinh 283: Chúng Thọ, Hội Văn hóa Giáo dục Linh Sơn Đài Bắc - Taiwan, 2000, trang 958~959.

33. Rống tiếng rống sư tử biểu thị Phật nói pháp duyên khởi

(No. 348). “Nhu Lai thành tựu mười lực, được bốn vô úy, biết trú xứ của Phật trước kia thường chuyển Phạm luân, ở trong đại chúng phát lên tiếng gầm sư tử: ‘Cái này có nên cái kia có, cái này khởi nên cái kia khởi có nghĩa là duyên vô minh nên có hành. Nói đầy đủ cho đến tập khởi thuận một khối khổ lớn và thuận một khối khổ lớn bị diệt’. Nay các Tỳ-kheo, đây là giáo pháp chân thật được hiển hiện, cắt đứt dòng sanh tử cho đến người ấy tất khéo hiển hiện. Giáo pháp chân thật được hiển hiện, cắt đứt dòng sanh tử như vậy đủ khiến cho người thiện nam phát lòng tin chân chánh xuất gia, phương tiện tu tập, sống không buông lung. Ở trong Chánh pháp luật, tinh tấn chuyên cần khổ hạnh dù da bọc xương, máu thịt khô kiệt, nếu chưa đạt được điều cần phải đạt thì không xả bỏ phương tiện ân cần tinh tấn, cứng rắn chịu đựng⁵⁶.”

34. Giải thích 12 duyên sinh

(No. 298). Nay Ta sẽ thuyết pháp, thuyết nghĩa về pháp duyên khởi, các ông hãy lắng nghe, suy nghĩ kỹ, Ta sẽ vì các ông mà nói.

56. Linh Sơn Pháp Bảo Đại Tạng Kinh Tập V, Bộ A Hàm V, Trung A Hàm Biệt Dịch & Kinh Tập A Hàm Số 1, Tập A Hàm Quyền 14 Kinh 343: Phù Di, Hội Văn hóa Giáo dục Linh Sơn Đài Bắc - Taiwan, 2000, trang 1021-1022.

“Thế nào là thuyết pháp về pháp duyên khởi? Cái này có nên cái kia có, cái này khởi nên cái kia khởi. Tức là do duyên vô minh nên có hành... cho đến thuận một khối khổ lớn. Đó gọi là pháp thuyết về pháp duyên khởi.

“Thế nào là thuyết nghĩa? Tức là, duyên vô minh nên có hành. Thế nào là vô minh? Nếu chẳng biết tiền tế, chẳng biết hậu tế, chẳng biết cả tiền hậu tế, chẳng biết trong, chẳng biết ngoài, chẳng biết cả trong lẫn ngoài, chẳng biết nghiệp, chẳng biết báo, chẳng biết nghiệp báo; chẳng biết Phật, chẳng biết Pháp, chẳng biết Tăng; chẳng biết Khổ, chẳng biết Tập, chẳng biết Diệt, chẳng biết Đạo; chẳng biết nhân, chẳng biết pháp sanh khởi bởi nhân; chẳng biết thiện, bất thiện, có tội, không tội, tập, không tập; hoặc kém, hoặc hơn; nhiễm ô, hoặc thanh tịnh; phân biệt duyên khởi, tất cả đều chẳng biết; đối với sáu xúc nhập xứ không giác tri như thật, đối với các pháp này không thấy không biết, không hiện quán, bị si ám, không có minh, tối mù mịt, đó gọi là vô minh.

“Duyên vô minh nên có hành. Thế nào là hành? Hành gồm có thân hành, miệng hành, ý hành.

“Duyên hành nên có thức. Thế nào là thức? Chỉ sáu thức thân: nhãn thức thân, nhĩ thức thân, tỷ thức thân, thiệt thức thân, thân thức thân, ý thức thân.

“Duyên thức có danh sắc; thế nào là danh? Chỉ bốn ám vô sắc: thọ ám, tưởng ám, hành ám, thức ám. Thế nào

là sắc? Chỉ bốn đại, sắc do bốn đại tạo thành. Sắc này hợp cùng với danh đã nói ở trên, gọi là danh sắc.

“Duyên danh sắc nên có sáu nhập xứ. Thế nào là sáu nhập xứ? Sáu nội nhập xứ; nhãn nhập xứ, nhĩ, tỷ, thiệt, thân, ý nhập xứ.

“Duyên sáu nhập xứ nên có xúc. Thế nào là xúc? Chỉ sáu xúc thân: nhãn xúc thân, nhĩ xúc thân, tỷ xúc thân, thiệt xúc thân, thân xúc thân, ý xúc thân.

“Duyên xúc nên có thọ. Thế nào là thọ? Ba thọ: thọ khổ, thọ vui, thọ chẳng khổ chẳng vui.

“Duyên thọ nên có ái. Thế nào là ái? Ba ái: dục ái, sắc ái, vô sắc ái.

“Duyên ái nên có thủ. Thế nào là thủ? Bốn thủ: dục thủ, kiến thủ, giới thủ, ngã thủ.

“Duyên vào thủ nên có hữu. Thế nào là hữu? Ba hữu: dục hữu, sắc hữu, vô sắc hữu.

“Duyên hữu nên có sanh. Thế nào là sanh? Nếu mỗi mỗi chúng sanh kia nơi mỗi mỗi chủng loại thân kia, siêu việt, hòa hợp, xuất sanh, được ấm, được giới, được nhập xứ, được mệnh căn. Đó gọi là sanh.

“Duyên sanh nên có già chết. Thế nào là già? Như tóc bạc đầu hói, da nhăn, các căn suy sụp, tay chân yếu ớt, lưng còm, đầu cúi, rên rỉ, hơi thở ngắn, mệt nhọc, chóng gầy đi, thân thể đen sạm, tay chân nở ban đốm, lú

lần, làm việc gì cũng khó khăn, kém cỏi. Đó gọi là già. Thế nào là chết? Là mỗi mỗi chúng sanh kia nơi mỗi mỗi chủng loại thân kia chết đi, tuổi thọ chấm dứt, thân hoại, đổi dời, hơi ấm lìa thân, mệnh sống kết thúc, là đã đến lúc từ bỏ cái ấm thân. Đó gọi là chết. Chết này cùng già đã nói trước, gọi chung là già chết. Đó là thuyết nghĩa duyên khởi”⁵⁷.

35. Quán duyên sinh và duyên diệt

(No. 287). “Ta nhớ về thuở trước, khi chưa thành Chánh giác, một mình ở chỗ vắng, tinh tấn chuyên cần thiền định tư duy, khởi nghĩ như vậy: ‘Do có pháp gì nên có già chết; duyên pháp gì nên có già chết?’ Ta liền tư duy chân chánh và như thật phát khởi vô gián đẳng và khởi lên nhận thức: ‘Vì có sanh nên có già chết; vì duyên sanh nên có già chết; và đối với hữu, thủ, ái, thọ, xúc, lục nhập, danh sắc cũng như vậy.

“Do có pháp gì nên có danh sắc, vì duyên pháp gì nên có danh sắc?’ Ta liền tư duy chân chánh và như thật phát khởi vô gián đẳng và khởi lên nhận thức: ‘Vì có thức nên có danh sắc, vì duyên thức nên có danh sắc’. Khi Ta tư duy như vậy, ngang đến thức thì quay trở lại,

57. Linh Sơn Pháp Bảo Đại Tạng Kinh Tập V, Bộ A Hàm V, Trung A Hàm Biệt Dịch & Kinh Tập A Hàm Số 1, Tập A Hàm Quyển 12 - Kinh 283: Chúng Thọ, Hội Văn hóa Giáo dục Linh Sơn Đài Bắc - Taiwan, 2000, trang 956~958.

không thể vượt qua nó được. Nghĩa là duyên thức nên có danh sắc. Duyên danh sắc nên có lục nhập. Duyên lục nhập nên có xúc. Duyên xúc nên có thọ. Duyên thọ nên có ái. Duyên ái nên có thủ. Duyên thủ nên có hữu. Duyên hữu nên có sanh. Duyên sanh nên có lão, bệnh, tử, ưu, bi, khổ, não và tụ tập thuận một khối khổ lớn như vậy.

Bấy giờ, Ta suy nghĩ: “Do không có pháp gì nên không có già chết, do pháp gì diệt nên già chết diệt? Ta liền tư duy chân chánh và như thật phát khởi vô gián đẳng và khởi lên nhận thức: ‘Vì không có sanh nên không già chết; vì sanh diệt nên già chết diệt’. Đối với sanh, hữu, thủ, ái, thọ, xúc, lục nhập, danh sắc, thức, hành cũng như vậy”. *Nói đầy đủ như kinh trên.*

Ta lại tư duy: “Do không có pháp gì, nên không có hành; do pháp gì diệt nên hành diệt? Ta liền tư duy chân chánh và như thật phát khởi vô gián đẳng và khởi lên nhận thức: Vì không có vô minh nên không có hành; vì vô minh diệt nên hành diệt. Do hành diệt nên thức diệt; thức diệt nên danh sắc diệt; danh sắc diệt nên lục nhập diệt; lục nhập diệt nên xúc diệt; xúc diệt nên thọ diệt; thọ nên ái diệt; ái diệt nên thủ diệt; thủ diệt nên hữu diệt; hữu diệt nên sanh diệt; sanh diệt nên lão, bệnh, tử, ưu, bi, khổ, não diệt và thuận một khối khổ lớn tụ tập cũng bị diệt”.

Bấy giờ, Ta nghĩ rằng: “Ta đã gặp được con đường của cỗ Tiên nhân lối mòn của cỗ Tiên nhân, dấu chân của

cổ Tiên nhân. Cổ Tiên nhân đã từng đi theo dấu này, nay Ta cũng đi theo. Ví như có người đi giữa đồng hoang, vạch lối tìm đường đi, chợt gặp đường cũ chỗ người xưa đã đi, người kia liền theo đó mà đi. Đi lần về trước, thấy được thành ấp cũ, cung điện vua xưa, vườn cảnh, ao tắm, rừng cây sạch sẽ, người ấy nghĩ rằng: Bây giờ ta nên đến tâu cho vua biết. Người ấy vội vàng đi đến quốc vương tâu: Đại vương biết cho, tôi đang đi giữa đồng hoang, vạch lối tìm đường đi, chợt gặp đường cũ chỗ người xưa đã đi, người kia liền theo đó mà đi. Đi lần về trước, thấy được thành ấp cũ, cung điện vua xưa, vườn cảnh, ao tắm, suối rừng sạch trong. Đại vương có thể đến đó nghỉ ngơi. Quốc vương liền đến đó, cư trú nơi đó, rất an lạc, yên ổn và nhân dân cũng được phồn thịnh”.

Nay Ta cũng như vậy, gặp được con đường của cổ Tiên nhân, lối mòn của cổ Tiên nhân, dấu chân của cổ Tiên nhân, chỗ Tiên nhân xưa đã đi nay Ta cũng đi theo. Con đường đó là tám Thánh đạo: Chánh kiến, chánh chí, chánh ngữ, chánh nghiệp, chánh mạng, chánh phước, chánh niệm, chánh định. Ta từ nơi đạo này mà thấy được lão, bệnh, tử; sự tập khởi của lão, bệnh, tử; sự diệt tận của lão, bệnh, tử; con đường đưa đến sự diệt tận của lão, bệnh, tử; thấy được về sanh, hữu, thủ, ái, thọ, xúc, lục nhập xứ, danh sắc, thức, hành, thấy sự tập khởi của hành, sự diệt tận của hành, con đường đưa đến sự diệt tận của hành. Ta đối với pháp này tự biết, tự giác ngộ, thành tựu Đẳng chánh giác. Rồi khai thị, hiển phát, vì an

lạc và lợi ích của các Tỳ-kheo, Tỳ-kheo-ni, Ưu-ba-tắc, Ưu-bà-di và các Sa-môn, ngoại đạo, Bà-la-môn, tại gia, xuất gia, cả bốn chúng, được nghe, chân chánh hướng theo, khởi lòng tin ưa, biết pháp lành, khiến cho phạm hạnh thêm rộng”⁵⁸.

36. Sự khác biệt giữa pháp nhân duyên và duyên sinh

(No. 296). Thế nào là pháp nhân duyên? Là cái này có nên cái kia có như duyên vô minh nên có hành, duyên hành nên có thức, cho đến tụ tập thuần một khối khổ lớn như vậy.

Thế nào là pháp duyên sanh? Là vô minh, hành,... dù Phật có xuất hiện hay chưa xuất hiện ở thế gian thì pháp này vẫn thường trụ, pháp trụ, pháp giới. Pháp này Như Lai đã tự giác tri, thành Đẳng chánh giác, vì người hiền nói, chỉ dạy, hiển bày rằng: Duyên vô minh có hành, cho đến, duyên sanh nên có già, bệnh, chết, ưu, bi, khổ, não⁵⁹.

58. Linh Sơn Pháp Bảo Đại Tạng Kinh Tập V, Bộ A Hàm V, Trung A Hàm Biệt Dịch & Kinh Tập A Hàm Số 1, Tập A Hàm Quyển 12 - Kinh 283: Chúng Thọ, Hội Văn hóa Giáo dục Linh Sơn Đài Bắc - Taiwan, 2000, trang 935~937.

59. Linh Sơn Pháp Bảo Đại Tạng Kinh Tập V, Bộ A Hàm V, Trung A Hàm Biệt Dịch & Kinh Tập A Hàm Số 1, Tập A Hàm Quyển 12 - Kinh 283: Chúng Thọ, Hội Văn hóa Giáo dục Linh Sơn Đài Bắc - Taiwan, 2000, trang 953.

37. 37 phẩm trợ đạo

(No. 57). Bấy giờ, Đức Thế Tôn biết được những ý nghĩ của Tỳ-kheo kia, nên bảo các Tỳ-kheo. “Nếu có Tỳ-kheo đang ở trong chỗ ngồi này nghĩ rằng biết như thế nào, thấy như thế nào để nhanh chóng chứng đắc lậu tận? Ta đã từng nói pháp rằng: “Hãy khéo léo quán sát các ám đó là bốn Niệm xứ, bốn Chánh cần, bốn Như ý túc, năm Căn, năm Lực, bảy Giác phần, tám Thánh đạo phần”. Ta đã từng nói những pháp như vậy để quán sát các ám. Thế mà hiện nay vẫn còn có thiện nam tử, không muốn nỗ lực siêng thực hành, không nỗ lực siêng vui thích, không nỗ lực siêng suy nghĩ, không nỗ lực siêng tin tưởng, mà tự biếng lười, không nỗ lực tăng tiến để diệt tận được các lậu. Lại nữa, nếu có thiện nam tử đối với những gì Ta đã nói, mà quán sát các ám, nỗ lực siêng ham muốn, nỗ lực siêng vui thích, nỗ lực siêng suy nghĩ, nỗ lực siêng tin tưởng, thì có thể nhanh chóng chứng đắc lậu tận⁶⁰.

38. Tứ niệm xứ

(No. 535; 537; 877; 646; 684)

(No. 535). Một thời Đức Phật ở trong vườn Cấp-cô-độc, rừng cây Kỳ-đà, tại nước Xá-vệ. Bấy giờ Tôn giả A-

60. Linh Sơn Pháp Bảo Đại Tạng Kinh Tập V, Bộ A Hàm V, Trung A Hàm Biệt Dịch & Kinh Tập A Hàm Số 1, Tập A Hàm Quyển 2 - Kinh 33: Phi Ngã, Hội Văn hóa Giáo dục Linh Sơn Đài Bắc - Taiwan, 2000, trang 593~594.

na-luật đang ở tại tinh xá Tòng lâm. Tôn giả Đại Mục-kiền-liên ở nơi rừng Khủng bố nơi có nhiều cầm thú, trong núi Thất-thâu-ma-la, thôn Bạt-kỳ. Bấy giờ, Tôn giả A-na-luật ở một mình chỗ vắng, thiền tịnh tư duy. Tôn giả nghĩ thầm: “Có nhất thừa đạo khiến cho chúng sanh được thanh tịnh, lìa ưu bi, khổ, não, được pháp chân như. Đó là bốn Niệm xứ. Những gì là bốn? Niệm xứ quán thân trên thân, niệm xứ quán thọ, tâm, pháp trên pháp. Nếu người nào xa lìa bốn Niệm xứ là xa lìa Thánh pháp. Người nào xa lìa Thánh pháp là xa lìa Thánh đạo. Người nào xa lìa Thánh đạo là xa lìa Pháp giải thoát. Người nào xa lìa Pháp giải thoát là không vượt qua khỏi sanh, già, bệnh, chết, ưu, bi, khổ, não. Nếu người nào ưa thích bốn Niệm xứ thì cũng tin ưa Thánh pháp. Người nào tin ưa Thánh pháp thì tin ưa Thánh đạo. Người nào tin ưa Thánh đạo là tin ưa pháp cam lộ. Người nào tin ưa pháp cam lộ là thoát khỏi sanh, già, bệnh, chết, ưu, bi, khổ, não”.

Bấy giờ, Tôn giả Đại Mục-kiền-liên biết được ý nghĩ của Tôn giả A-na-luật, trong khoảnh khắc như lực sĩ co duỗi cánh tay dùng thần lực biến khỏi rừng Khủng bố chỗ nuôi cầm thú trong núi Thất-thâu-ma-la, thôn Bạt-kỳ và hiện ra trước Tôn giả A-na-luật, tại tinh xá Tòng lâm nơi thành Xá-vệ, bảo A-na-luật rằng:

“Phải chăng Thầy ở một mình nơi chỗ vắng, thiền tịnh, tư duy nghĩ rằng: ‘Có đạo nhất thừa khiến cho chúng sanh được thanh tịnh, lìa ưu bi, khổ, não, được

chân như. Đó là bốn Niệm xứ. Những gì là bốn? Niệm xứ quán thân trên thân, niệm xứ quán thọ, tâm, pháp trên pháp. Nếu người nào xa lìa bốn Niệm xứ là xa lìa Thánh pháp. Người nào xa lìa Thánh pháp là xa lìa Thánh đạo. Người nào xa lìa Thánh đạo là xa lìa Pháp giải thoát. Người nào xa lìa Pháp giải thoát là không vượt qua khỏi sanh, già, bệnh, chết, ưu, bi, khổ, não. Nếu người nào ưa thích bốn Niệm xứ thì cũng tin ưa Thánh pháp. Người nào tin ưa Thánh pháp thì tin ưa Thánh đạo. Người nào tin ưa Thánh đạo là tin ưa pháp cam lộ. Người nào tin ưa pháp cam lộ là thoát khỏi sanh, già, bệnh, chết, ưu, bi, khổ, não⁶¹.

(No. 537). “Đối với pháp bốn Niệm xứ tu tập, tu tập nhiều nhờ đó nên thành tựu oai đức, thần lực lớn này. Bốn Niệm xứ là gì? Niệm xứ quán thân trên nội thân, tinh cần phương tiện, chánh niệm, chánh tri, điều phục tham ưu thế gian. Cũng vậy, niệm xứ quán thân trên ngoại thân, nội ngoại thân, thọ trên nội thọ, ngoại thọ, nội ngoại thọ; nội tâm, ngoại tâm, nội ngoại tâm, nội pháp, ngoại pháp, nội ngoại pháp; tinh cần phương tiện, chánh niệm, chánh tri, điều phục tham ưu thế gian. Đó gọi là bốn Niệm xứ được tu tập, tu tập nhiều, sẽ thành tựu oai đức, thần lực lớn này.

61. Linh Sơn Pháp Bảo Đại Tạng Kinh Tập VI, Bộ A Hàm VI, Kinh Tạp A Hàm Số 2, Tập A Hàm Quyển 19, Hội Văn hóa Giáo dục Linh Sơn Đài Bắc, Taiwan, 2000, trang 152~153.

“Thưa Tôn giả Xá-lợi-phất, tôi đối với bốn Niệm xứ khéo tu tập, nên đối với tiểu thiên thế giới chỉ tạo ít phương tiện mà có thể quán sát khắp tất cả. Như người mắt sáng ở trên lầu nhìn xuống, thấy mọi vật trên đất bằng. Cũng như vậy, tôi cũng chỉ tạo ít phương tiện mà có thể quán tiểu thiên thế giới. Như vậy, tôi đối với bốn Niệm xứ tu tập, tu tập nhiều, nên thành tựu oai đức thần lực lớn này”⁶².

39. Tứ chánh cần

(No. 877). “Có bốn Chánh đoạn. Những gì là bốn? Một là đoạn đoạn, hai là luật nghi đoạn, ba là tùy hộ đoạn, bốn là tu đoạn”.

“Thế nào là đoạn đoạn? Tỳ-kheo, pháp ác bất thiện đã khởi thì đoạn trừ, khởi dục, phương tiện, tinh cần, nhiếp tâm gìn giữ. Đó gọi là đoạn đoạn.

“Thế nào là luật nghi đoạn? Pháp ác bất thiện đã khởi thì đoạn trừ, khởi dục, phương tiện, tinh cần, nhiếp tâm gìn giữ. Đó gọi là luật nghi đoạn.

“Thế nào là tùy hộ đoạn? Pháp thiện chưa sanh thì khiến cho sanh khởi, khởi dục, phương tiện, tinh cần, nhiếp tâm gìn giữ. Đó gọi là tùy hộ đoạn.

62. Linh Sơn Pháp Bảo Đại Tạng Kinh Tập VI, Bộ A Hàm VI, Kinh Tập A Hàm Số 2, Tập A Hàm Quyển 20, Hội Văn hóa Giáo dục Linh Sơn Đài Bắc, Taiwan, 2000, trang 155.

“Thế nào là tu đoạn? Pháp thiện đã khởi, khiến tu tập thêm ích lợi, khởi dục, phương tiện, tinh cần, nhiếp tâm gìn giữ. Đó gọi là tu đoạn”⁶³.

40. Ngũ căn

(No. 646). “Có năm Căn. Những gì gọi là năm? Căn Tín, căn Tinh tấn, căn Niệm, căn Định, căn Tuệ. Căn Tín. Nên biết, đó là bốn Bất hoại tịnh. Căn Tinh tấn, nên biết đó là bốn Chánh đoạn. Căn Niệm, nên biết đó là bốn Niệm xứ. Căn Định, nên biết đó là bốn Thiền. Căn Tuệ, nên biết đó là bốn Thánh đế. “Các công đức này Tuệ đứng hàng đầu, vì Tuệ nhiếp trì tất cả”⁶⁴.

41. Ngũ lực

(No. 673). “Có năm Lực. Những gì là năm? Đó là Tín lực, Tinh tấn lực, Niệm lực, Định lực, Tuệ lực”⁶⁵.

63. Linh Sơn Pháp Bảo Đại Tạng Kinh Tập VI, Bộ A Hàm VI, Kinh Tạp A Hàm Số 2, Tập A Hàm Quyền 31, Hội Văn hóa Giáo dục Linh Sơn Đài Bắc, Taiwan, 2000, trang 555~556.

64. Linh Sơn Pháp Bảo Đại Tạng Kinh Tập VI, Bộ A Hàm VI, Kinh Tạp A Hàm Số 2, Tập A Hàm Quyền 26, Hội Văn hóa Giáo dục Linh Sơn Đài Bắc, Taiwan, 2000, trang 359.

65. Linh Sơn Pháp Bảo Đại Tạng Kinh Tập VI, Bộ A Hàm VI, Kinh Tạp A Hàm Số 2, Tập A Hàm Quyền 26, Hội Văn hóa Giáo dục Linh Sơn Đài Bắc, Taiwan, 2000, trang 376.

42. Thập lực

(No. 684N). “Những gì là mười lực của Như Lai? Như Lai biết như thật về xứ, phi xứ đó gọi là lực thứ nhất của Như Lai. Nếu thành tựu lực này, thì Như Lai, Ứng Cúng, Đẳng Chánh Giác đạt được trí tối thắng xứ như Phật quá khứ có thể chuyển Phạm luân, ở giữa đại chúng rống lên tiếng rống sư tử.

“Lại nữa, Như Lai biết như thật về việc thọ quả tạo nhân báo của nghiệp quá khứ, vị lai, hiện tại đó gọi là lực thứ hai của Như Lai. Nếu thành tựu được lực này, Như Lai, Ứng Cúng, Đẳng Chánh Giác đạt được trí tối thắng xứ như Phật quá khứ, có thể chuyển Phạm luân ở giữa đại chúng rống lên tiếng rống sư tử.

“Lại nữa, Như Lai, Ứng Cúng, Đẳng Chánh Giác biết như thật về nhiễm ác, thanh tịnh, xứ tịnh, của các thiện, giải thoát, tam-muội, chánh thọ, đó gọi là lực thứ ba của Như Lai. Nếu thành tựu được lực này, Như Lai, Ứng Cúng, Đẳng Chánh Giác đạt được trí tối thắng xứ như Phật quá khứ, có thể chuyển Phạm luân ở giữa đại chúng rống lên tiếng rống sư tử.

“Lại nữa, Như Lai biết như thật những sai biệt căn tánh khác nhau của tất cả các loài chúng sanh đó gọi là lực thứ tư của Như Lai. Nếu thành tựu được lực này, Như Lai, Ứng Cúng, Đẳng Chánh Giác đạt được trí tối thắng xứ như Phật quá khứ, có thể chuyển Phạm luân, ở giữa đại chúng rống lên tiếng rống sư tử.

“Lại nữa, Như Lai biết như thật về tất cả mọi ý giải của chúng sanh đó gọi là lực thứ năm của Như Lai. Nếu thành tựu được lực này, Như Lai, Ứng Cúng, Đẳng Chánh Giác đạt được trí tối thắng xứ như Phật quá khứ, có thể chuyển Phạm luân, ở giữa đại chúng rống lên tiếng rống sư tử.

“Lại nữa, Như Lai biết như thật về tất cả các giới loại khác nhau của thế gian chúng sanh đó gọi là lực thứ sáu của Như Lai. Nếu thành tựu được lực này, Như Lai, Ứng Cúng, Đẳng Chánh Giác đạt được trí tối thắng xứ như Phật quá khứ, có thể chuyển Phạm luân, ở giữa đại chúng rống lên tiếng rống sư tử.

“Lại nữa, Như Lai biết như thật về tất cả chí xứ đạo đó gọi là lực thứ bảy của Như Lai. Nếu thành tựu được lực này, Như Lai, Ứng Cúng, Đẳng Chánh Giác đạt được trí tối thắng xứ như Phật quá khứ, có thể chuyển Phạm luân, ở giữa đại chúng rống lên tiếng rống sư tử.

“Lại nữa, Như Lai biết như thật về túc mạng, nhớ những sự khác nhau trong đời sống, từ một đời cho đến trăm, ngàn đời, từ một kiếp cho đến trăm, ngàn kiếp, Ta bảy giờ sanh vào chủng tộc như vậy, dòng họ như vậy, tên như vậy, ăn như vậy, cảm giác khổ lạc như vậy, tuổi thọ như vậy, sống lâu như vậy, mạng sống chấm dứt như vậy, ở chỗ kia Ta chết đi, ở chỗ này sanh ra, chỗ này sanh ra, chỗ kia chết đi, hành như vậy, nhân như vậy, phương như vậy, đó gọi là lực thứ tám của Như Lai. Nếu thành tựu được lực này, Như Lai, Ứng Cúng, Đẳng

Chánh Giác đạt được trí tối thắng xứ như Phật quá khứ, có thể chuyển Phạm luân, ở giữa đại chúng rống lên tiếng rống sư tử.

“Lại nữa, Như Lai bằng thiên nhãn hơn mắt người thường, thấy chúng sanh lúc sanh lúc chết, đẹp, xấu, thua, hơn, hướng về đường ác, hướng về đường thiện, theo nghiệp mà thọ báo, tất cả biết như thật; chúng sanh này do nghiệp ác của thân thành tựu, do nghiệp ác của miệng, ý thành tựu, hủy báng Hiền thánh, sẽ mắc nghiệp tà kiến vì nhân duyên này sau khi thân hoại mạng chung, sẽ đọa vào đường ác, sanh vào trong địa ngục, chúng sanh này, thân làm việc thiện, miệng, ý làm việc thiện, không hủy báng Hiền thánh, sẽ lãnh nghiệp chánh kiến, vì nhân duyên này, sau khi thân hoại mạng chung, sẽ sanh về đường thiện cõi trời, tất cả biết như thật đó gọi là lực thứ chín của Như Lai. Nếu thành tựu được lực này, Như Lai, Ứng Cúng, Đấng Chánh Giác đạt được trí tối thắng xứ như Phật quá khứ, có thể chuyển Phạm luân, ở giữa đại chúng rống lên tiếng rống sư tử.

“Lại nữa, Như Lai đã dứt sạch các lậu, tâm giải thoát vô lậu, tuệ giải thoát, hiện tại tự chứng tri, thân tác chứng. Ta, sự sanh đã dứt, phạm hạnh đã lập, những gì cần làm đã làm xong, tự biết không còn tái sanh kiếp sau nữa”. Đó gọi là lực thứ mười của Như Lai. Nếu thành tựu được lực này, Như Lai, Ứng Cúng, Đấng Chánh Giác đạt được trí tối thắng xứ như Phật quá khứ, có thể chuyển Phạm luân, ở giữa đại chúng rống lên tiếng rống sư tử.

“Mười lực này chỉ có Như Lai mới thành tựu. Đó chính là những sự khác biệt giữa Như Lai và Thanh văn”⁶⁶.

43. Thất giác chi

(No. 706). Nếu có bảy Giác chi thì có thể làm ánh sáng lớn, có thể làm con mắt, tăng trưởng trí tuệ, là minh, là chánh giác, chuyên hướng Niết-bàn. Những gì là bảy? Đó là Niệm giác chi, Trạch pháp giác chi, Tinh tấn giác chi, Khinh an giác chi, Hỷ giác chi, Định giác chi, Xả giác chi, làm ánh sáng lớn có thể làm con mắt, tăng trưởng trí tuệ, là minh, là chánh giác, chuyên hướng Niết-bàn⁶⁷.

44. Bát chánh đạo

(No. 752; 748; 770; 784)

(No. 752). Phật bảo Tỳ-kheo: “Có tám Thánh đạo, có thể đoạn trừ ái dục đó là chánh kiến, chánh chí, chánh

66. Linh Sơn Pháp Bảo Đại Tạng Kinh Tập VI, Bộ A Hàm VI, Kinh Tập A Hàm Số 2, Tập A Hàm Quyền 26, Hội Văn hóa Giáo dục Linh Sơn Đài Bắc, Taiwan, 2000, trang 383~385

67. Linh Sơn Pháp Bảo Đại Tạng Kinh Tập VI, Bộ A Hàm VI, Kinh Tập A Hàm Số 2, Tập A Hàm Quyền 26, Hội Văn hóa Giáo dục Linh Sơn Đài Bắc, Taiwan, 2000, trang 398.

ngữ, chánh nghiệp, chánh mạng, chánh phương tiện, chánh niệm, chánh định”⁶⁸.

(No. 748). “Nhu khi mặt trời mọc có tiền tướng của nó là minh tướng, ánh sáng ban đầu. Cũng vậy, Tỳ-kheo tận cùng biên tế khổ, cứu cánh biên tế khổ có tiền tướng là chánh kiến. Chánh kiến này có thể phát khởi lên chánh chí, chánh ngữ, chánh nghiệp, chánh mạng, chánh phương tiện, chánh niệm, chánh định. Vì nhờ phát khởi định chánh thọ, nên Thánh đệ tử tâm chánh giải thoát tham dục, sân nhuế, ngu si. Với tâm khéo giải thoát như vậy, Thánh đệ tử đạt được Chánh tri kiến: “Ta sự sanh đã hết, phạm hạnh đã lập, những việc cần làm đã làm xong, tự biết không tái sanh kiếp sau”⁶⁹.

(No. 770). “Nên xa lìa tà kiến, nên đoạn trừ tà kiến. Nếu tà kiến mà không thể đoạn trừ được, thì Ta đã không bao giờ nói nên xa lìa tà kiến. Vì tà kiến có thể đoạn trừ được, nên Ta nói Tỳ-kheo hãy xa lìa tà kiến. Nếu không xa lìa tà kiến, thì tà kiến sẽ tạo ra cái khổ phi nghĩa, không lợi ích. Cho nên Ta nói hãy xa lìa tà kiến. Cũng vậy tà chí, tà ngữ, tà nghiệp, tà mạng, tà phương tiện, tà niệm, tà định cũng nói như vậy.

68. Linh Sơn Pháp Bảo Đại Tạng Kinh Tập VI, Bộ A Hàm VI, Kinh Tập A Hàm Số 2, Tập A Hàm Quyền 28, Hội Văn hóa Giáo dục Linh Sơn Đài Bắc, Taiwan, 2000, trang 445.

69. Linh Sơn Pháp Bảo Đại Tạng Kinh Tập VI, Bộ A Hàm VI, Kinh Tập A Hàm Số 2, Tập A Hàm Quyền 28, Hội Văn hóa Giáo dục Linh Sơn Đài Bắc, Taiwan, 2000, trang 442.

“Này các Tỳ-kheo, khi xa lìa tà kiến rồi, nên tu tập chánh kiến. Nếu chánh kiến tu không được, Ta đã không bao giờ nói tu tập chánh kiến. Vì tu tập chánh kiến được, nên Ta nói Tỳ-kheo hãy tu tập chánh kiến. Nếu không tu tập chánh kiến, thì sẽ tạo ra cái khổ phi nghĩa không lợi ích. Vì không tu tập chánh kiến tạo ra cái khổ phi nghĩa, không lợi ích, cho nên Ta nói phải tu tập chánh kiến, vì mục đích lợi ích, luôn được an lạc. Cho nên Tỳ-kheo hãy tu tập chánh kiến. Cũng vậy, chánh chí, chánh ngữ, chánh nghiệp, chánh mạng, chánh phương tiện, chánh niệm, chánh định cũng nói như vậy”⁷⁰.

(No. 784). “Có tà, có chánh. Hãy lắng nghe và suy nghĩ kỹ, Ta sẽ vì các ông mà nói. Những gì là tà? Là chỉ cho tà kiến... cho đến tà định. Những gì là chánh? Là chỉ cho chánh kiến... cho đến chánh định”.

“Thế nào là chánh kiến? Là nói có bố thí, có chú thuyết, có trai tỵ, có thiện hành, có ác hành, có quả báo thiện ác hành, có đời này, có đời khác, có cha mẹ, có chúng sanh hóa sanh, có A-la-hán thiện đáo, thiện hướng, tỵ tri tỵ tác chúng đời này và đời khác, thành tựu và an trú. Ta, sự sanh đã hết, phạm hạnh đã lập, những gì cần làm đã làm xong tỵ biết không tái sanh đời sau”.

70. Linh Sơn Pháp Bảo Đại Tạng Kinh Tập VI, Bộ A Hàm VI, Kinh Tạp A Hàm Số 2, Tập A Hàm Quyển 28, Hội Văn hóa Giáo dục Linh Sơn Đài Bắc, Taiwan, 2000, trang 456.

“Thế nào là chánh chí? Là chỉ cho xuất yếu chí, vô nhuế chí, bất hại chí”.

“Thế nào là chánh ngữ? Là xa lìa nói dối, xa lìa hai lưỡi, xa lìa ác khẩu, xa lìa lời thêu dệt”.

“Thế nào là chánh nghiệp? Là lìa sát, đạo, dâm”.

“Thế nào là chánh mạng? Là cầu y phục, ẩm thực, ngọa cụ thuốc thang đúng như pháp, chứ không phải không như pháp”.

“Thế nào là chánh phương tiện? Là dục, tinh tấn, phương tiện, xuất ly, tinh cần, kham năng, luôn thực hành không lùi bước”.

“Thế nào là chánh niệm? Là nhớ nghĩ không đổi không hư, luôn tùy thuận”.

“Thế nào là chánh định? Là trụ tâm không loạn, kiên cố nhiếp trì, tĩnh chỉ, nhất tâm chánh định”⁷¹.

45. Tam vô lậu học

(No. 818~820).

(No. 818). “Có Tỳ-kheo học tăng thượng Giới, không phải học tăng thượng Ý, tăng thượng Tuệ. Có vị học tăng

71. Linh Sơn Pháp Bảo Đại Tạng Kinh Tập VI, Bộ A Hàm VI, Kinh Tập A Hàm Số 2, Tập A Hàm Quyển 28, Hội Văn hóa Giáo dục Linh Sơn Đài Bắc, Taiwan, 2000, trang 465~646.

thượng Giới, tăng thượng Ý, không phải học tăng thượng Tuệ.

“Thánh đệ tử an trụ tăng thượng Tuệ, phương tiện tùy thuận mà thành tựu và an trụ thì sự tu tập tăng thượng Giới, tăng thượng Ý cũng sẽ đầy đủ. Cũng vậy, Thánh đệ tử an trụ tăng thượng Tuệ, phương tiện tùy thuận mà thành tựu và an trú, thì sẽ sống theo tuổi thọ của trí tuệ vô thượng”⁷².

(No. 820). “Thế nào là tăng thượng Giới học? Tỳ-kheo thiên trọng nơi giới, giới tăng thượng; không thiên trọng nơi định, định không tăng thượng; không thiên trọng nơi tuệ, tuệ không tăng thượng. Đối với từng phần từng phần giới vi tế, nếu phạm thì theo đó mà sám hối. Vì sao? Ta không nói là kia không có khả năng, nếu giới kia tùy thuận phạm hạnh, làm lợi ích cho phạm hạnh, làm tồn tại lâu dài phạm hạnh, Tỳ-kheo như vậy giới vững chắc, giới sư luôn tồn tại, giới thường tùy thuận mà sanh, thọ trì mà học. Biết như vậy, thấy như vậy, thì sẽ đoạn trừ ba kết là thân kiến, giới thủ và nghi. Ba kết này đã đoạn trừ, đắc Tu-đà-hoàn, không còn đọa vào pháp đường ác, nhất định sẽ hướng đến Vô thượng Chánh giác, chỉ còn qua lại bảy lần Trời, Người, cứu cánh thoát khổ. Đó gọi là tăng thượng Giới học”.

72. Linh Sơn Pháp Bảo Đại Tạng Kinh Tập VI, Bộ A Hàm VI, Kinh Tập A Hàm Số 2, Tập A Hàm Quyển 29, Hội Văn hóa Giáo dục Linh Sơn Đài Bắc, Taiwan, 2000, trang 501.

“Thế nào là tăng thượng Ý học? Tỳ-kheo thiên trọng giới, giới tăng thượng, thiên trọng định, định tăng thượng, không thiên trọng tuệ, tuệ không tăng thượng. Đối với từng phần từng phần giới vi tế... cho đến thọ trì học giới. Biết như vậy, thấy như vậy, đoạn trừ năm hạ phần kết, là thân kiến, giới thủ, nghi, tham dục, sân nhuế. Năm hạ phần kết này đã đoạn trừ, đấng Sanh Bát-niết-bàn A-na-hàm, không còn trở lại đời này. Đó gọi là tăng thượng Ý học.

“Thế nào là tăng thượng Tuệ học? Tỳ-kheo thiên trọng giới, giới tăng thượng; thiên trọng định, định tăng thượng; thiên trọng tuệ, tuệ tăng thượng. Tỳ-kheo biết như vậy, thấy như vậy, tâm giải thoát dục hữu lậu, tâm giải thoát hữu hữu lậu, tâm giải thoát vô minh hữu lậu; giải thoát tri kiến. “Ta, sự sanh đã dứt, phạm hạnh đã lập, những việc cần làm đã làm xong, tự biết không còn tái sanh đời sau nữa. Đó gọi là tăng thượng Tuệ học”⁷³.

46. Tứ nhiếp pháp

(No. 668). “Bồ thí tối thắng, đó là pháp thí. Ai ngữ tối thắng, là khiến thiện nam tử thích nghe, nói pháp đúng lúc. Hành lợi tối thắng là đối với người không có tín khiến có tín, xác lập trên tín đối với người học giới thì

73. Linh Sơn Pháp Bảo Đại Tạng Kinh Tập VI, Bộ A Hàm VI, Kinh Tập A Hàm Số 2, Tập A Hàm Quyển 29, Hội Văn hóa Giáo dục Linh Sơn Đài Bắc, Taiwan, 2000, trang 502~503.

xác lập bằng tịnh giới; đối với người bỏn xẻn thì bằng bố thí; đối với người ác trí tuệ thì bằng chánh trí mà xác lập. Đồng lợi tối thắng là, A-la-hán thì trao cho quả A-la-hán. A-na-hàm thì trao cho A-na-hàm. Tư-đà-hàm thì trao cho Tư-đà-hàm. Tu-đà-hoàn thì trao cho Tu-đà-hoàn. Người Tịnh giới thì trao người khác bằng Tịnh giới”⁷⁴.

47. 4 thực

(No. 344). Có Đa văn Thánh đệ tử biết như thật về thức ăn, biết như thật về sự tập khởi của thức ăn, về sự diệt tận của thức ăn, về con đường đưa đến sự diệt tận của thức ăn.

“Thế nào là biết như thật về thức ăn? Có bốn loại thức ăn đó là: Một là thức ăn nắm thô, hai là thức ăn té xúc, ba là thức ăn bởi ý tư và bốn là thức ăn của thức. Đó gọi là thức ăn. Biết như thật về thực là như vậy.

“Thế nào là biết như thật về sự tập khởi của thức ăn? Khát ái đối với hữu tương lai, đi đôi với hỷ tham, tham đắm hệ lụy nơi này nơi kia đó gọi là sự tập khởi của thức ăn. Biết như thật về sự tập khởi của thực là như vậy.

“Thế nào là biết như thật về sự diệt tận của thức ăn? Khát ái đối với hữu tương lai, đi đôi với hỷ tham, tham

74. Linh Sơn Pháp Bảo Đại Tạng Kinh Tập VI, Bộ A Hàm VI, Kinh Tập A Hàm Số 2, Tập A Hàm Quyển 26, Hội Văn hóa Giáo dục Linh Sơn Đài Bắc, Taiwan, 2000, trang 373.

đắm hệ lụy nơi này nơi kia, thấy đều dứt bỏ không còn sót, xả bỏ, nhả ra, đoạn tận, ly dục, diệt, tịch tĩnh đó gọi là sự diệt tận của thức ăn. Biết như thật về sự diệt tận của thức ăn là như vậy.

“Thế nào là biết như thật về con đường đưa đến sự diệt tận của thức ăn? Tám Thánh đạo: Chánh kiến, chánh chí, chánh ngữ, chánh nghiệp, chánh mệnh, chánh phương tiện, chánh niệm, chánh định; đó gọi là con đường đưa đến sự diệt tận của thức ăn. Biết như thật về con đường đưa đến sự diệt tận của thức ăn là như vậy.

“Đa văn Thánh đệ tử như vậy là biết như thật về thức ăn, biết như thật về sự tập khởi của thức ăn, biết như thật về sự diệt tận của thức ăn, biết như thật về con đường đưa đến sự diệt tận của thức ăn cho nên đa văn Thánh đệ tử ở trong pháp luật này, có đầy đủ chánh kiến, thành tựu trực kiến; thành tựu bất hoại tín đối với Phật, thâm nhập Chánh pháp, đạt được Chánh pháp này, tỏ ngộ Chánh pháp này”⁷⁵.

(No. 371~378).

(No. 371). “Có bốn loại thức ăn giúp ích cho chúng sanh, khiến được nuôi lớn và sống còn ở đời. Những gì là bốn? Một là thức ăn thô từng nắm; hai là thức ăn tế bằng

75. Linh Sơn Pháp Bảo Đại Tạng Kinh Tập V, Bộ A Hàm V, Trung A Hàm Biệt Dịch & Kinh Tập A Hàm Số 1, Tập A Hàm Quyền 14 Kinh 343: Phù Di, Hội Văn hóa Giáo dục Linh Sơn Đài Bắc - Taiwan, 2000, trang 1005.

xúc chạm; ba là thức ăn bằng ý chí; bốn là thức ăn của thức. Bốn loại thức ăn này do nhân gì, tập gì, sanh gì, xúc gì? Bốn loại thức ăn này do ái là nhân, ái là tập, ái là sanh, ái là xúc. Ái này do nhân gì, tập gì, sanh gì, xúc gì? Ái do thọ là nhân, thọ là tập, thọ là sanh, thọ là xúc. Thọ này do nhân gì, tập gì, sanh gì, xúc gì? Thọ do xúc là nhân, xúc là tập, xúc là sanh, xúc là xúc. Xúc này do nhân là gì, tập gì, sanh gì, xúc gì? Xúc do sáu nhập xứ là nhân, sáu nhập xứ là tập, sáu nhập xứ là sanh, sáu nhập xứ là xúc. Khi sáu nhập xứ tụ tập thì xúc tụ tập, xúc tụ tập thì thọ tụ tập, thọ tụ tập thì ái tụ tập, ái tụ tập thì thức ăn tụ tập. Vì thức ăn tụ tập nên sanh, lão, bệnh, tử, ưu, bi, khổ, não ở đời vị lai tụ tập và thuần một khối khổ lớn tụ tập như vậy. Ngược lại nếu sáu nhập xứ diệt thì xúc diệt, xúc diệt thì thọ diệt, thọ diệt thì ái diệt, ái diệt thì thức ăn diệt. Vì thức ăn diệt nên sanh, lão, bệnh, tử, ưu, bi, khổ, não ở đời vị lai cũng diệt và thuần một khối khổ lớn đã tụ tập cũng bị diệt”⁷⁶.

76. Linh Sơn Pháp Bảo Đại Tạng Kinh Tập V, Bộ A Hàm V, Trung A Hàm Biệt Dịch & Kinh Tạp A Hàm Số 1, Tạp A Hàm Quyển 15 Kinh 365: Thuyết Pháp, Hội Văn hóa Giáo dục Linh Sơn Đài Bắc - Taiwan, 2000, trang 1043.

48. Tứ Đế

(No. 379~443).

(No. 394). Như mặt trời mọc, ánh sáng hiện trước. Cũng vậy, chân chánh diệt tận khổ cũng có dấu hiệu xuất hiện trước tức là biết bốn Thánh đế. Những gì là bốn? Đó là Khổ Thánh đế, Khổ tập Thánh đế, Khổ diệt Thánh đế, Khổ diệt đạo tích Thánh đế”⁷⁷.

(No. 434). “Thế nào là hiệt tuệ? Có phải là biết như thật về Khổ Thánh đế, về Khổ tập Thánh đế, Khổ diệt Thánh đế, Khổ diệt đạo tích Thánh đế, hay không biết?”⁷⁸

(No. 435). “Bạch Thế Tôn, bốn Thánh đế này phải hiện quán theo thứ lớp hay phải hiện quán tức thời?”

Phật bảo gia chủ: “Bốn Thánh đế này phải hiện quán theo thứ lớp, chứ không phải hiện quán tức thời”.

Phật bảo gia chủ: “Nếu có người bảo: Đối với Khổ Thánh đế chưa hiện quán mà đối với Khổ tập Thánh đế, Khổ diệt Thánh đế, Khổ diệt đạo tích Thánh đế có thể

77. Linh Sơn Pháp Bảo Đại Tạng Kinh Tập V, Bộ A Hàm V, Trung A Hàm Biệt Dịch & Kinh Tập A Hàm Số 1, Tập A Hàm Quyển 15 Kinh 365: Thuyết Pháp, Hội Văn hóa Giáo dục Linh Sơn Đài Bắc - Taiwan, 2000, trang 1067.

78. Linh Sơn Pháp Bảo Đại Tạng Kinh Tập VI, Bộ A Hàm VI, Kinh Tập A Hàm Số 2, Số 99 - Kinh Tập A Hàm (II) - Tập A Hàm Quyển 16, Hội Văn hóa Giáo dục Linh Sơn Đài Bắc, Taiwan, 2000, trang 22.

hiện quán’, lời nói này không đúng. Vì sao? Vì đối với Khổ Thánh đế nếu chưa hiện quán mà đối với Khổ tập Thánh đế, Khổ diệt Thánh đế, Khổ diệt đạo tích Thánh đế muốn hiện quán thì điều này không thể có được. Cũng giống như người lấy hai lá cây nhỏ xếp lại làm đờ đựng nước mang đi thì không thể có được. Cũng vậy, đối với Khổ Thánh đế chưa hiện quán mà đối với Khổ tập Thánh đế, Khổ diệt Thánh đế, Khổ diệt đạo tích Thánh đế muốn hiện quán’, thì điều này không thể có được”.

“Nhu có người lấy lá sen kết lại làm đồ chứa nước đem đi, thì việc này có thể có được. Cũng vậy, này gia chủ đối với Khổ Thánh đế đã hiện quán rồi thì đối với Khổ tập Thánh đế, Khổ diệt Thánh đế, Khổ diệt đạo tích Thánh đế có thể hiện quán, điều này có thể có được. Cho nên, gia chủ, đối với bốn Thánh đế này, nếu chưa hiện quán, thì nên siêng năng tìm phương tiện, phát khởi ý muốn mãnh liệt, tu học hiện quán”⁷⁹.

(No. 396). “Nhu mặt trời xuất hiện, đi vòng khắp giữa không trung, phá tan mọi tăm tối, ánh sáng chiếu rõ. Cũng vậy, Thánh đệ tử có những pháp tập khởi, tất cả đều diệt hết rồi, xa lìa các trần cấu, sanh được mắt pháp cùng sanh với hiện quán, đoạn trừ ba kết là thân kiến, giới thủ và nghi. Ba kết này đoạn tận, gọi là Tu-đà-hoàn,

79. Linh Sơn Pháp Bảo Đại Tạng Kinh Tập VI, Bộ A Hàm VI, Kinh Tập A Hàm Số 2, Số 99 - Kinh Tập A Hàm (II) - Tập A Hàm Quyển 16, Hội Văn hóa Giáo dục Linh Sơn Đài Bắc, Taiwan, 2000, trang 23.

không rơi vào đường ác pháp, chắc chắn hướng đến Chánh giác, bẫy lần qua lại cõi trời, cõi người, rồi giải thoát được khổ. Thánh đệ tử kia, trong lúc đó tuy có khởi lên ưu, khổ, chỉ nghe nói Thánh đệ tử kia ly dục, lìa pháp ác bất thiện, có giác, có quán, có hỷ lạc do viễn ly sanh, đầy đủ an trụ Sơ thiền chứ không thấy Thánh đệ tử kia có một pháp không đoạn, để có thể khiến tái sanh vào đời này. Ở đây, đệ tử của bậc Thánh này được nghĩa lớn của mắt pháp. Cho nên các Tỳ-kheo đối với bốn Thánh đế này nếu chưa hiện quán thì nên siêng năng, tinh cần tìm phương tiện, khởi ý muốn tinh tấn tu học”⁸⁰.

(No. 398). “Nhu một cục bông gòn nhỏ, hay cục bông kiếp-bối, đặt ở ngã tư đường, khi bốn phương gió thổi, thì tùy theo chiều gió mà bông bay về một hướng. Cũng vậy, nếu Sa-môn, Bà-la-môn nào mà không biết như thật Khổ Thánh đế; không biết như thật Khổ tập Thánh đế, Khổ diệt Thánh đế, Khổ diệt đạo tích Thánh đế, thì nên biết Sa-môn, Bà-la-môn này thường hay nhìn mặt người và thường hay nói theo người. Vì không biết như thật, nên nghe người khác nói, hướng theo lời nói đó mà thọ nhận nên biết người này đời trước không tu tập trí tuệ.

80. Linh Sơn Pháp Bảo Đại Tạng Kinh Tập V, Bộ A Hàm V, Trung A Hàm Biệt Dịch & Kinh Tập A Hàm Số 1, Tập A Hàm Quyển 15 Kinh 365: Thuyết Pháp, Hội Văn hóa Giáo dục Linh Sơn Đài Bắc - Taiwan, 2000, trang 1068~1069

“Giống như cây trụ nhân-đà-la dùng đồng, thiếc làm nên, rồi đem cắm sâu xuống đất, dù bốn phương gió mạnh cũng không thể làm lay động. Cũng vậy, nếu Sa-môn, Bà-la-môn nào biết như thật Khổ Thánh đế; biết như thật biết như thật Khổ tập Thánh đế, Khổ diệt Thánh đế, Khổ diệt đạo tích Thánh đế, nên biết Sa-môn, Bà-la-môn này không xem mặt người, không nói theo người; vì Sa-môn, Bà-la-môn này là người có trí tuệ vững chắc. Vì người này trước kia đã tùy tu tập nên không theo lời nói của người. Cho nên các Tỳ-kheo đối với bốn Thánh đế phải siêng năng tìm phương tiện, khởi ý muốn tăng thượng, tinh tấn tu học”⁸¹.

(No. 404). Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo: “Các ông hãy cùng Ta đi đến rừng Thân-thứ.”

Bấy giờ, Đức Thế Tôn cùng đại chúng đi đến rừng Thân-thứ, rồi ngồi dưới bóng cây. Khi ấy, Đức Thế Tôn tay cầm nắm lá cây, hỏi các Tỳ-kheo: “Lá cây trong nắm tay này nhiều hay lá cây trong rừng nhiều?”

Các Tỳ-kheo bạch Phật: “Bạch Thế Tôn, lá cây trong nắm tay Phật rất ít, còn lá cây trong rừng thì nhiều vô lượng, gấp trăm, ngàn, vạn, ức lần cho đến tính toán thí dụ cũng không thể so sánh. Cũng vậy, này các Tỳ-kheo,

81. Linh Sơn Pháp Bảo Đại Tạng Kinh Tập V, Bộ A Hàm V, Trung A Hàm Biệt Dịch & Kinh Tạp A Hàm Số 1, Tạp A Hàm Quyển 15 Kinh 365: Thuyết Pháp, Hội Văn hóa Giáo dục Linh Sơn Đài Bắc - Taiwan, 2000, trang 1071.

Ta thành Đẳng chánh giác, những pháp mà Ta đã tự thấy, rồi tuyên thuyế cho mọi người như lá cây trong tay. Vì sao? Vì pháp này có lợi ích cho nghĩa, có ích lợi cho pháp, ích lợi cho Phạm hạnh, minh tuệ chánh giác, hướng thẳng Niết-bàn. Cũng nhiều như lá cây trong rừng lớn, chánh pháp mà Ta tự mình chứng tri, thành Đẳng chánh giác, không được Ta nói ra, cũng nhiều như thế. Vì sao? Vì những pháp ấy không lợi ích cho nghĩa, không ích lợi cho pháp, không ích lợi cho Phạm hạnh, minh tuệ chánh giác, hướng thẳng Niết-bàn. Cho nên, các Tỳ-kheo đối với bốn Thánh đế nếu chưa được hiện quán thì nên siêng năng tìm phương tiện, phát khởi ý muốn tăng thượng, tu học hiện quán”⁸².

(No. 365). Phật bảo A-nan: “Ngươi nghĩ thế nào? Các thiếu niên Ly-xa tranh nhau bắn tên vào lỗ cửa và tất cả những mũi tên đó đều trúng vào. Việc này là khó hay chẻ một sợi lông thành trăm phần, rồi bắn trúng vào một phần sợi lông và tất cả những mũi tên đó đều trúng, là khó?”

Tôn giả A-nan bạch Phật: “Nếu chẻ sợi lông thành trăm phần, rồi bắn vào một phần sợi lông, mỗi một phát đều trúng, điều này rất là khó”.

82. Linh Sơn Pháp Bảo Đại Tạng Kinh Tập V, Bộ A Hàm V, Trung A Hàm Biệt Dịch & Kinh Tập A Hàm Số 1, Tập A Hàm Quyền 15 Kinh 365: Thuyết Pháp, Hội Văn hóa Giáo dục Linh Sơn Đài Bắc - Taiwan, 2000, trang 1076.

Phật bảo A-nan: “Chưa bằng đối với Khổ Thánh đế mà biết như thật, thì điều này mới thật là khó hơn. Cũng vậy, đối với Khổ tập Thánh đế, Khổ diệt Thánh đế, Khổ diệt đạo tích Thánh đế mà thấy biết như thật, điều này mới thật sự là khó”⁸³.

(No. 406). Ví như đất liền đều biến thành biển lớn, có một con rùa mù, sống vô lượng kiếp trăm năm mới trôi đầu lên một lần. Trong biển có một khúc gỗ nổi, chỉ có một lỗ hồng, lênh đênh trên sóng nước theo gió trôi nổi Đông Tây. Con rùa mù một trăm năm mới trôi đầu lên một lần kia, sẽ gặp được cái lỗ hồng này không?

Tôn giả A-nan bạch Phật: “Bạch Thế Tôn, không thể được. Vì sao? Vì con rùa mù này, nếu đến biển phía Đông, thì khúc gỗ có thể theo gió, hoặc đến biển phía Tây, Nam, Bắc. Cũng vậy, bốn phía xung quanh không dễ gì gặp được”.

Phật bảo A-nan: “Con rùa mù và khúc gỗ nổi tuy trái chiều nhau, nhưng có thể gặp được. Phàm phu ngu si phiêu lưu trong năm đường, tạm thời được thân người còn khó hơn việc trên. Vì sao? Vì những chúng sanh này không thực hành nghĩa này, không thực hành pháp, không thực hành điều lành, không thực hành chân thật,

83. Linh Sơn Pháp Bảo Đại Tạng Kinh Tập V, Bộ A Hàm V, Trung A Hàm Biệt Dịch & Kinh Tạp A Hàm Số 1, Tạp A Hàm Quyển 15 Kinh 365: Thuyết Pháp, Hội Văn hóa Giáo dục Linh Sơn Đài Bắc - Taiwan, 2000, trang 1077.

lần lượt sát hại lẫn nhau, kẻ mạnh lấn áp người yếu, tạo ra vô lượng điều ác. Cho nên, các Tỳ-kheo, đối với bốn Thánh đế nếu chưa hiện quán, thì nên siêng năng tìm phương tiện, phát khởi ý muốn tăng thượng, tu học hiện quán”⁸⁴.

(No. 343). “Cũng có những pháp khác nữa. Đa văn Thánh đệ tử biết như thật về khổ, biết như thật về sự tập khởi của khổ, biết như thật về sự diệt tận của khổ, biết như thật về con đường đưa đến sự diệt tận của khổ.

“Thế nào là biết như thật về khổ? Sanh khổ, già khổ, bệnh khổ, chết khổ, ái xa lìa là khổ, oán ghét gặp nhau là khổ, mong muốn không được là khổ. Như vậy, năm thọ ấm là khổ đó gọi là khổ. Biết như thật về khổ là như vậy.

“Thế nào là biết như thật về sự tập khởi của khổ? Khát ái đối với hữu tương lai, đi đôi với hỷ tham, tham đắm hệ lụy nơi này nơi kia, đó gọi là sự tập khởi của khổ. Biết như thật về sự tập khởi của khổ là như vậy.

“Thế nào là biết như thật về sự diệt tận của khổ? Khát ái đối với hữu tương lai, đi đôi với hỷ tham, tham đắm hệ lụy nơi này nơi kia, thấy đều đoạn trừ, không còn sót, cho đến, tịch tĩnh đó gọi là sự diệt tận của khổ. Biết như thật về sự diệt tận của khổ là như vậy.

84. Linh Sơn Pháp Bảo Đại Tạng Kinh Tập V, Bộ A Hàm V, Trung A Hàm Biệt Dịch & Kinh Tập A Hàm Số 1, Tập A Hàm Quyển 15 - Kinh 365: Thuyết Pháp, Hội Văn hóa Giáo dục Linh Sơn Đài Bắc - Taiwan, 2000, trang 1078.

“Thế nào là biết như thật về con đường đưa đến sự diệt tận của khổ? Tám Thánh đạo như đã nói ở trên. Đó gọi là con đường đưa đến sự diệt tận của khổ. Biết như thật về con đường đưa đến sự diệt tận của khổ là như vậy”.

“Đa văn Thánh đệ tử như vậy là biết như thật về khổ, biết như thật về sự tập khởi của khổ, biết như thật về sự diệt tận của khổ, biết như thật về con đường đưa đến sự diệt tận của khổ. Như vậy Thánh đệ tử ở trong pháp luật này, có đầy đủ chánh kiến, thành tựu trực kiến; thành tựu bất hoại tín đối với Phật, thâm nhập Chánh pháp, đạt được Chánh pháp này, tỏ ngộ Chánh pháp này”⁸⁵.

49. 12 xứ

(No. 304). Sáu nội nhập xứ là những gì? Đó là, nhãn nhập xứ, nhĩ nhập xứ, tỷ nhập xứ, thiệt nhập xứ, thân nhập xứ, ý nhập xứ.

“Sáu ngoại nhập xứ là những gì? Đó là, sắc nhập xứ, thanh nhập xứ, hương nhập xứ, vị nhập xứ, xúc nhập xứ, pháp nhập xứ. Sáu thức thân là những gì? Đó là, nhãn thức thân, nhĩ thức thân, tỷ thức thân, thiệt thức thân, thân thức thân, ý thức thân. Sáu xúc thân là những gì? Đó

85. Linh Sơn Pháp Bảo Đại Tạng Kinh Tập V, Bộ A Hàm V, Trung A Hàm Biệt Dịch & Kinh Tập A Hàm Số 1, Tập A Hàm Quyển 14 - Kinh 343: Phù Di, Hội Văn hóa Giáo dục Linh Sơn Đài Bắc - Taiwan, 2000, trang 1006-1007

là, nhãn xúc, nhĩ xúc, tỷ xúc, thiệt xúc, thân xúc, ý xúc thân. Sáu thọ thân là những gì? Đó là, nhãn xúc sanh thọ, nhĩ xúc sanh thọ, tỷ xúc sanh thọ, thiệt xúc sanh thọ, thân xúc sanh thọ, ý xúc sanh thọ. Sáu ái thân là những gì? Đó là, mắt tiếp xúc sanh ái, tai tiếp xúc sanh ái, mũi tiếp xúc sanh ái, lưỡi tiếp xúc sanh ái, thân tiếp xúc sanh ái, ý tiếp xúc sanh ái.

“Nếu có người nói rằng ‘mắt là ta’, điều này chẳng đúng. Vì sao? Vì mắt là sanh diệt. Nếu mắt là ta thì ta này phải chịu sanh tử. Cho nên nói mắt là ta, điều này chẳng đúng. Cũng vậy, hoặc là sắc, hoặc nhãn thức, hoặc nhãn xúc, hoặc cảm thọ sanh bởi nhãn xúc, nếu là ta, thì điều này cũng chẳng đúng. Vì sao? Vì thọ do mắt tiếp xúc sanh ra, nó là pháp sanh diệt; nếu thọ do mắt tiếp xúc sanh ra là ta, thì ta này phải chịu sanh tử. Cho nên nói thọ do nhãn xúc sanh ra là ta, thì điều này không đúng. Vì vậy, thọ do mắt tiếp xúc sanh ra chẳng phải là ta. Cũng vậy, thọ do nhĩ, tỷ, thiệt, thân, ý tiếp xúc sanh ra chẳng phải ta. Vì sao? Vì thọ do ý tiếp xúc sanh ra, nó là pháp sanh diệt; nếu là ta thì ta này phải chịu sanh tử, cho nên nói thọ do ý tiếp xúc sanh ra là ta, thì điều này chẳng đúng. Cho nên thọ do ý tiếp xúc sanh ra chẳng phải là ta”.

“Nhu vậy, này các Tỳ-kheo, nên biết như thật cái được tác thành bởi trí, cái được tác thành bởi mắt, cái được tác thành bởi tịch diệt, khai phát thân thông, chánh hướng Niết-bàn. Thế nào là thấy biết như thật về cái

được tác thành bởi do mắt, cho đến hướng đúng Niết-bàn?”

“Nhu vậy, này các Tỳ-kheo, mắt chẳng phải ta. Nếu sắc, nhãn thức, nhãn xúc, hoặc cảm thọ với cảm giác bên trong khô, lạc, phi khô lạc sanh bởi nhãn xúc; kia cũng quán sát là chẳng phải ta. Đối với nhĩ, tỷ, thiệt, thân, ý cũng nói như vậy. Đó gọi là biết thấy như thật về sự tác thành do mắt, cho đến chánh hướng Niết-bàn. Đó gọi là kinh nói về Sáu pháp sáu”⁸⁶.

(No. 901). Đức Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo: “Thí như tất cả công việc ở thế gian đều nương vào đất để kiến lập. Cũng vậy, tất cả pháp thiện đều y cứ vào sáu nội nhập xứ để tạo lập”⁸⁷.

50. 18 giới

(No. 451~457).

(No. 451). “Hôm nay Ta sẽ nói về các chủng loại sai biệt của giới. Hãy lắng nghe và suy nghĩ kỹ, Ta sẽ vì các ông mà nói”.

86. Linh Sơn Pháp Bảo Đại Tạng Kinh Tập V, Bộ A Hàm V, Trung A Hàm Biệt Dịch & Kinh Tập A Hàm Số 1, Tập A Hàm Quyển 13 - Kinh 304: Lục Lục, Hội Văn hóa Giáo dục Linh Sơn Đài Bắc - Taiwan, 2000, trang 966~967.

87. Linh Sơn Pháp Bảo Đại Tạng Kinh Tập VI, Bộ A Hàm VI, Kinh Tập A Hàm Số 2, Tập A Hàm Quyển 31, Hội Văn hóa Giáo dục Linh Sơn Đài Bắc, Taiwan, 2000, trang 579.

“Thế nào là các giới? Nhãn giới, sắc giới, nhãn thức giới; nhĩ giới, thanh giới, nhĩ thức giới; tỷ giới, hương giới, tỷ thức giới; thiệt giới, vị giới, thiệt thức giới; thân giới, xúc giới, thân thức giới; ý giới, pháp giới, ý thức giới. Đó gọi là các thứ giới”⁸⁸.

51. Quá trình hình thành những nỗi khổ

(No. 292). Một thời, Phật ở tại vườn Trúc, khu Ca-lan-đà, thành Vương xá. Bấy giờ Đức Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo: “Tu lương quán sát như thế để chân chánh diệt tận khổ, đạt đến nơi tốt cùng của mé khổ? Khi tu lương về tất cả những cái khổ khác nhau của chúng sanh; các khổ này do cái gì là nhân, cái gì là tập, cái gì sanh, cái gì xúc? Khi suy nghĩ thì biết rằng, do thủ làm nhân, thủ tập, thủ sanh, thủ xúc. Nếu thủ này diệt, không còn sót, thì chắc chắn các khổ này cũng sẽ diệt. Vị ấy biết như thật con đường đưa đến diệt tận khổ mà mình đang đi, tu hành hướng đến tùy thuận pháp đó gọi là Tỳ-kheo chân chánh diệt khổ, cứu cánh biên tế khổ, nghĩa là thủ đã diệt”.

“Lại nữa, Tỳ-kheo tu lương quán sát, để chân chánh diệt khổ và đạt đến nơi tốt cùng của mé khổ. Khi ấy, tu duy thủ kia do cái gì là nhân, cái gì là tập, cái gì sanh, cái

88. Linh Sơn Pháp Bảo Đại Tạng Kinh Tập VI, Bộ A Hàm VI, Kinh Tập A Hàm Số 2, Số 99 - Kinh Tập A Hàm (II) - Tập A Hàm Quyển 16, Hội Văn hóa Giáo dục Linh Sơn Đài Bắc, Taiwan, 2000, trang 37~38.

gì xúc? Tư duy, thủ này do ái làm nhân, ái tập, ái sanh, ái xúc. Khi ái này vĩnh viễn diệt, không còn, thì thủ cũng theo đó mà diệt. Vị ấy biết như thật con đường đưa đến diệt tận khổ mà mình đang đi, tu hành hướng đến tùy thuận pháp; đó gọi là Tỳ-kheo chân chánh diệt khổ, cứu cánh biên tế khổ, nghĩa là ái đã diệt.

“Lại nữa, Tỳ-kheo tư duy quán sát, để chân chánh diệt khổ và đạt đến nơi tột cùng của mé khổ. Khi ấy, tư duy ái này do cái gì là nhân, cái gì là tập, cái gì sanh, cái gì xúc? Tư lương ái là do thọ làm nhân, thọ tập, thọ sanh, thọ xúc. Khi thọ này vĩnh viễn diệt, không còn, thì ái cũng bị diệt. Vị ấy biết như thật con đường đưa đến diệt tận khổ mà mình đang đi, tu hành hướng đến tùy thuận pháp; đó gọi là Tỳ-kheo chân chánh diệt khổ, cứu cánh biên tế khổ, nghĩa là thọ diệt”.

“Lại nữa, này các Tỳ-kheo, khi tư lương quán sát, để chân chánh diệt khổ và đến nơi tột cùng của mé khổ; tư duy thọ này do cái gì là nhân, cái gì là tập, cái gì sanh, cái gì xúc? Nên biết thọ này do xúc làm nhân, xúc tập, xúc sanh, xúc duyên. Khi xúc này vĩnh viễn diệt mất, không còn sót, thì thọ cũng bị diệt. Vị ấy biết như thật con đường đưa đến diệt tận khổ mà mình đang đi, tu hành hướng đến tùy thuận pháp, đó gọi là Tỳ-kheo chân chánh diệt khổ, cứu cánh biên tế khổ.

“Lại nữa, này các Tỳ-kheo khi tư lương quán sát, để chân chánh diệt khổ và đến nơi tột cùng của mé khổ; tư

duy xúc này do cái gì là nhân, cái gì là tập, cái gì sanh, cái gì xúc? Nên biết xúc này do sáu nhập xứ làm nhân, sáu nhập xứ tập, sáu nhập xứ sanh, sáu nhập xứ xúc. Khi sáu nhập xứ này diệt, không còn sót, thì xúc cũng bị diệt. Vị ấy biết như thật con đường đưa đến diệt tận khổ mà mình đang đi, tu hành hướng đến tùy thuận pháp; đó gọi là Tỳ-kheo chân chánh diệt khổ, cứu cánh biên tế khổ.

“Lại nữa, này các Tỳ-kheo, khi tư lương quán sát, để chân chánh diệt khổ và đến nơi tốt cùng của mé khổ; tư duy sáu nhập xứ này do cái gì là nhân, cái gì là tập, cái gì sanh, cái gì xúc? Nên biết sáu nhập xứ này là do danh sắc làm nhân, danh sắc tập, danh sắc sanh, danh sắc xúc; nên khi danh sắc này diệt hết, không còn sót, thì sáu nhập xứ cũng bị diệt. Vị ấy biết như thật con đường đưa đến diệt tận khổ mà mình đang đi, tu hành hướng đến tùy thuận pháp; đó gọi là Tỳ-kheo chân chánh diệt khổ, cứu cánh biên tế khổ, nghĩa là danh sắc diệt.

“Lại nữa, này các Tỳ-kheo, khi tư lương quán sát, để chân chánh diệt khổ và đến nơi tốt cùng của mé khổ; tư duy danh sắc này do cái gì là nhân, cái gì là tập, cái gì sanh, cái gì xúc? Nên biết danh sắc là do thức làm nhân, thức tập, thức sanh, thức xúc; khi thức này diệt không còn, thì danh sắc cũng bị diệt. Vị ấy biết như thật con đường đưa đến diệt tận khổ mà mình đang đi, tu hành hướng đến tùy thuận pháp; đó gọi là Tỳ-kheo chân chánh diệt khổ, cứu cánh biên tế khổ, nghĩa là thức diệt.

“Lại nữa, này các Tỳ-kheo, khi tư lương quán sát, để chân chánh diệt khổ và đến nơi tốt cùng của mé khổ; tư duy thức này do cái gì là nhân, cái gì là tập, cái gì sanh, cái gì xúc? Nên biết thức này là do hành làm nhân, hành tập, hành sanh, hành xúc. Khi làm các phước hành, thì thiện thức sanh; làm những hành không phước, không thiện thì thức bất thiện sanh; làm hành vô sở hữu, thì thức vô sở hữu sanh. Vì cái thức này do hành làm nhân, hành tập, hành sanh, hành xúc; nên khi hành kia diệt, không còn thì thức cũng bị diệt. Vị ấy biết như thật con đường đưa đến diệt tận khổ mà mình đang đi, tu hành hướng đến tùy thuận pháp; đó gọi là Tỳ-kheo chân chánh diệt khổ, cứu cánh biên tế khổ, nghĩa là hành diệt”.

“Lại nữa, này các Tỳ-kheo, khi tư lương quán sát, để chân chánh diệt khổ và đến nơi tốt cùng của mé khổ; tư duy hành này do cái gì là nhân, cái gì là tập, cái gì sanh, cái gì xúc? Nên biết hành này do vô minh làm nhân, vô minh tập, vô minh sanh, vô minh xúc. Phước hành này do vô minh làm duyên, phi phước hành cũng do vô minh làm duyên, phi phi phước hành cũng do vô minh làm duyên. Nên biết hành này do vô minh là nhân, vô minh tập, vô minh sanh, vô minh xúc. Khi vô minh này hoàn toàn bị diệt không còn, thì hành này cũng bị diệt. Vị ấy biết như thật con đường đưa đến diệt tận khổ mà mình đang đi, tu hành hướng đến tùy thuận pháp đó gọi là Tỳ-kheo chân chánh diệt khổ, cứu cánh biên tế khổ, nghĩa là vô minh diệt”.

Phật bảo các Tỳ-kheo: “Ý các ông nghĩ sao? Nếu không ái nhiễm vô minh mà sanh minh thì người ấy còn duyên vô minh này làm các phước hành, phi phước hạnh, hoặc làm vô sở hữu hành chăng?”

Các Tỳ-kheo bạch Phật: “Bạch Thế Tôn, không vậy. Vì sao? Vì đa văn Thánh đệ tử không ái nhiễm vô minh thì sanh minh, vô minh diệt thì hành diệt, hành diệt thì thức diệt, như vậy cho đến sanh, già, bệnh, chết, ưu, bi, khổ, não diệt và thuần một khối khổ lớn như vậy cũng diệt”.

Phật nói: “Lành thay! Lành thay! Nay các Tỳ-kheo, Ta cũng nói như vậy, các Tỳ-kheo cũng biết như vậy. Ở nơi pháp này pháp kia mà khởi lên pháp này pháp kia; sanh pháp này pháp kia, diệt pháp này pháp kia, diệt, tĩnh chỉ, thanh lương, tịch tĩnh. Đa văn Thánh đệ tử nếu ly nhiễm đối với vô minh mà sanh minh, khi cảm giác về cảm thọ trong giới hạn thân phần chùng nào, thì biết như thật cảm giác về cảm thọ trong giới hạn thân phần chùng ấy; khi cảm giác về cảm thọ trong giới hạn thọ mạng chùng nào, thì biết như thật cảm giác về cảm thọ trong giới hạn thọ mạng chùng ấy; khi thân hoại, mạng sống chấm dứt, thì ở đây tất cả cảm thọ được cảm nghiệm này đều diệt hết, không còn sót.

“Ví như người lực sĩ lấy món đồ gốm vừa mới nung, còn nóng, đặt trên đất, chỉ trong chốc lát vật này bị tan hoại, sức nóng cũng tan mất. Cũng vậy, Tỳ-kheo ly nhiễm đối với vô minh mà sanh minh, khi cảm giác về

cảm thọ trong giới hạn thân phần chùng nào, thì biết như thật cảm giác về cảm thọ trong giới hạn thân phần chùng ấy; khi cảm giác về cảm thọ trong giới hạn thọ mạng chùng nào, thì biết như thật cảm giác về cảm thọ trong giới hạn thọ mạng chùng ấy; khi thân hoại, mạng sống chấm dứt, thì ở đây tất cả cảm thọ được cảm nghiệm này đều diệt hết, không còn sót”⁸⁹.

52. Nương tựa chính mình

(No. 36). Bấy giờ Đức Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

“Hãy an trú nơi hòn đảo chính mình, an trú nơi nương tựa chính mình, an trú nơi hòn đảo pháp, an trú nơi nương tựa pháp, chứ đừng an trú nơi hòn đảo nào khác, hay nương tựa nơi nào khác.

“Tỳ-kheo hãy quán sát chân chánh, an trú nơi hòn đảo chính mình, an trú nơi nương tựa chính mình, an trú nơi hòn đảo pháp, an trú nơi nương tựa pháp, chứ đừng an trú nơi hòn đảo nào khác, hay nơi nương tựa nào khác⁹⁰.

89. Linh Sơn Pháp Bảo Đại Tạng Kinh Tập V, Bộ A Hàm V, Trung A Hàm Biệt Dịch & Kinh Tập A Hàm Số 1, Tập A Hàm Quyển 12 - Kinh 283: Chúng Thọ, Hội Văn hóa Giáo dục Linh Sơn Đài Bắc - Taiwan, 2000, trang 945~949.

90. Linh Sơn Pháp Bảo Đại Tạng Kinh Tập V, Bộ A Hàm V, Trung A Hàm Biệt Dịch & Kinh Tập A Hàm Số 1, Tập A Hàm Quyển 2 - Kinh 33:

(No. 639). Một thời, Đức Phật ở trong rừng Am-la râm mát, cạnh bờ sông Bạt-đà-la, nước Ma-thâu-la. Bấy giờ Tôn giả Xá-lợi-phất và Mục-kiền-liên vào Niết-bàn chưa bao lâu. Hôm ấy là ngày mười lăm bố-tát, Thế Tôn trải chỗ ngồi, ngồi trước đại chúng, nhìn khắp chúng hội rồi nói:

“Ta nhìn đại chúng, thấy đã trống không, vì Xá-lợi-phất và Mục-kiền-liên đã vào Niết-bàn. Trong chúng Thanh văn của Ta, chỉ có hai người này khéo thuyết pháp, giáo giới, dạy dỗ, biện thuyết đầy đủ. Có hai thứ tài sản: tiền tài và pháp tài. Tiền tài thì tìm cầu từ người thế gian. Pháp tài thì tìm cầu từ Xá-lợi-phất và Mục-kiền-liên. Như Lai đã lìa tiền tài và pháp tài. Các ông chớ vì Xá-lợi-phất và Mục-kiền-liên đã Niết-bàn mà sầu ưu khổ não”.

“Ví như cây lớn, rễ, cành, nhánh, lá, hoa trái, sum xuê tươi tốt, thì nhánh lớn sẽ gãy trước. Cũng như núi báu lớn, sườn lớn sụp đổ trước. Cũng vậy, trong đại chúng của Như Lai, hai vị Đại Thanh văn Xá-lợi-phất và Mục-kiền-liên vào Niết-bàn trước. Cho nên các Tỳ-kheo, các ông chớ sanh ưu sầu khổ não. Vì có pháp sanh, pháp khởi, pháp tạo tác, pháp hữu vi, pháp bại hoại nào, mà không tiêu mất. Nếu muốn khiến cho chúng không hoại, thì điều này không thể có được. Từ trước Ta đã nói, tất cả

mọi vật đáng yêu thích đều đi đến ly tán. Chẳng bao lâu nữa Ta cũng sẽ ra đi. Vì thế cho nên các ông hãy tự làm hòn đảo, tự nương tựa chính mình; hãy lấy pháp làm hòn đảo, lấy pháp làm nơi nương tựa; không lấy chỗ nào khác làm hòn đảo, không nương tựa chỗ nào khác. Nghĩa là sống an trú chánh niệm quán thân trên thân, tinh cần, phương tiện, chánh trí, chánh niệm, điều phục tham ưu thế gian; cũng vậy, an trú chánh niệm quán ngoại thân, nội ngoại thân; thọ, tâm, pháp trên pháp, cũng nói như vậy. Đó gọi là tự mình làm hòn đảo, tự nương tựa chính mình; tự lấy pháp làm hòn đảo, lấy pháp làm nơi nương tựa; không lấy chỗ nào khác làm hòn đảo, không nương tựa chỗ nào khác”⁹¹.

53. Nhân quả

(No. 1047). Bảy giờ Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo: “Có nhân nghiệp ác, nhân tâm ác, nhân kiến ác. Nếu chúng sanh nào có nhân như vậy, khi thân hoại mạng chung chắc chắn rơi vào địa ngục, đường ác. Giống như ném hạt châu tròn vào hư không, sẽ rơi lại xuống đất lăn đi, không đình trú tại một chỗ. Cũng vậy, nhân nghiệp ác, nhân tâm ác, nhân kiến ác, khi thân hoại mạng chung chắc sẽ rơi vào địa ngục không có chỗ đình trú.

91. Linh Sơn Pháp Bảo Đại Tạng Kinh Tập VI, Bộ A Hàm VI, Kinh Tập A Hàm Số 2, Tập A Hàm Quyển 24, Hội Văn hóa Giáo dục Linh Sơn Đài Bắc, Taiwan, 2000, trang 334~335.

“Thế nào là nghiệp ác? Sát sanh... *cho đến* nói lời thêu dệt, nói đầy đủ như trên. Đó gọi là nghiệp ác.

“Thế nào là tâm ác? Tâm tham, tâm sân nhuế, nói đầy đủ như trên. Đó gọi là tâm ác.

“Thế nào là kiến ác? Tà kiến điên đảo, nói đầy đủ như trên. Đó gọi là kiến ác. Đây gọi là nhân nghiệp ác, nhân tâm ác, nhân kiến ác, khi thân hoại mạng chung, chắc sẽ rơi vào địa ngục, đường ác. Nếu nhân nghiệp thiện, nhân tâm thiện, nhân kiến thiện, khi thân hoại mạng chung, chắc sẽ được sanh về cõi trời, đường lành”.

“Này Bà-la-môn, thế nào là nghiệp thiện? Lìa sát sanh, không ưa sát sanh,... *cho đến* không nói lời thêu dệt. Đó gọi là nghiệp thiện”.

“Thế nào là tâm thiện? Không tham, không sân, đó gọi là tâm thiện”.

“Thế nào là kiến thiện? Chánh kiến, không điên đảo... *cho đến* kiến không tái sanh đời sau. Đó gọi là kiến thiện. Đây gọi là nhân nghiệp thiện, nhân tâm thiện, nhân kiến thiện, khi thân hoại mạng chung chắc sẽ được sanh về cõi trời. Giống như ném hạt ma ni có bốn phương vào hư không, nó rơi chỗ nào sẽ nằm yên chỗ đó; cũng vậy ba nhân thiện kia tùy thuộc vào chỗ thọ sanh mà an ổn”⁹².

92. Linh Sơn Pháp Bảo Đại Tạng Kinh Tập VI, Bộ A Hàm VI, Kinh Tập A Hàm Số 2, Tập A Hàm Quyển 37, Hội Văn hóa Giáo dục Linh Sơn Đài Bắc, Taiwan, 2000, trang 810~811.

54. Sanh tử luân hồi

(No. 937~955).

(No. 955). “Chúng sanh từ vô thủy sanh tử, luân hồi mãi mãi, không biết biên tế tối sơ của khổ. Nay Tỳ-kheo, thí như, hoặc có người lăn bánh xe năm tiết, luôn luôn lăn không nghỉ. Cũng vậy, chúng sanh lăn bánh xe vào năm đường, hoặc rơi vào đường địa ngục, súc sanh, ngạ quỷ, cùng đường Trời, Người, lúc nào cũng lăn không dừng. Cũng vậy, vô thủy sanh tử luân hồi mãi mãi, không biết biên tế tối sơ của khổ. Cho nên Tỳ-kheo, nên học như vậy, đoạn trừ các hữu, chớ cho tăng trưởng”⁹³.

55. Diệt tận định

(No. 568). Trưởng giả lại hỏi Tôn giả: “Người chết và người nhập chánh thọ Diệt tận có khác nhau không?”

“- Xả thọ và hơi ấm, các căn hư hoại, thân mạng phân ly, đó gọi là chết. Người Diệt tận định, thân, khẩu, ý hành diệt, nhưng không xả thọ mạng, chẳng lìa hơi ấm, các căn không hoại, thân mạng thuộc nhau. Đó là tướng sai khác giữa người chết và người nhập Diệt tận định”.

93. Linh Sơn Pháp Bảo Đại Tạng Kinh Tập VI, Bộ A Hàm VI, Kinh Tạp A Hàm Số 2, Tập A Hàm Quyển 34, Hội Văn hóa Giáo dục Linh Sơn Đài Bắc, Taiwan, 2000, trang 661.

Trưởng giả lại hỏi Tôn giả: “Thế nào là nhập Diệt tận chánh thọ?”

“- Trưởng giả, người nhập Diệt tận chánh thọ không nói, ‘ta đang nhập Diệt tận chánh thọ, ta sẽ nhập Diệt tận chánh thọ’. Nhưng trước đó đã làm phương tiện tắt dần như thế; như phương tiện từ trước, hướng đến nhập Diệt tận chánh thọ”.

“Lúc nhập Diệt tận chánh thọ, trước hết diệt pháp gì, là diệt thân hành, khẩu hành hay ý hành?”

“- Nay Trưởng giả, người nhập Diệt tận chánh thọ trước hết diệt khẩu hành, kế đến thân hành, sau đó là ý hành”.

Trưởng giả lại hỏi Tôn giả: “Thế nào là xuất Diệt tận chánh thọ?”

Tôn giả đáp: “Trưởng giả, người xuất Diệt tận chánh thọ cũng không nghĩ rằng: ‘Ta nay xuất chánh thọ, ta sẽ xuất chánh thọ’. Nhưng trước kia đã tác thành tâm phương tiện; như tâm trước kia mà khởi”.

“Khởi Diệt tận chánh thọ, pháp nào khởi trước, là thân hành, khẩu hành hay ý hành?”

“- Nay Trưởng giả, từ Diệt tận chánh thọ khởi, ý hành khởi trước, kế đến thân hành, rồi đến khẩu hành”.

“Tôn giả, sự nhập Diệt tận định, thế nào là thuận xuôi, chảy xuôi, chảy sâu?”

“- Nay Trưởng giả, sự nhập Diệt tận chánh thọ thuận xuôi về viễn ly, chảy xuôi về viễn ly, chảy sâu về viễn ly; thuận xuôi về xuất ly, chảy xuôi về xuất ly, chảy sâu về xuất ly; thuận xuôi Niết-bàn, chảy xuôi Niết-bàn, chảy sâu vào Niết-bàn”.

Trưởng giả lại hỏi Tôn giả: “Lúc trụ Diệt tận chánh thọ, được xúc bởi bao nhiêu xúc?”

Tôn giả đáp: “- Nay Trưởng giả, xúc bất động, xúc vô tướng, xúc vô sở hữu”.

Trưởng giả lại hỏi Tôn giả: “Lúc nhập Diệt tận chánh thọ, tác thành bao nhiêu pháp?”

Tôn giả đáp: “Nay Trưởng giả, điều ấy nên hỏi trước, sao đến bây giờ mới hỏi?”

Nhưng tôi cũng nói cho ông biết. Tỳ-kheo nhập Diệt tận chánh thọ tu hai pháp: Chi và quán”⁹⁴.

56. Chánh quán

(No. 9). “Sắc là vô thường. Vô thường tức là khổ. Khổ tức là chẳng phải ta. Cái gì chẳng phải ta thì cũng chẳng phải sở hữu của ta. Quán sát như vậy gọi là chân thật chánh quán.

94. Linh Sơn Pháp Bảo Đại Tạng Kinh Tập VI, Bộ A Hàm VI, Kinh Tập A Hàm Số 2, Tập A Hàm Quyển 21, Hội Văn hóa Giáo dục Linh Sơn Đài Bắc, Taiwan, 2000, trang 206~207.

“Cũng vậy, thọ, tưởng, hành, thức là vô thường. Vô thường tức là khổ. Khổ tức chẳng phải ta. Cái gì chẳng phải ta thì cũng chẳng phải sở hữu của ta. Quán sát như vậy gọi là chân thật chánh quán. “Thánh đệ tử quán sát như vậy thì sẽ nhàm tởm sắc, thọ, tưởng, hành, thức. Do nhàm tởm nên không ham muốn, vì không ham muốn nên được giải thoát. Đối với giải thoát, trí chân thật phát sanh, biết rằng: ‘Ta, sự sanh đã dứt, phạm hạnh đã lập, những việc cần làm đã làm xong, tự biết sẽ không tái sanh đời sau nữa’⁹⁵.

(No. 9). “Sắc là vô thường. Vô thường tức là khổ. Khổ tức là chẳng phải ta. Cái gì chẳng phải ta thì cũng chẳng phải sở hữu của ta. Quán sát như vậy gọi là chân thật chánh quán. Cũng vậy, thọ, tưởng, hành, thức là vô thường. Vô thường tức là khổ. Khổ tức chẳng phải ta. Chẳng phải ta tức chẳng phải sở hữu của ta. Quán sát như vậy gọi là chân thật chánh quán.

“Thánh đệ tử quán sát như vậy giải thoát khỏi sắc, giải thoát khỏi thọ, tưởng, hành, thức. Ta nói, đó cũng là sự giải thoát khỏi sanh, già, bệnh, chết, ưu, bi, khổ, não”⁹⁶.

95. Linh Sơn Pháp Bảo Đại Tạng Kinh Tập V, Bộ A Hàm V, Trung A Hàm Biệt Dịch & Kinh Tập A Hàm Số 1, Tập A Hàm Quyển 1 - Kinh 1: Vô Thường, Hội Văn hóa Giáo dục Linh Sơn Đài Bắc - Taiwan, 2000, trang 527.

96. Linh Sơn Pháp Bảo Đại Tạng Kinh Tập V, Bộ A Hàm V, Trung A Hàm Biệt Dịch & Kinh Tập A Hàm Số 1, Tập A Hàm Quyển 1 - Kinh 1:

(No. 65). “Nên luôn luôn tu tập phương tiện thiên tư, cho trong tâm mình tĩnh lặng. Vì sao? Vì Tỳ-kheo luôn tu tập phương tiện thiên tư, thì trong tâm mình sẽ được tĩnh lặng, nên quán sát như thật. Thế nào là quán sát như thật? Đây là sắc, đây là sự tập khởi của sắc, đây là sự diệt tận của sắc; đây là thọ, tưởng, hành, thức, đây là sự tập khởi của... thức, đây là sự đoạn tận của... thức”.

“Thế nào là sự tập khởi của sắc? Sự tập khởi của thọ, tưởng, hành, thức? Phạm phu ngu si vô học nên đối với các thọ khổ, lạc, không khổ không lạc, không quán sát như thật rằng đây là sự tập khởi của thọ, sự diệt tận của thọ, vị ngọt của thọ, sự tai hại của thọ, sự xuất ly của thọ. Vì không biết quán sát như thật, nên đối với thọ lại ưa thích tham đắm mà sanh ra chấp thủ và thủ duyên hữu, hữu duyên sanh, sanh duyên lão, bệnh, tử, ưu, bi, khổ, não khối lớn đau khổ như vậy từ tập mà sanh. Đó gọi là sự tập khởi của sắc. Đó là sự tập khởi của thọ, tưởng, hành, thức. “Thế nào là sự diệt tận của sắc? Sự diệt tận của thọ, tưởng, hành, thức? Đa văn Thánh đệ tử đối với các thọ khổ, lạc, không khổ không lạc, quán sát như thật rằng đây là sự tập khởi của thọ, sự diệt tận của thọ, vị ngọt của thọ, sự tai hại của thọ, sự xuất ly của thọ. Vì quán sát như thật nên đối với thọ sự ưa thích đắm trước bị đoạn trừ. Vì sự đắm trước đã bị đoạn trừ, nên chấp thủ cũng bị diệt. Vì thủ đã bị diệt, nên hữu cũng bị diệt. Vì

hữu đã bị diệt, nên sanh cũng bị diệt. Vì sanh đã bị diệt, cho nên lão, bệnh, tử, ưu, bi, khổ, não cũng bị diệt; khối lớn đau khổ như vậy tất cả đều diệt. Đó gọi là sắc diệt. Đó gọi là thọ, tưởng, hành, thức diệt. Cho nên này Tỳ-kheo, hãy luôn luôn tu tập phương tiện thiền tư, cho tâm mình luôn tĩnh lặng. Tỳ-kheo an trụ thiền tư, thì bên trong tâm luôn tĩnh lặng, nỗ lực siêng năng phương tiện quán sát như thật”⁹⁷.

57. Tu tập chỉ và quán

(No. 1247). “Phải nên chuyên tâm phương tiện tùy thời tư duy về ba tướng. Những gì là ba? Tùy thời tư duy về tướng chỉ, tùy thời tư duy về tướng cử, tùy thời tư duy về tướng xả. Nếu Tỳ-kheo chỉ một mục tư duy tướng chỉ, thì ở nơi đó tâm trở thành hạ liệt. Nếu chỉ một mục tư duy tướng cử, thì ở nơi đó, tâm trạo loạn khởi lên. Nếu chỉ một mục tư duy tướng xả, thì ở nơi đó không được chánh định, để diệt tận các hữu lậu. Vì Tỳ-kheo kia tùy thời tư duy tướng chỉ, tùy thời tư duy tướng cử, tùy thời tư duy tướng xả, nên tâm được chánh định và diệt tận các hữu lậu. Như thầy trò thợ vàng, lấy vàng nguyên bỏ vào trong lò rồi cho tăng lửa, tùy thời quạt ống bệ, tùy thời

97. Linh Sơn Pháp Bảo Đại Tạng Kinh Tập V, Bộ A Hàm V, Trung A Hàm Biệt Dịch & Kinh Tập A Hàm Số 1, Tập A Hàm Quyển 3 - Kinh 59: Sanh Diệt, Hội Văn hóa Giáo dục Linh Sơn Đài Bắc - Taiwan, 2000, trang 609~610.

dội nước, tùy thời ngưng cả hai. Nếu chỉ một mực thụt ống bệ, thì ở đây vàng nguyên sẽ tiêu tan hết. Nếu chỉ một mực dội nước, thì ở đây vàng nguyên trở thành chai cứng. Hoặc ngưng cả hai, thì ở đây vàng nguyên không chín tới, không thể dùng được. Cho nên thầy trò thợ vàng thiện xảo, đối với vàng nguyên kia tùy thời thụt bệ, tùy thời dội nước, tùy thời ngưng cả hai, vàng nguyên như vậy mới đúng độ, tùy theo việc mà sử dụng. Cũng vậy Tỳ-kheo chuyên tâm phương tiện thường xuyên tư duy niệm tướng ba tướng, ... cho đến lậu tận”⁹⁸.

58. Quán bất tịnh

(No. 742). “Nếu Tỳ-kheo nào tu tập niệm tướng về sự chết, tu tập nhiều, sẽ được quả lớn, phước lợi lớn. Thế nào là Tỳ-kheo tu tập niệm tướng về sự chết, tu tập nhiều, sẽ được quả lớn, phước lợi lớn? Tỳ-kheo tu tập niệm tướng về sự chết cùng Niệm giác phần, y viễn ly, y vô dục, y diệt, hướng đến xả,... cho đến Xả giác phần”⁹⁹.

98. Linh Sơn Pháp Bảo Đại Tạng Kinh Tập VII, Bộ A Hàm VII, Kinh Tập A Hàm Số 3, Tập A Hàm Quyển 47, Hội Văn hóa Giáo dục Linh Sơn Đài Bắc, 2000, trang 82~83.

99. Linh Sơn Pháp Bảo Đại Tạng Kinh Tập VI, Bộ A Hàm VI, Kinh Tập A Hàm Số 2, Tập A Hàm Quyển 27, Hội Văn hóa Giáo dục Linh Sơn Đài Bắc, Taiwan, 2000, trang 437.

59. Sự sai lầm việc tu tập quán bất tịnh

(No. 809). Bảy giờ Đức Thế Tôn vì các Tỳ-kheo nói về bất tịnh quán, khen ngợi bất tịnh quán rằng: “Các Tỳ-kheo nên tu tập bất tịnh quán; tu tập bất tịnh quán nhiều thì sẽ được quả lớn, phước lợi lớn”.

Các Tỳ-kheo sau khi đã tu tập bất tịnh quán rồi, đều rất chán sợ thân này, hoặc dùng đao tự sát, hoặc uống thuốc độc hoặc dùng dây tự vẫn hoặc lao đầu vào vách núi tự sát, hoặc nhờ Tỳ-kheo khác giết.

Có Tỳ-kheo kia sanh lòng cực kỳ nhầm chán sự bất tịnh xấu xa, nên đến chỗ con Phạm chí Lộc Lâm nói với người con Phạm chí Lộc Lâm rằng: “Hiền thủ! Người làm ơn giết tôi, y bát xin tặng lại ông”.

Bảy giờ, người con Phạm chí Lộc Lâm liền giết Tỳ-kheo này rồi mang đao đến bờ sông Bạt-câu-ma để rửa. Lúc ấy, có Ma thiên ở giữa hư không khen ngợi con Phạm chí Lộc Lâm rằng: “Lành thay! Lành thay! Hiền thủ, ông được vô lượng công đức có thể khiến cho Sa-môn Thích tử trì giới có đức, người chưa độ được độ, người chưa thoát được thoát, người chưa yên nghỉ khiến được yên nghỉ, người chưa được Niết-bàn khiến được Niết-bàn, y bát và các thứ tạp vật cùng những lợi dưỡng tất cả đều thuộc về ông”.

Sau khi con Phạm chí Lộc Lâm nghe những lời khen ngợi này rồi, thì ác tà kiến tăng thêm, tự nghĩ: “Hôm nay ta đã thật sự tạo ra phước đức lớn, khiến cho Sa-môn

Thích tử người trì giới công đức, người chưa độ được độ, người chưa thoát được thoát, người chưa yên nghỉ khiến được yên nghỉ, người chưa được Niết-bàn khiến được Niết-bàn, y bát và các thứ tạp vật cùng những lợi dưỡng tất cả đều thuộc về ta”. Nghĩ xong tay cầm đao bén đi đến các phòng xá, những nơi kinh hành, phòng riêng, phòng Thiền, gặp các Tỳ-kheo nói như vậy: “Những Tỳ-kheo nào trì giới có đức, ai chưa được độ ta có thể độ cho, ai chưa thoát sẽ khiến cho thoát, ai chưa yên nghỉ sẽ khiến được yên nghỉ, chưa Niết-bàn sẽ khiến được Niết-bàn”.

Lúc ấy, các Tỳ-kheo đang chán sợ thân này, đều ra khỏi phòng nói với con Phạm chí Lộc Lâm rằng: “Tôi chưa được độ, ông nên độ tôi; tôi chưa được thoát, ông nên giải thoát tôi; tôi chưa được yên nghỉ, ông nên khiến cho tôi được yên nghỉ; tôi chưa được Niết-bàn, ông nên khiến cho tôi được Niết-bàn”. Bấy giờ con Phạm chí Lộc Lâm liền dùng đao bén giết Tỳ-kheo này và lần lượt, giết chết cho đến sáu mươi người.

Bấy giờ, đến ngày mười lăm lúc thuyết giới, Đức Thế Tôn ngồi trước đại chúng bảo Tôn giả A-nan: “Vì lý do gì mà các Tỳ-kheo càng lúc càng ít, càng lúc càng giảm, càng lúc càng hết như vậy?”

A-nan bạch Phật rằng: “Thế Tôn đã vì các Tỳ-kheo nói về tu bất tịnh quán, khen ngợi bất tịnh quán. Khi các Tỳ-kheo tu tập bất tịnh quán, đâm ra chán sợ thân này, nói đầy đủ... cho đến giết hại sáu mươi Tỳ-kheo. Bạch

Thế Tôn, vì lý do này nên khiến cho các Tỳ-kheo càng lúc càng ít, càng lúc càng giảm, càng lúc càng hết. Cúi xin Thế Tôn thuyết giảng pháp khác, để cho các Tỳ-kheo sau khi nghe xong tinh cần tu tập trí tuệ, an lạc mà tiếp thọ Chánh pháp; an vui sống trong Chánh pháp”¹⁰⁰.

60. Chánh Tư duy

(No. 716). “Ở trong nội pháp, Ta không thấy có một pháp nào mà pháp ác bất thiện chưa sanh lại khiến cho nó sanh; pháp ác bất thiện đã sanh rồi, thì tái sanh khiến cho tăng rộng. Hay pháp thiện chưa sanh khiến cho không sanh, đã sanh rồi khiến cho bị giảm đi. Đó là không tư duy chân chánh”.

“Này các Tỳ-kheo, không tư duy chân chánh, tham dục cái chưa sanh khiến cho sanh; đã sanh rồi thì tái sanh khiến tăng rộng. Sân nhuế, thù miên, trạo hối, nghi cái chưa sanh khiến cho sanh; đã sanh rồi thì tái sanh khiến cho tăng rộng. Niệm giác phần chưa sanh không cho sanh; đã sanh rồi khiến giảm đi; Trạch pháp, Tinh tấn, Hỷ, Khinh an, Định, Xả giác phần chưa sanh không cho sanh; đã sanh rồi khiến giảm đi”.

100. Linh Sơn Pháp Bảo Đại Tạng Kinh Tập VI, Bộ A Hàm VI, Kinh Tập A Hàm Số 2, Tập A Hàm Quyển 29, Hội Văn hóa Giáo dục Linh Sơn Đài Bắc, Taiwan, 2000, trang 488~490.

“Ta không thấy một pháp nào có thể khiến cho pháp ác bất thiện chưa sanh thì không sanh; đã sanh rồi khiến cho đoạn; pháp thiện chưa sanh thì khiến sanh; đã sanh rồi thì cho tái sanh khiến tăng rộng. Đó là tư duy chân chánh”.

“Này Tỳ-kheo, tư duy chân chánh thì tham dục cái chưa sanh sẽ khiến không sanh; đã sanh rồi khiến cho nó dứt. Sân nhuế, thù miên, trạo hối, nghi cái chưa sanh khiến không sanh; đã sanh rồi khiến dứt. Niệm giác phần chưa sanh khiến cho sanh; sanh rồi cho tái sanh khiến tăng rộng; Trạch pháp, Tinh tấn, Hỷ, Khinh an, Định, Xả giác phần chưa sanh khiến cho sanh; đã sanh rồi thì tái sanh khiến cho tăng rộng”¹⁰¹.

(No. 777). Ở trong nội pháp, Ta không thấy một pháp nào khiến pháp ác bất thiện chưa sanh khiến cho sanh; pháp ác bất thiện đã sanh rồi khiến tái sanh và làm tăng trưởng; pháp thiện chưa sanh không cho sanh; đã sanh rồi khiến thoái thất, đó là không chánh tư duy. Các Tỳ-kheo, không chánh tư duy thì tà kiến chưa sanh khiến cho sanh, đã sanh rồi khiến tái sanh và làm tăng trưởng; chánh kiến chưa sanh không cho sanh; đã sanh rồi khiến thoái thất. Cũng vậy tà chí, tà ngữ, tà nghiệp, tà mạng, tà phương tiện, tà niệm, tà định chưa sanh khiến cho sanh; đã sanh

101. Linh Sơn Pháp Bảo Đại Tạng Kinh Tập VI, Bộ A Hàm VI, Kinh Tập A Hàm Số 2, Tập A Hàm Quyển 27, Hội Văn hóa Giáo dục Linh Sơn Đài Bắc, Taiwan, 2000, trang 415.

rồi, khiến tái sanh và làm tăng trưởng; chánh chí, chánh ngữ, chánh nghiệp, chánh mạng, chánh phương tiện, chánh niệm, chánh định chưa sanh không cho sanh; đã sanh rồi, khiến thoái thất.¹⁰²

61. Tu tập pháp môn hơi thở ra vô

(No. 807). Bấy giờ Đức Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo: “Ta muốn tọa thiền trong vòng hai tháng. Các Tỳ-kheo chớ nên tới lui chỉ trừ Tỳ-kheo đưa thức ăn và khi bố-tát”.

Sau khi Thế Tôn nói những lời này xong liền ở lại đây hai tháng để thiền tọa, không một Tỳ-kheo nào dám tới lui chỉ trừ lúc đưa thức ăn và bố-tát.

Bấy giờ, sau khi trải qua hai tháng thiền tọa xong, Ngài từ thiền tịnh tỉnh giấc, ngồi trước Tỳ-kheo Tăng bảo các Tỳ-kheo: “Nếu có những xuất gia ngoại đạo nào đến hỏi các ông: Sa-môn Cù-đàm trong hai tháng tọa thiền gì?” Thì các ông nên đáp rằng: “Trong hai tháng Như Lai bằng An-na-pa-na niệm an trú trong thiền tịnh tư duy. Vì sao? Vì suốt trong hai tháng này Ta luôn luôn an trú tư duy nhiều nơi niệm An-na-pa-na. Khi hơi thở vào, biết như thật niệm hơi thở vào; khi hơi thở ra biết như thật

102. Linh Sơn Pháp Bảo Đại Tạng Kinh Tập VI, Bộ A Hàm VI, Kinh Tập A Hàm Số 2, Tập A Hàm Quyển 28, Hội Văn hóa Giáo dục Linh Sơn Đài Bắc, Taiwan, 2000, trang 459.

niệm hơi thở ra. Hoặc dài hoặc ngắn. Cảm giác toàn thân biết như thật niệm hơi thở vào; cảm giác toàn thân biết như thật niệm hơi thở ra. An tịnh thân hành, biết như thật niệm hơi thở vào;... cho đến, diệt biết như thật hơi thở ra. Sau khi Ta đã biết bấy giờ, Ta tự nghĩ: “Ở đây vẫn còn trụ tư duy thô. Nay Ta sau khi đình chỉ tư duy này, hãy tu thêm các tu tập vi tế khác mà an trụ”¹⁰³.

62. Vô Thường

(No. 11). “Sắc là vô thường. Nhân và duyên sanh ra các sắc, chúng cũng vô thường. Vậy, các sắc được sanh ra từ nhân và duyên vô thường, làm sao có thể là thường được”¹⁰⁴.

(No. 270). Thế Tôn nói với các Tỳ-kheo: “Tu tập tưởng vô thường, tu tập nhiều, có thể dứt trừ tất cả dục ái, sắc ái, vô sắc ái, trạo cử, điệu mạn, vô minh. “Giống như người làm ruộng, cuối hạ đầu thu, cày đất cho sâu, làm sạch hết cỏ. Cũng vậy, Tỳ-kheo, tu tập tưởng vô thường,

103. Linh Sơn Pháp Bảo Đại Tạng Kinh Tập VI, Bộ A Hàm VI, Kinh Tạp A Hàm Số 2, Tập A Hàm Quyền 29, Hội Văn hóa Giáo dục Linh Sơn Đài Bắc, Taiwan, 2000, trang 485~846.

104. Linh Sơn Pháp Bảo Đại Tạng Kinh Tập V, Bộ A Hàm V, Trung A Hàm Biệt Dịch & Kinh Tạp A Hàm Số 1, Tập A Hàm Quyền 1 - Kinh 1: Vô Thường, Hội Văn hóa Giáo dục Linh Sơn Đài Bắc - Taiwan, 2000, trang 528.

tu tập nhiều, có thể dứt trừ tất cả dục ái, sắc ái, vô sắc ái, điệu mạn, vô minh.

“Tỳ-kheo, như người cắt cỏ tay cầm ngọn cỏ, đưa lên và giữ sạch tất cả cỏ khô héo đều rơi rớt hết và lấy được những cọng cỏ dài. Cũng vậy, Tỳ-kheo tu tập tưởng vô thường, tu tập nhiều có thể dứt trừ tất cả dục ái, sắc ái, vô sắc ái, điệu mạn, vô minh. “Giống như trái Am-la bám lơ lửng trên cây một cơn gió mạnh thổi qua cành, quả rụng xuống. Cũng vậy, tu tập tưởng vô thường, tu tập nhiều, có thể dứt trừ tất cả dục ái, sắc ái, vô sắc ái, điệu mạn, vô minh.

“Giống như bên trong lâu gác là nơi chứa các loại gỗ ván quý bền chắc, để gìn giữ không cho thất lạc. Cũng vậy, tu tập tưởng vô thường, tu tập nhiều, có thể dứt trừ tất cả dục ái, sắc ái, vô sắc ái, điệu mạn, vô minh.

“Giống như trong tất cả dấu chân của chúng sanh, dấu chân voi là lớn hơn vì nó có thể chứa nhiều dấu chân khác. Cũng vậy, tu tập tưởng vô thường, tu tập nhiều, có thể dứt trừ tất cả dục ái, sắc ái, vô sắc ái, điệu mạn, vô minh.

“Giống như tất cả các sông ngòi ở thế gian này đều đổ vào biển cả. Biển cả là hơn hết, vì nó dung nạp tất cả. Cũng vậy, tu tập tưởng vô thường, tu tập nhiều, có thể dứt trừ tất cả dục ái, sắc ái, vô sắc ái, điệu mạn, vô minh.

“Giống như mặt trời xuất hiện, có thể phá tan mọi sự tối tăm của thế gian. Cũng vậy, tu tập tưởng vô thường,

tu tập nhiều, có thể dứt trừ tất cả dục ái, sắc ái, vô sắc ái, điều mạn, vô minh.

“Giống như Chuyển luân Thánh vương so với các tiểu vương là tối thượng, tối thắng. Cũng vậy, tu tập tướng vô thường, tu tập nhiều, có thể dứt trừ tất cả dục ái, sắc ái, vô sắc ái, điều mạn, vô minh.

“Tỳ-kheo, làm thế nào để tu tập tướng vô thường, tu tập nhiều, có thể dứt trừ tất cả dục ái, sắc ái, vô sắc ái, điều mạn, vô minh?

“Nếu Tỳ-kheo ở chỗ đồng trống hay ở trong rừng cây, mà khéo tư duy chân chánh, quán sát sắc là vô thường; thọ, tưởng, hành, thức vô thường tư duy như thế thì dứt hết tất cả dục ái, sắc ái, vô sắc ái, điều mạn, vô minh. Vì sao? Vì nếu người nào tu tập được tướng vô thường, thì có thể tu tập được tướng vô ngã. Thánh đệ tử an trú ở tướng vô ngã, tâm lìa ngã mạn, tùy thuận chứng đắc Niết-bàn”¹⁰⁵.

(No. 283). “Nếu đối với các pháp kết sử ràng buộc mà tùy thuận quán vô thường, quán trụ, sanh, diệt, quán vô dục, quán tịch diệt, quán xả, chẳng sanh đoái tưởng, tâm không hệ lụy, thì ái diệt; ái diệt thì thủ diệt, thủ diệt thì hữu diệt, hữu diệt thì sanh diệt, sanh diệt thì lão, bệnh,

105. Linh Sơn Pháp Bảo Đại Tạng Kinh Tập V, Bộ A Hàm V, Trung A Hàm Biệt Dịch & Kinh Tập A Hàm Số 1, Tập A Hàm Quyển 10 - Kinh 256: Vô Minh (1), Hội Văn hóa Giáo dục Linh Sơn Đài Bắc - Taiwan, 2000, trang 889~891.

tử, ưu, bi, khổ, não diệt và khối khổ lớn đã tụ tập thuận thành cũng diệt. Cũng giống trồng cây, ban đầu cây còn nhỏ, mềm yếu mà không yêu quý bảo vệ, không làm cho nó an ổn, không vun bồi phân đất, không tưới nước theo thời, không tạo sự thích hợp nóng lạnh thì cây ấy sẽ không thể tăng trưởng. Lại còn chặt gốc, bẻ cành, cắt ra từng đoạn, chia ra từng phần, để cho gió thổi nắng tấp hay dùng lửa thiêu đốt, cây cháy thành tro hoặc để cho gió lốc bóc lên hoặc bị quăng xuống nước, thì này các Tỳ-kheo, ý các ông thế nào làm như vậy há không phải là chặt đứt gốc rễ cây này, cho đến thiêu đốt khiến cho nó bị tiêu diệt thành pháp không sanh khởi trong đời vị lai chăng?”

Đáp: “Bạch Thế Tôn, đúng như vậy”.

“Nhu vậy, này các Tỳ-kheo, đối với các pháp kết sử ràng buộc mà tùy thuận quán vô thường, quán trụ, sanh, diệt, quán vô dục, quán tịch diệt, quán xả, chẳng sanh đoái tưởng, tâm không hệ lụy thì ái diệt; ái diệt thì thủ diệt, thủ diệt thì hữu diệt, hữu diệt thì sanh diệt, sanh diệt thì lão, bệnh, tử, ưu, bi, khổ, não diệt và khối khổ lớn đã tụ tập thuận thành cũng diệt”¹⁰⁶.

106. Linh Sơn Pháp Bảo Đại Tạng Kinh Tập V, Bộ A Hàm V, Trung A Hàm Biệt Dịch & Kinh Tập A Hàm Số 1, Tập A Hàm Quyển 12 - Kinh 283: Chúng Thọ, Hội Văn hóa Giáo dục Linh Sơn Đài Bắc - Taiwan, 2000, trang 929~930.

63. Phi Ngã

(No.12) “Nhu vậy, các Tỳ-kheo, sắc là vô thường, thọ, tưởng, hành, thức là vô thường. Cái gì là vô thường thì cái đó là khổ. Cái gì khổ thì chúng chẳng phải ta. Cái gì chẳng phải ta thì không phải là sở hữu của ta. Quán sát như vậy gọi là chân thật chánh quán. Thánh đệ tử quán sát như vậy thì sẽ giải thoát khỏi sắc, giải thoát khỏi thọ, tưởng, hành và thức. Ta nói, đó cũng là giải thoát khỏi sanh, già, bệnh, chết, ưu, bi, khổ, não như vậy”¹⁰⁷.

(No. 33) Sắc không phải là ngã. Nếu sắc là ngã, không nên ở nơi sắc mà bệnh, khổ sanh và cũng không thể có ước muốn khiến như vậy hay không như vậy đối với sắc. Vì sắc là vô ngã cho nên ở nơi sắc có bệnh, khổ sanh và nó cũng có ước muốn khiến như vậy hay không như vậy đối với sắc. Thọ, tưởng, hành, thức cũng lại như vậy.

(No. 84). “Sắc là vô thường. Vô thường thì khổ. Khổ chẳng phải là ngã. Chẳng phải ngã thì tất cả kia chẳng phải ngã, chẳng khác ngã, chẳng ở trong nhau, biết như thật đó gọi là chánh quán. Thọ, tưởng, hành, thức lại cũng như vậy. Đa văn Thánh đệ tử, đối với năm thọ ấm này quán sát chẳng phải ngã, chẳng phải ngã sở. Quán

107. Nhân Linh Sơn Pháp Bảo Đại Tạng Kinh Tập V, Bộ A Hàm V, Trung A Hàm Biệt Dịch & Kinh Tập A Hàm Số 1, Tập A Hàm Quyển 1 - Kinh 1: Vô Thường, Hội Văn hóa Giáo dục Linh Sơn Đài Bắc - Taiwan, 2000, trang 529.

sát như vậy, đối với các thế gian không có gì để chấp thủ. Vì không có gì để chấp thủ nên không có gì để đắm nhiễm; vì không có gì để đắm nhiễm nên tự mình giác ngộ Niết-bàn: “Ta sự sanh đã dứt, phạm hạnh đã lập, những gì cần làm đã làm xong, tự biết không còn tái sanh đời sau nữa”¹⁰⁸.

(No. 103). Phàm phu ngu si không học thấy sắc là ngã, là khác ngã, là ngã ở trong sắc, sắc ở trong ngã; thấy thọ, tưởng, hành, thức là ngã, là khác ngã, là ngã ở trong thức, là thức ở trong ngã.

“Thế nào thấy sắc là ngã? Chúng đắc chánh thọ nhập nhất thiết xứ về đất, sau khi quán khởi lên ý nghĩ “Đất tức là ngã, ngã tức là đất; ngã và đất chỉ là một chứ không phải hai không phải khác, không phân biệt”. Cũng vậy, chánh thọ nhập nhất thiết xứ về nước, lửa, gió, xanh, vàng, đỏ, trắng, sau khi quán, khởi lên ý nghĩ, “Hành tức là ngã, ngã tức là hành, chỉ là một chứ không phải hai, không phải khác, không phân biệt”. Như vậy, ở nơi các nhất thiết nhập xứ mỗi mỗi đều được chấp là ngã. Đó gọi là sắc tức là ngã.

108. Linh Sơn Pháp Bảo Đại Tạng Kinh Tập V, Bộ A Hàm V, Trung A Hàm Biệt Dịch & Kinh Tập A Hàm Số 1, Tập A Hàm Quyển 3 - Kinh 59: Sanh Diệt, Hội Văn hóa Giáo dục Linh Sơn Đài Bắc - Taiwan, 2000, trang 632.

“Thế nào là sắc khác ngã? Nếu người kia thấy thọ là ngã khi thấy thọ là ngã rồi thì thấy sắc là ngã sở hoặc thấy tướng, hành, thức tức là ngã thì thấy sắc là ngã sở”.

“Thế nào là thấy sắc ở trong ngã? Thấy thọ là ngã thì sắc ở trong ngã, nếu lại thấy tướng, hành, thức tức là ngã thì sắc ở trong ngã”.

“Thế nào là thấy ngã ở trong sắc? Nếu thấy thọ tức là ngã thì nó hiện hữu trong sắc, nhập vào trong sắc, phổ biến khắp tứ chi, hay nếu thấy tướng, hành, thức là ngã thì nó hiện hữu ở trong sắc và, biến khắp tứ chi. Đó gọi là ngã ở trong sắc”¹⁰⁹.

64. Có sanh thì có tử

(No. 1084). “Mệnh sống rất ngắn, chỉ thoáng đã trở thành đời sau. Hãy nên siêng tu tập pháp thiện, tu các phạm hạnh. Không có gì sanh mà không chết. Nhưng người thế gian không siêng năng, nỗ lực chuyên tu pháp thiện, tu hiền, tu nghĩa”¹¹⁰.

109. Linh Sơn Pháp Bảo Đại Tạng Kinh Tập V, Bộ A Hàm V, Trung A Hàm Biệt Dịch & Kinh Tập A Hàm Số 1, Tập A Hàm Quyển 5 Kinh 103: Sai Ma, Hội Văn hóa Giáo dục Linh Sơn Đài Bắc - Taiwan, 2000, trang 694~695.

110. Linh Sơn Pháp Bảo Đại Tạng Kinh Tập VI, Bộ A Hàm VI, Kinh Tập A Hàm Số 2, Tập A Hàm Quyển 39, Hội Văn hóa Giáo dục Linh Sơn Đài Bắc, Taiwan, 2000, trang 863.

(No. 1227). Vua Ba-tư-nặc bạch Phật: “Bạch Thế Tôn, rất kính trọng thương mến. Bạch Thế Tôn, nếu đem những gì có được ở trong nước như voi, ngựa, bảy báu, cho đến ngai vàng đem bố thí hết cho người mà có thể cứu sống bà nội thì con sẽ bố thí hết. Nhưng vĩnh viễn đã không thể cứu được kẻ sống người chết mãi mãi xa lìa; nhớ thương, buồn khổ, không tự mình vượt nổi”. Con đã từng nghe Thế Tôn nói: “Tất cả chúng sanh, tất cả côn trùng cho đến tất cả quỷ thần, có sanh đều phải chết, rốt cùng cũng phải chấm dứt không có ai sanh ra mà không chết. Hôm nay con mới nhận thấy lời Thế Tôn nói đúng”.

Phật bảo Đại vương: “Đúng vậy! Đúng vậy! Tất cả chúng sanh, tất cả côn trùng cho đến tất cả quỷ thần, có sanh đều phải chết, rốt cùng cũng phải chấm dứt không có ai sanh ra mà không chết”.

Phật bảo Đại vương tiếp: “Cho dù dòng họ Bà-la-môn, Sát-đế-lợi, hay gia chủ nếu có sanh đều phải chết, không ai không chết. Cho dù là Đại vương Sát-đế-lợi, ở ngôi quán đảnh, làm vua bốn thiên hạ, được sức tự tại đối với các địch quốc đều hàng phục, cuối cùng không ai là không chết. Lại nữa, Đại vương dù sanh trời Trường thọ, làm vua Thiên cung, tự tại khoái lạc, cuối cùng cũng phải chấm dứt. Lại nữa, Đại vương, Tỳ-kheo A-la-hán các lậu đã hết, đã lìa các gánh nặng, việc cần làm đã làm xong, đã được lợi mình, hết các hữu kết, chánh trí, tâm khéo giải thoát, vị ấy cũng phải chấm dứt, xả thân vào Niết-bàn. Lại nữa, hàng Duyên giác, khéo điều phục, khéo tịch

tĩnh, khi hết thân mạng này, cuối cùng cũng vào Niết-bàn. Chư Phật Thế Tôn đầy đủ mười lực, bốn vô sở úy, hơn tiếng rống sư tử, cuối cùng cũng xả thân vào Bát-niết-bàn. Vì vậy, Đại vương nên biết, tất cả chúng sanh, tất cả côn trùng, cho đến tất cả quỷ thần, có sanh đều phải chết, rốt cùng cũng phải chấm dứt, không có ai sanh ra mà không chết”¹¹¹.

65. Lời Phật dạy cứu thiếu phụ khỏi chết

(No. 1178). Một thời Đức Phật ở trong vườn Am-la tại nước Di-hy-la. Khi ấy, có thiếu phụ Bà-la-môn tên là Bà-tứ-tra có sáu người con qua đời liên tiếp. Vì nhớ con nên phát cuồng, trần truồng, xõa tóc cứ theo đường mà chạy đến trong vườn Am-la, Di-hy-la. Bấy giờ, Thế Tôn đang thuyết pháp cho vô lượng đại chúng đang vây quanh. Từ xa, thiếu phụ Bà-la-môn Bà-tứ-tra trông thấy Thế Tôn. Vừa thấy, bỗng tỉnh tâm lại, thẹn thùng xấu hổ nép mình ngồi xổm xuống.

Bấy giờ, Thế Tôn bảo Tôn giả A-nan: “Lấy Uất-đa-la-tăng của ông đem cho thiếu phụ Bà-la-môn Bà-tứ-tra và bảo khoác vào để nghe pháp”. Tôn giả A-nan vâng lời Phật dạy, lấy y đưa cho bà khoác vào. Sau khi bà được y, mặc xong đến trước Phật cúi đầu lễ Phật, ngồi lui qua

111. Linh Sơn Pháp Bảo Đại Tạng Kinh Tập VII, Bộ A Hàm VII, Kinh Tập A Hàm Số 3, Tập A Hàm Quyển 46, Hội Văn hóa Giáo dục Linh Sơn Đài Bắc, 2000, trang 51~52.

một bên. Bảy giờ, Thế Tôn vì bà thuyết pháp, khai thị, chỉ giáo, soi sáng, làm cho hoan hỷ. Như thường lệ, Đức Phật thuyết pháp theo thứ lớp cho đến khi tín tâm thanh tịnh, thọ tam tự quy. Sau khi nghe Phật thuyết pháp, bà hoan hỷ, tùy hỷ, làm lễ ra về.

Sau đó người con thứ bảy của Ưu-bà-di Bà-tứ-tra này đột nhiên lại qua đời. Nhưng bà Ưu-bà-di này không còn ưu bi, khổ, não, khóc lóc nữa. Lúc này, chồng của bà Ưu-bà-di Bà-tứ-tra làm kệ nói với bà rằng:

....

Bảy giờ, Bà-la-môn liền sửa soạn xe cộ rồi lên xe ngựa đến vườn Am-la, Di-hy la. Từ xa trông thấy Thế Tôn, lòng tin vui tăng lên đến trước Đại Sư. Khi ấy Đại Sư vì ông mà nói kệ, khai mở pháp nhãn cho ông thấy khổ, tập, diệt, đạo, thẳng đến Niết-bàn. Ông liền thấy pháp, thành tựu hiện quán. Sau khi biết pháp rồi, xin được phép xuất gia. Ngay lúc đó, Bà-la-môn liền được xuất gia và một mình ở chỗ yên tĩnh tư duy... cho đến đắc A-la-hán.

Thế Tôn đã ký thuyết là chờ vào đêm thứ ba, ông sẽ đắc tam minh. Sau khi đắc tam minh rồi Đức Thế Tôn bảo ông sai người đánh xe hãy đem xe về nhà cho Ưu-bà-di Bà-tứ-tra biết, khởi phát lời tùy hỷ chúc mừng rằng:

“Bà-la-môn đã đến gặp Thế Tôn; đã có được tín tâm thanh tịnh và kính thờ làm Thầy. Đại sư liền vì ông

thuyết pháp, vì ông mà khai mở pháp nhãn, ông đã thấy Khổ Thánh đế, Khổ tập, Khổ diệt và tám đường Hiền thánh an ổn thẳng đến Niết-bàn, thành tựu hiện quán. Sau khi biết pháp rồi, liền xin xuất gia và Thế Tôn đã ký thuyết là vào đêm thứ ba ông đắc tam minh đầy đủ”.

Khi đó người đánh xe vâng lời liền quay về nhà, từ xa Ưu-bà-di Bà-tứ-tra trông thấy người đánh xe đánh xe không trở về, liền hỏi: “Bà-la-môn có gặp được Phật không? Phật có vì ông thuyết pháp, khai thị pháp nhãn cho ông thấy Thánh đế không?”

Người đánh xe thưa: “Bà-la-môn đã đến gặp Thế Tôn đã có được tín tâm thanh tịnh và kính thờ làm Thầy. Đại Sư liền vì ông thuyết pháp, vì ông mà khai mở pháp nhãn, ông đã thấy Khổ Thánh đế, Khổ tập, Khổ diệt và tám đường Hiền thánh an ổn thẳng đến Niết-bàn, thành tựu hiện quán. Sau khi biết pháp rồi, liền xin xuất gia và Thế Tôn đã ký thuyết là vào đêm thứ ba ông đắc tam minh đầy đủ”. Lúc ấy, Ưu-bà-di trong lòng liền vui vẻ, nói với người đánh xe: “Cho ông chiếc xe ngựa này cộng thêm một trăm ngàn tiền vàng, vì ông đã truyền tin, nói là Bà-la-môn Tú-xà-đế đã chứng tam minh, khiến lòng tôi vui vẻ”.

Người đánh xe đáp: “Bây giờ con đâu cần xe ngựa và vàng bạc làm gì? Xe ngựa vàng bạc, xin trả lại cho bà Ưu-bà-di, nay con sẽ trở lại chỗ Bà-la-môn, theo ông xuất gia”.

Ưu-bà-di nói: “Ý ông như vậy thì hãy mau mau trở lại để theo ông chủ xuất gia, không bao lâu cũng sẽ được tam minh đầy đủ như ông chủ”.

Người đánh xe nói: “Đúng vậy, thưa bà Ưu-bà-di như ông chủ xuất gia, con cũng sẽ như vậy”.

Bà Ưu-bà-di nói: “Cha của người đã xuất gia, người cũng xuất gia theo. Ta nay không bao lâu cũng sẽ đi theo. Giống như con rồng lớn trong đồng trống lướt qua hư không mà du hành. Những con rồng khác, rồng con trai, rồng con gái, thầy đều bay theo. Ta cũng như vậy, sẽ mang bát, đắp y, sống đời dễ thỏa mãn”.

Người đánh xe thưa: “Thưa bà Ưu-bà-di, nếu như vậy, sở nguyện của bà ắt sẽ thành tựu. Không bao lâu sẽ thấy bà Ưu-bà-di ít muốn biết đủ, đắp y, mang bát, xin nhận những gì người ta bỏ đi mà ăn, cạo tóc mặc áo nhuộm. Đối với âm, giới, nhập, đoạn trừ ái dục, xa lìa sự trói buộc của tham và dứt hết các hữu lậu”¹¹².

66. Mỗi quan hệ giữa danh, sắc và thức

(No. 283). Đáp: “Bạch Tôn giả Xá-lợi-phất, danh sắc chẳng phải tự tác, chẳng phải tha tác, chẳng phải tự và

112. Linh Sơn Pháp Bảo Đại Tạng Kinh Tập VI, Bộ A Hàm VI, Kinh Tập A Hàm Số 2, Tập A Hàm Quyển 44, Hội Văn hóa Giáo dục Linh Sơn Đài Bắc, Taiwan, 2000, trang 1020~1023.

tha tác, cũng chẳng phải chẳng tự tha tác mà vô nhân tác. Nhưng danh sắc này do duyên thức mà sanh”.

Lại hỏi: “Thức này có phải là tự tác, là tha tác, là tự và tha tác, hay là chẳng phải tự tha tác mà vô nhân tác chẳng?”

Đáp: “Bạch Tôn giả Xá-lợi-phất, thức này chẳng phải tự tác, chẳng phải tha tác, chẳng phải tự tác và tha tác, cũng chẳng phải chẳng tự tha tác mà vô nhân tác. Nhưng thức này do duyên danh sắc mà sanh”.

Tôn giả Xá-lợi-phất lại hỏi: “Tôn giả Ma-ha Câu-hi-la, trước đây Hiền giả nói danh sắc chẳng phải tự tác, chẳng phải tha tác, chẳng phải tự và tha tác, chẳng phải chẳng tự và tha, vô nhân tác, nhưng danh sắc này duyên thức mà sanh ra. Bây giờ, lại nói danh sắc duyên thức, vậy nghĩa này là thế nào?”

Tôn giả Ma-ha Câu-hi-la đáp: “Nay tôi sẽ nói thí dụ nếu là người trí thì nhờ thí dụ sẽ hiểu được. Thí như ba cây lau được dựng lên nơi đất trống, nhờ nương tựa vào nhau mà có thể đứng vững, nếu lấy ra một cây thì hai cây kia cũng không đứng được; nếu lấy đi hai cây thì một cây cũng không đứng vững, vì chúng phải nương vào nhau mới có thể đứng được. Thức duyên danh sắc lại cũng như vậy, phải nương tựa lẫn nhau mới sanh trưởng được”¹¹³.

113. Linh Sơn Pháp Bảo Đại Tạng Kinh Tập V, Bộ A Hàm V, Trung A Hàm Biệt Dịch & Kinh Tập A Hàm Số 1, Tập A Hàm Quyền 12 - Kinh

67. Thức thường hay vô thường

(No. 230). Tôn giả A-nan lại hỏi: “Do duyên vào mắt và sắc nên nhãn thức sanh phải không?”

Đáp: “Đúng như vậy”.

Tôn giả A-nan lại hỏi: “Duyên mắt và sắc sanh ra nhãn thức; nhân này, duyên này là thường hay là vô thường?”

Đáp: “Là vô thường”.

Tôn giả A-nan lại hỏi:

“Nhân này, duyên này sanh ra nhãn thức; nhân này, duyên này là vô thường, biến dịch vậy thức kia có trụ không?”

Đáp: “Bạch Tôn giả, không”...

Tôn giả A-nan lại hỏi: “Hoặc nhân, hoặc duyên mà sanh ra ý thức; nhân này, duyên này là vô thường, biến dịch, vậy ý thức có trụ không?”

Đáp: “Không”.

Tôn giả A-nan lại hỏi: “Theo ý Tôn giả thế nào, pháp này hoặc sanh hay diệt có thể biết, đa văn Thánh đệ tử ở trong đó có thấy ngã khác ngã, hay ở trong nhau không?”

283: Chúng Thọ, Hội Văn hóa Giáo dục Linh Sơn Đài Bắc - Taiwan, 2000, trang 938.

Đáp: “Bạch Tôn giả A-nan, không”.

Tôn giả A-nan nói với Tôn giả Thuần-đà: “Cho nên này Tôn giả, Như Lai, Ứng Cúng, Chánh Đẳng Chánh Giác, bậc Tri giả, Kiến giả, đã nói, thức cũng vô thường.”¹¹⁴

68. Nếu vô ngã thì ai là người tạo nhân và thọ quả?

(No. 58). Bây giờ, trong chúng lại có một vị Tỳ-kheo khác căn trí dần độn không hiểu biết, vì vô minh che lấp nên khởi tà kiến ác nghĩ rằng: “Nếu vô ngã, tạo nghiệp vô ngã vậy thì ai là người sẽ chịu quả báo trong đời vị lai?”

Bây giờ, Đức Thế Tôn biết những ý nghĩ trong tâm của vị Tỳ-kheo kia nên liền bảo các Tỳ-kheo: “Ở trong chúng này, có người ngu si, vô trí, vô minh, nghĩ rằng: ‘Nếu sắc là vô ngã, thọ, tưởng, hành, thức là vô ngã, tạo nghiệp vô ngã, thì ai là người sẽ nhận quả báo?’ Những điều nghi ngờ như vậy, trước đây Ta đã giải thích. Thế nào Tỳ-kheo, sắc là thường hay vô thường?”

Đáp: “Bạch Thế Tôn, vô thường”.

Hỏi: “Vô thường là khổ chăng?”

114. Linh Sơn Pháp Bảo Đại Tạng Kinh Tập V, Bộ A Hàm V, Trung A Hàm Biệt Dịch & Kinh Tập A Hàm Số 1, Tập A Hàm Quyển 9 Kinh 230: Tam Di Ly Đề (1), Hội Văn hóa Giáo dục Linh Sơn Đài Bắc - Taiwan, 2000, trang 836~837.

Đáp: “Bạch Thế Tôn, là khô”.

Hỏi: “Vô thường, khô, là pháp biến dịch, vậy đa văn Thánh đệ tử có nên ở trong đó thấy là ngã, khác ngã, ở trong nhau không?”

Đáp: “Bạch Thế Tôn, không”¹¹⁵.

69. Ni Kiền Tử và đức Phật tranh luận về vấn đề vô ngã

(No. 110). “Ví như tất cả những gì được tạo tác ở thế gian đều nương trên đất cũng vậy sắc là ngã, mọi việc thiện ác đều phát sanh từ đó. Thọ, tưởng, hành, thức là ngã, mọi việc thiện ác cũng đều phát sanh từ đó. Thêm một thí dụ nữa, như cối người, cối thần, cỏ thuốc, cây cối, đều nương vào đất mà được sanh trưởng. Cũng vậy, sắc là ngã. Thọ, tưởng, hành, thức là con người”.

Phật nói: “Này Hỏa chủng cư sĩ, ông nói sắc là ngã, thọ, tưởng, hành, thức là con người chẳng?”

Đáp: “Thưa Cù-đàm, đúng như vậy. Sắc là con người; thọ, tưởng, hành, thức là người. Ở đây tất cả mọi người đều nói như vậy”.

115. Linh Sơn Pháp Bảo Đại Tạng Kinh Tập V, Bộ A Hàm V, Trung A Hàm Biệt Dịch & Kinh Tập A Hàm Số 1, Tập A Hàm Quyển 2 - Kinh 33: Phi Ngã, Hội Văn hóa Giáo dục Linh Sơn Đài Bắc - Taiwan, 2000, trang 599~600.

Đáp: “Thưa Cù-đàm, có thể làm được như vậy”.

Phật bảo Hỏa chủng cư sĩ: “Phàm là người chủ, ắt phải được tự tại chăng?”

Đáp: “Thưa Cù-đàm, đúng như vậy”.

Phật bảo Hỏa chủng cư sĩ: “Ông nói sắc là ngã; thọ, tưởng, hành, thức là ngã vậy có được tùy ý tự tại khiến nó như vậy hay không như vậy chăng?”

Lúc này, Ni-kiền tử Tát-giá ngồi im¹¹⁶.

70. Hữu ngã

(No. 984). “Nay Ta sẽ nói ái là lưới, là chất keo, là dòng suối, là rễ sen. Những thứ này thường làm chướng ngại chúng sanh che lấp, dính chặt, giữ chặt, che phủ, đóng kín, bế tắt, tối tăm, như ruột chó, như cỏ rối, như tơ, từ đời này sang đời khác, từ đời khác đến đời này, lưu chuyển qua lại, không lúc nào ngừng”.

“Này các Tỳ-kheo, tại sao ái là lưới, là chất keo... *cho đến* lưu chuyển qua lại, không lúc nào ngừng? Nghĩa là có ngã: ta tồn tại, ta ước muốn, ta như vậy, có ta, không ta, khác ta, ta sẽ tồn tại, ta sẽ không tồn tại, ta sẽ

116. Linh Sơn Pháp Bảo Đại Tạng Kinh Tập V, Bộ A Hàm V, Trung A Hàm Biệt Dịch & Kinh Tập A Hàm Số 1, Tập A Hàm Quyển 5 Kinh 103: Sai Ma, Hội Văn hóa Giáo dục Linh Sơn Đài Bắc - Taiwan, 2000, trang 701~702.

ước muốn, ta sẽ như vậy, ta sẽ khác khác, mong ta ước muốn (*tồn tại nơi đây*), mong ta như vậy, mong ta khác, mong ta đúng như vậy, mong ta muốn như vậy, mong ta khác. Mười tám ái hành như vậy, phát khởi từ bên trong”.

“Tỳ-kheo nói rằng ta tồn tại nơi những gì đang có, rằng ta muốn, ta như vậy... *cho đến* mười tám ái hành khởi lên từ bên ngoài. Tổng cộng với mười tám ái hành kia như vậy tất cả là ba mươi sáu ái hành. Hoặc nói quá khứ khởi, hoặc vị lai, hoặc hiện tại khởi lên như vậy cộng lại là một trăm lẻ tám ái hành. Cho nên gọi đó là lưới, là chất keo, là dòng suối, là rễ sen hay làm chướng ngại chúng sanh, che lấp, dính chặt, giữ chặt, che phủ, đóng kín, bết tắc, tối tăm, như ruột chó, như cỏ rối, như tơ, từ đời này sang đời khác, từ đời khác đến đời này, lưu chuyển qua lại, không lúc nào ngừng”¹¹⁷.

71. Có và không (Trung đạo)

(No. 262). Bấy giờ, Tôn giả A-nan nói với Xiển-đà: “Chính tôi đã từng trực tiếp nghe từ Đức Phật dạy Tôn giả Ma-ha Ca-chiên-diên: Người đời điên đảo nương chấp vào hai bên: hoặc là hữu, hoặc là vô. Người đời thủ các cảnh giới, tâm liền phân biệt chấp trước. Nay Ca-

117. Linh Sơn Pháp Bảo Đại Tạng Kinh Tập VI, Bộ A Hàm VI, Kinh Tập A Hàm Số 2, Tập A Hàm Quyển 35, Hội Văn hóa Giáo dục Linh Sơn Đài Bắc, Taiwan, 2000, trang 722~723.

chiên-diên nếu không thọ, không thủ, không trụ, không phân biệt chấp trước ngã; khổ này khi sanh thì sanh, khi diệt thì diệt. Nay Ca-chiên-diên, đối với điều đó không nghi ngờ, không mê hoặc, không do ai khác mà tự mình biết, đó gọi là chánh kiến mà Đức Như Lai đã giảng nói. Vì sao? Nay Ca-chiên-diên, vì nếu quán sát như thật về sự tập khởi của thế gian, sẽ không sanh ra kiến chấp thế gian là vô. Quán sát như thật về sự diệt tận của thế gian, sẽ không sanh ra kiến chấp thế gian là hữu. Nay Ca-chiên-diên, Như Lai đã xa lìa hai bên, thuyết ở Trung đạo, rằng: cái này có nên cái kia có, cái này sanh nên cái kia sanh; nghĩa là duyên vô minh nên có hành và, cho đến sự tập khởi của sanh, già, bệnh, chết, ưu, bi, khổ, não. Và rằng, cái này không nên cái kia không, cái này diệt nên cái kia diệt; có nghĩa là vô minh diệt thì hành diệt, cho đến sự diệt tận của sanh, già, bệnh, chết, ưu, bi, khổ, não”¹¹⁸.

72. Giới luật

(No. 817~833).

(No. 817). Cũng có ba học nữa. Những gì là ba? Đó là tăng thượng Giới học, tăng thượng Ý học, tăng thượng Tuệ học.

118. Linh Sơn Pháp Bảo Đại Tạng Kinh Tập V, Bộ A Hàm V, Trung A Hàm Biệt Dịch & Kinh Tập A Hàm Số 1, Tập A Hàm Quyển 10 - Kinh 256: Vô Minh (1), Hội Văn hóa Giáo dục Linh Sơn Đài Bắc - Taiwan, 2000, trang 871~872.

“Thế nào là tăng thượng Giới học? Tỳ-kheo an trụ giới, luật nghi Ba-la-đề-mộc-xoa, đầy đủ oai nghi, hành xử, thấy tội nhỏ nhất sanh lòng sợ hãi, thọ trì học giới”.

“Thế nào là tăng thượng Ý học? Tỳ-kheo ly dục, ly pháp ác bất thiện... cho đến chứng và an trụ đệ Tứ thiên”.

“Thế nào là tăng thượng Tuệ học? Tỳ-kheo biết như thật về Khổ Thánh đế này, biết như thật về Tập, Diệt, Đạo Thánh đế, đó gọi là tăng thượng Tuệ học”¹¹⁹.

(No. 819). “Hơn hai trăm năm mươi giới, cứ mỗi nửa tháng lại thuyết Ba-la-đề-mộc-xoa. Để cho kia tự mình cầu học mà học, nói ba học có thể tổng nhiếp các giới. Những gì là ba? Đó là tăng thượng Giới học, tăng thượng Ý học và tăng thượng Tuệ học”¹²⁰.

(No. 821). “Hơn hai trăm năm mươi giới, cứ mỗi nửa tháng, lại thuyết Ba-la-đề-mộc-xoa. Nếu thiện nam tử tự theo ý muốn của mình mà học, Ta nói cho ba học. Nếu học ba học này, thì sẽ tóm thâu được tất cả các học giới.

119. Linh Sơn Pháp Bảo Đại Tạng Kinh Tập VI, Bộ A Hàm VI, Kinh Tập A Hàm Số 2, Tập A Hàm Quyển 29, Hội Văn hóa Giáo dục Linh Sơn Đài Bắc, Taiwan, 2000, trang 500~501.

120. Linh Sơn Pháp Bảo Đại Tạng Kinh Tập VI, Bộ A Hàm VI, Kinh Tập A Hàm Số 2, Tập A Hàm Quyển 29, Hội Văn hóa Giáo dục Linh Sơn Đài Bắc, Taiwan, 2000, trang 501~502.

Những gì là ba? Đó là tăng thượng Giới học, tăng thượng Ý học, tăng thượng Tuệ học¹²¹.

(No. 820). “Thế nào là tăng thượng Giới học? Tỳ-kheo thiên trọng nơi giới, giới tăng thượng; không thiên trọng nơi định, định không tăng thượng; không thiên trọng nơi tuệ, tuệ không tăng thượng. Đối với từng phần từng phần giới vi tế, nếu phạm thì theo đó mà sám hối. Vì sao? Ta không nói là kia không có khả năng, nếu giới kia tùy thuận phạm hạnh, làm lợi ích cho phạm hạnh, làm tồn tại lâu dài phạm hạnh; Tỳ-kheo như vậy giới vững chắc, giới sư luôn tồn tại, giới thường tùy thuận mà sanh, thọ trì mà học. Biết như vậy, thấy như vậy, thì sẽ đoạn trừ ba kết là thân kiến, giới thủ và nghi. Ba kết này đã đoạn trừ, đắc Tu-đà-hoàn, không còn đọa vào pháp đường ác, nhất định sẽ hướng đến Vô thượng Chánh giác, chỉ còn qua lại bảy lần Trời, Người, cứu cánh thoát khổ. Đó gọi là tăng thượng Giới học”.

“Thế nào là tăng thượng Ý học? Tỳ-kheo thiên trọng giới, giới tăng thượng; thiên trọng định, định tăng thượng; không thiên trọng tuệ, tuệ không tăng thượng. Đối với từng phần từng phần giới vi tế... cho đến thọ trì học giới. Biết như vậy, thấy như vậy, đoạn trừ năm hạ phần kết, là thân kiến, giới thủ, nghi, tham dục, sân

121. Linh Sơn Pháp Bảo Đại Tạng Kinh Tập VI, Bộ A Hàm VI, Kinh Tập A Hàm Số 2, Tập A Hàm Quyển 29, Hội Văn hóa Giáo dục Linh Sơn Đài Bắc, Taiwan, 2000, trang 503.

nhuê. Năm hạ phân kết này đã đoạn trừ, đắc Sanh Bát-niết-bàn A-na-hàm, không còn trở lại đời này. Đó gọi là tăng thượng Ý học”.

“Thế nào là tăng thượng Tuệ học? Tỳ-kheo thiên trọng giới, giới tăng thượng; thiên trọng định, định tăng thượng; thiên trọng tuệ, tuệ tăng thượng. Tỳ-kheo biết như vậy, thấy như vậy, tâm giải thoát dục hữu lậu, tâm giải thoát hữu hữu lậu, tâm giải thoát vô minh hữu lậu; giải thoát tri kiến. Ta sự sanh đã dứt, phạm hạnh đã lập, những việc cần làm đã làm xong, tự biết không còn tái sanh đời sau nữa. Đó gọi là tăng thượng Tuệ học”¹²².

73. Mục đích của sự chế giới

(No. 826). “Này các Tỳ-kheo, thế nào là học giới theo phước lợi? Là Đại Sư vì các Thanh văn chế giới để nhiếp thủ Tăng, tích cực nhiếp thủ Tăng, khiến người không tin được tin; người đã tin tăng trưởng lòng tin; điều phục người ác; người tầm quý được sống an vui; phòng hộ hữu lậu hiện tại; chính thức đối trị được đời vị lai khiến cho phạm hạnh tồn tại lâu dài. Như Đại Sư đã vì Thanh văn chế giới để nhiếp thủ Tăng... cho đến khiến cho phạm hạnh tồn tại lâu dài. Học giới như vậy như vậy, hành trì giới kiên cố giới hằng tại, giới thường hành, giữ

122. Linh Sơn Pháp Bảo Đại Tạng Kinh Tập VI, Bộ A Hàm VI, Kinh Tập A Hàm Số 2, Tập A Hàm Quyển 29, Hội Văn hóa Giáo dục Linh Sơn Đài Bắc, Taiwan, 2000, trang 502~503.

gìn học giới. Đó gọi là Tỳ-kheo nhờ giới mà được phước lợi”¹²³.

(No. 906). “Bạch Thế Tôn, vì nhân gì, duyên gì, trước đây Thế Tôn ít chế cấm giới cho các Thanh văn mà lúc ấy nhiều Tỳ-kheo tâm lại ưa thích học tập; còn ngày nay thì chế nhiều cấm giới, mà các Tỳ-kheo lại ít thích học tập?”

Phật bảo: “Đúng vậy Ca-diếp, vì mạng trước, phiền não trước, kiếp trước, chúng sanh trước, kiến trước và pháp thiện của chúng sanh bị sút giảm nên Đại Sư vì các Thanh văn chế ra nhiều cấm giới nhưng họ lại ít thích học tập”.

“Này Ca-diếp, thí như lúc kiếp sắp muốn hoại, tuy vật báu thật chưa diệt mất nhưng vật báu nguy tạo tương tự lại xuất hiện ở thế gian. Khi vật báu nguy tạo đã xuất hiện, vật báu thật sẽ mất. Cũng vậy Ca-diếp, Chánh pháp Như Lai lúc sắp muốn diệt lại có tượng pháp tương tự sanh ra khi tượng pháp tương tự đã xuất hiện ở thế gian rồi thì Chánh pháp sẽ bị diệt.

“Thí như trong biển cả, nếu thuyền chở nhiều trân bảo chắc sẽ nhanh chóng bị đắm chìm. Chánh pháp Như Lai không như vậy, mà sẽ bị tiêu diệt từ từ. Chánh pháp

123. Linh Sơn Pháp Bảo Đại Tạng Kinh Tập VI, Bộ A Hàm VI, Kinh Tập A Hàm Số 2, Tập A Hàm Quyển 29, Hội Văn hóa Giáo dục Linh Sơn Đài Bắc, Taiwan, 2000, trang 508~509.

của Như Lai không bị đất làm hoại, không bị nước, lửa, gió làm hoại đi. Cho đến lúc chúng sanh ác xuất hiện ở thế gian, thích làm các điều ác, muốn làm các điều ác, thành tựu các điều ác; phi pháp nói là pháp, pháp nói là phi pháp; phi luật nói là luật; bằng pháp tương tợ mà cú vị thịnh hành. Bấy giờ Chánh pháp Như Lai mới chìm mất”¹²⁴.

74. 8 điều bất chánh khi Tỳ-kheo bị cử tội

(No. 924). “Con người dữ của thế gian cũng vậy, ở trong Chánh pháp luật có tám điều lỗi. Những gì là tám? Hoặc Tỳ-kheo khi bị các vị Phạm hạnh cử tội bởi thấy, nghe, nghi; người kia sân giận, chỉ trích trở lại người cử tội rằng: Thầy ngu si không biết, không tốt. Người ta vừa cử tội thầy, sao thầy lại cử tội tôi? Như con ngựa dữ kia hai chân sau chõi lui, hai chân trước quy xuống đất, làm đứt cương, gãy ách. Đây gọi là lỗi thứ nhất của con người trong Chánh pháp luật”.

“Lại nữa Tỳ-kheo, khi bị các vị phạm hạnh cử tội bởi thấy, nghe, nghi liền trở lại cử tội người kia, giống như ngựa dữ cứng cổ làm gãy ách. Đây gọi là lỗi thứ hai của con người trong Chánh pháp luật”.

124. Linh Sơn Pháp Bảo Đại Tạng Kinh Tập VI, Bộ A Hàm VI, Kinh Tập A Hàm Số 2, Tập A Hàm Quyển 32, Hội Văn hóa Giáo dục Linh Sơn Đài Bắc, Taiwan, 2000, trang 584.

“Lại nữa, Tỳ-kheo khi bị các vị phạm hạnh cử tội bởi thấy, nghe, nghi nhưng không dùng lời đúng đắn đáp lại mà nói sang chuyện khác hay không nhẫn, sân nhuế, kiêu mạn, che giấu, hiềm hận, làm những chuyện vô lý, như ngựa dữ kia không đi đường thẳng làm cho xe lật úp. Đây gọi là lỗi thứ ba của con người trong Chánh pháp luật”.

“Lại nữa, Tỳ-kheo khi bị các vị phạm hạnh cử tội bởi thấy, nghe, nghi; khiến cho người kia nhớ lại nhưng lại nói rằng: ‘Tôi chẳng nhớ’ ngang ngạnh không phục như ngựa dữ kia bước thụt lùi. Đây gọi là lỗi thứ tư của con người trong Chánh pháp luật”.

“Lại nữa, Tỳ-kheo khi bị các vị phạm hạnh cử tội bởi thấy, nghe, nghi bèn khinh miệt, không kể gì đến người khác cũng không kể gì đến chúng Tăng, tùy ý ôm y bát bỏ đi như ngựa dữ kia bị ăn roi gậy, bỏ chạy dọc ngang. Đây gọi là lỗi thứ năm của con người trong Chánh pháp luật”.

“Lại nữa, Tỳ-kheo khi bị các vị phạm hạnh cử tội bởi thấy, nghe, nghi họ ngồi trên giường cao tranh luận quanh co với các Thượng tọa, như ngựa dữ kia đứng hai chân như người. Đây gọi là lỗi thứ sáu của con người trong Chánh pháp luật”.

“Lại nữa, Tỳ-kheo khi bị các vị phạm hạnh cử tội bởi thấy, nghe, nghi; họ im lặng không đáp để xúc não đại chúng, như ngựa dữ kia bị roi gậy vẫn tro tro không

động. Đây gọi là lỗi thứ bảy của con người trong Chánh pháp luật”.

“Lại nữa, Tỳ-kheo khi bị các vị phạm hạnh cử tội bởi thấy, nghe, nghi; người bị cử tội liền xả giới, tự sanh thoái thất, đến trước cửa chùa nói rằng: ‘Ông mặc nhiên mà sống hoan hỷ khoái lạc, tôi tự xả giới lui về,’ như con ngựa dữ kia bốn chân chụm lại, phục sát đất không động. Đây gọi là lỗi thứ tám của con người trong Chánh pháp luật”¹²⁵.

75. Nguyên tắc cử tội

(No. 496). “Nếu các Tỳ-kheo khởi lên tranh cãi với nhau, có Tỳ-kheo phạm tội, Tỳ-kheo cử tội. Nhưng Tỳ-kheo này, nếu không bằng vào tư duy đúng mà tự phản tỉnh quán sát thì nên biết Tỳ-kheo này ngang ngạnh lâu dài, tranh cãi, kiện tụng càng tăng, chống đối nhau, nuôi hận càng ngày càng sâu. Đối với những tội lỗi đã khởi lên không thể dùng Chánh pháp luật ngăn chặn cho dừng lại được”.

“Nếu Tỳ-kheo đã khởi lên việc tranh tụng, nhưng Tỳ-kheo phạm tội hay Tỳ-kheo cử tội bằng vào tư duy đúng mà tự phản tỉnh quán sát, chịu khiển trách, thì nên biết

125. Linh Sơn Pháp Bảo Đại Tạng Kinh Tập VI, Bộ A Hàm VI, Kinh Tập A Hàm Số 2, Tập A Hàm Quyển 33, Hội Văn hóa Giáo dục Linh Sơn Đài Bắc, Taiwan, 2000, trang 622~623.

Tỳ-kheo này không ngang ngạnh lâu dài, không chống đối nhau và hận thù không còn tăng trưởng; đối với tội đã khởi có thể dùng Chánh pháp luật để ngăn chặn cho dừng lại”.

“Thế nào là Tỳ-kheo bằng tư duy đúng mà tự phản tỉnh quán sát? Tỳ-kheo nên tư duy như vậy: ‘Ta thật sự không phải, không tốt, không nên tạo tội, để cho người khác bắt gặp mình. Nếu ta không tạo tội này thì người kia sẽ không bắt gặp. Vì người kia bắt gặp ta phạm tội, khiến họ không vui vẻ và hiềm trách nên cử tội. Còn những Tỳ-kheo khác nếu nghe cũng sẽ hiềm trách. Cho nên việc tranh tụng xảy ra lâu dài, tính ngang ngạnh càng tăng và tranh cãi với nhau. Đối với những tội đã khởi, không thể dùng Chánh pháp luật ngăn chặn cho dừng lại được. Nay ta tự biết như mình đã nộ thuế’. Đó gọi là Tỳ-kheo đối với những tội đã khởi có thể tự quán sát”.

“Thế nào là Tỳ-kheo cử tội có thể tự phản tỉnh quán sát? Tỳ-kheo cử tội nên nghĩ như vậy: ‘Trưởng lão Tỳ-kheo này phạm tội không tốt khiến ta bắt gặp. Nếu vị ấy không phạm tội không tốt đó thì ta đâu có bắt gặp. Vì ta đã bắt gặp tội của người này khiến không vui nên phải nói ra. Còn những Tỳ-kheo khác nếu bắt gặp thì cũng sẽ không vui và cũng sẽ nêu tội. Sự tranh tụng cứ như vậy kéo dài tăng trưởng không dừng, không thể dùng Chánh pháp luật để ngăn chặn những tội đã làm, khiến cho dừng lại. Từ ngày hôm nay ta tự mình từ bỏ nó, như mình nộ

thuế.’ Như vậy Tỳ-kheo cử tội nên khéo y cứ vào tư duy đúng, để nội tĩnh quán sát”.

“Cho nên, này các Tỳ-kheo người có tội và người cử tội phải y cứ vào tư duy đúng, tự quán sát đừng để cho sự ngang ngạnh tăng trưởng thêm lên. Này các Tỳ-kheo, không nên tranh tụng nữa, nếu việc tranh tụng có khởi lên thì có thể dùng Chánh pháp luật ngăn chặn khiến nó dừng lại”¹²⁶.

(No. 497). “Bạch Thế Tôn, nếu Tỳ-kheo cử tội muốn cử tội người khác khiến cho tâm an trụ, thì cần có bao nhiêu pháp để được cử tội người khác?”

Phật dạy Xá-lợi-phất: “Nếu Tỳ-kheo nào khiến tâm an trụ có đủ năm pháp được cử tội người khác. Năm pháp đó là: Thật, chứ không phải không thật. Đúng thời, chứ không phải phi thời. Ích lợi, chứ chẳng phải không ích lợi. Nhu thuận, chứ không thô bạo. Từ tâm, chứ không sân hận. Này Xá-lợi-phất, Tỳ-kheo nào muốn cử tội thì phải đủ năm pháp này mới được cử tội người khác”.

Xá-lợi-phất bạch Phật: “Bạch Thế Tôn, Tỳ-kheo bị cử tội, phải dùng bao nhiêu pháp để tự an được tâm mình?”

126. Linh Sơn Pháp Bảo Đại Tạng Kinh Tập VI, Bộ A Hàm VI, Kinh Tập A Hàm Số 2, Tập A Hàm Quyển 18, Hội Văn hóa Giáo dục Linh Sơn Đài Bắc, Taiwan, 2000, trang 106~107.

Phật dạy Xá-lợi-phất: “Tỳ-kheo bị cử tội phải nhờ vào năm pháp khiến cho tâm mình được an. Phải nghĩ rằng, ‘Người này do đâu mà biết được? Hãy là sự thật chứ đừng là không thật. Mong cho đúng thời chứ đừng khiến phi thời. Mong cho vì ích lợi chứ đừng khiến không vì ích lợi. Mong nhu nhuyễn đừng khiến thô bạo. Mong là từ tâm đừng khiến sân hận. Nay Xá-lợi-phất, người bị cử tội phải đủ năm pháp này thì mới tự an được tâm mình”.

Xá-lợi-phất bạch Phật: “Bạch Thế Tôn, con thấy có sự cử tội người khác mà không thật, chứ chẳng phải thật; phi thời chứ chẳng phải đúng thời; không vì ích lợi chứ chẳng phải vì ích lợi; thô bạo chứ không nhu nhuyễn; sân nhuế chứ không có từ tâm. Bạch Thế Tôn, đối với Tỳ-kheo cử tội người khác mà không đúng sự thật đó phải dùng bao nhiêu pháp vì lợi ích khiến cho hối cải?”

Phật dạy Xá-lợi-phất: “Tỳ-kheo cử tội mà không đúng sự thật, phải dùng năm pháp vì lợi ích khiến cho hối cải. Nên nói với người ấy rằng: ‘Trưởng lão, hôm nay Trưởng lão cử tội không thật chứ chẳng phải thật; Trưởng lão nên hối cải. Phi thời chứ chẳng phải đúng thời; không vì ích lợi chứ chẳng phải vì ích lợi; thô bạo chứ không nhu nhuyễn; sân nhuế chứ không có từ tâm; Trưởng lão nên hối cải’. Nay Xá-lợi-phất, đối với Tỳ-kheo cử tội người khác mà không đúng sự thật, thì phải dùng năm pháp vì lợi ích này, khiến cho hối cải, cũng

khiến cho Tỳ-kheo trong vị lai không vì người khác mà cử tội không đúng sự thật”.

Xá-lợi-phất bạch Phật: “Bạch Thế Tôn, Tỳ-kheo bị cử tội không đúng sự thật, phải dùng bao nhiêu pháp để khiến cho không bị hối hận?”

Phật dạy Xá-lợi-phất: “Tỳ-kheo bị cử tội không đúng, thì phải nhờ vào năm pháp để không tự mình phải hối hận. Người này phải nghĩ như vậy, ‘Tỳ-kheo kia cử tội không thật, chứ chẳng phải thật; phi thời chứ chẳng phải thời; không vì lợi ích chứ chẳng phải vì lợi ích, thô bạo chứ chẳng phải nhu nhuyễn, sân hận chứ không phải từ tâm. Ta thật sự không phải hối hận’. Tỳ-kheo bị cử tội không thật đó phải nhờ vào năm pháp này để tự an tâm mình, không tự mình phải hối hận”.

Xá-lợi-phất bạch Phật: “Bạch Thế Tôn, có Tỳ-kheo cử tội đúng sự thật chứ không phải không thật; đúng thời chứ không phải không đúng thời; vì ích lợi chứ không phải không vì ích lợi; nhu nhuyễn chứ không phải thô bạo; từ tâm chứ không phải sân hận; Tỳ-kheo cử tội đúng đó nên bằng bao nhiêu pháp vì lợi ích để không bị hối hận?”

Phật bảo Xá-lợi-phất: “Tỳ-kheo cử tội đúng sự thật, nên bằng năm pháp vì lợi ích để khiến cho không bị hối hận. Nên nói như vậy, ‘Trưởng lão, ngài đã cử tội đúng sự thật chứ không phải không thật; đúng thời chứ không phải phi thời; vì ích lợi chứ không phải không vì ích lợi;

nhu duyên chứ không phải thô bạo; từ tâm chứ không phải sân hận'. Nay Xá-lợi-phất, Tỳ-kheo nào cử tội đúng thì phải bằng năm pháp lợi ích này để khiến Tỳ-kheo đó không bị hối hận và cũng để cho Tỳ-kheo vị lai cử tội người khác đúng mà không bị hối hận”.

Xá-lợi-phất bạch Phật: “Bạch Thế Tôn, Tỳ-kheo bị cử tội đúng, thì phải bằng bao nhiêu pháp vì lợi ích để không bị hối hận?”

Phật dạy Xá-lợi-phất: “Tỳ-kheo bị cử tội đúng, thì phải bằng năm pháp lợi ích này để không bị hối hận. Nên nói như vậy, ‘Tỳ-kheo này cử tội đúng chứ không phải không đúng, ông chớ hối hận; đúng thời chứ không phải phi thời; nghĩa lợi chứ không phải không nghĩa lợi; nhu duyên chứ không phải thô bạo; có từ tâm chứ không phải sân hận, ông chớ hối hận’”.

Xá-lợi-phất bạch Phật: “Bạch Thế Tôn, con thấy Tỳ-kheo bị cử tội đúng mà lại sân hận. Bạch Thế Tôn, Tỳ-kheo bị cử tội đúng mà sân hận thì phải dùng bao nhiêu pháp để tự giải tỏa đối với sân hận?”

Phật dạy Xá-lợi-phất: “Tỳ-kheo bị cử tội đúng mà khởi lên sân hận, thì phải dùng năm pháp để tự giải tỏa. Nên nói với người ấy rằng, ‘Trưởng lão, Tỳ-kheo cử tội ông là đúng sự thật chứ không phải không thật, ông chớ sân hận... cho đến từ tâm chứ không phải sân hận’. Nay Xá-lợi-phất, Tỳ-kheo bị cử tội đúng mà khởi lên sân hận, thì nên dùng năm pháp này để đối với sân hận được giải tỏa”.

Xá-lợi-phát bạch Phật: “Bạch Thế Tôn, có người cử tội đúng, có người không đúng; đối với hai người này con tự an tâm. Nếu kia đúng sự thật thì con phải tự biết. Nếu kia không đúng thì con phải tự hóa giải rằng, ‘Điều đó không đúng, nay ta tự biết là không có lỗi này’. Bạch Thế Tôn con phải như vậy, như những gì Thế Tôn đã dạy trong kinh Thí dụ xẻ gỗ, dạy các Sa-môn: ‘Nếu có giặc đến bắt ông, rồi dùng cưa cưa xẻ thân ông. Các ông đối với giặc mà khởi lên niệm ác, nói lời ác thì tự sanh ra chướng ngại. Cho nên Tỳ-kheo, nếu bị giặc dùng cưa, cưa xẻ thân các ông, các ông đối với giặc chớ khởi lòng ác và nói lời ác, chỉ tự làm chướng ngại mình mà thôi. Đối với những người đó nên sanh lòng từ bi, không oán hận; chứng nhập, thành tựu và trú với từ tâm cùng khắp bốn phương cảnh giới’. Cho nên bạch Thế Tôn, con phải như vậy, như lời Thế Tôn đã dạy, đối với cái khổ thân bị cưa xẻ mà còn tự an nhẫn hướng chỉ những cái khổ nhỏ nhất hay những lời phỉ báng nhỏ nhất mà không an nhẫn được. Vì mục đích của Sa-môn vì ước muốn của Sa-môn muốn đoạn trừ pháp bất thiện, muốn tu tập pháp thiện thì đối với pháp bất thiện này nên đoạn trừ và đối với pháp thiện thì nên phương tiện tu tập tinh cần, khéo tự phòng ngừa, buộc niệm tư duy không để buông lung. Hãy tu học như vậy”.

Xá-lợi-phát bạch Phật: “Bạch Thế Tôn, nếu con cử tội Tỳ-kheo khác đúng sự thật chứ không phải không thật; đúng thời chứ không phải không đúng thời; có nghĩa

lợi chứ không phải không nghĩa lợi; nhu nhuyễn chứ không phải thô bạo; có từ tâm chứ không phải sân hận, nhưng có Tỳ-kheo bị cử tội kia vẫn ôm lòng thù hận”.

Phật hỏi Xá-lợi-phất: “Tỳ-kheo loại nào khi nghe cử tội mà sanh tâm thù hận?”

Xá-lợi-phất bạch Phật: “Bạch Thế Tôn, nếu Tỳ-kheo kia cong vạy, giả dối, lừa gạt, bất tín, không hổ thẹn, biếng nhác, mất niệm, không định, ác tuệ, ngã mạn, trái với hạnh viễn ly, không kính Giới luật, không trọng Sa-môn, không siêng năng tu học, không tự tỉnh quán sát, vì kế sống mà xuất gia, không vì cầu Niết-bàn; những người như vậy nghe con cử tội liền sanh sân nhuế”.

Phật hỏi Xá-lợi-phất: “Những hạng Tỳ-kheo nào nghe ông cử tội mà không sân hận?”

Xá-lợi-phất bạch Phật: “Bạch Thế Tôn, nếu có Tỳ-kheo nào tâm không cong vạy, không giả dối, lừa gạt, có chánh tín, biết hổ thẹn, tinh cần chánh niệm, chánh định, trí tuệ, không ngã mạn, không bỏ hạnh viễn ly, kính sâu Giới luật, trọng hạnh Sa-môn, tôn sùng Niết-bàn, vì pháp xuất gia, không vì kế sống; những Tỳ-kheo như vậy nghe con cử tội thì hoan hỷ nhận lãnh như uống cam lộ. Như người nữ dòng Sát-lợi hay Bà-la-môn tắm gội sạch sẽ, được hoa đẹp đẽ, yêu thích, đội lên đầu, cài lên đầu. Cũng vậy, nếu Tỳ-kheo nào không cong vạy, không giả dối, lừa gạt, chánh tín, có hổ thẹn, tinh cần, chánh niệm, chánh định, trí tuệ, không ngã mạn, tâm giữ hạnh viễn ly,

kính sâu Giới luật, trọng hạnh Sa-môn, siêng tu tập, tự tỉnh giác, vì pháp xuất gia, chí cầu Niết-bàn, thì Tỳ-kheo như vậy khi nghe con cử tội vui vẻ nhận lãnh như uống cam lộ”.

Phật bảo Xá-lợi-phất: “Nếu Tỳ-kheo nào cong vạy, giả dối, lừa gạt, bất tín, không hổ thẹn, biếng nhác, mất niệm, không định, ác tuệ, ngã mạn, trái với hạnh viễn ly, không kính Giới luật, không trọng hạnh Sa-môn, không cầu Niết-bàn, vì kế sống xuất gia, thì đối với Tỳ-kheo như vậy không nên dạy dỗ và nói chuyện. Vì sao? Vì những Tỳ-kheo này phá phạm hạnh. Nếu Tỳ-kheo nào không cong vạy, không giả dối, không lừa gạt, có lòng tin, hổ thẹn, tinh cần, chánh niệm, chánh định, trí tuệ, không ngã mạn, tâm giữ hạnh viễn ly, kính sâu Giới luật, trọng hạnh Sa-môn, chí sùng Niết-bàn vì pháp xuất gia thì những Tỳ-kheo như vậy phải nên dạy dỗ. Vì sao? Vì những Tỳ-kheo này thường tu phạm hạnh, có thể tự đứng vững”¹²⁷.

76. Dấu vết pháp và luật của hiền thánh

(No. 282). Thế nào là vị hữu học thấy dấu vết pháp luật trong Thánh?”

127. Linh Sơn Pháp Bảo Đại Tạng Kinh Tập VI, Bộ A Hàm VI, Kinh Tập A Hàm Số 2, Tập A Hàm Quyển 18, Hội Văn hóa Giáo dục Linh Sơn Đài Bắc, Taiwan, 2000, trang 107~112.

Phật bảo A-nan: Duyên mắt và sắc sanh nhãn thức, sanh vừa ý, sanh không vừa ý, sanh vừa ý không vừa ý, đa văn Thánh đệ tử kia hồ thẹn, ghét tởm. Đối với tai, mũi, lưỡi, thân, ý và pháp làm duyên nhau sanh ra ý thức, sanh vừa ý, sanh không vừa ý, sanh vừa ý không vừa ý, đa văn Thánh đệ tử kia hồ thẹn, ghét tởm. Nay A-nan, đó gọi là hữu học thấy được dấu vết pháp và luật của Hiền thánh”.

“Này A-nan, đó gọi là sự tu căn của Hiền thánh trong pháp luật của Hiền thánh. Ta đã nói về sự tu căn của Hiền thánh trong pháp luật của Hiền thánh đã nói hữu học thấy đạo trong pháp luật Hiền thánh”.

“Này A-nan, Ta vì các Thanh văn đã làm việc cần làm. Các ông cũng hãy làm những việc cần làm. Nói chi tiết như kinh Giỏ răn độc”¹²⁸.

77. Ngũ giới

(No. 1039~1061).

(No. 1039). Nay Thuần-đà đối với tất cả chúng sanh cho đến côn trùng cũng không tránh xa sự sát hại, tay thường tanh máu, tâm thường suy nghĩ đến đánh đập, sát

128. Linh Sơn Pháp Bảo Đại Tạng Kinh Tập V, Bộ A Hàm V, Trung A Hàm Biệt Dịch & Kinh Tập A Hàm Số 1, Tập A Hàm Quyển 11 - Kinh 273: Thú Thanh Dụ, Hội Văn hóa Giáo dục Linh Sơn Đài Bắc - Taiwan, 2000, trang 928.

hại, không hồ, không thẹn, tham lam, keo kiệt. Đó là nghiệp ác sát sanh.

“Đối với tài vật, làng xóm, đất trồng của người, cũng không xa lìa trộm cắp”.

“Đối với những người được bảo hộ của cha mẹ, anh em, chị em, phu chủ, thân tộc cho đến người trao vòng hoa, mà dùng sức cưỡng bức, làm mọi việc tà dâm, không lìa bỏ tà dâm”.

“Nói dối không chân thật hoặc ở chôn vua quan, các nhà nói chân thật, nơi có nhiều người tụ tập cần lời nói thích đáng nhưng lại nói lời không thật; không thấy nói thấy, thấy nói không thấy, không nghe nói nghe, nghe nói không nghe; biết nói không biết, không biết nói biết. Vì chính mình vì người khác hoặc vì tài lợi, biết mà nói dối không chịu lìa bỏ”.

“Hoặc nói hai lưỡi chia lìa, đem chuyện chỗ này đến nói chỗ kia, đem chuyện chỗ kia đến nói chỗ này, phá hoại lẫn nhau, làm cho tan rã sự hòa hợp, khiến kẻ ly gián vui mừng”.

“Hoặc không lìa bỏ lời nói thô ác, mắng nhiếc. Có những lời nói dịu dàng, êm tai, làm vui lòng, rõ ràng dễ hiểu, lời nói được ưa nghe, được nhiều người yêu mến, hợp ý, tùy thuận tam-muội. Xả bỏ những lời như vậy mà nói lời gắt gao, cọc cằn, bị nhiều người ghét, không ưa, không hợp ý, không tùy thuận tam-muội. Nói những lời như vậy, không lìa bỏ lời nói thô. Đó gọi là ác khẩu”.

“Hoặc lời nói bại hoại thù dật, nói không đúng lúc, nói không thực tế, lời nói vô nghĩa, lời nói phi pháp, lời nói thiếu suy nghĩ. Nói những lời bại hoại như vậy”.

“Không lìa bỏ tham lam; đối với tài vật người khác khởi tham dục, nói rằng ‘Nếu ta có vật này thì rất tốt’.

“Không xả bỏ sân nhuê tộ ác trong tâm suy nghĩ, chúng sanh kia đáng bị trói, đáng bị roi vọt, gậy gộc, đáng giết, muốn cho nó khó sống”.

“Không bỏ tà kiến; điên đảo thấy như vậy: ‘Không có bố thí, không có quả báo, không có phước, không có điều thiện điều ác, không có nghiệp thiện ác và quả báo, không có đời này, đời khác, không có cha mẹ, không có chúng sanh hóa sanh; thế gian không có A-la-hán, không có các vị chánh hành, chánh hướng mà trong đời này hay đời khác tự biết tác chứng: ‘Ta, sự sanh đã dứt, phạm hạnh đã lập, những việc cần làm đã làm xong, tự biết không còn tái sanh đời sau nữa’”¹²⁹.

78. Kết quả việc giữ 5 giới và không giữ 5 giới

(No. 1042). Bấy giờ, các gia chủ làng Bê-la-ma nghe Thế Tôn đang nghỉ trong rừng cây Thân-thứ phía Bắc làng. Nghe vậy, họ cùng rủ nhau đến chỗ Phật, đánh lễ

129. Linh Sơn Pháp Bảo Đại Tạng Kinh Tập VI, Bộ A Hàm VI, Kinh Tập A Hàm Số 2, Tập A Hàm Quyển 37, Hội Văn hóa Giáo dục Linh Sơn Đài Bắc, Taiwan, 2000, trang 799~800.

dưới chân Phật, rồi ngồi lui qua một bên, bạch Phật: “Bạch Thế Tôn vì nhân gì, duyên gì, có những chúng sanh khi mạng chung sanh vào địa ngục?”

Phật bảo các gia chủ Bà-la-môn: “Vì nhân duyên tạo những hành vi phi pháp hành, hành vi nguy hiểm hành, nên khi thân hoại mạng chung sẽ sanh vào địa ngục”.

Các gia chủ Bà-la-môn bạch Phật: “Những gì là hành vi phi pháp hành, hành vi nguy hiểm hành, để đến khi thân hoại mạng chung bị sanh vào địa ngục?”

Phật bảo các gia chủ Bà-la-môn: “Vì nhân duyên sát sanh... *cho đến* tà kiến, đủ mười nghiệp bất thiện”.

“Này Bà-la-môn, đó là những hành vi phi pháp hành, hành vi nguy hiểm hành, nên khi thân hoại mạng chung sẽ sanh vào địa ngục”.

Bà-la-môn bạch Phật: “Vì những nhân duyên gì mà chúng sanh khi thân hoại mạng chung được sanh lên trời?”

Phật bảo các gia chủ Bà-la-môn: “Vì nhân duyên đã tạo ra những hành động đúng pháp, hành động chân chánh nên khi thân hoại mạng chung được sanh lên trời”.

Lại hỏi Thế Tôn: “Tạo những hành động gì đúng pháp, những hành động gì chân chánh để khi thân hoại mạng chung được sanh lên trời?”

Phật bảo các gia chủ Bà-la-môn: “Là nhân duyên lìa sát sanh... *cho đến* chánh kiến, mười nghiệp lành thì khi thân hoại mạng chung được sanh lên trời”.

“Này các gia chủ Bà-la-môn, nếu người nào có những hành động đúng pháp, hành động chân chánh này, muốn cầu sanh vào nhà quyền quý Sát-lợi, hoặc dòng họ Bà-la-môn uy thế, dòng họ Cư sĩ có tiếng, đều được sanh vào đó. Vì sao? Vì nhân duyên hành động đúng pháp và hành động chân chánh. Hoặc lại muốn sanh vào Tứ thiên vương, Tam thập tam thiên... *cho đến* Tha hóa tự tại thiên, đều sẽ được sanh về. Vì sao? Vì hành động đúng pháp và hành động chân chánh, trì tịnh giới nên tự nhiên sẽ đạt được tất cả những gì mình muốn. Hoặc lại có người nào hành động đúng pháp và hành động chân chánh như vậy, mà muốn cầu sanh vào Phạm thiên thì cũng được sanh về. Vì sao? Vì đã tạo hành động đúng pháp và chân chánh, trì giới thanh tịnh, tâm lìa ái dục nên sẽ đạt được những sở nguyện. Hoặc lại muốn cầu sanh về cõi Quang âm, Biến tịnh,... *cho đến* A-già-ni-tra cũng lại như vậy. Vì sao? Vì người này trì giới thanh tịnh, tâm ly dục. Hoặc lại muốn cầu ly dục, pháp ác bất thiện, có giác, có quán,... *cho đến* chúng và trụ đệ Tứ thiên, tất cả được thành tựu. Vì sao? Vì người này hành động đúng pháp và chân chánh, trì giới thanh tịnh, tâm ly ái dục, nên thành tựu mọi ước nguyện. Muốn cầu Từ, Bi, Hỷ, Xả, Không nhập xứ, Thức nhập xứ, Vô sở hữu nhập xứ, Phi tướng phi phi tướng nhập xứ, tất cả đều được. Vì sao? Vì hành động đúng pháp và chân chánh, trì giới thanh tịnh, tâm ly ái dục, nên đạt được mọi ước nguyện. Muốn cầu đoạn tận ba kết, đắc quả Tu-đà-hoàn, Tu-đà-hàm, A-na-hàm, vô lượng thần thông, thiên nhĩ, tha tâm trí, túc mạng trí,

sanh tử trí, lậu tận trí, tất cả đều đạt được. Vì sao? Vì hành động đúng pháp và chân chánh, trì giới, ly dục, nên đạt được mọi ước nguyện”¹³⁰.

79. Tại sao phải giữ 5 giới?

(No. 1044). Bảy giờ, Thế Tôn bảo gia chủ Bà-la-môn: “Ta sẽ vì ông nói pháp tự thông hãy lắng nghe và suy nghĩ kỹ. Những gì là pháp tự thông? Thánh đệ tử nên học như vậy: Tôi tự nghĩ, nếu có người muốn giết tôi, điều đó tôi không thích. Cũng như vậy, điều mà nếu tôi không thích người khác cũng không thích. Tại sao lại giết họ? Nhận ra điều này rồi, sẽ thọ trì sự không sát sanh, không thích sát sanh”. *Chi tiết như trên.*

“Nếu tôi không thích bị người trộm cướp, người khác cũng không thích. Vậy tại sao tôi lại trộm cướp đối với người? Cho nên hãy giữ giới không trộm cướp, không thích việc trộm cướp”. *Nói như trên.*

“Tôi đã không thích người xâm phạm đến vợ tôi, người khác cũng không thích. Vậy tại sao nay tôi lại xâm phạm đến vợ người? Cho nên phải giữ giới không tà dâm đối với người”. *Nói như trên.*

130. Linh Sơn Pháp Bảo Đại Tạng Kinh Tập VI, Bộ A Hàm VI, Kinh Tập A Hàm Số 2, Tập A Hàm Quyển 37, Hội Văn hóa Giáo dục Linh Sơn Đài Bắc, Taiwan, 2000, trang 805~807.

“Tôi còn không thích bị người dối gạt, người khác cũng như thế. Vậy tại sao lại dối gạt người khác? Cho nên, phải giữ giới không nói dối”. *Nói như trên.*

“Tôi còn không thích người khác chia lia thân hữu tôi, người khác cũng như vậy. Vậy tại sao nay tôi lại chia lia thân hữu người khác? Cho nên không nói hai lưỡi”. *Nói như trên.*

“Tôi còn không thích người khác nói lời thô ác, người khác cũng như thế. Vậy tại sao đối với người khác mà lại mạ nhục? Cho nên đối với người khác không nên nói lời ác khẩu”. *Nói như trên.*

“Tôi còn không thích người nói lời thêu dệt, người khác cũng như thế. Vậy tại sao đối với người lại nói lời thêu dệt? Cho nên đối với người khác không nên nói lời thêu dệt”. *Nói như trên*¹³¹.

80. Lời đồn về các Tỷ-kheo cất chứa vàng bạc

(**No. 911**). Một thời, Phật ở trong vườn Trúc khu Ca-lan-đà, thành Vương xá. Bấy giờ có thôn trưởng Ma-ni Châu Kế đi đến chỗ Phật đánh lễ dưới chân Phật, rồi ngồi lui qua một bên, bạch Phật rằng: “Bạch Thế Tôn, trước đây quốc vương có tập hợp các đại thần, cùng nhau bàn

131. Linh Sơn Pháp Bảo Đại Tạng Kinh Tập VI, Bộ A Hàm VI, Kinh Tập A Hàm Số 2, Tập A Hàm Quyển 37, Hội Văn hóa Giáo dục Linh Sơn Đài Bắc, Taiwan, 2000, trang 808.

luận rằng: ‘Thế nào, Tỳ-kheo Sa-môn Thích tử tự nhận và cất chứa vàng bạc của báu, là tịnh hay bất tịnh?’ Trong các đại thần có người nói: ‘Sa-môn Thích tử được phép tự nhận và cất chứa vàng bạc của báu’. Lại có vị nói: ‘Không được phép tự nhận và cất chứa vàng bạc của báu’”.

“Bạch Thế Tôn, vị nói Sa-môn Thích tử được phép tự nhận và cất chứa vàng bạc của báu, là do nghe từ Phật hay là tự ý họ nói ra? Họ nói ra những lời này là tùy thuận pháp hay là không tùy thuận, là lời nói chân thật hay là lời nói hư vọng? Những lời nói như vậy không bị rơi vào chỗ đáng bị chỉ trích chăng?”

Phật bảo thôn trưởng: “Đó là những lời nói chẳng phải chân thật, chẳng phải pháp, chẳng phải tùy thuận, đáng bị chỉ trích. Vì sao? Vì Sa-môn Thích tử mà tự nhận và cất chứa vàng bạc của báu, là không thanh tịnh. Cho nên, nếu người nào tự nhận và cất chứa vàng bạc của báu cho mình, thì chẳng phải là pháp Sa-môn, chẳng phải là pháp của dòng Thích tử”.

Thôn trưởng bạch Phật rằng: “Kỳ thay, Thế Tôn! Sa-môn Thích tử nhận và chứa vàng bạc của báu, là chẳng phải pháp Sa-môn, chẳng phải pháp của dòng Thích tử. Đây là lời nói chân thật.

“Bạch Thế Tôn, vị nói lời này làm tăng trưởng thặng diệu, tôi cũng nói như vậy: ‘Sa-môn Thích tử không được tự nhận và cất chứa vàng bạc của báu’.

Phật bảo thôn trưởng: “Nếu Sa-môn Thích tử mà nhận và cất chứa vàng bạc, trân báu cho là thanh tịnh, thì năm đục công đức ắt phải thanh tịnh!”

Thôn trưởng Ma-ni Châu Kế, sau khi nghe những lời Phật dạy, hoan hỷ làm lễ mà lui.

Đức Thế Tôn, sau khi biết thôn trưởng Ma-ni Châu Kế đi rồi, bảo Tôn giả A-nan: “Nếu có Tỳ-kheo nào hiện đang nương vào vườn Trúc, khu Ca-lan-đà mà ở, thì hãy triệu tập họp tất cả tại nhà ăn”.

Tôn giả A-nan vâng lời Phật dạy đi khắp vườn Trúc, khu Ca-lan-đà thông báo cho các Tỳ-kheo hiện còn đang ở đây, tập trung đến nhà ăn. Khi các Tỳ-kheo đã tập trung rồi, Tôn giả đến bạch Thế Tôn: “Các Tỳ-kheo đã tập trung tại nhà ăn rồi. Xin Thế Tôn biết thời”.

Bấy giờ, Thế Tôn đi đến nhà ăn ngồi trước đại chúng và bảo các Tỳ-kheo: “Hôm nay có thôn trưởng Ma-ni Châu Kế đi đến chỗ Ta, nói như vậy: ‘Trước đây quốc vương có tập họp các đại thần, cùng nhau bàn luận rằng: Sa-môn Thích tử tự nhận và cất chứa vàng bạc của báu, có phải là thanh tịnh không? Trong đó có vị nói là thanh tịnh, có vị nói là không thanh tịnh. Vậy nay xin hỏi Thế Tôn, vị nói thanh tịnh là được nghe từ Phật nói hay tự mình nói dối’. Như đã nói đầy đủ ở trên. Thôn trưởng Ma-ni Châu Kế, sau khi nghe những lời Phật dạy, hoan hỷ làm lễ mà lui.

“Này các Tỳ-kheo, trong khi quốc vương, đại thần cùng nhau hội họp bàn luận, thì thôn trưởng Ma-ni Châu Kế này nói như sư tử rống ở trước mọi người là: ‘Sa-môn Thích tử không được phép tự nhận và cất chứa vàng bạc, của báu’.

“Này các Tỳ-kheo, từ hôm nay các ông cần cây thì xin cây, cần cỏ thì xin cỏ, cần xe thì xin xe, cần người giúp việc thì xin người giúp việc. Cần thận chớ nên vì mình mà nhận lấy vàng bạc và các thứ vật báu”¹³².

81. Ngoại đạo muốn xuất gia phải trải qua 4 tháng tập sự

(No. 964). Còn những xuất gia ngoại đạo khác đến chỗ Cù-đàm, ở trong Chánh pháp luật muốn cầu xuất gia thọ cụ túc thì phải mất bao nhiêu thời gian mới cho phép xuất gia?”

Phật bảo Bà-sa: “Nếu những xuất gia ngoại đạo khác muốn cầu xuất gia thọ cụ túc ở trong Chánh pháp luật, phải qua bốn tháng ở bên Hòa thượng thọ y chỉ mà an

132. Linh Sơn Pháp Bảo Đại Tạng Kinh Tập VI, Bộ A Hàm VI, Kinh Tập A Hàm Số 2, Tập A Hàm Quyển 32, Hội Văn hóa Giáo dục Linh Sơn Đài Bắc, Taiwan, 2000, trang 592~594.

trụ. Nhưng điều này chỉ vì người mà tạm bày ra giới hạn mà thôi”¹³³.

82. Luật nghi và phi luật nghi

(No. 1170). “Bây giờ, Ta sẽ nói về luật nghi và bất luật nghi. Thế nào là luật nghi và thế nào là bất luật nghi?

“Phàm phu ngu si vô học, khi mắt thấy sắc rồi, đối sắc đáng nhớ thì khởi lên tham đắm, với sắc không đáng nhớ thì khởi lên sân nhuế. Từ nơi đó, lần lượt phát sanh ra nhiều giác tưởng tương tục, không thấy lỗi lầm, hoặc có thấy lỗi lầm cũng không thể trừ diệt. Đối với tai, mũi, lưỡi, thân, ý cũng lại như vậy. Nay Tỳ-kheo, đó gọi là bất luật nghi”.

“Thế nào gọi là luật nghi? Thánh đệ tử đa văn khi mắt thấy sắc, với sắc đáng nhớ không khởi tưởng dục, với sắc không đáng nhớ không khởi tưởng sân nhuế, lần lượt cũng không khởi những giác tưởng tương tục trụ và thấy sắc là lỗi lầm; vì đã thấy lỗi lầm nên phải lià bỏ. Đối với tai, mũi, lưỡi, thân, ý cũng lại như vậy. Đó gọi là luật nghi”¹³⁴.

133. Linh Sơn Pháp Bảo Đại Tạng Kinh Tập VI, Bộ A Hàm VI, Kinh Tập A Hàm Số 2, Tập A Hàm Quyển 34, Hội Văn hóa Giáo dục Linh Sơn Đài Bắc, Taiwan, 2000, trang 679~680

134. Linh Sơn Pháp Bảo Đại Tạng Kinh Tập VI, Bộ A Hàm VI, Kinh Tập A Hàm Số 2, Tập A Hàm Quyển 43, Hội Văn hóa Giáo dục Linh Sơn Đài Bắc, Taiwan, 2000, trang 1001.

(No. 277). Thế Tôn nói với các Tỳ-kheo: “Có bất luật nghi và luật nghi, các Tỳ-kheo hãy lắng nghe và suy nghĩ kỹ, Ta sẽ vì các ông mà nói. Thế nào là bất luật nghi? Nếu nhãn căn không được luật nghi thâm giữ, thì nhãn thức bị đắm sắc. Vì bị đắm sắc nên sanh ra khổ thọ. Vì khổ thọ nên không được nhất tâm. Vì không nhất tâm nên không thấy biết như thật. Vì không thấy biết như thật nên không lìa nghi hoặc. Vì không lìa nghi hoặc nên bị chúng làm mê lầm chịu khổ mãi mãi. Tai, mũi, lưỡi, thân, ý lại cũng như vậy. Đó gọi là bất luật nghi.

“Thế nào là luật nghi? Nếu nhãn căn được luật nghi thâm giữ; khi nhãn thức nhận thức sắc, tâm không nhiễm trước. Khi tâm đã không nhiễm trước thì thường trụ an vui. Vì tâm đã trụ trong an vui nên thường được nhất tâm. Vì đã nhất tâm nên thấy biết như thật. Vì đã thấy biết như thật nên lìa nghi hoặc. Vì đã lìa nghi hoặc nên không bị chúng làm mê lầm và thường trụ trong an vui. Tai, mũi, lưỡi, thân, ý lại cũng như vậy. Đó gọi là luật nghi”¹³⁵.

135. Linh Sơn Pháp Bảo Đại Tạng Kinh Tập V, Bộ A Hàm V, Trung A Hàm Biệt Dịch & Kinh Tập A Hàm Số 1, Tập A Hàm Quyển 11 - Kinh 273: Thù Thanh Dự, Hội Văn hóa Giáo dục Linh Sơn Đài Bắc - Taiwan, 2000, trang 913.

83. Tự tứ

(No. 1212). Một thời, Đức Phật ở trong vườn Trúc khu Ca-lan-đà, tại thành Vương xá. Bấy giờ, Phật kiết hạ an cư cùng với năm trăm Tỳ-kheo đều là bậc A-la-hán các lậu đã hết, việc cần làm đã làm, đã lia các bỏ gánh nặng, dứt trừ hữu kết, chánh trí, tâm khéo giải thoát; chỉ trừ một Tỳ-kheo là Tôn giả A-nan, được Thế Tôn ký thuyết, ngay trong đời hiện tại Tôn giả sẽ đắc vô tri chứng.

Bấy giờ, ngày mười lăm, vào giờ thực thọ, Thế Tôn trải tòa ngồi trước đại chúng, rồi bảo các Tỳ-kheo: “Ta là Bà-la-môn đấng Bát-niết-bàn mang thân sau cùng, là Đại Y Sư nhỏ những gai nhọn. Ta là Bà-la-môn đấng Bát-niết-bàn, mang thân sau cùng là Vô Thượng Y Sư, nhỏ những gai nhọn. Các ông là con từ miệng Ta sanh ra, từ pháp hóa sanh, được gia tài pháp. Hãy để Ta tự tứ. Chớ để cho thân, khẩu, ý Ta có điều đáng hiềm trách”.

Lúc ấy Tôn giả Xá-lợi-phất ở giữa đại chúng đứng dậy, sửa lại y phục, đánh lễ chấp tay bạch Phật: “Bạch Thế Tôn, Thế Tôn vừa nói rằng: “Ta là Bà-la-môn đấng Bát-niết-bàn, mang thân cuối cùng, là Đại Y Sư, nhỏ những mũi nhọn. Các ông là con, sanh ra từ miệng Ta, được hóa sanh từ pháp, được gia tài pháp. Hãy để Ta tự tứ. Chớ để cho thân, khẩu, tâm ý Ta có điều đáng hiềm trách”.

“Bạch Thế Tôn, chúng con không thấy thân, khẩu và tâm ý của Thế Tôn có điều gì đáng hiềm trách. Vì sao? Vì Thế Tôn, với người không thể điều phục có thể khiến điều phục, người không tịch tĩnh có thể khiến tịch tĩnh, người không an nghỉ có thể khiến an nghỉ, người không Bát-niết-bàn có thể khiến Bát-niết-bàn. Như Lai biết đạo, Như Lai nói đạo, Như Lai hướng đạo. Các đệ tử sau đó thành tựu, tùy thuận đạo tôn sùng đạo, vâng theo lời dạy của Đạo sư sống đúng như những lời chỉ dạy, chánh hướng, hân lạc chân như thiện pháp. Đối với Thế Tôn con không thấy thân hành, khẩu hành, ý hành có điều gì đáng hiềm trách. Nay đối trước Thế Tôn, xin chỉ cho con các tội được thấy, được nghe, được nghĩ, hoặc thân, khẩu, ý có điều gì đáng hiềm trách?”

Phật bảo Xá-lợi-phất: “Ta không thấy ông có các tội được thấy, được nghe, được nghĩ và thân, khẩu, ý có điều gì đáng hiềm trách. Vì sao? Vì Xá-lợi-phất, ông trì giới, đa văn, thiếu dục, tri túc, tu hạnh viễn ly, tinh cần phương tiện, chánh niệm, chánh thọ, trí tuệ nhanh nhạy, trí tuệ sáng suốt sắc bén, trí tuệ giải thoát, trí tuệ yếm ly, trí tuệ lớn, trí tuệ rộng, trí tuệ sâu, trí tuệ không ai bằng, thành tựu trí tuệ bảo; khai thị, chỉ giáo, soi sáng, hoan hỷ; và thường cũng tán thán việc khai thị, chỉ giáo, soi sáng, làm cho hoan hỷ, mà vì chúng sanh thuyết pháp chưa từng mỗi một. Thí như thái tử thứ nhất của Chuyển luân Thánh vương đáng thọ lễ quán đảnh; nhưng chưa quán đảnh mà đang ở vào nghi pháp quán đảnh như pháp của

vua cha, những gì người đã chuyên cũng sẽ theo đó mà chuyên. Nay ông cũng như vậy, là trưởng tử của Ta, gần được thọ quán đảnh, nhưng chưa quán đảnh mà đang ở vào nghi pháp. Những gì Ta đã chuyên, ông cũng theo đó chuyên và đạt được vô sở khởi; hết các hữu lậu, tâm khéo giải thoát. Cũng vậy, đối với ông, Ta không thấy có các tội được thấy, được nghe, được nghi và thân, khẩu, ý có điều gì đáng hiềm trách”.

Xá-lợi-phất bạch Phật: “Bạch Thế Tôn, nếu con không có các tội được thấy, được nghe, được nghi và thân, khẩu, ý có điều gì đáng hiềm trách; vậy thì năm trăm Tỳ-kheo này có không các tội được thấy, được nghe, được nghi và thân, khẩu, ý có điều gì đáng hiềm trách?”

Phật đáp: “Đối với năm trăm Tỳ-kheo này, Ta cũng không thấy các tội được thấy, được nghe, được nghi và thân, khẩu, ý có điều gì đáng hiềm trách. Vì sao? Vì năm trăm Tỳ-kheo này đều là A-la-hán, các lậu đã hết, những việc cần làm đã làm xong, đã bỏ gánh nặng, đoạn các kết sử, chánh trí, tâm khéo giải thoát. Trừ một Tỳ-kheo, đó là Tôn giả A-nan, Ta ký thuyết cho A-nan đối trong hiện pháp sẽ đắc vô trí chứng. Cho nên, năm trăm Tỳ-kheo, Ta không thấy họ có các tội được thấy, được nghe, được nghi và thân, khẩu, ý có điều gì đáng hiềm trách”.

Xá-lợi-phất bạch Phật: “Bạch Thế Tôn, năm trăm Tỳ-kheo này đã không có các tội được thấy, được nghe,

được nghi và thân, khẩu, ý có điều gì đáng hiềm trách hết. Vậy trong đây có bao nhiêu Tỳ-kheo được Tam minh? Có bao nhiêu Tỳ-kheo được Câu giải thoát? Có bao nhiêu Tỳ-kheo được Tuệ giải thoát?”

Phật bảo Xá-lợi-phất: “Trong năm trăm Tỳ-kheo này, chín mươi Tỳ-kheo được Tam minh; chín mươi Tỳ-kheo được Câu giải thoát; những vị còn lại được Tuệ giải thoát. Nay Xá-lợi-phất, những Tỳ-kheo này đã lia khỏi mọi dao động, không có ai là vỏ ngoài, mà đều là lõi thật cứng chắc”¹³⁶.

84. Tâm Tỳ-kheo khi vào nhà cư sĩ

(No. 1136). Bấy giờ, Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo: “Hãy sống như mặt trăng; khi đi vào nhà người khác với tâm quý, khiêm hạ, kiểm thúc tâm, thúc liễm thân hình như người mới học. Như người mắt sáng khi lội vực sâu, lên đỉnh núi, kiểm thúc tâm, thúc liễm thân hình và chậm rãi tiến tới trước.

“Tỳ-kheo cũng vậy, sống như mặt trăng, khi đi vào nhà người khác với tâm quý, khiêm hạ, kiểm thúc tâm, thúc liễm thân hình như người mới học.

136. Linh Sơn Pháp Bảo Đại Tạng Kinh Tập VII, Bộ A Hàm VII, Kinh Tập A Hàm Số 3, Số 99: Kinh Tập A Hàm (III) - Tập A Hàm Quyển 45, Hội Văn hóa Giáo dục Linh Sơn Đài Bắc, 2000, trang 23~26.

“Tỳ-kheo Ca-diếp sống như mặt trăng; khi đi vào nhà người khác với tầm quý, khiêm hạ không cao mạn, kiểm thúc tâm, thúc liễm thân hình như người mới học. Như người mắt sáng lợi vực sâu, lên đỉnh núi chế ngự tâm, thúc liễm thân, xem xét kỹ rồi mới tiến”.

Phật bảo các Tỳ-kheo: “Ý các ông thế nào? Tỳ-kheo phải như thế nào mới vào nhà người?”

Các Tỳ-kheo bạch Phật: “Bạch Thế Tôn, Thế Tôn là gốc pháp, là con mắt pháp, là chỗ nương tựa của pháp, xin Thế Tôn nói rộng, các Tỳ-kheo nghe xong sẽ nhận lãnh phụng hành”.

Phật bảo Tỳ-kheo: “Hãy lắng nghe và suy nghĩ kỹ, Ta sẽ vì các ông giảng nói”.

“Nếu Tỳ-kheo nào ở nhà người mà tâm không bị dính, không bị trói, không tham đắm dục lạc, đối với cái lợi mà người khác có, công đức mà người khác làm, hoan hỷ như là của chính mình, không sanh ra tư tưởng ganh tị; cũng không tự đề cao mình, hạ thấp người. Tỳ-kheo như vậy mới nên vào nhà người”¹³⁷.

(No. 1137). Nếu có Tỳ-kheo nào muốn vào nhà người mà khởi nghĩ như vậy: “Người kia sẽ bố thí cho ta, chứ không phải không bố thí; bố thí vội, không cúng từ

137. Linh Sơn Pháp Bảo Đại Tạng Kinh Tập VI, Bộ A Hàm VI, Kinh Tập A Hàm Số 2, Tập A Hàm Quyển 41, Hội Văn hóa Giáo dục Linh Sơn Đài Bắc, Taiwan, 2000, trang 937~938.

từ; bố thí nhiều, không bố thí ít; bố thí ngon, không bố thí dở; cúng bố thí không cúng chậm'. Vì tâm như vậy, mà đến nhà người, nếu người ta không bố thí, ... *cho đến* bố thí chậm, tâm của Tỳ-kheo này sẽ bị khuấy nhục. Vì lý do này nên tâm của Tỳ-kheo ấy thoái thất, tự sanh chướng ngại”.

“Nếu lại có Tỳ-kheo nào, muốn vào nhà người mà khởi nghĩ như vậy: ‘Người xuất gia mục đích đến nhà người, là do đâu được bố thí chứ không phải không bố thí, bố thí vội không phải bố thí từ từ, bố thí nhiều không phải bố thí ít, bố thí ngon không phải bố thí dở, bố thí nhanh không phải bố thí chậm?’ Nghĩ như vậy mới đến nhà người. Nếu người ta không bố thí, ... *cho đến* bố thí chậm, tâm của Tỳ-kheo này không bị khuấy nhục, cũng không bị thoái thất, không sanh chướng ngại¹³⁸.

85. Vấn đề giáo giới Tỳ-kheo-ni

(No. 276). Bấy giờ, Tỳ-kheo-ni Ma-ha Ba-xà-ba-đề cùng với năm trăm Tỳ-kheo-ni lần lượt trước sau đi đến chỗ Phật, cúi đầu đảnh lễ dưới chân Phật, rồi ngồi lui qua một bên. Lúc ấy, Thế Tôn vì Tỳ-kheo-ni Ma-ha Ba-xà-ba-đề mà thuyết pháp, khai mở, chỉ dạy, soi sáng, làm cho hoan hỷ. Sau khi bằng nhiều cách thuyết pháp, khai

138. Linh Sơn Pháp Bảo Đại Tạng Kinh Tập VI, Bộ A Hàm VI, Kinh Tập A Hàm Số 2, Tập A Hàm Quyển 41, Hội Văn hóa Giáo dục Linh Sơn Đài Bắc, Taiwan, 2000, trang 940.

mở, chỉ dạy, soi sáng, làm cho hoan hỷ Ngài khiến họ lui về, bảo rằng:

“Tỳ-kheo-ni, thời gian thích hợp, nên đi!”

Tỳ-kheo-ni Ma-ha Ba-xà-ba-đề nghe những điều Phật dạy, vui vẻ làm lễ mà lui.

Bấy giờ, Đức Thế Tôn biết Tỳ-kheo-ni Ma-ha Ba-xà-ba-đề đã về rồi, mới bảo các Tỳ-kheo: “Ta nay tuổi đã già yếu, không còn có thể vì các Tỳ-kheo-ni thuyết pháp được. Tỳ-kheo Tăng các người, từ nay các Thượng tọa tôn đức giáo thọ các Tỳ-kheo-ni”¹³⁹.

86. Mối quan hệ giữa oai nghi và giải thoát

(No. 1242). “Hãy sống cung kính. Hãy thường buộc tâm. Hãy thường cẩn thận sợ hãi. Hãy phục tùng các bậc tu phạm hạnh thượng, trung, hạ tọa. Vì sao? Vì nếu có Tỳ-kheo sống không cung kính, không buộc tâm, không cẩn thận sợ hãi, không phục tùng các vị tu phạm hạnh thượng, trung, hạ tọa khác mà muốn được đầy đủ các oai nghi, thì không hề có trường hợp đó. Vì nếu không đầy đủ oai nghi mà muốn học pháp viên mãn, thì không hề có trường hợp đó. Nếu học pháp không viên mãn mà muốn

139. Linh Sơn Pháp Bảo Đại Tạng Kinh Tập V, Bộ A Hàm V, Trung A Hàm Biệt Dịch & Kinh Tập A Hàm Số 1, Tập A Hàm Quyển 11 - Kinh 273: Thủ Thanh Dụ, Hội Văn hóa Giáo dục Linh Sơn Đài Bắc - Taiwan, 2000, trang 904.

có giới thân, định thân, giải thoát thân, giải thoát tri kiến thân đầy đủ, thì cũng không hề có trường hợp đó. Nếu giải thoát tri kiến thân không đầy đủ mà muốn được Vô dư Niết-bàn, cũng không hề có trường hợp đó. Như vậy, Tỳ-kheo cần phải cung kính, buộc tâm, cẩn thận sợ hãi, theo đức lực các vị tu phạm hạnh thượng, trung, hạ tọa khác thì oai nghi đầy đủ, điều này có thể xảy ra. Nếu oai nghi đã đầy đủ thì việc học pháp sẽ đầy đủ, việc này có thể xảy ra. Nếu học pháp đã đầy đủ rồi thì giới thân, định thân, tuệ thân, giải thoát thân, giải thoát tri kiến thân đầy đủ, việc này có thể xảy ra. Nếu giải thoát tri kiến thân đã đầy đủ rồi thì được vô dư Niết-bàn, việc này có thể xảy ra. Cho nên, Tỳ-kheo cần phải cung kính, buộc tâm, cẩn thận sợ hãi, theo đức lực các vị tu phạm hạnh thượng, trung, hạ tọa khác thì oai nghi được đầy đủ, ... cho đến được Vô dư Niết-bàn, cần phải học như vậy”¹⁴⁰.

87. Phật chỉ tán thán Tỳ-kheo ở nơi thanh vắng

(No. 1251). Phật bảo Na-đê-ca: “Ta thấy bên cạnh tụ lạc có tinh xá, có Tỳ-kheo tọa thiền. Thấy rồi Ta tự nghĩ, những người trong tụ lạc này, hoặc Sa-di, qua lại gây tiếng động ồn ào, làm rối loạn, gây chướng ngại thiền tư

140. Linh Sơn Pháp Bảo Đại Tạng Kinh Tập VII, Bộ A Hàm VII, Kinh Tập A Hàm Số 3, Tập A Hàm Quyển 47, Hội Văn hóa Giáo dục Linh Sơn Đài Bắc, 2000, trang 76.

cho Tôn giả này khiến cho tỉnh giấc chánh thọ, cản trở ước muốn đến chỗ chưa đến, muốn đạt chỗ chưa đạt, muốn chứng chỗ chưa chứng. Na-đề-ca, Ta không hài lòng Tỳ-kheo ấy sống ở tinh xá cạnh tụ lạc.

“Na-đề-ca, Ta thấy Tỳ-kheo sống trong rừng vắng nhàn tĩnh, nằm ngửa mà than thở. Thấy rồi Ta tự nghĩ, nay Tỳ-kheo này sau khi ngủ dậy, sẽ tư niệm với ý tưởng về rừng vắng nhàn tĩnh. Nay Na-đề-ca, Ta cũng không hài Tỳ-kheo sống trong rừng vắng nhàn tĩnh như vậy.

“Này Na-đề-ca, Ta lại thấy Tỳ-kheo sống trong rừng vắng nhàn tĩnh, ngồi lắc lư mà ngủ gật. Thấy rồi, Ta tự nghĩ nay Tỳ-kheo này sau khi thức dậy, sẽ chứng đắc định chưa từng chứng đắc; do tâm định mà được giải thoát. Cho nên Na-đề-ca, Ta cũng không hài Tỳ-kheo sống trong rừng vắng nhàn tĩnh như vậy.

“Này Na-đề-ca, Ta lại thấy Tỳ-kheo sống trong rừng vắng nhàn tĩnh, ngồi ngay thẳng nhập chánh thọ. Thấy rồi, Ta tự nghĩ, nay Tỳ-kheo này, nếu chưa giải thoát, sẽ nhanh chóng được giải thoát. Nếu đã giải thoát, sẽ khiến tự phòng hộ, không dễ thoái thất. Na-đề-ca, Ta sẽ hài lòng Tỳ-kheo sống trong rừng vắng nhàn tĩnh như vậy.

“Này Na-đề-ca, Ta lại thấy Tỳ-kheo sống trong rừng vắng nhàn tĩnh. Tỳ-kheo ấy về sau rời xa chỗ rừng vắng, tập xả giường, ngọa cụ, lại trở về tụ lạc nhận lấy giường, ngọa cụ. Nay Na-đề-ca, Ta cũng không hài lòng Tỳ-kheo trở lại thôn xóm như vậy.

“Lại nữa này Na-đề-ca, Ta thấy Tỳ-kheo sống ở tinh xá nơi thôn xóm đức nhiều nổi tiếng, được các thứ tài lợi, y phục, ẩm thực, thuốc men đủ thứ. Tỳ-kheo ấy sau đó bỏ hết lợi dưỡng, làng xóm, sàng tọa, đến an nghỉ trong rừng vắng nhàn tĩnh. Na-đề-ca, Ta rất hài lòng Tỳ-kheo tập xả lợi dưỡng, chòm xóm, giường nằm, ngọa cụ như vậy mà sống trong rừng vắng nhàn tĩnh. Na-đề-ca, Tỳ-kheo nên học như vậy”¹⁴¹.

(**No. 1260**). “Thời quá khứ, có một con chồn mèo đói khát, gầy yếu, rình con chuột ở trong hang. Nếu chuột ra thì nó sẽ bắt lấy mà ăn. Một hôm, chuột ra khỏi hang rong chơi, chú mèo kia liền chộp nuốt nhanh. Thân chuột nhỏ, bị nuốt sống vào bụng. Khi vào bụng rồi, nó ăn nội tạng mèo. Bị ăn nội tạng, mèo mê cuồng chạy lung tung khắp nơi, từ nhà trống đến gò mả, không biết dừng lại nơi nào dần dần cho đến chết. Cũng vậy, Tỳ-kheo, có người ngu si nương nơi làng xóm mà sống, sáng sớm đắp y, ôm bát, vào thôn khát thực mà không khéo hộ thân, không giữ các căn, tâm không cột niệm, thấy các nữ nhân, khởi tư duy bất chánh, liền nắm bắt tướng sắc mà phát khởi lòng tham dục. Khi tham dục đã phát khởi, lửa dục cháy bùng, thiêu đốt thân tâm. Khi thân tâm bị thiêu đốt, tâm dong ruổi cuồng phóng, không thích ở tinh xá, không thích nơi rừng vắng, không thích dưới bóng cây;

141. Linh Sơn Pháp Bảo Đại Tạng Kinh Tập VII, Bộ A Hàm VII, Kinh Tập A Hàm Số 3, Tập A Hàm Quyển 47, Hội Văn hóa Giáo dục Linh Sơn Đài Bắc, 2000, trang 91~93.

bị tâm ác bất thiện ăn vào pháp bên trong mà xả giới, thoái thất. Người ngu này lâu dài chịu khổ đau, không lợi lạc. Cho nên, Tỳ-kheo cần phải học như vậy: Khéo hộ thân mình, giữ gìn các căn môn, buộc tâm chánh niệm mà vào thôn khất thực. Cần phải học như vậy”¹⁴².

88. Không chấp trước hình tướng bên ngoài

(No. 857). “Hôm nay tứ chi thân thể con rã rời, bốn phương đổi thay những pháp con đã nghe trước kia nay tất cả đều mịt mờ, quên hết, khi nghe các Tỳ-kheo tập trung tại nhà ăn may y cho Thế Tôn nói: ‘Không bao lâu, khi nào may y xong, Như Lai sẽ đắp y mang bát du hành trong nhân gian’. Cho nên nay tâm con cảm thấy rất khổ đau vì không biết lúc nào sẽ gặp lại được Thế Tôn cùng các Tỳ-kheo tri thức?”

Phật bảo Thích thị Nan-đề: “Dù có gặp Phật hay không gặp Phật, dù có gặp Tỳ-kheo tri thức hay không gặp thì ông vẫn nên tùy thời tu tập năm điều hoan hỷ. Những gì là năm? Ông nên tùy thời niệm tưởng Như Lai sự: ‘Như Lai là Đấng Ứng Cúng, Đấng Chánh Giác, Minh Hạnh Túc, Thiện Thế, Thế Gian Giải, Vô Thượng Sĩ, Điều Ngự Trượng Phu, Thiên Nhân Sư, Phật, Thế Tôn’. Niệm tưởng Pháp sự, Tăng sự, tự mình giữ giới sự

142. Linh Sơn Pháp Bảo Đại Tạng Kinh Tập VII, Bộ A Hàm VII, Kinh Tập A Hàm Số 3, Tập A Hàm Quyển 47, Hội Văn hóa Giáo dục Linh Sơn Đài Bắc, 2000, trang 99~100.

cùng hành thế sự. Người hãy tùy thời nhớ nghĩ là: ‘Ta đã được lợi cho mình. Đối với những bòn xén cấu ứ của chúng sanh, ta sẽ tu tập nhiều lìa khỏi cuộc sống bòn xén cấu ứ, tu bố thí giải thoát, bố thí xả, luôn bố thí nhiệt tình, vui thích xả, huệ thí bình đẳng, tâm luôn nhớ đến việc bố thí’. Như vậy Thích thị Nan-đề, với năm chi của định này hoặc đứng, đi, ngồi, nằm cho đến cùng với vợ con, luôn luôn phải buộc niệm tam-muội này”¹⁴³.

89. Vấn đề phó chúc

(No. 640). Bấy giờ Đức Thế Tôn nghĩ như vậy: “Nếu Ta đem giáo pháp phó chúc cho loài Người thì sợ rằng giáo pháp của Ta sẽ không tồn tại lâu dài. Nếu phó chúc cho loài Trời thì cũng sợ rằng giáo pháp của Ta không tồn tại lâu dài và con người thế gian sẽ không có người nào nhận lãnh giáo pháp. Nay Ta nên đem Chánh pháp phó chúc cho cả Trời, Người. Chư Thiên và Người thế gian cùng nhau nhiếp thọ pháp thì giáo pháp của Ta sẽ không bị dao động trong một ngàn năm”¹⁴⁴.

143. Linh Sơn Pháp Bảo Đại Tạng Kinh Tập VI, Bộ A Hàm VI, Kinh Tập A Hàm Số 2, Tập A Hàm Quyển 30, Hội Văn hóa Giáo dục Linh Sơn Đài Bắc, Taiwan, 2000, trang 538~539.

144. Linh Sơn Pháp Bảo Đại Tạng Kinh Tập VI, Bộ A Hàm VI, Kinh Tập A Hàm Số 2, Tập A Hàm Quyển 25, Hội Văn hóa Giáo dục Linh Sơn Đài Bắc, Taiwan, 2000, trang 336~337.

(No. 1144). Phật liền tự tay trao y phần tảo trao cho ta. Ta liền dâng Tăng-già-lê cho Phật. Rồi lần lượt giáo thọ như vậy trong vòng tám ngày, ta đã học pháp lãnh thọ nơi khất thực cho đến ngày thứ chín, ta đạt đến Vô học. Nay A-nan, nếu có ai hỏi rằng: ‘Ai là Pháp tử của Thế Tôn từ miệng Phật sanh, từ pháp hóa sanh, được giao phó gia tài Phật pháp và các thiền giải thoát tam-muội chánh thọ?’ Thì nên đáp đó là ta. Như vậy là nói chân chánh.

“Giống như người con trưởng thứ nhất của Chuyển luân Thánh vương sẽ bằng phép quán đảnh mà ngồi lên vương vị hưởng thụ ngũ dục của vua, không phải dùng phương tiện khô tự nhiên hưởng được. Ta cũng như vậy, là Pháp tử của Phật từ miệng Phật sanh, từ pháp hóa sanh, đắc pháp và pháp tài khác như thiền định, giải thoát, tam-muội chánh thọ, không phải dùng phương tiện khổ, mà tự nhiên được.

“Thí như voi báu của Chuyển luân Thánh vương cao bảy, tám khuỷu tay mà một lá đa-la có thể che rợp. Cũng vậy, sáu thần thông trí thành tựu của ta có thể che rợp. Nếu đối với cảnh giới thần thông và trí chứng, có người nào nghi hoặc, ta có thể vì họ phân biệt, ký thuyết về thiên nhĩ, tha tâm thông, túc mạng trí, sanh tử trí, lậu tận, tác chứng trí thông. Nếu có người nào nghi hoặc, ta có thể vì họ phân biệt, ký thuyết, khiến họ được quyết định”¹⁴⁵.

145. Linh Sơn Pháp Bảo Đại Tạng Kinh Tập VI, Bộ A Hàm VI, Kinh Tập A Hàm Số 2, Tập A Hàm Quyển 41, Hội Văn hóa Giáo dục Linh Sơn Đài Bắc, Taiwan, 2000, trang 955~956.

(No. 1212). Phật bảo Xá-lợi-phất: “Ta không thấy ông có các tội được thấy, được nghe, được nghi và thân, khẩu, ý có điều gì đáng hiềm trách. Vì sao? Vì Xá-lợi-phất, ông trì giới, đa văn, thiếu dục, tri túc, tu hạnh viễn ly, tinh cần phương tiện, chánh niệm, chánh thọ, trí tuệ nhanh nhạy, trí tuệ sáng suốt sắc bén, trí tuệ giải thoát, trí tuệ yểm ly, trí tuệ lớn, trí tuệ rộng, trí tuệ sâu, trí tuệ không ai bằng, thành tựu trí tuệ bảo; khai thị, chỉ giáo, soi sáng, hoan hỷ và thường cũng tán thán việc khai thị, chỉ giáo, soi sáng, làm cho hoan hỷ mà vì chúng sanh thuyết pháp chưa từng mỏi mệt. Thí như thái tử thứ nhất của Chuyển luân Thánh vương đáng thọ lễ quán đảnh nhưng chưa quán đảnh mà đang ở vào nghi pháp quán đảnh như pháp của vua cha những gì người đã chuyển cũng sẽ theo đó mà chuyển. Nay ông cũng như vậy, là trưởng tử của Ta gần được thọ quán đảnh, nhưng chưa quán đảnh mà đang ở vào nghi pháp. Những gì Ta đã chuyển ông cũng theo đó chuyển và đạt được vô sở khởi hết các hữu lậu, tâm khéo giải thoát. Cũng vậy đối với ông, Ta không thấy có các tội được thấy, được nghe, được nghi và thân, khẩu, ý có điều gì đáng hiềm trách”¹⁴⁶.

146. Linh Sơn Pháp Bảo Đại Tạng Kinh Tập VII, Bộ A Hàm VII, Kinh Tạng A Hàm Số 3, Số 99: Kinh Tạng A Hàm (III) - Tạng A Hàm Quyển 45, Hội Văn hóa Giáo dục Linh Sơn Đài Bắc, 2000, trang 24~25.

90. Tôn giả Ca Diếp

(No. 1138). Khi ấy Thế Tôn bảo Tôn giả Ma-ha Ca-diếp: “Ông nên thuyết pháp, giáo giới, giáo thọ cho các Tỳ-kheo. Vì sao? Vì Ta thường thuyết pháp giáo giới, giáo thọ cho các Tỳ-kheo, ông cũng nên như vậy”.

Tôn giả Ma-ha ca-diếp bạch Phật: “Bạch Thế Tôn, nay rất khó giáo thọ các Tỳ-kheo. Hoặc có Tỳ-kheo không chịu nghe nói”.

Phật bảo Ma-ha Ca-diếp: “Vì lý do gì ông nói như vậy?”

Ma-ha Ca-diếp bạch Phật: “Bạch Thế Tôn, con thấy có hai Tỳ-kheo một tên là Bàn-trù đệ tử của A-nan, hai tên là A-phù-tỳ đệ tử của Ma-ha Mục-kiền-liên. Hai người này tranh luận về đa văn. Họ bảo nhau: ‘Người đến đây cùng nhau bàn luận để coi ai có sở tri nhiều và sở tri ai hơn’”.

Khi ấy, Tôn giả A-nan đứng sau Phật đang cầm quạt hầu, nói với Tôn giả Ma-ha Ca-diếp: “Hãy thôi! Thưa Tôn giả Ma-ha Ca-diếp! Hãy nhẫn! Tôn giả Ca-diếp! Những Tỳ-kheo thiếu niên này trí tuệ kém, trí tuệ xấu”.

Tôn giả Ma-ha Ca-diếp nói với Tôn giả A-nan: “Ông hãy im lặng! Chớ khiến ta ở giữa Tăng hỏi sự việc ông.” Lúc ấy, Tôn giả A-nan liền im lặng...¹⁴⁷

147. Linh Sơn Pháp Bảo Đại Tạng Kinh Tập VI, Bộ A Hàm VI, Kinh Tập A Hàm Số 2, Tập A Hàm Quyển 41, Hội Văn hóa Giáo dục Linh Sơn Đài Bắc, Taiwan, 2000, trang 941~942.

(No. 1139). Phật bảo Ca-diếp: “Ông nên giáo thọ, giáo giới cho các Tỳ-kheo. Vì các Tỳ-kheo thuyết pháp, giáo giới, giáo thọ. Vì sao? Vì Ta thường thuyết pháp giáo giới, giáo thọ cho các Tỳ-kheo, ông cũng nên như vậy”.

Tôn giả Ma-ha Ca-diếp bạch Phật: “Bạch Thế Tôn, Tỳ-kheo bây giờ khó có thể vì họ thuyết pháp. Nếu có thuyết pháp, thì sẽ có Tỳ-kheo không nhẫn, không hoan hỷ” ...¹⁴⁸

(No. 1141). Khi ấy, Thế Tôn bảo Ma-ha Ca-diếp: “Ông nay đã già, các căn suy yếu, y phân tảo nặng, y của Ta nhẹ tốt Nay ông có thể ở trong chúng mặc y nhẹ hoại sắc do cư sĩ cúng”.

Ca-diếp bạch Phật: “Bạch Thế Tôn, con đã lâu dài tập hạnh A-luyện-nhã, tán thán hạnh a-luyện-nhã, mặc y phân tảo, khát thực”...

Phật bảo Ca-diếp: “Nếu có người nào hủy báng pháp đầu-đà, tức là hủy báng Ta. Nếu có người nào tán thán pháp đầu-đà, tức là tán thán Ta. Vì sao? Vì pháp đầu-đà là pháp Ta luôn luôn xưng danh và tán thán. Cho nên Ca-diếp, người A-luyện-nhã nên tán thán A-luyện-nhã người

148. Linh Sơn Pháp Bảo Đại Tạng Kinh Tập VI, Bộ A Hàm VI, Kinh Tập A Hàm Số 2, Tập A Hàm Quyển 41, Hội Văn hóa Giáo dục Linh Sơn Đài Bắc, Taiwan, 2000, trang 943.

mặc y phần tảo, khát thực nên tán thán pháp mặc y phần tảo khát thực”¹⁴⁹.

(No. 1142). Tôn giả Ma-ha Ca-diếp sống lâu nơi trú xứ sàng tọa A-luyện-nhã, râu tóc ra dài, mặc y rách vá đến chỗ Phật.

Lúc đó Thế Tôn đang thuyết pháp cho vô số đại chúng vây quanh. Bấy giờ, các Tỳ-kheo thấy Ma-ha Ca-diếp từ xa đi lại và sau khi thấy Tôn giả Ma-ha Ca-diếp rồi, họ khởi tâm khinh mạn rằng: “Tỳ-kheo này là ai mà y phục tồi tàn đến đây mà dung nghi không có đến đây mà y phục dương dương?”

Khi đó Thế Tôn biết được tâm niệm của các Tỳ-kheo bảo Ma-ha Ca-diếp: “Đến đây Ca-diếp! Hãy ngồi nơi phân nửa chỗ ngồi này. Nay Ta rốt cuộc biết ai xuất gia trước. Thầy ư? Ta ư?”

Các Tỳ-kheo sanh lòng sợ hãi, chân lông dựng đứng lên, nói với nhau: “Lạ thay, Tôn giả! Tôn giả ấy là Ma-ha Ca-diếp có đức độ lớn, thần lực lớn là đệ tử của Đại Sư, được mời ngồi nửa tòa”.

Khi ấy Tôn giả Ma-ha Ca-diếp chấp tay bạch Phật: “Bạch Thế Tôn, Phật là Thầy con. Con là đệ tử”.

149. Linh Sơn Pháp Bảo Đại Tạng Kinh Tập VI, Bộ A Hàm VI, Kinh Tập A Hàm Số 2, Tập A Hàm Quyển 41, Hội Văn hóa Giáo dục Linh Sơn Đài Bắc, Taiwan, 2000, trang 947.

Phật bảo Ca-diếp: “Thật vậy! Thật vậy! Ta là Đại Sư. Ông là đệ tử. Bây giờ ông hãy ngồi xuống, trên chỗ ngồi đã dọn sẵn”.

Tôn giả Ma-ha Ca-diếp cúi đầu lễ dưới chân Phật, ngồi lui qua một bên.

Bấy giờ Thế Tôn muốn cảnh tỉnh các Tỳ-kheo nên đem những công đức rộng lớn thù thắng của Ca-diếp đã sở đắc như mình, vì đại chúng hiện tiền mà bảo các Tỳ-kheo: “Ta đã lia đục pháp ác bất thiện, có giác, có quán, thành tựu và trụ Sơ thiền, hoặc ngày hoặc đêm, hoặc ngày đêm. Ma-ha Ca-diếp cũng lại như Ta, lia đục, pháp ác bất thiện, cho đến thành tựu và trụ Sơ thiền hoặc ngày hoặc đêm hoặc ngày đêm”....¹⁵⁰

(No. 1143). Hai Tôn giả Ma-ha Ca-diếp và A-nan đáp y, ôm bát vào thành Vương xá khát thực. Tôn giả A-nan nói với Tôn giả Ma-ha Ca-diếp: “Trời còn quá sớm, chúng ta tạm ghé qua tinh xá Tỳ-kheo-ni”.

Hai vị liền ghé qua. Bấy giờ, các Tỳ-kheo-ni trông thấy Tôn giả Ca-diếp và Tôn giả A-nan từ xa đi lại, vội vàng trải sàng tòa mời ngồi. Các Tỳ-kheo-ni lễ dưới chân Tôn giả Ma-ha Ca-diếp và Tôn giả A-nan, rồi ngồi lui qua một bên. Tôn giả Ma-ha Ca-diếp vì các Tỳ-kheo-

150. Linh Sơn Pháp Bảo Đại Tạng Kinh Tập VI, Bộ A Hàm VI, Kinh Tập A Hàm Số 2, Tập A Hàm Quyển 41, Hội Văn hóa Giáo dục Linh Sơn Đài Bắc, Taiwan, 2000, trang 948~949.

ni dùng nhiều cách thuyết pháp, chỉ bày, soi sáng và làm cho hoan hỷ. Sau khi Tôn giả chỉ bày, soi sáng và làm cho hoan hỷ xong, lúc ấy Tỳ-kheo-ni Thâu-la Nan-đà không hoan hỷ, nói ra những ác ngôn như vậy:

“Tại sao A-lê Ma-ha Ca-diếp lại thuyết pháp cho Tỳ-kheo-ni trước mặt A-lê A-nan Bề-đề-ha-mâu-ni? Giống như người buôn bán kim lại đem kim bán cho người làm kim? A-lê Ma-ha Ca-diếp cũng lại như vậy, thuyết pháp cho các Tỳ-kheo-ni trước mặt A-lê A-nan Bề-đề-ha-mâu-ni!”

Tôn giả Ma-ha Ca-diếp sau khi nghe Tỳ-kheo-ni Thâu-la Nan-đà với tâm không hoan hỷ mà miệng thốt ra những ác ngôn, liền nói với Tôn giả A-nan: “Ông có thấy Tỳ-kheo-ni Thâu-la Nan-đà với tâm không hoan hỷ mà miệng thốt ra những ác ngôn? Thế nào A-nan? Ta là người buôn kim, bán kim trước mặt người làm kim là ông chẳng?”

Tôn giả A-nan nói với Tôn giả Ma-ha Ca-diếp: “Thôi, hãy nhịn! Đó là mụ già ngu si, thiếu trí tuệ, chưa từng tu tập!”

“Này A-nan, ông chẳng đã từng nghe Như Lai, Ứng Cúng, Đẳng Chánh Giác, là bậc Tri giả, Kiến giả, ở giữa đại chúng thuyết ‘Nguyệt dụ kinh’ để giáo giới, giáo thọ rằng: ‘Tỳ-kheo, hãy sống như mặt trăng, thường như người mới học’... (*chi tiết như trên*)? Đó là nói A-nan sống như mặt trăng, thường như người mới học chẳng?”

Tôn giả A-nan thưa: “Thưa Tôn giả Ma-ha Ca-diếp, không phải”.

“A-nan, ông có nghe Như Lai, Ứng Cúng, Đẳng Chánh Giác là bậc Tri giả, Kiến giả ở giữa đại chúng thuyết ‘Nguyệt dụ kinh’ để giáo giới, giáo thọ rằng: ‘Tỳ-kheo, hãy sống như mặt trăng, thường như người mới học thì chỉ có Ma-ha Ca-diếp?’”

A-nan đáp: “Thưa Tôn giả Ma-ha Ca-diếp, đúng vậy”.

“A-nan ông có từng được Như Lai, Ứng Cúng, Đẳng Chánh Giác là bậc Tri giả, Kiến giả, ở giữa vô lượng đại chúng mời đến ngồi chung chăng? Lại nữa, Thế Tôn có tán thán đức độ rộng lớn của ông bằng Ngài không? A-nan đã lìa dục, lìa pháp ác bất thiện,... *cho đến* được Ngài tán thán lậu tận thông chăng?”

Đáp: “Thưa Tôn giả Ca-diếp, chưa!”

“Như vậy, này A-nan, Thế Tôn Như Lai, Ứng Cúng, Đẳng Chánh Giác, ở giữa vô lượng đại chúng, miệng tự nói: ‘Thiện lai! Ma-ha Ca-diếp! Mời ông ngồi nửa tòa’. Lại, ở giữa đại chúng có khen ngợi công đức rộng lớn của Ma-ha Ca-diếp bằng Phật; đã lìa dục, lìa pháp ác bất thiện... *cho đến* lậu tận thông không?”

A-nan đáp: “Đúng vậy, thưa Tôn giả Đại Ca-diếp!”¹⁵¹

151. Linh Sơn Pháp Bảo Đại Tạng Kinh Tập VI, Bộ A Hàm VI, Kinh Tập A Hàm Số 2, Tập A Hàm Quyển 41, Hội Văn hóa Giáo dục Linh Sơn Đài Bắc, Taiwan, 2000, trang 950~952.

(No. 1144). Một thời, Tôn giả Ma-ha Ca-diếp và Tôn giả A-nan ở trong núi Kỳ-xà-quật, thành Vương xá sau khi Thế Tôn Niết-bàn chưa bao lâu.

Bấy giờ gặp lúc mất mùa, đói kém nên đi khát thực rất khó được. Lúc này, có nhiều Tỳ-kheo tuổi trẻ đi theo Tôn giả A-nan không khéo nhiếp hộ các căn, ăn uống không biết lượng nên không thể từ đầu đêm đến cuối đêm tinh cần thiền định tư duy, chỉ ưa đắm vào ngủ nghỉ, thường cầu lợi lộc ở đời. Họ du hành nhân gian đến Nam Thiên trúc, có ba mươi Tỳ-kheo tuổi trẻ xả giới hoàn tục, chỉ còn lại mấy chú trẻ nhỏ. Lúc ấy, Tôn giả A-nan du hành ở nước Nam Sơn vì thấy đồ chúng còn ít nên trở lại Vương xá. Tôn giả cất y bát, rửa chân xong đến chỗ Tôn giả Ma-ha Ca-diếp, cúi đầu lễ dưới chân Tôn giả, ngồi lui qua một bên. Lúc ấy, Tôn giả Ma-ha Ca-diếp hỏi Tôn giả A-nan: “Ông từ đâu đến mà đồ chúng quá ít?”

A-nan đáp: “Từ nước Nam Sơn, du hành trong nhân gian có ba mươi Tỳ-kheo tuổi trẻ xả giới hoàn tục, đồ chúng giảm, nay còn lại phần nhiều là các trẻ nhỏ”.

Tôn giả Ma-ha Ca-diếp nói với A-nan rằng: “Có bao nhiêu phước lợi mà Như Lai, Ứng Cúng, Đẳng Chánh Giác, bậc Tri giả, Kiến giả, chế giới cho phép ba người trở lên cùng ăn chung?”

A-nan đáp: “Vì hai việc. Những gì là hai? Một là nhà nghèo ít của. Hai là những người ác lập bạn đảng phá

hoại nhau. Chớ để những người ác mang danh là chúng, sống ở trong Tăng làm chướng ngại đại chúng phân làm hai phe hiềm khích tranh đấu lẫn nhau”.

Tôn giả Ma-ha Ca-diếp bảo A-nan: “Ông biết nghĩa này, vì sao vào lúc đói kém lại cùng nhiều đệ tử niên thiếu du hành nước Nam Sơn, làm cho ba mươi người xả giới hoàn tục, đồ chúng tôn giảm chỉ còn lại đa số là các trẻ nhỏ? A-nan, đồ chúng của ông sụt giảm. Ông chỉ là trẻ con, vì không biết trừ lượng”.

A-nan thưa: “Thế nào đầu tôi đã hai thứ tóc mà vẫn còn gọi tôi là trẻ nhỏ sao, thưa Tôn giả Ma-ha Ca-diếp?”

Tôn giả Ma-ha Ca-diếp nói: “Vào thời buổi đói kém mà ông cùng nhiều đệ tử tuổi trẻ du hành trong nhân gian lại để cho ba mươi người xả giới hoàn tục, chỉ còn lại các trẻ nhỏ. Đồ chúng tiêu giảm không biết trừ lượng, để cho đồ chúng niên thiếu bại hoại. Chúng của A-nan đã tan hết. Nay A-nan, ông là trẻ con không biết trừ lượng”.

Khi ấy Tỳ-kheo-ni Đê-xá nghe Tôn giả Ca-diếp dùng từ trẻ con để quở trách Tôn giả A-nan Bề-đề-ha-mâu-ni nghe rồi không vui thích, bèn thốt ra những lời không tốt: “Tại sao A-lê Ma-ha Ca-diếp vốn là gốc ngoại đạo mà lại dám dùng từ trẻ con để quở trách A-lê A-nan Bề-đề-ha-mâu-ni, khiến cho cái danh trẻ con lan ra”.

Tôn giả Ca-diếp dùng thiên nhĩ nghe được những ác ngôn thốt ra từ miệng Tỳ-kheo-ni Đê-xá khi lòng không

hoan hỷ. Nghe xong nói với Tôn giả A-nan rằng: “Ông có thấy Tỳ-kheo-ni Đê-xá tâm không hoan hỷ, miệng thốt ra những lời nói ác: ‘Ma-ha Ca-diếp gốc từ ngoại đạo mà dám quở trách A-lê A-nan Bê-đê-ha-mâu-ni khiến cho cái danh trẻ con lan ra?’”

Tôn giả A-nan đáp: “Xin thôi! Tôn giả Ma-ha Ca-diếp! Hãy nhìn! Tôn giả Ma-ha Ca-diếp! Đó là mục giả ngu si không có trí tự tánh”.

Tôn giả Ma-ha Ca-diếp nói với A-nan: “Từ khi ta xuất gia đến nay không biết có vị thầy nào khác ngoài Như Lai, Ứng Cúng, Đấng Chánh Giác ra. Khi chưa xuất gia ta thường suy nghĩ đến sanh, già, bệnh, chết, ưu, bi, khổ, não. Biết là tại gia công việc bận rộn, nhiều phiền não nếu xuất gia sống không nhà, người thế tục thì khó sống đời sống không nhà, một mực trong sạch, suốt đời thuần nhất thanh tịnh tràn đầy, phạm hạnh thanh bạch nên ta đã cạo bỏ râu tóc, mặc áo ca-sa, chánh tín, xuất gia học đạo, không nhà; đem y quý, trị giá trăm ngàn lượng vàng cắt nhỏ từng mảnh may thành Tăng-già-lê. Nếu nghe ở thế gian có A-la-hán nào thì đi theo xuất gia. Sau khi xuất gia rồi ta gặp Thế Tôn, thân ngồi ngay thẳng, tướng tốt kỳ lạ, các căn tịch tĩnh vắng lặng không gì bằng, giống như núi vàng, ở khoảng giữa tụ lạc Na-la thành Vương xá và tháp Đa tử. Khi ta thấy rồi tự nghĩ: ‘Đây là Thầy ta. Đây là Thế Tôn. Đây là La-hán, đây là Đấng Chánh Giác’. Lúc ấy, Ta nhất tâm chấp tay kính lễ bạch Phật:

“Ngài là Đại Sư con. Con là đệ tử!”

Phật bảo ta rằng: “Thật vậy, Ca-diếp! Ta là Thầy của ông. Ông là đệ tử. Nay Ca-diếp, nay ông đã thành tựu tâm thanh tịnh chân thật, ông là người đáng cung kính. Người không biết nói biết, không thấy nói thấy; người thật không phải A-la-hán mà nhận là A-la-hán; người không phải Đẳng Chánh Giác mà nói là Đẳng Chánh Giác thì tự nhiên thân họ sẽ bị nát thành bảy mảnh. Nay Ca-diếp nay Ta biết nên nói biết; thấy, nên nói thấy; thật A-la-hán nói A-la-hán; thật Đẳng Chánh Giác nói Đẳng Chánh Giác. Nay Ca-diếp nay Ta có nhân duyên vì Thanh văn thuyết pháp không phải không có nhân duyên có y cứ không phải không y cứ, có thần lực không phải không thần lực. Cho nên, nay Ca-diếp, nếu muốn nghe pháp phải học như vậy nếu vì nghĩa lợi vì hữu ích, muốn nghe pháp thì phải một lòng cung kính tôn trọng, chuyên tâm lắng nghe và tự nghĩ rằng: Đối với sự sanh diệt của ngũ ấm, sự tập khởi, sự diệt tận của lục xúc nhập xứ, ta phải chánh quán. Đối với tứ niệm xứ phải chánh niệm lạc trụ; tu tập bảy Giác phần, tám giải thoát, tự thân tác chứng lúc nào cũng nghĩ thân này chưa từng đoạn tuyệt, xa lìa sự không tầm quý. Đối với phạm hạnh và đạo đức của Đại Sư, thường giữ tâm tầm quý, nên học tập như vậy.

“Bấy giờ, Thế Tôn vì ta mà thuyết pháp khai thị, chỉ giáo, soi sáng làm cho ta hoan hỷ. Sau khi khai thị, chỉ giáo, soi sáng, làm cho ta hoan hỷ rồi từ chỗ ngồi đứng

dậy đi, ta cũng đi theo về trụ xứ. Ta lấy cái y giá trị trăm ngàn lượng vàng cắt may thành Tăng-già-lê, gấp bốn làm tòa ngồi. Bấy giờ, Thế Tôn biết ta chí tâm cầu đạo. Ta trải y ra làm tọa cụ thỉnh Phật ngồi. Thế Tôn ngồi xuống, lấy tay sờ y khen rằng: “Ca-diếp, y này nhẹ mịn, mềm mại”.

Lúc ấy, ta thưa: “Đúng vậy, bạch Thế Tôn y này nhẹ mịn, mềm mại xin Thế Tôn nhận y này của con”.

Phật bảo Ca-diếp: “Ông nên nhận y phần tảo của Ta, Ta sẽ nhận y Tăng-già-lê của ông”.

Phật liền tự tay trao y phần tảo trao cho ta. Ta liền dâng Tăng-già-lê cho Phật. Rồi lần lượt giáo thọ như vậy, trong vòng tám ngày, ta đã học pháp lãnh thọ nơi khát thực, cho đến ngày thứ chín, ta đạt đến Vô học. Nay Anan, nếu có ai hỏi rằng: ‘Ai là Pháp tử của Thế Tôn từ miệng Phật sanh, từ pháp hóa sanh được giao phó gia tài Phật pháp và các thiền giải thoát, tam-muội chánh thọ?’ Thì nên đáp đó là ta. Như vậy là nói chân chánh.

“Giống như người con trưởng thứ nhất của Chuyển luân Thánh vương sẽ bằng phép quán đánh mà ngồi lên vương vị hưởng thụ ngũ dục của vua không phải dùng phương tiện khổ tự nhiên hưởng được. Ta cũng như vậy là Pháp tử của Phật, từ miệng Phật sanh, từ pháp hóa sanh, đắc pháp và pháp tài khác như thiền định, giải thoát, tam muội chánh thọ không phải dùng phương tiện khổ mà tự nhiên được.

“Thí như voi báu của Chuyển luân Thánh vương cao bảy, tám khuỷu tay mà một lá đa-la có thể che rợp. Cũng vậy sáu thần thông trí thành tựu của ta có thể che rợp. Nếu đối với cảnh giới thần thông và trí chứng có người nào nghi hoặc ta có thể vì họ phân biệt, ký thuyết về thiên nhĩ, tha tâm thông, túc mạng trí, sanh tử trí, lậu tận, tác chứng trí thông. Nếu có người nào nghi hoặc ta có thể vì họ phân biệt, ký thuyết, khiến họ được quyết định”.

Tôn giả A-nan thưa Tôn giả Ma-ha Ca-diếp:

“Đúng vậy! Đúng vậy! Thưa Tôn giả Ma-ha Ca-diếp, như voi báu của Chuyển luân Thánh vương cao bảy, tám khuỷu tay mà dùng một lá đa-la có thể che rợp. Cũng vậy, Tôn giả Ma-ha Ca-diếp, sáu thần thông trí có thể che rợp. Nếu có người nào nghi hoặc về cảnh giới thần thông, tác chứng trí... *cho đến* lậu tận, tác chứng trí, Tôn giả Ma-ha Ca-diếp có thể vì họ ký thuyết khiến họ được quyết định. Đối với Tôn giả Ma-ha Ca-diếp tôi luôn luôn kính tín tôn trọng”¹⁵².

91. Tôn giả Xá Lợi Phất

(No. 638). Một thời, Phật ở trong vườn trúc Ca-lan-đà tại thành Vương xá. Bấy giờ, Tôn giả Xá-lợi phất

152. Linh Sơn Pháp Bảo Đại Tạng Kinh Tập VI, Bộ A Hàm VI, Kinh Tập A Hàm Số 2, Tập A Hàm Quyển 41, Hội Văn hóa Giáo dục Linh Sơn Đài Bắc, Taiwan, 2000, trang 952~956.

đang ở trong làng Ma-kiệt-đề Na-la bị bệnh và vào Niết-bàn. Sa-di Thuần-đà chăm sóc cúng dường. Tôn giả Xá-lợi-phất nhân bệnh mà Niết-bàn. Sa-di Thuần-đà sau khi cúng dường Tôn giả Xá-lợi-phất nhặt lấy xá-lợi còn lại mang theo cùng với y bát đến thành Vương xá. Đến nơi, khâu y bát, rửa chân xong, Sa-di Thuần-đà đi đến chỗ Tôn giả A-nan, đánh lễ rồi, lui đứng một bên, bạch:

“Bạch Tôn giả, Hòa thượng của con là Tôn giả Xá-lợi-phất đã Niết-bàn. Con đem xá-lợi và y bát về đây”.

Tôn giả A-nan nghe Sa-di Thuần-đà báo tin ấy rồi, liền đi đến chỗ Phật, bạch rằng: “Bạch Thế Tôn, hôm nay con tưởng chừng thân thể rã rời, bốn phương đổi khác, mờ ám, nghẹn ngào không nói nên lời. Sa-di Thuần-đà nói với con rằng: ‘Hòa thượng Xá-lợi-phất đã Niết-bàn. Con đem xá-lợi và y bát về đây’”.

Phật dạy: “Thế nào A-nan? Xá-lợi-phất đem cái thân đã thọ giới mà Niết-bàn hay là định thân, tuệ thân, giải thoát thân hay giải thoát tri kiến thân Niết-bàn?”

Tôn giả A-nan bạch Phật: “Bạch Thế Tôn, không phải vậy”.

Phật bảo A-nan: “Hay là pháp được thuyết mà Ta tự chứng tri, thành Đẳng chánh giác, tức là bốn Niệm xứ, bốn Chánh đoạn, bốn Như ý túc, năm Căn, năm Lực, bảy Giác chi và tám Thánh đạo đem những pháp này mà nhập Niết-bàn?”

Tôn giả A-nan bạch Phật: “Bạch Thế Tôn không. Tuy không đem cái thân thọ giới... cho đến các pháp đạo phẩm mà Niết-bàn nhưng Tôn giả Xá-lợi-phất giữ giới, học nhiều, ít muốn, biết đủ, thường tu hạnh viễn ly, tinh cần, phương tiện, nhiếp niệm an trụ, nhất tâm chánh định, trí tuệ bén nhạy, trí tuệ sâu xa, trí tuệ siêu việt, trí tuệ phân biệt, trí tuệ lớn, trí tuệ rộng, trí tuệ sâu, trí tuệ không ai bằng, trí báu thành tựu, hay chỉ bày, hay dạy dỗ, hay soi sáng hay làm cho hoan hỷ, khéo léo khen ngợi vì chúng nói pháp. Cho nên bạch Thế Tôn, con vì pháp vì người lãnh thọ giáo pháp, cảm thấy buồn rầu khổ não”.

Phật dạy A-nan: “Ngươi chớ buồn rầu khổ não! Vì sao? Hoặc sanh hoặc khởi, hoặc tạo tác đều là pháp hữu vi bại hoại, làm sao có thể không bại hoại? Muốn cho không hoại, không có trường hợp ấy. Trước đây Ta đã nói, tất cả những vật yêu thích, những việc hợp ý, tất cả đều là pháp trái lìa, chẳng thể giữ mãi. Ví như cội cây to, rễ, cành, nhánh, lá, hoa, trái sum sê tươi tốt, cành lớn gãy trước. Như núi báu lớn, sườn lớn sụp đổ trước. Cũng vậy, trong hàng đại chúng quyền thuộc của Như Lai, Đại Thanh văn vào Niết-bàn trước. Nếu phương kia có Xá-lợi-phất an trụ thì ở phương ấy Ta vô sự, nhưng nơi ấy với Ta không phải trống không, vì có Xá-lợi-phất. Như trước đây Ta đã nói. Nay ngươi, này A-nan, như từ trước Ta đã nói tất cả những thứ ưa thích, hợp ý đều là pháp biệt ly, bởi vậy cho nên A-nan đừng quá buồn rầu. A-nan nên biết, Như Lai chẳng bao lâu cũng sẽ ra đi. Cho nên,

A-nan, hãy tự mình làm hòn đảo để tự nương tựa. Hãy lấy pháp làm nơi nương tựa, đừng lấy chỗ nào khác làm hòn đảo, đừng nương tựa vào chỗ nào khác”.

Tôn giả A-nan bạch Phật: “Bạch Thế Tôn, thế nào là tự mình làm hòn đảo, tự nương tựa chính mình? Thế nào là lấy pháp làm hòn đảo, lấy pháp làm nơi nương tựa? Thế nào là không lấy cái khác làm hòn đảo, không nương tựa cái khác?”

Phật đáp: “Nếu Tỳ-kheo nào sống an trú chánh niệm quán thân trên thân, tinh cần, phương tiện, chánh trí, chánh niệm, điều phục tham ưu thế gian. Cũng vậy, an trú chánh niệm quán ngoại thân, nội ngoại thân; thọ, tâm, pháp trên pháp, cũng nói như vậy. A-nan, đó gọi là tự mình làm hòn đảo, tự nương tựa chính mình, tự lấy pháp làm hòn đảo, tự lấy pháp làm chỗ nương tựa, không lấy chỗ nào khác làm hòn đảo, không nương tựa chỗ nào khác”¹⁵³.

(No. 639). Một thời, Đức Phật ở trong rừng Am-la râm mát, cạnh bờ sông Bạt-đà-la, nước Ma-thâu-la. Bấy giờ Tôn giả Xá-lợi-phất và Mục-kiền-liên vào Niết-bàn chưa bao lâu. Hôm ấy là ngày mười lăm bố-tát, Thế Tôn trải chỗ ngồi, ngồi trước đại chúng, nhìn khắp chúng hội rồi nói:

153. Linh Sơn Pháp Bảo Đại Tạng Kinh Tập VI, Bộ A Hàm VI, Kinh Tập A Hàm Số 2, Tập A Hàm Quyển 24, Hội Văn hóa Giáo dục Linh Sơn Đài Bắc, Taiwan, 2000, trang 332~334.

“Ta nhìn đại chúng, thấy đã trống không, vì Xá-lợi-phất và Mục-kiền-liên đã vào Niết-bàn. Trong chúng Thanh văn của Ta, chỉ có hai người này khéo thuyết pháp, giáo giới, dạy dỗ, biện thuyết đầy đủ. Có hai thứ tài sản: tiền tài và pháp tài. Tiền tài thì tìm cầu từ người thế gian. Pháp tài thì tìm cầu từ Xá-lợi-phất và Mục-kiền-liên. Như Lai đã lia tiền tài và pháp tài. Các ông chớ vì Xá-lợi-phất và Mục-kiền-liên đã Niết-bàn mà sầu ưu khổ não.

“Ví như cây lớn, rễ, cành, nhánh, lá, hoa trái, sum sê tươi tốt, thì nhánh lớn sẽ gãy trước. Cũng như núi báu lớn, sườn lớn sụp đổ trước. Cũng vậy, trong đại chúng của Như Lai, hai vị Đại Thanh văn Xá-lợi-phất và Mục-kiền-liên vào Niết-bàn trước. Cho nên các Tỳ-kheo, các ông chớ sanh ưu sầu khổ não. Vì có pháp sanh, pháp khởi, pháp tạo tác, pháp hữu vi, pháp bại hoại nào, mà không tiêu mất. Nếu muốn khiến cho chúng không hoại, thì điều này không thể có được. Từ trước Ta đã nói: ‘Tất cả mọi vật đáng yêu thích đều đi đến ly tán’. Chẳng bao lâu nữa Ta cũng sẽ ra đi. Vì thế cho nên các ông hãy tự làm hòn đảo, tự nương tựa chính mình; hãy lấy pháp làm hòn đảo, lấy pháp làm nơi nương tựa; không lấy chỗ nào khác làm hòn đảo, không nương tựa chỗ nào khác. Nghĩa là sống an trú chánh niệm quán thân trên thân, tinh cần, phương tiện, chánh trí, chánh niệm, điều phục tham ưu thế gian; cũng vậy, an trú chánh niệm quán ngoại thân, nội ngoại thân; thọ, tâm, pháp trên pháp, cũng nói như

vậy. Đó gọi là tự mình làm hòn đảo, tự nương tựa chính mình; tự lấy pháp làm hòn đảo, lấy pháp làm nơi nương tựa; không lấy chỗ nào khác làm hòn đảo, không nương tựa chỗ nào khác”¹⁵⁴.

(No. 1210). Một thời, Đức Phật ở bên bờ hồ Yết-già, tại nước Chiêm-bà. Bấy giờ, Tôn giả Xá-lợi-phất cùng với các Tỳ-kheo hội họp tại nhà cúng dường. Tôn giả vì họ mà thuyết pháp, cú vị đầy đủ, biện tài đơn giản, dễ hiểu, ưa nghe; thông suốt không gián đoạn, hiển bày nghĩa sâu. Các Tỳ-kheo này chuyên thích đến nghe; một lòng lắng nghe, tôn kính ghi nhớ. Lúc ấy, Tôn giả Bà-kỳ-xá đang ngồi giữa pháp hội, tự nghĩ: ‘Ta sẽ ở trước mặt Tôn giả Xá-lợi-phất nói kệ tán thán’¹⁵⁵.

(No. 1212: Phật và đại chúng Bồ tát)

Một thời, Đức Phật ở trong vườn Trúc, khu Ca-lan-đà, tại thành Vương xá. Bấy giờ, Phật kiết hạ an cư cùng với năm trăm Tỳ-kheo đều là bậc A-la-hán các lậu đã hết, việc cần làm đã làm, đã lìa các bỏ gánh nặng, dứt trừ hữu kết, chánh trí, tâm khéo giải thoát; chỉ trừ một Tỳ-kheo là

154. Linh Sơn Pháp Bảo Đại Tạng Kinh Tập VI, Bộ A Hàm VI, Kinh Tập A Hàm Số 2, Tập A Hàm Quyển 24, kinh 639, Hội Văn hóa Giáo dục Linh Sơn Đài Bắc, Taiwan, 2000, trang 334~335.

155. Linh Sơn Pháp Bảo Đại Tạng Kinh Tập VII, Bộ A Hàm VII, Kinh Tập A Hàm Số 3, Số 99: Kinh Tập A Hàm (III) - Tập A Hàm Quyển 45, Kinh: 1210, Hội Văn hóa Giáo dục Linh Sơn Đài Bắc, 2000, trang 21.

Tôn giả A-nan, được Thế Tôn ký thuyết, ngay trong đời hiện tại Tôn giả sẽ đắc vô tri chứng.

Bấy giờ, ngày mười lăm, vào giờ thực thọ, Thế Tôn trải tòa ngồi trước đại chúng, rồi bảo các Tỳ-kheo:

“Ta là Bà-la-môn đắc Bát-niết-bàn, mang thân sau cùng, là Đại Y Sư, nhổ những gai nhọn. Ta là Bà-la-môn đắc Bát-niết-bàn, mang thân sau cùng, là Vô Thượng Y Sư, nhổ những gai nhọn. Các ông là con, từ miệng Ta sanh ra, từ pháp hóa sanh, được gia tài pháp. Hãy để Ta tự tứ. Chớ để cho thân, khẩu, ý Ta có điều đáng hiềm trách”.

Lúc ấy Tôn giả Xá-lợi-phất ở giữa đại chúng đứng dậy, sửa lại y phục, đánh lễ chấp tay bạch Phật: “Bạch Thế Tôn, Thế Tôn vừa nói rằng: ‘Ta là Bà-la-môn đắc Bát-niết-bàn, mang thân cuối cùng, là Đại Y Sư, nhổ những mũi nhọn. Các ông là con, sanh ra từ miệng Ta, được hóa sanh từ pháp, được gia tài pháp. Hãy để Ta tự tứ. Chớ để cho thân, khẩu, tâm ý Ta có điều đáng hiềm trách’.

“Bạch Thế Tôn, chúng con không thấy thân, khẩu và tâm ý của Thế Tôn có điều gì đáng hiềm trách. Vì sao? Vì Thế Tôn, với người không thể điều phục có thể khiến điều phục, người không tịch tĩnh có thể khiến tịch tĩnh, người không an nghỉ có thể khiến an nghỉ, người không Bát-niết-bàn có thể khiến Bát-niết-bàn. Như Lai biết đạo, Như Lai nói đạo, Như Lai hướng đạo. Các đệ tử sau đó

thành tựu, tùy thuận đạo tôn sùng đạo, vâng theo lời dạy của Đạo sư sống đúng như những lời chỉ dạy, chánh hướng, hân lạc chân như thiện pháp. Đối với Thế Tôn con không thấy thân hành, khẩu hành, ý hành có điều gì đáng hiềm trách. Nay đối trước Thế Tôn, xin chỉ cho con các tội được thấy, được nghe, được nghĩ, hoặc thân, khẩu, ý có điều gì đáng hiềm trách?”

Phật bảo Xá-lợi-phất: “Ta không thấy ông có các tội được thấy, được nghe, được nghĩ và thân, khẩu, ý có điều gì đáng hiềm trách. Vì sao? Vì Xá-lợi-phất, ông trì giới, đa văn, thiếu dục, tri túc, tu hạnh viển ly, tinh cần phương tiện, chánh niệm, chánh thọ, trí tuệ nhanh nhạy, trí tuệ sáng suốt sắc bén, trí tuệ giải thoát, trí tuệ yểm ly, trí tuệ lớn, trí tuệ rộng, trí tuệ sâu, trí tuệ không ai bằng, thành tựu trí tuệ bảo; khai thị, chỉ giáo, soi sáng, hoan hỷ và thường cũng tán thán việc khai thị, chỉ giáo, soi sáng, làm cho hoan hỷ mà vì chúng sanh thuyết pháp chưa từng mỗi một. Thí như thái tử thứ nhất của Chuyển luân Thánh vương đáng thọ lễ quán đảnh nhưng chưa quán đảnh mà đang ở vào nghi pháp quán đảnh như pháp của vua cha, những gì người đã chuyển cũng sẽ theo đó mà chuyển. Nay ông cũng như vậy, là trưởng tử của Ta, gần được thọ quán đảnh, nhưng chưa quán đảnh mà đang ở vào nghi pháp. Những gì Ta đã chuyển, ông cũng theo đó chuyển và đạt được vô sở khởi; hết các hữu lậu, tâm khéo giải thoát. Cũng vậy, đối với ông, Ta không thấy có các tội được thấy, được nghe, được nghĩ và thân, khẩu, ý có điều gì đáng hiềm trách”.

Xá-lợi-phất bạch Phật: “Bạch Thế Tôn, nếu con không có các tội được thấy, được nghe, được nghi và thân, khẩu, ý có điều gì đáng hiềm trách; vậy thì năm trăm Tỳ-kheo này có không các tội được thấy, được nghe, được nghi và thân, khẩu, ý có điều gì đáng hiềm trách?”

Phật đáp: “Đối với năm trăm Tỳ-kheo này, Ta cũng không thấy các tội được thấy, được nghe, được nghi và thân, khẩu, ý có điều gì đáng hiềm trách. Vì sao? Vì năm trăm Tỳ-kheo này đều là A-la-hán, các lậu đã hết, những việc cần làm đã làm xong, đã bỏ gánh nặng, đoạn các kết sử, chánh trí, tâm khéo giải thoát. Trừ một Tỳ-kheo, đó là Tôn giả A-nan, Ta ký thuyết cho A-nan đối trong hiện pháp sẽ đắc vô trí chứng. Cho nên, năm trăm Tỳ-kheo, Ta không thấy họ có các tội được thấy, được nghe, được nghi và thân, khẩu, ý có điều gì đáng hiềm trách”¹⁵⁶.

(No. 1306). Thế Tôn bảo Tôn giả A-nan: “A-nan, đối với pháp Tôn giả Xá-lợi-phất đã khéo thuyết, tâm ông có hỷ lạc không?”

A-nan bạch Phật: “Bạch Thế Tôn, có vậy. Những người nào không ngu, không si, có trí tuệ, mà ở trong pháp Tôn giả Xá-lợi-phất đã khéo thuyết, tâm lại không hỷ lạc? Vì sao? Vì Tôn giả Xá-lợi-phất trì giới, đa văn, ít

156. Linh Sơn Pháp Bảo Đại Tạng Kinh Tập VII, Bộ A Hàm VII, Kinh Tập A Hàm Số 3, Số 99: Kinh Tập A Hàm (III) - Tập A Hàm Quyển 45, Kinh: 1212, Hội Văn hóa Giáo dục Linh Sơn Đài Bắc, 2000, trang 23-25.

muốn, biết đủ, tinh cần viển ly, trụ vững chánh niệm, trí tuệ, chánh thọ, trí tuệ nhanh nhạy, trí tuệ bén nhạy, trí tuệ xuất ly, trí tuệ quyết định, trí tuệ lớn, trí tuệ rộng, trí tuệ sâu, trí tuệ không ai bằng, thành tựu trí bảo, hay khéo giáo hóa, khai thị, chỉ giáo, soi sáng, làm cho hoan hỷ; cũng thường tán thán khai thị, chỉ giáo, soi sáng, làm cho hoan hỷ, luôn vì tứ chúng thuyết pháp không mỗi một”.

Phật bảo A-nan: “Đúng thế! Đúng thế! Như những gì ông đã nói, A-nan! Vì những người không ngu, không si, có trí tuệ, nghe Tôn giả Xá-lợi-phất khéo thuyết các thứ pháp, mà ai lại không hỷ lạc! Vì sao? Vì Tỳ-kheo Xá-lợi-phất trì giới, đa văn, ít muốn, biết đủ, tinh cần chánh niệm, trí tuệ, chánh thọ, trí tuệ siêu việt, trí tuệ nhanh nhạy, trí tuệ bén nhạy, trí tuệ xuất ly, trí tuệ quyết định, trí tuệ lớn, trí tuệ rộng, trí tuệ sâu, trí tuệ không ai bằng, thành tựu trí bảo, hay khéo giáo hóa, khai thị, chỉ giáo, soi sáng, làm cho hoan hỷ; cũng thường tán thán việc khai thị, chỉ giáo, soi sáng, làm cho hoan hỷ, luôn vì tứ chúng thuyết pháp không mỗi một”¹⁵⁷.

92. Tôn giả A Nan

(No. 1212). Một thời, Đức Phật ở trong vườn Trúc, khu Ca-lan-đà tại thành Vương xá. Bấy giờ, Phật kiết hạ

157. Linh Sơn Pháp Bảo Đại Tạng Kinh Tập VII, Bộ A Hàm VII, Kinh Tập A Hàm Số 3, Tập A Hàm Quyển 49, Hội Văn hóa Giáo dục Linh Sơn Đài Bắc, 2000, trang 167.

an cư cùng với năm trăm Tỳ-kheo đều là bậc A-la-hán các lậu đã hết, việc cần làm đã làm, đã lìa các bỏ gánh nặng, dứt trừ hữu kết, chánh trí, tâm khéo giải thoát; chỉ trừ một Tỳ-kheo là Tôn giả A-nan, được Thế Tôn ký thuyết, ngay trong đời hiện tại Tôn giả sẽ đắc vô tri chứng.

...

Xá-lợi-phất bạch Phật: “Bạch Thế Tôn nếu con không có các tội được thấy, được nghe, được nghi và thân, khẩu, ý có điều gì đáng hiềm trách vậy thì năm trăm Tỳ-kheo này có không các tội được thấy, được nghe, được nghi và thân, khẩu, ý có điều gì đáng hiềm trách?”

Phật đáp: “Đối với năm trăm Tỳ-kheo này, Ta cũng không thấy các tội được thấy, được nghe, được nghi và thân, khẩu, ý có điều gì đáng hiềm trách. Vì sao? Vì năm trăm Tỳ-kheo này đều là A-la-hán, các lậu đã hết, những việc cần làm đã làm xong, đã bỏ gánh nặng, đoạn các kết sử, chánh trí, tâm khéo giải thoát. Trừ một Tỳ-kheo, đó là Tôn giả A-nan, Ta ký thuyết cho A-nan đối trong hiện pháp sẽ đắc vô tri chứng. Cho nên, năm trăm Tỳ-kheo, Ta không thấy họ có các tội được thấy, được nghe, được nghi và thân, khẩu, ý có điều gì đáng hiềm trách”¹⁵⁸.

158. Linh Sơn Pháp Bảo Đại Tạng Kinh Tập VII, Bộ A Hàm VII, Kinh Tập A Hàm Số 3, Số 99: Kinh Tập A Hàm (III) - Tập A Hàm Quyển 45, Kinh: 12112, Hội Văn hóa Giáo dục Linh Sơn Đài Bắc, 2000, trang 23~25

A Nan là vị am tường Phật pháp

(No. 234). “Chỉ có Tôn giả A-nan là người thông minh, trí tuệ ghi nhớ tất cả; thường theo hầu bên cạnh Thế Tôn và được Thế Tôn và các vị phạm hạnh có trí khen ngợi là đa văn, có thể vì chúng ta mà nói đầy đủ ý nghĩa bài pháp mà Đức Thế Tôn đã nói tóm lược đó. Chúng ta hãy đi đến chỗ Tôn giả A-nan nhờ Tôn giả giải thích”¹⁵⁹.

(No. 557). Tỳ-kheo-ni Xà-tri-la khen ngợi: “Lạ thay! Thưa Tôn giả A-nan, Đại Sư và đệ tử nói giống nhau cùng một câu, cùng một ý vị, cùng một nghĩa. Thưa Tôn giả A-nan, ngày trước, lúc Phật ở thành Sa-kỳ, trong rừng An-thiền, lúc đó, có nhiều Tỳ-kheo-ni đi đến chỗ Phật hỏi nghĩa này, Thế Tôn đã nói cho các Tỳ-kheo-ni nghe nói câu như vậy, ý vị như vậy, nghĩa cũng như vậy. Cho nên biết là kỳ đặc: Đại sư và đệ tử cùng nói một câu, cùng một vị và cùng một nghĩa. Đó gọi là Đệ nhất cú nghĩa”¹⁶⁰.

159. Linh Sơn Pháp Bảo Đại Tạng Kinh Tập V, Bộ A Hàm V, Trung A Hàm Biệt Dịch & Kinh Tập A Hàm Số 1, Tập A Hàm Quyển 9: Tam-Di Ly Đề (1), Kinh: 234, Hội Văn hóa Giáo dục Linh Sơn Đài Bắc - Taiwan, 2000, trang 821~822.

160. Linh Sơn Pháp Bảo Đại Tạng Kinh Tập VI, Bộ A Hàm VI, Kinh Tập A Hàm Số 2, Tập A Hàm Quyển 20, Kinh 557, Hội Văn hóa Giáo dục Linh Sơn Đài Bắc, Taiwan, 2000, trang 186.

93. Tu Bạt Đà La là người được Thế Tôn giáo hóa cuối cùng

(No. 979). Lúc ấy, trong nước Câu-di-na-kiệt có xuất gia ngoại đạo tên là Tu-bạt-đà-la, tuổi thọ một trăm hai mươi, tuổi già, căn yếu được người nước Câu-di-na-kiệt cung kính cúng dường như A-la-hán. Xuất gia Tu-bạt-đà-la kia nghe Thế Tôn đêm nay sẽ ở nơi Vô dư Niết-bàn mà Bát-niết-bàn, nhưng ông nghĩ: ‘Ta có điều hoài nghi, hy vọng mà an trụ. Sa-môn Cù-đàm còn đủ sức có thể khai ngộ cho ta. Hôm nay ta nên đến chỗ Sa-môn Cù-đàm thưa hỏi điều hoài nghi của mình’. Ông liền ra khỏi Câu-di-na-kiệt, đi đến chỗ Thế Tôn. Trong lúc đó Tôn giả A-nan đang đi kinh hành ngoài cổng vườn. Tu-bạt-đà-la nói với Tôn giả A-nan:

“Tôi nghe nói đêm nay Sa-môn Cù-đàm sẽ nhập Vô dư Niết-bàn mà Bát-niết-bàn, tôi có điều hoài nghi, hy vọng mà an trụ. Sa-môn Cù-đàm còn đủ sức có thể khiến cho tôi giác ngộ. Nếu như A-nan không ngại khó nhọc, vì tôi đến thưa lại với Cù-đàm, xin dành chút ít thì giờ rảnh để giải đáp cho những thắc mắc của tôi”.

A-nan đáp: “Thế Tôn đang rất mệt mỏi như vậy, chớ nên làm nhọc Thế Tôn!”

Qua ba lần Tu-bạt-đà-la nài nỉ Tôn giả A-nan, Tôn giả A-nan cũng ba lần từ chối. Tu-bạt-đà-la nói: “Tôi nghe các bậc xuất gia lão túc Đại sư thuở xưa nói rằng, lâu lắm mới có Như Lai, Ứng Cúng, Đẳng Chánh Giác

xuất hiện ở thế gian này như hoa Ưu-đàm-bát, nhưng hiện tại trong đêm nay Như Lai sẽ vào cõi Vô dư Niết-bàn mà Bát-niết-bàn. Đối với pháp, hôm nay tôi có chút nghi, an trụ với tín tâm, vì Sa-môn Cù-đàm còn đủ sức có thể làm cho tôi giác ngộ. Nếu A-nan không ngại khó nhọc, vì tôi mà thưa với Sa-môn Cù-đàm”.

A-nan lại đáp: “Này Tu-bạt-đà-la, hôm nay Thế Tôn quá mệt mỏi, chớ nên làm nhọc Thế Tôn”.

Bấy giờ, Thế Tôn nhờ thiên nhĩ nghe những lời qua lại giữa A-nan và Tu-bạt-đà-la, liền bảo Tôn giả A-nan: “Đừng ngăn xuất gia ngoại đạo Tu-bạt-đà-la. Hãy để cho vào hỏi những điều nghi của ông ấy. Vì sao? Vì đây là lần cuối cùng luận nghị với xuất gia ngoại đạo và đây là vị thiện lai Tỳ-kheo Thanh văn chứng đắc sau cùng. Đó là Tu-bạt-đà-la”.

Bấy giờ Tu-bạt-đà-la nghe Thế Tôn vì ông khai mở căn lành, thì vui mừng vô hạn, đến chỗ Thế Tôn cùng Thế Tôn chào đón, thăm hỏi an úy, rồi ngồi lui qua một bên, bạch Phật: “Thưa Cù-đàm, phạm nhập xứ của thế gian, tức là sáu vị Tông sư như Phú-lan-na Ca-diếp, v.v..., mỗi người tự lập tông như vậy: ‘Đây là Sa-môn! Đây là Sa-môn!’ Thế nào, thưa Cù-đàm, có đúng là mỗi một phái đều có tông này chăng?”

Bấy giờ Thế Tôn liền vì Tu-bạt-đà-la nói kệ:

Từ hai mươi chín tuổi,
Xuất gia tu thiện đạo;

Thành đạo tới ngày nay,
 Trải qua năm mươi năm...¹⁶¹

94. Những biệt tài của các đại đệ tử Phật

(No. 447). “Chúng sanh thường tụ hội theo giới, hòa hợp với giới. Thế nào là chúng sanh thường tụ hội cảnh giới? Khi chúng sanh hành tâm bất thiện thì cùng tụ hội với cảnh giới bất thiện. Khi tâm hành thiện thì cùng tụ hội với giới thiện. Thiện tâm đi cùng với thiện giới. Thắng tâm đi cùng thắng giới.

Bấy giờ, Tôn giả Kiền-trần-như cùng với nhiều Tỳ-kheo đang đi kinh hành gần đó. Tất cả đều là những Đại đức, Thượng tọa, đa văn, xuất gia đã lâu, tu tập đầy đủ phạm hạnh.

Lại có Tôn giả Đại Ca-diếp cùng với nhiều Tỳ-kheo cũng đi kinh hành gần đó. Tất cả đều ít muốn, biết đủ, đầu đà, khổ hạnh, không chứa đồ dư.

Tôn giả Xá-lợi-phất cùng với nhiều Tỳ-kheo cũng đi kinh hành gần đó. Tất cả đều là những bậc Đại trí biện tài.

161. Linh Sơn Pháp Bảo Đại Tạng Kinh Tập VI, Bộ A Hàm VI, Kinh Tập A Hàm Số 2, Tập A Hàm Quyển 35, Kinh 979, Hội Văn hóa Giáo dục Linh Sơn Đài Bắc, Taiwan, 2000, trang 711~713.

Tôn giả Đại Mục-kiền-liên cùng với nhiều Tỳ-kheo cũng đi kinh hành gần đó. Tất cả đều là những bậc có sức thần thông lớn.

Tôn giả A-na-luật-đà cùng với nhiều Tỳ-kheo cũng đi kinh hành gần đó. Tất cả đều được thiên nhãn sáng suốt.

Bấy giờ, cũng có Tôn giả Nhị-thập-ức-nhĩ, cùng với nhiều Tỳ-kheo cũng đi kinh hành gần đó. Tất cả đều đồng mãnh, tinh tấn, chuyên cần tu hành.

Lại có Tôn giả Đà-phiêu cùng với nhiều Tỳ-kheo cũng đi kinh hành gần đó. Tất cả đều vì đại chúng sửa sang các thứ cúng dường đầy đủ.

Tôn giả Ưu-ba-ly cùng với nhiều Tỳ-kheo cũng đi kinh hành gần đó. Tất cả đều thông đạt luật hạnh.

Tôn giả Phú-lâu-na cùng với nhiều Tỳ-kheo cũng đi kinh hành gần đó. Tất cả đều là những bậc biện tài, thuyết pháp.

Lại có Tôn giả Ca-chiên-diên cùng với nhiều Tỳ-kheo cũng đi kinh hành gần đó. Tất cả đều có khả năng phân biệt các kinh, khéo nói pháp tướng.

Khi đó cũng có Tôn giả A-nan cùng với nhiều Tỳ-kheo đi kinh hành gần đó. Tất cả đều là những bậc tông trì đa văn.

Lại có Tôn giả La-hầu-la cùng với nhiều Tỳ-kheo cũng đi kinh hành gần đó. Tất cả đều khéo giữ gìn luật hạnh.

Khi đó cũng có Tôn giả Đề-bà-đạt-đa cùng với nhiều Tỳ-kheo đang đi kinh hành gần đó. Tất cả đều huân tập nhiều ác hạnh.

Đó gọi là Tỳ-kheo thường cùng đi và hòa hợp với nhau. Cho nên, Tỳ-kheo, nên khéo phân biệt các giới loại sai biệt”¹⁶².

95. Thế nào gọi là Đa văn?

(No. 25). “Nhu Thế Tôn nói ‘Đa văn’. Vậy thế nào là đa văn?”....

“Tỳ-kheo, nên biết nếu nghe pháp mà đối với sắc phát sanh yểm ly, ly dục, diệt tận, tịch tĩnh, thì đó gọi là đa văn. Cũng vậy nếu nghe pháp mà đối với thọ, tưởng, hành, thức phát sanh yểm ly, ly dục, diệt tận, tịch tĩnh thì gọi đó là đa văn. Nay Tỳ-kheo đó gọi là đa văn mà Như Lai nói”¹⁶³.

162. Linh Sơn Pháp Bảo Đại Tạng Kinh Tập VI, Bộ A Hàm VI, Kinh Tập A Hàm Số 2, Số 99 - Kinh Tập A Hàm (II) - Tập A Hàm Quyển 16, Kinh 447, Hội Văn hóa Giáo dục Linh Sơn Đài Bắc, Taiwan, 2000, trang 34~35

163. Linh Sơn Pháp Bảo Đại Tạng Kinh Tập V, Bộ A Hàm V, Trung A Hàm Biệt Dịch & Kinh Tập A Hàm Số 1, Tập A Hàm Quyển 1: Vô Thường, Kinh 25, Hội Văn hóa Giáo dục Linh Sơn Đài Bắc - Taiwan, 2000, trang 547~548.

96. Thế nào gọi là Pháp sư?

(No. 26). “Nhu Thế Tôn nói ‘Pháp sư’. Vậy thế nào gọi là Pháp sư?”...

“Nếu người nào đối với sắc mà nói pháp khiến sanh ra yếm ly, ly dục, diệt tận, tịch tĩnh, thì đó gọi là Pháp sư. Nếu người nào đối với thọ, tưởng, hành, thức mà nói pháp khiến sanh yếm ly, ly dục, diệt tận, tịch tĩnh thì gọi đó là Pháp sư. Đó cũng gọi là những gì mà Như Lai đã nói về Pháp sư”¹⁶⁴.

97. Thế nào gọi là Tỷ-kheo?

(No. 352). Một thời, Phật ở tại vườn Cấp-cô-độc, rừng cây Kỳ-đà, nước Xá-vệ. Bảy giờ, Thế Tôn nói với các Tỷ-kheo: “Nếu các Sa-môn, Bà-la-môn nào, ở nơi pháp mà không biết như thật về pháp; không biết như thật về sự tập khởi của pháp về sự diệt tận của pháp, về con đường đưa đến sự diệt tận của pháp thì người này chẳng phải là Sa-môn, chẳng được kể vào hàng Sa-môn chẳng phải là Bà-la-môn, chẳng được kể vào hàng Bà-la-môn. Người này chẳng đúng với ý nghĩa Sa-môn hay Bà-la-môn, ngay trong đời này không tự tri tự tác chứng:

164. Linh Sơn Pháp Bảo Đại Tạng Kinh Tập V, Bộ A Hàm V, Trung A Hàm Biệt Dịch & Kinh Tập A Hàm Số 1, Tập A Hàm Quyển 1: Vô Thường, Kinh 26, Hội Văn hóa Giáo dục Linh Sơn Đài Bắc - Taiwan, 2000, trang 548.

‘Ta, sự sanh đã dứt, phạm hạnh đã lập những gì cần làm đã làm xong tự biết không còn tái sanh đời sau nữa’.

“Thế nào là chẳng biết như thật về pháp? Thế nào là chẳng biết như thật về sự tập khởi của pháp? Thế nào là chẳng biết như thật về sự diệt tận của pháp? Thế nào là chẳng biết như thật về con đường đưa đến sự diệt tận của pháp? Là đối với pháp già chết mà không biết như thật; và không biết như thật về sự tập khởi đối với già chết, về sự diệt tận của già chết, về con đường đưa đến sự diệt tận của già chết. Cũng vậy, không biết như thật đối với sanh, hữu, thủ, ái, thọ, xúc, lục nhập xứ,... không biết như thật về sự tập khởi của lục nhập xứ, về sự diệt tận của lục nhập xứ, về con đường đưa đến sự diệt tận của lục nhập xứ. Như vậy là không biết như thật về các pháp; không biết như thật về sự tập khởi của pháp, về sự diệt tận của pháp, về con đường đưa đến sự diệt tận của pháp.

“Nếu Sa-môn, Bà-la-môn nào mà biết như thật về pháp; biết như thật về sự tập khởi của pháp, về sự diệt tận của pháp, về con đường đưa đến sự diệt tận của pháp, thì Sa-môn, Bà-la-môn này được kể vào hàng Sa-môn, Bà-la-môn chân chánh, đúng với nghĩa Sa-môn, Bà-la-môn, ngay trong đời này mà tự tri tự tác chứng: ‘Ta, sự sanh đã dứt, phạm hạnh đã lập, những gì cần làm đã làm xong, tự biết không còn tái sanh đời sau nữa’.

“Biết như thật những pháp gì? Biết như thật những pháp gì, sự tập khởi của pháp gì, sự diệt tận của pháp gì,

con đường đưa đến sự diệt tận của pháp gì? Đó là pháp già chết nên biết như thật. Nên biết như thật về sự tập khởi của già chết, về sự diệt tận của già chết, về con đường đưa đến sự diệt tận của già chết. Cũng vậy, đối với sanh, hữu, ái, thọ, xúc, lục nhập xứ nên biết như thật. Nên biết như thật về sự tập khởi của lục nhập xứ, về sự diệt tận của lục nhập xứ, về con đường đưa đến sự diệt tận của lục nhập xứ. Đó là biết như thật về các pháp; biết như thật về sự tập khởi của pháp, về sự diệt tận của pháp, về con đường đưa đến sự diệt tận của pháp”¹⁶⁵.

98. Tiêu chuẩn cho Tỷ-kheo khi hoằng pháp

(No. 108). Xá-lợi-phất bảo: “Các ông trở về phương Tây mỗi quốc độ mỗi khác nhau, mỗi chúng hội mỗi khác nhau ắt sẽ có người hỏi các ông. Hiện tại các ông đang ở chỗ Đức Thế Tôn nghe pháp được khéo giảng thuyết, hãy khéo lãnh thọ, khéo ghi nhớ, khéo quán sát, khéo thâm nhập để đủ khả năng vì mọi người kia mà tuyên nói lại đầy đủ, để không phải là hủy báng Đức Phật chăng? Không để cho các chúng kia nạn vấn, nạn hỏi chê trách và bị bế tắc chăng?”¹⁶⁶

165. Linh Sơn Pháp Bảo Đại Tạng Kinh Tập V, Bộ A Hàm V, Trung A Hàm Biệt Dịch & Kinh Tập A Hàm Số 1, Tập A Hàm Quyển 14: Phù Di, Kinh 352, Hội Văn hóa Giáo dục Linh Sơn Đài Bắc - Taiwan, 2000, trang 1026~1028

166. Linh Sơn Pháp Bảo Đại Tạng Kinh Tập V, Bộ A Hàm V, Trung A Hàm Biệt Dịch & Kinh Tập A Hàm Số 1, Tập A Hàm Quyển 5: Sai Ma,

99. 4 chúng

(No. 873). “Có bốn chúng được điều phục thiện hảo. Những gì là bốn? Đó là Tỳ-kheo được điều phục, Tỳ-kheo-ni được điều phục, Ưu-bà-tắc được điều phục, Ưu-bà-di được điều phục. Đó gọi là bốn chúng”¹⁶⁷.

100. Sa môn

(No. 794). “Có Sa-môn và pháp Bà-la-môn. Hãy lắng nghe và suy nghĩ cho kỹ, Ta sẽ vì các ông mà nói: “Những gì là pháp Sa-môn? Đó là tám Thánh đạo: Từ chánh kiến... cho đến chánh định. Thế nào là Sa-môn? Nếu người nào thành tựu pháp này. Đó gọi là Sa-môn”¹⁶⁸.

(No. 797). “Những gì là pháp Sa-môn? Đó là tám Thánh đạo, từ chánh kiến... cho đến chánh định. Những gì là quả Sa-môn? Đó là quả Tu-đà-hoàn, quả Tu-đà-hàm, quả A-na-hàm và quả A-la-hán.

Kinh 108, Hội Văn hóa Giáo dục Linh Sơn Đài Bắc - Taiwan, 2000, trang 692.

167. Linh Sơn Pháp Bảo Đại Tạng Kinh Tập VI, Bộ A Hàm VI, Kinh Tập A Hàm Số 2, Tập A Hàm Quyển 31, Kinh 873, Hội Văn hóa Giáo dục Linh Sơn Đài Bắc, Taiwan, 2000, trang 551.

168. Linh Sơn Pháp Bảo Đại Tạng Kinh Tập VI, Bộ A Hàm VI, Kinh Tập A Hàm Số 2, Tập A Hàm Quyển 28, Kinh 794, Hội Văn hóa Giáo dục Linh Sơn Đài Bắc, Taiwan, 2000, trang 476.

“Thế nào là quả Tu-đà-hoàn? Đoạn trừ ba kết. Thế nào là quả Tu-đà-hàm? Đoạn trừ ba kết; tham, nhuế, si mỏng. Thế nào là quả A-na-hàm? Đoạn sạch hết năm hạ phần kết. Thế nào là quả A-la-hán? Đoạn trừ vĩnh viễn tham, nhuế, si; đoạn trừ vĩnh viễn tất cả các thứ phiền não”¹⁶⁹.

101. Mục đích của việc xuất gia

(No. 272). Bấy giờ, Đức Phật bảo các Tỳ-kheo: “Người xuất gia có cuộc sống thấp hèn; cạo tóc, ôm bát, khát thực từng nhà giống như bị cấm chú. Sở dĩ như vậy là vì muốn cầu mục đích cao thượng muốn thoát khỏi sanh, già, bệnh, chết, ưu, bi, khổ, não, tận cùng biên tế của khổ.

“Này các Thiện nam, các ông không vì vua, giặc sai sử, không vì mắc nợ người, không vì khủng bố, không vì mất mạng mà xuất gia, mà chính vì muốn giải thoát khỏi sanh, già, bệnh, chết, ưu, bi, khổ, não. Các ông há không vì mục đích ấy mà xuất gia chăng?”

Các Tỳ-kheo bạch Phật: “Bạch Thế Tôn, thật vậy”.

Phật bảo các Tỳ-kheo: “Tỳ-kheo các ông, vì mục đích cao thượng như vậy mà xuất gia, vậy tại sao ở đây

169. Linh Sơn Pháp Bảo Đại Tạng Kinh Tập VI, Bộ A Hàm VI, Kinh Tập A Hàm Số 2, Tập A Hàm Quyển 29, Kinh 797, Hội Văn hóa Giáo dục Linh Sơn Đài Bắc, Taiwan, 2000, trang 478.

lại còn có kẻ phàm phu ngu si khởi lòng tham dục, sanh ra nhiễm đắm quá mức, sân nhuế, hung bạo, biếng nhác yếu hèn, mất niệm, không định, các căn mê loạn? “Giống như người từ tối tắm vào tối tắm; từ mờ mịt vào mờ mịt; từ hầm phẩn ra rồi lại rơi vào hầm phẩn; dùng máu rửa máu; lìa bỏ các việc ác, rồi trở lại nắm lấy các việc ác. Ta nói những thí dụ này, Tỳ-kheo phàm phu cũng như vậy. “Lại giống như củi thiêu tử thi, bị ném bỏ trên gò mả, không bị tiêu phu thu gom. Ta nói thí dụ này, thì đối với Tỳ-kheo phàm phu ngu si khởi lòng tham dục, sanh ra đắm nhiễm quá mức, sân nhuế hung bạo, biếng nhác yếu hèn, mất niệm không định, các căn tán loạn cũng lại như vậy¹⁷⁰.

(No. 115~119). Vì những lý do gì mà thầy theo Samôn Cù-đàm xuất gia tu phạm hạnh?”

La-đà trả lời: “Vì đối với sắc muốn dứt hết ưu, bi, khổ, não, ly dục, diệt, tịch tĩnh nên theo Như Lai xuất gia tu phạm hạnh. Vì đối với thọ, tưởng, hành, thức muốn dứt hết ưu, bi, khổ, não, ly dục, diệt, tịch tĩnh nên theo Như Lai xuất gia tu phạm hạnh”¹⁷¹.

170. Linh Sơn Pháp Bảo Đại Tạng Kinh Tập V, Bộ A Hàm V, Trung A Hàm Biệt Dịch & Kinh Tập A Hàm Số 1, Tập A Hàm Quyển 10: Vô Minh (1), Kinh 272, Hội Văn hóa Giáo dục Linh Sơn Đài Bắc - Taiwan, 2000, trang 895~896.

171. Linh Sơn Pháp Bảo Đại Tạng Kinh Tập V, Bộ A Hàm V, Trung A Hàm Biệt Dịch & Kinh Tập A Hàm Số 1, Tập A Hàm Quyển 6: Hữu Lưu,

102. Cần phải từ bỏ pháp không phải của Tỳ-kheo

(No. 269). “Những pháp không thích ứng của các ông, thì hãy nên liả bỏ hết. Nếu buông bỏ những pháp này rồi, các ông sẽ được an vui lâu dài.

“Tỳ-kheo, những pháp nào không thích ứng của các ông, mà các ông phải nhanh chóng liả bỏ? Sắc, thọ, tưởng, hành, thức không phải là pháp thích ứng của các ông, hãy liả bỏ hết. Nếu dứt sạch pháp này rồi các ông sẽ được an vui lâu dài.

“Giống như cây cối trong rừng Kỳ-hoàn; có người đến chặt cành lá rồi đem đi, các ông cũng chẳng lấy làm lo buồn. Vì sao? Vì những cây này chẳng phải ta, chẳng phải sở hữu của ta. Cũng vậy, này các Tỳ-kheo, những gì không là thích ứng của các ông, hãy liả bỏ tất cả. Nếu xa liả hết rồi, các ông sẽ được an vui lâu dài. Những gì không phải thích ứng của các ông? Sắc không phải là thích ứng của các ông, phải liả bỏ hết. Nếu xa liả rồi thì sẽ được an vui lâu dài. Cũng vậy, thọ, tưởng, hành, thức không phải thích ứng của các ông, hãy nhanh chóng liả bỏ. Nếu buông bỏ các pháp này rồi, sẽ được an vui lâu dài¹⁷².

Kinh 115~119, Hội Văn hóa Giáo dục Linh Sơn Đài Bắc - Taiwan, 2000, trang 714.

172. Linh Sơn Pháp Bảo Đại Tạng Kinh Tập V, Bộ A Hàm V, Trung A Hàm Biệt Dịch & Kinh Tập A Hàm Số 1, Tập A Hàm Quyển 10: Vô Minh (1), Kinh 269, Hội Văn hóa Giáo dục Linh Sơn Đài Bắc - Taiwan, 2000, trang 888.

(No. 274). Những gì không phải là của các ông có, cần phải xả bỏ hết; khi đã xả bỏ hết pháp đó rồi, thì được an vui lâu dài. Nay các Tỳ-kheo, ý các ông thế nào? Ở trong rừng Kỳ-hoàn này, các thứ cỏ cây, cành lá, nếu có người mang đi, thì các ông có nghĩ rằng: ‘Những vật này là tôi, là của tôi, người kia sao lại đem đi?’”

Các Tỳ-kheo đáp: “Bạch Thế Tôn, không. Vì sao? Vì những vật này chẳng phải ta, chẳng phải của ta”. Tỳ-kheo, các ông cũng lại như vậy, đối với vật không phải của mình, phải xả bỏ hết; khi đã xả bỏ những pháp này rồi, thì được an vui lâu dài. Những gì không phải sở hữu của các ông? Mắt, không phải của các ông, nên xả bỏ; khi đã xả bỏ rồi, thì được an vui lâu dài. Đối với tai, mũi, lưỡi, thân, ý lại cũng như vậy¹⁷³.

103. Xuất gia sống nơi vắng vẻ

(No. 17). “Lành thay, Thế Tôn! Nay xin vì con mà nói vấn tắt pháp yếu. Sau khi nghe pháp, con sẽ ở một mình nơi chỗ vắng, tu tập không buông lung. Khi tu tập không buông lung con sẽ tư duy về lý do mà một thiện nam tử xuất gia, cạo bỏ râu tóc, mình mặc pháp y, có ông tin, từ bỏ gia đình, sống không gia đình, chỉ vì để ngay

173. Linh Sơn Pháp Bảo Đại Tạng Kinh Tập V, Bộ A Hàm V, Trung A Hàm Biệt Dịch & Kinh Tập A Hàm Số 1, Tập A Hàm Quyển 11: Thứ Thanh Dự, Kinh 274, Hội Văn hóa Giáo dục Linh Sơn Đài Bắc - Taiwan, 2000, trang 900.

trong đời này chúng nghiệm cứu cánh phạm hạnh vô thượng, biết rằng: ‘Ta, sự sanh đã dứt, phạm hạnh đã lập, những việc cần làm đã làm xong, tự biết không còn tái sanh đời sau nữa’¹⁷⁴.

104. Nguyên tắc sống cho người xuất gia

(No. 801). “Có năm pháp mang lại nhiều lợi ích cho sự tu An-na-ban-na niệm. Những gì là năm? An trụ luật nghi Ba-la-đề-mộc-xoa, oai nghi hành xử đầy đủ; đối với những tội vi tế hay sanh lòng sợ hãi, thọ trì học giới. Đó gọi là pháp thứ nhất mang lại nhiều lợi ích cho sự tu An-na-ban-na niệm.

“Lại nữa, Tỳ-kheo ít muốn, ít sự việc, ít tác vụ. Đó là pháp thứ hai mang lại nhiều lợi ích cho sự tu An-na-ban-na niệm.

“Lại nữa, Tỳ-kheo nào ăn uống biết lượng, không ít cũng không nhiều. Không vì việc ăn uống mà sanh ra tư tưởng ham muốn; luôn tinh cần tư duy. Đó là pháp thứ ba mang lại nhiều lợi ích cho sự tu An-na-ban-na niệm.

“Lại nữa, Tỳ-kheo đầu đêm, cuối đêm, không đắm say ngủ nghỉ, mà luôn tinh cần tư duy. Đó là pháp thứ tư mang lại nhiều lợi ích cho sự tu An-na-ban-na niệm.

174. Linh Sơn Pháp Bảo Đại Tạng Kinh Tập V, Bộ A Hàm V, Trung A Hàm Biệt Dịch & Kinh Tập A Hàm Số 1, Tập A Hàm Quyển 1: Vô Thường, Kinh 17, Hội Văn hóa Giáo dục Linh Sơn Đài Bắc - Taiwan, 2000, trang 533.

“Lại nữa, Tỳ-kheo ở trong rừng hoang vắng, xa lìa những nơi náo nhiệt. Đó là pháp thứ năm mang lại nhiều lợi ích cho sự tu An-na-ban-na niệm”¹⁷⁵.

105. 8 Đức tánh tốt của Tỳ-kheo

(No. 925). “Cũng vậy, trượng phu trong Chánh pháp luật cũng thành tựu được tám đức, nên biết đó là bậc Hiền sĩ Những gì là tám? Bậc Hiền sĩ an trụ chánh giới, luật nghi Ba-la-đề-mộc-xoa, có đủ oai nghi hành xử; thấy tội vi tế thường sanh lòng sợ hãi, giữ gìn học giới. Đó là đức thứ nhất của trượng phu trong Chánh pháp luật.

“Lại nữa, trượng phu tính tự hiền thiện, khéo điều phục, khéo an trụ, chẳng làm phiền, không làm sợ hãi phạm hạnh khác. Đó là đức thứ hai của trượng phu.

“Lại nữa, trượng phu đi khát thực, theo thứ lớp, tùy theo những gì nhận được, dù ngon hay dở, tâm vẫn bình đẳng, không hiềm, không đả trước. Đó là đức thứ ba của trượng phu.

“Lại nữa, trượng phu sanh tâm yểm ly các nghiệp ác nơi thân, miệng, ý, các pháp ác bất thiện, cùng các phiền não, chúng dẫn đến thọ nhận các báo khổ nhiệt não nhiều lần; đối với sự sanh, già, bệnh, chết, ưu, bi, khổ, não

175. Linh Sơn Pháp Bảo Đại Tạng Kinh Tập VI, Bộ A Hàm VI, Kinh Tập A Hàm Số 2, Tập A Hàm Quyển 29, Kinh 801, Hội Văn hóa Giáo dục Linh Sơn Đài Bắc, Taiwan, 2000, trang 480.

trong đời vị lai lại càng yêm ly. Đó là đức thứ tư của trượng phu.

“Lại nữa, trượng phu nếu có lỗi lầm của Sa-môn, mà quanh co, không chân thật, hãy nhanh chóng trình lên Đại Sư và thiện tri thức; Đại Sư thuyết pháp chắc chắn sẽ trừ dứt. Đó là đức thứ năm của vị trượng phu.

“Lại nữa, trượng phu tâm cầu học có đủ, nghĩ như vậy: ‘Giả sử người khác có học hay không học, ta cũng phải học. Đó là đức thứ sáu của trượng phu¹⁷⁶.

106. Tỷ-kheo đối với người nữ

(No. 1165). “Nhân gì, duyên gì, mà các Tỷ-kheo tuổi trẻ mới học, xuất gia chưa lâu ở trong Pháp luật này, sống rất an lạc, các căn hòa duyệt, tướng mạo sáng sủa, da dẻ tươi tốt, thích tĩnh, ít động, mặc tình người khác mà sống, tâm như dã thú, kham năng suốt đời tu trì phạm hạnh, thanh tịnh thuần nhất?”

Tôn giả Tân-đầu-lô đáp: “Như những gì Phật, Như Lai, Ứng Cúng, Đẳng Chánh Giác, là bậc Tri giả, Kiến giả đã dạy các Tỷ-kheo: ‘Tỷ-kheo các ông, nếu gặp người nữ lớn tuổi thì nên coi như mẹ. Gặp người trung niên thì nên coi như chị em. Gặp người non trẻ thì nên

176. Linh Sơn Pháp Bảo Đại Tạng Kinh Tập VI, Bộ A Hàm VI, Kinh Tập A Hàm Số 2, Tập A Hàm Quyển 33, Kinh 925, Hội Văn hóa Giáo dục Linh Sơn Đài Bắc, Taiwan, 2000, trang 624-625

coi như con. Vì nguyên nhân này nên các Tỳ-kheo tuổi trẻ xuất gia chưa bao lâu ở trong Pháp luật này sống an lạc, an ổn, các căn hòa duyệt, tướng mạo sáng sủa, da dẻ tươi mát, thích tĩnh, ít động, mặc tình người khác mà sống, tâm như dã thú, kham năng suốt đời tu trì phạm hạnh, thanh tịnh thuần nhất”¹⁷⁷.

107. Tỳ-kheo bị bò húc chết

(No. 302). Bấy giờ, Thế Tôn vào thành khát thực. Lúc ấy cũng có nhiều Tỳ-kheo vào thành Vương Xá khát thực, nghe đồn A-chi-la Ca-diếp được nghe pháp từ Thế Tôn sau khi từ già Phật chẳng bao lâu bị một con nghé đực húc chết, khi mạng chung các căn thanh tịnh, sắc mặt tươi sáng. Các Tỳ-kheo khát thực xong trở về, thu cất y bát, rửa chân, đến chỗ Phật, cúi đầu lễ dưới chân Phật, rồi ngồi qua một bên, bạch Phật:

“Bạch Thế Tôn, sáng sớm nay nhiều Tỳ-kheo vào thành khát thực, nghe chuyện A-chi-la Ca-diếp, sau khi được nghe pháp luật ra về chẳng bao lâu bị tai nạn một con nghé đực húc chết. Lúc từ trần các căn thanh tịnh, sắc mặt tươi sáng. Bạch Thế Tôn, A-chi-la Ca-diếp sanh vào loài nào, thọ sanh nơi đâu và có sở đắc gì?”

177. Linh Sơn Pháp Bảo Đại Tạng Kinh Tập VI, Bộ A Hàm VI, Kinh Tập A Hàm Số 2, Tập A Hàm Quyền 43, Kinh 1165, Hội Văn hóa Giáo dục Linh Sơn Đài Bắc, Taiwan, 2000, trang 992~993

Phật bảo các Tỳ-kheo:

“Ông ấy đã thấy pháp, biết pháp và thứ pháp, không còn chấp thủ nơi pháp, đã đạt đến Bát-niết-bàn. Các ông nên đến cúng dường thân A-chi-la Ca-diếp”¹⁷⁸.

108. Tỳ-kheo Đê-xá không muốn tu tập trong Phật pháp

(No. 271). Tỳ-kheo Đê-xá nói với các Tỳ-kheo: “Thưa các Tôn giả đối với pháp tôi không thể phân biệt. Tôi không thích tu phạm hạnh nữa, chỉ thích ngủ nghỉ nhiều và nghi hoặc đối với pháp”¹⁷⁹.

109. Tỳ-kheo ác tâm

(No. 1075). Một thời Phật trú tại thành Vương Xá trong vườn Trúc, khu Ca-lan-đà có Đà-phiêu Ma-la Tử, quê cũ ở thành Vương xá, lo việc Tăng chúng, phân chia thức ăn uống và các vật dụng: giường nằm, chỗ ngồi, ... và xếp đặt phiên thứ, sai thĩnh rất chu đáo. Lúc đó, có

178. Linh Sơn Pháp Bảo Đại Tạng Kinh Tập V, Bộ A Hàm V, Trung A Hàm Biệt Dịch & Kinh Tập A Hàm Số 1, Tập A Hàm Quyển 12: Chúng Thọ, Kinh 302, Hội Văn hóa Giáo dục Linh Sơn Đài Bắc - Taiwan, 2000, trang 963~964.

179. Linh Sơn Pháp Bảo Đại Tạng Kinh Tập V, Bộ A Hàm V, Trung A Hàm Biệt Dịch & Kinh Tập A Hàm Số 1, Tập A Hàm Quyển 10: Vô Minh (1), Kinh 271, Hội Văn hóa Giáo dục Linh Sơn Đài Bắc - Taiwan, 2000, trang 891.

Tỳ-kheo Từ Địa trải qua ba lần nhận thức ăn thô dở. Trong khi ăn lòng cảm thấy khó chịu, cay đắng nghĩ thầm: “Quái lạ thay! Khổ thay! Tỳ-kheo Đà-phiêu Ma-la Từ chắc cố tình đem thức ăn dở để là xúc não ta, khiến ta khi ăn cảm thấy cực khổ. Ta phải làm sao gây bất lợi cho y mới được?”

Tỳ-kheo Từ Địa có một cô em gái là Tỳ-kheo-ni tên Mật-đa-la đang ở trong chúng Tỳ-kheo-ni nơi vườn nhà vua thuộc thành Vương Xá. Tỳ-kheo-ni Mật-đa-la đi đến chỗ Tỳ-kheo Từ Địa, cúi đầu lễ chân Từ Địa rồi đứng một bên. Tỳ-kheo Từ Địa không nhìn đến cũng không mở lời.

Tỳ-kheo-ni Mật-đa-la nói với Tỳ-kheo Từ Địa: “A-lê vì sao không ngó ngang và chẳng nói chuyện với tôi?”

Tỳ-kheo Từ Địa nói: “Tỳ-kheo Đà-phiêu Ma-la Từ nhiều lần đem thức ăn thô dở để làm xúc não tôi, khiến tôi khi ăn cảm thấy cực khổ. Còn cô thì cứ bỏ mặc tôi”.

Tỳ-kheo-ni nói: “Làm gì bây giờ?”

Tỳ-kheo Từ Địa nói: “Cô hãy đến Thế Tôn bạch như vậy: ‘Bạch Thế Tôn, Tỳ-kheo Đà-phiêu Ma-la Từ là kẻ phi pháp, không ra gì, đã cùng con làm điều trái phạm, phạm tội Ba-la-di’. Tôi sẽ làm chứng và nói: ‘Bạch Thế Tôn, đúng như lời em gái con đã nói’”.

Tỳ-kheo-ni nói: “A-lê, làm sao tôi lại đem tội Ba-la-di để vu báng cho Tỳ-kheo phạm hạnh?”

Tỳ-kheo Từ Địa bảo: “Nếu cô không làm như thế, tôi và cô từ nay chấm dứt tình anh em. Cô đừng lui tới đây để chuyện trò, thăm hỏi nhau nữa”.

Tỳ-kheo-ni im lặng một hồi, suy nghĩ rồi nói: “A-lê khiến tôi làm như thế, tôi sẽ vâng theo lời dạy”.

Tỳ-kheo Từ Địa bảo: “Cô hãy đợi tôi đi đến Thê Tôn trước, cô sẽ đi theo sau”.

Tỳ-kheo Từ Địa đi đến chỗ Phật, cúi đầu đánh lễ rồi lui đứng một bên. Tỳ-kheo-ni Mật-đa-la đi theo sau, đánh lễ Phật rồi lui ngồi một bên, bạch Phật:

“Bạch Thê Tôn, một việc không đẹp thay! Thật phi lý thay! Đà-phiêu Ma-la Tử đã làm điều phi phạm hạnh với con, phạm tội Ba-la-di!”

Tỳ-kheo Từ Địa lại bạch Phật: “Như lời nói của em gái con, trước đây con đã biết”....¹⁸⁰

110. Tỳ-kheo-ni

(No. 1198~1207).

180. Linh Sơn Pháp Bảo Đại Tạng Kinh Tập VI, Bộ A Hàm VI, Kinh Tập A Hàm Số 2, Tập A Hàm Quyển 38, Kinh 1.075, Hội Văn hóa Giáo dục Linh Sơn Đài Bắc, Taiwan, 2000, trang 840~842.

111. Tỷ-kheo-ni lỏa thể gọi dục A Nan

(No. 564). Lúc ấy, Tôn giả A-nan liền vì Tỷ-kheo-ni này nói pháp:

“Này cô, như cái thân này là do thức ăn uế tạp nuôi lớn, do kiêu mạn nuôi lớn, do ái nuôi lớn, do dâm dục nuôi lớn. Này cô, nương nơi thức ăn uế tạp thì nên dứt các thức ăn uế tạp. Nếu nương nơi kiêu mạn, thì nên dứt kiêu mạn. Nương nơi ái dục, hãy dứt ái dục.

“Này cô, thế nào gọi là nương nơi thức ăn uế tạp thì dứt thức ăn uế tạp? Thánh đệ tử đối với sự ăn uống, phải xét lường, suy nghĩ mà ăn, không ăn với ý tưởng đắm đuối lạc thú không ăn với ý tưởng kiêu mạn, không ăn với ý tưởng trau chuốt, không ăn với ý tưởng làm đẹp, mà chỉ vì duy trì thân, chỉ vì nuôi sống, vì trị cái bệnh đói khát, vì nhiếp thọ phạm hạnh, vì muốn làm dứt các cảm thọ cũ, các cảm thọ mới chẳng phát sanh, nuôi lớn theo tập quán cao thượng; hoặc lục, hoặc lạc, hoặc xúc nên trụ như thế. Thí như khách buôn dùng dầu tô hay dầu nấu đặc để bôi xe, không có ý tưởng nhiếp trước, không có ý tưởng kiêu mạn, không có ý tưởng trau chuốt, không ý tưởng làm đẹp mà chỉ vì chuyên chở. Lại như người bị bệnh ghê bôi dầu không ý tưởng nhiếp trước hay ưa thích, không ý tưởng kiêu mạn, không có ý tưởng trau chuốt, không có ý tưởng làm đẹp mà vì lành bệnh ghê. Như thế, Thánh đệ tử xét lường mà ăn, không ăn với ý tưởng đắm đuối lạc thú, không ăn với ý tưởng kiêu

mạn, không ăn với ý tưởng trau chuốt, không ăn với ý tưởng làm đẹp mà chỉ vì duy trì thân, chỉ vì nuôi sống, vì trị cái bệnh đói khát, vì nhiếp thọ phạm hạnh, vì muốn làm dứt các cảm thọ cũ, các cảm thọ mới chẳng phát sanh, nuôi lớn theo tập quán cao thượng; hoặc lực, hoặc lạc, hoặc xúc, không lỗi lầm, trụ an ổn. Đây cô, đó gọi là nương thức ăn thì dứt ăn.

“Nương kiêu mạn thì dứt kiêu mạn. Thế nào là nương kiêu mạn thì dứt kiêu mạn? Thánh đệ tử nghe Tôn giả kia, hay đệ tử của Tôn giả kia, sạch hết các hữu lậu, tâm giải thoát vô lậu, tuệ giải thoát, ngay trong đời này tự biết tác chứng: ‘Ta, sự sanh đã dứt, phạm hạnh đã lập, việc cần làm đã xong, tự biết không còn tái sanh nữa’. Nghe rồi liền nghĩ rằng: ‘Thánh đệ tử kia hết sạch hữu lậu, tự biết không còn tái sanh nữa. Còn ta ngày nay, vì sao không hết hữu lậu, vì sao không tự biết không còn tái sanh nữa?’. Ngay lúc đó chắc chắn sẽ có thể dứt các hữu lậu, tự biết không còn tái sanh nữa. Đây cô, đó gọi là nương kiêu mạn thì dứt kiêu mạn.

“Đây cô, thế nào là nương ái thì dứt ái? Thánh đệ tử nghe Tôn giả kia, hay đệ tử của Tôn giả kia, hết sạch các pháp hữu lậu, tự biết không còn tái sanh nữa. Còn chúng ta sao chẳng hết hữu lậu, tự biết không còn tái sanh nữa. Ngay lúc ấy có thể dứt các hữu lậu tự biết không còn tái sanh nữa. Đây cô, đó gọi là nương ái thì ái dứt. Đây cô, người không còn việc để làm, tức là người đã cắt đứt cầu đồ, đoạn tuyệt dâm dục”.

Khi Tôn giả A-nan nói pháp, Tỳ-kheo-ni xa lia trần cấu, được pháp nhãn thanh tịnh. Tỳ-kheo-ni ấy thấy pháp đặc pháp, giác pháp, nhập pháp, không còn hồ nghi, chẳng do người khác, đối với Chánh pháp luật tâm không sợ hãi.

Tỳ-kheo-ni đến đánh lễ dưới chân Tôn giả A-nan và thưa: “Ngày nay con xin phát lồ sám hối. Con ngu si, không tốt, làm ra chuyện xấu xa như thế. Nay ở nơi Tôn giả A-nan, con tự thấy lỗi lầm, tự biết lỗi, con xin phát lồ sám hối, mong Tôn giả thương xót”.

Tôn giả A-nan bảo Tỳ-kheo-ni: “Bây giờ cô đã chân thật tự thấy tội, biết lỗi, ngu si, bất thiện. Cô tự biết đã tạo tội xấu xa. Cô tự biết, tự thấy và ăn năn lỗi lầm, ở đời vị lai sẽ được đầy đủ giới. Nay tôi nhận sự sám hối của cô, vì thương xót muốn khiến cô được tăng trưởng pháp lành trọn không thoái giảm. Vì sao? Vì nếu người tự thấy tội, tự biết tội, luôn sám hối thì ở đời vị lai sẽ được đầy đủ giới, pháp lành tăng trưởng, trọn không thoái giảm”¹⁸¹.

112. Hương bay ngược gió

(No. 1073).Phật bảo Tôn giả A-nan: “Đúng thế! Đúng thế! Có ba loại mùi hương chỉ bay theo chiều gió,

181. Linh Sơn Pháp Bảo Đại Tạng Kinh Tập VI, Bộ A Hàm VI, Kinh Tập A Hàm Số 2, Tập A Hàm Quyển 21, Kinh 564, Hội Văn hóa Giáo dục Linh Sơn Đài Bắc, Taiwan, 2000, trang 196-198.

không thể bay theo ngược gió. Đó là hương thơm rễ cây, hương thơm của cây, hương thơm của hoa. Nay A-nan, cũng có mùi hương bay theo chiều gió, bay theo ngược gió và cũng bay theo thuận gió ngược gió. Nay A-nan, hương bay theo chiều gió, bay theo ngược gió và cũng bay theo thuận gió ngược gió, đó là: Có thiện nam tử hay người thiện nữ nào sống ở thành ấp, tụ lạc, thành tựu pháp chân thật, suốt đời không sát sanh, không trộm cướp, không tà dâm, không vọng ngữ, không uống rượu. Người thiện nam, người thiện nữ như vậy đều được người lành trong tám phương, cùng phương trên, phương dưới, thấy đều tán thán rằng: ‘Ồ phương kia, làng kia, có người thiện nam, người thiện nữ trì giới thanh tịnh, thành tựu pháp chân thật, suốt đời không sát sanh... *cho đến* không uống rượu’. Nay A-nan, đây gọi là thứ hương hoa bay theo chiều gió, bay theo ngược chiều gió và cũng bay theo thuận gió ngược gió”¹⁸².

113. Bốn hạng người

(No. 1146). “Thế nào, bạch Thế Tôn, Bà-la-môn chết rồi có sanh trở lại dòng Bà-la-môn hay sanh vào nhà Sát-lợi, Tỳ-xá, Thủ-đà-la?”

182. Linh Sơn Pháp Bảo Đại Tạng Kinh Tập VI, Bộ A Hàm VI, Kinh Tập A Hàm Số 2, Tập A Hàm Quyển 38, Kinh 1.073, Hội Văn hóa Giáo dục Linh Sơn Đài Bắc, Taiwan, 2000, trang 836.

Phật nói: “Này Đại vương, sao được như vậy! Đại vương nên biết, có bốn loại người. Những gì là bốn? Có một loại người từ tối vào tối có một loại người từ tối vào sáng; có một loại người từ sáng vào tối và có một loại người từ sáng vào sáng.

“Đại vương, thế nào là loại người từ tối vào tối? Có người sanh vào nhà thuộc dòng thấp hèn như sanh vào nhà Chiên-đà-la, nhà người săn bắn, bắt cá, làm đồ tre, nhà người kéo xe và những nhà làm nghề nghiệp công xảo hạ tiện khác; bản cùng, đoản mạng, hình thể tiêu tụy mà lại tu hành theo nghiệp thấp kém, cũng lại bị người hạ tiện sai khiến. Đó gọi là tối. Ở trong chỗ tối này, thân lại làm việc ác, miệng nói lời ác, ý nghĩ điều ác. Vì những lý do này, khi thân hoại mạng chung, sẽ sanh vào đường ác, rơi vào trong địa ngục. Giống như người từ tối vào tối, từ nhà xí vào nhà xí, lấy máu rửa máu bỏ ác lấy ác. Người từ tối vào tối cũng lại như vậy, cho nên gọi là từ tối vào tối.

“Thế nào là từ tối vào sáng? Người sanh vào nhà thấp hèn cho đến bị người sai làm những điều hèn hạ. Đó gọi là tối. Nhưng người ở trong tối này, thân làm việc lành, miệng nói lời lành, ý nghĩ điều lành; vì những lý do này, khi thân hoại mạng chung, người ấy sanh vào đường lành, được hóa sanh cõi trời. Thí như người lên giường, cởi ngựa, từ ngựa tiến lên voi; từ tối vào sáng cũng lại như vậy. Đó gọi là người từ tối vào sáng.

“Thế nào là người từ sáng vào tối? Có người đòi sanh vào gia đình giàu sang khoái lạc như nhà dòng lớn Sát-đế-lợi, dòng lớn Bà-la-môn, nhà dòng lớn Trưởng giả, cùng sanh vào những gia đình giàu có khoái lạc khác, có nhiều tiền bạc, của cải, nô tỳ, người sai khiến, nhóm họp nhiều người thân quen, thân thể đoan chánh, thông minh trí tuệ. Đó gọi là sáng. Ở trong chỗ sáng này, thân làm điều ác, miệng nói lời ác, ý nghĩ điều ác. Vì lý do này, khi thân hoại mạng chung, sanh vào đường ác, rơi vào trong địa ngục. Giống như có người từ lầu cao, xuống cưỡi voi lớn, xuống voi lớn cưỡi ngựa, xuống ngựa đi xe, xuống xe ngồi giường, xuống giường đi đất, từ đất rơi xuống hầm hố. Người từ sáng vào tối lại cũng như vậy.

“Thế nào là có người từ sáng vào sáng? Có người sanh vào nhà giàu sang vui vẻ,... *cho đến* hình tướng đoan nghiêm. Đây gọi là sáng. Ở trong chỗ sáng này, thân làm việc lành, miệng nói lời lành, ý nghĩ điều lành. Vì lý do này, khi thân hoại mạng chung, sanh lên đường lành, được hóa thân cõi trời. Giống như có người từ lầu quán đến lầu quán;... *cho đến* từ giường đến giường; người từ sáng vào sáng cũng lại như vậy. Đó gọi là từ sáng vào sáng”¹⁸³.

183. Linh Sơn Pháp Bảo Đại Tạng Kinh Tập VI, Bộ A Hàm VI, Kinh Tập A Hàm Số 2, Tập A Hàm Quyền 42, Kinh 1.146, Hội Văn hóa Giáo dục Linh Sơn Đài Bắc, Taiwan, 2000, trang 960-961.

114. 3 hạng người con

(No. 874). Có ba loại con. Những gì là ba? Con tùy sanh, con thắng sanh, con hạ sanh.

“Thế nào là con tùy sanh? Cha mẹ của con không sát hại, không trộm cắp, không tà dâm, không nói dối, không uống rượu thì con cũng học theo không sát hại, không trộm cắp, không tà dâm, không nói dối, không uống rượu. Đó gọi là con tùy sanh.

“Thế nào là con thắng sanh? Cha mẹ của con không thọ giới không sát hại, không trộm cắp, không tà dâm không nói dối, không uống rượu nhưng con lại lãnh thọ giới không sát hại, không trộm cắp, không tà dâm, không nói dối, không uống rượu. Đó gọi là người con thắng sanh.

“Thế nào là con hạ sanh? Cha mẹ của con chịu lãnh thọ giới không sát hại, không trộm cắp, không tà dâm, không nói dối, không uống rượu; nhưng con lại không lãnh thọ giới không sát hại, không trộm cắp, không tà dâm, không nói dối, không uống rượu. Đó gọi là con hạ sanh”¹⁸⁴.

184. Linh Sơn Pháp Bảo Đại Tạng Kinh Tập VI, Bộ A Hàm VI, Kinh Tập A Hàm Số 2, Tập A Hàm Quyển 31, Kinh 874, Hội Văn hóa Giáo dục Linh Sơn Đài Bắc, Taiwan, 2000, trang 553.

115. Trưởng giả Cấp-cô-độc

(No. 592). Một thời, Phật ở tại vườn Cấp-cô-độc, rừng cây Kỳ-đà nước Xá-vệ. Bấy giờ trưởng giả Cấp-cô-độc có chút việc đến thành Vương Xá, ngủ đêm lại ở một nhà trưởng giả nọ. Ban đêm, nghe thấy gia chủ bảo với vợ con, tôi tớ, người giúp việc rằng: “Các người nên thức dậy, sửa soạn củi lửa, nấu cơm làm bánh, sửa soạn thức ăn ngon và trang hoàng nhà cửa”.

Trưởng giả Cấp-cô-độc nghe vậy nghĩ thầm: ‘Người gia chủ này hôm nay làm gì đây? Hoặ là gả con gái, hay là cưới vợ cho con, hay là mời khách vua, quan?’ Suy nghĩ xong, liền hỏi gia chủ: “Ông làm gì? Có phải là gả con gái, hay cưới dâu hoặ mời khách vua quan?”

Gia chủ này trả lời ông Cấp-cô-độc: “Tôi không gả con, không cưới dâu, không mời khách vua quan gì cả, mà chỉ muốn thỉnh Phật và Tỳ-kheo Tăng để cúng dường”.

Chưa bao giờ trưởng giả Cấp-cô-độc nghe danh tự Phật, mà nay được nghe lòng hết sức vui mừng, toàn thân rợn chân lông, vui mừng hỏi gia chủ kia: “Thế nào gọi là Phật?”

Gia chủ đáp: “Có Sa-môn Cù-đàm thuộc dòng Thích-ca, trong dòng họ Thích, cạo bỏ râu tóc, mặc áo ca-sa, chánh tín, không nhà, xuất gia học đạo, đắc Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác. Đó gọi là Phật”.

Trưởng giả Cấp-cô-độc hỏi: “Thế nào gọi là Tăng?”

Gia chủ kia đáp: “Nếu người thuộc dòng Bà-la-môn, cạo bỏ râu tóc, mặc áo cà-sa, chánh tín, không nhà, theo Phật xuất gia hoặc người thuộc dòng Sát-lợi, Tỳ-xá, Thủ-đà-la những thiện nam này cạo bỏ râu tóc, mặc áo cà-sa, chánh tín, không nhà, theo Phật xuất gia. Đó gọi là Tăng. Hôm nay tôi thỉnh Phật và hiện tiền Tăng thiết lễ cúng dường”.

Trưởng giả Cấp-cô-độc hỏi gia chủ kia: “Hôm nay tôi có thể đến gặp Thế Tôn được không?”

Gia chủ kia đáp: “Ông cứ ở đây. Tôi thỉnh Thế Tôn đến nhà tôi, ở đây ông sẽ gặp Ngài”.

Bấy giờ, trưởng giả Cấp-cô-độc suốt đêm hôm ấy hết lòng nghĩ đến Phật được ngủ một giấc ngon. Trời vẫn chưa sáng, bỗng thấy tướng sáng, tướng đầu trời đã sáng, bèn đi ra khỏi nhà, đi về phía cửa thành. Đến dưới cửa thành, đêm mới canh hai, cửa thành chưa mở. Theo thường pháp của vua phải đợi lệnh mới cho đi lại. Hết canh một, cửa thành mới đóng. Đến cuối giữa đêm mới lại mở cửa cho người đi lại sớm. Khi trưởng giả Cấp-cô-độc thấy cửa thành mở, nghĩ thầm: ‘Đúng là qua đêm, trời sáng, cửa mở, theo tướng sáng ra khỏi thành’.

Đến khi ông ra khỏi cửa thành rồi tướng sáng liền tắt, bỗng trở lại tối tăm. Trưởng giả Cấp-cô-độc cảm thấy trong lòng sợ hãi, toàn thân lông dựng đứng. “Có lẽ bị

người lạ hay ma quỷ, hoặc kẻ gian làm cho ta sợ hãi đây?” Ông vội vàng muốn trở về. Bấy giờ, bên cửa thành có Thiên thần đang cư ngụ, thân tỏa ánh sáng từ cửa thành kia đến nghĩa địa Hàn lâm, ánh sáng chiếu khắp, Thiên thần bảo trưởng giả Cấp-cô-độc: “Ông hãy đi tới, có thể được lợi ích tốt đẹp, đừng trở lui”....

Trưởng giả Cấp-cô-độc hỏi Thiên thần: “Hiền giả! Hiền giả là ai?”

Thiên thần đáp: “Tôi là Ma-đầu-tức-kiện-đại ma-na-bà, trước đây là người quen của trưởng giả, đối với Tôn giả Xá-lợi-phất, Đại Mục-kiền-liên tôi khởi lòng tin kính, do công đức này được sanh cõi trời, trấn giữ cả thành này. Thế nên tôi bảo trưởng giả chỉ nên đi tới trước, chớ có trở lui cứ đi tới trước sẽ được lợi ích lớn, đừng trở về”.

Trưởng giả Cấp-cô-độc suy nghĩ: “Đức Phật xuất hiện ở thế gian chẳng phải là việc nhỏ. Được nghe Chánh pháp chẳng phải là chuyện nhỏ. Bởi thế Thiên thần khuyên ta nên đi tới gặp Phật”.

Bấy giờ trưởng giả Cấp-cô-độc theo ánh sáng kia, đi qua nghĩa địa Hàn lâm. Bấy giờ, Thế Tôn ra khỏi phòng, đi kinh hành nơi đất trống, trưởng giả từ xa trông thấy Phật rồi, liền tiến tới trước, theo pháp của thế gian cung kính thăm hỏi: “Bạch Thế Tôn, Ngài có được an ổn?”

Thế Tôn nói kệ:

Bà-la-môn, Niết-bàn,
 Là luôn luôn an vui,
 Chẳng đắm nhiễm ái dục,
 Đã vĩnh viễn giải thoát,
 Dứt tất cả mong cầu,
 Điều phục tâm hừng hẫy,
 Tâm được lặng, dừng bật,
 Tâm lặng, ngủ an ổn.

Thế Tôn dẫn trưởng giả Cấp-cô-độc vào trong phòng, ngồi trên chỗ ngồi, thân ngay thẳng hệ niệm. Khi ấy Thế Tôn vì trưởng giả thuyết pháp, chỉ dạy, soi sáng làm cho vui mừng. Xong rồi, Thế Tôn nói về các pháp vô thường, khuyên làm việc phước bố thí, trì giới, làm việc phước để sanh về cõi trời, vị ngọt của dục, tai hại của dục và sự xuất ly dục. Trưởng giả nghe pháp, thấy pháp, đắc pháp, thâm nhập pháp, hiểu rõ pháp, dứt hết mọi nghi hoặc, chẳng phải do người khác, được tin, chẳng phải do người khác được độ, vào Chánh pháp luật, tâm được vô úy, liền từ chỗ ngồi đứng lên, sửa lại y phục đánh lễ Phật, gói phải sát đất, chấp tay bạch Phật:

“Bạch Thế Tôn, con đã được độ! Bạch Thiện Thệ, con đã được độ. Từ nay đến suốt đời con quy y Phật, quy y Pháp, quy y Tăng, được làm Ưu-bà-tắc, xin chứng tri cho con!”

Thế Tôn hỏi trưởng giả Cấp-cô-độc: “Ông tên là gì?”

Trưởng giả bạch Phật: “Con tên là Tu-đạt-đa. Vì con thường hay giúp đỡ cho người cô độc khốn khổ nên người đương thời gọi con là Cấp-cô-độc”.

Thế Tôn lại hỏi: “Ông ở đâu?”

Trưởng giả bạch Phật: “Bạch Thế Tôn, con ở tại xứ Câu-tát-la, thành Xá-vệ. Xin Thế Tôn đến nước Xá-vệ. Con sẽ suốt đời cúng dường y phục, thức ăn, phòng xá, giường nằm và thuốc men tùy bệnh”.

Phật hỏi trưởng giả: “Nước Xá-vệ có tinh xá không?”

Trưởng giả bạch Phật: “Thưa không”.

Phật bảo trưởng giả: “Ông hãy ở nơi ấy kiến lập tinh xá để các Tỳ-kheo lui tới tạm trú”.

Trưởng giả bạch Phật: “Con chỉ mong Thế Tôn đến nước Xá-vệ, con sẽ cất tinh xá, Tăng phòng để các Tỳ-kheo lui tới dừng nghỉ”¹⁸⁵.

116. Vua Ba Tư Nặc

(No. 1226~1240).

185. Linh Sơn Pháp Bảo Đại Tạng Kinh Tập VI, Bộ A Hàm VI, Kinh Tạp A Hàm Số 2, Tạp A Hàm Quyển 22, Kinh 592, Hội Văn hóa Giáo dục Linh Sơn Đài Bắc, Taiwan, 2000, trang 241~245.

117. Nhà vua A Dục

(No. 641). “Đôi trong pháp của Như Lai, ai là người thực hành bố thí nhất?”

Các Tỳ-kheo trả lời vua rằng: “Trưởng giả Cấp-cô-độc là người thực hành đại bố thí nhất”.

Vua lại hỏi: “Ông bố thí bao nhiêu vật báu?”

Tỳ-kheo đáp: “Có đến ức ngàn vàng”.

Vua nghe vậy, suy nghĩ như vậy: ‘Gia chủ kia còn có thể bỏ ra ức ngàn vàng. Nay ta là vua, vì lý do gì cũng lại bỏ ức ngàn vàng ra bố thí? Nên bỏ ra ức trăm ngàn vàng bố thí’.

Bấy giờ, vua cho khởi công xây dựng tám vạn bốn ngàn tháp Phật và trong mỗi tháp này lại bỏ ra ngàn trăm vàng để cúng. Lại cứ năm năm tổ chức đại hội một lần. Mỗi hội có ba trăm ngàn vị Tỳ-kheo. Dùng ba trăm ức vàng cúng dường vào trong chúng Tăng đó. Phần thứ nhất là A-la-hán. Phần thứ hai là những vị hữu học. Phần thứ ba là những phàm phu chân thật. Trừ kho tàng riêng ra, vật gì ở Diêm-phù-đề này; gồm phu nhân, thê nữ, thái tử, đại thần, đều có thể đem cúng dường cho Thánh tăng, rồi dùng bốn mươi ức tiền vàng chuộc chúng trở lại. Như vậy mà tính toán cho đến dùng hết chín mươi sáu ức ngàn tiền vàng¹⁸⁶.

186. Linh Sơn Pháp Bảo Đại Tạng Kinh Tập VI, Bộ A Hàm VI, Kinh Tập A Hàm Số 2, Tập A Hàm Quyển 25, Kinh 641, Hội Văn hóa Giáo dục Linh Sơn Đài Bắc, Taiwan, 2000, trang 347~348.

(No. 604). Bấy giờ, Đức Phật thuận theo thành ấp mà đi. Lúc đó có hai em bé, một đẳng cấp thượng và một đẳng cấp thứ, cùng nhau vọc cát chơi đùa; một tên Xà-da, một tên Tỳ-xà-da. Từ xa trông thấy Thế Tôn đầy đủ ba mươi hai tướng bậc Đại nhân trang nghiêm thân, đồng tử Xà-da nghĩ thầm: “Mình đem bột này cúng dường.” Rồi tay nắm một nắm cát mịn bỏ vào bát Thế Tôn. Khi ấy, Tỳ-xà-da chấp tay tùy hỷ...,

Bấy giờ, em bé kia phát nguyện rằng: “Nhờ căn lành của công đức huệ thí này, mong con được làm một vị Tản cái vương của một thiên hạ, ngay đời này được cúng dường chư Phật”...

Xà-da nhờ căn lành này được làm vua, vua xứ Diêm-phù-đề cho đến thành Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác. Cho nên, Thế Tôn mỉm cười. A-nan thấy Phật mỉm cười, liền chấp tay hướng về Phật, bạch Phật:

“Bạch Thế Tôn, chư Phật Thế Tôn, Vô Thượng Chánh Đẳng Chánh Giác chẳng phải không nhân duyên gì mà mỉm cười”...

“Đúng thế! Đúng thế! Như lời người nói. Chư Phật không có nhân duyên chẳng mỉm cười. Hôm nay Ta cười là vì có nhân duyên”.

“A-nan nên biết, sau khi Ta diệt độ một trăm năm, đồng tử này sẽ ở tại ấp Ba-liên-phát thống lãnh một phương, làm Chuyển luân vương, họ Không Tước, tên A-

dục, đem chánh pháp cai trị, giáo hóa nhân dân và lại còn phân bố rộng rãi xá-lợi của Ta, sẽ xây dựng tám muôn bốn ngàn tháp Pháp vương đem lại sự an vui cho vô lượng chúng sanh”.

“A-nan! Hãy lấy nắm cát được bỏ thí trong bát đổ ra nơi chỗ Như Lai kinh hành. Ta sẽ đi nơi đó”.

A-nan vâng lời Phật dạy, liền lấy cát trong bát Phật rải trên chỗ kinh hành.

Đức Phật dạy: A-nan nên biết, sau này tại thành ấp Ba-liên-phất có vua hiệu là Nguyệt Hộ. Vị vua ấy sẽ sanh con tên là Tần-đầu-sa-la, cai trị nước đó. Vua lại có một người con nữa tên là Tu-sur-ma. Thời bấy giờ, nước Chiêm-bà có một thiếu nữ Bà-la-môn rất đẹp, khiến người ưa thích, nàng là trân bảo của đất nước. Các nhà tướng số xem tướng thiếu nữ này đều đoán rằng: ‘Nàng sẽ là vương phi và sẽ sanh ra hai người con. Một người sẽ thống lãnh thiên hạ và một người sẽ xuất gia học đạo, thành tựu Thánh đạo’. Người Bà-la-môn nghe tướng sư nói vậy vui mừng vô hạn, liền đưa con gái của ông ta đến ấp Ba-liên-phất, sắm sửa trang điểm cho cô gái thật xinh đẹp. Ông muốn đem gả cho vương tử Tu-sur-ma. Tướng sư bảo: ‘Nên gả cho Tần-đầu-sa-la vương. Cô này sẽ sanh con phước đức. Đứa con sẽ nối cơ nghiệp của nhà vua’. Bà-la-môn đem con gái gả cho nhà vua này. Vua thấy thiếu nữ đoan chánh, có đức hạnh, bèn phong làm phu nhân. Những bà phu nhân trước và các thế nữ thấy phu nhân này đi đến liền nghĩ rằng: ‘Thiếu nữ này quá

đoan chánh, là trân bảo của đất nước. Nếu nhà vua say đắm nàng, nhà vua sẽ bỏ chúng ta, cho đến mắt không nhìn tới nữa'. Phu nhân và các cung phi bắt thiếu nữ ấy học nghề thợ cạo. Sau khi học xong, nàng lo việc cắt tỉa râu tóc cho vua. Khi cắt râu tóc, nhà vua rất hoan hỷ, bèn hỏi cô gái: “Cô ước mơ điều gì?”

Thiếu nữ tâu: “Tôi chỉ mong được vua để tâm, thương yêu nghĩ đến”.

Nàng nói như vậy ba lần.

Lúc ấy vua bảo: “Ta là vua Quán đánh dòng Sát-lợi. Còn nàng là thợ cạo. Làm sao ta có thể thương tưởng nàng được?”

Thiếu nữ tâu: “Tôi chẳng phải là con dòng hạ tiện. Tôi con gái của dòng họ cao quý Bà-la-môn. Các tướng sư nói với cha tôi rằng: ‘Cô gái này nên gả cho Quốc vương’. Vì thế nên tôi mới đến đây”.

Vua lại hỏi: “Nếu như thế, ai khiến nàng học tập cái nghề hèn mọn này?”

Thiếu nữ đáp: “Phu nhân trước và các thế nữ bắt tôi phải học nghề này”.

Nhà vua liền ra lệnh: “Từ nay về sau, nàng chớ làm nghề hạ tiện này nữa”.

Vua liền lập nàng làm Đệ nhất phu nhân. Nhà vua cùng nàng thụ hưởng dục lạc. Chẳng bao lâu nàng mang

thai. Đầy tháng thì sanh con. Lúc sanh nở an ổn, mẹ không ưu não. Qua bảy ngày đặt tên là Vô Ưu Rồi lại sanh thêm một người nữa đặt tên là Ly Ưu Vô Ưu có thân thể thô nhám, vua cha không muốn đến gần bồng bế, không có tình quyến luyến. Nhà vua lại muốn thử hai người con, nên gọi Bà-la-môn Tân-già-la-a bảo rằng: “Hòa thượng xem giùm hai đứa con của ta. Sau khi ta từ trần, ai sẽ làm vua?”

Ba-la-môn đáp: “Xin đem các thái tử này ra khỏi thành, đến lầu Kim điện trong công viên. Ở nơi đó, tôi sẽ xem tướng”.

Bèn ra khỏi thành, đến khu vườn ấy. Trong khi ấy, mẹ vua A-dục nói với A-dục: “Con hãy theo vua cha ra nơi dinh thự trong vườn Kim điện xem tướng các vương tử, sau khi nhà vua mất rồi ai sẽ làm vua? Sao con không đi?”

A-dục đáp: “Vua cha chẳng nghĩ gì đến con và cũng chẳng vui khi thấy con”.

Bà mẹ lại bảo: “Con chỉ đến nơi ấy thôi”.

A-dục thưa: “Mẹ dạy con đi thì con vâng theo. Xin mẹ đưa đồ ăn uống đến cho con”. Mẹ đáp: “Được. Con hãy ra khỏi thành đi”.

A-dục đi ra khỏi thành. Lúc ra cửa, gặp một vị đại thần tên là A-nậu-la-đà. Vị quan này hỏi A-dục: “Vương tử đi đâu thế?”

A-dục đáp: “Tôi nghe Đại vương ra ngoài thành, ở trong vườn Kim điện xem tướng các vương tử, để sau khi vua băng hà, ai sẽ làm vua. Bây giờ, tôi đi đến nơi ấy”.

Nhà vua đã ra lệnh cho các đại thần: “Nếu A-dục đến thì phải khiến cưới con voi già chậm lụt mà đến và thêm người già làm tùy tùng”.

A-dục cưới voi già đến trong viên quán và ngồi dưới đất, giữa các vương tử. Bây giờ, các vương tử soạn thức ăn uống. Mẹ của A-dục lấy chén nung đựng đầy sữa và cơm trao cho A-dục. Trong lúc các vương tử ăn uống như thế, vua cha hỏi thầy tướng: “Trong đây ai có tướng vua, sẽ kế vị ta được?”

Thầy tướng nhìn kỹ các vương tử, thấy A-dục đầy đủ tướng vua, sẽ được kế vị. Nhưng lại nghĩ thầm: ‘Nhà vua không hài lòng về vương tử A-dục này. Nếu ta nói:

A-dục sẽ làm vua, chắc chắn Đại vương không vui’. Ông liền nói rằng: “Bây giờ tôi xin ghi nhận chung chung”.

Vua nói lại: “Cứ theo lời sư chỉ”.

Thầy tướng nói: “Trong đây người nào cưới cỗ xe đẹp nhất thì người ấy sẽ làm vua”.

Các vương tử nghe nói như thế, mỗi người đều nghĩ rằng: ‘Cỗ xe của mình đẹp nhất’. Lúc ấy A-dục nói: “Tôi cưới con voi già, tôi được làm vua”.

Vua lại bảo thầy tướng: “Xin xem lại rồi xác nhận”.

Thầy tướng lại đáp: “Trong đây người nào có chỗ ngồi bậc nhất, người ấy sẽ làm vua”.

Các vương tử cùng bảo nhau. “Chỗ ta ngồi là bậc nhất”.

A-dục nói: “Nay tôi ngồi dưới đất, là chỗ ngồi bậc nhất, tôi sẽ làm vua”.

Vua lại bảo thầy tướng: “Hãy xem lại một lần nữa”.

Thầy tướng lại bảo rằng: “Trong đây vị nào có chén bát và thức ăn quý giá hơn hết, thì người ấy sẽ làm vua”.

Chi tiết, cho đến, A-dục nghĩ thầm: ‘Ta có cỗ xe tốt nhất; chỗ ngồi bậc nhất và thức ăn ngon nhất’.

Nhà vua xem tướng các con xong rồi, trở về cung. Mẹ của A-dục hỏi A-dục: “Bà-la-môn tiên đoán người nào sẽ làm vua?”

A-dục thưa mẹ: “Người có cỗ xe tốt nhất, người có chỗ ngồi bậc nhất và đồ dùng quý nhất, thức ăn ngon nhất, người ấy sẽ làm vua. Con tự thấy con sẽ làm vua. Vì con cưới con voi già, ngồi dưới đất, chén bát thuần khiết đựng đầy thức ăn như cơm gạo khô trộn sữa”.

Bà-la-môn biết A-dục sẽ làm vua nên tỏ vẻ cung kính mẹ của A-dục. Mẹ của A-dục cũng ban thưởng trọng hậu cho Bà-la-môn và tiện dịp hỏi: “Sau khi Đại vương từ trần ai sẽ làm vua?”

Thầy tướng đáp: “Điều này không thể nói được”.

Bà hỏi mãi ba lần ông mới đáp: “Tôi sẽ nói nhưng lệnh bà hãy cẩn thận, chớ cho ai biết. Lệnh bà sanh được người con này là A-dục. Chính người này sẽ làm vua vậy”.

Phu nhân bảo rằng: “Tôi nghe lời nói này hết sức vui mừng. Nếu nhà vua nghe được, đối với thầy tướng vua sẽ không còn tin kính nữa. Vậy thầy nên trở về chốn cũ. Nếu con tôi làm vua thì thầy cũng sẽ được tất cả những điều tốt đẹp. Tôi sẽ cúng dường suốt đời”.

Lúc ấy nước láng giềng Đức-xoa-thi-la làm phản, vua Tần-đâu-la bảo A-dục: “Con hãy đem bốn binh chủng đi bình phạt nước kia”.

Khi vương tử ra đi, chẳng cho binh giáp. Bảy giờ, người đi theo thưa với vương tử:

“Nay đi bình phạt nước kia, nhưng không có quân cụ, thì làm sao dẹp yên được?”

A-dục nói: “Nếu ta sẽ làm vua thì do phước báu của căn lành, binh giáp tự nhiên đến”.

Ứng theo tiếng nói của A-dục, mặt đất liền nứt ra, binh giáp từ đất hiện ra. A-dục bèn đem bốn thứ quân binh đến bình phạt nước ấy.

Nhân dân các nước kia nghe A-dục đến liền sửa sang đường sá, trang nghiêm thành quách, mang binh quý

đựng nước và các thức cúng dường, đón tiếp kính dâng vương tử và nói rằng: “Chúng tôi không phẫn Đại vương và vương tử A-dục. Nhưng bọn quan lại làm hại chúng tôi, nên chúng tôi mới trái nghịch với Thánh hóa”.

Nhân dân đem các thức cúng dường vương tử; rước vương tử vào thành. Sau khi bình định nước này rồi, lại sai đi chinh phạt nước Khur-sa.

Đương thời có hai vị đại lực sĩ giúp vua sửa sang đường sá, dời các đá núi. Lại có chư Thiên đến tuyên lệnh cho nước này rằng: ‘A-dục sẽ làm vua thiên hạ này. Các người chớ nên khởi ý chống đối’. Quốc vương kia bèn quy hàng. Như thế, chi tiết cho đến, bình định thiên hạ này cho đến bờ biển.

Một hôm vương tử Tu-sur-ma ra ngoài thành dạo chơi, lại gặp một vị đại thần. Vị đại thần này không chào vương tử theo nghi lễ. Vương tử liền sai người đánh đập đại thần. Đại thần nghĩ rằng: ‘Vương tử này chưa được ngôi vua, mà cách xử sự như thế. Nếu được làm vua thì không thể nào chịu nổi’. Lại nghe A-dục được thiên hạ, chinh phục được năm trăm đại thần. Họ nói: ‘Chúng ta sẽ cùng nhau lập A-dục làm vua, thống lãnh thiên hạ này’.

Nước Đức-xoa-thi-la lại làm phản. Các quan cùng nhau luận bàn, đề nghị vương tử Tu-sur-ma đi dẹp loạn. Vua bằng lòng. Vương tử liền đi đến nước kia, nhưng không hàng phục được, vua cha lại bị bệnh nặng, bảo các quan:

“Nay ta muốn lập Tu-sur-ma làm vua. Hãy lệnh cho A-dục đến nước kia”.

Bấy giờ, các quan muốn lập A-dục lên làm vua. Họ lấy sắc vàng bôi lên thân thể, mặt mày và tay chân của A-dục. Rồi các quan tâu với vua: “Vương tử A-dục nay đang bệnh nặng”.

Các quan trang nghiêm cho A-dục tề chỉnh rồi dẫn đến chỗ vua: “Nay nên lập người con này làm vua. Chúng tôi từ từ sẽ lập Tu-sur-ma làm vua sau”.

Vua nghe những lời này không vui; lo lắng, buồn bực, im lặng không đáp.

Lúc ấy A-dục thầm suy nghĩ: ‘Nếu ta xứng đáng làm được ngôi vua, chư Thiên sẽ đến rưới nước trên đỉnh đầu ta, lấy lụa trắng quấn trên đầu’.

Nói vừa dứt, chư Thiên lấy nước rưới trên đỉnh đầu A-dục và lấy lụa trắng quấn lên đầu. Vua cha trông thấy cảnh tượng ấy thì vô cùng buồn bã, liền từ trần. A-dục lo việc tang lễ cho vua cha đúng theo nghi thức vương triều. A-dục kế vị xong, phong A-nậu-lâu-đà làm đại thần.

Trong khi ấy, vương tử Tu-sur-ma nghe vua cha băng hà, nay lại lập A-dục lên làm vua, sanh lòng bất bình, tập hợp binh lính kéo về đánh lại A-dục. Trong bốn cổng thành của A-dục, hai cổng có đặt hai lực sĩ. Cổng thứ ba thì đặt một đại thần. Tự mình giữ cửa Đông.

Đại thần A-nậu-lâu-đà làm con voi máy bằng gỗ và đúc tượng A-dục. Tượng A-dục cỡi voi, đặt ở ngoài cửa Đông. Lại làm hầm lửa không khói, lấy vật phủ lên. Khi Tu-sur-ma đi đến, đại thần A-nậu-lâu-đà nói với Tu-sur-ma:

“Vương tử muốn làm vua, A-dục đang ở cửa Đông, đến đó đánh thắng được ông ấy, tự nhiên được làm vua”.

Vương tử Tu-sur-ma vội vàng đi thẳng đến cửa Đông, liền bị rơi xuống hầm lửa mà chết.

Bấy giờ, có một đại lực sĩ tên là Bạt-đà-la-do-đà nghe Tu-sur-ma đã chết, ông đâm ra chán đời, đem tất cả quyền thuộc vào trong Phật Pháp xuất gia học đạo, gắng sức tinh tấn, chẳng bao lâu sạch các lậu, thành A-la-hán.

Vua A-dục bằng chánh pháp trị hóa dân chúng. Bấy giờ bọn quần thần cậy vào thế đưa A-dục lên ngôi nên tỏ ra khinh mạn A-dục, không tuân hành nghi lễ vua tôi. Vua biết các quan khinh lời mình, bèn bảo bá quan:

“Các người hãy chặt cây hoa trái mà trồng gai góc.”

Các quan tâu: “Chúng tôi chưa từng thấy nghe đẹp bỏ hoa trái mà trồng gai góc, chỉ thấy đẹp bỏ gai góc mà trồng hoa trái”.

Cho đến, ba lần vua ra lệnh phải chặt bỏ, nhưng các quan cũng chẳng làm theo.

Bấy giờ, vua A-dục tức giận các quan đại thần, liền lấy gươm bén giết chết hết năm trăm đại thần. Lại có lúc

vua đem các thể nữ ra vườn ngoài chơi đùa. Vua thấy một gốc cây Vô ưu đang trổ đầy hoa. Nghĩ hoa này cùng tên với mình, trong lòng rất hoan hỷ. Vì vua có thân hình xấu xí, da dẻ sần sùi, nên các thể nữ không yêu mến. Họ chán ghét vua, nên dùng tay bẻ gãy hết cây Vô ưu. Nhà vua nghỉ, vừa thức giấc dậy, thấy cây Vô ưu trơ trọi, hoa thì nằm ngổn ngang trên đất. Vua nổi trận lôi đình, bắt các thể nữ trói lại và đốt chết hết. Vì vua làm điều bạo ác nên gọi là Bạo ác A-dục vương.

Lúc ấy đại thần A-nậu-lâu-đà tâu: “Vua không nên làm những điều đó. Sao lại tự tay giết các quan và thể nữ? Bây giờ, Đại vương nên lập ra một tên đao phủ. Ai có tội đáng chết thì giao cho người đó”.

Vua liền ra lệnh lập người đao phủ. Trong nước vua A-dục có hòn núi tên là Kỳ-lê, nơi đó có nhà người thợ dệt. Người này có một người con tên là Kỳ-lê, tánh tình rất hung ác, hay đánh đập, bắt trói các bé trai, bé gái và bắt các sanh vật trên đất cũng như dưới nước, cho đến ngỗ nghịch với cha mẹ. Vì thế người đời đồn đại là ‘Hung ác Kỳ-lê tử’. Bây giờ các sứ giả của vua đến nói với nó: “Người có thể vì vua làm đao phủ để chém những tội nhân không?”

Kỳ-lê đáp: “Tất cả những người có tội ở Diêm-phù-đề này tôi đều có thể trừ sạch, huống chi chỉ có một xứ này!”

Các sứ giả trở về tâu vua: “Người kia đã tìm được kẻ hung ác rồi”.

Vua ra lệnh: “Hãy đem hấn về đây”.

Các sứ giả đi gọi nó. Nó đáp: “Chờ một chút, để tôi từ giã cha mẹ trước đã”.

Nó nói đầy đủ những sự việc trên. Cha mẹ nó khuyên can: “Con chớ làm việc ấy!”

Cha mẹ can ngăn ba lần, hấn sanh tâm bất nhân, giết chết cha mẹ sau đó mới đi”.

Các sứ giả hỏi: “Sao lâu thế, không đến sớm?”

Tên hung ác ấy thuật lại đầu đuôi sự việc. Các sứ giả đem việc này tâu lại nhà vua. Vua ra lệnh cho hấn: “Có tội nhân phạm tội đáng chết, ta giao cho ngươi phải biết đây”.

Hấn tâu: “Xin vua làm nhà cho tôi”.

Vua cho xây cất nhà cửa, phòng ốc cho Kỳ-lê rất đàng hoàng, nhưng chỉ mở một cửa. Cửa cũng rất nghiêm ngặt. Bên trong ấy bày la liệt các đồ trị tội như cảnh địa ngục. Ngục ấy rất đẹp. Khi ấy tên hung ác kia tâu vua: “Bây giờ, xin vua một điều. Nếu người nào đã vào đây rồi thì không được ra”.

Vua trả lời: “Ta chấp nhận như lời xin của ngươi”.

Một hôm tên đao phủ đi vào chùa, nghe các Tỳ-kheo nói về địa ngục. Lúc ấy có Tỳ-kheo đang giảng kinh Địa ngục: ‘Có chúng sanh rơi xuống địa ngục, ngục tốt nắm

lấy tội nhân ấy, dùng kiềm sắt nóng banh miệng tội nhân, nhét viên sắt nóng vào trong miệng. Kế đó sau đó lấy búa sắt cắt chặt thân thể, rồi lại lấy gông cùm, xiềng xích trói buộc thân, rồi đến xe lửa, lò than, vạc sắt, đến sông tro, kế đến núi đao, cây kiếm'. Đầy đủ như kinh Ngũ Thiên Sứ đã nói. Tên đao phủ nghe các Tỳ-kheo nói những việc như thế, liền lập chỗ ở ấy làm những cách trị tội nhân như các Tỳ-kheo đã nói, bắt chước theo pháp này để trị tội nhân.

Một thời kia, có người lái buôn cùng với vợ đi ra trên biển. Trong lúc đang ở ngoài biển khơi thì người vợ sanh con, đặt tên là Hải. Gia đình này sống trên mặt biển như vậy hơn mười năm, thu nhật châu báu, rồi trở về quê hương. Dọc đường họ bị năm trăm tên cướp giết chết và đoạt hết châu báu.

Bấy giờ, đứa con của người lái buôn thấy cha bị giết chết và của cải mất hết, nên sanh ra chán cái khổ của thế gian, bèn ở trong pháp của Như Lai xuất gia học đạo, rồi trở về nhà du hành qua các nước, dần dần đến ấp Ba-liên-phát.

Khi đêm đã qua, vào lúc sáng sớm, người này đắp y mang bát vào trong thành khát thực, đi lầm vào nhà tên đao phủ. Bấy giờ, Tỳ-kheo này từ xa nhìn thấy trong nhà nào là lò than, vạc dầu, xe lửa v.v... trừng trị tội nhân như ở trong ngục. Tỳ-kheo sợ hãi, lông dựng đứng, liền muốn quay ra khỏi cửa. Ngay khi ấy tên đao phủ hung ác liền đi tới nắm lấy Tỳ-kheo nói rằng:

“Ai đã vào đây rồi thì không thể ra được. Bây giờ người phải chết đây thôi”.

Tỳ-kheo nghe nói trong lòng hết sức buồn thảm, nước mắt đầm đìa. Tên đao phủ hỏi: “Tại sao ông lại khóc lóc như trẻ con?”

Tỳ-kheo nói kệ đáp:

Tôi không phải sợ chết.
Chí nguyện cầu giải thoát;
Chỗ mong cầu chưa toại,
Vì thế nên tôi khóc.
Thân người rất khó được,
Xuất gia cũng như vậy.
Gặp Thích Sư tử vương,
Từ nay không thấy nữa.

Tên đao phủ hung ác nói với Tỳ-kheo: “Ông nhất định phải chết, còn ưu não cái gì?”

Tỳ-kheo trả lời bằng những lời bi ai: “Hãy cho tôi sống thời gian ngắn một tháng”.

Tên hung ác không chịu. Như vậy số ngày bớt dần lại còn bảy ngày hẵn mới bằng lòng. Tỳ-kheo kia biết sắp chết nên dũng mãnh tinh tấn, tọa thiền nhất tâm, cuối cùng cũng không thể đắc đạo được. Đến ngày thứ bảy, trong cung vua có cung nữ phạm tội nặng đến chết, bị đem giao cho tên đao phủ hung ác nay trị tội. Tên đao

phủ đem nữ tội nhân bỏ vào cối dùng chày giã nát thân thể cô gái. Tỳ-kheo trông thấy việc đó nên rất chán ghét thân này: ‘Ôi, khổ thay chốc nữa ta cũng sẽ như vậy!’ Rồi nói kệ:

Ôi bậc Thầy đại bi,

Diễn nói Chánh diệu pháp:

...

Khi ấy tên đao phủ nói với Tỳ-kheo: “Kỳ hạn đã hết”.

Tỳ-kheo hỏi: “Tôi không hiểu điều ông nói”.

Tên đao phủ đáp: “Trước đây người kỳ hạn bảy ngày, nay đã mãn”.

Tỳ-kheo nói kệ đáp:

Tâm tôi được giải thoát,

...

Lúc bấy giờ, tên hung ác kia bắt Tỳ-kheo bỏ vào trong vạc dầu sôi, lấy củi đun vào nhưng lửa không cháy. Dù có cháy nhưng chẳng nóng. Tên ấy thấy lửa không cháy, liền đánh đập người bị sai rồi tự đốt lửa. Lửa bỗng cháy bùng dữ dội. Thật khá lâu, nó mở nắp vạc sắt thấy Tỳ-kheo ấy giữa vạc dầu sôi ngồi trên hoa sen. Tên hung ác vô cùng ngạc nhiên, lạ lùng, liền đến tâu với Quốc vương. Nhà vua vội vàng sai thẳng xe ngựa, dẫn theo

đám đông vô số người đến xem Tỳ-kheo. Tỳ-kheo biết đã đến lúc có thể điều phục vua, liền phóng thân lên hư không như con chim nhận chúa, phô bày các thứ biến hóa. Như kệ sau đây:

Vua thấy Tỳ-kheo này,
Thân bay lên hư không;

....

Tỳ-kheo kia nghĩ thầm: ‘Nay ta đã điều phục được vị vua này, có nhiều điều cần phải hướng dẫn: Hộ trì Phật pháp, phân bố rộng rãi xá-lợi của Như Lai, đem an vui cho vô lượng chúng sanh, nơi cõi Diêm-phù-đề này, khiến mọi người đều tin Tam bảo’. Vì nhân duyên này nên tự hiển lộ các đức kia. Tỳ-kheo hướng về vua nói kệ:

Tôi là đệ tử Phật,
Đã được sạch các lậu;

....

Vua A-dục nghe Tỳ-kheo nói như vậy, khởi lòng tin kính Phật vô hạn. Vua lại thưa: “Lúc Phật chưa diệt độ, Ngài đã huyền ký điều gì?”

Tỳ-kheo đáp: “Phật huyền ký Đại vương: ‘Sau khi Phật diệt độ khoảng một trăm năm, tại thành Ba-liên-phất, có ba ức nhà. Nước ấy có vua tên A-dục, sẽ làm vua cõi Diêm-phù-đề này, làm Chuyển luân vương, dùng Chánh pháp cai trị giáo hóa và lại phân bố xá-lợi Ngài

khắp Diêm-phù-đề, dựng tám vạn bốn ngàn tháp. Phật đã huyền ký Đại vương như vậy. Nhưng ngày nay Đại vương tạo ra địa ngục lớn này, giết hại vô lượng nhân dân. Bây giờ, vua nên mở lòng thương xót nghĩ đến tất cả chúng sanh, ban bố sự không sợ hãi, khiến họ an ổn. Như lời Phật huyền ký Đại vương, Đại vương nên như pháp tu hành”. Và Tỳ-kheo nói kệ:

Nên thực hành từ tâm,
Chớ nào hại chúng sanh;
Nên tu tập Phật pháp,
Rộng phân bố xá-lợi.

Bây giờ, A-dục vô cùng kính tin Phật, chấp tay làm lễ Tỳ-kheo: “Tôi phạm tội lớn, nay đối trước Tỳ-kheo xin sám hối. Những việc làm của tôi thật sự không thể tha thứ được. Nay nguyện làm Phật tử. Hãy nhận sự sám hối của tôi. Mong hỷ xả, chớ quở trách. Tôi là kẻ ngu si, nay lại quy y”. Và vua nói kệ:

Tôi nay quy y Phật,
Pháp thắng diệu vô thượng;

....

Tỳ-kheo độ A-dục xong, liền nương nơi hư không mà hóa. Nhà vua từ ngục mà ra, tên đao phủ tâu vua: “Vua không đi được”.

Vua hỏi: “Nay người muốn giết ta sao?”

Đáp: “Đúng vậy.”

Vua nói: “Ai là người đầu tiên vào ngục này?”

“Chính tôi”. “Nếu như vậy, thì người đáng chết trước”.

Vua ra lệnh đem tên hung ác này bỏ vào nhà có bôi keo, lấy lửa đốt cháy. Rồi ra lệnh phá hoại địa ngục này, ban sự không sợ hãi cho chúng sanh.

Bấy giờ, vua muốn xây tháp xá-lợi, đem bốn binh chủng đến thành Vương xá lấy xá-lợi trong tháp Phật của vua A-xà-thế, rồi trở về sửa sang tháp này giống như trước không khác. Như vậy, A-dục đã lấy xá-lợi từ bảy tháp Phật. Sau đó lại đưa đến thôn La-ma-la. Rồi, các Long vương đưa vua vào Long cung. Vua đòi vua Rồng cúng dường xá-lợi. Long vương liền trao cho vua. Vua ra khỏi Long cung. Như bài kệ nói:

Trong thôn La-ma-la,
Nơi đó có tháp Phật;

....

Vua làm tám muôn bốn ngàn hộp bằng vàng, bạc, lưu ly, pha lê để đựng xá-lợi Phật. Lại làm tám muôn bốn ngàn bình tứ bảo để chứa các ngàn hộp này. Rồi làm vô lượng trăm ngàn tràng phan, tàn lọng lụa trắng, khiến cho các quỷ thần mỗi vị cầm giữ đồ vật cúng dường xá-lợi. Vua lại ra lệnh cho các quỷ thần rằng: ‘Diêm-phù-đề cho đến làng, xóm, thành ấp, ven biển, đầy một ức nhà, hãy lập tháp Xá-lợi để thờ Thế Tôn’. Đương thời có nước tên

là Đức-xoa-thi-la có ba mươi sáu ức nhà. Người nước ấy nói với quỷ thần: ‘Hãy cho chúng tôi ba mươi sáu hộp xá-lợi. Chúng tôi sẽ dựng tháp Phật’. Vua làm phương tiện: nước nào ít dân, chia thêm cho đủ số dân mà dựng tháp.

Bấy giờ, tại ấp Ba-liên-phất có Thượng tọa tên Da-xá. Vua đi đến chỗ Thượng tọa thưa: “Tôi muốn một ngày dựng tám vạn bốn ngàn tháp khắp cả Diêm-phù-đề. Ý nguyện như vậy”. Như kệ tán thán:

Đại vương tên A-dục,
Từ tám ngôi tháp trước,

....

“Lành thay, Đại vương! Ấn định mười lăm ngày sau, khi nguyệt thực cho xây các tháp Phật cõi Diêm-phù-đề”.

Như vậy chỉ trong một ngày, dựng tám muôn bốn ngàn tháp. Nhân dân thế gian vui mừng vô hạn cùng gọi là ‘Pháp A-dục vương’. Tán thán như bài kệ sau:

Vua dòng thánh Khổng Tước,
An vui người thế gian.

...

Vua đã dựng tám muôn bốn ngàn tháp, nên lấy làm phấn khởi, vui mừng, đem các quần thần đi đến tinh xá Kê tước. Vua thưa với Thượng tọa Da-xá: “Có Tỳ-kheo nào được Phật thọ ký sẽ làm Phật sự chăng? Tôi sẽ đi đến Tỳ-kheo ấy cúng dường cung kính”.

Thượng tọa Da-xá đáp: “Lúc Phật sắp Niết-bàn, hàng phục Long vương A-ba-la, thợ gốm Chiên-đà-la, rồng Cù-ba-lê, đi đến nước Ma-thâu-la, Phật bảo Tôn giả A-nan: ‘Sau khi Ta nhập Niết-bàn khoảng một trăm năm có trưởng giả tên là Cù-đà có con tên là Ưu-ba-quật-đa sẽ xuất gia học đạo, bằng Vô tướng Phật mà dạy dỗ người, là bậc nhất, sẽ làm Phật sự’. Phật bảo A-nan: ‘Có thấy núi xa kia chăng?’ A-nan bạch: ‘Bạch Thế Tôn, thấy’. Phật bảo A-nan: ‘Núi này tên là Ưu-lưu-mạn-trà, đó là chỗ A-lan-nhã gọi là Na-trà-bà-đê, phù hợp với sự tịch tĩnh’. Phật nói kệ ca ngợi:

Tỳ-kheo Ưu-ba-quật,

Vị Giáo thợ bậc nhất;

....

Nhà vua hỏi Thượng tọa Da-xá: “Tôn giả Ưu-ba-quật nay đã ra đời chưa?”

Thượng tọa đáp: “Vị ấy đã ra đời và xuất gia học đạo, hàng phục phiến não, là A-la-hán cùng với vô lượng Tỳ-kheo quyến thuộc một muôn tám ngàn đang trú tại A-lan-nhã ở núi Ưu-lưu-mạn-trà. Vì thương xót chúng sanh, nên nói pháp tịnh diệu như Phật, hóa độ vô lượng trời, người khiến cho được vào thành cam lộ”.

Nhà vua nghe xong vui mừng khôn xiết. Tức thì ra lệnh cho quần thần nhanh chóng sửa soạn xe cộ, đưa vô lượng quyến thuộc đến nơi ấy, để cung kính cúng dường Ưu-ba-quật-đa.

Bấy giờ, các quan tâu với vua rằng: “Vị Thánh này đang ở tại nước của vua. Nên sai tín sứ rước vị ấy. Vị ấy sẽ tự mình đến”.

Vua trả lời các quan: “Không nên sai tín sứ đến nơi ấy. Ta nên tự đến, không nên để vị ấy tới đây”. Và vua nói kệ:

Ngươi được lười Kim cang,
Vẫn không thể phá vỡ,
Ngăn ta đến nơi kia,
Gần gũi người nhà nông”.

Vua sai tín sứ đến báo Tôn giả: ‘Ngày nào đó, vua sẽ đến chỗ Tôn giả’.

Tôn giả suy nghĩ: ‘Nếu vua đến sẽ có rất đông người đi theo, chịu bao khổ sở, lại bức bách sát hại côn trùng và hại nhân dân làng xóm’. Suy nghĩ xong, Tôn giả trả lời sứ giả rằng: “Tôi sẽ tự đi đến cung vua”.

Khi vua nghe Tôn giả tự đến, vui mừng sung sướng vô hạn. Từ Ma-thâu-la đến Ba-liên-phát, ở khoảng giữa hai nơi, vua cho đặt thuyền bè, trên thuyền treo phướn lọng. Tôn giả Ưu-ba-quật, vì thương xót vua nên đem chúng A-la-hán một muôn tám ngàn vị theo đường thủy đến vương quốc. Bấy giờ, người trong nước tâu vua:

“Tôn giả Ưu-ba-quật đem một muôn tám ngàn Tỳ-kheo đến đây rồi”.

Vua sung sướng mừng rỡ khôn xiết, vội cởi chuỗi ngọc giá trị ngàn vàng trao cho họ. Rồi vua cùng các đại thần, quyền thuộc đi đến chỗ Tôn giả, cởi bỏ hành lý, năm vóc sát đất, làm lễ trước Tôn giả, quỳ gối chấp tay thưa rằng: “Tôi nay thống lãnh cõi Diêm-phù-đề này, tuy ngồi ở ngôi vua mà không lấy làm vui. Hôm nay thấy được Tôn giả, vui mừng khôn xiết. Đệ tử của Như Lai mới có thể như vậy, thấy Tôn giả như thấy được Phật”. Và vua nói kệ:

“Tịch diệt, đã qua đời,
Nay ngài làm Phật sự.

....

Nhà vua ra lệnh cho sứ giả loan báo khắp nước rằng: “Tôn giả Ưu-ba-quật ngày nay đến nước này”.

Bèn xướng lên rằng:

“Ai muốn được giàu sang,
....”

Bấy giờ, nhà vua chỉnh trang bờ cõi, đắp đường bằng phẳng, treo lụa, phan, lọng, xông hương, rải hoa, tấu nhạc. Nhân dân cả nước đều ra ngoài nghinh đón Tôn giả Ưu-ba-quật để cúng dường cung kính.

Bấy giờ, Tôn giả Ưu-ba-quật tâu vua: “Tâu Đại vương, ngài nên đem chánh pháp cai trị, giáo hóa, thương xót chúng sanh. Vì Tam bảo khó gặp, nên đối với Tam bảo cúng dường, cung kính, tu niệm và khen ngợi, vì

người giảng nói rộng. Vì sao? Vì Như Lai, Ứng Cúng, Đẳng Chánh Giác, là bậc Tri giả, Kiến giả, thường huyền ký rằng: ‘Chánh pháp của Ta được ký thác nơi Quốc vương và Tỳ-kheo Tăng của ta’...”

Nhà vua thưa với Tôn giả Ưu-ba-quật: “Tôi đã dựng lập Chánh pháp”.

Tôn giả Ưu-ba-quật khen ngợi vua: “Lành thay! Lành thay, Đại vương nên thực hành pháp như vậy”...¹⁸⁷

118. Bảy báu của chuyển luân thánh vương

(No. 721). “Lúc Chuyển luân Thánh vương ra đời, có bảy báu hiện ra ở thế gian: bánh xe vàng báu, voi báu, ngựa báu, thần châu báu, ngọc nữ báu, quan giữ kho báu. Cũng vậy, Như Lai xuất thế cũng có bảy báu Giác phần hiện ra.

“Trai giới, ngồi trên lầu quán, đại thần vây quanh có bánh xe vàng báu xuất hiện từ phương Đông, bánh xe có ngàn căm, trục quay đều, vành bánh xe tròn, tương bánh xe đầy đủ, vua nghĩ: ‘Có điềm lành này, nên chắc chắn là Chuyển luân Thánh vương. Ta nay nhất định là Luân vương’. Liên dùng hai tay đỡ lấy bánh xe vàng báu, đặt vào giữa lòng tay trái, tay phải thì quay, nói rằng: ‘Nếu

187. Linh Sơn Pháp Bảo Đại Tạng Kinh Tập VI, Bộ A Hàm VI, Kinh Tập A Hàm Số 2, Tập A Hàm Quyển 23, Kinh 604, Hội Văn hóa Giáo dục Linh Sơn Đài Bắc, Taiwan, 2000, trang 261~282.

đây là bánh xe vàng báu của Chuyển luân Thánh vương, thì hãy quay theo con đường cổ xưa của Chuyển luân Thánh vương mà đi'. Lúc ấy bánh xe báu liền xuất phát, lăn đi phía trước vua và số đông, ở phương Đông, nương vào hư không, nhắm hướng Đông mà đi, lăn theo con đường ngay thẳng của Thánh vương xưa. Vua theo bánh xe báu; bốn binh chủng cùng theo. Nếu đến nơi nào bánh xe báu dừng lại thì vua và bốn binh chủng cũng dừng lại nơi đó. Các Tiểu vương những xứ phương Đông thấy Thánh vương đến, tất cả đều quy phục.

“Nhu Lai xuất hiện ở đời cũng có bảy Giác phần hiện ra ở thế gian; đó là Niệm giác phần, Trạch pháp giác phần, Tinh tấn giác phần, Hỷ giác phần, Khinh an giác phần, Định giác phần, Xả giác phần”¹⁸⁸.

119. Ưu-bà-tắc gương mẫu

(No. 928). Bấy giờ có người họ Thích, là Ma-ha-nam cùng với năm trăm Ưu-bà-tắc đi đến chỗ Phật đánh lễ dưới chân Phật, rồi ngồi lui qua một bên, bạch Phật: “Bạch Thế Tôn, sao gọi là Ưu-bà-tắc?”

Phật đáp: “Ưu-bà-tắc là người sống trong sạch tại gia... cho đến suốt đời quy y Tam bảo, làm Ưu-bà-tắc. Xin chứng tri cho con”.

188. Linh Sơn Pháp Bảo Đại Tạng Kinh Tập VI, Bộ A Hàm VI, Kinh Tập A Hàm Số 2, Tập A Hàm Quyển 27, Kinh 721, Hội Văn hóa Giáo dục Linh Sơn Đài Bắc, Taiwan, 2000, trang 419-420.

Ma-ha-nam bạch Phật: “Bạch Thế Tôn, sao gọi là Ưu-bà-tắc Tu-đà-hoàn?”

Phật bảo Ma-ha-nam: “Ưu-bà-tắc Tu-đà-hoàn là vị mà ba kết sử: thân kiến, giới thủ, nghi, đã đoạn tận, đã biến tri. Ma-ha-nam, đó gọi là Ưu-bà-tắc Tu-đà-hoàn”.

Ma-ha-nam bạch Phật: “Bạch Thế Tôn, sao gọi là Ưu-bà-tắc Tư-đà-hàm?”

Phật bảo Ma-ha-nam: “Ưu-bà-tắc Tư-đà-hàm là vị mà ba hạ phần kết sử đã đoạn tận, đã biến tri; tham dục, sân nhuế, ngu si đã mỏng. Ma-ha-nam, đó gọi là Ưu-bà-tắc Tư-đà-hàm”.

Ma-ha-nam bạch Phật: “Bạch Thế Tôn, sao gọi là Ưu-bà-tắc A-na-hàm?”

Phật bảo Ma-ha-nam: “Ưu-bà-tắc A-na-hàm là vị mà năm hạ phần kết sử tức thân kiến, giới cấm thủ, nghi, tham dục, sân nhuế, đã đoạn tận, đã biến tri. Ma-ha-nam, đó gọi là Ưu-bà-tắc A-na-hàm”.

Bấy giờ, Ma-ha-nam quay nhìn năm trăm Ưu-bà-tắc nói rằng: “Kỳ thay các vị Ưu-bà-tắc, sống tại gia thanh bạch, lại được công đức sâu xa như vậy!”¹⁸⁹

189. Linh Sơn Pháp Bảo Đại Tạng Kinh Tập VI, Bộ A Hàm VI, Kinh Tập A Hàm Số 2, Tập A Hàm Quyển 33, Kinh 928, Hội Văn hóa Giáo dục Linh Sơn Đài Bắc, Taiwan, 2000, trang 630-631.

(No. 929). Ma-ha-nam bạch Phật: “Bạch Thế Tôn, sao là làm thành mãn tất cả sự của Ưu-bà-tắc?”

Phật bảo Ma-ha-nam: “Nếu Ưu-bà-tắc nào có tín, nhưng không có giới, đó là không đủ, mà hãy nỗ lực tinh cần, đủ tịnh giới. Có đủ tín và giới, nhưng không bố thí thì cũng chưa đủ; vì chưa đủ nên phải nỗ lực tinh cần, tu tập bố thí để làm được đủ. Tín, giới và thí đã đầy, nhưng nếu không tùy thời đến Sa-môn để lắng nghe lãnh thọ Chánh pháp, thì vẫn chưa đủ. Vì chưa đủ cho nên phải nỗ lực tinh cần. Tùy thời đến chùa tháp, nhưng gặp các Sa-môn mà không một lòng lắng nghe lãnh thọ Chánh pháp, thì vẫn chưa đủ. Tín, giới, thí và nghe tu tập đã đầy, nhưng nghe rồi mà không ghi giữ, thì vẫn chưa có đủ; vì không đủ nên phải nỗ lực tinh cần. Tùy thời đến Sa-môn, chuyên tâm lắng nghe pháp, nghe rồi thì phải khéo ghi giữ. Nếu không thể quán sát nghĩa lý sâu xa của các pháp, thì đó chưa phải là đủ; vì không có đủ nên phải nỗ lực tinh cần hơn, làm cho có đủ. Tín, giới, bố thí, nghe, nghe rồi thì khéo ghi giữ, ghi giữ rồi quán sát nghĩa lý sâu xa, mà không tùy thuận để biết hướng đến pháp và thứ pháp, thì đó vẫn chưa có đủ; vì chưa có đủ nên phải nỗ lực tinh cần. Tín, giới, bố thí, nghe, ghi giữ, quán sát, hiểu rõ nghĩa lý sâu xa và tùy thuận thực hành hướng đến pháp, thứ pháp. Ma-ha-nam, đó gọi là có đủ tất cả sự của Ưu-bà-tắc”.

Ma-ha-nam bạch Phật: “Bạch Thế Tôn, sao là Ưu-bà-tắc hay tự an ủy mình, chẳng an ủy người khác?”

Phật bảo Ma-ha-nam: “Nếu Ưu-bà-tắc nào có thể tự mình đứng vững trong giới nhưng không thể khiến cho người đứng vững trong chánh giới; tự mình giữ tịnh giới, nhưng không thể khiến cho người khác giữ giới có đủ; tự mình làm việc bố thí, nhưng không thể xác lập bố thí nơi người khác; tự mình đi chùa tháp, đến gặp các Sa-môn, nhưng không thể khuyên người khác đi chùa tháp, đến gặp Sa-môn; tự mình chuyên nghe pháp, nhưng không thể khuyên người thích nghe Chánh pháp; nghe Chánh pháp tự mình thọ trì, nhưng không thể khiến người khác thọ trì Chánh pháp; tự mình có thể quán sát nghĩa lý sâu xa, nhưng không thể khuyên người quán sát nghĩa lý sâu xa; tự mình biết pháp sâu xa có thể tùy thuận thực hành hướng đến pháp, thứ pháp, nhưng không thể khuyên người khiến họ tùy thuận thực hành hướng đến pháp, thứ pháp.

Này Ma-ha-nam, người thành tựu tám pháp như vậy, thì đó gọi là Ưu-bà-tắc có thể tự an ủy, nhưng không thể an ủy người khác”.

Ma-ha-nam bạch Phật: “Bạch Thế Tôn, Ưu-bà-tắc thành tựu bao nhiêu pháp để tự an ủy và giúp người được an ủy?”

Phật bảo Ma-ha-nam: “Nếu Ưu-bà-tắc nào thành tựu mười sáu pháp, đó gọi là Ưu-bà-tắc tự an ủy và giúp người được an ủy”.

“Những gì là mười sáu pháp?

“Này Ma-ha-nam, nếu Ưu-bà-tắc đủ có chánh tín và cũng xác lập cho người khác; tự mình giữ tịnh giới, cũng xác lập tịnh giới cho người khác; tự mình hành bố thí và dạy người hành bố thí; tự mình đến chùa tháp gặp các Sa-môn, cũng dạy người khác đến gặp các Sa-môn; tự mình chuyên cần nghe pháp, cũng dạy người nghe; tự mình thọ trì pháp và dạy người khác thọ trì; tự mình quán sát nghĩa dạy người quán sát; tự mình biết nghĩa lý sâu xa tùy thuận tu, hành pháp thứ, pháp hướng, cũng lại dạy người hiểu rõ nghĩa lý sâu xa, tùy thuận tu hành hướng đến pháp, thứ pháp. Này Ma-ha-nam, người nào thành tựu mười sáu pháp như vậy, được gọi là Ưu-bà-tắc có thể tự an ủy và làm người khác được an ủy.

“Này Ma-ha-nam, nếu Ưu-bà-tắc nào thành tựu mười sáu pháp như vậy, thì tất cả người trong các chúng Bà-la-môn, chúng Sát-lợi, chúng Trưởng giả, chúng Sa-môn đều đến chỗ họ. Ở trong các chúng này, oai đức của họ sáng chói. Giống như mặt trời, ánh sáng chiếu soi cả sáng, trưa, chiều. Cũng vậy, Ưu-bà-tắc nào thành tựu mười sáu pháp, thì oai đức họ cũng tỏ rạng cả đầu, giữa và cuối. Như vậy, này Ma-ha-nam, nếu Ưu-bà-tắc nào thành tựu mười sáu pháp thì đó là một điều mà thế gian khó thành tựu được”¹⁹⁰.

190. Linh Sơn Pháp Bảo Đại Tạng Kinh Tập VI, Bộ A Hàm VI, Kinh Tập A Hàm Số 2, Tập A Hàm Quyển 33, Kinh 929, Hội Văn hóa Giáo dục Linh Sơn Đài Bắc, Taiwan, 2000, trang 632~634

120. Cư sĩ chỉ chứng A nA-hàm

(No. 964). Phật bảo Bà-sa: “Không những một, hai, ba mà cho đến năm trăm cho đến rất nhiều Ưu-bà-di ở tại gia, nuôi nấng con cái, hưởng thụ ngũ dục, trang điểm hoa thơm, mà đối với Pháp luật này đã đoạn tận ba kết, đắc Tu-đà-hoàn, không còn đọa vào pháp đường ác, quyết định hướng thẳng Chánh giác, chỉ còn qua lại bảy lần sanh trong Trời, Người, cứu cánh thoát khổ”¹⁹¹.

121. Đề Bà Đạt Đa

(No. 1064). Một thời Phật ở trong vườn Trúc, khu Ca-lan-đà tại thành Vương xá. Bấy giờ, Đề-bà-đạt-đa có được lợi dưỡng từ A-xà-thế con bà Vy-đề-hy, vua nước Ma-kiệt-đà. Hằng ngày cùng đoàn thị tùng với năm trăm cỗ xe đến chỗ Đề-bà-đạt-đa; hằng ngày đem năm trăm cỗ đồ ăn cúng dường Đề-bà-đạt-đa. Đề-bà-đạt-đa dẫn năm trăm người thành nhóm riêng nhận sự cúng dường này.

Lúc ấy có nhiều Tỳ-kheo đắp y, ôm bát vào thành Vương xá khát thực, nghe Đề-bà-đạt-đa có những lợi dưỡng như vậy,... *cho đến* nhóm riêng năm trăm người hưởng thụ sự cúng dường này. Khát thực xong, trở về

191. Linh Sơn Pháp Bảo Đại Tạng Kinh Tập VI, Bộ A Hàm VI, Kinh Tập A Hàm Số 2, Tập A Hàm Quyển 34, Kinh 964, Hội Văn hóa Giáo dục Linh Sơn Đài Bắc, Taiwan, 2000, trang 679.

ting xá cát y bát, rửa chân xong đến chỗ Phật, đánh lễ dưới chân Phật, ngồi lui qua một bên, bạch Phật:

“Bạch Thế Tôn, sáng sớm chúng con đắp y, ôm bát vào thành Vương xá khát thực, nghe Đề-bà-đạt-đa có lợi dưỡng như vậy,... *cho đến* dẫn nhóm riêng năm trăm người hưởng thọ sự cúng dường này”.

Phật bảo các Tỳ-kheo: “Các ông chớ nói Đề-bà-đạt-đa đang được lợi dưỡng. Vì sao? Vì Đề-bà-đạt-đa này, nếu hưởng thọ lợi dưỡng riêng thì đời này tự hoại và đời sau cũng bị hoại. Ví như cây chuối, lau, tre sanh quả liền chết, năm sau cũng hư hoại. Cũng lại như vậy, Đề-bà-đạt-đa, nếu thọ nhận sự cúng dường này, thì đời này bị hoại, đời sau cũng bị hoại. Thí như con la mang thai thì chết; cũng như vậy Đề-bà-đạt-đa, nếu thọ nhận các lợi dưỡng thì đời này bị hoại, đời sau cũng bị hoại. Đề-bà-đạt-đa ngu si kia, sẽ tùy theo thời gian nhiều ít hưởng thụ lợi dưỡng này, mà phải lâu dài chịu khổ, không lợi ích. Cho nên, các Tỳ-kheo, nên học như vậy: ‘Dù có lợi dưỡng đến, tôi cũng không sanh tâm nhiễm trước’”¹⁹².

(No. 1278). Một thời, Đức Phật ở trong vườn Trúc, khu Ca-lan-đà, thành Vương xá. Bấy giờ, có Tỳ-kheo Cù-ca-lê là bè đảng Đề-bà-đạt-đa, đến chỗ Phật, đánh lễ sát chân Phật, ngồi lui qua một bên. Bấy giờ, Thế Tôn bảo Tỳ-kheo Cù-ca-lê: “Này Cù-ca-lê, vì sao đối với

192. Linh Sơn Pháp Bảo Đại Tạng Kinh Tập VI, Bộ A Hàm VI, Kinh Tập A Hàm Số 2, Tập A Hàm Quyển 38, Kinh 1.064, Hội Văn hóa Giáo dục Linh Sơn Đài Bắc, Taiwan, 2000, trang 824-825

phạm hạnh thanh tịnh của Xá-lợi-phất và Mục-kiền-liên, người khởi tâm không thanh tịnh, để sẽ phải chịu khổ não lâu dài, không lợi ích”.

Tỳ-kheo Cù-ca-lê bạch Phật: “Bạch Thế Tôn, nay con tin lời Thế Tôn, những điều đó là đúng. Nhưng tâm Xá-lợi-phất và Mục-kiền-liên có ác dự”.

Nói như vậy lần thứ hai, lần thứ ba. Tỳ-kheo Cù-ca-lê thuộc bè đảng Đề-bà-đạt-đa ở chỗ Thế Tôn, trong khi nói lại lần thứ ba, chống đối, không nhận chịu, liền từ chỗ ngồi đứng dậy bỏ đi. Sau khi đứng dậy bỏ đi, khắp người ông nổi đầy mụn nhọt giống như trái lựu, dần dần to lên như trái đào. Khi ấy Tỳ-kheo Cù-ca-lê đau đớn thống khổ, miệng kêu lên: ‘Nóng quá! Nóng quá!’ Máu mủ chảy ra, thân hoại mạng chung, sanh vào địa ngục lớn Bát-đàm-ma.¹⁹³

122. Tội ngũ nghịch

(No. 792). “Những gì là ác thú đạo? Đó là giết cha, giết mẹ, giết A-la-hán, phá Tăng, ác tâm làm thân Phật ra máu”. *Ngoài ra đều nói như trên.*¹⁹⁴

193. Linh Sơn Pháp Bảo Đại Tạng Kinh Tập VII, Bộ A Hàm VII, Kinh Tập A Hàm Số 3, Tập A Hàm Quyển 48, Kinh 1.278, Hội Văn hóa Giáo dục Linh Sơn Đài Bắc, 2000, trang 129~130.

194. Linh Sơn Pháp Bảo Đại Tạng Kinh Tập VI, Bộ A Hàm VI, Kinh Tập A Hàm Số 2, Tập A Hàm Quyển 28, Kinh 791, Hội Văn hóa Giáo dục Linh Sơn Đài Bắc, Taiwan, 2000, trang 475.

123. Thân thích với đức Phật

(No. 1067). **Nan Đà.** Tôn giả Nan-đà con Di mẫu của Phật, thích mặc áo nhuộm, chải chuốt bóng láng, mang giữ bát tốt, thích bồn cọt, vừa đi vừa cười đùa. Lúc ấy có nhiều Tỳ-kheo đến chỗ Phật, đánh lễ dưới chân Phật, ngồi lui qua một bên, bạch Phật: “Bạch Thế Tôn, Tôn giả Nan-đà là con Di mẫu của Phật, thích mặc áo nhuộm, chải chuốt bóng láng, mang giữ bát tốt, thích bồn cọt, vừa đi vừa cười đùa”.

Bấy giờ Thế Tôn bảo một Tỳ-kheo: “Ông đến chỗ Tỳ-kheo Nan-đà nói Nan-đà rằng: ‘Đại Sư cho gọi người’”.

Tỳ-kheo kia vâng lời Thế Tôn dạy đến nói với Nan-đà: “Thế Tôn cho gọi ông”.

Nan-đà nghe xong liền đến chỗ Phật, đánh lễ dưới chân Phật, ngồi lui qua một bên. Phật bảo Nan-đà: “Có thật người thích mặc áo nhuộm, chải chuốt bóng láng, mang giữ bát tốt, thích bồn cọt, vừa đi vừa cười đùa không?”

Nan-đà bạch Phật: “Thật vậy, bạch Thế Tôn!”

Phật bảo Nan-đà: “Người là con Di mẫu của Phật, dòng quý tộc xuất gia, không nên mặc y phục đẹp, chải chuốt bóng láng, mang giữ bát tốt, thích bồn cọt, vừa đi vừa cười đùa. Người nên tự nghĩ như vậy: ‘Ta là con bà Di mẫu của Phật, dòng quý tộc xuất gia, nên trú ở A-lan-

nhã, đi khất thực, mặc áo phấn tảo, thường nên khen ngợi sự mặc áo phấn tảo, ưa ở chỗ núi, khe, không tham luyện ái dục”.

Sau khi vâng lời Phật dạy, Nan-đà trú ở A-lan-nhã, đi khất thực, mặc áo phấn tảo, thường nên khen ngợi sự mặc áo phấn tảo, ưa ở chỗ núi, khe, không tham luyện ái dục¹⁹⁵.

(No. 1068). Đề Sa. Một thời Đức Phật ở trong vườn Cấp-cô-độc, rừng cây Kỳ-đà, tại nước Xá-vệ. Bấy giờ Tôn giả Đề-sa tự nghĩ: “Ta là anh em con cô của Thế Tôn, nên không cần phải cung kính, không cần quan tâm cấp bậc, cũng cần phải sợ nể, không chịu để can gián”. Lúc ấy có nhiều Tỳ-kheo đi đến chỗ Phật, đánh lễ dưới chân Phật, ngồi lui qua một bên, bạch Phật: “Bạch Thế Tôn, Tôn giả Đề-sa tự nghĩ mình là anh em con cô của Thế Tôn nên không cần cung kính, không cần quan tâm cấp bậc, cũng không cần sợ nể, không chịu để can gián”¹⁹⁶.

195. Linh Sơn Pháp Bảo Đại Tạng Kinh Tập VI, Bộ A Hàm VI, Kinh Tập A Hàm Số 2, Tập A Hàm Quyền 38, Kinh 1.067, Hội Văn hóa Giáo dục Linh Sơn Đài Bắc, Taiwan, 2000, trang 827~828.

196. Linh Sơn Pháp Bảo Đại Tạng Kinh Tập VI, Bộ A Hàm VI, Kinh Tập A Hàm Số 2, Tập A Hàm Quyền 38, Kinh 1.068, Hội Văn hóa Giáo dục Linh Sơn Đài Bắc, Taiwan, 2000, trang 828~829.

124. Sự kiện phá hoại Phật pháp sau khi Phật nhập diệt 1.000 năm

(No. 640). Sau một ngàn năm, khi giáo pháp của Ta bị diệt, ở thế gian sẽ xuất hiện phi pháp và mười điều lành ắt sẽ bị hoại. Trong cõi Diêm-phù-đề gió dữ sẽ bạo khởi, mưa không đúng thời, nhân thế phần nhiều đói kém. Mưa thì bị nạn mưa đá; sông rạch khô cạn, hoa quả thì không đậu; con người thì không còn nước da tươi sáng. Trùng thôn, quỷ thôn, tất cả đều bị tiêu diệt. Đồ ăn thức uống không còn mùi vị. Trâu bảo chìm mất. Nhân dân ăn uống các loại cỏ thô nhám.

“Bấy giờ có Thích-ca vương, Da-bàn-na vương, Bát-la-bà vương, Đâu-sa-la vương cùng nhiều quyền thuộc. Bát Phật, răng Phật, đánh cốt của Như Lai được an trí ở phương Đông. Phương Tây có vua tên là Bát-la-bà, cùng trăm ngàn quyền thuộc, phá hoại chùa tháp, giết hại Tỳ-kheo. Phương Bắc có vua tên là Da-bàn-na cùng trăm ngàn quyền thuộc phá hoại chùa tháp, giết hại Tỳ-kheo. Phương Nam có vua tên là Thích-ca, cùng trăm ngàn quyền thuộc phá hoại chùa tháp, giết hại Tỳ-kheo. Phương Đông có vua tên là Đâu-sa-la cùng trăm ngàn quyền thuộc phá hoại chùa tháp, giết hại Tỳ-kheo. Bốn phương đều loạn, các Tỳ-kheo phải tập trung vào nước giữa¹⁹⁷.

197. Linh Sơn Pháp Bảo Đại Tạng Kinh Tập VI, Bộ A Hàm VI, Kinh Tập A Hàm Số 2, Tập A Hàm Quyền 25, Kinh 640, Hội Văn hóa Giáo dục Linh Sơn Đài Bắc, Taiwan, 2000, trang 337~338.

(No. 641). “Vì Đại vương A-dục có oai đức lớn nên có khả năng thực hiện được những việc làm này, ta thì không thể nào làm được, hãy nghĩ đến việc khác đi”.

Trong đó, có vị nịnh thần gian ác, không có lòng tin, tâu vua: “Thế gian có hai loại pháp lưu truyền mãi ở đời không dứt: Một là làm lành, hai là làm ác. Đại vương A-dục đã làm các hạnh lành, thì nay vua nên làm các hạnh ác như phá hoại tám vạn bốn ngàn tháp”.

Lúc này vua nghe theo lời vị nịnh thần, lập tức cho khởi bốn binh chúng đi đến các chùa chiền phá hoại các tháp thờ. Trước hết vua đi vào chùa Kê tước, liền bị con sư tử đá trước cổng chùa rống lên, làm cho vua vô cùng kinh hoàng sợ hãi khi nghe nó và tự nghĩ: ‘Không phải là loài thú thật, mà có thể rống lên được sao?’ Vua trở về trong thành. Ba lần như vậy, nhà vua muốn phá hoại chùa này.

Bấy giờ, vua cho gọi các Tỳ-kheo lại và hỏi các Tỳ-kheo: “Ta phá hoại tháp là thiện hay là pháp hoại Tăng phòng là thiện?”

Tỳ-kheo đáp: “Không nên làm cả hai. Nếu vua muốn phá hoại chúng, thì thà phá hoại Tăng phòng, chớ nên phá hoại tháp Phật”. Lúc ấy vua sát hại các Tỳ-kheo, cùng phá hoại các tháp thờ và như vậy dần dần cho đến nước Bà-già-la. Lại ra sắc lệnh: ‘Nếu có người nào mang được đầu Sa-môn Thích tử đến, sẽ được thưởng ngàn tiền vàng’.

Bấy giờ, trong nước này có một vị A-la-hán hóa ra rất nhiều đầu Tỳ-kheo cho mọi người mang đến chỗ vua, làm cho của báu trong kho tàng nhà vua đều cạn hết. Khi nhà vua nghe vị A-la-hán đã làm những việc như vậy, thì càng nổi giận hơn, muốn giết vị A-la-hán này. Lúc này, vị A-la-hán vào định Diệt tận nên nhà vua dùng vô lượng cách để sát hại vị Thánh nhân này, rốt cuộc cũng không thể được. Vì ngài vào định Diệt tận nên không thể làm tổn thương thân thể ngài được và như vậy vua tiến dần đến cửa tháp Phật. Ở trong tháp này có một vị quỷ thần đang ở để bảo vệ tháp Phật tên là Nha Xi. Vị quỷ thần này nghĩ rằng mình là đệ tử của Phật, vì thọ trì giới cấm không sát hại chúng sanh, nên nay mình không thể giết hại nhà vua được. Lại nghĩ: ‘Có một vị thần tên là Trùng, mạnh mẽ hung bạo, thường làm các việc ác, cầu kết hôn con gái ta, ta không chịu. Nay vì để bảo vệ Chánh pháp nên phải giả cho nó, khiến nó bảo hộ pháp Phật’. Liền kêu vị thần kia bảo rằng:

“Nay ta gả con gái cho ngươi, song cùng lập giao ước là ngươi phải hàng phục vị vua này, chớ để ông ta tạo ra các việc ác, hoại diệt Chánh pháp”.

Lúc này chỗ vua lại có một vị đại quỷ thần tên là Ô-trà, vì oai đức đầy đủ nên vị thần kia không thể làm gì vua được. Lúc này thần Nha Xi muốn tìm cách hủy diệt sức mạnh tự nhiên hiện tại của vua do vị thần này mang lại. Nay ta nên giả làm thân với hắn và như vậy cùng làm bạn tri thức với vị thần kia. Sau khi kết bạn tri thức thân

nhau rồi, liền dẫn vị thần này đến giữa biển lớn phương Nam. Lúc đó thần Trùng mới sang dẹp núi lớn, xua đuổi bức bách từ trên vua cho đến bốn binh chúng không ai là không chết hết. Dân chúng đều reo hò: ‘Sướng thay, sướng thay!’ và người đời cùng truyền nhau từ ‘sướng thay’ này.

Nhà vua này mất rồi, dòng dõi Khổng tước vĩnh viễn cáo chung từ đây. Cho nên sự giàu sang, sung sướng ở thế gian không đáng để tham. Đại vương A-dục là người có trí, giác ngộ cuộc đời là vô thường, thân mạng khó mà bảo tồn, của cải của năm nhà cũng như huyễn hóa. Khi đã giác ngộ được điều này rồi, thì phải nỗ lực tinh tấn tạo các thứ công đức, cho đến lúc mạng chung tâm luôn nhớ đến Tam bảo, niệm niệm không gián đoạn, không có gì phải luyến tiếc, chỉ có nguyện thành tựu rốt ráo Vô thượng, Chánh đẳng Chánh giác thôi¹⁹⁸.

125. Thế nào gọi là vô minh?

(No. 251). “Gọi là vô minh, vậy thế nào là vô minh?”

Tôn giả Xá-lợi-phất trả lời: “Là không biết. Không biết tức là vô minh. Không biết cái gì? Không biết như thật mắt là vô thường; đó gọi là không biết. Không biết

198. Linh Sơn Pháp Bảo Đại Tạng Kinh Tập VI, Bộ A Hàm VI, Kinh Tập A Hàm Số 2, Tập A Hàm Quyển 25, Kinh 641, Hội Văn hóa Giáo dục Linh Sơn Đài Bắc, Taiwan, 2000, trang 354~356.

như thật mắt là pháp sanh diệt, đó gọi là không biết. Đối với tai, mũi, lưỡi, thân, ý cũng lại như vậy. Như vậy, Tôn giả Ma-ha Câu-hi-la đối với sáu xúc nhập xứ này mà không như thật thấy, biết, không vô gián đẳng, ngu si, không sáng, tối tăm, đó gọi là vô minh”¹⁹⁹.

(No. 256). Tôn giả Ma-ha Câu-hi-la hỏi Tôn giả Xá-lợi-phất: “Gọi là vô minh, vậy thế nào là vô minh? Ai có vô minh này?”

Tôn giả Xá-lợi-phất đáp: “Vô minh là không biết, không biết tức là vô minh. Không biết những gì? Sắc là vô thường, mà không biết như thật sắc là vô thường. Sắc là pháp ma diệt mà không biết như thật sắc là pháp ma diệt. Sắc là pháp sanh diệt mà không biết như thật sắc là pháp sanh diệt. Thọ, tưởng, hành, thức là pháp vô thường mà không biết như thật thọ, tưởng, hành, thức là pháp vô thường. Thức là pháp ma diệt mà không biết như thật thức là pháp ma diệt; thức là pháp sanh diệt mà không biết như thật thức là pháp sanh diệt. Nay Ma-ha Câu-hi-la, đối với năm thọ ấm này mà không thấy, không biết như thật, không có vô gián đẳng, ngu si, mờ tối, không sáng tỏ, thì gọi là vô minh. Ai thành tựu những điều này gọi là vô minh”²⁰⁰.

199. Linh Sơn Pháp Bảo Đại Tạng Kinh Tập V, Bộ A Hàm V, Trung A Hàm Biệt Dịch & Kinh Tập A Hàm Số 1, Tập A Hàm Quyển 9: Tam Di Ly Đề (1), Kinh 251, Hội Văn hóa Giáo dục Linh Sơn Đài Bắc - Taiwan, 2000, trang 841.

200. Linh Sơn Pháp Bảo Đại Tạng Kinh Tập V, Bộ A Hàm V, Trung A Hàm Biệt Dịch & Kinh Tập A Hàm Số 1, Tập A Hàm Quyển 10: Vô

(No. 257). Tôn giả Xá-lợi-phất đáp: “Vô minh là không biết; không biết tức là vô minh. Không biết những gì? Không biết như thật về sắc; không biết như thật về sự tập khởi của sắc, về sự diệt tận của sắc, về con đường đưa đến sự diệt tận của sắc. Không biết như thật về thọ, tưởng, hành, thức; không biết như thật về sự tập khởi của thức, về sự diệt tận của thức, về con đường đưa đến sự diệt tận của thức. Nay Ma-ha Câu-hi-la, đối với năm thọ ấm này, mà không biết như thật, không biết, không thấy, không có vô gián đẳng, ngu si, mờ tối, thì gọi là vô minh. Ai thành tựu những điều này, gọi là vô minh²⁰¹.”

(No. 749). “Vô minh làm tiền tướng nên sanh ra các pháp ác bất thiện. Rồi theo đó sanh ra vô tâm, vô quý. Vô tâm, vô quý đã sanh ra rồi, theo đó sanh ra tà kiến. Tà kiến đã sanh ra rồi, có thể khởi lên tà chí, tà ngữ, tà nghiệp, tà mạng, tà phương tiện, tà niệm, tà định.

“Nếu khởi lên minh làm tiền tướng sanh ra các pháp thiện, thì theo đó sanh ra tâm quý. Tâm quý đã sanh ra rồi, có thể sanh ra chánh kiến. Chánh kiến đã sanh ra rồi, sẽ theo thứ tự khởi lên chánh chí, chánh ngữ, chánh nghiệp, chánh mạng, chánh phương tiện, chánh niệm,

Minh (1), Kinh 256, Hội Văn hóa Giáo dục Linh Sơn Đài Bắc - Taiwan, 2000, trang 859~860.

201. Linh Sơn Pháp Bảo Đại Tạng Kinh Tập V, Bộ A Hàm V, Trung A Hàm Biệt Dịch & Kinh Tập A Hàm Số 1, Tập A Hàm Quyển 10: Vô Minh (1), Kinh 257, Hội Văn hóa Giáo dục Linh Sơn Đài Bắc - Taiwan, 2000, trang 861.

chánh định. Chánh định đã khởi lên rồi, Thánh đệ tử được chánh giải thoát tham dục, sân nhuế, ngu si. Như vậy, Thánh đệ tử khi đã được chánh giải thoát rồi sẽ được chánh tri kiến: ‘Ta, sự sanh đã dứt, phạm hạnh đã lập, những việc cần làm đã làm xong, tự biết không còn tái sanh vào đời sau’²⁰².

126. Thế nào gọi là minh?

(No. 251). Tôn giả Ma-ha Câu-hi-la lại hỏi Tôn giả Xá-lợi-phất: “Gọi là minh, vậy thế nào là minh?”

Tôn giả Xá-lợi-phất trả lời: “Là biết. Biết tức là minh. Biết những gì? Mắt là vô thường, nên biết như thật mắt là vô thường; mắt là pháp sanh diệt, nên biết như thật mắt là pháp sanh diệt. Đối với tai, mũi, lưỡi, thân, ý lại cũng như vậy. Thưa Tôn giả Ma-ha Câu-hi-la, đối với sáu xúc nhập xứ này mà như thật biết, thấy, sáng tỏ, giác ngộ, có trí tuệ, có vô gián đẳng, đó gọi là minh”²⁰³.

(No. 256). “Sắc là vô thường; biết như thật sắc là vô thường. Sắc là pháp ma diệt, biết như thật sắc là pháp ma

202. Linh Sơn Pháp Bảo Đại Tạng Kinh Tập VI, Bộ A Hàm VI, Kinh Tập A Hàm Số 2, Tập A Hàm Quyển 28, Kinh 749, Hội Văn hóa Giáo dục Linh Sơn Đài Bắc, Taiwan, 2000, trang 443.

203. Linh Sơn Pháp Bảo Đại Tạng Kinh Tập V, Bộ A Hàm V, Trung A Hàm Biệt Dịch & Kinh Tập A Hàm Số 1, Tập A Hàm Quyển 9: Tam Di Ly Đề (1), Kinh 251, Hội Văn hóa Giáo dục Linh Sơn Đài Bắc - Taiwan, 2000, trang 841.

diệt. Sắc là pháp sanh diệt, biết như thật sắc là pháp sanh diệt. Thọ, tưởng, hành, thức là vô thường, biết như thật thọ, tưởng, hành, thức là vô thường. Thức là pháp ma diệt, biết như thật thức là pháp ma diệt. Thức là pháp sanh diệt, biết như thật thức là pháp sanh diệt. Nay Tôn giả Câu-hi-la, đối với năm thọ ấm này, như thật biết, thấy, sáng tỏ, có giác, có tuệ, có vô gián đẳng, đó gọi là minh. Ai thành tựu những điều này thì gọi là người có minh”²⁰⁴.

(No. 257). Tôn giả Xá-lợi-phất đáp: “Biết như thật về sắc; biết như thật về sự tập khởi của sắc, về sự diệt tận của sắc, về con đường đưa đến sự đoạn tận của sắc. Biết như thật về thọ, tưởng, hành, thức; biết như thật về sự tập khởi của thức, về sự diệt tận của thức, về con đường đưa đến sự diệt tận của thức. Nay Câu-hi-la, đối với năm thọ ấm này, như thật biết, thấy, sáng tỏ, có giác, có tuệ, có vô gián đẳng, thì đó gọi là minh. Ai thành tựu những điều này thì gọi là người có minh”²⁰⁵.

204. Linh Sơn Pháp Bảo Đại Tạng Kinh Tập V, Bộ A Hàm V, Trung A Hàm Biệt Dịch & Kinh Tập A Hàm Số 1, Tập A Hàm Quyền 10: Vô Minh (1), Hội Văn hóa Giáo dục Linh Sơn Đài Bắc - Taiwan, 2000, trang 860.

205. Linh Sơn Pháp Bảo Đại Tạng Kinh Tập V, Bộ A Hàm V, Trung A Hàm Biệt Dịch & Kinh Tập A Hàm Số 1, Tập A Hàm Quyền 10: Vô Minh (1), Kinh 257, Hội Văn hóa Giáo dục Linh Sơn Đài Bắc - Taiwan, 2000, trang 861.

(No. 749). “Nếu khởi lên mình làm tiền tướng sanh ra các pháp thiện, thì theo đó sanh ra tầm quý. Tầm quý đã sanh ra rồi, có thể sanh ra chánh kiến. Chánh kiến đã sanh ra rồi, sẽ theo thứ tự khởi lên chánh chí, chánh ngữ, chánh nghiệp, chánh mạng, chánh phương tiện, chánh niệm, chánh định. Chánh định đã khởi lên rồi, Thánh đệ tử được chánh giải thoát tham dục, sân nhuế, ngu si. Như vậy, Thánh đệ tử khi đã được chánh giải thoát rồi sẽ được chánh tri kiến: ‘Ta, sự sanh đã dứt, phạm hạnh đã lập, những việc cần làm đã làm xong, tự biết không còn tái sanh vào đời sau’”²⁰⁶.

127. Vai trò của chánh kiến

(No. 301). “Bạch Thế Tôn, như Ngài nói ‘Chánh kiến.’ Vậy thế nào là chánh kiến? Bạch Thế Tôn, vì sao Thế Tôn thi thiết chánh kiến?”

Phật bảo Tán-đà Ca-chiên-diên: “Thế gian có hai sở y, hoặc có hoặc không, bị xúc chạm bởi thủ. Do bị xúc chạm bởi thủ nên hoặc y có hoặc y không. Nếu không có chấp thủ này vốn là kết sử hệ lụy của tâm và cảnh; nếu không thủ, không trụ, không còn chấp ngã, thì khi khổ sanh là sanh, khổ diệt là diệt, đối với việc này không nghi, không hoặc, không do người khác mà tự biết; đó

206. Linh Sơn Pháp Bảo Đại Tạng Kinh Tập VI, Bộ A Hàm VI, Kinh Tập A Hàm Số 2, Tập A Hàm Quyển 28, Kinh 749, Hội Văn hóa Giáo dục Linh Sơn Đài Bắc, Taiwan, 2000, trang 443.

gọi là chánh kiến. Đó gọi là chánh kiến do Như Lai thi thiết. Vì sao? Thế gian tập khởi, bằng chánh trí mà quán sát như thật, thì thế gian này không phải là không. Thế gian diệt, bằng chánh trí mà thấy như thật, thế gian này không phải là có. Đó gọi là lìa hai bên, nói pháp theo Trung đạo. Nghĩa là, ‘Cái này có nên cái kia có, cái này khởi nên cái kia khởi; tức là, duyên vô minh nên có hành,... cho đến, thuần một khối khổ lớn. Do vô minh diệt nên hành diệt,... cho đến, thuần một khối khổ lớn diệt’²⁰⁷.

(No. 748). “Như khi mặt trời mọc có tiền tướng của nó, là minh tướng, ánh sáng ban đầu. Cũng vậy, Tỳ-kheo tận cùng biên tế khổ, cứu cánh biên tế khổ có tiền tướng là chánh kiến. Chánh kiến này có thể phát khởi lên chánh chí, chánh ngữ, chánh nghiệp, chánh mạng, chánh phương tiện, chánh niệm, chánh định. Vì nhờ phát khởi định chánh thọ, nên Thánh đệ tử tâm chánh giải thoát tham dục, sân nhuế, ngu si. Với tâm khéo giải thoát như vậy, Thánh đệ tử đạt được Chánh tri kiến: ‘Ta, sự sanh đã hết, phạm hạnh đã lập, những việc cần làm đã làm xong, tự biết không tái sanh kiếp sau’²⁰⁸.

207. Linh Sơn Pháp Bảo Đại Tạng Kinh Tập V, Bộ A Hàm V, Trung A Hàm Biệt Dịch & Kinh Tập A Hàm Số 1, Tập A Hàm Quyển 12: Chúng Thọ, Kinh 301, Hội Văn hóa Giáo dục Linh Sơn Đài Bắc - Taiwan, 2000, trang 960~961.

208. Linh Sơn Pháp Bảo Đại Tạng Kinh Tập VI, Bộ A Hàm VI, Kinh Tập A Hàm Số 2, Tập A Hàm Quyển 28, Kinh 748, Hội Văn hóa Giáo dục Linh Sơn Đài Bắc, Taiwan, 2000, trang 442.

(No. 910). “Vì không tu pháp gì, nên sanh sân nhuế đối với người khác; do đã sanh sân nhuế, nên miệng nói lời ác, người ta vì vậy mà đặt tên là Ác tánh?”

Phật bảo thôn trưởng: “Vì không tu chánh kiến nên sanh ra sân nhuế đối với người khác; do đã sanh ra sân nhuế nên miệng nói ra lời ác, người ta vì vậy mà đặt tên là Ác Tánh. Vì không tu chánh chí, chánh ngữ, chánh nghiệp, chánh mạng, chánh phương tiện, chánh niệm, chánh định, nên sanh ra sân nhuế đối với người khác; do đã sanh ra sân nhuế, nên miệng nói ra lời ác, người ta vì vậy đặt tên là Ác Tánh”.

Lại hỏi Thế Tôn: “Phải tu tập pháp gì để không sân nhuế đối với người khác; do không sân nhuế, nên miệng nói ra lời thiện, người ta vì vậy đặt tên là Hiền Thiện?”

Phật bảo thôn trưởng:

“Vì tu chánh kiến, nên không sân nhuế đối với người khác; do không sân nhuế, nên miệng nói ra lời thiện, người ta vì vậy đặt tên là Hiền Thiện. Vì tu tập chánh chí, chánh ngữ, chánh nghiệp, chánh mạng, chánh phương tiện, chánh niệm, chánh định, nên không sân đối với người khác; do không sân nhuế nên miệng nói ra lời thiện, người ta vì vậy đặt tên là Hiền Thiện”²⁰⁹.

209. Linh Sơn Pháp Bảo Đại Tạng Kinh Tập VI, Bộ A Hàm VI, Kinh Tập A Hàm Số 2, Tập A Hàm Quyển 32, Kinh 910, Hội Văn hóa Giáo dục Linh Sơn Đài Bắc, Taiwan, 2000, trang 591~952

(No. 263). Bảy giờ Đức Phật bảo các Tỳ-kheo: “Ta do tri kiến mà diệt tận các lậu, chứ không phải không tri kiến. Thế nào là do tri kiến mà diệt tận các lậu, chứ không phải không tri kiến? Nghĩa là: ‘Đây là sắc, đây là sự tập khởi của sắc này, đây là sự diệt tận của sắc. Đây là thọ, tưởng, hành, thức; đây là sự tập khởi của thức, đây là sự diệt tận của thức’. Nếu không cần phương tiện, tùy thuận thành tựu, mà dụng tâm cầu mong rằng: ‘Mong ta diệt sạch được các lậu, tâm được giải thoát’, nên biết, Tỳ-kheo kia cuối cùng không thể diệt sạch được các lậu để giải thoát. Vì sao? Vì không tu tập. Không tu tập những gì? Không tu tập niệm xứ, chánh cần, như ý túc, căn, lực, giác, đạo²¹⁰.

128. Lý trí tuệ phân biệt giữa người có tu và không tu tập

(No. 1148). Phật dạy bảo vua Ba-tư-nặc: “Này bệ hạ, thôi đủ rồi. Chính bệ hạ cũng không phân biệt được đó có phải là A-la-hán thật, hay không phải là A-la-hán, vì không có được tha tâm trí. Và lại cần phải gằn gỏi, xem xét giới hạnh của họ, một thời gian lâu mới có thể biết được; chớ tự quyết vội vàng. Hãy xem xét kỹ, không chỉ hời hợt; hãy dùng trí tuệ, chớ không phải vô trí. Phải kinh

210. Linh Sơn Pháp Bảo Đại Tạng Kinh Tập V, Bộ A Hàm V, Trung A Hàm Biệt Dịch & Kinh Tập A Hàm Số 1, Tập A Hàm Quyển 10: Vô Minh (1), Kinh 263, Hội Văn hóa Giáo dục Linh Sơn Đài Bắc - Taiwan, 2000, trang 873.

qua các khổ cực khó khăn, mới có khả năng tự mình biện biệt, đối chiếu so sánh, thật giả sẽ phân biệt được. Thấy lời nói mới biết sự sáng suốt, chứ không thể phân biệt vội vàng, cần phải dùng trí tuệ tư duy quán sát”.

Vua bạch Phật: “Lạ thay! Bạch Thế Tôn, khéo nói lý này. Phải tiếp xúc chuyện trò một thời gian lâu, quán sát giới hạnh của họ... *cho đến* thấy sự nói năng hiểu biết rõ ràng.

“Con có người nhà cũng đi xuất gia. Mang hình tướng cũng như những người này, đi khắp các nước và khi trở về lại, khi cởi bỏ y phục kia, là trở lại hưởng thọ ngũ dục. Cho nên, nên biết, Thế Tôn nói đúng, nên cùng họ sống chung để xem xét giới hạnh của họ,... *cho đến* nói năng mà biết có trí tuệ”²¹¹.

129. Sự nguy hiểm của chấp thủ, chấp trước

(No. 283). “Nếu đối với pháp kết sử hệ phược mà tùy thuận nếm vị, rồi đoái tưởng, tâm hệ lụy, thì ái sanh; ái duyên thủ, thủ duyên hữu, hữu duyên sanh, sanh duyên già chết, ưu, bi, khổ, não và tụ tập thành thuận một khối khổ lớn như vậy. Như người trồng cây, ban đầu cây còn nhỏ yếu mềm, cần yêu quý bảo vệ làm cho nó an ổn, vun

211. Linh Sơn Pháp Bảo Đại Tạng Kinh Tập VI, Bộ A Hàm VI, Kinh Tập A Hàm Số 2, Tập A Hàm Quyển 42, Kinh 1.148, Hội Văn hóa Giáo dục Linh Sơn Đài Bắc, Taiwan, 2000, trang 966.

bồi đất, tùy thời tưới nước, nóng lạnh điều hòa. Nhờ những nhân duyên này nên cây mới lớn dần. Cũng vậy, này các Tỳ-kheo, đối với các pháp kết sử ràng buộc mà nếm vị, chăm sóc cho lớn, thì ân ái sanh; ái duyên thủ, thủ duyên hữu, hữu duyên sanh, sanh duyên già chết, ưu, bi, khổ, não và tụ tập thành thuận một khối khổ lớn như vậy.

“Nếu đối với các pháp kết sử ràng buộc mà thù thuận quán vô thường, quán trụ, sanh, diệt, quán vô dục, quán tịch diệt, quán xả, chẳng sanh đoái tưởng, tâm không hệ lụy, thì ái diệt; ái diệt thì thủ diệt, thủ diệt thì hữu diệt, hữu diệt thì sanh diệt, sanh diệt thì lão, bệnh, tử, ưu, bi, khổ, não diệt và khối khổ lớn đã tụ tập thuận thành cũng diệt. Cũng giống trồng cây, ban đầu cây còn nhỏ, mềm yếu, mà không yêu quý bảo vệ, không làm cho nó an ổn, không vun bồi phân đất, không tưới nước theo thời, không tạo sự thích hợp nóng lạnh, thì cây ấy sẽ không thể tăng trưởng. Lại còn chặt gốc, bẻ cành, cắt ra từng đoạn, chia ra từng phần, để cho gió thổi nắng tấp; hay dùng lửa thiêu đốt, cây cháy thành tro; hoặc để cho gió lốc bốc lên; hoặc bị quăng xuống nước, thì này các Tỳ-kheo, ý các ông thế nào, làm như vậy há không phải là chặt đứt gốc rễ cây này, cho đến thiêu đốt khiến cho nó bị tiêu diệt, thành pháp không sanh khởi trong đời vị lai chẳng?”

Đáp: “Bạch Thế Tôn, đúng như vậy”.

“Nhu vậy, này các Tỳ-kheo, đối với các pháp kết sử ràng buộc mà tùy thuận quán vô thường, quán trụ, sanh, diệt, quán vô dục, quán tịch diệt, quán xả, chẳng sanh đoái tưởng, tâm không hệ lụy, thì ái diệt; ái diệt thì thủ diệt, thủ diệt thì hữu diệt, hữu diệt thì sanh diệt, sanh diệt thì lão, bệnh, tử, ưu, bi, khổ, não diệt và khối khổ lớn đã tụ tập thuần thành cũng diệt”²¹².

(No. 286). “Ta nhớ về thuở trước, khi chưa thành Chánh giác, sống một mình ở chỗ thanh vắng, chuyên cần tinh tấn thiền định, tư duy. *Nói đầy đủ như kinh trên, chỉ có một vài sự sai biệt là:* “Ví như vác mười bó củi, hai mươi bó, ba mươi bó, bốn mươi bó, năm mươi bó, trăm bó, ngàn bó, trăm ngàn bó, gom chắt lại thành một đồng, đốt lên thành một đồng lửa lớn. Nếu có người nào cho thêm củi và cỏ khô vào, thì các Tỳ-kheo, các ông nghĩ sao, lửa này có tiếp tục cháy mãi được không?”

Các Tỳ-kheo bạch Phật: “Bạch Thế Tôn, có như vậy”.

“Nhu vậy, này các Tỳ-kheo, đối với pháp bị chấp thủ, mà tham đắm vị, tham luyến, tâm hệ lụy, thì ái dục tăng trưởng. Ái này lấy thủ làm duyên. Thủ duyên hữu và cho đến tụ tập thuần một khối khổ lớn.

212. Linh Sơn Pháp Bảo Đại Tạng Kinh Tập V, Bộ A Hàm V, Trung A Hàm Biệt Dịch & Kinh Tập A Hàm Số 1, Tập A Hàm Quyển 12: Chúng Thọ, Kinh 283, Hội Văn hóa Giáo dục Linh Sơn Đài Bắc - Taiwan, 2000, trang 929~930.

“Này các Tỳ-kheo, nếu đồng lửa đang cháy kia mà không thêm củi và cỏ khô vào, thì các Tỳ-kheo nghĩ sao, lửa kia có bị tắt không?”

“Bạch Thế Tôn, có như vậy”.

“Như vậy, này các Tỳ-kheo, đối với các pháp bị chấp thủ nên quán sát là vô thường, sanh diệt, ly dục, diệt tận, xả, tâm không tham luyến, tâm không hệ lụy, thì ái diệt. Ái diệt thì thủ diệt; nói đầy đủ như vậy cho đến, khối khổ lớn thuần nhất đã tụ tập kia cũng diệt”²¹³.

(No. 44). Nếu có sanh thì sẽ có trói buộc, nếu không sanh thì sẽ không có trói buộc. Hãy lắng nghe và suy nghĩ kỹ, Ta sẽ vì các ông mà nói.

“Thế nào là nếu có sanh thì sẽ có trói buộc? Phàm phu ngu si vô học, không biết như thật về sự tập khởi của sắc, sự diệt tận của sắc, vị ngọt của sắc, sự tai hại của sắc, sự xuất ly sắc, nên đối với sắc mà ái hỷ, tán thán, thủ trước; ở nơi sắc thấy là ngã, là ngã sở mà chấp thủ. Khi đã chấp thủ rồi, nếu sắc kia biến chuyển hay đổi khác, tâm theo đó mà biến khác. Vì tâm theo đó biến khác, nên nắm giữ tâm mà trụ.

213. Linh Sơn Pháp Bảo Đại Tạng Kinh Tập V, Bộ A Hàm V, Trung A Hàm Biệt Dịch & Kinh Tập A Hàm Số 1, Tập A Hàm Quyền 12: Chúng Thọ, Kinh 286, Hội Văn hóa Giáo dục Linh Sơn Đài Bắc - Taiwan, 2000, trang 934.

Vì nắm giữ tâm trụ nên sanh sợ hãi, chướng ngại, hoài vọng. Vì có sanh nên có sự trói buộc. Đối với thọ, tưởng, hành, thức cũng lại như vậy. Đó gọi là có sanh nên có sự trói buộc.

“Thế nào là nếu không sanh thì không trói buộc? Đa văn Thánh đệ tử biết như thật về sự tập khởi của sắc, về sự tận diệt của sắc, về vị ngọt của sắc, về sự tai hại của sắc, về sự xuất ly của sắc. Vì đã biết như thật, nên không ái hỷ, tán thán, thủ trước; không buộc chặt ngã và ngã sở, mà chấp thủ. Vì không chấp thủ nên sắc kia nếu biến chuyển hay đổi khác, tâm không theo đó mà biến khác. Vì tâm không theo sự biến khác, nên tâm không bị trói buộc, nắm giữ tâm mà trụ. Do không nắm giữ tâm mà trụ, nên tâm không sợ hãi, chướng ngại, hoài vọng; vì không sanh nên không trói buộc vậy. Đó gọi là không sanh, nên không có trói buộc”²¹⁴.

130. Sự khác biệt giữa người trí và kẻ ngu

(No. 245). Kinh Tứ phẩm pháp là gì? Có sắc được nhận thức bởi mắt là đáng yêu, đáng nhớ, đáng thích, đáng say đắm. Tỳ-kheo thấy rồi thì hoan hỷ, tán thán, ái lạc, bám chặt vào đó. Có sắc được nhận thức bởi mắt là

214. Linh Sơn Pháp Bảo Đại Tạng Kinh Tập V, Bộ A Hàm V, Trung A Hàm Biệt Dịch & Kinh Tập A Hàm Số 1, Tập A Hàm Quyển 2: Phi Ngã, Kinh 44, Hội Văn hóa Giáo dục Linh Sơn Đài Bắc - Taiwan, 2000, trang 578~579.

không đáng yêu, không đáng nhớ, không đáng thích đắm vào, chỉ có khổ, đáng nhàm tởm. Tỳ-kheo thấy rồi thì sân hận, bất mãn. Những Tỳ-kheo như vậy không được tự tại thoát khỏi ma, ... cho đến sẽ không giải thoát khỏi sự trói buộc của ma. Đối với tai, mũi, lưỡi, thân, ý lại cũng như vậy.

“Có sắc được nhận thức bởi mắt là đáng yêu, đáng nhớ, đáng thích, đáng say đắm. Tỳ-kheo thấy rồi không hoan hỷ, không tán thán, không ái lạc mà bám chặt vào đó. Có sắc được nhận thức bởi mắt là không đáng yêu, không đáng nhớ, không đáng thích đắm vào, chỉ có khổ, đáng nhàm tởm. Tỳ-kheo thấy rồi thì không sân hận, không bất mãn. Tỳ-kheo như vậy, không bị ma tự tại chi phối,... cho đến thoát khỏi mọi sự trói buộc của ma. Đối với tai, mũi, lưỡi, thân, ý lại cũng như vậy. Đó gọi là kinh Tứ phẩm pháp của Tỳ-kheo”²¹⁵.

131. 5 dục được ví như hầm lửa...

(No. 1173). Thế nào gọi là Thánh đệ tử đa văn thấy năm dục như hầm lửa,... cho đến các pháp ác bất thiện và tham ưu thế gian vĩnh viễn không còn che đậy tâm nữa?

215. Linh Sơn Pháp Bảo Đại Tạng Kinh Tập V, Bộ A Hàm V, Trung A Hàm Biệt Dịch & Kinh Tập A Hàm Số 1, Tập A Hàm Quyển 9: Tam Di Ly Đề (1), Kinh 245, Hội Văn hóa Giáo dục Linh Sơn Đài Bắc - Taiwan, 2000, trang 832.

“Thí như bên cạnh thôn xóm có một cái hầm sâu đựng đầy lửa, không có khói và lửa ngọn. Khi ấy có một người không ngu si, thông minh trí tuệ, ưa lạc, chán khổ, ham sống, sợ chết. Ông tự nghĩ: ‘Ở đây có cái hầm đựng đầy lửa, nếu ta rơi vào trong đó chắc chắn phải chết không còn nghi ngờ’. Người kia phát sanh sự tránh xa, nghĩ tránh xa, muốn tránh xa. Cũng vậy, Thánh đệ tử đa văn thấy ngũ dục như hầm lửa... cho đến pháp ác bất thiện, tham ưu thế gian, vĩnh viễn không còn che đậy tâm. Nếu hành xử, trụ xử mà được phòng hộ trước, biết trước... cho đến các pháp ác bất thiện tham ưu thế gian không còn lọt vào tâm.

“Thí như bên cạnh thôn xóm có khu rừng nài nhiều cây gai nhọn. Khi ấy có người vào rừng có công việc. Sau khi vào rừng, thấy trước sau, phải trái, trên dưới hoàn toàn là gai nhọn. Bây giờ người kia chánh niệm mà đi, chánh niệm tới lui, chánh niệm mở mắt sáng, chánh niệm nhìn thẳng, chánh niệm khom người. Vì sao? Vì không để gai nhọn làm tổn thương thân mình. Thánh đệ tử đa văn cũng lại như vậy. Nếu y tựa nơi làng xóm, thành ấp; sáng sớm đắp y, ôm bát vào xóm khát thực, phải khéo nhiếp hộ thân và giữ gìn tâm mình, chánh niệm an trú, chánh niệm mà đi, chánh niệm mở mắt sáng, chánh niệm quán sát. Vì sao? Vì không để cho gai nhọn làm tổn thương đến Chánh pháp luật. Thế nào là gai nhọn làm tổn thương đến Chánh pháp luật? Là sắc vừa ý, đáng

yêu, đáng nhớ. Đó gọi là gai nhọn làm tổn thương đến Thánh pháp luật”²¹⁶.

132. Chính tham dục trói buộc con người, không phải vật chất

(No. 250). “Thưa Tôn giả Xá-lợi-phất, thế nào, mắt kết buộc sắc, hay sắc kết buộc mắt? Tai và âm thanh, mũi và mùi, lưỡi và vị, thân và xúc, ý và pháp; ý kết buộc pháp hay pháp kết kết buộc ý?”

Tôn giả Xá-lợi-phất trả lời Tôn giả Ma-ha Câu-hi-la: “Chẳng phải mắt kết buộc sắc, cũng chẳng phải sắc kết buộc mắt, cho đến, chẳng phải ý kết buộc pháp, cũng chẳng phải pháp kết buộc ý. Tôn giả Ma-ha Câu-hi-la, ở giữa hai cái đó, cái gì là dục tham thì cái đó là kết buộc”.

“Tôn giả Ma-ha Câu-hi-la, giống như hai con bò, một đen một trắng, cùng bị buộc vào một cái ách. Có người hỏi, ‘Bò đen buộc bò trắng hay bò trắng buộc bò đen?’ Hỏi như vậy có đúng không?”

Đáp: “Không, Tôn giả Xá-lợi-phất, chẳng phải bò đen buộc bò trắng, cũng chẳng phải bò trắng buộc bò đen. Nhưng ở đây, hoặc là cái ách, hay là dây buộc cổ, là cái kết buộc chúng”.

216. Linh Sơn Pháp Bảo Đại Tạng Kinh Tập VI, Bộ A Hàm VI, Kinh Tập A Hàm Số 2, Tập A Hàm Quyển 43, Kinh 1.173, Hội Văn hóa Giáo dục Linh Sơn Đài Bắc, Taiwan, 2000, trang 1005~1006.

Tôn giả Xá-lợi-phất nói: “Cũng vậy, Tôn giả Ma-ha Câu-hi-la, chẳng phải mắt kết buộc sắc, cũng chẳng phải sắc kết buộc mắt, cho đến, chẳng phải ý kết buộc pháp, cũng chẳng phải pháp kết buộc ý. Ở đây dục tham kết buộc chúng. Thưa Tôn giả Ma-ha Câu-hi-la, nếu mắt kết buộc sắc, hay nếu sắc kết buộc mắt và cho đến, nếu ý kết buộc pháp, hay nếu pháp kết buộc ý, thì Thế Tôn đã không dạy người kiến lập phạm hạnh để đoạn tận khổ. Vì chẳng phải mắt kết buộc sắc, cũng chẳng phải sắc kết buộc mắt và cho đến, chẳng phải ý kết buộc pháp, cũng chẳng phải pháp kết buộc ý, nên Đức Thế Tôn dạy người kiến lập phạm hạnh để đoạn tận khổ. Thưa Tôn giả Ma-ha Câu-hi-la, Thế Tôn khi mắt thấy sắc hoặc tốt, hoặc xấu, không khởi dục tham; còn những chúng sanh khác khi mắt thấy sắc hoặc tốt, hoặc xấu thì khởi dục tham. Cho nên Đức Thế Tôn nói hãy đoạn tận dục tham, thì tâm được giải thoát. Cho đến, ý và pháp lại cũng như vậy”²¹⁷.

(No. 552). Làm thế nào mà ở trong pháp luật này đạt đến rốt ráo biên tế, rốt ráo vô cầu, cứu cánh phạm hạnh, tuyệt đối thanh tịnh?”

Tôn giả Ma-ha Ca-chiên-diên bảo gia chủ: “Con mắt, thức con mắt, sắc được nhận thức bởi con mắt, nương

217. Linh Sơn Pháp Bảo Đại Tạng Kinh Tập V, Bộ A Hàm V, Trung A Hàm Biệt Dịch & Kinh Tập A Hàm Số 1, Tập A Hàm Quyển 9: Tam Di Ly Đề (1), Kinh 250, Hội Văn hóa Giáo dục Linh Sơn Đài Bắc - Taiwan, 2000, trang 839~840.

nhau sanh hỷ. Nếu hỷ này đoạn tận, vô dục, diệt tận, tịch diệt, tĩnh chỉ, thì ngay trong Pháp luật này sẽ đạt đến rốt ráo biên tế, rốt ráo vô cấu, cứu cánh phạm hạnh, tuyệt đối thanh tịnh. Tai, mắt, lưỡi, thân, ý, ý thức; pháp được nhận thức bởi ý nhau sanh ra hỷ. Nếu hỷ này đoạn tận, vô dục, diệt tận, tịch diệt, tĩnh chỉ, thì ngay trong Pháp luật này sẽ đạt đến rốt ráo biên tế, rốt ráo vô cấu, cứu cánh phạm hạnh, tuyệt đối thanh tịnh”²¹⁸.

133. Thức thân

(No. 23). “Bạch Thế Tôn, biết như thế nào, thấy như thế nào để cho thân thức này của con cùng tất cả những tướng trạng thuộc cảnh giới bên ngoài không có các kết sử trói buộc là ngã, ngã sở kiến, ngã mạn”.

“Lành thay! Lành thay! Phải chăng người hỏi Như Lai rằng, ‘Biết như thế nào, thấy như thế nào để cho thân thức này của con cùng tất cả những tướng trạng thuộc cảnh giới bên ngoài không có các kết sử trói buộc là ngã, ngã sở kiến, ngã mạn?’”

La-hầu-la bạch Phật rằng: “Đúng vậy, bạch Thế Tôn”.

218. Linh Sơn Pháp Bảo Đại Tạng Kinh Tập VI, Bộ A Hàm VI, Kinh Tập A Hàm Số 2, Tập A Hàm Quyển 20, Kinh 552, Hội Văn hóa Giáo dục Linh Sơn Đài Bắc, Taiwan, 2000, trang 180.

Phật dạy La-hầu-la: “Này La-hầu-la, hãy quán sát, những gì thuộc về các sắc, hoặc quá khứ, hoặc hiện tại, hoặc vị lai; hoặc trong, hoặc ngoài; hoặc thô, hoặc tế; hoặc xấu, hoặc tốt; hoặc xa, hoặc gần; tất cả những thứ đó đều *chẳng phải ngã, không khác ngã, không ở trong nhau*; nên bằng tuệ bình đẳng mà quán sát như thật như vậy. Cũng vậy thọ, tưởng, hành, thức, hoặc quá khứ, hoặc vị lai, hoặc hiện tại; hoặc trong, hoặc ngoài; hoặc thô, hoặc tế; hoặc xấu, hoặc tốt; hoặc xa, hoặc gần; tất cả những thứ đó đều *chẳng phải ngã, không khác ngã, không ở trong nhau*; nên bằng tuệ bình đẳng quán sát như thật như vậy”²¹⁹.

134. Sự hòa hợp của 3 pháp

(No. 230). Con mắt, sắc, nhãn thức, nhãn xúc và cảm thọ với khổ thọ, lạc thọ và phi khổ phi lạc thọ được cảm thọ bên trong phát sanh bởi nhân duyên nhãn xúc. Tai, mũi, lưỡi, thân, ý, pháp, ý thức, ý xúc và cảm thọ với khổ thọ, lạc thọ và phi khổ phi lạc thọ được cảm thọ bên trong phát sanh bởi nhân duyên ý xúc. Đó gọi là thể gian. Vì sao? Vì sáu nhập xứ tập khởi nên xúc tập khởi, như vậy cho đến thuần một tụ khổ lớn cũng tập khởi.

219. Linh Sơn Pháp Bảo Đại Tạng Kinh Tập V, Bộ A Hàm V, Trung A Hàm Biệt Dịch & Kinh Tập A Hàm Số 1, Tập A Hàm Quyển 1: Vô Thường, Kinh 23, Hội Văn hóa Giáo dục Linh Sơn Đài Bắc - Taiwan, 2000, trang 544.

“Này Tam-di-ly-đề nếu không có con mắt kia, không có sắc, không có nhãn thức, không có nhãn xúc và không có cảm thọ với khổ thọ, lạc thọ và phi khổ phi lạc thọ được cảm thọ bên trong phát sanh bởi nhân duyên nhãn xúc; không có tai, mũi, lưỡi, thân, ý, pháp, ý thức, ý xúc và cảm thọ với khổ thọ, lạc thọ và phi khổ phi lạc thọ được cảm thọ bên trong phát sanh bởi nhân duyên ý xúc, thì không có thể gian, cũng không thi thiết thể gian. Vì sao? Vì sáu nhập xứ diệt nên xúc diệt, cho đến thuần một tụ khổ lớn cũng diệt”²²⁰.

(No. 551). “Thế nào là nguồn?”

Tôn giả Ma-ha Ca-chiên-diên đáp: “Duyên con mắt và sắc sanh ra thức con mắt. Ba sự hòa hợp sanh ra xúc. Duyên xúc sanh cảm thọ, hoặc thọ lạc, thọ khổ, thọ không khổ không lạc. Từ đó phát xuất dòng nhiễm trước. Tai, mũi, lưỡi, thân, ý; ý thức, ý thức pháp, cả ba hòa hợp sanh ra xúc. Duyên xúc sanh cảm thọ, hoặc thọ lạc, thọ khổ, thọ không khổ không lạc. Dòng ái hỷ y nơi thọ này phát xuất, đó gọi là nguồn của dòng”²²¹.

220. Linh Sơn Pháp Bảo Đại Tạng Kinh Tập V, Bộ A Hàm V, Trung A Hàm Biệt Dịch & Kinh Tập A Hàm Số 1, Tập A Hàm Quyển 9: Tam Di Ly Đề (1), Kinh 230, Hội Văn hóa Giáo dục Linh Sơn Đài Bắc - Taiwan, 2000, trang 818.

221. Linh Sơn Pháp Bảo Đại Tạng Kinh Tập VI, Bộ A Hàm VI, Kinh Tập A Hàm Số 2, Tập A Hàm Quyển 20, Kinh 551, Hội Văn hóa Giáo dục Linh Sơn Đài Bắc, Taiwan, 2000, trang 177~178

135. 3 cảm thọ

(No. 467~485).

(No. 467). “Có ba thứ thọ đó là khổ thọ, lạc thọ, không khổ không lạc thọ. Quán sát lạc thọ mà khởi tưởng là khổ; quán sát khổ thọ mà khởi tưởng là kiếm đâm; quán sát không khổ không lạc thọ mà khởi tưởng là vô thường. Nếu Tỳ-kheo quán sát lạc thọ mà khởi tưởng là khổ, quán sát khổ thọ mà khởi tưởng là kiếm đâm, quán sát không khổ không lạc thọ mà khởi tưởng là vô thường, hoại diệt, thì đó gọi là chánh kiến”²²².

(No. 470). “Phàm phu ngu si không học sanh khổ thọ, lạc thọ, không khổ không lạc thọ. Đa văn Thánh đệ tử cũng sanh khổ thọ, lạc thọ, không khổ không lạc thọ. Nay các Tỳ-kheo, như vậy giữa phàm phu và Thánh nhân có gì sai khác?”...

“Hãy lắng nghe và suy nghĩ kỹ, Ta sẽ vì các ông mà nói.

“Này các Tỳ-kheo, phàm phu ngu si không học, vì thân xúc chạm sanh các thọ, tăng thêm các khổ đau, cho đến bị cướp mất mạng sống, sầu bi, thán oán, khóc lóc, kêu gào, tâm sanh cuồng loạn. Ngay lúc đó hai thọ tăng trưởng, là thân thọ và tâm thọ. Như có người thân bị

222. Linh Sơn Pháp Bảo Đại Tạng Kinh Tập VI, Bộ A Hàm VI, Kinh Tập A Hàm Số 2, Tập A Hàm Quyển 17, Kinh 467, Hội Văn hóa Giáo dục Linh Sơn Đài Bắc, Taiwan, 2000, trang 57.

trúng hai mũi tên độc, vô cùng đau đớn. Phàm phu ngu si không học lại cũng như vậy. Hai thọ tăng trưởng: thân thọ, tâm thọ vô cùng đau đớn, khổ sở. Vì sao? Vì phàm phu ngu si không học này vì không biết rõ, nên ở nơi ngũ dục mà phát sanh cảm xúc lạc thọ, lãnh thọ năm thứ dục lạc. Do lãnh thọ năm thứ dục lạc nên bị tham sử sai khiến. Vì xúc chạm cảm thọ khổ nên sanh sân nhuế. Vì nổi sân nhuế nên bị nhuế sử sai khiến. Nếu đối với sự tập khởi, sự diệt tận, vị ngọt, tai hại và xuất ly của hai thọ này mà không biết như thật; vì không biết như thật nên sanh cảm thọ không khổ không lạc, bị si sử sai khiến. Nó bị lạc thọ trói buộc, mãi không thể lia; bị khổ thọ trói buộc, trọn không thể lia; bị cảm thọ không khổ không lạc trói buộc, cuối cùng không thể lia”.

“Cái gì trói buộc? Bị tham, nhuế, si trói buộc; bị sanh, già, bệnh, chết, ưu, bi, khổ, não trói buộc”.

“Đa văn Thánh đệ tử, thân xúc sanh khổ thọ, khổ lớn bức bách... cho đến cướp mất sanh mạng, mà không khởi lo buồn, thán oán, khóc lóc, kêu gào, loạn tâm phát cuồng. Ngay lúc đó chỉ sanh một thứ thọ, đó là thân thọ, chứ không sanh tâm thọ. Như người bị một mũi tên độc, không bị mũi tên độc thứ hai, ngay khi đó chỉ sanh có một cảm thọ, đó là thân thọ mà không sanh tâm thọ. Khi xúc chạm lạc thọ, không nhiễm dục lạc. Vì không nhiễm dục lạc nên đối với lạc thọ này, tham sử không sai khiến. Khi xúc chạm khổ thọ không sanh sân nhuế. Vì không sanh sân nhuế, nên nhuế sử không thể sai khiến. Nếu đối

với sự tập khởi, sự diệt tận, vị ngọt, tai hại, sự xuất ly của hai sử này mà biết như thật; vì biết như thật cảm thọ không khổ không lạc, nên si sử không thể sai khiến được. Đối với lạc thọ được giải thoát, không bị trói buộc; khổ thọ, không khổ không lạc thọ cũng được giải thoát, không bị trói buộc.

“Không bị cái gì trói buộc? Tham, nhuế, si không trói buộc; sanh, già, bệnh, chết, ưu, bi, khổ, não không trói buộc”²²³.

(No. 485). Phật bảo Tôn giả Ưu-đà-di: “Ta có khi nói một thọ, có khi nói hai thọ, hoặc có khi nói ba, bốn, năm, sáu, mười tám, ba mươi sáu, cho đến một trăm lẻ tám thọ, hoặc có khi nói vô lượng thọ.

“Ta nói một thọ như thế nào? Như nói, ‘Những gì là thọ đều là khổ.’ Đó gọi là Ta nói có một thọ. Ta nói hai thọ như thế nào? Nói, ‘Thân thọ và tâm thọ.’ Đó gọi là có hai thọ. Thế nào là ba thọ? Thọ khổ, thọ vui, thọ không khổ không vui. Thế nào là bốn thọ? Thọ hệ thuộc Dục giới, thọ hệ thuộc Sắc giới, thọ hệ thuộc Vô sắc giới và thọ không hệ thuộc. Thế nào là nói năm thọ? Lạc căn, hỷ căn, khổ căn, ưu căn và xả căn. Đó gọi là năm thọ. Thế nào là sáu thọ? Thọ sanh từ nhãn xúc, thọ sanh từ nhĩ, tỷ, thiệt, thân, ý xúc. Đó gọi là sáu thọ. Thế nào là mười tám

223. Linh Sơn Pháp Bảo Đại Tạng Kinh Tập VI, Bộ A Hàm VI, Kinh Tập A Hàm Số 2, Tập A Hàm Quyển 17, Kinh 470, Hội Văn hóa Giáo dục Linh Sơn Đài Bắc, Taiwan, 2000, trang 61-63.

thọ? Thọ, theo sáu hỷ hành, sáu ưu hành và sáu xả hành. Đó gọi là mười tám thọ. Thế nào là ba mươi sáu thọ? Hỷ y sáu tham trước, hỷ y sáu ly tham; ưu y sáu tham trước, ưu y sáu ly tham; xả y sáu tham trước, xả sáu ly tham. Đó gọi là ba mươi sáu thọ. Thế nào là một trăm lẻ tám thọ? Ba mươi sáu thọ quá khứ, ba mươi sáu thọ vị lai và ba mươi sáu thọ hiện tại. Đó gọi là một trăm lẻ tám thọ. Thế nào là vô lượng thọ? Như nói thọ này, thọ kia v.v... Đây Tỳ-kheo, như vậy gọi là vô lượng thọ. Đây Ưu-đà-di, Ta bằng nhiều hình thức như vậy nói như thật nghĩa của thọ. Thế gian không hiểu, nên tranh luận và mâu thuẫn chống trái nhau, trọn không nắm được nghĩa chân thật trong pháp luật của Ta, để tự dừng lại.

Này Ưu-đà-di, nếu đối với nghĩa của nhiều loại thọ mà Ta đã nói đây, hiểu biết như thật, thì không khởi tranh luận và mâu thuẫn chống trái nhau. Với tranh luận đã khởi lên hay chưa khởi lên, có thể bằng pháp luật này mà ngăn ngừa, khiến cho nó đình chỉ.

“Nhưng này Ưu-đà-di, có hai thọ: thọ dục và thọ ly dục. Thế nào là thọ dục? Thọ do nhân duyên năm công đức của dục sanh ra, đó gọi là thọ dục. Thế nào là thọ ly dục? Tỳ-kheo ly dục và pháp ác bất thiện, có giác, có quán, có hỷ lạc phát sanh do viễn ly, thành tựu và an trụ Sơ thiên, đó gọi là thọ ly dục.

“Nếu có người nói: ‘Chúng sanh nương vào Sơ thiên này, chỉ có đây là lạc, ngoài ra không còn gì khác’. Điều

này không đúng. Vì sao? Vì còn có cái lạc thù thắng hơn cái lạc này. Đó là gì? Tỳ-kheo lià có giác, lià có quán, nội tĩnh, có hỷ lạc do định sanh, thành tựu và an trụ Nhị thiên; đó gọi là lạc thù thắng. Như vậy, cho đến, Phi tướng phi phi tướng nhập xứ, càng lên càng thù thắng hơn.

“Nếu có người nói: ‘Chỉ có những xứ này, cho đến, Phi tướng phi phi tướng là cực lạc, không còn chỗ nào khác’. Như vậy cũng lại không đúng. Vì sao? Vì còn có cái lạc thù thắng hơn những nơi này nữa. Đó là gì? Tỳ-kheo vượt qua tất cả Phi tướng phi phi tướng nhập xứ, tướng thọ diệt, tự thân tác chứng thành tựu; đó là cái lạc thù thắng hơn cái lạc trên.

“Nếu có kẻ xuất gia dị học nói: ‘Sa-môn Thích tử chỉ nói đến tướng thọ diệt và cho là đã đến chỗ tận cùng của lạc’, điều này không đúng. Vì sao? Vì đây không phải là danh nghĩa thọ lạc mà Thế Tôn đã nói. Danh nghĩa thọ lạc mà Thế Tôn nói là, như nói: ‘Này Ưu-đà-di, có bốn thứ lạc. Những gì là bốn? Đó là lạc ly dục, lạc viễn ly, lạc tịch diệt và lạc Bồ-đề’”²²⁴.

224. Linh Sơn Pháp Bảo Đại Tạng Kinh Tập VI, Bộ A Hàm VI, Kinh Tập A Hàm Số 2, Tập A Hàm Quyển 17, Kinh 485, Hội Văn hóa Giáo dục Linh Sơn Đài Bắc, Taiwan, 2000, trang 82~83.

136. Kê trí và người ngu

(No. 279). “Phàm phu ngu si không học, khi mắt thấy sắc, chấp thủ tướng chung, chấp thủ tướng riêng; bất kể nhãn căn hướng đến nơi nào, đều an trụ với bất luật nghi được chấp thọ, các ác pháp bất thiện tham ái của thế gian lọt vào tâm, những điều như thế đều do không thể chấp trì luật nghi, phòng hộ nhãn. Đối với tai, mũi, lưỡi, thân, ý lại cũng như vậy. Như thế đối với sáu căn, không điều phục, không đóng kín, không giữ gìn, không chấp trì, không tu tập thì ở đời vị lai sẽ chịu quả báo khổ.

“Thế nào là sáu căn khéo điều phục, khéo đóng kín, khéo giữ gìn, khéo chấp trì, khéo tu tập thì ở đời vị lai sẽ được an vui? Đa văn Thánh đệ tử khi mắt thấy sắc không chấp thủ tướng chung, không chấp thủ tướng riêng bất kể nhãn căn hướng đến nơi nào, vẫn thường an trú với luật nghi. Những pháp ác, bất thiện tham ái ở thế gian không lọt vào tâm, có thể sanh ra các luật nghi, khéo thủ hộ nhãn căn. Đối với tai, mũi, lưỡi, thân, ý lại cũng như vậy. Đó gọi là sáu căn khéo điều phục, khéo đóng kín, khéo giữ gìn, khéo chấp trì, khéo tu tập, thì ở đời vị lai sẽ được an vui²²⁵.

225. Linh Sơn Pháp Bảo Đại Tạng Kinh Tập V, Bộ A Hàm V, Trung A Hàm Biệt Dịch & Kinh Tập A Hàm Số 1, Tập A Hàm Quyển 11: Thứ Thanh Dự, Kinh 279, Hội Văn hóa Giáo dục Linh Sơn Đài Bắc - Taiwan, 2000, trang 915~916.

137. Chánh và tà là...

(No. 787). “Hướng theo tà là trái nghịch pháp, không thích pháp. Hướng theo chánh là thích pháp, không trái nghịch pháp.

“Thế nào là hướng theo tà là trái nghịch pháp, không ưa thích pháp? Người tà kiến, thân nghiệp như được thấy, khẩu nghiệp như được thấy hoặc tư niệm hoặc ước muốn, hoặc ước nguyện, hoặc hành vi tất cả những điều ấy đều tùy thuận đưa đến quả không khả ái, không khả niệm, không khả ý. Vì sao? Vì kiến ấy là ác, tức là tà kiến. Tà kiến khởi lên tà chí, tà ngữ, tà nghiệp, tà mạng, tà phương tiện, tà niệm, tà định. Đó gọi là hướng theo tà là trái lại với pháp, không ưa thích pháp.

“Thế nào là hướng theo chánh là thích pháp, không trái nghịch pháp? Người chánh kiến, thân nghiệp như được thấy, hoặc khẩu nghiệp, hoặc tư niệm, hoặc ước muốn, hoặc ước nguyện, hoặc hành vi, tất cả những điều ấy đều tùy thuận đưa đến quả khả ái, khả niệm, khả ý. Vì sao? Vì kiến chân chánh, tức là chánh kiến. Chánh kiến khởi lên chánh chí, chánh ngữ, chánh nghiệp, chánh mạng, chánh phương tiện, chánh niệm, chánh định. Đó gọi là hướng theo chánh là thích pháp, không trái nghịch pháp”²²⁶.

226. Linh Sơn Pháp Bảo Đại Tạng Kinh Tập VI, Bộ A Hàm VI, Kinh Tập A Hàm Số 2, Tập A Hàm Quyển 28, Kinh 787, Hội Văn hóa Giáo dục Linh Sơn Đài Bắc, Taiwan, 2000, trang 471.

138. Pháp bất thiện

(No. 750). “Nếu, Tỳ-kheo, các pháp ác bất thiện sanh khởi, tất cả đều do vô minh làm gốc, vô minh tập, vô minh sanh, vô minh khởi. Vì sao? Vì vô minh là vô tri, không biết như thật đối với pháp thiện, pháp bất thiện; không biết như thật có tội, không có tội, pháp thấp, pháp cao, nhiễm ô, không nhiễm ô, phân biệt, không phân biệt, duyên khởi, không duyên khởi. Vì không biết như thật nên khởi lên tà kiến; khi đã khởi tà kiến rồi, thì có khả năng khởi lên tà chí, tà ngữ, tà nghiệp, tà mạng, tà phương tiện, tà niệm, tà định”²²⁷.

139. Pháp thiện

(No. 750). “Nếu các pháp thiện sanh, tất cả đều do minh làm gốc, minh tập, minh sanh, minh khởi. Vì minh, biết như thật đối với pháp thiện, bất thiện; tất cả đều biết như thật về tội, không tội, thân cận, không thân cận, pháp thấp, pháp cao, ô uế, bạch tịnh, có phân biệt, không phân biệt, duyên khởi, không duyên khởi, biết như thật, đó là chánh kiến. Chánh kiến hay khởi lên chánh chí, chánh ngữ, chánh nghiệp, chánh mạng, chánh phương tiện, chánh niệm, chánh định. Khi đã khởi lên chánh định rồi, Thánh đệ tử được chánh giải thoát tham, nhuế, si; khi

227. Linh Sơn Pháp Bảo Đại Tạng Kinh Tập VI, Bộ A Hàm VI, Kinh Tạp A Hàm Số 2, Tạp A Hàm Quyển 28, Kinh 750, Hội Văn hóa Giáo dục Linh Sơn Đài Bắc, Taiwan, 2000, trang 443.

tham, nhuế, si đã giải thoát rồi, Thánh đệ tử được chánh tri kiến: ‘Ta, sự sanh đã dứt, phạm hạnh đã lập, những việc cần làm đã làm xong, tự biết không còn tái sanh đời sau’”²²⁸.

140. Sự khác biệt giữa pháp thiện và thiện căn; bất thiện và bất thiện căn

(No. 344). “Đa văn Thánh đệ tử biết như thật đối với pháp bất thiện, biết như thật bất thiện căn, biết như thật thiện pháp, biết như thật thiện căn.

“Thế nào là biết như thật pháp bất thiện? Các nghiệp chẳng lành của thân, miệng, ý; đó gọi là pháp bất thiện. Biết như thật pháp bất thiện là như vậy.

“Thế nào là biết như thật bất thiện căn? Ba căn chẳng lành, tham là gốc (căn) chẳng lành, sân là gốc chẳng lành, si là gốc chẳng lành; đó gọi là bất thiện căn. Biết như thật bất thiện căn là như vậy.

“Thế nào là biết như thật về thiện pháp? Các nghiệp lành của thân, miệng, ý; đó gọi là thiện pháp. Biết như thật về thiện pháp là như vậy.

228. Linh Sơn Pháp Bảo Đại Tạng Kinh Tập VI, Bộ A Hàm VI, Kinh Tập A Hàm Số 2, Tập A Hàm Quyển 28, Kinh 750, Hội Văn hóa Giáo dục Linh Sơn Đài Bắc, Taiwan, 2000, trang 443~444.

“Thế nào là biết như thật về thiện căn? Ba căn lành không tham, không sân, không si; đó gọi là ba thiển căn. Biết như thật về thiện căn là như vậy.

“Này Tôn giả Ma-ha Câu-hi-la, như vậy, đa văn Thánh đệ tử biết như thật pháp bất thiện, biết như thật pháp thiện, biết như thật căn bất thiện, biết như thật về thiện pháp, biết như thật về thiện căn; cho nên ở trong pháp luật này, có đầy đủ chánh kiến, thành tựu trực kiến; thành tựu bất hoại tín đối với Phật, thâm nhập Chánh pháp, đạt được Chánh pháp này, tỏ ngộ Chánh pháp này”²²⁹.

141. Thế nào là người thiện và bất thiện

(No. 94). “Thế nào là người nam bất thiện giống như trăng?”

Phật bảo Bà-la-môn: “Nhu trăng cuối tháng, ánh sáng mất, màu sắc cũng mất, sờ hệ cũng mất, ngày đêm càng lúc càng tiêu giảm, cho đến không còn xuất hiện. Cũng vậy, có người đối với Như Lai mà tín tâm tịch tĩnh, thọ trì tịnh giới, khéo học, nghe nhiều, nhường bớt phần mình để bố thí, chánh kiến chân thật; nhưng sau đó lại

229. Linh Sơn Pháp Bảo Đại Tạng Kinh Tập V, Bộ A Hàm V, Trung A Hàm Biệt Dịch & Kinh Tập A Hàm Số 1, Tập A Hàm Quyển 14: Phù Di, Kinh 344, Hội Văn hóa Giáo dục Linh Sơn Đài Bắc - Taiwan, 2000, trang 1004.

thoái thất, tín tâm thanh tịnh đối với Như Lai, đối với sự trì giới, bố thí, nghe nhiều, chánh kiến chân thật ngay thẳng; đối với sự bố thí, trì giới, đa văn, chánh kiến, tất cả đều bị đánh mất; ngày đêm càng lúc càng tiêu giảm, cho đến trong khoảnh khắc tất cả đều bị quên mất. Lại nữa, này Bà-la-môn, nếu người thiện nam nào, mà không thân quen gần gũi thiện tri thức, không thường xuyên nghe pháp, không suy nghĩ chân chánh, thân làm các hành vi ác, miệng nói lời ác, ý nghĩ về những điều ác, thì vì những nhân duyên ác đã tạo ra này, nên khi thân hoại mạng chung sẽ bị đọa vào trong đường ác, địa ngục. Như vậy, này Bà-la-môn, người nam bất thiện được ví như trăng”.

- Bà-la-môn bạch Phật: “Thế nào là người nam thiện được ví như trăng?”

- Phật bảo Bà-la-môn: “Như trăng đầu tháng, ánh sáng và màu sắc tươi sáng, ngày đêm càng lúc càng sáng dần, cho đến khi trăng đầy, hoàn toàn tròn đầy tươi sáng. Cũng vậy, người nam thiện đối với pháp luật của Như Lai mà có được tín tâm thanh tịnh, cho đến, chánh kiến chân thật, chân tịnh càng tươi sáng, giới tăng, thí tăng, đa văn tăng, tuệ tăng, ngày đêm càng lúc càng tăng. Rồi vào lúc khác, gần gũi thiện tri thức, nghe thuyết chánh pháp, bên trong suy nghĩ chân chánh, thân làm các việc lành, miệng nói những lời lành, ý nghĩ những điều lành; nhờ vào những nhân duyên này mà khi thân hoại mạng chung

sẽ được hóa sanh lên cõi trời. Nay Bà-la-môn, vì vậy cho nên người nam thiện được ví như trăng”²³⁰.

142. Sự nguy hiểm của người làm ác

(No. 281). “Thế nào là tu ba diệu hành khiến đầy đủ bốn Niệm xứ? Đa văn Thánh đệ tử ở chỗ vắng vẻ trong rừng, dưới bóng cây, tu học như vậy, tư duy như vậy: ‘Ác hành của thân này, đời này và đời sau phải chịu báo ác. Nếu ta hành động với ác hành của thân, chắc phải tự sanh chán nản, hối hận, bị người khác chê trách, Đại Sư cũng chê trách, những người phạm hạnh cũng đứng pháp mà chê trách ta; tiếng ác đồn khắp mọi nơi, thân hoại mạng chung thì sẽ rơi vào địa ngục’. Đối với ác hành của thân, thấy quả báo đời này, đời sau như vậy, cho nên phải dứt trừ ác hành của thân, phải tu thân diệu hành. Đối với ác hành của miệng, ý lại cũng như vậy. Đó gọi là đã tu tập ba diệu hành. Được bốn Niệm xứ thanh tịnh đầy đủ”²³¹.

230. Linh Sơn Pháp Bảo Đại Tạng Kinh Tập V, Bộ A Hàm V, Trung A Hàm Biệt Dịch & Kinh Tập A Hàm Số 1, Tập A Hàm Quyển 4: Hiếu Dưỡng, Kinh 894, Hội Văn hóa Giáo dục Linh Sơn Đài Bắc - Taiwan, 2000, trang 652.

231. Linh Sơn Pháp Bảo Đại Tạng Kinh Tập V, Bộ A Hàm V, Trung A Hàm Biệt Dịch & Kinh Tập A Hàm Số 1, Tập A Hàm Quyển 11: Thứ Thanh Dự, Kinh 281, Hội Văn hóa Giáo dục Linh Sơn Đài Bắc - Taiwan, 2000, trang 922.

143. Thiện xảo về sắc

(No. 42). Tỳ-kheo, thế nào là bảy xứ thiện? Tỳ-kheo (1) biết như thật về sắc; (2) biết như thật về sự tập khởi của sắc, (3) về sự tận diệt của sắc, (4) về con đường đưa đến sự diệt tận của sắc, (5) về vị ngọt của sắc, (6) về sự tai hại của sắc, (7) về sự xuất ly sắc. Cũng vậy, biết như thật về thọ, tưởng, hành, thức; biết như thật về sự tập khởi của thức, về sự tận diệt của thức, về con đường đưa đến sự diệt tận của thức, về vị ngọt của thức, về sự tai hại của thức, về sự xuất ly của thức²³².

144. Lời Phật dạy ít như lá cây trong rừng

(No. 404). Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo: “Các ông hãy cùng Ta đi đến rừng Thân-thứ”.

Bấy giờ, Đức Thế Tôn cùng đại chúng đi đến rừng Thân-thứ, rồi ngồi dưới bóng cây. Khi ấy, Đức Thế Tôn tay cầm nắm lá cây, hỏi các Tỳ-kheo: “Lá cây trong nắm tay này nhiều hay lá cây trong rừng nhiều?”

Các Tỳ-kheo bạch Phật: “Bạch Thế Tôn, lá cây trong nắm tay Phật rất ít, còn lá cây trong rừng thì nhiều vô lượng, gấp trăm, ngàn, vạn, ức lần cho đến tính toán thì

232. Linh Sơn Pháp Bảo Đại Tạng Kinh Tập V, Bộ A Hàm V, Trung A Hàm Biệt Dịch & Kinh Tập A Hàm Số 1, Tập A Hàm Quyền 2: Phi Ngã, Kinh 42, Hội Văn hóa Giáo dục Linh Sơn Đài Bắc - Taiwan, 2000, trang 573.

dụ cũng không thể so sánh. “Cũng vậy, này các Tỳ-kheo, Ta thành Đẳng chánh giác, những pháp mà Ta đã tự thấy, rồi tuyên thuyế cho mọi người như lá cây trong tay. Vì sao? Vì pháp này có lợi ích cho nghĩa, có ích lợi cho pháp, ích lợi cho Phạm hạnh, minh tuệ chánh giác, hướng thẳng Niết-bàn. Cũng nhiều như lá cây trong rừng lớn, chánh pháp mà Ta tự mình chứng tri, thành Đẳng chánh giác, không được Ta nói ra, cũng nhiều như thế. Vì sao? Vì những pháp ấy không lợi ích cho nghĩa, không ích lợi cho pháp, không ích lợi cho Phạm hạnh, minh tuệ chánh giác, hướng thẳng Niết-bàn. Cho nên, các Tỳ-kheo, đối với bốn Thánh đế nếu chưa được hiện quán thì nên siêng năng tìm phương tiện, phát khởi ý muốn tăng thượng, tu học hiện quán”²³³.

145. 14 vấn đề siêu hình

(No. 408). Một thời, Phật trú trong vườn Trúc, khu Ca-lan-đà, thành Vương xá. Bấy giờ, có số đông Tỳ-kheo tụ tập nơi nhà ăn, bàn luận như vậy: ‘Hoặc nói thế gian là thường, hoặc nói thế gian là vô thường, thế gian vừa hữu thường vừa vô thường, thế gian chẳng phải hữu thường chẳng phải vô thường; thế gian là hữu biên, thế gian là vô biên; thế gian là vừa hữu biên vừa vô biên; thế gian

233. Linh Sơn Pháp Bảo Đại Tạng Kinh Tập V, Bộ A Hàm V, Trung A Hàm Biệt Dịch & Kinh Tập A Hàm Số 1, Tập A Hàm Quyển 15: Thuyết Pháp, Kinh 404, Hội Văn hóa Giáo dục Linh Sơn Đài Bắc - Taiwan, 2000, trang 1075~1076.

chẳng phải hữu biên chẳng phải vô biên. Mạng là thân, hay mạng khác thân khác. Như Lai sau khi chết là có, Như Lai sau khi chết là không, Như Lai sau khi chết vừa có vừa không, Như Lai sau khi chết chẳng phải có chẳng phải không’.

Bấy giờ, Đức Thế Tôn đang ngồi Thiền tịnh ở một chỗ, bằng thiên nhĩ, nên nghe tiếng bàn luận của các Tỳ-kheo đang tụ tập ở nhà ăn. Nghe xong, đi đến nhà ăn, trái tòa mà ngồi trước đại chúng và bảo các Tỳ-kheo: “Các Tỳ-kheo ở đây tụ tập để bàn nói việc gì vậy?”

Các Tỳ-kheo bạch Phật: “Bạch Thế Tôn, Tỳ-kheo chúng con tụ tập ở nhà ăn này bàn luận, ‘Hoặc nói hữu thường, hoặc nói vô thường’. *Nói đầy đủ như trên*”.

Phật bảo các Tỳ-kheo: “Các ông chớ bàn luận nghĩa như vậy. Vì sao? Vì sự bàn luận này chẳng lợi ích gì cho pháp, chẳng lợi ích gì cho phạm hạnh, chẳng phải trí, chẳng phải giác, không thuận hướng Niết-bàn. Nay các Tỳ-kheo, nên luận nghị như thế này, ‘Đây là Khổ Thánh đế, đây là Khổ tập Thánh đế, đây là Khổ diệt Thánh đế, đây là Khổ diệt đạo tích Thánh đế’. Vì sao? Vì luận nghị này có lợi ích cho pháp, lợi ích cho phạm hạnh, là trí, là giác, thuận hướng Niết-bàn. Cho nên, Tỳ-kheo, đối với bốn Thánh đế nếu chưa được hiện quán, thì phải siêng năng tìm phương tiện, phát khởi ý muốn tích cực, tu học hiện quán”²³⁴.

234. Linh Sơn Pháp Bảo Đại Tạng Kinh Tập VI, Bộ A Hàm VI, Kinh Tập A Hàm Số 2, Số 99 - Kinh Tập A Hàm (II) - Tập A Hàm Quyển 16, Kinh 408, Hội Văn hóa Giáo dục Linh Sơn Đài Bắc, Taiwan, 2000, trang 4~5.

146. Ngoại đạo: Tại sao Thế Tôn không trả lời những vấn đề siêu hình?

(No. 957). Sa-môn Cù-đàm, có những điều kỳ lạ gì mà khi đệ tử mệnh chung liền được xác định rằng: ‘Người này sanh chỗ kia. Người kia sanh chỗ nọ’. Các đệ tử kia, khi ở nơi này mệnh chung xả thân, liền nương theo ý sanh thân, sanh vào nơi khác. Ngay lúc đó, chẳng phải là mệnh khác, thân khác sao?...²³⁵

147. Mục Kiền Liên và Ca Diếp giải thích lý do tại sao Phật không trả lời vấn đề siêu hình

(No. 958: Mục Kiền Liên giải thích)

(No. 905). “Thưa Tôn giả Ma-ha Ca-diếp, vì nhân gì, duyên gì mà Thế Tôn không ký thuyết đời sau có sanh tử; đời sau không có sanh tử; đời sau vừa có đời sau vừa không; chẳng phải có chẳng phải không sanh tử?”

Tôn giả Ma-ha Ca-diếp bảo Xá-lợi-phất rằng: “Nếu nói Như Lai đời sau có sanh tử, thì đó là sắc. Nếu nói Như Lai đời sau không có sanh tử, thì đó là sắc. Nếu nói Như Lai đời sau vừa có sanh tử, đời sau vừa không có sanh tử, thì đó là sắc. Nếu nói Như Lai đời sau chẳng phải có, đời sau chẳng phải không sanh tử, thì đó là sắc.

235. Linh Sơn Pháp Bảo Đại Tạng Kinh Tập VI, Bộ A Hàm VI, Kinh Tập A Hàm Số 2, Tập A Hàm Quyển 34, Kinh 957, Hội Văn hóa Giáo dục Linh Sơn Đài Bắc, Taiwan, 2000, trang 665.

Vì Như Lai, sắc đã dứt hết, tâm khéo giải thoát, nên bảo có sanh tử đời sau, thì đây là điều không đúng; hoặc đời sau không sanh tử; hoặc đời sau vừa có, đời sau vừa không; hay đời sau chẳng phải có, đời sau chẳng phải không sanh tử, thì điều này cũng không đúng. Vì Như Lai, đã dứt hết sắc, tâm khéo giải thoát sâu xa, rộng lớn vô lượng, vô số, Niết-bàn vắng lặng.

“Tôn giả Xá-lợi-phất, nếu nói Như Lai có sanh tử đời sau, thì đó là thọ, là tướng, là hành, là thức, là động, là tư lự, là hư dối, là hữu vi, là ái,... cho đến, chẳng phải có chẳng phải không có sanh tử đời sau cũng nói như vậy. Vì Như Lai, đã diệt tận ái, tâm khéo giải thoát, nên nói có sanh tử đời sau là không đúng; hoặc không đời sau; hoặc đời sau vừa có, đời sau vừa không; hay chẳng phải có, chẳng phải không đời sau, thì cũng không đúng. Vì Như Lai, đã diệt tận ái, nên tâm khéo giải thoát sâu xa, rộng lớn vô lượng, vô số, Niết-bàn vắng lặng.

“Tôn giả Xá-lợi-phất, vì nhân như vậy, duyên như vậy, cho nên có người hỏi Thế Tôn: ‘Như Lai hoặc có hoặc không, hoặc vừa có vừa không, chẳng phải có chẳng phải không sanh tử đời sau’. Ngài đã không thể ký thuyết”²³⁶.

236. Linh Sơn Pháp Bảo Đại Tạng Kinh Tập VI, Bộ A Hàm VI, Kinh Tập A Hàm Số 2, Tập A Hàm Quyển 32, Kinh 905, Hội Văn hóa Giáo dục Linh Sơn Đài Bắc, Taiwan, 2000, trang 582~583.

(No. 961). “Bạch Thế Tôn, Bà-sa xuất gia kia ba lần hỏi, vì sao Thế Tôn không đáp? Há không làm tăng ác tà kiến cho Bà-sa xuất gia kia, rằng Sa-môn không khả năng để giải đáp những gì được hỏi?”

Phật bảo A-nan: “Nếu Ta đáp là có ngã, sẽ làm tăng tà kiến có từ trước của kia. Nếu đáp rằng không ngã, thì sẽ làm cho nghi hoặc trước kia, há không tăng thêm nghi hoặc sao? Nói rằng trước có ngã, từ nay sẽ đoạn diệt. Nếu trước vốn có ngã, đó là thường kiến; mà nay đoạn diệt, đó là đoạn kiến. Như Lai lìa hai bên, thuyết pháp ở giữa. Nghĩa là: ‘Cái này có, nên cái kia có; cái này khởi nên cái kia sanh. Đó là, duyên vô minh nên có hành... cho đến sanh, lão, bệnh, tử, ưu, bi, khổ, não diệt’”²³⁷.

(No. 962). Một thời Đức Phật ở tại vườn Trúc, khu Ca-lan-đà trong thành Vương xá. Bấy giờ có xuất gia họ Bà-sa, đến chỗ Phật, cùng nhau thăm hỏi, thăm hỏi xong, ngồi lui qua một bên, bạch Phật rằng: “Thưa Cù-đàm, thế nào, Cù-đàm có thấy như vậy, có nói như vậy: ‘Thế gian thường, đây là chân thật, ngoài ra là hư vọng’?”

Phật bảo Bà-sa xuất gia: “Ta không thấy như vậy, không nói như vậy: ‘Thế gian thường, đó là chân thật, ngoài ra là hư vọng’?”

237. Linh Sơn Pháp Bảo Đại Tạng Kinh Tập VI, Bộ A Hàm VI, Kinh Tập A Hàm Số 2, Tập A Hàm Quyển 34, Kinh 961, Hội Văn hóa Giáo dục Linh Sơn Đài Bắc, Taiwan, 2000, trang 672.

“Thế nào, thưa Cù-đàm, có thấy như vậy, có nói như vậy: ‘Thế gian vô thường, vừa thường, vừa vô thường; chẳng phải thường, chẳng phải vô thường; có biên, không biên; vừa biên, vừa vô biên; chẳng phải biên, chẳng phải vô biên; mạng tức là thân; mạng khác, thân khác; Như Lai, sau khi chết có còn, sau khi chết không còn; sau khi chết vừa có, vừa không; sau khi chết chẳng phải có, chẳng phải không?’”

Phật bảo Bà-sa xuất gia: “Ta không thấy như vậy, không nói như vậy:... *cho đến* sau khi chết chẳng phải có, chẳng phải không”.

Lúc ấy, Bà-sa xuất gia bạch Phật: “Thưa Cù-đàm, những kiến giải này có những sai lầm nào, mà đối với tất cả những kiến giải này Ngài không ký thuyết?”

Phật bảo Bà-sa xuất gia: “Nếu thấy như vậy: ‘Thế gian thường, đó là chân thật, ngoài ra đều là hư vọng’, thì đó là kiến giải điên đảo, là kiến giải do quán sát, là kiến giải dao động, là kiến giải câu nhiễm, là kiến giải kết sử, là khô, là ngại, là nã, là nhiệt, bị kiến kết trời buộc; phàm phu ngu si không học ở đời vị lai sẽ bị sanh, già, bệnh, chết, ưu, bi, khổ, nã sanh.

“Này Bà-sa xuất gia, nếu thấy như vậy: ‘Thế gian vô thường; vừa thường, vừa vô thường; chẳng phải thường, chẳng phải vô thường; có biên, không có biên; vừa biên, vừa vô biên; chẳng phải có biên, chẳng phải không biên; là mạng là thân; mạng khác thân khác; Như Lai, sau khi

chết có còn, sau khi chết không còn; sau khi chết vừa có vừa không; sau khi chết chẳng phải có, chẳng phải không’, đó là đảo kiến,... *cho đến* ưu, bi, khổ, não sanh”.

Bà-sa xuất gia bạch Phật: “Thưa Cù-đàm, sở kiến của Ngài thế nào?”

Phật bảo Bà-sa xuất gia: “Sở kiến của Như Lai đã hoàn toàn dứt hết. Nay Bà-sa xuất gia, nhưng Như Lai thấy là thấy rằng ‘Đây là Khổ Thánh đế; đây là Khổ tập Thánh đế, sự diệt tận của Khổ diệt Thánh đế, đây là Khổ diệt đạo Thánh đế’. Sau khi biết như vậy, thấy như vậy rồi, đối với tất cả kiến, tất cả thọ, tất cả sanh, tất cả kiến chấp về ngã, ngã sở, ngã mạn kết sử, đều khiến cho đoạn diệt, tịch tịnh, mát mẻ, chân thật. Đối với Tỳ-kheo giải thoát tất cả như vậy, sanh không đúng, không sanh cũng không đúng”.

Bà-sa bạch Phật: “Thưa Cù-đàm, vì sao nói, sanh không đúng?”

Phật bảo Bà-sa: “Bây giờ, Ta hỏi ông, cứ tùy ý mà trả lời cho Ta. Nay Bà-sa, giống như có người đốt lửa trước ông, ông có thấy lửa cháy không? Ngay đó dập tắt lửa trước ông, ông có thấy lửa tắt không?”

Bà-sa bạch Phật: “Thưa Cù-đàm, thấy như vậy”.

Phật bảo Bà-sa: “Nếu có người hỏi ông: ‘Lửa vừa cháy đó, nay ở chỗ nào? Đi về phương Đông, phương Tây, phương Nam, phương Bắc?’ Nếu hỏi như vậy, ông sẽ nói thế nào?”

Bà-sa bạch Phật: “Thưa Cù-đàm, nếu có người nào đến hỏi như vậy, con sẽ trả lời như vậy: ‘Nếu có ai đốt lửa trước tôi, nhờ nhân duyên củi, cỏ nên lửa cháy. Nếu không thêm củi, lửa tắt, vĩnh viễn không sanh khởi trở lại được’. Nói đi về phương Đông, phương Nam, phương Tây, phương Bắc thì không đúng”.

Phật bảo Bà-sa: “Ta cũng sẽ nói như vậy: ‘Sắc đã đoạn, đã biết; thọ, tưởng, hành, thức đã đoạn, đã biết. Đoạn tận gốc rễ của nó như chặt đứt ngọn cây đa-la không thể sanh lại được; đối với đời vị lai không thể sanh khởi trở lại nữa. Nếu bảo đến phương Đông, phương Nam, Tây, Bắc thì điều đó không đúng. Vì điều đó sâu xa, rộng lớn, vô lượng, vô số, vĩnh viễn tịch diệt”.

Bà-sa bạch Phật: “Con sẽ nói thí dụ”.

Phật bảo Bà-sa: “Ông biết đúng lúc”.

Bà-sa bạch Phật: “Thưa Cù-đàm, thí như gàn thành thị hay làng xóm, có một vùng đất màu mỡ, mọc lên một khu rừng kiên cố. Có một cây to lớn bèn chắc. Nó sanh trưởng đã trải qua hàng ngàn năm. Lâu ngày, cành lá rơi rụng; vỏ cây khô mục; chỉ còn gốc cây đứng trơ trọi. Cũng vậy, thưa Cù-đàm, Pháp luật của Như Lai lìa bỏ những thứ cành nhánh cọng lá, chỉ còn trơ gốc không, đứng một mình kiên cố”²³⁸.

238. Linh Sơn Pháp Bảo Đại Tạng Kinh Tập VI, Bộ A Hàm VI, Kinh Tập A Hàm Số 2, Tập A Hàm Quyển 34, Kinh 962, Hội Văn hóa Giáo dục Linh Sơn Đài Bắc, Taiwan, 2000, trang 672~675.

148. Lý do tại sao đức Phật không giải thích những vấn đề siêu hình

(No. 297). “Vì duyên sanh nên có già chết. Nếu có người hỏi: ‘Ai già chết, già chết thuộc về ai?’ Người ấy sẽ đáp: ‘Ngã chính là già chết, nay già chết thuộc về ngã, già chết là ngã’. Điều được nói rằng: ‘Mệnh tức là thân’, hoặc nói ‘Mệnh khác, thân khác’, thì đây chỉ có một nghĩa mà lại nói có nhiều loại. Nếu thấy rằng ‘Mệnh tức là thân’, với người tu phạm hạnh, điều này không có. Hoặc lại thấy rằng: ‘Mệnh khác, thân khác’, với người tu phạm hạnh, điều này cũng không có. Đối với hai bên này, tâm chẳng theo bên nào, mà chân chánh hướng Trung đạo. Hiền thánh xuất thế chánh kiến như thật, chẳng điên đảo, nghĩa là duyên sanh nên có già chết...”

“Cũng vậy sanh, hữu, thủ, ái, thọ, xúc, lục nhập xứ, danh sắc, thức, hành; do duyên vô minh nên có hành. Nếu lại hỏi: ‘Cái gì là hành, hành thuộc về ai?’ Người này sẽ đáp: ‘Hành là ngã, hành là của ngã.’ Điều được nói rằng: ‘Mệnh tức là thân’, hoặc nói ‘Mệnh khác, thân khác’, thì đây chỉ có một nghĩa mà lại nói có nhiều loại. Nếu thấy rằng ‘Mệnh tức là thân’, với người tu phạm hạnh, điều này không có. Hoặc lại thấy rằng ‘Mệnh khác, thân khác’, với người tu phạm hạnh, điều này cũng không có. Đối với hai bên này, tâm chẳng theo bên nào, mà chân chánh hướng Trung đạo. Hiền thánh xuất thế chánh kiến như thật, chẳng điên đảo, nghĩa là vô minh duyên hành. Nếu các Tỳ-kheo, ly nhiễm đối với vô minh

mà sanh minh, thì còn ai già chết, già chết thuộc về ai? Khi già chết đã dứt trừ, thì biết là đã dứt hẳn cội gốc của nó, như chặt ngọn cây đa-la, đời vị lai không thể tái sanh.

“Nếu Tỳ-kheo nào ly nhiễm đối với vô minh mà sanh minh, thì còn ai sanh, sự sanh thuộc về ai, cho đến ai hành, hành thuộc về ai? Khi hành đã chắc chắn dứt trừ, thì biết là đã dứt cội gốc của nó, như chặt ngọn cây đa-la, đời sau không thể tái sanh.

“Nếu Tỳ-kheo nào ly nhiễm đối với vô minh mà sanh minh, thời khi vô minh này diệt, hành cũng diệt, cho đến việc tụ tập thuận một khối khổ lớn cũng bị diệt. Đó gọi là kinh Đại không pháp”²³⁹.

149. Tỳ-kheo không nên bàn luận những việc không liên quan đến phạm hạnh

(No. 411). Một thời, Phật trú trong vườn Trúc, khu Ca-lan-đà, thành Vương xá. Bấy giờ, có số đông Tỳ-kheo tụ tập nơi nhà ăn, bàn luận những đề tài như vậy: hoặc là bàn luận việc vua, việc giặc cướp, việc đấu tranh, việc tiền bạc, việc y phục, việc ăn uống, việc nam nữ, việc ngôn ngữ thế gian, việc sự nghiệp, việc trong biển cả. Bấy giờ, Đức Thế Tôn đang ở trong thiền định, bằng

239. Linh Sơn Pháp Bảo Đại Tạng Kinh Tập V, Bộ A Hàm V, Trung A Hàm Biệt Dịch & Kinh Tập A Hàm Số 1, Tập A Hàm Quyển 12: Chúng Thọ, Kinh 297, Hội Văn hóa Giáo dục Linh Sơn Đài Bắc - Taiwan, 2000, trang 955~956.

thiên nhĩ, nghe tiếng bàn luận của các Tỳ-kheo, liền từ chỗ ngồi đứng dậy, đi đến nhà ăn, trải tọa cụ mà ngồi trước đại chúng, rồi bảo các Tỳ-kheo: “Này các Tỳ-kheo, các ông tụ tập để bàn luận việc gì?”

Các Tỳ-kheo bạch Phật: “Bạch Thế Tôn, chúng con tụ tập ở đây bàn nói về việc vua...”. Nói đầy đủ như trên.

Phật bảo các Tỳ-kheo: “Các ông chớ bàn luận những đề tài như vậy: Bàn luận những việc vua... cho đến, không hướng đến Niết-bàn. Nếu có bàn luận thì nên nói về Khổ Thánh đế, Khổ tập Thánh đế, Khổ diệt Thánh đế, Khổ diệt đạo tích Thánh đế. Vì sao? Vì bốn Thánh đế này có lợi ích cho nghĩa, lợi ích cho pháp, lợi ích cho phạm hạnh, là chánh trí, chánh giác, chánh hướng Niết-bàn”²⁴⁰.

(No. 413). “Các ông bàn những việc về thế lực lớn, về sự giàu sang của các vua làm gì? Này các Tỳ-kheo, chớ luận bàn như vậy. Vì sao? Vì việc này không đem lại lợi ích gì cho nghĩa, pháp, phạm hạnh, cũng chẳng phải trí, chẳng phải chánh giác, chẳng đưa đến Niết-bàn. Các ông nên bàn Khổ Thánh đế, Khổ tập Thánh đế, Khổ diệt Thánh đế, Khổ diệt đạo tích Thánh đế. Vì sao? Vì bốn Thánh đế này đem lại nhiều lợi ích về nghĩa, về pháp, về phạm hạnh, là chánh trí, chánh giác, chánh hướng Niết-

240. Linh Sơn Pháp Bảo Đại Tạng Kinh Tập VI, Bộ A Hàm VI, Kinh Tập A Hàm Số 2, Số 99 - Kinh Tập A Hàm (II) - Tập A Hàm Quyển 16, Kinh 411, Hội Văn hóa Giáo dục Linh Sơn Đài Bắc, Taiwan, 2000, trang 7.

bàn. Cho nên, Tỳ-kheo, đối với bốn Thánh đế, nếu chưa được hiện quán, thì nên siêng năng tìm phương tiện, phát khởi ý muốn tích cực, tu học hiện quán”²⁴¹.

(No. 414). “Này các Tỳ-kheo, các ông chớ bàn những việc đã làm đời trước. Vì sao? Vì việc này không đem lại nhiều lợi ích cho nghĩa, pháp, phạm hạnh, cũng chẳng phải trí, chẳng phải giác, chẳng đưa đến Niết-bàn. Này các Tỳ-kheo, các ông nên bàn Khổ Thánh đế, Khổ tập Thánh đế, Khổ diệt Thánh đế, Khổ diệt đạo tích Thánh đế. Vì sao? Vì bốn Thánh đế này đem lại nhiều lợi ích cho nghĩa, pháp, phạm hạnh, là chánh trí, chánh giác, chánh hướng Niết-bàn. Cho nên, Tỳ-kheo, đối với bốn Thánh đế, nếu chưa được hiện quán, thì nên siêng năng tìm phương tiện, phát khởi ý muốn tích cực, tu học hiện quán”²⁴².

(No. 415). Một thời, Phật trú trong vườn Trúc, khu Ca-lan-đà, thành Vương xá. Bảy giờ, có số đông Tỳ-kheo tụ tập nơi nhà ăn, bàn luận như vậy: ‘Đàn-việt mỡ giáp kia làm thức ăn thô sơ, chúng ta ăn xong không thấy ngon, không thấy khỏe. Chi bằng chúng ta bỏ thức ăn thô này mà đi khát thực. Vì sao? Vì các Tỳ-kheo đi khát thực

241. Linh Sơn Pháp Bảo Đại Tạng Kinh Tập VI, Bộ A Hàm VI, Kinh Tập A Hàm Số 2, Số 99 - Kinh Tập A Hàm (II) - Tập A Hàm Quyển 16, Kinh 413, Hội Văn hóa Giáo dục Linh Sơn Đài Bắc, Taiwan, 2000, trang 8~9.

242. Linh Sơn Pháp Bảo Đại Tạng Kinh Tập VI, Bộ A Hàm VI, Kinh Tập A Hàm Số 2, Số 99 - Kinh Tập A Hàm (II) - Tập A Hàm Quyển 16, Kinh 414, Hội Văn hóa Giáo dục Linh Sơn Đài Bắc, Taiwan, 2000, trang 9.

thường được thức ăn ngon, lại thấy sắc đẹp, có lúc lại nghe tiếng hay, có nhiều người quen biết, cũng được y phục, ngọa cụ, thuốc men’.

Bấy giờ, Đức Thế Tôn đang ở trong thiền định, bằng thiên nhĩ nghe tiếng bàn luận của các Tỳ-kheo, liền đi đến nhà ăn... Nói đầy đủ như vậy, cho đến, “hướng đúng Niết-bàn”²⁴³.

150. Pháp Phật có khuynh hướng giải thoát

(No. 306). “Bạch Thế Tôn, một mình con ở nơi vắng, chuyên cần tinh tấn tư duy, nghĩ rằng: ‘Tỳ-kheo nên biết thế nào, nên thấy thế nào để được thấy pháp?’”

Bấy giờ, Thế Tôn bảo Tỳ-kheo kia: “Ngươi hãy lắng nghe và suy nghĩ kỹ, Ta sẽ vì ngươi mà nói.

“Có hai pháp. Hai pháp gì? Mắt và sắc là hai. (*Nói chi tiết như trên cho đến*)... những thứ chẳng phải là cảnh giới. Vì sao? Vì mắt và sắc làm duyên sanh ra nhãn thức. Ba sự hòa hợp sanh ra xúc, thọ, tưởng, tư cấu sanh với xúc, bốn vô sắc ấm này, mắt và sắc, những pháp này gọi là con người. Ở nơi những pháp này mà khởi ý tưởng là

243. Linh Sơn Pháp Bảo Đại Tạng Kinh Tập VI, Bộ A Hàm VI, Kinh Tập A Hàm Số 2, Số 99 - Kinh Tập A Hàm (II) - Tập A Hàm Quyển 16, Kinh 415, Hội Văn hóa Giáo dục Linh Sơn Đài Bắc, Taiwan, 2000, trang 10.

con người, là chúng sanh, na-la, ma-nậu-xà, ma-na-bà, sĩ phu, phước-già-la, kỳ-bà, thiên-đầu... ”²⁴⁴

151. Ngoại đạo: Duy vật luận Ajita

(No. 154). “Do có cái gì, do khởi cái gì, do hệ lụy cái gì, do đắm đuối cái gì, do thấy ngã nơi cái gì, khiến cho chúng sanh thấy như vậy, nói như vậy: ‘Không có bố thí, không hội tế, không có chú thuyết, không có nghiệp báo đường lành, đường ác, không có đời này, không có đời khác, không có cha mẹ, không có chúng sanh, không có thế gian, trong thế gian không có A-la-hán, không có bậc chánh hành, chánh hướng đề đời này hay đời sau, thấy pháp an trụ đầy đủ với tự tri, tự tác chứng rằng: ‘Ta, sự sanh đã dứt, phạm hạnh đã lập, những gì cần làm đã làm xong, tự biết không còn tái sanh đời sau nữa?’”²⁴⁵

(No. 155). “Do có cái gì, do khởi cái gì, do hệ lụy cái gì, do đắm đuối cái gì, do thấy ngã nơi cái gì, khiến cho chúng sanh thấy như vậy, nói như vậy: ‘Không có lực, không có tinh tấn, không có lực tinh tấn, không có

244. Linh Sơn Pháp Bảo Đại Tạng Kinh Tập V, Bộ A Hàm V, Trung A Hàm Biệt Dịch & Kinh Tập A Hàm Số 1, Tập A Hàm Quyển 13 Kinh 304: Lục Lục, Kinh 306, Hội Văn hóa Giáo dục Linh Sơn Đài Bắc - Taiwan, 2000, trang 970~971.

245. Linh Sơn Pháp Bảo Đại Tạng Kinh Tập V, Bộ A Hàm V, Trung A Hàm Biệt Dịch & Kinh Tập A Hàm Số 1, Tập A Hàm Quyển 7 - Ưu Nã Sanh Khởi, Kinh 154, Hội Văn hóa Giáo dục Linh Sơn Đài Bắc - Taiwan, 2000, trang 747.

phương tiện của con người, không tinh cần của con người, không có phương tiện tinh cần của con người, không có tự mình làm, không có người khác làm, không có tự mình và người khác làm; hết thấy con người, hết thấy chúng sanh, hết thấy thần, đều vô phương tiện, bất lực, vô thể, vô tinh tấn, không khả năng, định phận, tương tục, chuyển biến, chịu khổ vui trong sáu đường?”²⁴⁶

152. Ngoại đạo: Vô nhân vô duyên

(No. 157~159). Do có cái gì, do khởi cái gì, do hệ lụy cái gì, do đấm đuổi cái gì, do thấy ngã nơi cái gì, khiến cho chúng sanh thấy như vậy, nói như vậy: ‘Chúng sanh thanh tịnh, không nhân, không duyên’²⁴⁷.

153. Ngoại đạo: Pakudha-Kaccayana

(No. 161). “Do có cái gì, do khởi cái gì, do hệ lụy cái gì, do đấm đuổi cái gì, do thấy ngã nơi cái gì, khiến cho

246. Linh Sơn Pháp Bảo Đại Tạng Kinh Tập V, Bộ A Hàm V, Trung A Hàm Biệt Dịch & Kinh Tập A Hàm Số 1, Tập A Hàm Quyển 7 - Ưu Nã Sanh Khởi, Kinh 155, Hội Văn hóa Giáo dục Linh Sơn Đài Bắc - Taiwan, 2000, trang 748.

247. Linh Sơn Pháp Bảo Đại Tạng Kinh Tập V, Bộ A Hàm V, Trung A Hàm Biệt Dịch & Kinh Tập A Hàm Số 1, Tập A Hàm Quyển 7 - Ưu Nã Sanh Khởi, Kinh 157~159, Hội Văn hóa Giáo dục Linh Sơn Đài Bắc - Taiwan, 2000, trang 749.

chúng sanh thấy như vậy, nói như vậy: ‘Có bảy thân, chẳng phải tạo tác, chẳng phải là được tạo tác; chẳng phải biến hóa, chẳng phải là được biến hóa, là chắc thật, không dao động, không giết. Những gì là bảy? Đó là: thân đất, thân nước, thân lửa, thân gió, khổ, lạc, mạng. Bảy loại thân này chẳng phải tạo tác, chẳng phải là được tạo tác; chẳng phải biến hóa, chẳng phải là được biến hóa, là chắc thật, không dao động, không giết, không chuyển, không biến, không bức bách nhau; hoặc phước, hoặc ác, hoặc phước ác; hoặc khổ, hoặc vui, hoặc khổ vui; hoặc người bị bêu đầu, hoặc người chém đầu, cũng không bức bách thể gian; hoặc mạng, hoặc thân, trong khoảng bảy thân, chịu đựng đao đâm qua lại cũng không hại mạng; ở đây không giết, không người giết; không trói buộc, không người trói buộc; không nhớ nghĩ, không người nhớ nghĩ; không dạy dỗ, không người dạy dỗ’²⁴⁸.

154. Ngoại đạo: Purana (Phủ định đạo đức)

(No. 162). “Do có cái gì, do khởi cái gì, do hệ lụy cái gì, do đắm đuối cái gì, do thấy ngã nơi cái gì, khiến cho chúng sanh thấy như vậy, nói như vậy: ‘Làm, bảo làm, đoạn mạng, bảo đoạn mạng, nấu, bảo nấu; giết, bảo giết, sát hại chúng sanh; trộm của người; hành tà dâm; biết mà

248. Linh Sơn Pháp Bảo Đại Tạng Kinh Tập V, Bộ A Hàm V, Trung A Hàm Biệt Dịch & Kinh Tập A Hàm Số 1, Tập A Hàm Quyển 7 - Ưu Nã Sanh Khởi, Kinh 161, Hội Văn hóa Giáo dục Linh Sơn Đài Bắc - Taiwan, 2000, trang 751~752.

nói dối; uống rượu; khoét tường, bẻ khóa, cướp đoạt; đón đường, phá làng xóm, hại thành ấp, dùng kiếm cực bén chém, chặt, cắt chặt thành đồng thịt lớn; học tập như vậy, làm như vậy, chẳng phải là nhân duyên ác, cũng chẳng phải chiêu mời quả báo ác. Đi về phía Nam sông Hằng, sát hại. Đi đến phía Bắc sông Hằng mở đại hội cúng tế; làm như vậy, chẳng phải là nhân duyên phước hay là ác và cũng chẳng phải là chiêu mời quả báo phước hay là ác; bố thí, tự chế ngự, hộ trì, hành lợi, đồng lợi, những việc làm ở đây cũng chẳng phải là làm phước?”²⁴⁹

155. Ngoại đạo: Gosala (Định Mệnh?)

(No. 163). “Do có cái gì, do khởi cái gì, do hệ lụy cái gì, do đắm đuối cái gì, do thấy ngã nơi cái gì, khiến cho chúng sanh thấy như vậy, nói như vậy: ‘Ở đây có mười bốn trăm ngàn cửa san, sáu mươi ngàn, sáu trăm; có năm nghiệp, ba nghiệp, hai nghiệp, một nghiệp, nửa nghiệp; sáu mươi hai đạo tích, sáu mươi hai nội kiếp, một trăm hai mươi Nê-lê, một trăm ba mươi căn, ba mươi sáu tham giới, bốn mươi chín ngàn loại rồng, bốn mươi chín ngàn loại kim sí điểu, bốn mươi chín ngàn loại ngoại đạo tà mạng, bốn mươi chín ngàn loại ngoại đạo xuất gia, bảy

249. Linh Sơn Pháp Bảo Đại Tạng Kinh Tập V, Bộ A Hàm V, Trung A Hàm Biệt Dịch & Kinh Tập A Hàm Số 1, Tập A Hàm Quyển 7 - Ưu Nãi Sanh Khởi, Kinh 162, Hội Văn hóa Giáo dục Linh Sơn Đài Bắc - Taiwan, 2000, trang 752.

kiếp tướng, bảy kiếp vô tướng, bảy A-tu-la, bảy Tỳ-xá-giá, bảy trời, bảy người, bảy trăm biển, bảy mộng, bảy trăm mộng, bảy vực thăm, bảy trăm vực thăm, bảy giác, bảy trăm giác, sáu sanh, mười tăng tiến, tám đại sĩ địa. Ở trong tám vạn bốn ngàn đại kiếp này, hoặc ngu si, hoặc trí tuệ, qua lại từng trái, rồi mới cùng tận mé khổ. Ở đó không có Sa-môn, Bà-la-môn có thể nói như vậy: ‘Tôi luôn luôn giữ giới, nhận các khổ hạnh, tu các phạm hạnh; để nghiệp chưa chín mùi khiến được chín mùi, nghiệp đã chín mùi rồi thì buông bỏ’. Tiến thoái, không thể biết. Ở đây, khổ và lạc là thường trụ, sống và chết có giới hạn nhất định. Giống như ống chỉ, ném vào giữa hư không từ từ rơi xuống dần, cho tới đất rồi dừng lại; việc sống chết có giới hạn nhất định, trong tám vạn bốn ngàn đại kiếp cũng như vậy”²⁵⁰.

156. Ngoại đạo: Sanjaya (phái hoài nghi)

(No. 164). “Do có cái gì, do khởi cái gì, do hệ lụy cái gì, do đắm đuối cái gì, do thấy ngã nơi cái gì, khiến cho chúng sanh thấy như vậy, nói như vậy: ‘Gió không thổi, lửa không cháy, nước không chảy, tên không bắn, mang

250. Linh Sơn Pháp Bảo Đại Tạng Kinh Tập V, Bộ A Hàm V, Trung A Hàm Biệt Dịch & Kinh Tập A Hàm Số 1, Tập A Hàm Quyển 7 - Ưu Nã Sanh Khởi, Kinh 163, Hội Văn hóa Giáo dục Linh Sơn Đài Bắc - Taiwan, 2000, trang 753~754.

thai không sanh, sữa không vắt, mặt trời mặt trăng mọc mà như lặn hoặc sáng hoặc tối, không thể biết’?”²⁵¹

157. Đức Phật phê phán hai cực đoan: hưởng lạc và khổ hạnh

(No. 912). Thế Tôn bảo thôn trưởng Vương Đảnh: “Hiện nay chúng sanh chạy theo hai khuynh hướng. Những gì là hai? Một là thích đắm vào năm dục, thuộc dạng phạm phu, tục tử quê mùa thấp kém. Hai là tự làm khổ mình một cách sai lầm không có bất cứ ý nghĩa lợi ích nào!

“Này thôn trưởng, có ba hạng người thích hưởng thụ dục lạc, thuộc hàng phạm phu, tục tử, quê mùa thấp kém. Cũng có ba hạng người tự làm khổ mình một cách sai lầm không có bất cứ ý nghĩa lợi ích nào!

“Này thôn trưởng, những gì là ba hạng người thích hưởng thụ dục lạc, thuộc hàng phạm phu tục tử quê mùa thấp kém? Là có kẻ hưởng thụ dục lạc bằng cách lạm chiếm một cách bất hợp pháp, không mang lại an vui cho chính mình, cũng chẳng phụng dưỡng cha mẹ, cung cấp đầy đủ cho anh em, vợ con, kẻ ở, bà con quyến thuộc, bạn bè quen biết; cũng không tùy thời cúng dường

251. Linh Sơn Pháp Bảo Đại Tạng Kinh Tập V, Bộ A Hàm V, Trung A Hàm Biệt Dịch & Kinh Tập A Hàm Số 1, Tập A Hàm Quyển 7 - Ưu Não Sanh Khởi, Kinh 164, Hội Văn hóa Giáo dục Linh Sơn Đài Bắc - Taiwan, 2000, trang 754~755.

cho Sa-môn, Bà-la-môn, để cầu quả báo an lạc nơi tốt đẹp, mong đời sau sanh lên cõi trời. Đó gọi là hạng người thứ nhất hưởng thụ dục lạc ở thế gian.

“Lại nữa, này thôn trưởng, có kẻ hưởng thụ dục lạc bằng cách dùng pháp lạm chiếm tài vật một cách bất hợp pháp để tự cung cấp mọi sự vui sướng cho chính mình, phụng dưỡng cho cha mẹ, cung cấp đầy đủ cho anh em, vợ con, kẻ làm, bà con quyến thuộc, bạn bè quen biết; nhưng không tùy thời cúng dường cho Sa-môn, Bà-la-môn, để cầu quả báo an lạc nơi tốt đẹp, mong đời sau sanh lên cõi trời. Đó gọi là hạng người thứ hai hưởng thụ dục lạc.

“Lại nữa, này thôn trưởng, có kẻ hưởng thụ dục lạc bằng cách dùng pháp tìm cầu tài vật chứ không bằng lạm chiếm để tự cung cấp mọi sự vui sướng cho chính mình, cung phụng cho cha mẹ, cung cấp đầy đủ cho anh em, vợ con, kẻ ở, bà con quyến thuộc, bạn bè quen biết, cũng tùy thời cúng dường cho Sa-môn, Bà-la-môn, để cầu quả báo an lạc nơi tốt đẹp, mong đời sau sanh lên cõi trời. Đó gọi là hạng người thứ ba hưởng thụ dục lạc.

“Này thôn trưởng, Ta không nhất thiết nói bình đẳng trong hưởng thụ dục lạc, mà Ta nói người hưởng thụ dục lạc có người thuộc hạng thấp kém, có người thuộc hạng trung bình, có người thuộc hạng hơn người.

“Thế nào là hạng thấp kém, hưởng thụ dục lạc? Là loại lạm chiếm bất hợp pháp, ... cho đến chẳng cầu quả

báo an lạc nơi tốt đẹp, mong đời sau sanh lên cõi trời, thì đó Ta gọi là hạng thấp kém hưởng thụ dục lạc.

“Thế nào là hạng trung bình, hưởng thụ dục lạc? Là loại người hưởng thụ dục lạc bằng cách đúng pháp mà tìm cầu tài vật một cách bất hợp pháp, ... cho đến chẳng mong đời sau sanh lên cõi trời, thì đó Ta gọi là hạng trung bình thứ hai hưởng thụ dục lạc.

“Thế nào là hạng người, Ta nói hơn người, hưởng thụ dục lạc? Là loại người đúng pháp để tìm cầu tài vật, ... cho đến đời sau sanh lên cõi trời, thì đó Ta gọi là hạng hơn người thứ ba hưởng thụ dục lạc.

“Thế nào là ba hạng người tự làm khổ chính mình? Đó là khổ chẳng phải pháp, bất chính, chẳng có bất cứ ý nghĩa lợi ích nào. Có một hạng người tự làm khổ bằng cách sống khắc khổ. Ban đầu mới phạm giới, ô nhiễm giới, họ tu đủ cách khổ hạnh, nỗ lực tinh tấn trụ ở một chỗ, nhưng hiện tại họ chẳng thể xa lìa được nhiệt não bức bách, chẳng được pháp hơn người, chẳng trụ vào được an lạc, tri kiến thắng diệu. Nay thôn trưởng, đó gọi là hạng người thứ nhất tự làm khổ mình bằng cách sống khắc khổ.

“Lại nữa, tự làm khổ bằng cách sống khắc khổ. Ban đầu chẳng phạm giới, chẳng ô nhiễm giới, nhưng tu đủ cách khổ hạnh cũng chẳng nhờ vậy mà hiện tại xa lìa được nhiệt não bức bách, chẳng được pháp hơn người, chẳng trụ vào được an lạc, tri kiến thắng diệu. Đó gọi là

hạng người thứ hai tự làm khổ mình bằng cách sống khắc khổ.

“Lại nữa, tự làm khổ bằng cách sống khắc khổ. Ban đầu chẳng phạm giới, chẳng ô nhiễm giới, nhưng tu đủ cách khổ hạnh tinh tấn, mà hiện tại vẫn không thể xa lìa được nhiệt não bức bách, được pháp hơn người, trụ vào an lạc, tri kiến thắng diệu. Đó gọi là hạng người thứ ba tự làm khổ mình bằng cách sống khắc khổ.

“Này thôn trưởng, Ta không nói tất cả những người tự mình làm khổ bằng cách sống khắc khổ đều giống nhau, mà Ta đã nói trong những kẻ tự làm khổ, có người thuộc hạng thấp kém, có người thuộc hạng trung bình, có người thuộc hạng hơn người.

“Thế nào là tự làm khổ thuộc hạng thấp kém? Nếu họ tự làm khổ ban đầu mới phạm giới, mới làm ô nhiễm giới, ... cho đến chẳng được tri kiến thắng diệu, trụ vào an lạc, Ta gọi đó là tự làm khổ thuộc hạng thấp kém.

“Thế nào là tự làm khổ thuộc hạng trung bình? Nếu họ tự làm khổ, ban đầu chẳng phạm giới, chẳng ô nhiễm giới, ... cho đến chẳng được tri kiến thắng diệu, trụ vào an lạc, Ta gọi đó là tự làm khổ thuộc hạng trung.

“Thế nào là tự làm khổ thuộc hạng hơn người? Nếu họ tự làm khổ, bằng cách sống khắc khổ, ban đầu chẳng phạm giới, chẳng ô nhiễm giới, ... cho đến chẳng được tri kiến thắng diệu, trụ vào an lạc, Ta gọi đó là tự làm khổ thuộc hạng hơn người.

“Này thôn trưởng, đó gọi là ba hạng người tự làm khổ mình, cái khổ này chẳng phải pháp, chẳng đúng, chẳng có bất cứ ý nghĩa lợi ích nào.

“Này thôn trưởng, có đạo lộ, có sự thực hành đưa đến ba hạng phương tiện tùy thuộc hưởng thụ dục lạc, của hàng phàm phu tục tử, quê mùa thấp kém; đưa đến phương tiện tự làm khổ chính mình, mà cái khổ này chẳng phải pháp, chẳng đúng, chẳng có bất cứ ý nghĩa lợi ích nào.

“Thế nào là đạo lộ, sự thực hành đưa đến phương tiện hưởng thọ dục lạc, tự làm khổ chính mình?

“Này thôn trưởng, vì bị dục tham làm chướng ngại, hoặc muốn tự hại, hoặc muốn hại kẻ khác, hoặc muốn hại cả hai, hiện tại và đời sau mắc tội báo này, tâm luôn lo khổ. Vì bị sân nhuế, ngu si làm chướng ngại, hoặc muốn tự hại, hoặc muốn hại kẻ khác, hoặc muốn hại cả hai, hiện tại và đời sau mắc tội báo này, tâm luôn lo khổ. Nếu xa lìa chướng ngại của dục tham, không muốn phương tiện tự hại, hại người, hại cả hai, hiện tại, đời sau khỏi mắc tội báo này, khiến tâm, tâm pháp luôn luôn thọ hỷ lạc. Cũng vậy, nếu xa lìa chướng ngại của sân nhuế, ngu si, không muốn phương tiện tự hại, hại người, hại cả hai, hiện tại, đời sau khỏi mắc tội báo này, khiến tâm, tâm pháp luôn luôn hưởng hỷ lạc. Đối trong hiện tại xa lìa nhiệt não bức bách, không cần đợi thời tiết, gần gũi Niết-bàn, mà ngay trong thân này thể duyên tự mình mà giác tri.

“Này thôn trưởng, như pháp hiện tại này vĩnh viễn xa lìa nhiệt não bức bách, không cần đợi thời tiết, gần gũi Niết-bàn, mà ngay trong thân này duyên tự mình giác tri, đó là tám Thánh đạo: Chánh kiến,... cho đến chánh định”.

Trong lúc Đức Thế Tôn đang nói pháp này, thôn trưởng Vương Đảnh xa lìa trần cấu, được pháp nhãn tịnh. Sau khi thôn trưởng Vương Đảnh thấy pháp, đắc pháp, biết pháp, thâm nhập vào pháp, thoát nghi không nhờ người khác, ở trong Chánh pháp luật mà được vô sở úy, liền từ chỗ ngồi đứng dậy, sửa lại y phục chấp tay bạch Phật²⁵².

158. Ma Ba Tuần tìm cách hại Phật

(No. 1084~1103).

(No. 1095). Khi ấy, ma Ba-tuần tự nghĩ: “Nay Sa-môn Cù-đàm sáng sớm đắp y, ôm bát, vào làng Sa-la khát thực. Bây giờ ta nên đến trước, vào nhà họ, nói với những gia chủ Bà-la-môn tín tâm, để cho Sa-môn Cù-đàm ôm bát trống ra về”. Lúc ấy, ma Ba-tuần chạy theo

252. Linh Sơn Pháp Bảo Đại Tạng Kinh Tập VI, Bộ A Hàm VI, Kinh Tập A Hàm Số 2, Tập A Hàm Quyển 32, Kinh 912, Hội Văn hóa Giáo dục Linh Sơn Đài Bắc, Taiwan, 2000, trang 594~598

sau Phật kêu: “Sa-môn! Sa-môn! Không được thức ăn sao?”²⁵³

159. Thế Tôn không chủ trương đoạn diệt

(No. 966). “Tôi nghe Sa-môn Cù-đàm chủ trương đoạn diệt, phá hoại sự hữu. Có truyền dạy như vậy chăng? Nay xin hỏi Tôn giả Phú-lân-ni, có đúng như vậy không?”

Phú-lân-ni bảo các xuất gia ngoại đạo: “Tôi không biết điều đó. Không có trường hợp Thế Tôn dạy chúng sanh đoạn diệt, phá hoại hữu, khiến trở thành vô sở hữu. Theo tôi hiểu như vậy: ‘Thế Tôn dạy có những chúng sanh chấp có ngã, ngã mạn, tà mạn. Thế Tôn đã dạy, khiến họ đoạn diệt những thứ đó’”²⁵⁴.

160. Mục đích xuất gia của Ngoại đạo

(No. 281). Phật bảo Mục-kiền-liên tóc búi: “Ông vì những phước lực gì mà nghe thuyết pháp từ các chúng Sa-môn, Bà-la-môn ngoại đạo Giá-la-ca xuất gia kia?”

253. Linh Sơn Pháp Bảo Đại Tạng Kinh Tập VI, Bộ A Hàm VI, Kinh Tạp A Hàm Số 2, Tạp A Hàm Quyển 39, Kinh 1.095, Hội Văn hóa Giáo dục Linh Sơn Đài Bắc, Taiwan, 2000, trang 881.

254. Linh Sơn Pháp Bảo Đại Tạng Kinh Tập VI, Bộ A Hàm VI, Kinh Tạp A Hàm Số 2, Tạp A Hàm Quyển 34, Kinh 966, Hội Văn hóa Giáo dục Linh Sơn Đài Bắc, Taiwan, 2000, trang 684.

Mục-kiền-liên tóc búi bạch: “Tôi thử nghe phước lợi mà họ luận nghị tranh hơn nhau, nghe phước lợi mà họ phản bác luận nghị nhau”.

Phật bảo Mục-kiền-liên: “Từ xưa tới nay, các Sa-môn, Bà-la-môn ngoại đạo Giá-la-ca xuất gia, luận nghị tranh hơn nhau, phản bác luận nghị nhau về phước lợi, phá hoại lẫn nhau”²⁵⁵.

161. Ngoại đạo trà trộn trong tăng đoàn

(No. 347). Một thời, Phật ở tại vườn Trúc, khu Ca-lan-đà, thành Vương Xá. Bảy giờ có các quốc vương, đại thần, gia chủ, Bà-la-môn, cư sĩ và những người khác ở thế gian, cung kính tôn trọng, cúng dường; Phật và chúng Thanh văn được nhiều lợi dưỡng: y phục, ẩm thực, ngọa cụ, thuốc men. Còn đối với các ngoại đạo tà giáo, họ hoàn toàn chẳng cung kính, tôn trọng, cúng dường các thứ y phục, ẩm thực, ngọa cụ, thuốc men.

Bảy giờ, các ngoại đạo tụ tập tại giảng đường Vị Tăng, bàn luận như vậy: ‘Chúng ta từ trước đến nay, thường được nhà vua, đại thần, gia chủ, cư sĩ và tất cả những người khác phụng sự, cung kính, cúng dường, y phục, ẩm thực, ngọa cụ, thuốc men mà ngày nay lại bị

255. Linh Sơn Pháp Bảo Đại Tạng Kinh Tập V, Bộ A Hàm V, Trung A Hàm Biệt Dịch & Kinh Tập A Hàm Số 1, Tập A Hàm Quyển 11 - Thứ Thanh Dự, Kinh 281, Hội Văn hóa Giáo dục Linh Sơn Đài Bắc - Taiwan, 2000, trang 920.

dứt tuyệt. Họ chỉ cung kính, cúng dường Sa-môn Cù-đàm và đại chúng Thanh văn. Nay trong chúng này, ai là người có trí tuệ, là bậc đại sĩ, có thể lên đến trong chúng Sa-môn Cù-đàm, xuất gia, nghe pháp Sa-môn Cù-đàm, rồi trở về nói lại đầy đủ. Chúng ta sẽ dùng pháp được nghe đó để giáo hóa quốc vương, đại thần, gia chủ, cư sĩ khiến cho họ tin ưa, có thể họ sẽ trở lại cúng dường chúng ta như trước?”. Lúc ấy có người lên tiếng:

“Có một thiếu niên tên là Tu-thâm, thông minh, có trí tuệ, có thể lên vào trong chúng Sa-môn Cù-đàm xuất gia, nghe pháp Cù-đàm xong rồi trở về trình bày lại”.

....

Bấy giờ, Tu-thâm im lặng nhận lời, đi đến trong vườn Trúc, khu Ca-lan-đà tại thành Vương Xá. Lúc ấy có nhiều Tỳ-kheo ra khỏi phòng, đi kinh hành ngoài đất trống. Tu-thâm liền đi đến chỗ các Tỳ-kheo bạch rằng:

“Bạch các Tôn giả, nay con có thể được ở trong Chánh pháp xuất gia, thọ giới Cụ túc, tu phạm hạnh không?”

Bấy giờ các Tỳ-kheo đưa Tu-thâm đi đến chỗ Đức Thế Tôn, thành kính đánh lễ dưới chân Phật, rồi lui ngồi một bên, bạch Phật:

“Bạch Thế Tôn, hôm nay ngoại đạo Tu-thâm muốn cầu xin được ở trong Chánh pháp xuất gia, thọ giới Cụ túc, tu phạm hạnh”.

Bấy giờ, Đức Thế Tôn biết rõ tâm niệm của Tu-thâm, nên bảo các Tỳ-kheo:

“Các ông nên độ cho ngoại đạo Tu-thâm này được xuất gia”...²⁵⁶

(No. 828). Thí như con lừa đi theo đàn bò, tự nghĩ rằng: ‘Ta phát ra tiếng bò’. Nhưng hình dáng của nó không giống bò, màu sắc cũng không giống, âm thanh phát ra không giống, mà theo đàn bò, rồi tự cho mình là bò, phát ra tiếng bò kêu, mà thật ra khác bò xa!

“Cũng vậy, có một nam tử ngu si vi phạm giới luật, mà còn đi theo đại chúng nói rằng: ‘Ta là Tỳ-kheo! Ta là Tỳ-kheo!’ mà không học tập thắng dục về tăng thượng Giới học, tăng thượng Ý học, tăng thượng Tuệ học. Còn theo đại chúng tự cho rằng: ‘Ta là Tỳ-kheo! Ta là Tỳ-kheo!’ Nhưng kỳ thật khác xa Tỳ-kheo”²⁵⁷.

256. Linh Sơn Pháp Bảo Đại Tạng Kinh Tập V, Bộ A Hàm V, Trung A Hàm Biệt Dịch & Kinh Tập A Hàm Số 1, Tập A Hàm Quyển 14 Kinh 347: Phù Di, Hội Văn hóa Giáo dục Linh Sơn Đài Bắc - Taiwan, 2000, trang 1014.

257. Linh Sơn Pháp Bảo Đại Tạng Kinh Tập VI, Bộ A Hàm VI, Kinh Tập A Hàm Số 2, Tập A Hàm Quyển 29, Kinh 828, Hội Văn hóa Giáo dục Linh Sơn Đài Bắc, Taiwan, 2000, trang 511.

162. Quan điểm của đức Phật về việc xem tướng, thiên văn...

(No. 54). Bảy giờ có Bà-la-môn tại tụ lạc Tỳ-ca-đa-lỗ-ca, đến chỗ Đức Phật, cung kính thăm hỏi, rồi ngồi qua một bên, bạch Phật rằng:

“Thưa Cù-đàm, tôi có một đệ tử trẻ, biết thiên văn, biết chủng tộc, xem tướng tốt, xấu cho mọi người; nói có, ắt là có; nói không, ắt là không; nói thành, ắt là thành; nói hoại, ắt là hoại. Thưa Cù-đàm, ý ngài nghĩ sao?”

”Phật bảo Bà-la-môn: “Hãy gác qua việc đệ tử trẻ của ông, biết thiên văn, biết chủng tộc”. Nay Ta hỏi ông, tùy theo ý ông mà trả lời. “Này Bà-la-môn, ý ông nghĩ sao, sắc vốn không có chủng loại chăng?”

Đáp: “Đúng vậy, Thế Tôn”.

“Thọ, tướng, hành, thức vốn không có chủng loại chăng?”

Đáp: “Đúng vậy, Thế Tôn”.

Phật bảo Bà-la-môn: “Ông bảo rằng đệ tử trẻ của ông, biết thiên văn, biết chủng tộc, vì mọi người mà nói như vậy: Nói có ắt là có; nói không ắt là không. Vậy cái biết cái thấy này không phải là không thật chăng?”

Bà-la-môn bạch Phật: “Đúng vậy, Thế Tôn”.

Phật bảo Bà-la-môn: “Ý ông nghĩ sao? Có loại sắc nào còn mãi trăm năm không? khác với sanh, khác với

diệt chãng? Thọ, tướng, hành, thức còn mãi trăm năm chãng? Hay khác với sanh, khác với diệt chãng?”

Đáp: “Đúng vậy, Thế Tôn”.

Phật bảo Bà-la-môn: “Ý ông nghĩ sao? Đệ tử trẻ của ông, biết thiên văn, biết chủng tộc, vì mọi người nói là thành chứ không hoại; vậy cái biết, cái thấy này không phải là không thay đổi chãng?”

Đáp: “Đúng vậy, Thế Tôn”.

Phật bảo Bà-la-môn: “Ý ông nghĩ sao? Pháp này và pháp kia; thuyết này và thuyết kia, quan điểm nào hơn?”

Bà-la-môn bạch Phật: “Bạch Thế Tôn, ở đây là nói như pháp, như những gì Đức Phật đã nói, hiển bày, khai mở. Cũng như có người bị chìm xuống nước được cứu hộ, người bị tù tội được giải thoát ra, người lạc đường được chỉ nẻo đi, nơi tăm tối được đèn sáng. Hôm nay, Đức Thế Tôn khéo nói pháp thù thắng, cũng lại hiển bày, khai phát như vậy”²⁵⁸.

258. Linh Sơn Pháp Bảo Đại Tạng Kinh Tập V, Bộ A Hàm V, Trung A Hàm Biệt Dịch & Kinh Tập A Hàm Số 1, Tập A Hàm Quyển 2 - Kinh 54: Phi Ngã, Hội Văn hóa Giáo dục Linh Sơn Đài Bắc - Taiwan, 2000, trang 589~590.

163. Phê phán Tỳ-kheo sống bằng nghề xem tướng, tà mạng

(No. 500). “Này tỳ muội, những Sa-môn, Bà-la-môn có kiến thức về sự vật, có kiến thức về hoành pháp, kiếm ăn một cách tà mạng; những Sa-môn, Bà-la-môn này cúi mặt mà ăn. Nếu Sa-môn, Bà-la-môn nào ngược mặt nhìn xem hiện tượng trăng sao, kiếm ăn một cách tà mạng như vậy; Sa-môn, Bà-la-môn này ngửa mặt mà ăn. Nếu Sa-môn, Bà-la-môn nào làm sứ giả cho người khác, kiếm ăn một cách tà mạng, những Sa-môn, Bà-la-môn như vậy xoay mặt bốn phương mà ăn. Nếu Sa-môn, Bà-la-môn nào làm thuốc trị các thứ bệnh, kiếm ăn một cách tà mạng, những Sa-môn, Bà-la-môn như vậy xoay mặt bốn góc mà ăn. Này tỳ muội, tôi không thuộc vào cách kiếm ăn theo bốn thứ tà mạng này, mà tôi chỉ theo đúng pháp kiếm ăn để tự nuôi sống. Cho nên, tôi nói là không phải là bốn cách ăn tà mạng đó”.

Khi xuất gia ngoại đạo tên là Tịnh Khẩu nghe Tôn giả Xá-lợi-phất nói xong, hoan hỷ, tùy hỷ từ già, rồi bà đi đến chỗ ngã tư đường trong thành Vương xá, khen ngợi rằng: ‘Sa-môn Thích tử nuôi sống chân chính, tự nuôi sống rất chân chính! Nếu người nào muốn bố thí cúng dường, thì nên cúng dường cho Sa-môn Thích tử; nếu muốn tạo phước, thì nên đến Sa-môn Thích tử tạo phước’²⁵⁹.

259. Linh Sơn Pháp Bảo Đại Tạng Kinh Tập VI, Bộ A Hàm VI, Kinh Tập A Hàm Số 2, Tập A Hàm Quyển 18, Kinh 500, Hội Văn hóa Giáo dục Linh Sơn Đài Bắc, Taiwan, 2000, trang 118-119.

164. Quan điểm của đức Phật về vấn đề tế lễ

(No. 89). Bấy giờ có một Bà-la-môn tuổi trẻ tên là Ưu-ba-ca đến chỗ Đức Phật. Sau khi chào hỏi xong, lui ngòi qua một bên, bạch Phật rằng: “Bạch Cù-đàm, các Bà-la-môn thường hay khen ngợi đại hội tà thanh. Còn Sa-môn Cù-đàm có khen ngợi đại hội tế lễ không?”

Phật bảo Ưu-ba-ca: “Ta không khen ngợi một chiều. Hoặc có đại hội tà thanh Ta tán thán. Cũng có đại hội tà thanh Ta không tán thán”.

Ưu-ba-ca bạch Phật: “Những đại hội tế lễ nào có thể được khen ngợi và những đại hội tế lễ nào không được khen ngợi?”

Phật bảo Ưu-ba-ca: “Nếu có đại hội tế lễ nào mà cột trời cả bảy nghé, trâu đực, trâu cái, những con dê và những chúng sanh nhỏ bé khác, tất cả đều bị sát hại; hành hạ áp bức những kẻ nô tỳ, người làm công, đánh đập bằng chùy roi vọt, làm cho sợ hãi, buồn khổ, khóc la, kêu gào, không hoan hỷ, không sướng, lao dịch khổ nhọc. Những đại hội tế lễ như vậy, Ta không khen ngợi, vì chúng gây nên tai nạn lớn. “Nếu những đại hội tế lễ mà không trói cột các súc vật cho đến không khiến chúng sanh phải lao dịch khổ nhọc; những đại hội tế lễ như vậy được Ta khen ngợi tán thán, vì nó không mang lại tai nạn lớn”²⁶⁰.

260. Linh Sơn Pháp Bảo Đại Tạng Kinh Tập V, Bộ A Hàm V, Trung A Hàm Biệt Dịch & Kinh Tập A Hàm Số 1, Tập A Hàm Quyển 4 - Kinh 89:

(No. 93). Bạch Cù-đàm, nay tôi muốn tổ chức lễ hội lớn tế lễ, với bảy trăm con trâu đực sắp hàng cột vào trụ, cho đến các loài sanh vật nhỏ bé khác, tất cả đều bị trói cột. Các nhóm ngoại đạo khác nhau từ nhiều nước khác nhau đều tụ tập về dự đại tế đàn này. Nay, tôi lại nghe Cù-đàm từ Câu-tát-la du hành trong nhân gian đã đến vườn Cấp-cô-độc, cây Kỳ-đà thuộc nước Xá-vệ, nên tôi đến đây để thỉnh vấn Cù-đàm về pháp tế tự và phần số của các phẩm vật, không để cho các phần số trong đại tế đàn mà tôi tổ chức bị thiếu sót”.

Đức Phật bảo Bà-la-môn: “Có một thứ đại tế đàn, tuy người chủ thực hành việc bố thí làm phước nhưng lại sanh ra tội, gặt hái quả báo bất thiện, bị đâm chém bởi ba thứ đao kiếm. Ba loại ấy là: đao kiếm bởi thân, đao kiếm bởi miệng, đao kiếm bởi ý.

“Thế nào là đao kiếm bởi ý, sanh ra các quả báo khổ? Như có một người chủ tổ chức đại tế đàn, suy nghĩ: “Ta tổ chức đại hội tế tự, cần phải giết ngần ấy trâu đực mập mạnh, trâu cái, trâu con, dê tơ, cùng nhiều loài sanh vật nhỏ bé khác”. Đó gọi là đao kiếm bởi ý, sanh ra các quả báo khổ. Tuy người thí chủ có ý nghĩ là làm các việc bố thí và cúng dường như vậy, nhưng thật ra việc làm ấy sanh ra tội.

“Thế nào là đao kiếm bởi miệng, sanh ra các quả báo khổ? Có một người chủ tổ chức lễ hội lớn, bảo như vậy: “Nay, ta tổ chức lễ hội lớn tế lễ, các người phải giết ngàn ấy trâu đực mập mạnh, cho đến ngàn ấy sanh vật nhỏ bé khác”. Đó gọi là đao kiếm bởi miệng, sanh ra các quả báo khổ. Người chủ lễ hội lớn, tuy làm các việc bố thí, cúng dường, nhưng thật ra việc làm ấy sanh ra tội.

“Thế nào là đao kiếm bởi thân, sanh ra các quả báo khổ? Có người chủ lễ hội lớn, tự tay mình giết trâu đực, cho đến giết hại các loài sanh vật bé nhỏ khác. Đó gọi là đao kiếm bởi thân sanh ra các quả báo khổ. Người chủ lễ hội lớn này, tuy nghĩ đến các việc bố thí, cúng dường, nhưng thật ra việc làm ấy sanh ra tội.

“Tuy nhiên, Bà-la-môn nào siêng năng tùy thời cúng dường ba thứ lửa, cung kính lễ bái, phụng sự, mang lại sự an lạc. Những gì là ba? Một là lửa căn bản, hai là lửa cư gia, ba là lửa phước điền.

“Thế nào là lửa căn bản, mà tùy thời cung kính, phụng sự, cúng dường, mang lại sự an lạc? Người thiện nam, nhờ phương tiện có được tiền của, hay do sự cần cù khó nhọc chân tay mà có được như pháp, đem phụng dưỡng cha mẹ, khiến cho họ được an lạc, đó gọi là lửa căn bản. Vì sao gọi là căn bản? Vì người thiện nam do cha mẹ sanh ra, nên cha mẹ được gọi là căn bản. Người thiện nam vì tôn sùng căn bản nên tùy thời cung kính, phụng sự, mang lại sự an lạc cho họ.

“Thế nào là lửa gia cư mà người thiện nam tùy thời nuôi dưỡng, đem lại sự an lạc? Người thiện nam, nhờ phương tiện có được của cải, nhờ vào sự cần cù khổ cực của chân tay, có được như pháp, rồi đem cung cấp cho vợ con, bà con quyến thuộc, người giúp việc, khách thương, tùy thời mà cung cấp, với lòng tôn trọng, đem lại sự hạnh phúc cho họ. Đó gọi là lửa cư gia. Vì sao gọi là gia? Vì người thiện nam sống đời tại gia, vui thì cùng vui, khổ thì cùng khổ, mọi sinh hoạt trong gia đình đều tùy thuận lệ thuộc vào nhau, cho nên gọi là gia. Vì vậy, người thiện nam nên tùy thời mà cung cấp và mang lại sự an lạc cho họ.

“Thế nào là lửa phước điền mà người thiện nam tùy thời cung kính, tôn trọng cúng dường, mang lại sự an lạc? Người thiện nam, phương tiện có được của cải, nhờ vào sự cần cù khổ cực của chân tay, có được như pháp, rồi đem phụng sự, cúng dường cho các Sa-môn, Bà-la-môn nào đã khéo điều phục tham, nhuế, si. Cúng dường những Sa-môn, Bà-la-môn như vậy là kiến lập phước điền, càng lúc càng tăng tiến, hiện tại an vui được báo tốt, tương lai sẽ sanh về cõi trời. Đó gọi là lửa phước điền. Vì sao gọi là điền? Vì đó là đám ruộng phước của thế gian, là nơi đáng được cúng dường, cho nên gọi là điền. Do vậy, người thiện nam nên tùy thời cung kính, phụng sự, cúng dường và mang lại sự an lạc cho họ”²⁶¹.

261. Linh Sơn Pháp Bảo Đại Tạng Kinh Tập V, Bộ A Hàm V, Trung A Hàm Biệt Dịch & Kinh Tập A Hàm Số 1, Tập A Hàm Quyển 4 - Kinh 93:

165. Người đã chết có hưởng được vật cúng không?

(No. 1041). Một thời Đức Phật ở trong vườn Trúc, khu Ca-lan-đà tại thành Vương Xá. Bấy giờ có Phạm chí Sanh Văn đi đến chỗ Phật, cùng Phật thăm hỏi an úy xong, ngồi lui qua một bên, bạch Phật: “Thưa Cù-đàm, con có người thân tộc rất thương mến, bỗng nhiên qua đời. Con vì người ấy nên bố thí với tín tâm. Thế nào, bạch Thế Tôn, người ấy có nhận được không?”

Phật bảo Bà-la-môn: “Không phải nhất định được. Nếu người thân tộc của ông sanh vào trong địa ngục, nó sẽ ăn thức ăn của chúng sanh địa ngục để nuôi sống sanh mạng của nó, chứ không nhận được đồ ăn thức uống mà ông bố thí với tín tâm. Nếu nó sanh vào súc sanh, ngạ quỷ, hoặc loài người, họ sẽ được đồ ăn thức uống của loài người, không nhận được đồ bố thí của ông.

“Này Bà-la-môn, trong đường ngạ quỷ có một nơi tên là Nhập xứ ngạ quỷ. Nếu người thân tộc của ông sanh vào trong Nhập xứ ngạ quỷ kia, thì sẽ nhận được thức ăn của ông”.

Bà-la-môn bạch Phật: “Nếu người thân tộc của con không sanh vào trong đường Nhập xứ ngạ quỷ, thì thức ăn do tín tâm của con bố thí ai sẽ hưởng được?”

Phật bảo Bà-la-môn: “Nếu ông với tín tâm bố thí cho người thân tộc, nhưng họ không sanh vào chốn Nhập xứ ngạ quỷ, thì có những thân tộc quen biết khác đã sanh vào trong chốn Nhập xứ ngạ quỷ đó sẽ được hưởng”.

Bà-la-môn bạch Phật: “Thưa Cù-đàm, nếu con vì tín tâm bố thí cho người thân tộc, nhưng họ không sanh vào trong chốn Nhập xứ ngạ quỷ và cũng không có các thân tộc quen biết khác sanh vào chốn Nhập xứ ngạ quỷ, thì thức ăn do lòng tin bố thí đó ai sẽ hưởng?”

Phật bảo Bà-la-môn: “Giả sử ông vì những thân tộc quen biết mà bố thí, nhưng họ không sanh vào trong chốn Nhập xứ ngạ quỷ và lại cũng không có những người quen biết khác sanh vào chốn ngạ quỷ, thì việc bố thí do lòng tin, tự mình sẽ được phước. Của bố thí do lòng tin của người thí chủ đó, sẽ không mất đạt-thần”.

Bà-la-môn bạch Phật: “Thế nào là thí chủ hành thí, để người bố thí được đạt-thần kia?”

Phật bảo Bà-la-môn: “Có người sát sanh, làm những việc ác, tay thường tanh máu,... *cho đến* mười nghiệp bất thiện, *nói đầy đủ như kinh Thuần-đà*. Sau lại bố thí cho Sa-môn, Bà-la-môn,... *cho đến* những kẻ ăn xin bần cùng, đều bố thí tiền tài, áo quần, chăn mền, đồ ăn thức uống, đèn đuốc, những vật dụng trang nghiêm.

“Này Bà-la-môn, thí chủ kia nếu lại phạm giới sanh trong loài voi, nhưng vì người ấy đã từng bố thí cho Sa-

môn, Bà-la-môn tiền của, áo quần, chăn mền, đồ ăn thức uống cho đến những vật dụng trang nghiêm, nên tuy ở trong loài voi, nhưng cũng nhận được phước báo nhờ họ đã bố thí, từ quần áo, đồ ăn thức uống cho đến những vật dụng trang nghiêm.

“Nếu lại sanh vào các loài súc sanh như trâu, ngựa, lừa, la v.v... nhưng cũng nhờ vào công đức thí ân trước, nên họ ắt sẽ nhận được phước báo kia tùy theo chỗ sanh tương ứng mà được thọ dụng.

“Này Bà-la-môn, nếu thí chủ kia lại trì giới, không sát sanh, trộm cướp, ... *cho đến* chánh kiến và bố thí cho các Sa-môn, Bà-la-môn, ... *cho đến* những kẻ ăn xin nào là tiền của, áo quần, đồ ăn thức uống, đèn đuốc, nhờ công đức này mà sanh trong loài người, ngồi hưởng thụ phước báo này, từ áo quần, đồ ăn thức uống ... *cho đến* những vật dụng như đèn đuốc.

“Lại nữa, này Bà-la-môn, nếu họ lại trì giới, thì sẽ được sanh lên cõi trời, vì họ nhờ vào những thí ân nên được hưởng những thứ phước báo về tài bảo, áo quần, đồ ăn thức uống, ... *cho đến* những vật dụng trang nghiêm cõi trời.

“Này Bà-la-môn, đó gọi là người bố thí hành thí; khi người bố thí thọ nhận đạt-thần, quả báo không mất”²⁶².

262. Linh Sơn Pháp Bảo Đại Tạng Kinh Tập VI, Bộ A Hàm VI, Kinh Tập A Hàm Số 2, Tập A Hàm Quyển 37, Kinh 1.041, Hội Văn hóa Giáo dục Linh Sơn Đài Bắc, Taiwan, 2000, trang 803-805.

166. Đức Phật không bàn chuyện chết

(No. 854). Phật bảo các Tỳ-kheo: “Các ông theo người này qua đời, người kia qua đời mà hỏi, thì thật là phiền nhọc. Chẳng phải là điều Như Lai muốn đáp. Phàm có sanh thì có tử, có gì là lạ! Dù Như Lai có ra đời hay chẳng ra đời, thì pháp tánh vẫn thường trụ, điều đó Như Lai tự chứng tri, thành Đẳng Chánh Giác, hiển bày, diễn nói, phân biệt, chỉ dạy, rằng: Cái này có nên cái kia có; cái này khởi nên cái kia khởi; vì duyên vô minh nên có hành,... cho đến vì duyên sanh nên có già, bệnh, chết, ưu, bi, khổ, não và khổ ấm tích tập như vậy. Vô minh diệt thì hành diệt, ... cho đến sanh diệt thì già, bệnh, chết, ưu, bi, khổ, não diệt và khổ ấm bị diệt như vậy”²⁶³.

167. Tam bảo

(No. 1124~1125). Nếu có vị Thánh đệ tử nào đối với Phật mà thành tựu được lòng tin thanh tịnh bất hoại, thì ngay lúc đó, sẽ được các hàng chư Thiên mà trước kia đối với Phật đã thành tựu được lòng tin tịnh giới bất hoại và vì nhân duyên này họ được sanh lên cõi trời, họ đều rất hoan hỷ và khen ngợi rằng: ‘Ta, nhờ nhân duyên đối với Phật thành tựu được lòng tin thanh tịnh bất hoại, nên được sanh lên cõi trời tốt đẹp này. Vị Thánh đệ tử kia,

263. Linh Sơn Pháp Bảo Đại Tạng Kinh Tập VI, Bộ A Hàm VI, Kinh Tập A Hàm Số 2, Tập A Hàm Quyển 30, Kinh 854, Hội Văn hóa Giáo dục Linh Sơn Đài Bắc, Taiwan, 2000, trang 536.

ngày nay đối với Phật thành tựu lòng tin thanh tịnh bất hoại, vì nhân duyên đó cũng sẽ sanh lên cõi trời tốt đẹp này²⁶⁴.

168. Niệm Phật, pháp, tăng, giới, thí và thiên

(No. 550). Tôn giả Ma-ha Ca-chiên-diên bảo các Tỷ-kheo: “Phật Thế Tôn, Như Lai, Ứng Cúng, Đẳng Chánh Giác, là bậc Tri giả, là bậc Kiến giả, nói sáu pháp ra khỏi chỗ khổ, đạt đến chỗ thù thắng, nói nhất thừa đạo khiến cho chúng sanh được thanh tịnh, lìa mọi sự khổ não, dứt hết lo buồn, được pháp chân như. Sáu pháp ấy là gì? Đó là, Thánh đệ tử niệm tưởng pháp sở hành của Như Lai, Ứng Cúng, Đẳng Chánh Giác, là pháp sở hành thanh niệm: Như Lai, Ứng Cúng, Đẳng Chánh Giác, Minh Hạnh Túc, Thiện Thệ, Thế Gian Giải, Vô Thượng Sĩ, Điều Ngự Trượng Phu, Thiên Nhân Sư, Phật, Thế Tôn. Thánh đệ tử do niệm pháp sở hành của Như Lai, nên lìa giác tưởng tham dục, lìa giác tưởng sân nhuế, lìa giác tưởng não hại. Thánh đệ tử ra khỏi tâm nhiễm trước. Tâm nhiễm trước là gì? Đó là năm phẩm chất của dục. Nếu đối với năm phẩm chất của dục này mà lìa tham, nhuế, si, an trụ chánh niệm, chánh trí, nương theo trực đạo, tu tập niệm Phật, chân chánh hướng thẳng đến

264. Linh Sơn Pháp Bảo Đại Tạng Kinh Tập VI, Bộ A Hàm VI, Kinh Tập A Hàm Số 2, Tập A Hàm Quyển 41, Kinh 1.124~1.125, Hội Văn hóa Giáo dục Linh Sơn Đài Bắc, Taiwan, 2000, trang 931.

Niết-bàn. Đó gọi là Như Lai, Ứng Cúng, Đẳng Chánh Giác, là bậc Tri giả, Kiến giả, nói nhất thừa đạo thứ nhất ra khỏi khổ, đạt đến chỗ thù thắng, khiến chúng sanh được thanh tịnh, lìa khỏi mọi khổ não, diệt hết mọi lo buồn, được pháp như thật.

“Lại nữa, Thánh đệ tử luôn niệm tưởng Chánh pháp, niệm: Pháp luật hiện tại của Thế Tôn, lìa mọi nhiệt não, phi thời gian, thông suốt, thấy ngay trong hiện tại, duyên tự mình mà giác ngộ. Lúc Thánh đệ tử niệm Chánh pháp, không khởi giác tưởng tham dục, giác tưởng sân nhuế, não hại. Như vậy, Thánh đệ tử ra khỏi tâm nhiễm trước. Tâm nhiễm trước là gì? Đó là năm phẩm chất của dục. Nếu đối với năm phẩm chất của dục này mà lìa tham, nhuế, si, an trụ chánh niệm, chánh trí, nương theo trực đạo, tu tập niệm Phật, chân chánh hướng thẳng đến Niết-bàn. Đó gọi là Như Lai, Ứng Cúng, Đẳng Chánh Giác, là bậc Tri giả, Kiến giả, nói nhất thừa đạo thứ hai ra khỏi khổ, đạt đến chỗ thù thắng, khiến chúng sanh được thanh tịnh, lìa khỏi mọi khổ não, diệt hết mọi lo buồn, được pháp như thật.

“Lại nữa, Thánh đệ tử luôn niệm Tăng pháp là bậc thiện xảo thú hướng, chân chánh thú hướng, trực chỉ thú hướng, bình đẳng thú hướng, tu hạnh tùy thuận, Đó là hướng Tu-đà-hoàn, đắc quả Tu-đà-hoàn; hướng Tu-đà-hàm, đắc quả Tu-đà-hàm; hướng A-na-hàm, đắc quả A-na-hàm; hướng A-la-hán, đắc quả A-la-hán. Như vậy, bốn đời, tám bậc, đó gọi là Tăng đệ tử của Thế Tôn, đây

đủ giới, đầy đủ định, đầy đủ tuệ, đầy đủ giải thoát, đầy đủ giải thoát tri kiến, là phước điền Vô thượng của thế gian, là nơi xứng đáng cúng dường, cung kính, lễ bái. Khi Thánh đệ tử niệm Tăng, không khởi giác tưởng tham dục, sân nhuế, não hại, như vậy, Thánh đệ tử thoát khỏi tâm nhiễm trước. Tâm nhiễm trước là gì? Đó là năm phẩm chất của dục. Nếu đối với năm phẩm chất của dục này mà lìa tham, nhuế, si, an trụ chánh niệm, chánh trí, nương theo trực đạo, tu tập niệm Phật, chân chánh hướng thẳng đến Niết-bàn. Đó gọi là Như Lai, Ứng Cúng, Đẳng Chánh Giác, là bậc Tri giả, Kiến giả, nói nhất thừa đạo thứ ba ra khỏi khổ, đạt đến chỗ thù thắng, khiến chúng sanh được thanh tịnh, lìa khỏi mọi khổ não, diệt hết mọi lo buồn, được pháp như thật.

“Lại nữa, Thánh đệ tử niệm Giới đức, niệm: Giới không khuyết, giới không vỡ, giới thuần hậu, giới không lìa, giới không trộm lậy, giới khéo rớt ráo, giới đáng khen ngợi, giới mà bậc phạm hạnh không ghét bỏ. Nếu Thánh đệ tử khi niệm giới, tự nhớ nghĩ những giới đã được thành tựu trong thân, ngay lúc ấy không khởi giác tưởng tham dục, sân nhuế, não hại, thì như vậy là Thánh đệ tử đã ra khỏi tâm nhiễm trước. Tâm nhiễm trước là gì? Đó là năm phẩm chất của dục. Nếu đối với năm phẩm chất của dục này mà lìa tham, nhuế, si, an trụ chánh niệm, chánh trí, nương theo trực đạo, tu tập niệm Phật, chân chánh hướng thẳng đến Niết-bàn. Đó gọi là Như Lai, Ứng Cúng, Đẳng Chánh Giác, là bậc Tri giả, Kiến giả,

nói nhất thừa đạo thứ tư ra khỏi khổ, đạt đến chỗ thù thắng, khiến chúng sanh được thanh tịnh, lìa khỏi mọi khổ não, diệt hết mọi lo buồn, được pháp như thật.

“Lại nữa, Thánh đệ tử niệm Thí pháp, tâm tự vui mừng: Nay ta đã lìa cấu uế xan tham; dù là tại gia mà tâm bỏ thí với sự giải thoát, thường thí, xả thí, vui thí, thành tựu sự bố thí, bố thí bình đẳng. Nếu Thánh đệ tử khi niệm thí pháp mà tự mình bố thí, không khởi giác tưởng tham dục, sân nhuế, não hại, thì như vậy, Thánh đệ tử ra khỏi tâm nhiễm trước. Tâm nhiễm trước là gì? Đó là năm phẩm chất của dục. Nếu đối với năm phẩm chất của dục này mà lìa tham, nhuế, si và an trụ chánh niệm, chánh trí, nương theo trực đạo, tu tập niệm Phật, chân chánh hướng thẳng đến Niết-bàn. Đó gọi là Như Lai, Ứng Cúng, Đẳng Chánh Giác, là bậc Tri giả, Kiến giả, nói nhất thừa đạo thứ năm ra khỏi khổ, đạt đến chỗ thù thắng, khiến chúng sanh được thanh tịnh, lìa khỏi mọi khổ não, diệt hết mọi lo buồn, được pháp như thật.

“Lại nữa, Thánh đệ tử luôn niệm Thiên đức, niệm: Tứ vương thiên, Tam thập tam thiên, Diệm-ma thiên, Đâu-suất-đà thiên, Hóa lạc thiên, Tha hóa tự tại thiên, với tín tâm thanh tịnh, khi mạng chung ở nơi này sẽ sanh lên các cõi trời. Ta cũng như vậy, với tín, giới, thí, vãng, tuệ, mạng chung ở nơi này sẽ được sanh lên các cõi trời. Như vậy, khi Thánh đệ tử niệm công đức chư Thiên, không khởi giác tưởng tham dục, sân nhuế, não hại, thì như vậy, Thánh đệ tử ra khỏi tâm nhiễm trước. Tâm nhiễm trước

là gì? Đó là năm phẩm chất của dục. Nếu đối với năm phẩm chất của dục này mà lìa tham, nhuế, si và an trụ chánh niệm, chánh trí, nương theo trực đạo, tu tập niệm Phật, chân chánh hướng thẳng đến Niết-bàn. Đó gọi là Như Lai, Ứng Cúng, Đẳng Chánh Giác, là bậc Tri giả, Kiến giả, nói nhất thừa đạo thứ năm ra khỏi khổ, đạt đến chỗ thù thắng, khiến chúng sanh được thanh tịnh, lìa khỏi mọi khổ não, diệt hết mọi lo buồn, được pháp như thật”²⁶⁵.

169. 4 bất hoại tịnh

(No. 834). “Thánh đệ tử nếu thành tựu được bốn Bất hoại tịnh, thì ở giữa loài người không sống cuộc sống nghèo khổ; không bị lạnh rét, xin ăn; mà tự nhiên giàu sang đầy đủ. Những gì là bốn? Thành tựu bất hoại tịnh đối với Phật; thành tựu bất hoại tịnh đối với Pháp, Tăng, Thánh giới. Cho nên, Tỳ-kheo phải học như vậy: ‘Ta sẽ thành tựu bất hoại tịnh đối với Phật; sẽ thành tựu bất hoại tịnh đối với Pháp, Tăng, Thánh giới’²⁶⁶.

265. Linh Sơn Pháp Bảo Đại Tạng Kinh Tập VI, Bộ A Hàm VI, Kinh Tập A Hàm Số 2, Tập A Hàm Quyển 20, Kinh 550, Hội Văn hóa Giáo dục Linh Sơn Đài Bắc, Taiwan, 2000, trang 173~176.

266. Linh Sơn Pháp Bảo Đại Tạng Kinh Tập VI, Bộ A Hàm VI, Kinh Tập A Hàm Số 2, Tập A Hàm Quyển 30, Kinh 834, Hội Văn hóa Giáo dục Linh Sơn Đài Bắc, Taiwan, 2000, trang 518.

(No. 554). Tôn giả Ma-ha Ca-chiên-diên bảo gia chủ: “Ông nên nương vào bốn pháp bất hoại tịnh này mà tu tập sáu pháp niệm. Nên niệm công đức Phật: Ngài là Như Lai, Ứng Cúng, Đẳng Chánh Giác, Minh Hạnh Túc, Thiện Thệ, Thế Gian Giải, Vô Thượng Sĩ, Điều Ngự Trượng Phu, Thiên Nhân Sư, Phật, Thế Tôn. Nên niệm công đức Pháp: Đối với Chánh pháp luật của Thế Tôn, ngay trong đời này, xa lìa các phiền não bức rức, pháp được thông đạt, phi thời gian, duyên tự mình mà giác ngộ. Nên niệm công đức Tăng: Bạc thiện xảo thú hướng, chân chánh thú hướng, trực chỉ thú hướng, bình đẳng thú hướng, tu hạnh tùy thuận, Đó là hướng Tu-đà-hoàn, đắc quả Tu-đà-hoàn; hướng Tu-đà-hàm, đắc quả Tu-đà-hàm; hướng A-na-hàm, đắc quả A-na-hàm; hướng A-la-hán, đắc quả A-la-hán. Như vậy, bốn đôi, tám bậc, đó gọi là Tăng đệ tử của Thế Tôn, đầy đủ giới, đầy đủ định, đầy đủ tuệ, đầy đủ giải thoát, đầy đủ giải thoát tri kiến, là phước điền Vô thượng của thế gian, là nơi cúng dường, cung kính, lễ bái. Nên niệm công đức Giới: Tự giữ gìn chánh giới, không hủy, không khuyết, không vỡ, không nát, là giới chẳng trộm lầy, giới cứu cánh, giới đáng khen ngợi, giới phạm hạnh, giới không bị ghét bỏ. Nên niệm công đức Bồ thí: Tự mình nghĩ đến bố thí, tự tâm cảm thấy hân hoan, xả bỏ keo kiệt, tham lam; tuy ở tại gia nhưng tâm bố thí giải thoát, thường bố thí, vui vẻ bố thí, bố thí đầy đủ, bố thí bình đẳng. Nên niệm công đức chư Thiên: Niệm trời Tứ vương, trời Tam thập tam, trời Diệm-ma, trời Đâu-suất-đà, trời Hóa lạc,

trời Tha hóa tự tại. Chư Thiên này với tín và giới thanh tịnh, khi chết ở cõi này được sanh về trong các cõi kia. Ta cũng như vậy, nhờ tín, giới, trí, văn, tuệ thanh tịnh, nên được sanh về trong các cõi trời kia”.²⁶⁷

(No. 848). “Có bốn Thiên đạo của chư Thiên. Những gì là bốn? Thánh đệ tử niệm tưởng Như Lai sự như vậy: ‘Như Lai là Đấng Ứng Cúng, Đấng Chánh Giác, Minh Hạnh Túc, Thiện Thệ, Thế Gian Giải, Vô Thượng Sĩ, Điều Ngự Trượng Phu, Thiên Nhân Sư, Phật, Thế Tôn. Đối với Như Lai sự này, mà sanh tâm tùy hỷ. Do tùy hỷ, tâm hân hoan; do tâm hân hoan, thân khinh an; do thân khinh an, có cảm giác thọ lạc; do có cảm giác thọ lạc, được định tam-muội; do định tam-muội, Thánh đệ tử học như vậy: ‘Thế nào là Thiên đạo của chư Thiên?’ Và lại suy nghĩ: ‘Ta đã từng nghe không sân nhuế là Thiên đạo trên hết của chư Thiên’. Rồi lại nghĩ: ‘Đối với thế gian, từ hôm nay dù ta gặp hoặc sợ hãi, hoặc an ổn, cũng không nổi sân giận; ta chỉ tự chọn cho mình Thiên đạo hoàn toàn thanh tịnh thuần nhất của chư Thiên. Đó gọi là Thiên đạo đệ nhất của chư Thiên làm cho chúng sanh chưa tịnh khiến tịnh, đã tịnh rồi lại khiến tịnh hơn’.

“Lại nữa, Tỳ-kheo Thánh đệ tử niệm tưởng Pháp sự như vậy: Chánh pháp luật được Như Lai tuyên thuyết,

267. Linh Sơn Pháp Bảo Đại Tạng Kinh Tập VI, Bộ A Hàm VI, Kinh Tập A Hàm Số 2, Tập A Hàm Quyển 20, Kinh 554, Hội Văn hóa Giáo dục Linh Sơn Đài Bắc, Taiwan, 2000, trang 182~183.

ngay đòi hiện tại xa lìa mọi thứ thiêu đốt, không đợi thời tiết, thông đạt Niết-bàn, tự thân quán sát, duyên nơi tự mình mà giác tri. Do biết pháp sự như vậy rồi, thì tâm sanh tùy hỷ. Do tùy hỷ, tâm hân hoan; do tâm hân hoan, thân khinh an; do thân khinh an, có cảm giác thọ lạc; do có cảm giác thọ lạc, được định tam-muội; do định tam-muội, Thánh đệ tử học như vậy: ‘Thế nào là Thiên đạo của chư Thiên?’ Và lại suy nghĩ: ‘Ta đã từng nghe không sân nhuế là Thiên đạo trên hết của chư Thiên’. Rồi lại nghĩ: ‘Đối với thế gian, từ hôm nay dù ta gặp hoặc sợ hãi, hoặc an ổn, cũng không nổi sân giận; ta chỉ tự chọn cho mình Thiên đạo hoàn toàn thanh tịnh thuần nhất của chư Thiên. Đó gọi là Thiên đạo thứ hai của chư Thiên làm cho chúng sanh chưa tịnh khiến tịnh, đã tịnh rồi lại khiến tịnh hơn’.

“Lại nữa Tỳ-kheo, nếu đối với Tăng sự, khởi chánh niệm như vậy: ‘Tăng đệ tử của Thế Tôn, chánh trực thú hướng đáng được cung kính tôn trọng cúng dường, là ruộng phước vô thượng’. Vị ấy chân chánh suy niệm Tăng sự như vậy, liền sanh tâm tùy hỷ. Do tùy hỷ, tâm hân hoan; do tâm hân hoan, thân khinh an; do thân khinh an, có cảm giác thọ lạc; do có cảm giác thọ lạc, được định tam-muội; do định tam-muội, Thánh đệ tử học như vậy: ‘Thế nào là Thiên đạo của chư Thiên?’ Và lại suy nghĩ: ‘Ta đã từng nghe không sân nhuế là Thiên đạo trên hết của chư Thiên’. Rồi lại nghĩ: ‘Đối với thế gian, từ hôm nay dù ta gặp hoặc sợ hãi, hoặc an ổn, cũng không

nổi sân giận; ta chỉ tự chọn cho mình Thiên đạo hoàn toàn thanh tịnh thuần nhất của chư Thiên. Đó gọi là Thiên đạo thứ hai của chư Thiên làm cho chúng sanh chưa tịnh khiến tịnh, đã tịnh rồi lại khiến tịnh hơn’.

“Lại nữa Thánh đệ tử tự nghĩ về những giới sự đã có, suy niệm nhớ nghĩ rằng: ‘Giới này của ta là giới không khuyết, giới không ô uế, giới không tạp; giới được bậc minh trí khen; giới được kẻ trí không chán’. Đối với những giới sự như vậy, sau khi đã thật sự nhớ nghĩ đến rồi, thì tâm sẽ sanh ra tùy hỷ. Do tùy hỷ, tâm hân hoan; do tâm hân hoan, thân khinh an; do thân khinh an, có cảm giác thọ lạc; do có cảm giác thọ lạc, được định tam-muội; do định tam-muội, Thánh đệ tử học như vậy: ‘Thế nào là Thiên đạo của chư Thiên?’ Và lại suy nghĩ: ‘Ta đã từng nghe không sân nhuế là Thiên đạo trên hết của chư Thiên’. Rồi lại nghĩ: ‘Đối với thế gian, từ hôm nay dù ta gặp hoặc sợ hãi, hoặc an ổn, cũng không nổi sân giận; ta chỉ tự chọn cho mình Thiên đạo hoàn toàn thanh tịnh thuần nhất của chư Thiên. Đó gọi là Thiên đạo thứ hai của chư Thiên làm cho chúng sanh chưa tịnh khiến tịnh, đã tịnh rồi lại khiến tịnh hơn’²⁶⁸.

268. Linh Sơn Pháp Bảo Đại Tạng Kinh Tập VI, Bộ A Hàm VI, Kinh Tập A Hàm Số 2, Tập A Hàm Quyển 30, Kinh 848, Hội Văn hóa Giáo dục Linh Sơn Đài Bắc, Taiwan, 2000, trang 529-531.

170. 5 điều lỗi lầm của niềm tin mù quáng

(No. 837). Đức Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo: “Nếu tin người, sanh năm điều lỗi lầm: Hoặc khi người ấy vi phạm giới luật, bị chúng từ bỏ, thì người tin kính kẻ đó sẽ nghĩ như vậy: ‘Đây là thầy của ta, được ta kính trọng, nay bị chúng Tăng từ bỏ. Nay ta còn lý gì để vào chùa tháp này nữa?’ Khi đã không còn vào chùa tháp rồi, thì sẽ không kính chúng Tăng. Do không kính Tăng, nên không còn nghe được pháp. Do không còn nghe pháp, pháp lành sẽ bị thoái mất, không còn được an trụ lâu trong Chánh pháp. Đó gọi là lỗi lầm thứ nhất do tin kính người sanh ra.

“Lại nữa, ai tin kính người, nếu người được kính vi phạm giới luật, bị chúng Tăng cử tội bất kiến; ai tin kính người sẽ nghĩ như vậy: ‘Đây là thầy ta, đã được ta kính trọng mà nay bị chúng Tăng cử tội bất kiến. Nay ta còn lý gì để vào chùa tháp nữa?’ Khi đã không vào chùa tháp rồi, thì không còn kính chúng Tăng. Do không kính Tăng, nên không còn nghe được pháp. Do không còn nghe pháp, pháp lành sẽ bị thoái mất, không còn được ở lâu trong Chánh pháp. Đó gọi là lỗi lầm thứ hai do dễ tin kính người sanh ra.

“Lại nữa, người kia nếu đắp y mang bát du hành phương khác, kẻ tin kính người kia sẽ nghĩ như vậy: ‘Người được ta kính, đã đắp y mang bát du hành nhân gian. Nay ta còn lý gì mà vào chùa tháp này nữa?’ Khi đã không vào chùa tháp rồi, thì không còn cung kính chúng

Tăng. Do không kính Tăng, nên không còn nghe được pháp. Do không còn nghe pháp, pháp lành sẽ bị thoái mất, không còn được ở lâu trong Chánh pháp. Đó gọi là lỗi lầm thứ ba do dễ tin kính người sanh ra.

“Lại nữa, nếu người được tin kính kia, xả giới hoàn tục, người dễ tin kính người kia sẽ nghĩ như vậy: ‘Ông là thầy ta, được ta kính trọng, đã xả giới hoàn tục, nay ta không nên vào chùa tháp này. Khi đã không vào chùa rồi, sẽ không còn kính chúng Tăng. Do không kính Tăng, nên không còn nghe được pháp. Do không còn nghe pháp, pháp lành sẽ bị thoái mất, không còn được ở lâu trong Chánh pháp. Đó gọi là lỗi lầm thứ tư do dễ tin kính người sanh ra.

“Lại nữa, nếu người được tin kính kia, thân hoại mạng chung, người dễ tin kính người kia sẽ nghĩ như vậy: ‘Ông là thầy ta, được ta kính trọng, nay đã qua đời; nay ta còn lý gì để vào chùa tháp này nữa?’ Khi đã không còn vào chùa nữa, thì sẽ không còn kính Tăng. Đó gọi là lỗi lầm thứ năm do dễ tin kính người sanh ra.

“Cho nên, các Tỳ-kheo, phải học như vậy: ‘Ta sẽ thành tựu bất hoại tịnh đối với Phật, bất hoại tịnh đối với Pháp, Tăng và thành tựu Thánh giới’²⁶⁹.

269. Linh Sơn Pháp Bảo Đại Tạng Kinh Tập VI, Bộ A Hàm VI, Kinh Tập A Hàm Số 2, Tập A Hàm Quyển 30, Kinh 837, Hội Văn hóa Giáo dục Linh Sơn Đài Bắc, Taiwan, 2000, trang 520.

171. Tin ta mà không hiểu ta là hủy báng ta

(No. 624). Phật bảo Tôn giả Uất-đê-ca: “Đúng vậy! Đúng vậy! Như những gì người nói. Nhưng đối với những pháp mà Ta đã nói mà không làm cho Ta hài lòng, thì sự nghiệp của người kia cũng không thành tựu. Tuy đi theo sau Ta nhưng không được lợi ích, trái lại còn sanh chướng ngại”...

“Bạch Thế Tôn, nay con làm thế nào để tẩy sạch nghiệp bản sơ của mình để tu tập phạm hạnh?”

Phật dạy Uất-đê-ca: “Trước hết người phải làm thanh tịnh cho giới, chánh trực cho tri kiến, ba nghiệp phải đầy đủ, sau đó tu tập bốn Niệm xứ. Những gì là bốn? Đó là: Sống an trú chánh niệm quán thân trên nội thân, phương tiện, tinh cần, chánh trí, chánh niệm, điều phục tham ưu thế gian. Cũng vậy, sống an trú chánh niệm quán ngoại thân, nội ngoại thân trên thân, sống an trú chánh niệm quán thọ, tâm, pháp trên pháp, cũng nói đầy đủ như vậy”²⁷⁰.

172. Các cõi trời

(No. 505). “Thưa Tôn giả Đại Mục-kiền-liên, cõi trời Tam thập tam của con, đa phần là say đắm buông lung

270. Linh Sơn Pháp Bảo Đại Tạng Kinh Tập VI, Bộ A Hàm VI, Kinh Tạp A Hàm Số 2, Tập A Hàm Quyển 24, Kinh 624, Hội Văn hóa Giáo dục Linh Sơn Đài Bắc, Taiwan, 2000, trang 324.

theo dục lạc; hoặc nhớ việc trước, hoặc có khi không nhớ. Đức Thế Tôn hiện ở vườn Trúc, khu Ca-lan-đà, thành Vương Xá. Tôn giả muốn biết những việc con hỏi khi ở trong núi Giới cách, nay xin Tôn giả có thể đến hỏi Đức Thế Tôn. Đức Thế Tôn dạy sao thì Tôn giả cứ theo đó mà thọ trì. Bây giờ, ở chỗ này của con có một cung điện tốt đẹp, mới làm xong chưa bao lâu, mời Tôn giả vào viếng thăm”.

Bây giờ, Tôn giả Đại Mục-kiền-liên im lặng nhận lời, liền cùng với Thiên đế Thích đi vào cung điện. Các Thiên nữ vừa thấy Đế Thích đến, liền thổi nhạc trời, ca múa. Đồ vật trang sức bằng anh lạc trên thân họ phát ra âm thanh vi diệu hợp với ngũ nhạc, như âm thanh của những nốt nhạc được thổi hay không khác. Các Thiên nữ chợt thấy Tôn giả Đại Mục-kiền-liên, tất cả đều hổ thẹn, trốn núp vào trong phòng. Khi ấy, Thiên đế Thích thưa với Tôn giả Đại Mục-kiền-liên²⁷¹.

173. Các cõi trời và A tu la

(No. 1.105~1.121).

271. Linh Sơn Pháp Bảo Đại Tạng Kinh Tập VI, Bộ A Hàm VI, Kinh Tập A Hàm Số 2, Tập A Hàm Quyển 19, Kinh 505, Hội Văn hóa Giáo dục Linh Sơn Đài Bắc, Taiwan, 2000, trang 126-127.

174. Chư Thiên

(No. 995~1.022).

(đặc biệt các kinh này đều dùng kệ đối đáp)

(No. 1.009). Một thời Đức Phật ở trong vườn Cấp-cô-độc, rừng cây Kỳ-đà, tại nước Xá-vệ. Bấy giờ có một Thiên tử, tướng mạo tuyệt diệu, vào cuối đêm đến chỗ Phật, cúi đầu lễ dưới chân Phật, ngồi lui qua một bên; ánh sáng từ thân chiếu khắp vườn Cấp-cô-độc, rừng cây Kỳ-đà. Bấy giờ vị Thiên tử này nói kệ hỏi Phật:

Ai lôi thế gian đi?
Ai câu dẫn thế gian?
Cái gì là một pháp,
Chế ngự nơi thế gian?
Bấy giờ, Thế Tôn nói kệ đáp:
Tâm đem thế gian đi,
Tâm câu dẫn thế gian;
Tâm kia là một pháp,
Hay chế ngự thế gian.
Thiên tử này lại nói kệ:
Lâu thấy Bà-la-môn,
Chóng đắc Bát-niết-bàn;
Mọi sợ hãi đều qua,
Thoát hẳn đời ân ái.²⁷²

272. Linh Sơn Pháp Bảo Đại Tạng Kinh Tập VI, Bộ A Hàm VI, Kinh Tập A Hàm Số 2, Tập A Hàm Quyển 36, Kinh 1.009, Hội Văn hóa Giáo dục Linh Sơn Đài Bắc, Taiwan, 2000, trang 762~763.

175. Sự khác biệt giữa tuổi thọ ở cõi trời và nhân gian

(No. 861). “Bốn trăm năm ở nhân gian bằng một ngày một đêm trên cõi trời Đâu-suất-đà Ba mươi ngày như vậy là một tháng; mười hai tháng là một năm. Chư Thiên Đâu-suất-đà thọ bốn ngàn năm. Kẻ phàm phu vì ngu si không học, sau khi mạng chung ở đó, sanh vào địa ngục, ngạ quỷ, súc sanh. Đa văn Thánh đệ tử sau khi mạng chung ở đó không sanh vào trong địa ngục, ngạ quỷ, súc sanh”²⁷³.

(No. 862). “Tám trăm năm ở nhân gian bằng một ngày một đêm trên cõi trời Hóa-lạc. Ba mươi ngày như vậy là một tháng; mười hai tháng là một năm. Chư thiên Hóa lạc thọ tám ngàn tuổi. Kẻ phàm phu vì ngu si không học, sau khi mạng chung ở đó, sanh vào địa ngục, ngạ quỷ, súc sanh. Đa văn Thánh đệ tử sau khi mạng chung ở đó không sanh vào trong địa ngục, ngạ quỷ, súc sanh”²⁷⁴.

(No. 863). “Sáu ngàn năm ở nhân gian bằng một ngày một đêm trên cõi trời Tha hóa tự tại. Ba mươi ngày

273. Linh Sơn Pháp Bảo Đại Tạng Kinh Tập VI, Bộ A Hàm VI, Kinh Tập A Hàm Số 2, Tập A Hàm Quyển 31, Kinh 861, Hội Văn hóa Giáo dục Linh Sơn Đài Bắc, Taiwan, 2000, trang 544.

274. Linh Sơn Pháp Bảo Đại Tạng Kinh Tập VI, Bộ A Hàm VI, Kinh Tập A Hàm Số 2, Tập A Hàm Quyển 31, Kinh 862, Hội Văn hóa Giáo dục Linh Sơn Đài Bắc, Taiwan, 2000, trang 544~545.

như vậy là một tháng; mười hai tháng là một năm. Chư Thiên Tha hóa tự tại thọ một vạn sáu ngàn năm. Kẻ phàm phu vì ngu si không học, sau khi mạng chung ở đó, sanh vào địa ngục, ngạ quỷ, súc sanh. Đa văn Thánh đễ tử sau khi mạng chung ở đó không sanh vào trong địa ngục, ngạ quỷ và súc sanh”²⁷⁵.

176. Thuyết Phạm Thiên

(No. 165). “Do có cái gì, do khởi cái gì, do hệ lụy cái gì, do đắm đuối cái gì, do thấy ngã nơi cái gì, khiến cho chúng sanh thấy như vậy, nói như vậy: ‘Đại Phạm này là đấng tự tại, đấng sáng tạo, là cha của chúng sanh?’”²⁷⁶

177. Phật chủ trương bình đẳng đối với 4 giai cấp

(No. 548). Một thời, Phật ở tại vườn Cấp-cô-độc, rừng cây Kỳ-đà, nước Xá-vệ. Bấy giờ Tôn giả Ma-ha Ca-chiên-diên đang ở trong rừng rậm. Lúc ấy, quốc vương nước Ma-thâu-la là Tây Phương vương tử đi đến chỗ Tôn giả Ma-ha Ca-chiên-diên, đánh lễ, rồi ngồi lui qua một

275. Linh Sơn Pháp Bảo Đại Tạng Kinh Tập VI, Bộ A Hàm VI, Kinh Tập A Hàm Số 2, Tập A Hàm Quyển 31, Kinh 863, Hội Văn hóa Giáo dục Linh Sơn Đài Bắc, Taiwan, 2000, trang 545.

276. Linh Sơn Pháp Bảo Đại Tạng Kinh Tập V, Bộ A Hàm V, Trung A Hàm Biệt Dịch & Kinh Tập A Hàm Số 1, Tập A Hàm Quyển 7 - Kinh 139: Ưu Nã Sanh Khởi, Kinh 165: Đại Phạm, Hội Văn hóa Giáo dục Linh Sơn Đài Bắc - Taiwan, 2000, trang 755.

bên, hỏi Tôn giả Ma-ha Ca-chiên-diên: “Người Bà-la-môn tự nói, ta là nhất, kẻ khác là thấp hèn. Ta là trắng, kẻ khác là đen. Bà-la-môn là thanh tịnh, chứ không phải phi Bà-la-môn. Chính con Phạm thiên từ miệng sanh ra, được hóa sanh từ Phạm thiên, là thừa tự của Phạm thiên nên chúng là sở hữu của Phạm thiên. Thừa Tôn giả Ma-ha Ca-chiên-diên nghĩa này thế nào?”

Tôn giả Ma-ha Ca-chiên-diên nói với vua Ma-thâu-la: “Đại vương, đây chỉ là ngôn thuyết của thế gian. Người thế gian cho rằng Bà-la-môn là nhất, kẻ khác là thấp hèn. Bà-la-môn là trắng, kẻ khác là đen. Bà-la-môn là thanh tịnh, chứ không phải phi Bà-la-môn. Chính Bà-la-môn được Phạm thiên sanh, từ miệng sanh ra, được hóa sanh từ Phạm thiên, là thừa tự của Phạm thiên. Đại vương nên biết, nghiệp là chân thật; điều đó căn cứ vào nghiệp”.

Vua nói với Tôn giả Ma-ha Ca-chiên-diên: “Đó là những lời nói sơ lược, tôi không hiểu rõ. Xin giải thích phân biệt lại cho”.

Tôn giả Ma-ha Ca-chiên-diên đáp: “Bây giờ, tôi sẽ hỏi Đại vương tùy theo câu hỏi mà Đại vương trả lời”.

Tôn giả liền hỏi: “Thưa Đại vương, ngài là vua Bà-la-môn nơi đất nước của mình có bốn hạng người này là Bà-la-môn, Sát-đế-lợi, cư sĩ, gia chủ, đều được gọi đến. Ngài dùng tiền của, thế lực khiến họ hầu cận phòng vệ, họ dấy trước ngũ sau và các mệnh lệnh được chấp hành, tất cả đều được như ý mình không?”

Vua đáp: “Nhu ý”.

Tôn giả lại hỏi: “Tâu Đại vương, Sát-đế-lợi là vua, cư sĩ là vua, gia chủ là vua. Nếu tại đất nước của mình có bốn chủng tánh, đều được gọi đến. Nhà vua dùng của cải, thế lực, khiến họ hầu cận phòng vệ, họ dậy trước ngủ sau và vua ra lệnh làm các việc, thì có được như ý vua không?”

Vua đáp: “Nhu ý”.

“Thưa Đại vương, như vậy bốn chủng tánh này, tất cả đều bình đẳng có sai biệt nào. Đại vương nên biết, bốn chủng tánh này tất cả đều bình đẳng, không có sự sai biệt nào hoặc hơn hay bằng”.

Vua Ma-thâu-la bạch Tôn giả Ma-ha Ca-chiên-diên: “Thưa Tôn giả đúng như vậy, bốn chủng tánh này đều bình đẳng, không có gì sai biệt dù là hơn hay là bằng”.

“Cho nên, Đại vương nên biết, bốn chủng tánh này theo ngôn thuyết của thế gian là có sai khác, cho đến, căn cứ vào nghiệp, chân thật chứ không sai khác”.

“Lại nữa, Đại vương trong đất nước này, nếu dòng Bà-la-môn có người trộm cắp thì nên hành xử như thế nào?”

Vua thưa Tôn giả Ma-ha Ca-chiên-diên: “Trong dòng Bà-la-môn nếu có người nào trộm cắp thì sẽ bị đánh bằng roi, bị trói, hoặc bị đuổi ra khỏi nước, hoặc phạt tiền của,

hoặc bị chặt tay chân, xẻo tai mũi; nếu là tội nặng thì sẽ bị giết chết. Kẻ trộm đó dù là dòng Bà-la-môn cũng gọi là giặc”.

Lại hỏi: “Thưa Đại vương, nếu trong dòng Sát-đế-lợi, cư sĩ, gia chủ có kẻ trộm cắp, thì phải làm thế nào?”

Vua thưa Tôn giả Ma-ha Ca-chiên-diên: “Cũng bị phạt đánh roi, bị trói, bị đuổi ra khỏi nước, cũng phạt tiền của, bị chặt tay, chân, xẻo tai, mũi; nếu tội nặng thì bị giết chết”.

“Nhu vậy, thưa Đại vương, há không phải bốn chủng tánh đều bình đẳng sao? Hay có sự sai khác nào chăng?”

Vua thưa Tôn giả Ma-ha Ca-chiên-diên: “Ý nghĩa của chúng là như vậy. Thật ra không có bất cứ một sai biệt nào dù là hơn hay là bằng”.

Tôn giả Ma-ha Ca-chiên-diên lại nói với vua: “Đại vương nên biết, về bốn chủng tánh này, ngôn thuyết của thế gian nói, Bà-la-môn là nhất, kẻ khác là thấp hèn. Bà-la-môn là trắng, kẻ khác là đen. Bà-la-môn là thanh tịnh, chứ không phải phi Bà-la-môn. Chính Bà-la-môn được Phạm thiên sanh, từ miệng sanh ra; được hóa sanh từ Phạm thiên, là thừa tự của Phạm thiên. Há không phải là y cứ vào nghiệp, chân thật y cứ vào nghiệp chăng?”

Lại hỏi: “Đại vương, nếu người Bà-la-môn sát sanh, trộm cắp, tà dâm, nói dối, nói lời ác, hai lưỡi, nói thêu dệt, tham, nhuế, tà kiến, tạo mười nghiệp đạo bất thiện

thì sẽ sanh vào cõi ác hay cõi lành? Từ nơi vị A-la-hán vua đã nghe được những gì?”

Vua thưa Tôn giả Ma-ha Ca-chiên-diên: “Bà-la-môn tạo mười nghiệp đạo bất thiện sẽ đọa vào đường ác. Từ nơi A-la-hán tôi nghe như vậy. Sát-đế-lợi, cư sĩ, gia chủ cũng nói như vậy.

Lại hỏi: “Thưa Đại vương, nếu Bà-la-môn nào làm mười nghiệp đạo lành, xa lìa sát sanh cho đến chánh kiến thì sẽ sanh vào nơi nào? Cõi lành hay cõi ác? Từ nơi vị A-la-hán vua đã nghe được những gì?”

Vua thưa Tôn giả Ma-ha Ca-chiên-diên: “Nếu Bà-la-môn làm mười nghiệp đạo lành thì sẽ sanh vào cõi lành. Từ nơi A-la-hán tôi nghe như vậy. Sát-đế-lợi, cư sĩ, gia chủ cũng nói như vậy”.

Lại hỏi: “Thế nào Đại vương, bốn chủng tánh như vậy, là có bình đẳng không, hay có gì sai biệt dù là hơn hoặc là bằng?”

Vua thưa Tôn giả Ma-ha Ca-chiên-diên: “Theo nghĩa như vậy thì là bình đẳng, không có gì sai biệt dù là hơn hay là bằng”.

“Cho nên Đại vương nên biết, bốn chủng tánh này đều bình đẳng không có gì sai biệt dù là hơn hay là bằng. Theo ngôn thuyết thế gian mà nói, Bà-la-môn là nhất, kẻ khác là thấp hèn. Bà-la-môn là trắng, kẻ khác là đen. Bà-la-môn là thanh tịnh, chứ không phải phi Bà-la-môn.

Chính Bà-la-môn được Phạm thiên sanh, từ miệng sanh ra; được hóa sanh từ Phạm thiên là thừa tự của Phạm thiên. Nên biết là do nghiệp là chân thật, là y cứ vào nghiệp.

Vua thừa Tôn giả Ma-ha Ca-chiên-diên: “Thật đúng như những gì đã nói đó, tất cả đều ngôn thuyết của thế gian nên nói Bà-la-môn là nhất, kẻ khác là thấp hèn. Bà-la-môn là trắng, kẻ khác là đen. Bà-la-môn là thanh tịnh, chứ không phải phi Bà-la-môn. Chính Bà-la-môn được Phạm thiên sanh, từ miệng sanh ra, được hóa sanh từ Phạm thiên, là thừa tự của Phạm thiên. Nhưng đều do nghiệp là chân thật, là y cứ vào nghiệp”²⁷⁷.

178. Đạo đức không dựa vào tuổi tác hay địa vị để đánh giá

(No. 547). Một thời, Đức Phật ở tại vườn Cấp-cô-độc, rừng cây Kỳ-đà, nước Xá-vệ. Bấy giờ Tôn giả Ca-chiên-diên đang ở bên bờ ao Ô-nê thôn Bà-la-na. Bấy giờ, cùng với số đông Tỳ-kheo tụ tập ở nhà ăn, vì việc thọ trì y. Lúc ấy, có Phạm chí chống gậy tuổi già, các căn suy yếu, đến chỗ nhà ăn, chống gậy đứng một bên. Sau một hồi im lặng, ông mới nói với các Tỳ-kheo:

277. Linh Sơn Pháp Bảo Đại Tạng Kinh Tập VI, Bộ A Hàm VI, Kinh Tập A Hàm Số 2, Tập A Hàm Quyển 20, Kinh 548, Hội Văn hóa Giáo dục Linh Sơn Đài Bắc, Taiwan, 2000, trang 166-170.

“Này các Trưởng lão, tại sao các ông thấy người lớn tuổi mà không chào hỏi, cung kính mời ngồi?”

Lúc đó, Tôn giả Ma-ha Ca-chiên-diên cũng ngồi trong chúng. Tôn giả Ma-ha Ca-chiên-diên bảo Phạm chí: “Theo pháp của chúng tôi, khi có người già cả đến, đều chào hỏi cung kính, lễ bái, mời ngồi”.

Phạm chí nói: “Tôi thấy trong chúng này, không có ai già cả hơn tôi, mà chẳng có ai cung kính chào hỏi mời ngồi. Thế sao ông nói rằng theo pháp của ông, nếu thấy có người lớn tuổi thì đều cung kính lễ bái mời ngồi?”

Ma-ha Ca-chiên-diên đáp: “Này Phạm chí, nếu có người nào già cả đến tám mươi, chín mươi tuổi, tóc bạc, răng rụng, mà chỉ thành tựu được pháp thiếu niên, thì người này chẳng phải là bậc tôn túc. Ngược lại, tuy là người tuổi trẻ khoảng hai mươi lăm, da trắng tóc đen, khỏe mạnh hoàn toàn đẹp đẽ mà thành tựu được pháp của bậc cao niên thì được kể vào hàng tôn túc”.

Phạm chí hỏi: “Tại sao gọi là người tám mươi, chín mươi tuổi, tóc bạc răng rụng, lại thành tựu pháp thiếu niên, còn người trẻ tuổi khoảng hai mươi lăm, da trắng tóc đen, khỏe mạnh, đẹp đẽ, lại được kể vào hàng tôn túc?”

Tôn giả Ma-ha Ca-chiên-diên bảo Phạm chí: “Có năm phẩm chất của dục, đó là sắc được nhận thức bởi mắt, đáng yêu, đáng thích, đáng nhớ nghĩ; tiếng được nhận thức bởi tai; hương được nhận thức bởi mũi; vị

được nhận thức bởi lưỡi; xúc được nhận thức bởi thân, đáng yêu, đáng thích, đáng nhớ nghĩ. Đối với năm phẩm chất của dục này, mà không lìa tham, không lìa dục, không lìa ái, không lìa niệm tưởng, không lìa khát vọng, thì này Phạm chí, nếu người nào như vậy, thì dù tám mươi, chín mươi tuổi, tóc bạc, răng rụng, cũng gọi đó là thành tựu được pháp thiếu niên. Còn người tuy tuổi mới hai mươi lăm, da trắng, tóc đen, khỏe mạnh, đẹp đẽ nhưng đối với năm phẩm chất của dục này mà lìa tham, lìa dục, lìa ái, lìa niệm tưởng, lìa khát vọng. Người như vậy, tuy tuổi mới hai mươi lăm, da trắng, tóc đen, khỏe mạnh, đẹp đẽ nhưng thành tựu được pháp của bậc lão nhân thì được kê vào hàng tôn túc”²⁷⁸.

179. Trí tuệ là cái quyết định giải thoát không phải giữ giới

(No. 254). Bạch Thế Tôn, nếu có người nào dựa vào một ít tín tâm mà bảo là ly dục giải thoát thì điều này không đúng. Đoạn tận tham, nhuế, si đó mới gọi là chân thật ly dục giải thoát.

“Nếu có người nào lại chỉ dựa vào một ít việc trì giới mà bảo rằng ta được lìa nhuế giải thoát, thì điều này cũng

278. Linh Sơn Pháp Bảo Đại Tạng Kinh Tập VI, Bộ A Hàm VI, Kinh Tập A Hàm Số 2, Tập A Hàm Quyển 20, Kinh 547, Hội Văn hóa Giáo dục Linh Sơn Đài Bắc, Taiwan, 2000, trang 164-166.

không đúng. Đoạn tận tham, nhuế, si đó mới gọi là chân thật giải thoát.

“Nếu có người nào lại chỉ dựa vào sự tu tập để có lợi dưỡng mà bảo là đã viễn ly giải thoát, thì điều này cũng không đúng. Đoạn tận tham, nhuế, si đó mới gọi là chân thật xa lìa được giải thoát”²⁷⁹.

180. Im lặng như chánh pháp

(No. 501). “Một thời, Thế Tôn ở tại vườn Trúc, khu Ca-lan-đà; tôi đang ở trong núi Kỳ-xà-quật này, một mình ở chỗ vắng nghĩ như vậy: ‘Thế nào là sự im lặng của bậc Thánh?’ Lại nghĩ tiếp: ‘Nếu có Tỳ-kheo mà giác và quán đã dứt, nội tĩnh nhất tâm; không giác, không quán, có hỷ lạc do định sanh, chứng và an trú Nhị thiên, đó gọi là sự im lặng của bậc Thánh’. Lại nghĩ tiếp: ‘Nay ta cũng nên im lặng như bậc Thánh, với giác và quán đã dứt, nội tĩnh nhất tâm; không giác, không quán, có hỷ lạc do định sanh, chứng và an trú nhiều lần’. Sau khi đã an trụ nhiều rồi, tâm lại khởi có giác, có quán. Bấy giờ, Đức Thế Tôn biết ý nghĩ trong tâm tôi, tức thì Ngài biến mất ở tinh xá Trúc viên và hiện ra trong núi Kỳ-xà-quật, trước mặt tôi. Ngài nói với tôi rằng:

279. Linh Sơn Pháp Bảo Đại Tạng Kinh Tập V, Bộ A Hàm V, Trung A Hàm Biệt Dịch & Kinh Tập A Hàm Số 1, Tập A Hàm Quyển 9 - Kinh 230: Tam Di Ly Đề (1), Kinh 254, Hội Văn hóa Giáo dục Linh Sơn Đài Bắc - Taiwan, 2000, trang 852.

“Này Mục-kiền-liên, ông nên im lặng như bậc Thánh, chớ sanh buông lung.

“Tôi nghe Đức Thế Tôn nói xong, liền xa lìa hữu giác, hữu quán, nội tĩnh nhất tâm; không giác, không quán, có hỷ lạc do định sanh, chứng và an trụ Nhị thiên. Ba lần như vậy, Phật cũng dạy tôi ba lần: ‘Người nên im lặng như bậc Thánh chớ buông lung’. Tôi lại dứt hữu giác, hữu quán, nội tĩnh nhất tâm; không giác, không quán, hỷ lạc do định sanh, chứng và an trú Nhị thiên.

“Nếu nói chân chính, con của Phật sanh từ miệng Phật, hóa sanh từ pháp, thừa hưởng gia tài Phật pháp, thì chính thân tôi là người này. Vì sao? Tôi là con của Phật sanh từ miệng Phật, hóa sanh từ pháp, thừa hưởng gia tài Phật pháp; bằng chút phương tiện mà được thiên, giải thoát, tam-muội, chánh thọ. Ví như thái tử lớn của Chuyển luân Thánh vương, tuy chưa làm lễ quán đảnh nhưng đã được vương pháp, không tinh cần phương tiện mà có thể được năm dục công đức. Tôi cũng như vậy, là con của Phật, không tinh cần phương tiện, mà có thể được thiên, giải thoát, tam-muội, chánh thọ. Trong vòng một ngày Đức Thế Tôn đã ba lần dùng thần thông đến chỗ tôi, ba lần dạy dỗ tôi, đem chỗ của bậc Đại nhân kiến lập cho tôi”²⁸⁰.

280. Linh Sơn Pháp Bảo Đại Tạng Kinh Tập VI, Bộ A Hàm VI, Kinh Tập A Hàm Số 2, Tập A Hàm Quyển 18, Kinh 501, Hội Văn hóa Giáo dục Linh Sơn Đài Bắc, Taiwan, 2000, trang 119~120.

181. Nên nói và không nên nói

(No. 281). Mục-kiền-liên tóc búi bạch Phật: “Cù-đàm vì phước lợi mà nói những pháp gì cho các đệ tử, để cho các đệ tử nói lại cho người khác nghe mà không phỉ báng Như Lai, không thêm, không bớt; nói chân thật, nói đúng pháp, nói đúng theo thuận thứ của pháp, để không một người nào có thể đến so sánh, nạn vấn, chỉ trích?”

Phật bảo Mục-kiền-liên: “Vì phước lợi quả báo của mình, giải thoát, mà nói lại cho người nghe, thì không phỉ báng Như Lai, không trái đạo lý, nói đúng pháp, đúng thuận thứ của pháp, không ai có thể đến so sánh, nạn vấn, chỉ trích”²⁸¹.

182. Tùy căn cơ nói pháp

(No. 212). “Ta không vì tất cả các Tỳ-kheo mà nói hành không buông lung¹, cũng chẳng phải không vì tất cả các Tỳ-kheo mà nói hành không buông lung.

“Ta không nhắm đến những hạng Tỳ-kheo nào để nói hành không buông lung? Nếu Tỳ-kheo đã chứng đắc A-la-hán, đã diệt tận các lậu, đã rời bỏ các gánh nặng, đã

281. Linh Sơn Pháp Bảo Đại Tạng Kinh Tập V, Bộ A Hàm V, Trung A Hàm Biệt Dịch & Kinh Tập A Hàm Số 1, Tập A Hàm Quyển 11 - Kinh 273: Thú Thanh Dự, Kinh 281, Hội Văn hóa Giáo dục Linh Sơn Đài Bắc - Taiwan, 2000, trang 920~921.

đạt được mục đích của mình, đã tận trừ các kết sử hữu, tâm chánh giải thoát; đối với hạng Tỳ-kheo như vậy, Ta không vì họ nói hạnh không buông lung. Vì sao? Vì các hạng Tỳ-kheo này đã hành không buông lung, nên không thể nào hành buông lung nữa. Nay Ta thấy các Tôn giả kia đã đạt được quả không buông lung, cho nên không phải vì họ mà nói hành không buông lung.

“Vì những hạng Tỳ-kheo nào mà nói hành không buông lung? Đó là hạng Tỳ-kheo còn ở học địa, tâm, ý chưa được tăng thượng an ổn, hướng đến an trụ Niết-bàn. Đối với những hạng Tỳ-kheo như vậy, Ta vì họ mà nói hành không buông lung. Vì sao? Vì hạng Tỳ-kheo này đang tập học các căn, tâm còn ái lạc theo các phương tiện sinh sống, gần gũi bạn lành, chẳng bao lâu các lậu được đoạn trừ, được vô lậu tâm giải thoát, tuệ giải thoát; ngay trong hiện tại tự tri tự tác chứng: ‘Ta, sự sanh đã dứt, phạm hạnh đã lập, những gì cần làm đã làm xong, tự biết không còn tái sanh đời sau nữa’.

“Vì sao? Vì kia, sau khi thấy sắc đáng được yêu thích và đắm trước được nhận thức bởi mắt; Tỳ-kheo này thấy rồi, không vui, không khen ngợi, không nhiễm, không trói đắm vào. Vì không vui, không khen ngợi, không nhiễm, không bị trói đắm vào, nên nỗ lực tinh tấn, thân tâm an chỉ, tịch tĩnh, tâm tuyệt đối an trụ không quên, thường định nhất tâm, pháp hỷ không lường, sớm được tam-muội Chánh thọ đệ nhất, không bao giờ bị thoái thất

theo nơi mắt và sắc. Đối với tai, mũi, lưỡi, thân, ý và pháp cũng lại như vậy”²⁸².

(No. 343). Phật bảo A-nan: “Lành thay! Lành thay! A-nan, Tôn giả Xá-lợi-phất có người đến hỏi, đã có thể tùy thời mà đáp. Lành thay! Vì Xá-lợi-phất là người có trí ứng phó kịp thời, nên có người đến hỏi, liền có thể tùy thời mà giải đáp. Hàng Thanh văn của Ta nếu gặp có người hỏi, thì cũng nên tùy thời mà đáp như cách Xá-lợi-phất đã nói”²⁸³.

183. Điều ngự hay 3 phương pháp giáo dục của Phật

(No. 909). Bấy giờ, Thế Tôn bảo thôn trưởng luyện ngựa: “Người luyện ngựa có bao nhiêu cách?”

Thôn trưởng đáp rằng: “Thưa Cù-đàm, có ba cách. Những gì là ba? Một là mềm mỏng, hai là cứng rắn, ba là vừa mềm mỏng vừa cứng rắn”.

Phật bảo thôn trưởng: “Nếu dùng ba cách này mà vẫn không điều khiển được ngựa nữa, thì phải làm sao?”

282. Linh Sơn Pháp Bảo Đại Tạng Kinh Tập V, Bộ A Hàm V, Trung A Hàm Biệt Dịch & Kinh Tạp A Hàm Số 1, Tạp A Hàm Quyển 8 - Kinh 212, Hội Văn hóa Giáo dục Linh Sơn Đài Bắc - Taiwan, 2000, trang 804~805.

283. Linh Sơn Pháp Bảo Đại Tạng Kinh Tập V, Bộ A Hàm V, Trung A Hàm Biệt Dịch & Kinh Tạp A Hàm Số 1, Tạp A Hàm Quyển 14 - Kinh 343: Phù Di, Hội Văn hóa Giáo dục Linh Sơn Đài Bắc - Taiwan, 2000, trang 1002.

Thôn trưởng nói: “Thì phải giết nó”.

Thôn trưởng bạch Phật rằng: “Thưa Cù-đàm, bậc Điều ngự trượng phu phải dùng bao nhiêu pháp để điều ngự vị ấy?”

Phật bảo thôn trưởng: “Ta cũng dùng ba pháp để điều ngự trượng phu. Những gì là ba? Một là mềm mỏng, hai là cứng rắn, ba là vừa mềm mỏng vừa cứng rắn”.

Thôn trưởng bạch Phật: “Thưa Cù-đàm, nếu dùng ba pháp mà không điều phục được điều ngự trượng phu thì phải làm như thế nào?”

Phật bảo thôn trưởng: “Nếu dùng ba pháp mà vẫn không điều phục được, thì phải giết người đó. Vì sao? Vì không để cho pháp của Ta bị khuất nhục”.

Trưởng thôn luyện ngựa bạch Phật rằng: “Trong pháp của Cù-đàm, sát sanh là bất tịnh. Vậy trong pháp của Cù-đàm không cho sát hại, nhưng hôm nay lại nói rằng: ‘Người nào không điều phục được, thì cũng nên giết họ?’”

Phật bảo thôn trưởng: “Như những lời ông đã nói, trong pháp của Như Lai, sát sanh là bất tịnh. Như Lai không thể sát hại. Nay thôn trưởng, nhưng khi Ta dùng ba pháp để điều phục trượng phu mà không điều phục được thì sẽ không nói với, không dạy dỗ, không giáo giới nữa. Nay thôn trưởng, nếu Như Lai khi điều ngự trượng phu mà không nói với, không giáo thọ, không giáo giới cho nữa, đó há không phải là sát hại sao?”

Thôn trưởng luyện ngựa bạch Phật: “Thưa Cù-đàm, nếu khi điều ngự trọng phu, mà không nói với, không giáo thọ, không giáo giới cho nữa, thì thật sự đã sát hại rồi”.²⁸⁴

184. Tỷ-kheo nào đáng cúng dường

(No. 280). “Nếu có người hỏi các ông: ‘Những hạng Sa-môn, Bà-la-môn nào không đáng cung kính, lễ bái, thừa sự, cúng dường?’ Thì các ông nên đáp là: ‘Nếu có Sa-môn, Bà-la-môn nào, mắt thấy sắc mà chưa lìa được tham, chưa lìa được dục, chưa lìa ái, chưa lìa khao khát, chưa lìa niệm, nội tâm không tịch tịnh, việc làm phi pháp, hành vi thô tháo. Đối với tai, mũi, lưỡi, thân, ý, pháp lại cũng như vậy, thì những hạng Tỷ-kheo như vậy không đáng cung kính, tôn trọng, lễ bái, thừa sự, cúng dường’. Nói như vậy xong, lại có người khác hỏi: ‘Vì sao những Sa-môn này không đáng cung kính, tôn trọng, lễ bái, phụng sự, cúng dường?’ Các ông nên trả lời: ‘Chúng tôi mắt thấy sắc mà không lìa dục, không lìa ái, không lìa khao khát, không lìa niệm, trong tâm không tịch tịnh và đối với tai, mũi, lưỡi, thân, ý, pháp lại cũng như vậy. Những Sa-môn, Bà-la-môn kia, khi mắt thấy sắc cũng không lìa tham, không lìa dục, không lìa ái, không lìa

284. Linh Sơn Pháp Bảo Đại Tạng Kinh Tập VI, Bộ A Hàm VI, Kinh Tập A Hàm Số 2, Tập A Hàm Quyển 32, Kinh 909, Hội Văn hóa Giáo dục Linh Sơn Đài Bắc, Taiwan, 2000, trang 590-591.

khao khát, không lìa niệm, trong tâm họ không tịch tịnh, hành động phi pháp, hành vi thô tháo và đối với tai, mũi, lưỡi, thân, ý, pháp lại cũng như vậy. Chúng tôi tìm sự sai biệt ở đây, nhưng không thấy họ khác biệt chúng tôi chỗ nào. Vì vậy, chúng tôi không cung kính, tôn trọng, lễ bái, phụng sự cúng dường các hạng Sa-môn, Bà-la-môn như vậy’.

“Nếu có người hỏi: ‘Những Sa-môn, Bà-la-môn nào đáng cung kính, tôn trọng, lễ bái, phụng sự, cúng dường?’ Các ông nên trả lời: ‘Nếu những vị ấy mắt thấy sắc mà lìa dục, lìa tham, lìa ái, lìa khao khát, lìa niệm, trong tâm tịch tịnh, không hành động phi pháp, làm những hạnh bình đẳng, việc làm không lỗi thối và đối với tai, mũi, lưỡi, thân, ý, pháp lại cũng như vậy, thì những hạng Sa-môn, Bà-la-môn như vậy đáng được cung kính, tôn trọng, lễ bái, phụng sự, cúng dường’.

“Nếu lại hỏi: ‘Vì sao những Sa-môn, Bà-la-môn này được cung kính, tôn trọng, lễ bái, phụng sự, cúng dường?’ Các ông nên trả lời: ‘Chúng tôi mắt thấy sắc mà không lìa tham, không lìa dục, không lìa ái, không lìa khao khát, không lìa niệm, trong tâm không tịch tịnh, hành động phi pháp, hành vi thô tháo và đối với tai, mũi, lưỡi, thân, ý, pháp lại cũng như vậy. Những vị Sa-môn, Bà-la-môn này lìa tham, lìa dục, lìa ái, lìa khao khát, lìa niệm, nội tâm tịch tịnh, hành động đúng pháp, hành động không thô tháo; và đối với tai, mũi, lưỡi, thân, ý, pháp lại cũng như vậy. Ở đây, chúng tôi tìm sự khác biệt và thấy

và những vị ấy có chỗ khác chúng tôi. Vì thấy có sự sai biệt, nên chúng tôi cung kính, tôn trọng, lễ bái, phụng sự cúng dường các Sa-môn, Bà-la-môn ấy’.

“Đã trả lời như vậy, nếu có người lại hỏi: ‘Những Sa-môn, Bà-la-môn này có hành vi gì, có hình mạo thế nào và có dấu hiệu nào để khiến cho các ông biết những Sa-môn, Bà-la-môn này là tham, hướng đến điều phục tham; là sân, hướng đến điều phục là sân; là si, hướng đến điều phục là si?’ Các ông nên trả lời rằng: ‘Chúng tôi thấy Sa-môn, Bà-la-môn này có những biểu hiện như thế này: Ở trong rừng vắng, dưới bóng cây, giường thấp, hoặc nơi nệm cỏ, tu hạnh viễn ly, xa là người nữ, ưa gần người độc cư để cùng thiền định tư duy; nếu ở những chỗ đó mà không có sắc được thấy bởi mắt có thể sanh tâm tham đắm; và không có tiếng được nghe bởi tai có thể sanh tâm tham đắm; mũi ngửi mùi, lưỡi nếm vị, thân xúc chạm, có thể sanh tâm tham đắm. Những Sa-môn, Bà-la-môn này có hành vi như vậy, có hình mạo như vậy và có dấu hiệu như vậy để khiến cho các chúng tôi biết những Sa-môn, Bà-la-môn này là tham, hướng đến điều phục tham; là sân, hướng đến điều phục là sân; là si, hướng đến điều phục là si”²⁸⁵.

285. Linh Sơn Pháp Bảo Đại Tạng Kinh Tập V, Bộ A Hàm V, Trung A Hàm Biệt Dịch & Kinh Tập A Hàm Số 1, Tập A Hàm Quyển 11 - Kinh 280, Hội Văn hóa Giáo dục Linh Sơn Đài Bắc - Taiwan, 2000, trang 918~919.

185. Nhận vật bồ thí và sự nguy hiểm của nó

(No. 640). Bấy giờ, các Tỳ-kheo nhận được sự cúng dường hậu hĩ. Các Tỳ-kheo ăn đồ của tín thí mà không đọc tụng kinh sách, không tát-xà vì người học kinh, hí luận cho hết ngày, nằm ngủ suốt đêm, tham đắm lợi dưỡng, thích trang điểm cho mình, thân mặc quần áo đẹp đẽ, tránh xa pháp lạc xuất yếu, tịch tĩnh, xuất gia cái vui của Tam-bồ-đề. Thân hình thì Tỳ-kheo, mà xa lìa công đức Sa-môn. Đó là kẻ đại tặc trong pháp Phật, kẻ đồng lõa phá hoại ngọn cờ Chánh pháp trong thời Mạt thế, dựng cờ ma ác; đập tắt ngọn đuốc Chánh pháp, đốt lên ngọn lửa phiền não; đập vỡ trống Chánh pháp, hủy hoại bánh xe Chánh pháp, làm khô biển Chánh pháp, làm đổ núi Chánh pháp, phá thành trì Chánh pháp, nhổ cây Chánh pháp, hủy diệt trí tuệ thiên định, cắt đứt chuỗi ngọc giới, làm nhiễm ô Chánh đạo.

“Bấy giờ các loài Trời, Rồng, Quỷ, Thần, Dạ-xoa, Càn-thát-bà sanh lòng ác đối với các Tỳ-kheo hủy nhục, mắng nhiếc, chán ghét xa lìa, không thân cận các Tỳ-kheo nữa. Mọi loài cùng thốt lên lời than: ‘Than ôi! Ác Tỳ-kheo như vậy thì không nên ở trong pháp của Như Lai’....

“Bấy giờ, các loài Trời, Rồng, Thần đều lấy làm buồn không còn ủng hộ các Tỳ-kheo nữa và cùng tuyên bố: ‘Pháp Phật sau bảy ngày nữa sẽ bị diệt tận.’ Họ cùng nhau thương khóc kêu gào và bảo nhau: ‘Đến ngày Tỳ-kheo thuyết giới họ cùng nhau đấu tranh, Chánh pháp

Như Lai vì vậy mà bị tiêu diệt’. Chư Thiên khóc lóc bi thương như vậy.

“Trong lúc đó, tại thành Câu-diêm-di có năm trăm Ưu-bà-tắc nghe chư Thiên nói những lời như vậy, cùng nhau đến giữa các Tỳ-kheo, ngăn cản các Tỳ-kheo đấu tranh và nói kệ rằng:

Than ôi! Năm kịch khổ,
Thương xót quần sanh sanh.

....

“Đến ngày mười lăm lúc thuyết giới, Chánh pháp sẽ tiêu mất. Cũng trong ngày này, năm trăm Ưu-bà-tắc, tạo ra năm trăm tháp Phật trong cùng ngày. Lúc bấy giờ, các Ưu-bà-tắc bận công việc khác nên không tới lui trong chúng Tăng. Bấy giờ, A-la-hán Tu-la-tha đang ở tại núi Kiền-đà-ma-la, ngài quán sát nơi nào trong ngày hôm nay ở cõi Diêm-phù-đề, có chúng Tăng thuyết giới. Ngài thấy có nước Câu-diêm-di đệ tử của Như Lai thuyết giới làm bố-tát; ngài liền đến Câu-diêm-di. Chúng Tăng nước này bấy giờ có đến trăm ngàn người; trong đó chỉ có một vị A-la-hán tên là Tu-la-tha. Lại có một vị Tam tạng tên là Đệ Tử. Đây là cuộc nhóm họp đại chúng cuối cùng của Như Lai. Bấy giờ, vị Duy-na hành thể sa-la, bạch Thượng tọa Tam tạng rằng: “– Chúng Tăng đã họp, gồm trăm ngàn vị. Nay xin vì thuyết Ba-la-đề-mộc-xoa”.

“Lúc ấy vị Thượng tọa trả lời rằng: “– Đệ tử của Như Lai ở cõi Diêm-phù-đề đều tập họp nơi đây, gồm có trăm

ngàn trong chúng này như vậy. Ta là Thượng tọa, đã thông đạt Tam tạng vẫn còn không học Giới luật, huống chi là những người khác mà có sở học! Nay sẽ thuyết Giới luật cho ai? Rồi nói kệ rằng:

Nay là ngày mười lăm,
Đêm vắng lặng, trăng tỏ; ...

“Bấy giờ, A-la-hán Tu-la-tha đứng trước Thượng tọa, chấp tay thưa Thượng tọa rằng: “– Thượng tọa, chỉ nói Ba-la-đề-mộc-xoa, như Đức Phật khi còn tại thế. Những pháp sở học của Xá-lợi-phất, Mục-kiền-liên cùng chúng Đại Tỳ-kheo, nay tôi cũng đã học hết. Như Lai tuy đã diệt độ đến nay đã ngàn năm, những Luật nghi mà Ngài đã chế lập, tôi cũng đã được đầy đủ. Rồi nói kệ rằng:

Thượng tọa nghe tôi nói,
Tôi tên Tu-la-tha;....

“Bấy giờ, Phật mẫu Ma-ha Ma-da Phu nhân từ trên Trời xuống, đến chỗ chúng Tăng kêu gào khóc lóc: ‘Than ôi, khổ thay! Đó là con của ta, đã từng trải qua a-tăng-kỳ kiếp tu các hạnh khổ, không màng gì đến việc lao thân khổ trí, tích đức thành Phật, mà hôm nay bỗng nhiên bị tiêu diệt!’, rồi nói kệ:

Tôi là thân mẫu Phật.
Con tôi từng khổ hạnh,...

“Bấy giờ, vị đệ tử của Thượng tọa kia nghĩ như vậy: “–Tỳ-kheo Tu-la-tha tự nói: ‘Giới luật mà Đức Như Lai đã chế lập, ta giữ gìn đầy đủ’.

Lúc ấy, vị Thượng tọa này có người đệ tử tên là An-già-đà khởi lên tâm không nhẫn, phần hận cực độ, từ chỗ ngồi đứng dậy mạ nhục vị Thánh kia: ‘Ông là một Tỳ-kheo hạ tọa, ngu si, không trí mà dám hủy nhục Hòa thượng của tôi’. Liền cầm dao bén giết vị Thánh kia. Rồi nói bài kệ:

Ta là An-già-đà,
Đệ tử của Thất-sa;
Dùng kiếm bén giết người,
Tự bảo ‘Ta có đức’.

“Lúc này, có một con quỷ tên là Đại Đề-mộc-khur suy nghĩ rằng: ‘Thế gian chỉ có một vị A-la-hán này, mà bị tên đệ tử Tỳ-kheo ác giết hại’. Liền dùng chày Kim cương bén, đầu chày lửa cháy rực, đánh vỡ đầu người này chết tại chỗ. Rồi nói bài kệ:

Ta là thần quỷ ác,
Tên Đại Đề-mộc-khur;
Dùng chày Kim cương này,
Chẻ đầu người làm bảy.

Bấy giờ, đệ tử của vị A-la-hán, thấy người đệ tử Thượng tọa kia sát hại thầy mình, không kiếm được con tíc giận nên giết vị Tam tạng. Lúc này, chư Thiên và loài Người đều bi thương kêu khóc: ‘Than ôi, khổ thay! Chánh pháp Như Lai hiện tại không còn nữa’. Chợt cõi đất chấn rung động sáu cách, vô lượng chúng sanh sầu

não cực độ, kêu gào khóc lóc: ‘Than ôi! Ngày nay Chánh pháp không còn hiện hữu ở đời’. Than xong những lời này rồi mọi người giải tán.

“Bấy giờ, năm trăm Ưu-bà-tắc nước Câu-diệm-di nghe những lời này xong, đi vào chùa, đưa tay vỗ đầu, khóc lớn cao tiếng: ‘Than ôi! Như Lai thương xót thế gian, cứu giúp quần sanh không kể loài to lớn hay vi tế. Ai có thể vì chúng con mà nói nghĩa pháp? Từ nay Trời, Người không thể nào giải thoát được nữa. Chúng sanh ngày nay vẫn còn ở trong bóng tối không có người dẫn đường; luôn luôn huân tập các thói ác và lấy đây làm vui thích như các loài dã thú mà không chịu nghe diệu pháp của Mâu-ni, để rồi khi thân hoại mạng chung đọa vào ba đường giống như sao rụng. Từ nay về sau người đời không còn nhớ đến trí tuệ tam-muội tịch tĩnh, pháp vi diệu thập lực’.

“Bấy giờ, vua Câu-diệm-di nghe các Tỳ-kheo giết hại chân nhân A-la-hán và Pháp sư Tam tạng, sanh lòng buồn thương, hải hùng than thở ngồi im. Lúc ấy, bọn tà kiến tranh nhau đánh phá tháp miếu và hãm hại Tỳ-kheo, từ đó pháp Phật tan tác chóng tàn”.

Bấy giờ, Đức Thế Tôn, bảo Thích Đề-hoàn Nhân, bốn Đại Thiên vương, chư Thiên và Người đời:

“Sau khi Ta diệt độ, dấu hiệu diệt tận của pháp như trên đã nói. Cho nên, hiện tại các ông không thể không

nỗ lực tinh tấn hộ trì Chánh pháp, để còn mãi tại thế gian”²⁸⁶.

186. Bồ thí không phải là nguyên nhân đưa đến nghèo khổ

(No. 914). Ni-kiền bảo thôn trưởng rằng: “Ông hãy đến chỗ Sa-môn Cù-đàm hỏi như vậy: ‘Cù-đàm lúc nào cũng mong ước khiến cho mọi người tăng trưởng đầy đủ phước-lợi, Ngài thường có mong ước như vậy và nói như vậy phải không?’ Nếu trả lời cho ông là không, thì ông nên hỏi rằng: ‘Vậy, Sa-môn Cù-đàm có khác gì với kẻ phàm ngu si?’ Nếu trả lời là ‘Có mong ước và có nói’, thì ông nên hỏi lại rằng: ‘Nếu Sa-môn Cù-đàm đã có mong ước và có nói như thế, vậy tại sao người dân hiện đang mất mùa đói kém, mà Ngài còn du hành trong nhân gian dẫn theo một ngàn hai trăm năm mươi chúng Tỳ-kheo, một ngàn vị Ưu-bà-tắc và năm trăm người ăn xin đi từ thành này sang thành nọ, từ thôn này sang thôn khác, làm hao tổn của cải người dân, giống như mưa lớn, mưa đá, chỉ có làm tổn hại chứ chẳng thêm được lợi ích nào! Những lời nói của Cù-đàm trước sau mâu thuẫn nhau, không giống nhau, không gần giống nhau, không phù hợp nhau, khác nhau’. Thôn trưởng, như vậy gọi là ‘Tật-

286. Linh Sơn Pháp Bảo Đại Tạng Kinh Tập VI, Bộ A Hàm VI, Kinh Tập A Hàm Số 2, Tập A Hàm Quyển 25, Kinh 640, Hội Văn hóa Giáo dục Linh Sơn Đài Bắc, Taiwan, 2000, trang 340~347.

lê luận’, sẽ làm cho Sa-môn Cù-đàm muốn nói cũng không được, không muốn nói cũng không được”.

Bấy giờ, thôn trưởng Đào Sư Thị vâng lời dạy bảo của Ni-kiền đi đến chỗ Phật cung kính chào hỏi; sau khi cung kính chào hỏi xong ngồi lui qua một bên, bạch Phật: “Thưa Cù-đàm, có phải lúc nào Ngài cũng mong ước khiến cho mọi người tăng trưởng phước lợi không?”

Phật bảo thôn trưởng: “Lúc nào Như Lai cũng mong ước khiến cho mọi người tăng trưởng phước lợi và cũng thường nói như vậy”.

Thôn trưởng nói: “Nếu như vậy, thì tại sao, thưa Cù-đàm, trong khi những người dân đang bị mất mùa đói kém, mà Ngài còn đi khát thực trong nhân gian và dẫn theo đông đảo đại chúng,... cho đến trước sau mâu thuẫn nhau, không giống nhau?”

Phật bảo thôn trưởng: “Ta nhớ chín mươi một kiếp từ trước đến nay, không thấy một người nào mà bố thí cho Tỳ-kheo lại bị cạn kiệt, hay bị tổn giảm cả. Nay thôn trưởng, ông nhìn xem hiện nay có người giàu sang, nhiều tiền của, quyến thuộc đông đảo, tột đỉnh nhà, thì biết nhà ấy lâu dài ưa thích bố thí, chân thật tích chứa, nên được phước lợi này. Nay thôn trưởng, có tám nguyên nhân khiến cho phước lợi người tổn giảm không tăng. Những gì là tám? Đó là bị vua bức hiếp, bị giặc cướp lấy, bị lửa đốt cháy, bị nước cuốn trôi, bị tiêu hao vì giấu cất, bị kẻ nợ không trả, bị kẻ oán thù tàn phá, bị hoang phí

bởi con hư. Đó là tám nguyên nhân khiến cho tiền của khó tích tụ. Nay thôn trưởng, Ta nói vô thường là nguyên nhân thứ chín. Như vậy, nay thôn trưởng, ông đã bỏ đi chín nhân, chín duyên trên mà nói Sa-môn Cù-đàm phá hoại nhà người. Nếu ông không bỏ những lời nói ác, không bỏ ác kiến, thì cũng như grom ném xuống nước, khi thân hoại mạng chung, ông sẽ sanh vào trong địa ngục”.

Bấy giờ, thôn trưởng Đào Sư Thị lòng đâm ra sợ hãi, toàn thân lông dựng đứng lên, bạch Phật: “Bạch Thế Tôn, hiện tại con đã hối lỗi rồi, vì con như ngu như si, không tốt, không hiểu biết, nên đối với Cù-đàm con đã nói ra những lời dối trá hư vọng không thành thật”²⁸⁷.

187. Cho mà người không nhận thì vật đó trở lại về mình

(No. 1152). Bấy giờ, có một thiếu niên Bà-la-môn tên Tân-kỳ-ca, đến chỗ Phật, ở trước mặt Thế Tôn dùng những lời bất thiện, thô ác, sân si, mạ ly, chỉ trích Phật.

Bấy giờ Thế Tôn bảo thiếu niên Tân-kỳ-ca: “Vào những ngày tốt, anh có mời bà con thân thuộc hội họp không?”

287. Linh Sơn Pháp Bảo Đại Tạng Kinh Tập VI, Bộ A Hàm VI, Kinh Tập A Hàm Số 2, Tập A Hàm Quyển 32, Kinh 914, Hội Văn hóa Giáo dục Linh Sơn Đài Bắc, Taiwan, 2000, trang 602~604.

Tân-kỳ-ca bạch Phật: “Có! Bạch Cù-đàm!”

Phật bảo Tân- kỳ: “Nếu những người bà con thân tộc của anh không nhận vật thực thì sẽ thế nào?”

Tân-kỳ bạch Phật: “Nếu không nhận vật thực thì vật thực ấy trở về tôi”.

Phật bảo Tân-kỳ: “Cũng vậy, ở trước mặt Như Lai anh nói ra những lời mạ nhục, quở trách thô ác, bất thiện. Cuối cùng Ta không nhận, thì những lời trách mắng như vậy chúng sẽ thuộc về ai?”²⁸⁸

188. 4 nguyên nhân làm cho đời sống con người nghèo khổ

(No. 914). “Này thôn trưởng, có tám nguyên nhân khiến cho phước lợi người tởn giảm không tăng. Những gì là tám? Đó là bị vua bức hiếp, bị giặc cướp lấy, bị lửa đốt cháy, bị nước cuốn trôi, bị tiêu hao vì giấu cất, bị kẻ nợ không trả, bị kẻ oán thù tàn phá, bị hoang phí bởi con hư. Đó là tám nguyên nhân khiến cho tiền của khó tích tụ. Này thôn trưởng, Ta nói vô thường là nguyên nhân thứ chín. Như vậy, này thôn trưởng, ông đã bỏ đi chín nhân, chín duyên trên mà nói Sa-môn Cù-đàm phá hoại nhà người. Nếu ông không bỏ những lời nói ác, không bỏ

288. Linh Sơn Pháp Bảo Đại Tạng Kinh Tập VI, Bộ A Hàm VI, Kinh Tập A Hàm Số 2, Tập A Hàm Quyền 42, Kinh 1.125, Hội Văn hóa Giáo dục Linh Sơn Đài Bắc, Taiwan, 2000, trang 972~973.

ác kiến, thì cũng như gươm ném xuống nước, khi thân hoại mạng chung, ông sẽ sanh vào trong địa ngục”²⁸⁹.

189. Tỷ-kheo cúng dường cho cha mẹ là đúng pháp

(No. 88). Một thời, Phật ở tại vườn Cấp-cô-độc, cây Kỳ-đà thuộc nước Xá-vệ. Bấy giờ có Bà-la-môn trẻ tuổi tên là Uất-đa-la đến chỗ Đức Phật. Sau khi chào hỏi xong, lui qua ngồi một bên, bạch Phật rằng: “Bạch Thế Tôn, con thường đi khát thực như pháp, đem cúng dường cho cha mẹ, khiến cho ông bà được an vui, xa lìa khổ. Bạch Thế Tôn, việc làm của con như vậy có nhiều phước không?”

Phật bảo Uất-đa-la: “Thật có nhiều phước. Vì sao? Vì nếu có người nào khát cầu đúng pháp, để cúng dường cha mẹ, làm cho an vui, trừ khổ não, thì thật là người có phước lớn”. Bấy giờ, Đức Thế Tôn liền nói bài kệ rằng:

Như người đối cha mẹ,
Cung kính và cúng dường,
Đời này lưu tiếng thơm,
Khi chết được lên trời.²⁹⁰

289. Linh Sơn Pháp Bảo Đại Tạng Kinh Tập VI, Bộ A Hàm VI, Kinh Tập A Hàm Số 2, Tập A Hàm Quyển 32, Kinh 914, Hội Văn hóa Giáo dục Linh Sơn Đài Bắc, Taiwan, 2000, trang 603~604.

290. Linh Sơn Pháp Bảo Đại Tạng Kinh Tập V, Bộ A Hàm V, Trung A Hàm Biệt Dịch & Kinh Tập A Hàm Số 1, Tập A Hàm Quyển 4 - Kinh 88:

190. 4 pháp làm cho người tại gia lợi ích và an lạc ngay ở hiện tại và đời sau

(No. 91). “Bạch Thế Tôn, người thế tục tại gia nên thực hành bao nhiêu pháp để được lợi ích hiện tại và an lạc ngay hiện tại?”

Phật bảo Bà-la-môn: “Có bốn pháp giúp cho người thế tục tại gia được lợi ích hiện tại và an lạc ngay hiện tại. Đó là: Phương tiện đầy đủ, Thủ hộ đầy đủ, Thiện tri thức đầy đủ, Chánh mạng đầy đủ.

“Thế nào là Phương tiện đầy đủ? Người thiện nam tự nuôi sống bằng các nghề nghiệp kỹ xảo, như làm ruộng, buôn bán, phục vụ vương sự, chép sách, toán thuật, hội họa. Đối với những nghề nghiệp kỹ xảo đó, luôn tinh tấn siêng năng trau dồi. Đó gọi là Phương tiện đầy đủ.

“Thế nào là Thủ hộ đầy đủ? Người thiện nam có tiền bạc, gạo lúa, do nỗ lực mà thu hoạch, tự tay mình làm ra, đúng như pháp mà có được, tích cực giữ gìn, không để cho vua, giặc, nước, lửa, tước đoạt, hay trôi, chìm, mất mát. Ngược lại, nếu không khéo giữ gìn sẽ tiêu mất; hay nếu không lưu tâm đến chúng, thì sẽ bị người khác chiếm lấy, cùng những tai nạn sẽ làm cho hư hỏng. Đó gọi là người thiện nam khéo thủ hộ.

“Thế nào là Thiện tri thức đầy đủ? Có người thiện nam không mất điều độ, không buông lung, không dối trá, không hung hiểm. Những tri thức như vậy, có khả năng khéo léo an ủi; sự sầu khổ chưa sanh có thể khiến không sanh, sự sầu khổ đã sanh có thể khai mở, tỉnh giác; những điều vui thích chưa sanh có thể khiến sanh nhanh, những điều vui thích đã sanh khiến giữ gìn không để mất. Đó gọi là người thiện nam thiện tri thức đầy đủ.

“Thế nào là Chánh mạng đầy đủ? Người thiện nam có được những tiền của, trong việc chi thu cân đối, bảo quản chu tất, không để cho việc nhập nhiều mà xuất ít, hay xuất nhiều mà nhập ít; như người cầm cân ít thì phải thêm, nhiều thì phải bớt, cho đến lúc nào biết cân bằng thì mới thôi. Như vậy, người thiện nam đã cân đối được tài vật của mình trong khi xuất nhập ngang nhau, không khiến cho nhập nhiều xuất ít, hay xuất nhiều nhập ít. Nếu người thiện nam không có tiền của nhiều mà sử dụng rộng rãi quá trớn, thì do sự sinh hoạt này mà người ta nói là ‘quả ưu-đàm-bát không có hạt giống’; ham muốn ngu si, không biết nghĩ đến sau này. Hoặc có người thiện nam dư dật mà không dám tiêu dùng, mọi người ở gần đều nói: ‘Người ngu si này như con chó chết đói.’ Cho nên người thiện nam, những tiền của có được, nên tự mình cân đối, xuất nhập ngang nhau. Đó gọi là Chánh mạng đầy đủ. Như vậy Bà-la-môn, đây là bốn pháp thành tựu lợi ích hiện tại và an lạc hiện tại”.

Bà-la-môn bạch Phật: “Bạch Thế Tôn, những người tại gia có bao nhiêu pháp để có thể làm cho lợi ích đời sau, an lạc đời sau?”

Phật bảo Bà-la-môn: “Có bốn pháp có thể làm cho lợi ích đời sau, an lạc đời sau. Đó là: Tín đầy đủ, Giới đầy đủ, Thí đầy đủ, Tuệ đầy đủ.

“Thế nào là có Đức tin đầy đủ? Đối với Như-lai, người thiện nam có tâm kính tin, gốc rễ tín vững chắc, mà chư Thiên, Ma, Phạm cùng với loài người không thể phá hoại. Đó gọi là người thiện nam có Đức tin đầy đủ.

“Thế nào là có Giới đầy đủ? Người thiện nam không sát sinh, không trộm cắp, không tà dâm, không nói dối, không uống rượu. Đó gọi là có Giới đầy đủ.

“Thế nào là có Thí đầy đủ? Người thiện nam với tâm không vấy bẩn bởi sự keo kiệt, sống đời tại gia mà hành bố thí buông xả, thường tự tay mình cho, vui vẻ tu hạnh thí xả. Đó gọi là người thiện nam có Thí đầy đủ.

“Thế nào là có Tuệ đầy đủ? Người thiện nam biết như thật về Khổ Thánh đế; biết như thật về Tập, Diệt, Đạo Thánh đế. Đó gọi là người thiện nam có Tuệ đầy đủ²⁹¹.

291. Linh Sơn Pháp Bảo Đại Tạng Kinh Tập V, Bộ A Hàm V, Trung A Hàm Biệt Dịch & Kinh Tập A Hàm Số 1, Tập A Hàm Quyển 4 - Kinh 91, Hội Văn hóa Giáo dục Linh Sơn Đài Bắc - Taiwan, 2000, trang 640~643.

191. Tu là người lợi ngược dòng đời

(No. 493). “Nếu Tỳ-kheo A-luyện-nhã, hoặc ở giữa đất trống, trong rừng, dưới bóng cây, nên học như vậy: Quay vào bên trong mà tư duy, quán sát, tự biết trong tâm còn có dục tưởng không? Nếu không tự biết được, thì ở nơi cảnh giới hoặc ở nơi tịnh tướng, ở đó sẽ có ái dục khởi lên, trái với hạnh viễn ly. Giống như người dùng sức chèo thuyền nghịch dòng đi lên, thân nếu hơi mệt mỏi, biếng nhác, thì thuyền quay trở lại, xuôi dòng đi xuống. Cũng vậy, Tỳ-kheo khi tư duy tịnh tướng, trở lại sanh ra ái dục, trái với hạnh viễn ly. Tỳ-kheo này tu học, tu phương tiện thấp kém, hành không thuần tịnh. Vì vậy lại bị ái dục cuốn trôi, không được pháp lực, tâm không tĩnh lặng, tâm không chuyên nhất; đối với tịnh tướng kia theo đó mà sanh ái dục, trôi nổi lăn lóc, trái với hạnh viễn ly. Nên biết Tỳ-kheo này, không dám tự xác nhận là đối với năm phẩm chất của dục mà ly dục, giải thoát.

“Nếu Tỳ-kheo nào ở nơi đất trống, trong rừng hoặc dưới bóng cây, tư duy như vậy: ‘Trong nội tâm ta đã ly dục chưa?’ Tỳ-kheo này sẽ ở nơi cảnh giới hoặc tiếp nhận tịnh tướng, mà biết tâm mình đã xa lìa tướng ấy, không tùy thuận tiến vào dòng xoáy. Giống như lông chim vào lửa thì bị quấn lại, không có nở ra. Cũng vậy, Tỳ-kheo nào, hoặc tiếp nhận tịnh tướng mà tùy thuận viễn ly, không tùy thuận tiến vào dòng xoáy.

“Tỳ-kheo, nên biết như vậy, đối với phương tiện thực hành tâm không biếng nhác, chứng đắc pháp, tịch tĩnh,

tĩnh chỉ, an ổn, khoái lạc, thuần tịnh nhất tâm và tự nói: ‘Ta sau khi tư duy, đối với tịnh tướng, mà tùy thuận viên ly, tùy thuận tu đạo, thì có thể tự xác nhận, đối với năm phẩm chất của dục, đã ly dục giải thoát’²⁹².

192. Lợi ích của việc gần gũi người có tu tập

(No. 724). “Nếu Tỳ-kheo trì giới, tu đức, có tầm quý, thành tựu pháp chân thật. Người nào thấy vị này, sẽ được nhiều quả báo. Hoặc lại nghe vị này, hoặc còn nhớ nghĩ đến, theo xuất gia, sẽ được nhiều công đức; hướng chí là lại gần gũi, cung kính, phụng sự. Vì sao? Vì gần gũi, phụng sự người như vậy, thì lúc nào cũng sẽ được nghe pháp thâm diệu. Sau khi đã nghe pháp thâm diệu rồi, sẽ thành tựu hai việc chánh là thân chánh và tâm chánh, phương tiện tu tập Định giác phân. Sau khi đã tu tập rồi, sự tu tập sẽ đầy đủ... cho đến, Xả giác phân tu tập đầy đủ”²⁹³.

292. Linh Sơn Pháp Bảo Đại Tạng Kinh Tập VI, Bộ A Hàm VI, Kinh Tập A Hàm Số 2, Tập A Hàm Quyển 18, Kinh 493, Hội Văn hóa Giáo dục Linh Sơn Đài Bắc, Taiwan, 2000, trang 103~104.

293. Linh Sơn Pháp Bảo Đại Tạng Kinh Tập VI, Bộ A Hàm VI, Kinh Tập A Hàm Số 2, Tập A Hàm Quyển 27, Kinh 724, Hội Văn hóa Giáo dục Linh Sơn Đài Bắc, Taiwan, 2000, trang 425.

193. Việc sai lầm đều có thể sửa đổi

(No. 770). “Nên xa lìa tà kiến, nên đoạn trừ tà kiến. Nếu tà kiến mà không thể đoạn trừ được, thì Ta đã không bao giờ nói nên xa lìa tà kiến. Vì tà kiến có thể đoạn trừ được, nên Ta nói Tỳ-kheo hãy xa lìa tà kiến. Nếu không xa lìa tà kiến, thì tà kiến sẽ tạo ra cái khổ phi nghĩa, không lợi ích. Cho nên Ta nói hãy xa lìa tà kiến. Cũng vậy tà chí, tà ngữ, tà nghiệp, tà mạng, tà phương tiện, tà niệm, tà định cũng nói như vậy.

“Này các Tỳ-kheo, khi xa lìa tà kiến rồi, nên tu tập chánh kiến. Nếu chánh kiến tu không được, Ta đã không bao giờ nói tu tập chánh kiến. Vì tu tập chánh kiến được, nên Ta nói Tỳ-kheo hãy tu tập chánh kiến. Nếu không tu tập chánh kiến, thì sẽ tạo ra cái khổ phi nghĩa không lợi ích. Vì không tu tập chánh kiến tạo ra cái khổ phi nghĩa, không lợi ích, cho nên Ta nói phải tu tập chánh kiến, vì mục đích lợi ích, luôn được an lạc. Cho nên Tỳ-kheo hãy tu tập chánh kiến. Cũng vậy, chánh chí, chánh ngữ, chánh nghiệp, chánh mạng, chánh phương tiện, chánh niệm, chánh định cũng nói như vậy”²⁹⁴.

294. Linh Sơn Pháp Bảo Đại Tạng Kinh Tập VI, Bộ A Hàm VI, Kinh Tạp A Hàm Số 2, Tạp A Hàm Quyển 28, Kinh 770, Hội Văn hóa Giáo dục Linh Sơn Đài Bắc, Taiwan, 2000, trang 456.

194. Tu là sự biết phân biệt giữa sai và đúng

(No. 782). “Có pháp sai và pháp đúng. Hãy lắng nghe và suy nghĩ kỹ, Ta sẽ vì các ông mà nói. Những gì là pháp sai, là pháp đúng? Tà kiến là pháp sai; chánh kiến là pháp đúng... cho đến tà định là pháp sai; chánh định là pháp đúng”.

Sau khi Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe những gì Phật đã dạy, đều hoan hỷ phụng hành.

Như Phi pháp và Thị pháp. Cũng vậy, Phi luật và Chánh luật, Phi Thánh và Thị Thánh, Bất thiện pháp và Thiện pháp, Phi tập pháp và Tập pháp, Phi thiện tai pháp và Thiện tai pháp, Hắc pháp và Bạch pháp, Phi nghĩa và Chánh nghĩa, Ty pháp và Thắng pháp, Hữu tội pháp và Vô tội pháp, Ưng khử pháp và Bất khử pháp, kinh nào cũng đều nói như trên²⁹⁵.

195. Tu tập như lên dây đàn

(No. 254). Thế Tôn lại hỏi: “Thế nào nếu biết điều chỉnh sợi dây đàn không căng quá cũng không chùng quá thì sau đó mới phát ra âm thanh hòa nhã, vi diệu phải không?”

295. Linh Sơn Pháp Bảo Đại Tạng Kinh Tập VI, Bộ A Hàm VI, Kinh Tập A Hàm Số 2, Tập A Hàm Quyển 28, Kinh 782, Hội Văn hóa Giáo dục Linh Sơn Đài Bắc, Taiwan, 2000, trang 463.

“Bạch Thế Tôn, đúng như vậy”.

Phật bảo Nhị-thập-úc-nhĩ: “Người nào tinh tấn thái quá thì sẽ tăng thêm điều hối, còn người thiếu tinh tấn quá thì sẽ sanh ra giải đãi. Cho nên, người phải bình đẳng trong tu tập và nhiếp thọ, không đắm nhiễm, không buông lung, không chấp tướng”²⁹⁶.

196. Hộ trì các căn

(No. 1167). Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo: “Vào thời quá khứ, có đám cỏ trong sông và có con rùa sống trong bụi cỏ ấy. Khi đó có một con dã can đói đi tìm thức ăn. Vừa thấy con rùa, nó vội nhảy tới vồ lấy. Con rùa thấy vậy, liền thu hết đầu đuôi và bốn chân vào trong mai. Dã can canh đợi con rùa thò đầu, chân ra là chụp ăn liền. Nhưng chờ lâu quá, mà nhất định rùa không thò đầu và chân ra. Dã can đói quá, tức tối bỏ đi.

“Này các Tỳ-kheo, ngày nay các ông cũng lại biết như vậy. Ma Ba-tuần luôn luôn dò xét tìm cơ hội bên các ông. Mong đợi mắt các ông đắm sắc, tai nghe tiếng, mũi ngửi mùi, lưỡi nếm vị, thân xúc chạm, ý nhớ pháp mà xúi dục sanh tâm đắm nhiễm sáu trần. Cho nên Tỳ-kheo, các ông phải luôn luôn giữ gìn luật nghi của mắt. Khi đã giữ

296. Linh Sơn Pháp Bảo Đại Tạng Kinh Tập V, Bộ A Hàm V, Trung A Hàm Biệt Dịch & Kinh Tập A Hàm Số 1, Tập A Hàm Quyển 9 - Kinh 254, Hội Văn hóa Giáo dục Linh Sơn Đài Bắc - Taiwan, 2000, trang 851.

gìn an trụ nơi luật nghi của mắt rồi, dù mắt có sanh khởi hoặc duyên cảnh đi nữa thì ác ma Ba-tuần cũng không thể tìm được cơ hội. Tai mũi, lưỡi, thân, ý cũng lại như vậy. Dù sáu căn kia có sanh khởi hoặc duyên cảnh đi nữa, thì chúng cũng không thể tìm được tiện lợi. Giống như con rùa, đã can không thể tìm được cơ hội nào”²⁹⁷.

(No. 1169). Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo: “Nếu với Tỳ-kheo hay Tỳ-kheo-ni nào, ở nơi sắc được nhận thức bởi con mắt mà phát sanh hoặc dục, hoặc thèm muốn, hoặc ái niệm, hoặc chỗ bị quyết định đấm trước; đối với những tâm như vậy, phải khéo tự phòng hộ. Vì sao? Vì những tâm này đều là con đường đưa đến sợ hãi, có chướng nạn. Đây là chỗ nương tựa của người ác, không phải chỗ nương tựa của người thiện. Cho nên, phải tự phòng hộ. Đối với tai, mũi, lưỡi, thân, ý lại cũng như vậy.

“Thí như người nông phu có đám mạ tốt, mà người giữ ruộng thì lười biếng, buông lung, để trâu vào ăn lúa mạ. Phàm phu ngu si cũng lại như vậy, sáu xúc nhập xứ... cho đến buông lung cũng lại như vậy.

“Đám mạ tốt, nếu người giữ ruộng tâm không buông lung, thì trâu không ăn được. Giả sử có vào ruộng cũng bị đuổi ra hết. Nghĩa là tâm, ý, hay thức của Thánh đệ tử

297. Linh Sơn Pháp Bảo Đại Tạng Kinh Tập VI, Bộ A Hàm VI, Kinh Tập A Hàm Số 2, Tập A Hàm Quyển 43, Hội Văn hóa Giáo dục Linh Sơn Đài Bắc, Taiwan, 2000, trang 995~996.

đa văn, đối với công năng ngũ dục phải khéo tự nhiếp hộ, tinh chỉ hết, khiến cho diệt tận.

“Đám mạ tốt, người giữ ruộng không tự buông lung, thì nếu trâu vào ruộng, sẽ dùng tay trái kéo dây mũi, tay phải cầm roi nện sả vào thân, đuổi ra khỏi ruộng. Nay các Tỳ-kheo, ý các ông nghĩ sao? Khi con trâu kia đã bị thống khổ vậy rồi, thì từ làng về nhà, từ nhà ra làng, có còn dám ăn lúa mạ non như lỗi trước không?”²⁹⁸

(No. 1259). Phật bảo Tỳ-kheo: “Người ngu si sống nương nơi thôn xóm, sáng sớm đắp y, ôm bát, vào thôn xóm khát thực; không khéo hộ thân, không giữ căn môn, tâm không buộc niệm; nếu thấy thiếu nữ, mà không chánh tư duy, nắm giữ tướng sắc kia, khởi tâm tham dục; dục thiêu đốt tâm, dục thiêu đốt thân. Khi thân tâm đã bị thiêu đốt, xả giới, thoái thất. Người ngu này sẽ lâu dài không được nghĩa lợi, hữu ích. Cho nên, này Tỳ-kheo, phải học tập như vậy: Khéo giữ thân mình, thủ hộ các căn môn, buộc niệm, khi vào thôn khát thực. Phải học như vậy”²⁹⁹.

298. Linh Sơn Pháp Bảo Đại Tạng Kinh Tập VI, Bộ A Hàm VI, Kinh Tập A Hàm Số 2, Tập A Hàm Quyển 43, Kinh 1.169: Cây Đàn, Hội Văn hóa Giáo dục Linh Sơn Đài Bắc, Taiwan, 2000, trang 999.

299. Linh Sơn Pháp Bảo Đại Tạng Kinh Tập VI, Bộ A Hàm VI, Kinh Tập A Hàm Số 2, Tập A Hàm Quyển 43, Kinh 1.259, Hội Văn hóa Giáo dục Linh Sơn Đài Bắc, Taiwan, 2000, trang 999.

197. Cách chăn trâu

(No. 1249). Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo: “Người chăn bò nếu có đủ mười một pháp, sẽ không thể làm cho bò tăng trưởng cũng không thể giữ gìn bầy bò lớn được an ổn. Những gì là mười một? Không biết sắc; không biết tướng; không biết trừ trùng; không băng giữ vết thương; không un khói; không biết chọn đường; không biết chọn chỗ nghỉ; không biết chỗ qua sông; không biết chỗ cho ăn; vắt hết sữa của bò; không biết chăm sóc con đầu đàn. Đó gọi là người có đủ mười một pháp thì không thể chăn giữ đàn bò lớn. Cũng vậy, Tỳ-kheo có đủ mười một pháp, không thể tự mình an ổn, cũng không thể an ổn cho người khác. Những gì là mười một điều? Không biết sắc; không biết tướng; không thể trừ trùng hại; không băng vết thương; không thể un khói; không biết đường chánh; không biết chỗ dừng nghỉ; không biết chỗ vượt qua; không biết chỗ để ăn; vắt hết sữa của bò; hoặc có Thượng tọa đa văn kỳ cựu, tu phạm hạnh lâu, được Đại Sư khen ngợi, mà không hướng đến các phạm hạnh có minh trí để khen ngợi đức độ kia, khiến tất cả tôn kính, phụng sự, cung dưỡng.

“Thế nào là không biết sắc? Những gì có sắc, tất cả đều là bốn đại và sở tạo từ bốn đại. Đó gọi là không biết như thật về sắc.

“Thế nào gọi là không biết tướng? Không biết như thật về sự nghiệp nào là tướng lỗi, sự nghiệp nào là tướng tuệ. Đó gọi là không biết tướng.

“Thế nào gọi là không biết trừ trùng. Dục giác đã khởi mà nhãn thọ, không xa lìa, không giác sát, không trừ diệt; sân nhuế, hại giác đã khởi, mà nhãn thọ, không xa lìa, không giác sát, không trừ diệt. Đó gọi là không biết trừ trùng.

“Thế nào là không băng vết thương? Mắt thấy sắc, theo đó nắm giữ hình tướng. Do không thủ hộ mắt, khiến cho tham ưu thế gian, pháp ác bất thiện chảy lọt vào tâm mà không thể phòng hộ Tai mũi, lưỡi, thân, ý lại cũng như vậy. Đó gọi là không băng vết thương.

“Thế nào là không un khói? Như những pháp đã nghe, như những pháp đã thọ, không thể vì người phân biệt, chỉ rõ. Đó gọi là không un khói.

“Thế nào là không biết chánh đạo? Tám Chánh đạo và Thánh pháp luật, đó gọi là đạo. Kia không biết như thật; đó gọi là không biết chánh đạo.

“Thế nào là không biết chỗ nghỉ? Đối với những pháp mà Như Lai sở tri, không đạt được sự hoan hỷ, sự hân hoan, sự thắng diệu, sự ích lợi xuất ly. Đó là không biết chỗ dừng nghỉ.

“Thế nào là không biết chỗ vượt qua? Không biết Tu-đa-la, Tỳ-ni, A-tì-đàm, không biết tùy thời đến thưa hỏi thỉnh thọ, rằng, ‘Thế nào là thiện, thế nào là bất thiện, thế nào là có tội, thế nào là không có tội; tạo những pháp nào là pháp thù thắng không phải ác?’ Đối với pháp ẩn mật

thì không thể khai phát, đối với pháp hiển lộ thì không thể hỏi rộng, đối với cú nghĩa sâu xa đã tự biết mà không thể diễn rộng chỉ rõ. Đó gọi là không biết chỗ vượt qua.

“Thế nào là không biết chỗ chặn thả bò? Bốn Niệm xứ và pháp luật Thánh hiền, gọi là chỗ chặn thả bò. Ở đó mà không biết như thật, thì đó gọi là không biết chặn thả bò.

“Thế nào là vắt hết sữa? Hàng Sát-đế-lợi, Bà-la-môn hay gia chủ kia, tự tại bố thí y phục, đồ ăn thức uống, giường nằm, thuốc men và những vật dụng trong đời sống; Tỳ-kheo thọ dụng không biết hạn lượng, đó gọi là vắt hết sữa.

“Thế nào là đối với các Thượng tọa, Đại đức đa văn kỳ cựu, ... cho đến không hướng đến chỗ các vị thắng trí, phạm hạnh, xung dương công đức kia, khiến cho họ tôn trọng thừa sự, cung dưỡng để được an vui? Là Tỳ-kheo không tán dương Thượng tọa kia, ... cho đến khiến các bậc trí tuệ phạm hạnh đi đến chỗ đó, đem thân khẩu ý nghiệp tùy thuận thừa sự. Đó gọi là không hướng đến những bậc Thượng tọa đa văn kỳ túc, ... cho đến, khiến tất cả tôn kính, phụng sự, cung dưỡng.

“Người chặn bò kia nếu có đủ mười một pháp thì có thể làm cho đàn bò kia tăng trưởng, bảo vệ bầy bò, làm cho vui vẻ. Những gì là mười một? Biết sắc, biết tướng, nói rõ ràng phân biệt như trên, ... cho đến có thể lãnh đàn, tùy thời liệu lý, khiến được an ổn. Đó gọi là người

chăn bò có đủ mười một pháp, sẽ khiến cho bầy bò tăng trưởng, bảo vệ khiến chúng được an ổn. Cũng vậy, Tỳ-kheo có đầy đủ mười một pháp, tự mình sẽ được an lạc, cũng có thể làm cho người khác được an lạc. Những gì là mười một? Biết sắc, biết tướng, ... cho đến nói đầy đủ phân biệt rõ ràng. Đó gọi là Tỳ-kheo có đủ mười một điều, tự mình an và làm cho người an”³⁰⁰.

198. Lấy không hận diệt hận thù

(No. 1151).

Bấy giờ Thế Tôn liền nói kệ:
Không giận, thắng sân nhuế,
Lấy thiện phục bất thiện;
Bồ thí phục keo kiệt,
Nói thật diệt nói dối.
Không mắng cũng không ngược,
Luôn trụ tâm Thánh hiền.
Người ác ôm sân hận,
Bất động như núi đá.
Kiềm giữ sân nhuế khởi,
Hơn giữ xe ngựa cuồng;

300. Linh Sơn Pháp Bảo Đại Tạng Kinh Tập VII, Bộ A Hàm VII, Kinh Tập A Hàm Số 3, Tập A Hàm Quyển 47, Kinh 1.249, Hội Văn hóa Giáo dục Linh Sơn Đài Bắc, 2000, trang 85-88.

Ta nói đánh xe giỏi,
Không phải người cầm cương³⁰¹.

199. Không buông lung

(No. 882). Thí như trăm thứ cây cỏ, thảo dược đều nung vào đất mà được sanh trưởng. Cũng vậy, tất cả các pháp thiện đều y cứ vào không buông lung làm gốc. *Như đã nói ở trên... cho đến Niết-bàn*³⁰².

200. Pháp Sám hối

(No. 343). Vì lòng từ bi nên Phật bảo Tu-thâm:

“Ta nhận sự sám hối của người. Người nên nói đầy đủ: ‘Ngày xưa vì con ngu si, bất thiện, vô trí nên ở trong Chánh pháp luật trộm lén xuất gia. Ngày nay ăn năn lỗi lầm, tự thấy tội, tự biết tội, trong đời sau sẽ thành tựu luật nghi, công đức tăng trưởng, cuối cùng không thoái giảm’. Vì sao? Vì người có tội tự thấy, tự biết và ăn năn lỗi lầm

301. Linh Sơn Pháp Bảo Đại Tạng Kinh Tập VI, Bộ A Hàm VI, Kinh Tập A Hàm Số 2, Tập A Hàm Quyển 42, Kinh 1.151, Hội Văn hóa Giáo dục Linh Sơn Đài Bắc, Taiwan, 2000, trang 972.

302. Linh Sơn Pháp Bảo Đại Tạng Kinh Tập VI, Bộ A Hàm VI, Kinh Tập A Hàm Số 2, Tập A Hàm Quyển 31, Kinh 882, Hội Văn hóa Giáo dục Linh Sơn Đài Bắc, Taiwan, 2000, trang 559.

nên ở đời sau luật nghi sẽ thành tựu, công đức tăng trưởng, cuối cùng không thoái giảm”³⁰³.

201. Tu tập hay không tu tập được biểu thị khi Tỷ-kheo tiếp xúc với 6 trần có tham hay không?

(No. 273). “Hãy lắng nghe và suy nghĩ kỹ, Ta sẽ vì các ông mà nói. “Duyên mắt và sắc, nhãn thức sanh, thấy sắc vừa ý, muốn tu sự nhàm tởm của Như Lai với chánh niệm chánh trí. Do duyên mắt và sắc, nhãn thức sanh, không vừa ý, muốn tu sự không nhàm tởm của Như Lai với chánh niệm chánh trí. Do duyên mắt và sắc, nhãn thức sanh, vừa ý không vừa ý, muốn tu sự nhàm tởm không nhàm tởm của Như Lai với chánh niệm chánh trí. Do duyên mắt và sắc, nhãn thức sanh, không vừa ý vừa ý, muốn tu sự không nhàm tởm của Như Lai với chánh niệm chánh trí. Do duyên mắt và sắc, nhãn thức sanh, vừa ý không vừa ý, vừa không vừa ý, muốn tu lìa bỏ cả hai, sự nhàm tởm và không nhàm tởm của Như Lai, an trụ xả tâm, với chánh niệm chánh trí”³⁰⁴.

303. Linh Sơn Pháp Bảo Đại Tạng Kinh Tập V, Bộ A Hàm V, Trung A Hàm Biệt Dịch & Kinh Tập A Hàm Số 1, Tập A Hàm Quyển 14 Kinh 343: Phù Di, Hội Văn hóa Giáo dục Linh Sơn Đài Bắc - Taiwan, 2000, trang 1020.

304. Linh Sơn Pháp Bảo Đại Tạng Kinh Tập V, Bộ A Hàm V, Trung A Hàm Biệt Dịch & Kinh Tập A Hàm Số 1, Tập A Hàm Quyển 11 - Kinh 273: Thú Thanh Dụ, Hội Văn hóa Giáo dục Linh Sơn Đài Bắc - Taiwan, 2000, trang 925.

202. Việc làm của người xuất gia và cư sĩ khác nhau

(No. 98). Từ xa Bà-la-môn cày ruộng Bà-la-đậu-bà-giá nhìn thấy Đức Thế Tôn, bèn thưa rằng: “Bạch Cù-đàm, nay tôi cày ruộng, gieo giống để cung cấp lương thực. Vậy, Sa-môn Cù-đàm cũng nên cày ruộng gieo giống để cung cấp lương thực!”

Phật bảo Bà-la-môn: “Ta cũng cày ruộng gieo giống, để cung cấp lương thực”.

Bà-la-môn bạch Phật: “Tôi không thấy Sa-môn Cù-đàm sấm cái cày, cái ách, dây buộc, cái bừa, hay cái roi, mà nay Cù-đàm lại nói: “Ta cũng cày ruộng, gieo giống, để cung cấp lương thực!”

Lúc ấy, Bà-la-môn cày ruộng Bà-la-đậu-bà-giá liền nói kệ rằng:

Người tự nói cày ruộng,
Mà không thấy cái cày;
Lại bảo tôi cày ruộng.
Xin cho biết phép cày.

Bấy giờ, Đức Thế Tôn nói kệ đáp lại rằng:

Tín tâm là hạt giống,
Khổ hạnh mưa đúng mùa,
Trí tuệ là cày, ách,
Tàm quý là cán cày.
Tự gìn giữ chánh niệm,

Là người giỏi chế ngự.
Giữ kín nghiệp thân, miệng,
Như thực phẩm trong kho.
Chân thật là xe tốt,
Sống vui không biếng nhác,
Tinh tấn không bỏ hoang,
An ổn mà tiến nhanh,
Thẳng đến không trở lại,
Đến được chỗ không lo.
Người cày ruộng như vậy,
Chứng đắc quả Niết-bàn.
Người cày ruộng như vậy,
Không tái sinh các hữu.³⁰⁵

203. Quan điểm về Tiền thân (Tục lễ Quán đảnh của vua)

(No. 256). “Ta nhớ lại đời trước, tu phước lâu dài, đã được quả báo thù thắng vi diệu, khả ái. Ta đã từng trong bảy năm tu tập tâm từ, trải qua bảy kiếp thành hoại, không tái sinh vào thế gian này. Trong bảy kiếp hoại Ta sanh lên cõi trời Quang âm, trong bảy kiếp thành Ta lại sanh vào trong cung điện trống không trong cõi Phạm,

305. Linh Sơn Pháp Bảo Đại Tạng Kinh Tập V, Bộ A Hàm V, Trung A Hàm Biệt Dịch & Kinh Tập A Hàm Số 1, Tập A Hàm Quyền 4 Kinh 98, Hội Văn hóa Giáo dục Linh Sơn Đài Bắc - Taiwan, 2000, trang 658~659.

làm Đại Phạm vương, thống lãnh ngàn thế giới, không ai hơn, không ai trên. Từ đó trở về sau, ba mươi sáu lần Ta lại làm Thiên đế Thích, rồi lại trăm ngàn lần làm Chuyển luân Thánh vương, thống lãnh bốn thiên hạ, dùng chánh pháp để giáo hóa và cai trị; có đầy đủ bảy báu: báu xe, báu voi, báu ngựa, báu ma-ni, báu ngọc nữ, báu đại thần chủ kho tàng, báu đại thần chủ binh. Ta có đầy đủ ngàn người con tất cả đều đồng mãnh. Ở trong bốn biển, đất đai bằng phẳng, không có những thứ gai độc; chỉ dùng chánh pháp để điều phục, chứ không dùng oai thế, hay bực bách.

“Pháp vua Quán đánh, có tám vạn bốn ngàn long tượng đều được dùng các thứ báu để trang sức trang nghiêm, lưới báu phủ lên, dựng cờ quý báu; ở đây tượng vương Bồ-tát dẫn đầu, hai buổi sáng chiều tự động hội tụ trước điện. Lúc ấy Ta nghĩ: ‘Bầy voi lớn này, mỗi ngày qua lại đạp chết chúng sanh vô số. Ta ước sao bốn vạn hai ngàn voi, cứ một trăm năm trở lại một lần’, và sở nguyện của Ta liền được như ý. Trong tám vạn bốn ngàn voi đó, có bốn vạn hai ngàn voi cứ trăm năm đến lại một lần.

“Pháp vua Quán đánh lại có tám vạn bốn ngàn con ngựa; cũng dùng hoàn toàn vàng ròng làm dụng cụ để cưỡi, lưới vàng phủ lên. Ở đây mã vương Bà-la dẫn đầu chúng.

“Pháp vua Quán đánh có tám vạn bốn ngàn cỗ xe bằng bốn loại báu như xe vàng, xe bạc, xe lưu ly, xe pha

lê; dùng da sư tử, da cạp, da beo và vải tạp sắc khâm-ba-la phủ lên trên; đứng đầu là xe âm thanh Bạt-câu tỳ-xà-da-nan-đề.

“Pháp vua Quán đảnh thống lĩnh tám vạn bốn ngàn thành, nhân dân đông đúc, an lạc, phồn vinh. Đứng đầu là thành Câu-xá-bà-đề.

“Pháp vua Quán đảnh có tám vạn bốn ngàn cung điện bằng bốn loại báu vàng, bạc, lưu ly, pha lê, ma ni; Do-ha là trên hết.

“Này Tỳ-kheo, pháp vua Quán đảnh có tám vạn bốn ngàn giường bằng bốn loại báu vàng, bạc, lưu ly, pha lê; cùng các loại nệm bằng lụa quý, được trải lên trên nó bằng loại ngọc cụ Ca-lăng-già và đặt lên những chiếc gối đồ.

“Lại nữa, này Tỳ-kheo, pháp vua quán đảnh lại có tám vạn bốn ngàn y phục, gồm bốn thứ như y ca-thi-tế, y sô-ma, y đầu-cưu-la, y câu-triêm-bà.

“Lại nữa, này Tỳ-kheo, pháp vua Quán đảnh có tám vạn bốn ngàn ngọc nữ, như nữ Sát-lợi, nữ tợ Sát-lợi, huống chi là những người nữ khác.

“Lại nữa, này Tỳ-kheo, pháp vua Quán đảnh có tám vạn bốn ngàn đồ ăn thức uống đủ các hương vị.

“Này Tỳ-kheo, trong tám vạn bốn ngàn ngọc nữ, chỉ có một người được vua chọn để hầu hạ; trong tám vạn bốn ngàn y phục báu, nhà vua chỉ mặc một y; trong tám

vạn bốn ngàn giường báu, nhà vua chỉ nằm một giường; trong tám vạn bốn ngàn cung điện, nhà vua chỉ ở một cung; trong tám vạn bốn ngàn thành, nhà vua chỉ chọn ở một thành, đó là Câu-xá-bà-đề; trong tám vạn bốn ngàn xe báu, nhà vua chỉ đi có một xe đó là Tỳ-xà-da-nan-đề cù-sa, để ra khỏi thành du lãm; trong tám vạn bốn ngàn ngựa báu, nhà vua chỉ cưỡi có một con đó là Bà-la-ha, lông đuôi màu xanh biếc; trong tám vạn bốn ngàn long tượng, nhà vua chỉ cưỡi một voi, đó là Bồ-tát-đà để ra khỏi thành du quán.

“Này Tỳ-kheo, ở đây nhà vua nhờ những nghiệp báo gì mà có được những oai đức tự tại như vậy? Ở đây nhờ vào ba loại nghiệp báo. Những gì là ba? Một là bố thí, hai là điều phục, ba là tu đạo. Tỳ-kheo nên biết, phàm phu vì quen đắm nhiễm ngũ dục nên không biết chán và đủ; còn Thánh nhân vì đã thành tựu được trí tuệ đầy đủ nên thường biết đủ³⁰⁶.

204. Phật giáo giải quyết những vấn đề xã hội

(No. 510). Tôn giả Đại Mục-kiền-liên nói với Tôn giả Lạc-xoa-na: “Giữa đường tôi thấy một chúng sanh to lớn, toàn thân không có da bao bọc, chỉ là một khối thịt,

306. Linh Sơn Pháp Bảo Đại Tạng Kinh Tập V, Bộ A Hàm V, Trung A Hàm Biệt Dịch & Kinh Tập A Hàm Số 1, Tập A Hàm Quyển 10 - Kinh 256: Vô Minh (1), Hội Văn hóa Giáo dục Linh Sơn Đài Bắc - Taiwan, 2000, trang 875~877.

đi trong hư không, bị quạ, diều, két, kên kên, dã can chó đói rượt theo cầu xé để ăn, hoặc moi nội tạng ra khỏi xương sườn để ăn; thống khổ bức bách, kêu la, gào thét. Tôi liền nghĩ: ‘Chúng sanh này đã phải mang cái thân như vậy, mà còn phải chịu sự đau đớn vô ích như vậy’”.

Phật bảo các Tỳ-kheo: “Lành thay! Lành thay! Trong chúng Thanh văn của Ta, người có thật nhẫn, thật trí, thật nghĩa, thật pháp, thì sẽ thấy chúng sanh này nhất định không trở ngại. Ta cũng thấy chúng sanh này nhưng không nói, sợ người không tin. Vì sao? Những điều Như Lai nói, có kẻ không tin. Kẻ ngu si ấy phải chịu khổ lâu dài.

“Này các Tỳ-kheo, chúng sanh kia, vào thời quá khứ, ở tại thành Vương xá này, đã làm nghề giết dê. Vì tội này nên đọa vào địa ngục trải qua trăm ngàn năm, chịu vô lượng khổ. Nay nó phải chịu cái thân như vậy, vì dư báo tội này, nên ngày nay phải tiếp tục chịu đau khổ như vậy”³⁰⁷.

(No. 512). ... “Chúng sanh này này thời quá khứ, ở tại thành Vương Xá này, tự phá thai. Vì tội này nên đọa vào địa ngục trải qua trăm ngàn năm, chịu vô lượng khổ. Vì

307. Linh Sơn Pháp Bảo Đại Tạng Kinh Tập VI, Bộ A Hàm VI, Kinh Tập A Hàm Số 2, Tập A Hàm Quyển 19, Kinh 510, Hội Văn hóa Giáo dục Linh Sơn Đài Bắc, Taiwan, 2000, trang 136-137.

dur báo này nên vị ấy phải chịu cái thân như vậy, tiếp tục chịu đau khổ”³⁰⁸.

(No. 515). ... “Chúng sanh này, vào thời quá khứ, ở tại thành Vương Xá này, đã từng làm thợ săn, bắn giết cầm thú. Vì tội này nên đọa vào địa ngục trải qua trăm ngàn năm, chịu vô lượng khổ. Nay vì dư báo địa ngục này nên nó phải chịu cái thân như vậy, tiếp tục chịu đau khổ”³⁰⁹.

(No. 518). ... “Chúng sanh này, vào thời quá khứ, ở tại thành Vương Xá này, làm thợ đúc đồng, làm đồ giả, gạt người. Vì tội này nên đọa vào địa ngục. Nay vì dư báo địa ngục nên nó phải chịu cái thân như vậy, tiếp tục chịu đau khổ”³¹⁰.

(No. 522). ... Chúng sanh này, vào thời quá khứ, ở tại thành Vương Xá này, là người nữ làm thầy bói đoán tướng, chuyên hành nghề bói toán, dối gạt, mê hoặc người để mưu cầu tiền của. Vì tội này nên đọa vào địa

308. Linh Sơn Pháp Bảo Đại Tạng Kinh Tập VI, Bộ A Hàm VI, Kinh Tập A Hàm Số 2, Tập A Hàm Quyển 19, Kinh 512, Hội Văn hóa Giáo dục Linh Sơn Đài Bắc, Taiwan, 2000, trang 138.

309. Linh Sơn Pháp Bảo Đại Tạng Kinh Tập VI, Bộ A Hàm VI, Kinh Tập A Hàm Số 2, Tập A Hàm Quyển 19, Kinh 515, Hội Văn hóa Giáo dục Linh Sơn Đài Bắc, Taiwan, 2000, trang 140.

310. Linh Sơn Pháp Bảo Đại Tạng Kinh Tập VI, Bộ A Hàm VI, Kinh Tập A Hàm Số 2, Tập A Hàm Quyển 19, Kinh 518, Hội Văn hóa Giáo dục Linh Sơn Đài Bắc, Taiwan, 2000, trang 141.

ngục, chịu vô lượng khổ. Nay vì dư báo địa ngục nên nó phải chịu cái thân như vậy, tiếp tục chịu đau khổ”³¹¹.

(No. 522). ... “Chúng sanh này, vào thời quá khứ, ở tại thành Vương Xá này, ưa làm việc tà dâm. Vì tội này nên đọa vào địa ngục, chịu vô lượng khổ. Nay vì dư báo địa ngục nên nó phải chịu cái thân như vậy, tiếp tục chịu đau khổ”³¹².

(No. 523). ... “Chúng sanh này, vào thời quá khứ, ở tại thành Ba-la-nại này, là người nữ buôn bán nhan sắc để sanh sống. Bấy giờ có Tỳ-kheo theo Phật Ca-diếp xuất gia. Người con gái ấy đem lòng không trong sạch mời vị Tỳ-kheo. Tỳ-kheo này trực tâm, nhận lời mời, không hiểu được ý cô. Cô gái nổi giận, lấy nước bắt tạt vào mình Tỳ-kheo. Vì tội này nên đọa vào địa ngục, chịu vô lượng khổ. Nay vì dư báo tội này, nên nó phải mang thân này, tiếp tục chịu đau khổ như vậy”³¹³.

(No. 524). ... “Chúng sanh này, thời quá khứ, ở thành Ba-la-nại, là đệ nhất phu nhân của Tự tại vương. Khi

311. Linh Sơn Pháp Bảo Đại Tạng Kinh Tập VI, Bộ A Hàm VI, Kinh Tạp A Hàm Số 2, Tạp A Hàm Quyển 19, Kinh 522, Hội Văn hóa Giáo dục Linh Sơn Đài Bắc, Taiwan, 2000, trang 143.

312. Linh Sơn Pháp Bảo Đại Tạng Kinh Tập VI, Bộ A Hàm VI, Kinh Tạp A Hàm Số 2, Tạp A Hàm Quyển 19, Kinh 522, Hội Văn hóa Giáo dục Linh Sơn Đài Bắc, Taiwan, 2000, trang 144.

313. Linh Sơn Pháp Bảo Đại Tạng Kinh Tập VI, Bộ A Hàm VI, Kinh Tạp A Hàm Số 2, Tạp A Hàm Quyển 19, Kinh 523, Hội Văn hóa Giáo dục Linh Sơn Đài Bắc, Taiwan, 2000, trang 145.

cùng ngủ với nhà vua, bỗng nổi lòng sân hận, lấy dầu thấp đèn rưới lên người vua. Vì tội này nên đọa vào địa ngục chịu khổ vô lượng. Nay vì dư báo địa ngục nên nó phải mang cái thân này, tiếp tục chịu khổ”³¹⁴.

(No. 525). ... “Chúng sanh này, thời quá khứ, ở thành Ba-la-nại, làm thầy Bà-la-môn của Tự tại vương. Vì tâm tật đố nên khi thỉnh chúng Thanh văn của Phật Ca-diếp thọ trai, ông đã lấy phần ứế bôi lên trên thức ăn, thử xúc não chúng Tăng. Vì tội này nên đọa vào địa ngục chịu khổ vô lượng. Nay vì dư báo địa ngục nên nó phải mang cái thân này, tiếp tục chịu khổ”³¹⁵.

(No. 526). ... “Chúng sanh này thời quá khứ, ở nước Xá-vệ xuất gia ở chỗ Phật Ca-diếp, làm Tỳ-kheo tri sự. Có nhiều thí chủ đem dầu đến cúng cho các Tỳ-kheo. Bấy giờ, có nhiều khách Tỳ-kheo. Vị tri sự này không chia dầu đúng thời, đợi cho các Tỳ-kheo khách đi rồi mới chia. Vì tội này nên đọa vào địa ngục chịu khổ vô lượng. Nay vì dư báo địa ngục nên nó phải mang cái thân này, tiếp tục chịu khổ”³¹⁶.

314. Linh Sơn Pháp Bảo Đại Tạng Kinh Tập VI, Bộ A Hàm VI, Kinh Tập A Hàm Số 2, Tập A Hàm Quyển 19, Kinh 524, Hội Văn hóa Giáo dục Linh Sơn Đài Bắc, Taiwan, 2000, trang 146.

315. Linh Sơn Pháp Bảo Đại Tạng Kinh Tập VI, Bộ A Hàm VI, Kinh Tập A Hàm Số 2, Tập A Hàm Quyển 19, Kinh 625, Hội Văn hóa Giáo dục Linh Sơn Đài Bắc, Taiwan, 2000, trang 146.

316. Linh Sơn Pháp Bảo Đại Tạng Kinh Tập VI, Bộ A Hàm VI, Kinh Tập A Hàm Số 2, Tập A Hàm Quyển 19, Kinh 626, Hội Văn hóa Giáo dục Linh Sơn Đài Bắc, Taiwan, 2000, trang 147.

(No. 527). ... “Chúng sanh này, thời quá khứ, ở nước Xá-vệ, xuất gia trong pháp Phật Ca-diếp, làm Sa-di giữ vườn trái của chúng Tăng, trộm bảy trái đem dâng cho Hòa thượng. Do tội ấy cho nên bị đọa vào địa ngục, chịu khổ vô lượng. Nay vì dư báo địa ngục nên nó phải mang cái thân này, tiếp tục chịu khổ”³¹⁷.

(No. 528). ...“Chúng sanh này, thời quá khứ, ở nước Xá-vệ, xuất gia làm Sa-di trong pháp Phật Ca-diếp, dùng búa cắt đường phèn cúng dường chúng Tăng; đường phèn dính trên lưỡi búa, lấy cấp ăn. Do tội ấy cho nên bị đọa vào địa ngục, chịu khổ vô lượng. Nay vì dư báo địa ngục nên nó phải mang cái thân này, tiếp tục chịu khổ”³¹⁸.

(No. 529). ... “Chúng sanh này, thời quá khứ, ở nước Xá-vệ, xuất gia làm Sa-di trong pháp Phật Ca-diếp, đem bánh ngọt cúng dường chúng Tăng, cấp lấy hai cái bánh kẹp vào nách. Do tội ấy cho nên bị đọa vào địa ngục, chịu khổ vô lượng. Nay vì dư báo địa ngục nên nó phải mang cái thân này, tiếp tục chịu khổ”³¹⁹.

317. Linh Sơn Pháp Bảo Đại Tạng Kinh Tập VI, Bộ A Hàm VI, Kinh Tạp A Hàm Số 2, Tạp A Hàm Quyển 19, Kinh 527, Hội Văn hóa Giáo dục Linh Sơn Đài Bắc, Taiwan, 2000, trang 147~148.

318. Linh Sơn Pháp Bảo Đại Tạng Kinh Tập VI, Bộ A Hàm VI, Kinh Tạp A Hàm Số 2, Tạp A Hàm Quyển 19, Kinh 528, Hội Văn hóa Giáo dục Linh Sơn Đài Bắc, Taiwan, 2000, trang 148.

319. Linh Sơn Pháp Bảo Đại Tạng Kinh Tập VI, Bộ A Hàm VI, Kinh Tạp A Hàm Số 2, Tạp A Hàm Quyển 19, Kinh 529, Hội Văn hóa Giáo dục Linh Sơn Đài Bắc, Taiwan, 2000, trang 149.

(No. 530). ... “Chúng sanh này, thời quá khứ, ở thành Xá-vệ, xuất gia làm Tỳ-kheo trong pháp Phật Ca-diếp, đi xin y áo và vật thực cho chúng Tăng; cúng dường Tăng xong, còn dư liền tự mình thọ dùng. Vì tội này nên đọa vào địa ngục chịu khổ vô lượng. Nay vì dư báo địa ngục nên nó phải mang cái thân này, tiếp tục chịu khổ”³²⁰.

(No. 531). ... “Chúng sanh này, thời quá khứ, ở nước Xá-vệ, đánh xe bò để sanh sống. Vì tội này nên đọa vào địa ngục chịu khổ vô lượng. Nay vì dư báo địa ngục nên nó phải mang cái thân này, tiếp tục chịu khổ”³²¹.

(No. 534). ... “Chúng sanh này, thời quá khứ, ở nước Xá-vệ, xuất gia làm Tỳ-kheo trong pháp Phật Ca-diếp, ưa thích tranh cãi, làm rối loạn chúng tăng, lấm mồm mép, làm mất sự hòa hợp. Các Tỳ-kheo ở trước chán bỏ đi, người chưa đến không muốn đến. Do tội ấy cho nên bị đọa vào địa ngục, chịu khổ vô lượng. Nay vì dư báo địa ngục nên nó phải mang cái thân này, tiếp tục chịu khổ”³²².

320. Linh Sơn Pháp Bảo Đại Tạng Kinh Tập VI, Bộ A Hàm VI, Kinh Tập A Hàm Số 2, Tập A Hàm Quyển 19, Kinh 530, Hội Văn hóa Giáo dục Linh Sơn Đài Bắc, Taiwan, 2000, trang 149.

321. Linh Sơn Pháp Bảo Đại Tạng Kinh Tập VI, Bộ A Hàm VI, Kinh Tập A Hàm Số 2, Tập A Hàm Quyển 19, Kinh 531, Hội Văn hóa Giáo dục Linh Sơn Đài Bắc, Taiwan, 2000, trang 150.

322. Linh Sơn Pháp Bảo Đại Tạng Kinh Tập VI, Bộ A Hàm VI, Kinh Tập A Hàm Số 2, Tập A Hàm Quyển 19, Kinh 534, Hội Văn hóa Giáo dục Linh Sơn Đài Bắc, Taiwan, 2000, trang 152.

205. Phật nói pháp cho thương nhân

(No. 980). Bấy giờ Thế Tôn bảo các khách buôn: Các ông sắp vào nơi hoang mạc, sẽ gặp nhiều khủng bố, tâm kinh hoàng dựng đứng cả lông, lúc ấy nên niệm Như Lai sự: ‘Như Lai, Ứng Cúng, Đẳng Chánh Giác,... *cho đến* Phật, Thế Tôn’. Niệm như vậy thì mọi khủng bố đều tiêu trừ. Lại niệm pháp sự, ‘Chánh pháp luật của Phật, được thấy trong hiện tại có thể xa lìa sự thiêu đốt, không đợi thời tiết, được thấu suốt, được thân cận, duyên vào tự mình mà giác tri’. Lại niệm Tăng sự, ‘đệ tử của Thế Tôn thiện hướng, chánh hướng... *cho đến* là ruộng phước của thế gian’. Niệm như vậy, thì mọi sự khủng bố đều được tiêu trừ³²³.

206. Thế nào gọi là chúng sanh

(No. 122). “Bạch Thế Tôn, nói: ‘Chúng sanh’. Vậy thế nào là chúng sanh?”

Phật bảo La-đà: “Ở nơi sắc mà nhiễm đắm triền miên, do đó gọi là chúng sanh. Ở nơi thọ, tưởng, hành, thức mà nhiễm đắm triền miên, nên gọi là chúng sanh”³²⁴.

323. Linh Sơn Pháp Bảo Đại Tạng Kinh Tập VI, Bộ A Hàm VI, Kinh Tạp A Hàm Số 2, Tạp A Hàm Quyển 35, Kinh 980, Hội Văn hóa Giáo dục Linh Sơn Đài Bắc, Taiwan, 2000, trang 715.

324. Linh Sơn Pháp Bảo Đại Tạng Kinh Tập V, Bộ A Hàm V, Trung A Hàm Biệt Dịch & Kinh Tạp A Hàm Số 1, Tạp A Hàm Quyển 6 Kinh 122, Hội Văn hóa Giáo dục Linh Sơn Đài Bắc - Taiwan, 2000, trang 722.

207. Đức Phật nói về chuyện thọ sanh

(No. 852~854).

(No. 852). “Bạch Thế Tôn, sáng sớm hôm nay con vào thành Xá-vệ khát thực, nghe tin Tỳ-kheo Nan-đò, Tỳ-kheo-ni Nan-đà, Ưu-bà-tắc Thiện Sanh, Ưu-bà-di Thiện Sanh đều đã qua đời. Bạch Thế Tôn, vậy bốn vị này sau khi qua đời, họ sẽ sanh về nơi nào?”

Phật bảo các Tỳ-kheo: “Tỳ-kheo Nan-đò và Tỳ-kheo-ni Nan-đà vì đã hết các lậu nên đã được tâm giải thoát vô lậu, tuệ giải thoát; ngay trong đời này tự tri, tự tác chứng: ‘Ta, sự sanh đã hết, phạm hạnh đã lập, những việc cần làm đã làm xong, tự biết không còn tái sanh đời sau nữa’. Còn Ưu-bà-tắc Thiện Sanh và Ưu-bà-di Thiện Sanh vì năm hạ phần kết đã hết nên đắc A-na-hàm, sanh lên cõi trời mà vào Bát-niết-bàn, không còn sanh vào cõi này nữa”³²⁵.

(No. 854). Phật bảo các Tỳ-kheo: “Các ông theo người này qua đời, người kia qua đời mà hỏi, thì thật là phiền nhọc. Chẳng phải là điều Như Lai muốn đáp. Phạm có sanh thì có tử, có gì là lạ! Dù Như Lai có ra đời hay chẳng ra đời, thì pháp tánh vẫn thường trụ, điều đó Như Lai tự chứng tri, thành Đẳng Chánh Giác, hiển bày, diễn

325. Linh Sơn Pháp Bảo Đại Tạng Kinh Tập VI, Bộ A Hàm VI, Kinh Tập A Hàm Số 2, Tập A Hàm Quyển 30, Kinh 852, Hội Văn hóa Giáo dục Linh Sơn Đài Bắc, Taiwan, 2000, trang 534.

nói, phân biệt, chỉ dạy, rằng: Cái này có nên cái kia có; cái này khởi nên cái kia khởi; vì duyên vô minh nên có hành, ... cho đến vì duyên sanh nên có già, bệnh, chết, ưu, bi, khổ, não và khổ ảm tích tập như vậy. Vô minh diệt thì hành diệt, ... cho đến sanh diệt thì già, bệnh, chết, ưu, bi, khổ, não diệt và khổ ảm bị diệt như vậy”³²⁶.

208. Mỗi quan hệ giữa Phú Lâu Na và Bồ tát Thường Bất Kinh

(No. 311). Phật bảo Phú-lan-na: “Người ở Thâu-lô-na phương Tây hung dữ, nóng nảy, thô bạo, ưa chửi bới. Phú-lan-na, nếu người nghe những lời hung ác, nóng nảy, thô bạo, ưa mắng rủa, hủy nhục, thì người sẽ như thế nào?”

Phú-lan-na bạch Phật: “Bạch Thế Tôn, nếu người nước Thâu-lô-na phương Tây kia mà trước mặt con có những lời hung ác, mắng chửi, hủy nhục, thì con nghĩ rằng: ‘Những người Thâu-lô-na ở phương Tây này vẫn tốt lành, có trí tuệ. Tuy họ ở trước mặt ta tỏ ra hung ác, thô bạo, mắng chửi hay hủy nhục, ta vẫn chưa bị họ dùng tay để đánh hoặc ném đá’”.

326. Linh Sơn Pháp Bảo Đại Tạng Kinh Tập VI, Bộ A Hàm VI, Kinh Tạp A Hàm Số 2, Tập A Hàm Quyển 30, Kinh 854, Hội Văn hóa Giáo dục Linh Sơn Đài Bắc, Taiwan, 2000, trang 536.

Phật bảo Phú-lan-na: “Người Thâu-lô-na ở phương Tây này tuy hung ác, nóng nảy, thô bạo, mắng chửi, hủy nhục đối với người, người có thể tránh được. Nhưng nếu họ lại còn dùng tay đánh, đá ném nữa, thì người như thế nào?”

Phú-lan-na bạch Phật: “Bạch Thế Tôn, nếu người Thâu-lô-na ở phương Tây dùng tay đánh, hay dùng đá ném con đi nữa, thì con nghĩ rằng: ‘Những người Thâu-lô-na vẫn còn tốt lành, có trí tuệ. Tuy họ dùng tay đánh, đá ném nhưng họ chẳng dùng dao gậy’”.

Phật bảo Phú-lan-na: “Nếu những người này dùng dao gậy để hại người, thì sẽ như thế nào?”

Phú-lan-na bạch Phật: “Bạch Thế Tôn, nếu những người này, lại dùng dao gậy để hại con, thì con nghĩ rằng: ‘Những người Thâu-lô-na này vẫn còn tốt lành, có trí tuệ. Tuy họ dùng dao gậy hại ta, nhưng chưa giết ta’”.

Phật bảo Phú-lan-na: “Giả sử những người này giết người, thì sẽ như thế nào?”

Phú-lan-na bạch Phật: “Bạch Thế Tôn, nếu những người Thâu-lô-na phương Tây giết con, thì con nghĩ rằng: ‘Các đệ tử của Thế Tôn có người nhàm chán thân này, hoặc dùng dao tọt sát, hoặc uống thuốc độc, hoặc dùng dây tự thắt cổ, hoặc gieo mình xuống hố sâu. Người Thâu-lô-na phương Tây này vẫn còn tốt lành, có trí tuệ. Đối với cái thân hủ bại của ta, chỉ tạo chút phương tiện khiến ta được giải thoát’”.

Phật bảo: “Lành thay! Phú-lan-na! Ông khéo học hạnh nhẫn nhục. Nay người có thể đến ở lại Thâu-lô-na. Người nên đến độ cho người chưa được độ, an cho người chưa được an, người chưa được Niết-bàn khiến cho được Niết-bàn”³²⁷.

209. Có liên hệ đến “Kinh Tăng Nhất A-hàm”

(No. 486~489).

Bấy giờ, Đức Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

“Nếu đối với một pháp, mà sanh chân chánh niềm tởm, không ưa, xả bỏ, sẽ chứng đắc lậu tận. Đó là, tất cả chúng sanh do thức ăn mà tồn tại.

“Lại có hai pháp, đó là danh và sắc. Lại có ba pháp, đó là ba thọ. Lại có bốn pháp, đó là bốn thực. Lại có năm pháp, đó là năm thọ ấm. Lại có sáu pháp, đó là sáu nội, ngoại nhập xứ. Lại có bảy pháp, đó là bảy thức trụ. Lại có tám pháp, đó là tám pháp thế gian. Lại có chín pháp, đó là chín chỗ cư ngụ của chúng sanh. Lại có mười pháp, đó là mười nghiệp. Đối với mười pháp này, thật sự nhằm

327. Linh Sơn Pháp Bảo Đại Tạng Kinh Tập V, Bộ A Hàm V, Trung A Hàm Biệt Dịch & Kinh Tạp A Hàm Số 1, Tạp A Hàm Quyển 13 Kinh 311, Hội Văn hóa Giáo dục Linh Sơn Đài Bắc - Taiwan, 2000, trang 978~979.

tỏm, không ưa, xả bỏ, sẽ đến chỗ tận cùng mé khổ và giải thoát khỏi khổ”³²⁸.

210. Sự nguy hiểm của tợ pháp (giáo pháp giả mạo)

(No. 906). “Này Ca-diếp, thí như lúc kiếp sắp muốn hoại, tuy vật báu thật chưa diệt mất, nhưng vật báu nguy tạo tương tợ lại xuất hiện ở thế gian. Khi vật báu nguy tạo đã xuất hiện, vật báu thật sẽ mất. Cũng vậy Ca-diếp, Chánh pháp Như Lai lúc sắp muốn diệt, lại có tượng pháp tương tợ sanh ra; khi tượng pháp tương tợ đã xuất hiện ở thế gian rồi, thì Chánh pháp sẽ bị diệt.

“Thí như trong biển cả, nếu thuyền chở nhiều trân bảo chắc sẽ nhanh chóng bị đắm chìm. Chánh pháp Như Lai không như vậy, mà sẽ bị tiêu diệt từ từ. Chánh pháp của Như Lai không bị đất làm hoại không bị nước, lửa, gió làm hoại đi. Cho đến lúc chúng sanh ác xuất hiện ở thế gian, thích làm các điều ác, muốn làm các điều ác, thành tựu các điều ác; phi pháp nói là pháp, pháp nói là phi pháp; phi luật nói là luật; bằng pháp tương tợ mà cú vị thịnh hành. Bấy giờ Chánh pháp Như Lai mới chìm mất”³²⁹.

328. Linh Sơn Pháp Bảo Đại Tạng Kinh Tập VI, Bộ A Hàm VI, Kinh Tập A Hàm Số 2, Tập A Hàm Quyển 17, Kinh 486~489, Hội Văn hóa Giáo dục Linh Sơn Đài Bắc, Taiwan, 2000, trang 83~84.

329. Linh Sơn Pháp Bảo Đại Tạng Kinh Tập VI, Bộ A Hàm VI, Kinh Tập A Hàm Số 2, Tập A Hàm Quyển 32, Kinh 906, Hội Văn hóa Giáo dục Linh Sơn Đài Bắc, Taiwan, 2000, trang 584.

211. Định nghĩa các danh từ Phật học

(No. 490)

212. Thần thông

(No. 494). “Nếu có Tỳ-kheo nào tu tập thiền tứ đạt được thần thông, tâm được tự tại, muốn biến cây khô này thành đất thì sẽ thành đất liền. Vì sao? Vì trong cây khô này có địa giới. Cho nên Tỳ-kheo có sức thần thông, tâm muốn tạo ra đất, tức thì thành đất không khác. Nếu có Tỳ-kheo nào đạt được sức thần thông, tự tại như ý, mà muốn khiến cây này thành nước, lửa, gió, vàng, bạc v.v... tất cả đều thành tựu không khác. Vì sao? Vì cây khô này có thủy giới. Cho nên, thiền tứ được sức thần thông, tự tại như ý; nếu muốn khiến cây khô này thành vàng, tức thì thành vàng không khác và những vật khác cũng đều thành tựu như vậy. Vì sao? Vì cây khô này có các giới. Cho nên, Tỳ-kheo thiền tứ, được sức thần thông, tự tại như ý, nếu muốn làm thành các vật khác thì cũng đều thành tựu không khác. Tỳ-kheo nên biết, khi Tỳ-kheo thiền tứ, cảnh giới thần thông không thể nghĩ bàn. Cho nên, Tỳ-kheo phải tinh cần thiền tứ, học các thần thông”³³⁰.

330. Linh Sơn Pháp Bảo Đại Tạng Kinh Tập VI, Bộ A Hàm VI, Kinh Tập A Hàm Số 2, Tập A Hàm Quyển 18, Kinh 494, Hội Văn hóa Giáo dục Linh Sơn Đài Bắc, Taiwan, 2000, trang 104.

(No. 503). Tôn giả Xá-lợi-phất nói: “Thưa Tôn giả Đại Mục-kiền-liên, Thế Tôn đang trú tại vườn Cấp-cô-độc, nước Xá-vệ, cách đây rất xa, làm sao cùng nói chuyện? Hiện tại Tôn giả đang ở Trúc viên, vậy làm sao hầu chuyện? Hay là Tôn giả đã dùng sức thần thông để đến chỗ Thế Tôn, hay Thế Tôn đã dùng sức thần thông đến chỗ Tôn giả?”

Tôn giả Đại Mục-kiền-liên nói với Tôn giả Xá-lợi-phất: “Tôi không dùng sức thần thông đến chỗ Đức Thế Tôn và Thế Tôn cũng không dùng thần thông để đến chỗ tôi. Nhưng đối với những lời Phật ở trong thành Vương Xá, nước Xá-vệ, tôi vẫn nghe được; vì Thế Tôn và tôi đều có thiên nhãn và thiên nhĩ, nên tôi có thể hỏi Thế Tôn, được nói là ân cần tinh tấn. Thế nào là ân cần tinh tấn? Thế Tôn trả lời tôi: ‘Này Đại Mục-kiền-liên, ban ngày nếu Tỳ-kheo nào đi kinh hành hay ngồi thiền, bằng pháp không chướng ngại, mà tự tịnh tâm mình. Đầu hôm hoặc ngồi hay đi kinh hành, bằng pháp không chướng ngại, mà tự tịnh tâm mình. Vào giữa đêm ra khỏi phòng, rửa chân, trở vào nằm nghiêng sang hông bên phải, hai chân xếp lên nhau, cột niệm vào tướng sáng, chánh niệm, chánh trí, nghĩ muốn trời dậy. Đến cuối đêm, thức dậy từ từ, hoặc ngồi hay đi kinh hành, bằng pháp không chướng ngại, mà tự tịnh tâm mình. Này Đại Mục-kiền-liên, đó gọi là Tỳ-kheo ân cần tinh tấn’”³³¹.

331. Linh Sơn Pháp Bảo Đại Tạng Kinh Tập VI, Bộ A Hàm VI, Kinh Tập A Hàm Số 2, Tập A Hàm Quyển 18, Kinh 503, Hội Văn hóa Giáo dục Linh Sơn Đài Bắc, Taiwan, 2000, trang 122~123

(No. 506). Bảy giờ bốn chúng đã qua ba tháng an cư, lại cùng nhau đến chỗ Tôn giả Đại Mục-kiền-liên, cúi đầu lễ dưới chân Tôn giả, rồi ngồi lui qua một bên. Bảy giờ, Tôn giả Đại Mục-kiền-liên vì bốn chúng mà nói pháp, khai thị, chỉ giáo, khích lệ, khiến cho hoan hỷ. Sau khi khai thị, chỉ giáo, khích lệ, khiến cho hoan hỷ, Tôn giả ngồi im. Khi ấy, bốn chúng từ chỗ ngồi đứng dậy, đánh lễ và thưa với Tôn giả Đại Mục-kiền-liên:

“Tôn giả Đại Mục-kiền-liên nên biết, chúng tôi không được gặp Đức Thế Tôn đã lâu, lòng rất khao khát muốn gặp Đức Thế Tôn. Xin Tôn giả Đại Mục-kiền-liên nếu không mệt mỏi, hãy vì chúng tôi mà lên cõi trời Tam thập tam, thay cho chúng tôi hầu thăm Đức Thế Tôn, có được ít bệnh ít nã, đi đứng an lạc, nhẹ nhàng không? Và Tôn giả bạch với Đức Thế Tôn là bốn chúng ở Diêm-phù-đề mong muốn gặp Thế Tôn, nhưng vì không có thần lực để bay lên cõi trời Tam thập tam kính lễ Đức Thế Tôn được, còn trời Tam thập tam vì có thần lực nên họ đi xuống nhân gian! Cúi xin Đức Thế Tôn rủ lòng thương xót trở lại cõi Diêm-phù-đề”.

Tôn giả Mục-kiền-liên im lặng nhận lời. Khi bốn chúng biết Tôn giả Đại Mục-kiền-liên đã im lặng nhận lời rồi, thì mỗi người từ chỗ ngồi đứng dậy làm lễ ra về.

Bảy giờ Tôn giả Mục-kiền-liên biết bốn chúng đã đi, liền nhập định, trong khoảnh khắc như đại lực sĩ co duỗi cánh tay, từ nước Xá-vệ biến mất, hiện ra trên tảng đá

mềm xộp màu xám, tại cõi trời Tam thập tam, cách cây Ba-lê-da-đa-la, loại cây đàn hương Câu-tỳ-đa-la, không xa.

Bảy giờ, Đức Thế Tôn đang thuyết pháp với vô lượng quyến thuộc của Thiên chúng cõi trời Tam thập tam đang vây quanh. Tôn giả Mục-kiền-liên vừa trông thấy Đức Thế Tôn, liền hân hoan vui mừng, nghĩ rằng: ‘Nay Thế Tôn thuyết pháp cho đại chúng chư Thiên đang vây quanh, không khác gì chúng hội ở cõi Diêm-phù-đề’...³³²

(No. 571). Một thời, Phật ở trong rừng Am-la tại làng Am-la, cùng chúng Tăng gồm các vị Tỳ-kheo Thượng tọa. Bảy giờ trưởng giả Chát-đa-la đến chỗ các Thượng tọa, cúi đầu đánh lễ dưới chân, rồi ngồi lui qua một bên, thưa với các Thượng tọa:

“Xin thỉnh các Tôn giả nhận lời mời của con đến trại bò thọ thực”.

Các Thượng tọa im lặng nhận lời mời. Trưởng giả Chát-đa-la biết các Thượng tọa im lặng nhận lời rồi, liền vội vàng trở về nhà. Suốt đêm trưởng giả chuẩn bị đầy đủ các thứ đồ ăn thức uống, sáng sớm sắp xếp chỗ ngồi, rồi sai người đến thưa với các Thượng tọa biết đã đến giờ.

332. Linh Sơn Pháp Bảo Đại Tạng Kinh Tập VI, Bộ A Hàm VI, Kinh Tập A Hàm Số 2, Tập A Hàm Quyển 19, Kinh 506, Hội Văn hóa Giáo dục Linh Sơn Đài Bắc, Taiwan, 2000, trang 128-219.

Các Thượng tọa đắp y mang bát đến nhà trưởng giả Chát-đa-la trong thôn trại bò. Khi đã ngồi xong, trưởng giả Chát-đa-la tự tay dâng các thứ đồ ăn thức uống cúng dường. Sau khi các Thượng tọa thọ trai, súc miệng, rửa bát xong, trưởng giả Chát-đa-la trải một chỗ ngồi thấp trước các Thượng tọa để nghe pháp.

Bấy giờ, các Thượng tọa vì trưởng giả mà nói pháp, khai thị, chỉ giáo, soi sáng, làm cho hoan hỷ. Sau khi khai thị, chỉ giáo, soi sáng, làm cho hoan hỷ, các Thượng tọa rời chỗ ngồi đứng dậy ra đi. Trưởng giả Chát-đa-la cũng đi theo sau. Các Thượng tọa vì ăn mật, tô, lạc, quá no, lúc ấy vào tháng cuối xuân, trời nóng bức, nên đi đường rất mệt nhọc.

Bấy giờ có Tỳ-kheo hạ tọa tên là Ma-ha-ca thưa với các vị Thượng tọa: “Hôm nay trời quá oi bức, con muốn nổi mây mưa và gió mát có được không?”

Các Thượng tọa đáp: “Ngươi có thể làm như vậy thì tốt lắm”.

Ma-ha-ca liền nhập tam-muội bằng chánh thọ như vậy, liền khi đó mây nổi, mưa nhẹ và gió mát từ bốn phương thổi tới. Đến cửa tinh xá, Tôn giả Ma-ha-ca hỏi các Thượng tọa: “Việc làm này có thể dừng lại được chưa?”

Các Thượng tọa đáp: “Hãy dừng đi”.

Lúc ấy, Ma-ha-ca liền ngưng thần thông, rồi trở về phòng riêng. Trong khi đó trưởng giả Chát-đa-la nghĩ

thâm: Vị Tỳ-kheo tối hạ tọa mà có thể có sức thần thông lớn như thế, huống chi là các bậc trung tọa, thượng tọa. Nghĩ như thế liền đánh lễ chân các Tỳ-kheo Thượng tọa, rồi đi theo Tỳ-kheo Ma-ha-ca đến phòng của Tỳ-kheo này, làm lễ Tôn giả Ma-ha-ca, rồi ngồi lui qua một bên thưa:

“Thưa Tôn giả, con muốn được thấy sự hóa hiện thần túc siêu quá người thường của Tôn giả”.

Tôn giả Ma-ha-ca nói: “Trưởng giả chớ nên thấy, sẽ sợ hãi!”

Ba lần thỉnh, ba lần Tôn giả đều từ chối. Trưởng giả lại thỉnh nữa: “Xin Tôn giả cho xem thần thông biến hóa”.

Tôn giả Ma-ha-ca bảo trưởng giả: “Thôi ông hãy ra ngoài, lấy cỏ khô và củi gom lại một đống, rồi đem tám đệm trùm lên trên”.

Trưởng giả Chất-đa-la y theo lời dạy của Tôn giả, ra ngoài gom củi thành đống, rồi đến thưa Tôn giả: “Đống củi đã có và con đã phủ lên bằng một tám đệm”.

Tôn giả Ma-ha-ca liền nhập tam-muội hỏa quang, từ lỗ trống then cửa phát ra ngọn lửa. Lửa đốt trụi đống củi, chỉ có tám đệm trắng không cháy. Tôn giả bảo trưởng giả: “Nay ông thấy không?”

“Đã thấy, thưa Tôn giả, thật là kỳ diệu!”

Tôn giả Ma-ha-ca bảo trưởng giả: “Ông nên biết, đây đều do không buông lung làm gốc, không buông lung mà tập khởi, không buông lung mà sanh, không buông lung mà chuyển. Do không buông lung nên được Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác. Nay Trưởng giả, thế nên việc này cùng với công đức khác, tất cả đều do không buông lung làm gốc, không buông lung mà tập khởi, không buông lung mà sanh, không buông lung mà chuyển. Do không buông lung nên được Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác và những pháp đạo phẩm khác”.

Trưởng giả Chất-đa-la thưa với Tôn giả Ma-ha-ca: “Xin Tôn giả ở luôn trong rừng này, con sẽ trọn đời cúng dường y phục, thức ăn và thuốc men tùy bệnh”.

Tôn giả Ma-ha-ca vì có việc phải đi nên không nhận lời mời của trưởng giả.

Trưởng giả Chất-đa-la nghe pháp xong, tùy hỷ, hoan hỷ, liền từ chỗ ngồi đứng lên làm lễ rồi đi.

Tôn giả Ma-ha-ca không muốn làm cho người cúng dường lợi dưỡng trở thành tội chướng, nên Tôn giả vội vã từ chỗ ngồi đứng dậy ra đi không trở lại.³³³

(No. 1074). Khi ấy Uất-bè-la Ca-diếp liền nhập chánh thọ, do sức thần túc, hướng về phương Đông, bay

333. Linh Sơn Pháp Bảo Đại Tạng Kinh Tập VI, Bộ A Hàm VI, Kinh Tạp A Hàm Số 2, Tạp A Hàm Quyển 21, Kinh 571, Hội Văn hóa Giáo dục Linh Sơn Đài Bắc, Taiwan, 2000, trang 211~213.

lên hư không, hiện ra bốn thứ thân biến: đi, đứng, nằm, ngồi. Vào trong lửa tam-muội, toàn thân rỗng sáng tỏa ra sắc xanh, vàng, đỏ, trắng, pha lê, sắc hồng. Trên thân ra nước, dưới thân ra lửa, trở lại thiêu đốt thân. Trên thân ra nước để tưới nước lên thân. Hoặc trên thân ra lửa để đốt thân kia; dưới thân tuôn nước để tưới ướt thân. Hiện bày các thứ thân thông biến hóa xong³³⁴.

(No. 1076). Khi ấy, Tôn giả Đà-phiêu Ma-la Tử liền ở trước Phật nhập tam-muội, bằng chánh thọ như vậy, hướng về phương Đông, Tôn giả bay lên hư không hiện bốn oai nghi đi, đứng, nằm, ngồi, nhập vào tam-muội lửa, dưới thân phát ra lửa, cả thân rỗng sáng; ánh sáng chiếu khắp các màu xanh, vàng, đỏ, trắng, pha lê, hồng. Dưới thân ra lửa, trở lại thiêu thân. Trên thân ra nước tưới ướt trên thân. Hoặc trên thân ra lửa thiêu đốt thân, dưới thân ra nước tưới ướt trên thân. Khắp cả mười phương hiện bày các sự biến hóa xong, Tôn giả liền ở trong hư không, trong thân phát ra lửa tự thiêu thân vào Vô dư Niết-bàn, tiêu tận, tịch diệt, khiến không còn sót một mảy bụi, ví như trong hư không thắp cây đèn, dầu, tim đều hết. Đà-phiêu Ma-la Tử ở trong hư không đã nhập diệt, thân tâm đều bật hết cũng như thế³³⁵.

334. Linh Sơn Pháp Bảo Đại Tạng Kinh Tập VI, Bộ A Hàm VI, Kinh Tạng A Hàm Số 2, Tạng A Hàm Quyền 38, Kinh 1.074, Hội Văn hóa Giáo dục Linh Sơn Đài Bắc, Taiwan, 2000, trang 840.

335. Linh Sơn Pháp Bảo Đại Tạng Kinh Tập VI, Bộ A Hàm VI, Kinh Tạng A Hàm Số 2, Tạng A Hàm Quyền 38, Kinh 1.076, Hội Văn hóa Giáo dục Linh Sơn Đài Bắc, Taiwan, 2000, trang 844~845.

213. Thọ ký

(No. 936). “Ma-ha-nam, thế nào là lời thọ ký tối hậu? Bách Thủ họ Thích mệnh chung, Thế Tôn thọ ký người này đắc Tu-đà-hoàn, không rơi vào pháp đường ác, nhất định hướng thẳng Chánh giác, còn bảy lần qua lại trời, người, cứu cánh thoát khổ. Nhưng Bách Thủ họ Thích phạm giới uống rượu mà Thế Tôn lại thọ ký người này đắc Tu-đà-hoàn... *cho đến* cứu cánh thoát khổ. Nay Ma-ha-nam, ông nên đến hỏi Phật rồi như những gì Phật dạy, chúng ta sẽ vâng theo”³³⁶.

214. Trụ vào chỗ thánh trụ

(No. 502). “Khi Đức Thế Tôn ở thành Vương xá, tôi ở trong núi Kỳ-xà-quật, một mình ở chỗ vắng nghĩ như vậy: ‘Thế nào gọi là Thánh trụ?’ Lại nghĩ tiếp: ‘Nếu có Tỳ-kheo nào không niệm tất cả tướng, vô tướng, tự thân tác chứng, thành tựu và an trú chánh thọ vô tướng tâm, thì đó gọi là Thánh trụ’. Tôi lại nghĩ: ‘Ta nên ở nơi Thánh trụ này, không niệm tất cả tướng, tự thân tác chứng, thành tựu và an trú chánh thọ vô tướng tâm’, và an trụ nhiều lần. Sau khi đã an trụ nhiều rồi, tâm chấp tướng lại sanh’. Bấy giờ, Đức Thế Tôn biết ý nghĩ trong tâm tôi, trong khoảnh khắc như lực sĩ co duỗi cánh tay

336. Linh Sơn Pháp Bảo Đại Tạng Kinh Tập VI, Bộ A Hàm VI, Kinh Tập A Hàm Số 2, Tập A Hàm Quyển 33, Kinh 936, Hội Văn hóa Giáo dục Linh Sơn Đài Bắc, Taiwan, 2000, trang 644.

dùng sức thần thông biến mất ở tinh xá Trúc viên và hiện ra ở núi Kỳ-xà-quật, đến trước tôi, nói tôi rằng: ‘Này Mục-kiền-liên, ông nên trụ nơi sự an trụ của bậc Thánh, chớ sanh buồn lung’. Tôi nghe Đức Thế Tôn dạy xong, liền lia tất cả tướng, tự thân tác chứng, thành tựu và an trú chánh thọ vô tướng tâm. Ba lần như vậy; Thế Tôn cũng ba lần đến dạy tôi: ‘Ngươi nên an trụ nơi Thánh trụ, chớ sanh buồn lung’. Tôi nghe xong, liền xa lia tất cả tướng, tự thân tác chứng, thành tựu và an trú chánh thọ vô tướng tâm.

“Các Đại đức, nếu nói chân chính, con của Phật sanh từ miệng Phật, hóa sanh từ pháp, thừa hưởng gia tài Phật pháp, thì chính thân tôi là người này. Vì sao? Tôi là con của Phật sanh từ miệng Phật, hóa sanh từ pháp, thừa hưởng gia tài Phật pháp; bằng chút phương tiện mà được thiên, giải thoát, tam-muội, chánh thọ. Ví như thái tử lớn của Chuyển luân Thánh vương, tuy chưa làm lễ quán đảnh nhưng đã được hưởng vương pháp, không tinh cần phương tiện, mà có thể được năm dục công đức. Tôi cũng như vậy, là con của Phật, không tinh cần phương tiện, mà có thể được thiên, giải thoát, tam-muội, chánh thọ. Trong vòng một ngày Đức Thế Tôn đã ba lần dùng thần thông đến chỗ tôi, ba lần dạy dỗ tôi, đem chỗ của bậc Đại nhân kiến lập cho tôi”³³⁷.

337. Linh Sơn Pháp Bảo Đại Tạng Kinh Tập VI, Bộ A Hàm VI, Kinh Tập A Hàm Số 2, Tập A Hàm Quyển 18, Kinh 502, Hội Văn hóa Giáo dục Linh Sơn Đài Bắc, Taiwan, 2000, trang 119~120.

215. Tự lợi có nghĩa là lợi tha; Lợi tha cũng có nghĩa tự lợi

(No. 619). Thời quá khứ có một nghệ sư leo phướn, dựng cột phướn trên vai và bảo học trò: ‘Các con hãy leo lên, leo xuống cột phướn. Hãy hộ trì ta, ta cũng hộ trì các con; thay đổi nhau mà hộ trì, đi dạo làm trò vui, chúng ta sẽ kiếm được nhiều tiền của’. Lúc ấy, người học trò bạch thầy: ‘Không bằng nói như vậy: Chỉ cần mỗi người tự chăm sóc hộ trì chính mình, đi dạo làm trò vui, thì sẽ kiếm được nhiều tiền của, thân được thư thả an ổn mà lên xuống’. Ông thầy đáp: ‘Đúng như lời con nói, mỗi người phải tự chăm sóc hộ trì chính mình. Nhưng nghĩa này cũng như ta đã nói. Khi hộ trì mình, tức là hộ trì người khác. Khi hộ trì người khác cũng là hộ trì chính mình’.

“Tâm tự thân cận, tu tập; tùy sự hộ trì mà tác chúng. Đó gọi là tự hộ trì mình tức là hộ trì người. Thế nào là tự hộ trì mình tức là hộ trì người? Không khùng bố người khác, không chống trái người khác, không hại người khác, có từ tâm thương xót người. Đó gọi là tự hộ trì mình tức là hộ trì người. Cho nên các Tỳ-kheo cần phải học như vậy. Người tự hộ trì là tu tập bốn Niệm xứ. Hộ trì người cũng là tu tập bốn Niệm xứ”³³⁸.

338. Linh Sơn Pháp Bảo Đại Tạng Kinh Tập VI, Bộ A Hàm VI, Kinh Tập A Hàm Số 2, Tập A Hàm Quyển 24, Kinh 619, Hội Văn hóa Giáo dục Linh Sơn Đài Bắc, Taiwan, 2000, trang 316~317.

216. Vô vi

(No. 890). Bấy giờ Đức Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo: “Ta sẽ vì các ông nói về pháp Vô vi cùng đạo tích vô vi, hãy lắng nghe và suy nghĩ kỹ.

“Thế nào là pháp Vô vi? Tham dục vĩnh viễn chấm dứt; sân nhuế, ngu si vĩnh viễn chấm dứt; tất cả phiền não vĩnh viễn chấm dứt. Đó gọi là pháp Vô vi.

“Thế nào là Đạo tích vô vi? Tám Thánh đạo phần: Chánh kiến, chánh trí, chánh ngữ, chánh nghiệp, chánh mạng, chánh phương tiện, chánh niệm, chánh định. Đó gọi là Đạo tích vô vi³³⁹.

217. Phương pháp lý luận của đức Phật

(No. 969). Một thời Đức Phật ở trong vườn Trúc, khu Ca-lan-đà tại thành Vương Xá. Bấy giờ có tu sĩ ngoại đạo là Trường Trảo đến chỗ Phật, cùng Thế Tôn chào hỏi an úy xong, ngồi lui qua một bên, bạch Phật: “Thưa Cù-đàm, tôi không chấp nhận mọi sở kiến”.

Phật bảo: “Này Hỏa chủng, ông nói không chấp nhận mọi sở kiến, vậy sở kiến này cũng chẳng chấp nhận luôn chẳng?”

339. Linh Sơn Pháp Bảo Đại Tạng Kinh Tập VI, Bộ A Hàm VI, Kinh Tập A Hàm Số 2, Tập A Hàm Quyển 31, Kinh 890, Hội Văn hóa Giáo dục Linh Sơn Đài Bắc, Taiwan, 2000, trang 572.

Trường Trảo ngoại đạo nói: “Đã nói không chấp nhận mọi sở kiến thì cái sở kiến này cũng không chấp nhận”.

Phật bảo Hỏa chủng: “Biết như vậy, thấy như vậy thì sở kiến này đã đoạn, đã xả, đã lìa, các sở kiến khác không còn tương tục, không khởi, không sanh. Nay Hỏa chủng, nhiều người có cùng sở kiến như ông. Nhiều người cũng thấy như vậy, nói như vậy, ông cùng với họ giống nhau. Nay Hỏa chủng, nếu Sa-môn, Bà-la-môn nào xả bỏ các kiến chấp kia, các kiến chấp khác không khởi, thì hàng Sa-môn, Bà-la-môn này rất ít có ở thế gian.

“Nay Hỏa chủng, y cứ vào ba loại kiến. Những gì là ba? Có người thấy như vậy, nói như vậy: ‘Tôi chấp nhận tất cả’. Lại có người thấy như vậy, nói như vậy: ‘Tôi không chấp nhận tất cả’. Lại có người thấy như vậy, nói như vậy: ‘Tôi chấp nhận một phần, không chấp nhận một phần’.

“Nay Hỏa chủng, nếu chủ trương chấp nhận tất cả, kiến chấp này cùng sanh với tham, chẳng phải không tham; cùng sanh với nhuế, chẳng phải không nhuế; cùng sanh với si, chẳng phải không si; ràng buộc, chẳng lìa ràng buộc; phiền não, chẳng thanh tịnh; ái lạc, chấp thủ, nhiễm trước sanh. Hay nếu có kiến chấp như vậy: ‘Ta không chấp nhận tất cả’, kiến chấp này chẳng cùng sanh với tham, chẳng cùng sanh với nhuế, chẳng cùng sanh với si; thanh tịnh, không phiền não; lìa ràng buộc, chẳng

ràng buộc; không ái lạc, không chấp thủ, không nhiễm trước sanh. Nay Hỏa chủng, hay nếu có kiên chấp như vậy: ‘Ta chấp nhận một phần, không chấp nhận một phần’; vậy nếu chấp nhận thì câu hữu với tham, ... *cho đến* sanh nhiễm trước; còn nếu không chấp nhận thì ly tham... *cho đến* không sanh nhiễm trước. Đa văn Thánh đệ tử kia nên học: ‘Nếu ta thấy như vậy, nói như vậy: ‘Ta chấp nhận tất cả’, sẽ bị hai hạng người chê trách và cật vấn. Những gì là hai? Người không chấp nhận tất cả và người một phần chấp nhận, một phần không chấp nhận. Họ sẽ bị hai hạng người này chê trách. Vì bị chê trách nên bị cật vấn. Vì bị cật vấn nên bị hại. Kiến chấp kia vì bị chê trách, bị cật vấn, bị phá hại nên họ xả bỏ kiến chấp đó, còn những kiến chấp khác thì không còn sanh trở lại. Cũng vậy đoạn kiến, xả kiến, ly kiến, các kiến khác, không còn tương tục, không khởi, không sanh.

“Đa văn Thánh đệ tử kia nên học như vậy: ‘Nếu ta thấy như vậy, nói như vậy: ‘Tất cả không chấp nhận’, sẽ bị hai hạng người chê trách và hai hạng người cật vấn. Những gì là hai? Người chấp nhận tất cả và người một phần chấp nhận, một phần không chấp nhận. Hai hạng người chê trách và cật vấn như vậy, ‘... *cho đến* không tương tục, không khởi, không sanh’.

“Đa văn Thánh đệ tử kia nên học như vậy: ‘Nếu ta thấy như vậy, nói như vậy: ‘Ta một phần chấp nhận, một phần không chấp nhận’, sẽ bị hai hạng người chê trách, hai hạng người cật vấn. Những gì là hai? Là người thấy

như vậy, nói như vậy: ‘Ta chấp nhận tất cả và không chấp nhận tất cả’. Hai trường hợp bị trách như vậy, ‘... *cho đến* không tương tục, không khởi, không sanh’.

“Lại nữa, Hỏa chủng, thân có sắc gồm bốn đại thô kệch như vậy, Thánh đệ tử nên quán vô thường, quán sanh diệt, quán ly dục, quán diệt tận, quán xả. Nếu Thánh đệ tử sống mà luôn quán vô thường, quán sanh diệt, quán ly dục, quán diệt tận, quán xả, thì sống đời thân kia sự tham dục thuộc về thân, sự nhớ tưởng về thân, cảm thọ về thân, sự nhiễm về thân, sự đắm trước về thân vĩnh viễn diệt trừ không còn³⁴⁰.

(No. 52). Đa văn Thánh đệ tử ở nơi sắc thấy chẳng phải ngã, chẳng phải khác ngã, chẳng ở trong nhau. Đó gọi là quán chánh xác như thật. Thọ, tưởng, hành, thức cũng lại như vậy”.

Phật bảo các Tỳ-kheo: “Sắc là thường hay vô thường?”

Các Tỳ-kheo bạch Phật: “Thế Tôn, là vô thường”.

Lại bảo các Tỳ-kheo: “Vô thường là khổ chẳng?”

Các Tỳ-kheo bạch Phật: “Thế Tôn, là khổ”.

340. Linh Sơn Pháp Bảo Đại Tạng Kinh Tập VI, Bộ A Hàm VI, Kinh Tập A Hàm Số 2, Tập A Hàm Quyển 34, Kinh 969, Hội Văn hóa Giáo dục Linh Sơn Đài Bắc, Taiwan, 2000, trang 690-692.

“Tỳ-kheo, nếu vô thường, khô là pháp biến dịch, vậy thì đa văn Thánh đệ tử ở trong đó có thấy có ngã, khác ngã, hay ở trong nhau không?”

Các Tỳ-kheo bạch Phật: “Thế Tôn, không”...³⁴¹

218. Mẹ và con

(No. 758). “Này các Tỳ-kheo, có ba sự sợ hãi của con không mẹ mà phạm phu ngu si, không học đã nói. Những gì là ba? Này các Tỳ-kheo, khi có binh biến loạn lạc xảy ra, tàn hại đất nước, bị sóng cuốn theo dòng, con thất lạc mẹ, mẹ thất lạc con. Đó gọi là sự sợ hãi của con không mẹ thứ nhất, mà kẻ phạm ngu si, vô học nói.

“Lại nữa, này Tỳ-kheo, khi có hỏa hoạn lớn bất chợt xảy ra, thiêu đốt thành ấp, xóm làng; dân chúng chạy loạn khắp nơi, mẹ con thất lạc nhau. Đó gọi là sự sợ hãi của con không mẹ thứ hai mà kẻ phạm ngu si, vô học đã nói.

“Lại nữa, Tỳ-kheo, có một lúc trong núi có mưa to, nước lớn đổ ra, làm tràn ngập xóm làng, dân chúng lánh chạy khắp nơi, mẹ con thất lạc nhau. Đó gọi sự sợ hãi

341. Linh Sơn Pháp Bảo Đại Tạng Kinh Tập V, Bộ A Hàm V, Trung A Hàm Biệt Dịch & Kinh Tập A Hàm Số 1, Tập A Hàm Quyển 3 - Kinh 52, Hội Văn hóa Giáo dục Linh Sơn Đài Bắc - Taiwan, 2000, trang 631.

của con không mẹ thứ ba, mà kẻ phàm ngu si, vô học đã nói”³⁴².

219. Con ngựa tốt

(No. 922). Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo: “Thế gian có bốn loại ngựa tốt. Có loại ngựa tốt đóng vào xe làm xe thăng bằng, nhìn thấy bóng roi liền chạy nhanh, biết cách nhìn những động tác người điều khiển, nhanh chậm, phải trái theo ý người điều khiển. Đây Tỳ-kheo, đó là cái đức thứ nhất của con ngựa tốt thế gian.

“Lại nữa, Tỳ-kheo, thế gian có loại ngựa tốt không thể nhìn bóng roi mà tự sợ hãi, nhưng nếu dùng roi gây chạm vào lông đuôi của nó, có thể làm cho nó sợ hãi chạy nhanh, tùy theo ý của người điều khiển mà chạy nhanh hay chậm, bên phải hay bên trái. Đó gọi là loại ngựa tốt thứ hai thế gian.

“Lại nữa, Tỳ-kheo, hoặc thế gian có loại ngựa tốt không thể nhìn bóng roi hay để chạm vào lông da mới có thể theo ý người, mà phải dùng đến roi gây đánh nhẹ vào da thịt, mới có thể sợ hãi chạy, theo ý người điều khiển, chạy nhanh hay chậm, bên phải hay bên trái, đây Tỳ-kheo, đó gọi là ngựa tốt thứ ba.

342. Linh Sơn Pháp Bảo Đại Tạng Kinh Tập VI, Bộ A Hàm VI, Kinh Tập A Hàm Số 2, Tập A Hàm Quyển 28, Kinh 758, Hội Văn hóa Giáo dục Linh Sơn Đài Bắc, Taiwan, 2000, trang 447~448.

“Lại nữa, Tỳ-kheo, thế gian có loại ngựa tốt không thể nhìn bóng roi và chạm vào lông da, hay đánh nhẹ vào da thịt, mà phải dùng dùi sắt đâm vào thân, xuyên suốt qua da, đã thương xương cốt, khi đó ngựa mới kinh hãi kéo xe, trên đường chậm hay nhanh, phải hay trái theo ý người điều khiển, đó gọi là loại ngựa tốt thứ tư của thế gian.

“Cũng vậy, trong Chánh pháp luật cũng có bốn hàng thiện nam. Những gì là bốn? Hàng thiện nam khi nghe những người nam người nữ chòm xóm láng giềng khác bị tật bệnh khốn khổ cho đến sắp chết; nghe vậy liền phát sanh lòng sợ hãi với chánh tư duy, như con ngựa tốt kia chỉ cần nhìn bóng roi là điều khiển nó được. Đó gọi là hàng thiện nam thứ nhất ở trong Chánh pháp luật có khả năng tự điều phục.

“Lại nữa, có hàng thiện nam không do nghe những người nam người nữ chòm xóm láng giềng khác bị khổ vì lão bệnh tử sanh lòng sợ hãi với chánh tư duy, nhưng phải thấy những người nam người nữ chòm xóm láng giềng khác bị khổ vì lão bệnh tử thì mới sanh lòng sợ hãi với chánh tư duy, như con ngựa tốt kia cần chạm vào lông đuôi của nó, thì có thể nhanh chóng điều phục theo ý người điều khiển. Đó gọi là hàng thiện nam thứ hai ở trong Chánh pháp luật có khả năng tự điều phục.

“Lại nữa, có hàng thiện nam không do nghe, thấy những người nam người nữ chòm xóm láng giềng khác bị khổ

vì lão bệnh tử mà sanh lòng sợ hãi với chánh tư duy; nhưng vì thấy thành ấp chòm xóm có những người quen biết, thân thuộc bị khổ vì lão bệnh tử nên sanh lòng sợ hãi với chánh tư duy. Như con ngựa tốt kia, phải bị roi chạm vào da thịt, sau đó mới chịu theo ý điều phục người điều khiển, đó gọi là hàng thiện nam ở trong Chánh pháp luật có thể tự điều phục.

“Lại nữa, có hàng thiện nam không do nghe thấy những người nam nữ chòm xóm láng giềng khác và những người thân thuộc bị khổ vì lão bệnh tử nên sanh lòng sợ hãi với chánh tư duy; nhưng chính tự thân bị khổ vì lão bệnh tử mới sanh lòng nhàm tởm sợ hãi với chánh tư duy. Như con ngựa tốt kia, phải bị đâm vào da thịt thấu xương cốt, sau đó mới chịu theo ý điều phục của người điều khiển, thì đó gọi là hàng thiện nam thứ tư ở trong Chánh pháp luật có thể tự điều phục”³⁴³.

220. Thế Tôn thăm và giảng dạy cho người bệnh

(No. 1023~1038)

(No.1030: Thăm ngài Cấp-cô-độc bị bệnh)

Thế Tôn nghe tin này, sáng sớm Ngài đắp y, ôm bát vào thành Xá-vệ khát thực, theo thứ tự khát thực đến nhà

343. Linh Sơn Pháp Bảo Đại Tạng Kinh Tập VI, Bộ A Hàm VI, Kinh Tập A Hàm Số 2, Tập A Hàm Quyển 33, Kinh 922, Hội Văn hóa Giáo dục Linh Sơn Đài Bắc, Taiwan, 2000, trang 618~619.

gia chủ Cấp-cô-độc. Gia chủ từ xa trông thấy Thế Tôn, vịn giường muốn dậy, Thế Tôn thấy thế liền bảo: “Gia chủ, chớ dậy mà tăng bệnh khổ”.

Thế Tôn ngồi xuống rồi bảo gia chủ: “Thế nào gia chủ? Bệnh có thể chịu được không? Thân bệnh, đau đớn tăng hay giảm?”

Gia chủ bạch Phật: “Bạch Thế Tôn, rất đau đớn, khó chịu nổi!... *cho đến* nói ba thọ, *chi tiết như kinh Sai-ma... cho đến* “... cảm thọ khổ chỉ tăng chứ không giảm”.

Phật bảo gia chủ: “Nên học như vậy: Đối với Phật có tín thanh tịnh bất hoại, đối với Pháp, Tăng, có tín thanh tịnh bất hoại và thành tựu Thánh giới”.

Gia chủ bạch Phật: “Nhu Thế Tôn đã dạy về bốn bất hoại tịnh. Con có pháp này, trong pháp này có con. Bạch Thế Tôn, nay đối với Phật con có lòng tin thanh tịnh bất hoại, đối với Pháp, Tăng có lòng tin thanh tịnh bất hoại và thành tựu Thánh giới”.

Phật bảo gia chủ: “Lành thay! Lành thay!” Rồi liền thọ ký cho gia chủ đắc quả A-na-hàm.

Gia chủ bạch Phật: “Hôm nay, con xin cung thỉnh Thế Tôn thọ thực ở đây”.

Bấy giờ, Thế Tôn im lặng nhận lời. Gia chủ liền dạy tôi tớ sửa soạn các thứ đồ ăn thức uống tinh khiết, ngon lành cúng dường Thế Tôn. Thế Tôn thọ thực xong, vì gia

chủ nói đủ các pháp, chỉ dạy, soi sáng, làm cho an vui, rồi từ khỏi chỗ ngồi đứng dậy ra về³⁴⁴.

221. Khất thực

(No. 1083). Một thời Đức Phật ở nơi giảng đường Trùng các, bên ao Di-hầu, tại nước Tỳ-xá-ly. Bấy giờ sáng sớm, có nhiều Tỳ-kheo đắp y, ôm bát, vào thành Tỳ-xá-ly khất thực. Khi đó, có một Tỳ-kheo tuổi trẻ, xuất gia chưa bao lâu, không rành Pháp luật, nên lúc khất thực không biết thứ tự trước sau; các Tỳ-kheo khác thấy vậy nói với vị ấy:

“Thầy tuổi còn trẻ, mới xuất gia, chưa biết Pháp luật: không được đi vượt qua, không được đi ngang hàng. Đi khất thực mà trước sau không theo thứ tự, trường kỳ sẽ chịu khổ, không bao giờ được lợi ích”.

Tỳ-kheo tuổi trẻ thưa: “Các Thượng tọa cũng vượt thứ lớp, không theo trước sau, đâu phải chỉ một mình tôi”.

Đã ba lần như vậy, vẫn không thể làm cho vị ấy dừng lại. Các Tỳ-kheo đi khất thực xong, trở về tinh xá cất y bát, rửa chân xong, đến chỗ Phật đánh lễ dưới chân Phật, ngồi lui ra một bên, bạch Phật: “Bạch Thế Tôn, sáng sớm

344. Linh Sơn Pháp Bảo Đại Tạng Kinh Tập VI, Bộ A Hàm VI, Kinh Tập A Hàm Số 2, Tập A Hàm Quyển 37, Kinh 1.030, Hội Văn hóa Giáo dục Linh Sơn Đài Bắc, Taiwan, 2000, trang 788-789.

chúng con đáp y, ôm bát vào thành Tỳ-xá-ly khát thực, có một Tỳ-kheo tuổi trẻ xuất gia nơi Pháp luật này chưa bao lâu, khi đi khát thực không theo thứ tự trước sau, lại đi ngang hàng. Các Tỳ-kheo đã ba lần can gián nhưng vẫn không chịu, mà nói rằng: ‘Các Thượng tọa cũng không có thứ tự sao lại rầy tôi?’ Các Tỳ-kheo chúng con đã ba lần răn nhắc, vẫn không chịu nghe nên đến bạch Thế Tôn, xin Thế Tôn vì thương xót mà dẹp trừ điều phi pháp”.

Phật bảo các Tỳ-kheo: “Nhu trong đầm không, có hồ nước lớn, có một long tượng to ở trong đó, nhỏ những củ rễ, rửa sạch bùn đất sau đó ăn chúng. Ăn rồi thì thân thể mập mạp, sung sức và đầy hạnh phúc. Vì lý do này nên luôn sống lạc sướng. Có một con voi thuộc chủng tộc khác, hình thể gầy yếu, bắt chước long tượng kia, nhỏ củ rễ, nhưng rửa không sạch, còn để lẫn bùn đất mà ăn. Ăn vào không tiêu, thân thể không mập mạp mà trở thành gầy yếu, vì vậy dẫn đến chỗ chết, hoặc khổ gần chết.

“Cũng vậy, Tỳ-kheo tôn túc, đức độ, học đạo lâu ngày, không ưa thích đùa giỡn, tu phạm hạnh đã lâu, được Đại sư khen ngợi; cũng được các vị tu phạm hạnh trí khác lại càng khen ngợi hơn. Các Tỳ-kheo này nương nơi thành ấp, làng xóm; sáng sớm đắp y, ôm bát đi khát thực, khéo giữ gìn thân miệng, khéo nhiếp các căn, chuyên tâm cột niệm, có thể khiến người nào không tin phát lòng tin, người đã có lòng tin sẽ không biến đổi. Khi được tài lợi, y phục, đồ ăn, thức uống, giường nằm, thuốc

men; vị ấy không nhiễm, không đắm, không tham, không ham, không mê, không theo đuổi; mà thấy được lỗi lầm, tai hại, thấy sự xuất ly chúng, sau đó mới dùng. Ăn xong, thân tâm đều đượm vẻ an lạc, sắc được tươi, sức được khỏe. Vì nhân duyên này Tỳ-kheo luôn luôn được an lạc.

“Tỳ-kheo tuổi trẻ kia xuất gia chưa được bao lâu, chưa quen rành Pháp luật, y theo các bậc Trưởng lão, nương vào nơi làng xóm. Khi đắp y, ôm bát vào thôn khát thực, mà không khéo hộ thân, không giữ gìn các căn, không chuyên cột niệm, không thể khiến cho người chưa tin phát lòng tin và người đã tin không thay đổi. Nếu được tài lợi, y phục, đồ ăn, thức uống, ngoại cụ, thuốc men; mà sanh nhiễm, đắm, tham lam, đeo đuổi, không thấy lỗi lầm, tai hại, không thấy sự thoát ly, vì tâm tham nếm thức ăn này, nên không thể làm cho thân lạc tươi, an ổn, sung sướng được. Vì ăn như vậy nên chuyên đến cái chết, hoặc khổ giống như chết. Nói là chết có nghĩa là xả giới, hoàn tục, mất Chánh pháp, Chánh luật. Khổ giống như chết nghĩa là phạm Chánh pháp luật, không biết tội tướng, không biết trừ tội”³⁴⁵.

345. Linh Sơn Pháp Bảo Đại Tạng Kinh Tập VI, Bộ A Hàm VI, Kinh Tập A Hàm Số 2, Tập A Hàm Quyển 39, Kinh 1.083, Hội Văn hóa Giáo dục Linh Sơn Đài Bắc, Taiwan, 2000, trang 861~863.